

ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ
(1936 - 2025)

Tái bản lần thứ 2, có bổ sung

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

**CUỐN SÁCH “LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ
TẬP I (1930 - 2054)” SƠ THẢO xuất bản năm 1991**

Chịu trách nhiệm xuất bản: Chu Văn Nhân

Biên soạn: Hà Đức Toàn, Nguyễn Xuân Minh

Đọc bản thảo lần cuối: Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Bắc Thái

Bìa: Hoàng Trường

Sửa bản in: Kim Hồng

Ảnh: Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Bắc Thái

**CUỐN SÁCH “LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ
TẬP II (1955 - 2095)” xuất bản năm 2000**

Ban Chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn:

Nguyễn Văn Chất - Trưởng ban

Nguyễn Xuân Ninh - Phó ban thường trực

Nguyễn Anh Từ - Phó ban

Trần Xuân Thực - Ủy viên

Ma Đức Ty - Ủy viên

Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Văn Chất

Biên soạn:

TS. Sử học Nguyễn Xuân Minh - Chủ biên, Chương II

Vũ Thanh Khôi - Chương I

Nguyễn Thu Huyền, Nguyễn Xuân Hùng - Chương III

Phạm Tất Quỳnh - Chương IV

Ảnh tư liệu: Ban Tuyên giáo Huyện ủy và Lịch sử Đảng tỉnh

Bìa: Thế Ngự

Sửa bản in: Vũ Thanh Khôi, Trần Xuân Thực

**CUỐN SÁCH “LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ
(1936 - 2015)” xuất bản năm 2015**

Chỉ đạo thực hiện

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ

Chịu trách nhiệm xuất bản

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ

KHÓA XXII, NHIỆM KỲ 2010 - 2015

Ban Chỉ đạo

1. Đồng chí Nguyễn Văn Nhân	Bí thư Huyện ủy	Trưởng ban
2. Đồng chí Phạm Duy Hùng	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy	
3. Đồng chí Nguyễn Hải Đường	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện	Phó Trưởng ban Thường trực
4. Đồng chí Ngô Ngọc Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Phó Trưởng ban
5. Đồng chí Cao Việt Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy	Ủy viên Thường trực
6. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hà	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy	Ủy viên
7. Đồng chí Bùi Văn Minh	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy	Ủy viên
8. Đồng chí Dương Thị Bấy	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch HĐND huyện	Ủy viên
9. Đồng chí Trương Mạnh Kiểm	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện	Ủy viên
10. Đồng chí Nguyễn Thị Nguyên	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện	Ủy viên
11. Đồng chí Ngô Tuấn Hải	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Công an huyện	Ủy viên
12. Đồng chí Dương Ngọc Khánh	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự huyện	Ủy viên
12. Đồng chí Ngô Thế Bình	Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy	Ủy viên
13. Đồng chí Hoàng Thị Bạch Yến	Huyện ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện	Ủy viên
14. Đồng chí Bùi Văn Vượng	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Ủy viên

Tổ Chính lý, biên soạn, sưu tầm tư liệu

1. Đồng chí Ngô Ngọc Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Tổ trưởng
2. Đồng chí Bùi Văn Vượng	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Tổ phó
3. Đồng chí Lê Văn Quỳnh	Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Truyền thông Văn hóa Việt	Tổ phó
4. Đồng chí Hoàng Thị Bạch Yến	Huyện ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện	Ủy viên
5. Đồng chí Ngô Thế Bình	Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy	Ủy viên
6. Đồng chí Nguyễn Tiến Dũng	Huyện ủy viên, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện	Ủy viên
7. Đồng chí Lý Vũ Duy	Huyện ủy viên, Chủ tịch LĐLĐ huyện	Ủy viên
8. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hưng	Huyện ủy viên, Trưởng phòng VH - TT huyện	Ủy viên
9. Đồng chí Trịnh Quốc Việt	Huyện ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Huyện ủy	Ủy viên
10. Đồng chí Trần Đăng Minh	Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	Ủy viên
11. Đồng chí Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện	Ủy viên
12. Đồng chí Lê Minh Ngọc	Chủ tịch Hội Nông dân huyện	Ủy viên
13. Đồng chí Trương Thị Kim Thanh	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	Ủy viên
14. Đồng chí Hầu Việt Dũng	Chính trị viên BCH Quân sự huyện	Ủy viên
15. Đồng chí Bùi Thọ Đáng	Phó Trưởng Công an huyện	Ủy viên
16. Đồng chí Nguyễn Thị Hợp	Trưởng Đài TT - TH huyện	Ủy viên
17. Đồng chí Nguyễn Thị Như Quỳnh	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Ủy viên

**CUỐN SÁCH “LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ
(1936 - 2025)”**

(Tái bản có chỉnh lý, bổ sung xuất bản năm 2025)

**Chịu trách nhiệm nội dung
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ
KHÓA XXIV, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

Ban Chỉ đạo

1. Đồng chí Nguyễn Thành Minh	Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh, Bí thư Huyện ủy Đại Từ	Trưởng ban
2. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hoạt	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện	Phó Trưởng Ban Thường trực
3. Đồng chí Nguyễn Nam Tiến	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện	Phó Trưởng ban
4. Đồng chí Nguyễn Hữu Quyết	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện	Ủy viên Thường trực
5. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy	Ủy viên
6. Đồng chí Hoàng Thị Bạch Yến	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện	Ủy viên
7. Đồng chí Nguyễn Thanh Tùng	Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy	Ủy viên
8. Đồng chí Trương Thị Kim Thanh	Huyện ủy viên, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy	Ủy viên

Tổ Giúp việc

1. Đồng chí Nguyễn Hữu Quyết	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện	Tổ trưởng
2. Đồng chí Trương Thị Kim Thanh	Huyện ủy viên, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy	Tổ phó
3. Đồng chí Nguyễn Thanh Tùng	Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy	Tổ phó
4. Đồng chí Đặng Cương Quyết	Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	Tổ phó
5. Đồng chí Nguyễn Thị Mai Hương	Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Ủy viên
6. Đồng chí Lê Thị Phương Chi	Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy	

7. Đồng chí Nguyễn Thị Như Quỳnh	Phó Chánh Văn phòng Huyện ủy	Ủy viên
8. Đồng chí Đàm Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy	
9. Đồng chí Dương Thị Hồng Vân	Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện	Ủy viên
10. Đồng chí Vũ Tuấn Anh	Chuyên viên Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy	Ủy viên
11. Đồng chí Hoàng Thị Thảo	Kế toán Văn phòng Huyện ủy	Ủy viên

Đơn vị tái bản có chỉnh lý, bổ sung

VIỆN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA VIỆT

Chỉnh lý, biên soạn: Vũ Thanh Khôi, Nguyễn Thanh Bình

LỜI GIỚI THIỆU

Đại Từ là huyện miền núi, nằm ở khu vực phía tây tỉnh Thái Nguyên. Trái dài phía tây là dãy núi Tam Đảo hùng vĩ; trái rộng phía nam là hồ Núi Cốc mênh mông; đã tạo nên miền đất Đại Từ non xanh, nước biếc, phong cảnh hữu tình. Trải qua hàng ngàn năm đấu tranh và xây dựng, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã xây đắp nên truyền thống yêu nước, anh dũng chống giặc ngoại xâm, truyền thống lao động cần cù, sáng tạo và truyền thống văn hoá phong phú, đặc sắc.

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Mùa thu năm 1936, cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên thành lập ở xã La Bằng, huyện Đại Từ, mở ra một trang mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Thái Nguyên.

Trong thời kỳ vận động Cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945), Đại Từ nằm trong Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc, địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân và nhiều cán bộ cách mạng. Đầu tháng 4/1945, chính quyền tay sai phát xít Nhật bị đập tan, chính quyền cách mạng huyện Đại Từ được thành lập.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), huyện Đại Từ là An toàn khu (ATK) Trung ương - nơi nhiều cơ quan Trung ương, quân đội đặt trụ sở làm việc, chỉ đạo kháng chiến. Nhiều sự kiện lịch sử đã diễn ra trên đất Đại Từ. Đầu năm 1946, Đảng bộ huyện Đại Từ được thành lập, lãnh đạo nhân dân địa

phương hăng hái tham gia kháng chiến kiến quốc, góp phần to lớn cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phát huy truyền thống anh hùng, quân và dân huyện Đại Từ vừa sản xuất, vừa chiến đấu, hết lòng chi viện tiền tuyến với tinh thần *Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược; Thóc thừa cân, quân thừa người*, đã có nhiều đóng góp to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Trong thời kỳ đất nước ta thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ, với ý chí tự lực tự cường, phát huy cao độ tiềm năng, thế mạnh, sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu, giành được những thành tựu to lớn, đưa Đại Từ trở thành huyện có kinh tế phát triển nhanh, mạnh mẽ, ngày càng lớn mạnh; văn hóa - xã hội phát triển; an ninh - quốc phòng ổn định; quê hương Đại Từ ngày càng giàu đẹp.

Để khắc ghi truyền thống lịch sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ qua các thời kỳ lịch sử, Ban Thường vụ Huyện ủy các nhiệm kỳ trước đây đã 3 lần chỉ đạo tổ chức biên soạn, xuất bản sách lịch

sử Đảng bộ huyện Đại Từ (vào các năm 1991, 2000 và 2015). Những cuốn sách này đã nhận được sự đánh giá cao và nhiều ý kiến góp ý của bạn đọc.

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, viết bổ sung để hoàn chỉnh lịch sử hoạt động vẻ vang của Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ quyết định tổ chức nghiên cứu, chỉnh lý, biên soạn bổ sung, xuất bản sách **Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (1936 - 2025)**.

Nhân dịp sách **Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (1936 - 2025)** xuất bản, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ xin chân thành cảm ơn Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, cán bộ, đảng viên, nhân dân huyện Đại Từ đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu; cảm ơn các tác giả đã tận tâm, tận lực hoàn thành bản thảo cuốn sách có chất lượng cao và nhiều ý nghĩa này. Do vấn đề thời gian và tư liệu, cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, rất mong được quý bạn đọc thông cảm.

Xin trân trọng giới thiệu với đồng chí, đồng bào cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (1936 - 2025).

Ngày 19 tháng 5 năm 2025

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN

BÍ THƯ

Nguyễn Thành Minh

MỞ ĐẦU

ĐẠI TỪ - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

I. Điều kiện tự nhiên và địa danh, địa giới qua các thời kỳ lịch sử

Huyện Đại Từ nằm ở khu vực phía tây của tỉnh Thái Nguyên; phía đông giáp huyện Phú Lương, phía tây giáp 2 tỉnh Tuyên Quang và Vĩnh Phúc, phía nam giáp thành phố Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên, phía bắc giáp huyện Định Hóa. Trung tâm huyện - thị trấn Hùng Sơn cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 24km về phía tây bắc. Dãy núi Tam Đảo chạy theo hướng tây bắc - đông nam là địa giới tự nhiên của huyện Đại Từ (cũng là địa giới của tỉnh Thái Nguyên) với 2 tỉnh Tuyên Quang và Vĩnh Phúc.

Tên gọi huyện Đại Từ đã có từ lâu đời. Vùng đất huyện Đại Từ ngày nay, thời Hùng Vương thuộc bộ Vũ Định (một trong 15 bộ của nước Văn Lang). Thời nhà Tiền Lý (544 - 602), đất Đại Từ thuộc nước Vạn Xuân do Lý Bí (Lý Nam Đế) sáng lập. Trong thời nhà Lý (đầu thế kỷ XI - đầu thế kỷ XIII), Đại Từ thuộc phủ Phú Lương¹, nước Đại Việt. Vào cuối thời nhà Trần

¹ Phủ Phú Lương thời nhà Lý, là một đơn vị hành chính tương đương với địa bàn các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng (và một số vùng đất lân cận) bây giờ.

(1397) Đại Từ là một trong 11 huyện, châu của trấn Thái Nguyên¹.

Sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (1380 - 1442) là một trong những tác phẩm xưa nhất còn lại của nước ta, ghi: Huyện Đại Từ (năm 1435, thời nhà Lê) là một trong 8 huyện của phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên, thuộc Bắc Đạo.

Năm 1466, nhà Lê chia nước làm 12 thừa tuyên; phần đất phía bắc của huyện Đại Từ được tách ra thành lập huyện Văn Lãng; hai huyện Văn Lãng, Đại Từ thuộc phủ Phú Bình, thừa tuyên Thái Nguyên. Năm 1469, thừa tuyên Thái Nguyên được đổi thành thừa tuyên Ninh Sóc. Đến năm 1490, thừa tuyên Ninh Sóc đổi thành xứ Thái Nguyên, huyện Đại Từ và huyện Văn Lãng thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên.

Năm 1533, xứ Thái Nguyên đổi làm trấn Thái Nguyên; hai huyện Đại Từ, Văn Lãng thuộc phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên.

Vào đầu thời nhà Nguyễn (đầu thế kỷ XIX), Đại Từ thuộc phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên, Bắc Thành. Năm 1831, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh và năm 1835 cắt một số châu, huyện thuộc phủ Phú Bình (tỉnh Thái Nguyên) lập phủ Tông Hóa. Huyện Đại Từ và châu Văn Lãng thuộc phủ này. Ngày 1/8/1922, huyện Văn Lãng sáp nhập trở lại huyện Đại Từ.

¹ Các huyện: Đại Từ, Tư Nông, Yên Đĩnh, Phú Lương Tuyên Hóa, Vũ Lễ, Động Hỷ, Lộng Thạch, Vĩnh Thông, Cẩm Hóa và châu Thái Nguyên.

Ở nửa cuối thập niên thứ 2, thế kỷ XX, huyện Đại Từ có 9 tổng, 38 làng¹. Ở mỗi tổng có một chánh tổng, một phó tổng, một tổng đoàn phụ trách về quân sự. Làng là đơn vị hành chính tương đương với xã nhưng được chia nhỏ hơn. Mỗi làng có một lý trưởng, một hoặc hai phó lý, một hoặc hai trương tuần phụ trách trật tự, tuần phòng đồng ruộng, làng mạc, xã đoàn phụ trách quân sự, xã thủ phụ trách thuế, xã dịch làm tạp vụ, xã rượu làm đại lý rượu cho Pháp.

Trước Tổng khởi nghĩa (tháng 8/1945), Đại Từ cùng với Định Hóa, Sơn Dương là trung tâm của Phân

¹ Theo: Ngô Vi Liễn - *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*: Tổng Ký Phú có 4 làng: Quân Chu, Ký Phú, Văn Yên, Cát Nê (làng Cát Nê trước đây ở tổng Thượng Kết, huyện Phổ Yên, đầu thế kỷ XX được cắt lên Đại Từ và được chia đôi thành làng Cát Nê và làng Quân Chu).

- Tổng Yên Lang có 4 làng: Tràng Lang (nay là xã Vạn Thọ), Lục Ba, Yên Thái (nay là Tân Thái), Yên Thuận (nay thuộc xã Bình Thuận).

- Tổng Hùng Sơn có 5 làng: Hùng Sơn, Bình Khang (nay thuộc xã Bình Thuận), Huy Ngạc (nay thuộc thị trấn Hùng Sơn), Yên Giã và Mỹ Trang (hai làng này kết hợp thành xã Mỹ Yên bây giờ).

- Tổng Tiên Sơn gồm 6 làng: Tiên Hội, Tiên Sơn (nay là xã Tiên Hội), Hoàng Nông, La Bằng, Phú Nghĩa, Khôi Kỳ (hai làng Phú Nghĩa, Khôi Kỳ nay thuộc xã Khôi Kỳ).

- Tổng Thượng Lãm có 3 làng: Thượng Lãm (nay là Phú Cường), Hạ Lãm (nay là Minh Tiến), Na Mao.

- Tổng Thượng Lương gồm 4 làng: Thượng Lương (nay thuộc Phúc Lương), Hạ Lương (nay là Đức Lương), Na Hoàn, Na Thúc (nay thuộc xã Phú Lạc và xã Phú Thịnh).

- Tổng Phú Lạc gồm 4 làng: Phú Lạc Thượng (nay là Phú Lạc), Phú Lạc Hạ (nay thuộc Phú Thịnh và Bản Ngoại), Bản Ngoại, Khâu Giáo (nay thuộc xã Bản Ngoại).

- Tổng Cù Vân gồm 4 làng: Phục Linh (gồm các xã Phục Linh, Hà Thượng, Tân Linh bây giờ), Khúc Lộng và Dựng Tú (nay thuộc xã An Khánh), Cù Vân.

- Tổng Tiên Lãng gồm 4 làng: Vị Xuyên và Tân Phú (nay là xã Phú Xuyên), Văn Lãng và Yên Cư (nay là Yên Lãng).

khu Nguyễn Huệ thuộc Chiến khu Hoàng Hoa Thám, (bao gồm phần đất phía tây sông Cầu lan sang Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái); đầu tháng 4/1945, huyện Đại Từ mang tên là châu Giải Phóng.

Sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền dân chủ nhân dân ở Đại Từ xóa bỏ cấp tổng, sáp nhập 38 làng thành 15 xã¹. Năm 1953, trong giảm tô và cải cách ruộng đất, 15 xã được chia lại thành 29 xã, trong đó: xã Hùng Sơn chia thành 3 xã: Hùng Sơn, Tân Thái, Bình Thuận; xã Phục Linh chia thành 2 xã: Phục Linh và Hà Thượng; xã Trần Phú thành 2 xã: Trần Phú và Độc Lập; xã Vinh Hòa thành 3 xã: Vinh Quang, Phú Thịnh và Hùng Cường; xã Tràng An thành: Phúc Thọ, Lục Ba, Vạn Thọ; xã Phú Cát thành Bình Dân và Ký Phú; xã Văn Cao thành: Phú Xuyên và Yên Lãng; xã Hoàn Sơn thành: Đoàn Kết và Tiến Bộ; xã Phú Cường thành: Phú Cường, Thắng Lợi, Minh Tiến; xã Đức Lương thành 2 xã Phúc Lương và Đức Lương; tên các xã An Mỹ, An Khánh, Cù Vân, Vân Yên, Tân Thành được giữ nguyên.

Ngày 22/4/1965, Quốc hội phê chuẩn Nghị quyết số 103/NQ-UBTVQH, ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc hợp nhất 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Huyện Đại Từ trở

¹ 15 xã gồm: Hùng Sơn, Phục Linh, Trần Phú, Vinh Hoa, Trường An, Phú Cát, Văn Cao, Hoàn Sơn, An Mỹ, Phú Cường, An Khánh, Cù Vân, Vân Yên, Tân Thành, Đức Lương.

thành một đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Bắc Thái. Năm 1997, tỉnh Bắc Thái được tách ra thành Bắc Kạn và Thái Nguyên, huyện Đại Từ trực thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 7/4/1967, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 136-NV Về việc đổi tên một số xã thuộc tỉnh Bắc Thái. Theo đó, huyện Đại Từ có 10 xã được đổi tên. Cụ thể: Các xã An Mỹ đổi thành Mỹ Yên; Bình Dân đổi thành Cát Nê; Đoàn Kết đổi thành Hoàng Nông; Độc Lập đổi thành Tiên Hội, Hùng Cường đổi thành Bản Ngoại; Thắng Lợi đổi thành Na Mao; Trần Phú đổi thành Khôi Kỳ; Tiến Bộ đổi thành La Bằng; Vinh Quang đổi thành Phú Lạc; Tân Thành đổi thành Quân Chu. Riêng xã Hùng Sơn chia thành xã Hùng Sơn và thị trấn Đại Từ. Tuy nhiên, do điều kiện chiến tranh ác liệt, việc đổi tên các xã này, đến năm 1976 mới chính thức được thực hiện.

Ngày 27/10/1967, theo Quyết định số 416-NV, thị trấn Quân Chu được thành lập. Ngày 1/10/1983, xã Phúc Thọ (xã có nhiều diện tích đất đai bị chìm trong lòng hồ Núi Cốc) sáp nhập với các xóm Tân Thắng, Đồng Đăng của xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên), xóm Yên Ninh của xã Phúc Trìu (huyện Đồng Hỷ) thành xã Phúc Tân thuộc huyện Phổ Yên. Cùng ngày, xóm Quyết Tiến (xã Tân Thái) sáp nhập vào xã Bình Thuận (huyện Đại Từ). Năm 1999, xã Tân Linh được thành lập trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Phúc Linh. Theo

Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 13/12/2013 của Chính phủ, thị trấn Hùng Sơn được thành lập trên cơ sở sáp nhập thị trấn Đại Từ và xã Hùng Sơn.

Thực hiện Nghị quyết số 1240/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025, tháng 12/2024, xã Ký Phú và xã Vạn Thọ sáp nhập thành xã Vạn Phú; điều chỉnh một phần diện tích, dân số của xã Na Mao (3,01km², dân số 1.565 người) nhập vào xã Phú Xuyên; nhập phần diện tích và dân số còn lại của xã Na Mao vào xã Phú Cường. Như vậy, hiện nay (4/2025), huyện Đại Từ có 27 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 25 xã: An Khánh, Bản Ngoại, Bình Thuận, Cát Nê, Cù Vân, Đức Lương, Hà Thượng, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Lục Ba, La Bằng, Minh Tiến, Mỹ Yên, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Xuyên, Phúc Lương, Phục Linh, Tân Linh, Tân Thái, Tiên Hội, Vạn Phú, Văn Yên, Yên Lãng và 2 thị trấn: Hùng Sơn (huyện lỵ), Quân Chu.

Địa hình Đại Từ vừa mang đặc điểm miền núi, vừa mang đặc điểm trung du. Ở phía đông nam song song với dãy Tam Đảo có dãy núi Thần Lăn chạy theo hướng đông nam - tây bắc, từ cuối huyện lên đến hồ Núi Cốc rồi qua sông Công tiếp đến núi Vuốt, núi Pháo, lan sang núi Chúa.

Do nằm dọc theo thung lũng phía đông dãy núi Tam Đảo và hệ thống núi thấp (núi Hồng, núi Chúa ở

phía bắc, núi Pháo ở phía đông) nên khí hậu Đại Từ khá ôn hòa, nhiệt độ trung bình hằng năm từ 22⁰C đến 27⁰C; lượng mưa trung bình hằng năm từ 1.800mm đến 2.000mm; mùa nóng thỉnh thoảng có những cơn giông tạo thành lốc xoáy.

Đại Từ có nhiều sông, suối nhỏ, trong đó lớn nhất là sông Công, phát nguyên từ Định Hóa, chảy theo hướng tây bắc - đông nam, dọc suốt từ bắc xuống nam huyện. Đoạn sông Công chảy qua Đại Từ dài gần 24km, bắt đầu từ xã Minh Tiến qua các xã Phú Cường, Phú Thịnh, Bản Ngoại, Tiên Hội, thị trấn Hùng Sơn xuống Tân Thái rồi đổ vào hồ Núi Cốc. Từ núi Tam Đảo và các núi khác, 53 con suối lớn nhỏ cùng đổ vào sông Công. Sông Công và nhiều suối nhỏ chảy qua các chân núi, chân đồi, ven các xóm ở các xã Yên Lãng, Phú Xuyên, La Bằng, Quân Chu, Vạn Phú, Văn Yên... là nguồn nước chủ yếu phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Tuy nhiên, các suối đều ngắn, nước đầu nguồn chảy xiết, mùa mưa thường sinh ra lũ. Riêng ở vùng ven sông Công, gần hồ Núi Cốc, thỉnh thoảng xảy ra lũ lụt gây thiệt hại đáng kể cho nhân dân, có khi cuốn trôi cả cây cối, nhà cửa, phá hỏng cầu cống, gây trở ngại giao thông.

Bên cạnh các dòng chảy tự nhiên, Đại Từ còn có nhiều hồ, đập nhân tạo. Hồ Núi Cốc được xây dựng năm 1973 là hồ lớn nhất tỉnh Thái Nguyên. Bờ đập được đắp cao tới 58m, ngăn dòng sông Công ở đoạn gần núi Cốc

biến thành một hồ chứa nước rộng lớn. Hồ có diện tích 2.500ha, chứa 75 triệu mét khối, đảm bảo cung cấp nước cho các khu công nghiệp thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên và cung cấp nước tưới cho hàng nghìn héc-ta cây công nghiệp của các huyện Đại Từ, Phú Bình, thành phố Sông Công, thành phố Thái Nguyên, thành phố Phổ Yên. Với địa thế một vùng núi non tươi đẹp, hồ Núi Cốc trở thành một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Thái Nguyên, hàng năm đón hàng chục vạn khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, nghỉ mát. Giữa hồ có đảo Cò và nhiều đảo nhỏ tạo nên vẻ đẹp độc đáo. Ven hồ có núi Cốc, núi Tương Tư, núi Đợi Chờ; xa xa có núi Văn, núi Võ... gắn với những di tích lịch sử và những huyền thoại, hấp dẫn du khách.

Ngoài hồ Núi Cốc, Đại Từ còn có các hồ nhân tạo như: Gò Miếu (xã Vạn Phú), Phượng Hoàng (xã Cù Vân), Đoàn Ủy (xã Khôi Kỳ), Vai Bành (xã Phú Xuyên)... Mỗi hồ đảm bảo cung cấp đủ nước tưới cho khoảng 40 - 50ha đất cấy, trồng.

Đại Từ có đồng ruộng phì nhiêu. Những cánh đồng này phần lớn được tưới nước nên cấy lúa được hai vụ (có nơi đã tận dụng đất làm tới hai vụ lúa, một vụ màu trong năm). Ngoài cây lúa còn phát triển các cây màu như khoai, ngô, lạc, các loại rau đậu...

Phần lớn đất nông nghiệp của Đại Từ là đất dốc tụ trên nền đá mẹ gabrô nên việc làm đất thuận lợi. Độ

pH từ 5 - 5,5, phù hợp với gieo trồng cây lương thực và rau màu. Tuy cũng có những cánh đồng sinh lầy, cày bừa khó khăn nhưng nhân dân Đại Từ đã biết đào mương tưới, mương tiêu, cải tạo đất, do đó năng suất lúa và hoa màu không ngừng được nâng cao. Ven triền núi Tam Đảo và các dãy núi khác, nhiều nương bãi được khai phá để trồng chè, mía, sắn, khoai và nhiều loại cây lương thực, cây công nghiệp khác. Trước đây, trên địa bàn huyện có nhiều nông trường chè như Quân Chu, Tân Việt Hoa... Các xã như Phục Linh, Phú Lạc, Phú Xuyên, Mỹ Yên, Minh Tiến... đều có những vùng kinh tế mới do đồng bào miền xuôi lên xây dựng, chủ yếu trồng chè và cây công nghiệp.

Cây chè được trồng ở Đại Từ từ rất sớm. Thời Pháp thuộc đã có những đồn điền nhỏ trồng chè như đồi chè Phủ Khiêm (xã Bình Thuận), đồi chè Đốc Hoán (xã Hà Thượng). Nhưng cây chè thực sự là hàng hóa ở Đại Từ từ năm 1959 khi nông trường Bắc Sơn được thành lập. Từ đó, nhân dân trong huyện khai hoang đẩy mạnh trồng chè, đưa diện tích trồng chè của huyện lên tới hàng nghìn héc-ta.

Rừng núi Đại Từ vốn rất phong phú về chủng loại muông thú và thảo mộc. Các loại gỗ quý như lim, sến, táu, lát... cùng với nhiều loài thú như hổ, báo, gấu, lợn rừng, hươu, nai và các loại chim như công, gà lôi, gà rừng... đến nay không còn hoặc rất hiếm. Nguyên nhân của tình trạng trên là do nạn phá rừng diễn ra trong

nhiều năm trước đây. Hiện nay, việc trồng lại rừng là nhiệm vụ cấp bách và đang được thực hiện có kết quả.

Huyện Đại Từ có 16/27 xã, thị trấn có mỏ và điểm khoáng sản. Than có ở các xã Yên Lãng, Hà Thượng, Phục Linh, Phú Xuyên, Minh Tiến, An Khánh, Cát Nê; 3 mỏ than thuộc xã Hà Thượng, Yên Lãng, An Khánh. Trong đó, than làng Cẩm (xã Hà Thượng) là loại than mỡ dùng để luyện cốc. Trước Cách mạng Tháng Tám, thực dân Pháp đã khai thác theo lối thủ công, lấy những vỉa than dễ khai thác nhất làm cho hiện trường rất phức tạp. Từ năm 1983, được sự giúp đỡ của Liên Xô, mỏ than làng Cẩm được xây dựng có đường hầm to rộng, vào sâu trong lòng đất với những thiết bị hiện đại. Theo số liệu thăm dò, trữ lượng của mỏ là 6 triệu tấn, quy mô khai thác khi đã hoàn thành đảm bảo sản xuất hàng vạn tấn/năm. Than Núi Hồng (xã Yên Lãng) thuộc loại than gầy dùng cho các nhu cầu dân dụng như nung gạch, nung vôi, đun nấu và dùng trong công nghiệp. Theo tính toán, trữ lượng của mỏ than Núi Hồng khoảng 25 triệu tấn. Năm 1966, mỏ bắt đầu được xây dựng. Cả 3 mỏ than này đều do Trung ương quản lý và khai thác, với sản lượng hàng năm từ 100 nghìn tấn đến 200 nghìn tấn. Đặc biệt, Mỏ đa kim Núi Pháo trên địa bàn các xã Hà Thượng, Tân Linh và thị trấn Hùng Sơn, có trữ lượng khoảng 83 triệu tấn gồm nhiều kim loại quý như Vonfram, Fluorspar, Bismuth, đồng, vàng,...được đánh giá là mỏ đa kim lớn thứ 2 trên thế

giới. Nếu chỉ tính riêng lượng VonFram, thì Núi Pháo là mỏ VonFram lớn nhất thế giới. Ngoài ra, Đại Từ còn có một số loại khoáng sản khác như quặng thiếc, quặng ti-tan và quặng sắt, ba-rít, pi-rít... phân bố ở nhiều xã.

Đường giao thông ở Đại Từ tương đối thuận tiện. Theo tài liệu của Công sứ Thái Nguyên Ê-si-na ngày 15/10/1932, Đại Từ có hai đường hàng tỉnh. Đường 13A (nay là Quốc lộ 37) từ Bờ Đậu chạy qua huyện lỵ Đại Từ (nay là thị trấn Hùng Sơn) sang tỉnh Tuyên Quang. Đường số 38 (nay là Tỉnh lộ 261) từ Phổ Yên chạy dọc chân núi Tam Đảo, gặp địa giới Đại Từ ở Quân Chu, rồi qua Cát Nê, Vạn Phú, Lục Ba, Bình Thuận, giao với Quốc lộ 37 ở thị trấn Hùng Sơn.

Ngoài hai con đường trên, hiện nay ở Đại Từ còn có đường từ thị trấn Hùng Sơn đi qua Khôi Kỳ, Mỹ Yên vòng qua Văn Yên gặp Tỉnh lộ 261 ở Ký Phú; đường Bản Ngoại qua Phú Lạc đi Đức Lương đến Phúc Lương rồi kéo dài sang đất Phú Lương để gặp Quốc lộ số 3; đường Cù Vân qua An Khánh ra Quán Triều... Từ những con đường chính kể trên, có những đường rẽ vào các xã trong huyện, ô tô đi lại khá thuận lợi. Trong từng xã cũng có những đường ô tô nối liền các khu dân cư.

Bên cạnh đường bộ, Đại Từ còn có đường sắt Quán Triều - Núi Hồng chạy qua. Tuyến đường sắt chạy song song với Quốc lộ 37, qua các xã Cù Vân, Hà Thượng, thị trấn Hùng Sơn, Tiên Hội, Bản Ngoại, Phú Xuyên, Yên

Lãng đến mỏ than Núi Hồng. Đoạn đường sắt này có 3 ga (Cù Vân, Đại Từ và Núi Hồng) đều nằm trên đất Đại Từ.

Sông Công tuy có nhiều ghềnh thác, nhưng trước đây gỗ, tre, nứa đóng bè có thể xuôi về ngã ba Vát (nơi giáp ranh của phường Thuận Thành (thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên) và xã Trung Giã (huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) vào xã Hợp Thịnh (huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), theo sông Cầu xuống các tỉnh ở đồng bằng Bắc Bộ. Ngày nay, do việc xây dựng đập Núi Cốc nên giao thông thủy dọc theo sông Công không còn hoạt động.

II. Con người và truyền thống

Là vùng đất nắng lắm, mưa nhiều, đất đai màu mỡ, cây cối tươi tốt nên từ xa xưa, vùng đất Đại Từ đã là nơi định cư của nhiều dân tộc. Bản gia phả dòng họ danh tướng Lưu Nhân Chú ở xã Thuận Thượng (nay là xã Văn Yên) cho biết tổ tiên nhiều đời của ông nối tiếp làm quan ở châu, trấn Thái Nguyên và huyện Đại Từ. Điều đó là minh chứng xác thực, từ thời nhà Trần (đầu thế kỷ XIII - cuối thế kỷ XIV), vùng đất Đại Từ đã là nơi quần cư thành làng của nhiều dòng họ, nhiều bộ phận dân cư, dân tộc. Và địa danh Đại Từ, với tư cách là một đơn vị hành chính cấp huyện, thuộc trấn Thái Nguyên, ít nhất cũng đã có từ thời nhà Trần. Năm 1933, dân số của Đại Từ là trên 11,6 nghìn người. Sau ngày toàn quốc kháng chiến (ngày 19/12/1946), đồng bào từ các

tỉnh vùng xuôi, từ các đô thị lên tản cư kháng chiến và cán bộ, bộ đội chuyển đến ở, sau đó sinh cơ, lập nghiệp ở Đại Từ khá nhiều. Tháng 5/1948, dân số toàn huyện có trên 28,4 nghìn người. Trong những năm 60 thế kỷ XX, Đại Từ đã đón tiếp hàng nghìn hộ gia đình từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên... lên phát triển kinh tế miền núi, do đó, đến cuối năm 1968, dân số của huyện lên tới 68.473 người¹. Năm 2006, dân số toàn huyện là trên 16,7 vạn người (tăng thêm 2,7 vạn so với thời điểm năm 1990). Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1/4/2024, số dân huyện Đại Từ là 179.172 người, bao gồm các thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chay, Ngái và một số dân tộc khác, trong đó người Kinh chiếm đa số. Đại Từ là huyện có số dân nhiều thứ ba của tỉnh, chỉ sau thành phố Thái Nguyên, thành phố Phổ Yên.

Người Kinh đã gắn bó với Đại Từ từ lâu đời. Từ thế kỷ XIV (thời nhà Trần), Đại Từ đã là đơn vị hành chính cấp huyện với nhiều làng xã, thuộc trấn Thái Nguyên. Vùng đất này khi đó, đã có dòng họ Lưu ở Thuận Thượng (Văn Yên, Vạn Phú, Mỹ Yên), dòng họ Phạm ở Văn Lãng... Về sau, do việc khai thác đồn điền và hầm mỏ của thực dân Pháp và địa chủ, do chiến tranh và nhiều yếu tố khác, cùng với chủ trương xây

¹ Theo số liệu thống kê ngày 1/10/1968 (trang 3, lưu trữ tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên).

dựng vùng kinh tế mới của Đảng và Nhà nước, nhân dân nhiều tỉnh miền Bắc đã tới Đại Từ xây dựng quê hương mới, trong đó đông nhất là đồng bào có quê gốc ở Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

Người Tày đã sinh sống từ lâu đời ở các xã phía bắc huyện. Hiện nay, nhiều xã ở phía nam huyện vẫn còn tên làng như làng Ruồng (Luông), Nà Ca, La Thông... chứng tỏ từ xa xưa đồng bào Tày đã có mặt ở đây. Về sau, đồng bào Tày và các dân tộc anh em khác từ các tỉnh biên giới cũng chuyển về, đất Đại Từ trở nên đông vui, nhiều dân tộc như ngày nay.

Hiện nay, các xã trong huyện đều có các dân tộc anh em cùng xen canh, xen cư. Việc hôn nhân giữa các dân tộc khác nhau đã trở thành phổ biến.

Trước Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Đại Từ chủ yếu sống bằng nghề làm ruộng, làm nương rẫy. Có một số ít sống bằng nghề thủ công và buôn bán.

Êsina (Công sứ Thái Nguyên) đã nhận xét: *Đây là một huyện đầy hứa hẹn tương lai..., các cánh đồng này đã được tưới bằng mương phai, do cư dân đào lấy vì vậy lúa vụ tháng 5 mỗi năm tăng lên. Việc khai hoang tiến bộ hơn đã làm cho khí hậu địa phương trong lành hơn, việc tưới nước cũng được thuận lợi, nhờ con sông chảy từ tây bắc xuống đông nam và rất nhiều dòng thác chảy xiết từ dãy Tam Đảo đổ xuống... Cải tạo được vùng này, chúng ta sẽ có thể làm cho hầu hết các cánh đồng ở đây*

cấy hai vụ. Những nông phẩm là: ngô, gạo, mía, các loại cây công nghiệp, vỏ ăn trâu, củ nâu... Ngày nay, đất nông nghiệp Đại Từ đang được thâm canh và đạt năng suất cao. Năm 1966, Đại Từ là huyện đầu tiên của tỉnh đạt năng lúa suất bình quân 5 tấn/ha.

Do trồng trọt phát triển và có những điều kiện thuận lợi về tự nhiên nên đàn gia cầm, gia súc của Đại Từ cũng càng ngày càng phát triển. Theo tài liệu thống kê từ thời Pháp thuộc, đàn gia súc ở Đại Từ năm 1932 như sau: 3.200 con trâu, 300 con bò, 40 con ngựa, 5.000 con lợn, 200 con dê. Đến năm 2014, đàn gia súc, gia cầm của huyện đã tăng lên gấp nhiều lần (11.700 con trâu, bò, 55.025 con lợn và hơn 1,12 triệu con gia cầm). Về nuôi cá, ngoài cơ sở nuôi thả lớn ở hồ Núi Cốc, các xã, các gia đình đều có nhiều hồ ao thả cá mang lại nguồn thức ăn và thu nhập đáng kể cho nhân dân. Tuy nhiên, do không được bảo vệ tốt nên lượng cá tự nhiên ở sông suối và đồng ruộng còn lại không nhiều.

Về nghề rừng, các xã ở phía bắc như Phúc Lương, Đức Lương, Minh Tiến, Phú Cường, Na Mao... từ lâu đã có truyền thống vườn rừng gia đình. Ở đây, mỗi gia đình đều có một số đất rừng để trồng cây lấy gỗ và lâm sản phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng đã trở thành tập quán địa phương. Từ năm 1990, huyện thực hiện chính sách giao đất, giao rừng để đất rừng có chủ, phát triển trồng cây và bảo vệ rừng.

Việc trao đổi hàng hóa ở Đại Từ rất thuận tiện. Trước Cách mạng Tháng Tám, cả huyện có 4 chợ đó là chợ Mụ (ở huyện lỵ), chợ Ký Phú, chợ Phú Minh, chợ Văn Lãng. Hiện nay, hầu như xã nào cũng có chợ. Riêng xã Quân Chu có tới hai chợ: Chợ Đền và chợ Chè Đen. Trừ chợ Đại Từ (chợ Mụ trước đây, nay là chợ trung tâm thị trấn Hùng Sơn) họp thường xuyên, các chợ khác mỗi phiên cách nhau 5 ngày.

Đại Từ dưới thời phong kiến có một người đỗ đạt thành tài, làm rạng danh cho dòng họ, quê hương. Đó là tiến sĩ Đồng Doãn Giai (tức Đồng Doãn Khuê). Sinh đầu thế kỷ XVIII tại làng Hùng Sơn, huyện Đại Từ (xứ Thái Nguyên), Đồng Doãn Giai là người học rộng và có tài ứng biến. Khoa Bính Thìn (1736) thời Lê Ý Tông và chúa Trịnh Giang, ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân; sau đó thi Đình thì được Vua phê hợp cách, cho tăng một bậc hàm Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (tức Hoàng giáp). Triều đình bổ nhiệm ông làm quan chức Hàn Lâm hiệu thảo (Tòng thất phẩm, làm việc tu soạn Quốc sử). Về sau ông được sung chức Đốc đồng xứ Lạng Sơn và mất tại nhiệm sở.

Thời Pháp thuộc, huyện chỉ có 3 trường sơ học đặt ở Ký Phú, Hùng Sơn, Phú Minh (nay thuộc Phú Thịnh); 4 lớp hương sư: Lục Ba, Cù Vân, Tân Phú, Yên Giã (nay thuộc Mỹ Yên), sau mở thêm ba lớp hương sư nữa ở Vân Yên (Văn Yên), Tràng Lang (nay thuộc Vạn Phú) và Dụng Tú (nay thuộc An Khánh). Năm 1942,

trên địa bàn mới mở trường kiên bị (trường tiểu học toàn cấp) ở Hùng Sơn, khi có lớp cuối cấp thì cách mạng nổ ra nên chưa kịp tổ chức kỳ thi.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mạng lưới trường lớp được mở ở các xã. Ngoài trường phổ thông còn có các lớp bình dân học vụ để xóa nạn mù chữ và nâng cao dân trí.

Năm 1950, khi bắt đầu thực hiện cải cách giáo dục theo chương trình phổ thông 9 năm, ở Đại Từ có trường phổ thông cấp II. Bên cạnh giáo dục phổ thông, phong trào *diệt dốt* trên địa bàn huyện phát triển mạnh mẽ. Năm 1965, ở Đại Từ có trường phổ thông cấp III. Đến nay, các xã trong huyện đều có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; có nơi có tới 5 trường (như xã Yên Lãng), 8 trường (như thị trấn Hùng Sơn). Với nhiều bước chuyển mình mạnh mẽ theo hướng tích cực trong công tác dạy và học, năm 2005, toàn huyện Đại Từ đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tiến tới phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Năm 2013, huyện được công nhận phổ cập chương trình giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Nhiều học sinh là con em Đại Từ đã tốt nghiệp và đang theo học ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề. Hiện nay, nhiều người đã đạt học hàm, học vị cao.

Về y tế, theo tài liệu năm 1943, cả huyện chỉ có một nhà hộ sinh ở Hùng Sơn với 10 giường bệnh. Nhà

hộ sinh này do một cô đỡ đương tập sự đảm nhiệm. Mãi sau mới có một trạm xá do một y tá phụ trách.

Sự nghiệp y tế được quan tâm nhiều hơn từ sau Cách mạng Tháng Tám. Trước đây, ở Đại Từ có bệnh sốt rét hoành hành rất ác liệt cho nên đã có câu:

“Lử khử lử khử

Chẳng ở Đại Từ

Thì ở Võ Nhai”.

Năm 1958, Đảng và Nhà nước đã tổ chức chiến dịch chống bệnh sốt rét, nhờ đó sức khỏe của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Cùng với phong trào vệ sinh phòng bệnh, bộ mặt nông thôn Đại Từ được thay đổi nhanh chóng. Cuộc sống ở các bản làng lành mạnh, vui tươi.

Đến năm 1964, toàn huyện đã xây dựng được 1 bệnh xá huyện và 14 trạm xá xã. Năm 1965, bệnh xá huyện được tăng cường thêm trang thiết bị khám chữa bệnh và đội ngũ cán bộ y tế, nâng cấp lên thành bệnh viện huyện. Năm 1968, 100% các xã trong huyện đã xây dựng được trạm xá xã. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975), ngành y tế huyện Đại Từ đã đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, cứu chữa những người bị nạn do máy bay Mỹ đánh phá và khám sức khỏe tuyển quân chi viện chiến trường. Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cơ sở vật chất của bệnh viện huyện và các trạm xá xã từng bước được trang bị đầy đủ.

Đại Từ là nơi hội tụ của đồng bào nhiều dân tộc đến từ nhiều địa phương nên sự tiếp xúc, giao lưu, tiếp biến về phong tục tập quán, văn nghệ dân gian của cư dân nơi đây đã góp phần tạo nên một bức tranh văn hóa đa màu sắc, phong phú và đa dạng.

Trước đây, cứ mùa xuân là các làng đều tổ chức lễ hội. Người Kinh có hội xuống đồng, người Tày có hội *lùng tùng* (cũng có nghĩa là xuống đồng), các dân tộc khác cũng có lễ hội. Nhìn chung các lễ hội đều cầu mong cho mùa màng tươi tốt, cuộc sống no đủ, hạnh phúc. Nhiều đền chùa ở Đại Từ thờ Cao Sơn Quý Minh để tưởng nhớ công lao của phò mã Dương Tự Minh thời Lý đã có công dẹp loạn và chống lại giặc phương Bắc kéo sang xâm lấn, giữ vững một miền biên cương Tổ quốc. Trong các lễ hội, ngoài tổ chức tế lễ ở các đình, chùa, còn có các trò vui như đánh cờ người, chơi đu, cướp cờ, đánh vật, ca hát...

Cũng như các địa phương nông nghiệp khác, cư dân Đại Từ thường tổ chức văn nghệ trong lễ hội. Người Kinh xưa có hát ví, hát ống; nay thường hát chèo, chầu văn và hát các ca khúc mới do các nhạc sĩ sáng tác. Hát ống là hát vào một ống nứa, tiếng hát được truyền theo dây chỉ đến tai người nghe như nghe điện thoại ngày nay. Một bên nam, một bên nữ cứ thế hát đối nhau. Người hát, người nghe chỉ cảm nhận qua câu hát mà không biết mặt nhau. Các dân tộc Tày hát then, hát lượn. Người Dao hát Pả dung, thổi kèn Pí lè.

Dân tộc Sán Dìu hát Soọng cô, dân tộc Sán Chay hát Sinh ca... Ngày xuân, ngày vui ở Đại Từ trước đây còn tổ chức các trò chơi dân gian như tung còn, đánh yến, bịt mắt bắt dê, thi kéo co, đẩy gậy.

Kho tàng cổ tích ở Đại Từ cũng phong phú và chưa được khai thác đầy đủ. Đại Từ có nhiều huyền thoại về sông Công, núi Cốc, núi Tiên - giếng Dội; sự tích Cây đa đôi, núi Vuốt... Nhìn chung, văn hóa dân gian ở Đại Từ là văn hóa cộng đồng phù hợp với đặc điểm hội tụ và tiếp xúc trong quá trình hình thành cư dân của huyện.

Trên vùng đất Đại Từ đến tháng 5/2025 đã có 10 di tích được xếp hạng di tích cấp quốc gia, 42 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Các di tích được xếp hạng cấp quốc gia gồm: Di tích Núi Văn - Núi Võ thuộc địa bàn hai xã Ký Phú (nay là Vạn Phú) và Văn Yên, gắn với cuộc đời và sự nghiệp của Lưu Nhân Chú - một danh tướng nổi tiếng trong khởi nghĩa Lam Sơn. Di tích Địa điểm công bố Ngày Thương binh liệt sĩ toàn quốc (27/7/1947) tại xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Hùng Sơn). Di tích nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên tại xã La Bằng. Di tích lịch sử cách mạng Địa điểm thành lập cơ quan chỉ huy Phân khu Nguyễn Huệ nằm trên địa bàn hai xóm Khuôn Nanh và Khuôn Muống (xã Yên Lãng). Di tích Địa điểm nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (năm 1954) tại đồi Thành Trúc, xã Bản Ngoại. Di tích

Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhân dân xã Hùng Sơn (năm 1954 và 1958). Di tích lịch sử Địa điểm thành lập Đội Thanh niên xung phong công tác Trung ương tại xã Yên Lãng. Di tích lịch sử Trường dạy làm báo Huỳnh Thúc Kháng (năm 1949) tại xóm Bờ Dạ, xã Tân Thái. Di tích lịch sử địa điểm tổ chức Đại hội lần thứ nhất của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cứu quốc và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (năm 1950). Di tích lịch sử Địa điểm Lễ nhận Quốc thư đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 1/9/1954) tại Đồi Giang, xã Tiên Hội. Trong số 42 di tích ở Đại từ đã xếp hạng cấp tỉnh có một số di tích lịch sử cách mạng quan trọng như Di tích Địa điểm thành lập Đội du kích Cao Sơn và chùa Thiên Tây Trúc ở thị trấn Quân Chu. Di tích Bác Hồ ở Suối Cát xã Hà Thượng (ngày 22/8/1945). Di tích địa điểm Cơ quan Bộ Quốc phòng - nơi ở làm việc của đồng chí Võ Nguyên Giáp, nơi tổ chức Hội nghị Quân sự toàn quốc lần thứ 3 (tháng 6/1947) ở xã Đức Lương. Di tích đình làng Cướm xã Minh Tiến nơi Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp bàn đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (năm 1949). Di tích nơi ở làm việc của Hội Văn nghệ Việt Nam (1949 - 1951) tại xã Mỹ Yên...

Bên cạnh các di tích được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh, Đại Từ còn có nhiều di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể

quốc gia như: Lễ hội Núi Văn - Núi Võ; nghi lễ Tết nhảy (Nhảng chằm đao), nghi lễ cấp sắc của người Dao. Những di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể góp phần minh chứng cho một Đại Từ giàu truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước và cách mạng.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ còn có truyền thống cần cù trong lao động, dũng cảm trong đấu tranh chống kẻ thù. Người dân Đại Từ đã khai phá đất đai lập nên ruộng đồng, làng bản.

Khi đồng bào miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, nhiều ngành nghề được mở rộng. Nhân dân Đại Từ đã tự sản xuất gạch, ngói, vôi làm vật liệu xây dựng. Nghề mộc (làm nhà, đóng đồ), nghề thợ xây cũng phát triển theo nhịp độ xây dựng của địa phương. Đặc biệt, việc trồng chè, chăm sóc và chế biến chè đã trở thành một nghề có tiếng. Tại Hội chợ triển lãm toàn quốc năm 1983, chè Đại Từ đã đạt Huy chương Vàng.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ tự hào với truyền thống lịch sử vẻ vang của mình. Năm 1410, Đại Từ là nơi nổ ra cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Áo Đỏ (Hồng Y) chống giặc Minh xâm lược. Từ đây cuộc khởi nghĩa lan ra các vùng Việt Bắc, Tây Bắc, đến tận Thanh Hóa, Nghệ An, gây cho giặc Minh tổn thất nặng nề. Trong cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh, tài thao lược của Thượng tướng quân Lưu Nhân Chú đã nổi lên sáng chói, được lưu truyền sử sách. Ở làng Thuận Thượng (xã Văn Yên), dòng họ Lưu Nhân Chú nhiều đời tiếp

nhau dày công rèn luyện thanh gươm, ngọn bút, làm quan dưới thời nhà Trần, nhà Hồ, danh tiếng lừng lẫy một phương. Cha Lưu Nhân Chú là Lưu Trung, làm quan đời nhà Trần; mẹ là bà Lê Thị Ngọc Chân, một người trung hậu và thương người, thường mang của cải trong nhà ban phát cho dân nghèo. Lưu Nhân Chú lớn lên giữa lúc giặc Minh giày xéo đất nước. Không chịu bó tay trước cảnh nước mất, nhà tan, ông đã cùng cha là Lưu Trung và em rể là Phạm Cuồng tìm đường cứu nước. Ba cha con giả làm người buôn dầu, lặn lội vào Lam Sơn (Thanh Hóa) gặp Lê Lợi lúc ấy đang làm phụ đạo chính. Cũng như cha con họ Lưu, người hiền tài khắp nước đều tề tựu về đây để cùng nhau mưu việc lớn.

Mùa xuân năm Bính Thân (1416), Lê Lợi cùng các hào kiệt tổ chức hội thề ở Lũng Nhai. Sau đó, theo kế của Lê Lợi, cha con Lưu Nhân Chú trở về quê hương chiêu mộ những người hiền tài, xây dựng lực lượng để chuẩn bị nổi dậy. Hiện nay ở xã Văn Yên và Ký Phú còn dấu tích nơi luyện quân thuở trước của Lưu Nhân Chú. Đó là núi Quần Ngựa với những đường xoáy tròn ốc từ chân núi lên đỉnh núi, bên cạnh là hồ Tắm Ngựa, núi Xem, núi Cẩm Cò; chếch sang phía bên là ấp Tràng Dương. Theo nhiều nhà nghiên cứu thì đây là Trang Lương (còn gọi là Tàng Lương), tức là nơi tích trữ lương thực của nghĩa quân. Ngay sát núi Quần Ngựa là núi Võ, núi Văn.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ, Lưu Nhân Chú là một danh tướng đã lập được nhiều chiến công dưới lá cờ đại nghĩa của Bình Định Vương Lê Lợi. Tên tuổi ông gắn với những chiến thắng Bồ Đà, Khả Lưu, Tây Đô... Đặc biệt, ông là chủ tướng chỉ huy trận phục kích viện binh nhà Minh ở ải Chi Lăng (Lạng Sơn), diệt hơn 1 vạn tên địch, chặt đầu chủ tướng giặc Minh là Liễu Thăng tại núi Mã Yên. Các trận đánh lớn ở Cần Trạm, Phố Cát và trận quyết chiến thành Xương Giang diệt toàn bộ viện binh giặc đều có công ông. Với những chiến công hiển hách, danh tướng Lưu Nhân Chú đã được Lê Thái Tổ (Lê Lợi) ban phong: Suy Trung Tán Trị, Hiệp mưu dương vũ công thần, Nhập nội kiểm hiệu, Bình Chương quân quốc trọng sự; tước Á hầu, các chức Tể tướng, Nhập nội Tư khấu, Tư không, được ban Quốc tính. Trải qua nhiều thế kỷ, tên tuổi ông vẫn sáng chói, luôn là niềm tự hào của nhân dân Đại Từ.

Phạm Cuống quê xã Văn Lãng, huyện Văn Lãng, nay là xóm Đồng Dùm, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, là con rể Lưu Trung, em rể Lưu Nhân Chú. Ông cùng bố vợ và anh rể tham gia khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, lập nhiều chiến công lớn được vua Lê Thái Tổ phong nhiều chức cao, tước trọng: Tổng quản Quy Hóa trấn chủ quân sự, Suy trung tán trị hiệp mưu bảo chính công thần, Đa Ngự Hải môn kiêm Trấn phụng Tuyên sứ Hành quân Tổng quản, Nhập nội Thiếu úy, lại ban cho Kim ngư đại, tước Quan phục hầu, Trù

quốc công, Thượng tướng quân. Thượng trụ quốc và 500 mẫu ruộng¹.

Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, chính thức mở màn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Sau khi chiếm các tỉnh đồng bằng sông Hồng, ngày 19/3/1884, từ Bắc Ninh giặc Pháp kéo quân lên đánh thành Thái Nguyên. Dù đến giai đoạn này lực lượng triều đình Huế đã suy yếu, tư tưởng đầu hàng đã chiếm ưu thế trong hàng ngũ vua quan nhà Nguyễn, song ở Thái Nguyên, quân và dân ta vẫn chiến đấu dũng cảm bảo vệ từng tấc đất. Chính giặc Pháp đã phải thú nhận: *Ở thành Thái Nguyên, quân Pháp đã vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của quân Việt Nam*².

Dựa vào ưu thế quân số và vũ khí, trận đầu quân giặc đã hạ được thành, nhưng do vấp phải *sức kháng cự mãnh liệt* của quân và dân Thái Nguyên nên ngay sau đó lại phải bỏ thành để rút về Bắc Ninh.

Ngày 10/5/1884, trong lần thứ 3 đánh chiếm thành Thái Nguyên, thực dân Pháp mới dám cho quân đóng lại trong thành. Từ đây, chúng đánh ra các vùng xung quanh, chiếm huyện Đại Từ. Cũng từ đây, nhân

¹ Viện sử học Việt Nam - Sở Văn hóa - Thông tin, *Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú - Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú xã Vân Yên, huyện Đại Từ*, 2001, tr.364.

² Êsina: *Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên* (Tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử tỉnh Bắc Thái).

dân Đại Từ đã liên tiếp hưởng ứng các phong trào yêu nước, chống thực dân Pháp.

Trong 10 năm đầu, thực dân Pháp đã cai trị lãnh thổ theo chế độ quân quản. Sau đó, là chính quyền dân sự. Năm 1900, Pháp chia nhỏ tỉnh Thái Nguyên thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

Về bộ máy cai trị, từ xã đến huyện Pháp vẫn duy trì theo chế độ phong kiến. Ở huyện, bên cạnh chính quyền bản xứ, lại có thêm chỉ huy đồn binh người Pháp có quyền can thiệp vào việc cai trị, làm cho quan đầu huyện chỉ là bù nhìn. Ở tỉnh, viên Công sứ được giao quyền lực rộng lớn, đứng đầu tỉnh về chính trị, quân sự và tư pháp. Công sứ trực tiếp làm Chánh án tòa án đệ nhất cấp (tư pháp với người Âu) và kiêm chức Chánh án tòa án đệ nhị cấp (tư pháp với người bản xứ). Tuy hệ thống quan lại của Nam triều ở tỉnh vẫn có Tuần phủ (Tỉnh trưởng), Án sát (phụ trách tư pháp)... nhưng thực chất quyền hành tập trung vào Công sứ. Viên Giám binh người Pháp cầm đầu một lực lượng to lớn: 200 lính Âu, 2.000 lính khố xanh, khố đỏ, lực lượng đồng (lính địa phương ở tổng và ở huyện). Ở huyện có viên Châu đoàn người Việt chỉ huy bọn lính đồng là loại lính tay sai, nhiều tên rất gian ác.

Nằm trong tay bộ máy cai trị như vậy, thực dân Pháp dùng mọi thủ đoạn để áp bức, bóc lột nhân dân ta.

Trước hết là thuế, ngoài thuế ruộng đất đánh rất nặng, chúng còn thu thuế thân. Thuế thân đánh vào tất cả đàn ông từ 18 đến 60 tuổi. Từ năm 1920 đến năm 1930, số thuế đã tăng lên 2 lần, riêng thuế thân đã tăng lên hơn 2 lần. Ngoài tăng thuế, Pháp còn đặt ra các khoản phụ thu rất vô lý để vơ vét của cải của nhân dân như năm 1931 chúng đặt ra phụ thu 15% vào thuế thân và thuế ruộng. Suu cao thuế nặng đè lên đầu lên cổ người nông dân Đại Từ khiến họ phải bán vợ, đợ con hoặc tha phương cầu thực.

Ngoài việc vơ vét, bóc lột bằng sưu thuế, vấn đề cướp ruộng đất làm đồn điền, làm hầm mỏ, độc quyền về rượu và thuốc phiện càng khiến người dân bất bình và đẩy họ vào con đường bán cùng hóa.

Năm 1932, toàn tỉnh Thái Nguyên có 18 đồn điền lớn của bọn thực dân và tay sai chiếm 27.524ha. Trước Cách mạng, ở Đại Từ có những đồn điền chính: Ga-ri, Bản Ngoại, Tràng Lương, Phú Lạc, Hà Thượng, Hoàng Nông, Mỹ Yên... Riêng ở Đại Từ có đồn điền Đờ-mông-pơ-da sau chuyển cho Ga-ri. Đồn điền Đờ-mông-pơ-da có tới 3.694ha ở nhiều địa điểm trong tỉnh, riêng ở Đại Từ đã chiếm cả một vùng rộng lớn ở xã Bình Thuận và Vạn Thọ ngày nay. Đồn điền Bản Ngoại của Phạm Bá Nhu chiếm 125ha. Ngoài ra, trên địa bàn còn nhiều tiểu đồn điền của địa chủ địa phương.

Hình thức bóc lột ở các đồn điền chủ yếu bằng địa tô. Bình quân mỗi mẫu ruộng ở đồn điền Ga-ri mỗi

năm phải nộp 24 thùng (tương đương 12 nôi thóc). Ở những đồn điền lớn, ngoài chủ đồn điền còn một hệ thống nhân viên giúp việc như thư ký, quản lý..., số người này cũng tham gia với chủ bóc lột nhân dân. Có một số người cũng là tá điền nhưng được chủ tin cậy đã lĩnh nhiều ruộng rồi thuê nhân công canh tác hoặc lại phát canh cho người mới đến hoặc những người yếu thế để kiếm lợi. Loại này gọi là *quá điền*. Như vậy, người nông dân muốn có ruộng làm phải qua nhiều lớp bóc lột. Nhiều khi mùa màng kém, thu hoạch xong, nộp tô xong là hết thóc, người nông dân phải đi vay lãi.

Cho vay lãi là một hình thức bóc lột của người giàu đối với người nghèo, thường thường lãi suất vay tiền là 10% một tháng. Đến hạn không trả được thì *lãi mẹ đẻ lãi con*. Vay thóc lãi cũng như vậy, mỗi năm phải trả gấp đôi. Vay 10 nôi thóc sau một năm phải trả 20 nôi. Nợ chồng chất kiểu ấy đã làm cho nhiều gia đình khuynh gia bại sản.

Về hầm mỏ, ở tỉnh Thái Nguyên, thực dân Pháp đẩy mạnh tìm kiếm khoáng sản và khai thác mỏ. Năm 1932, toàn tỉnh có 25 *nhượng địa khoan vùng để khai thác mỏ*. Riêng ở Đại Từ, chúng khai thác than ở mỏ Làng Cẩm, quặng sắt ở mỏ Cù Vân.

Bọn chủ mỏ sống rất xa hoa. Chúng có cả một hệ thống giúp việc như: cai, ký, mật thám... để kìm kẹp công nhân. Đời sống những người công nhân mỏ than rất khổ sở. Hầm sâu, phương tiện khai thác và bảo hiểm rất thô

so. Suốt ngày công nhân phải sống trong hầm lò, khí độc hại và than bụi vô cùng ảnh hưởng đến sức khỏe, phải đội từng thúng đưa than từ bãi lên xe goòng. Nhiều phụ nữ làm việc đội than quần quật suốt ngày mà đồng lương ít ỏi, lại còn bị đánh đập và hành hạ. Pháp bắt đầu thăm dò các mỏ Núi Hồng (xã Bình Lăng), Dốc Mỏ (giữa Khôi Kỳ và Mỹ Yên) nhưng chưa kịp khai thác.

Ngoài bóc lột nhân dân, thực dân và phong kiến còn áp dụng nhiều chính sách phản động như chia rẽ lương và giáo, giữa đồng bào các dân tộc, giữa người bản địa và người miền xuôi mới lên làm tá điền, làm phu mỏ, giữa các làng, các tổng với nhau. Những hiện tượng thù hằn, phá hoại tài sản, đánh chém nhau thường xảy ra, thậm chí gây đổ máu. Mặc khác, thực dân, phong kiến còn áp dụng chính sách ngu dân, không quan tâm đến mở mang trường học, bệnh xá. So với các địa phương khác ngay cả miền núi lúc bấy giờ số trường, số trạm xá có ở Đại Từ thời đó cũng quá ít. Trình độ văn hóa thấp, đại bộ phận là mù chữ, bệnh tật hoành hành rất ác liệt dẫn đến nạn mê tín dị đoan trầm trọng. Ngoài những biểu hiện thuộc về tín ngưỡng như thờ cúng tổ tiên, đi lễ chùa, nhà thờ còn tồn tại nhiều hình thức mê tín dị đoan như cúng ma, đồng cốt, bói toán, tướng số... gây nhiều phiền hà trong sinh hoạt và mê muội trong hoạt động tinh thần; còn dẫn đến mất đoàn kết, thù ghét nhau. Bọn thống trị lợi dụng mê tín dị đoan để dễ bề cai trị.

Những tệ nạn như rượu chè, thuốc phiện, cờ bạc... rất phổ biến. Chúng còn độc quyền bán rượu buộc người dân phải uống.

Ở Đại Từ thời Pháp thuộc, lực lượng công nhân còn nhỏ bé, đa số nông dân ở các bản làng và nông dân tá điền nghèo khổ rất bất bình với bọn thống trị. Bọn thực dân dựa vào hào lý địa phương để cai trị. Nhiều tên rất xảo quyệt và gian ác. Mặc dù vậy, một số hào lý vẫn có tư tưởng dân tộc, thù ghét bọn thực dân, có đóng góp cho các phong trào chống Pháp.

Vốn có truyền thống yêu nước, lại bị bọn thực dân, phong kiến bóc lột nên nhân dân các dân tộc Đại Từ đã tích cực hưởng ứng các phong trào yêu nước vùng lên chiến đấu chống quân thù.

Phong trào đấu tranh sôi sục trong nhân dân tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước của binh lính Việt Nam trong hàng ngũ giặc. Tuy cầm súng trong hàng ngũ đế quốc song cha mẹ, vợ con họ vẫn là nông dân, vẫn chịu sự bóc lột áp bức của đế quốc và phong kiến. Do đó, nhiều người lính Việt Nam đã không chịu bắn vào người anh em cùng máu đỏ da vàng.

Cuối năm 1892, binh lính đóng ở đồn Hùng Sơn, dưới sự chỉ huy của Cai Bát¹, nổi dậy làm binh biến.

¹ Cai Bát: Tên khai sinh là Nguyễn Văn Bát, quê xã Thịnh Đán, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên), tỉnh Thái Nguyên; là hạ sỹ quan lính bản xứ trong quân đội Pháp, đóng ở đồn Hùng Sơn.

Đồn Hùng Sơn nằm ở huyện lỵ Đại Từ có vị trí quân sự rất đặc địa. Đồn đặt ở trên đỉnh đồi cao, án ngữ ngã ba Đường 13A và Đường 38. Từ vị trí này có thể quan sát được một vùng rộng lớn của các xã Hùng Sơn và Huy Ngạc (nay là thị trấn Hùng Sơn), Yên Bình và Yên Thuận (nay là xã Bình Thuận), Khôi Kỳ, Tiên Hội, Yên Thái (nay là xã Tân Thái). Hỏa lực đặt trên đồi chỉ có súng trường nhưng cũng có thể khống chế huyện lỵ và ngã ba đường giao thông, cả một vùng dân cư rộng lớn và đông đúc nhất huyện; đồng thời phối hợp với lực lượng ở các đồn Lục Ba, Cát Nê... nhằm tiêu diệt lực lượng nghĩa quân từ Yên Thế phát triển sang. Lực lượng của bọn thống trị lúc này đã trải rộng ra cả nước nên rất mỏng. Chúng phải thực hiện chính sách dùng người Việt trị người Việt. Cai Bát là một hạ sỹ quan chỉ huy đồn. Ông rất căm ghét bọn chỉ huy người Pháp và đồng tình với phong trào chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Do đó, ông đã lãnh đạo binh lính nổi dậy chiếm đồn, được nhân dân hưởng lực lượng nghĩa quân phát triển rất nhanh, đến tháng 3/1894 đã lên tới 350 người. Nghĩa quân dựa vào sườn núi Tam Đảo hiểm trở, thuộc địa giới của các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên (nay là tỉnh Vĩnh Phúc), Tuyên Quang, liên tiếp đánh địch từ năm 1892 đến năm 1896.

Năm 1884, cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp ở Yên Thế (tỉnh Bắc Giang) do Đề Năm, từ tháng 4/1892 do Hoàng Hoa Thám (Đề Thám) lãnh đạo bùng nổ mạnh

mẽ. Cuộc khởi nghĩa phát triển, lan rộng sang tỉnh Thái Nguyên. Một vùng đồi núi trải dài dưới chân dãy núi Tam Đảo thuộc địa bàn các huyện Đại Từ, Phổ Yên đã trở thành căn cứ hoạt động của nghĩa quân Đề Thám. Nhiều người dân đã tham gia nghĩa quân. Nhân dân còn tiếp tế lương thực, thực phẩm và dẫn đường cho nghĩa quân hoạt động. Trong những tháng đầu năm 1896, dưới sự chỉ huy của Đề Đình, trên địa bàn Đại Từ, nghĩa quân đã đánh 16 trận, diệt hàng chục tên địch. Quân Pháp đóng ở các đồn Lục Ba, Cát Nê rất sợ tài bắn giỏi và chột ẩn, chột hiện của nghĩa quân. Tuy có đồn binh, quân Pháp vẫn nơm nớp sợ bị tiến công. Ở những làng ven Tam Đảo, nhân dân đã tổ chức đóng góp lương thực, thực phẩm để cung cấp cho nghĩa quân.

Khi Hoàng Hoa Thám mất, hoạt động chống giặc ở Đại Từ tạm thời lắng xuống. Những câu chuyện về chiến tích anh hùng của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám trong vùng còn truyền đến ngày nay.

Ngày 30/8/1917, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Đội Cận và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo bùng nổ. Trong số 163 binh lính tham gia khởi nghĩa, có 9 người quê ở hai huyện Đại Từ, Văn Lãng (nay là huyện Đại Từ)¹.

¹ Danh sách 9 người lính khố xanh quê ở Đại Từ tham gia khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, gồm: Đội nhì Nguyễn Bá Khôi (xã Hùng Sơn), Cai nhất Dương Đình Xuyên (xã La Bằng) và các binh nhì: Dương Văn Lợi, Chu Văn Yên người xã Mỹ Trạng (xã Mỹ Trạng), Nguyễn Văn Phương (xã Ký Phú), Nông Văn Chắm (xã Hạ Lương), Triệu Văn Kinh (xã Hạ Lâm), Lương Văn Ban (xã Vị Xuyên), Trương Văn Minh (xã Thượng Lương).

Nghĩa quân đã làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên được 5 ngày. Khi thực dân Pháp điều quân lên Thái Nguyên đàn áp, do lực lượng chênh lệch, nghĩa quân phải rút ra ngoài tỉnh lỵ, kéo về Đại Từ. Vốn có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, khi nghĩa quân Đội Cấn tới, nhân dân địa phương đã hết lòng giúp đỡ. Đến tháng 1/1918, trong một cuộc chiến đấu với quân Pháp tấn công lên căn cứ tại núi Pháo thuộc xã Cù Vân, Đội Cấn bị thương nặng. Để không rơi vào tay giặc, ông đã tự bắn vào bụng tự sát. Sau hơn nửa năm chiến đấu ngoan cường chống quân xâm lược Pháp, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã kết thúc đầy bi tráng, viết nên một trang vàng trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân Thái Nguyên, nhân dân Việt Nam thời cận đại.

Sẵn có truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường bất khuất chống ngoại xâm, lại bị chế độ thực dân nửa phong kiến áp bức, bóc lột tàn bạo, cuộc sống vô cùng đói khổ, nên khi được ánh sáng cách mạng của Đảng thức tỉnh, nhân dân Đại Từ đã sớm giác ngộ, một lòng theo Đảng đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, giành tự do, hạnh phúc, ấm no.

CHƯƠNG I

SỰ RA ĐỜI CƠ SỞ ĐẢNG ĐẦU TIÊN VÀ QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN Ở ĐẠI TỪ (1936 - 1945)

I. Cơ sở Đảng đầu tiên ra đời và phong trào cách mạng Đại Từ (1936 - 1939)

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), thực dân Pháp ra sức bóc lột các nước thuộc địa để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra trên đất Pháp. Chúng thực hiện kế hoạch khai thác Đông Dương lần thứ hai để vơ vét tài nguyên và bóc lột nhân công, làm giàu cho bọn đế quốc.

Ở tỉnh Thái Nguyên, trong đó có huyện Đại Từ, thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác hầm mỏ, chiếm đất lập đồn điền. Đời sống của nhân dân ta ngày càng thêm cơ cực.

Đầu thế kỷ XX, từ công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, giai cấp công nhân Việt Nam dần hình thành, phát triển và trở thành lực lượng đấu tranh cách mạng kiên quyết. Ở tỉnh Thái Nguyên, đội ngũ giai cấp công nhân cũng hình thành và ngay từ đầu đã là một lực lượng quan trọng trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên.

Giữa lúc ấy, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công (năm 1917) đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của xã hội loài người, mở ra

con đường phát triển mới của phong trào cách mạng vô sản trên thế giới. Nguyễn Ái Quốc trên con đường tìm đường cứu nước đã tìm thấy chân lý của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã khẳng định: *Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ*¹ và ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin tới những người cách mạng Việt Nam. Từ đó, ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã soi rọi con đường cách mạng của nước ta. Có ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và phong trào yêu nước mang tính chất dân tộc và dân chủ sôi nổi trong những năm 1925 - 1926. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập. Các tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập. Đây là một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam.

Có Đảng tiền phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh đã có ảnh hưởng sâu sắc và vang dội trong các tầng lớp nhân dân. Ngọn cờ cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng giương cao có sức mạnh tập hợp, cổ vũ mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân, trước hết là công nhân và nông dân vùng dậy đấu tranh chống thực dân và phong kiến.

¹ Viện Lịch sử Đảng (1985), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.55.

Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ có truyền thống yêu nước, có tinh thần tiếp thu các luồng tư tưởng cách mạng mới, song gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp thu đường lối cách mạng của Đảng. Kể từ sau cuộc nổi dậy của binh lính Thái Nguyên năm 1917, để bảo vệ quyền lợi kinh tế quan trọng, bọn thực dân đế quốc đã tăng cường bộ máy đàn áp. Mật thám địch hoạt động ráo riết, phát hiện tất cả những người lạ mặt, bám sát các hầm mỏ, đồn điền là những nơi tập trung công nhân. Từ ngày thành lập cho đến ngày Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất (năm 1935), tuy cơ sở Đảng của các tỉnh lân cận có hướng hoạt động vào địa phương nhưng đều trở ngại do bọn địch rất xảo quyệt, đã phát hiện ngăn chặn.

Sự ra đời của cơ sở Đảng đầu tiên ở Đại Từ (cũng là cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên) gắn với Chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long Châu (Trung Quốc). Chi bộ Long Châu thành lập tháng 12/1929, lúc đầu chỉ có 3 đảng viên. Chi bộ được giao nhiệm vụ phát triển phong trào hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Đến năm 1932, đồng chí Lê Hồng Phong đến Long Châu tổ chức huấn luyện và sau đó đã kết nạp một số đồng chí vào Đảng, đồng thời công nhận Chi bộ Long Châu do đồng chí Hoàng Đình Giông làm Bí thư.

Năm 1934, Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng được thành lập ở Trung Quốc làm nhiệm vụ như một Ban Chấp hành Trung ương để bắt liên lạc và củng cố các

cơ sở ở trong nước, chuẩn bị cho Đại hội lần thứ nhất của Đảng. Ban lãnh đạo hải ngoại mở rộng phạm vi hoạt động của Chi bộ Long Châu để phát triển phong trào cách mạng trong các dân tộc thiểu số (Chi bộ Long Châu còn được gọi là đặc Khu ủy Cao - Lạng - Thái).

Ngày 27/3/1935, Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất tổ chức tại Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội nhận định: *Thắng lợi rất to lớn trong thời kỳ cải tạo khó khăn là Đảng đại khái đã khôi phục được hệ thống Đảng khắp toàn Đông Dương, đã khôi phục được các tổ chức cơ quan chỉ đạo bị đế quốc phá tan hồi năm 1931. Đảng đã đào tạo được cán bộ mới để thay thế cho chiến sĩ bị chém giết, tù đầy... Tuy số đảng viên còn kém hồi cao trào cách mạng năm 1930 - 1931 nhưng thế lực của Đảng hiện thời đã lan đến các địa hạt hậu tiến, các miền dân tộc thiểu số¹.*

Bên cạnh những thành tích, Đại hội nêu rõ những khuyết điểm, nhược điểm chính của các cấp ủy cơ sở là chưa đặt trọng tâm công tác xây dựng Đảng, phát triển cơ sở cách mạng vào các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, các trung tâm kinh tế, văn hóa; trong Đảng, số đảng viên thành phần xuất thân là nông dân còn chiếm tỷ lệ thấp, chưa đưa được những đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân vào các cơ quan lãnh đạo và chỉ đạo

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đảng, tập I*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, Hà Nội, tr.481.

của Đảng; kỷ luật Đảng chưa chặt chẽ, liên hệ giữa các giai cấp chưa mật thiết...

Trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình, đánh giá đúng thành tích và khuyết điểm, nhược điểm, Đại hội quyết nghị khôi phục các tổ chức Đảng đã bị phá; nối lại liên lạc với các đảng viên đã bị khủng bố, đưa họ trở lại hoạt động; ra sức xây dựng các cơ sở cách mạng và phát triển Đảng vào các xí nghiệp, đồn điền, trung tâm kinh tế, văn hóa, các trục giao thông trọng yếu...

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất, Chi bộ hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương ở Long Châu quyết định đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động.

Quyết định của Chi bộ hải ngoại Long Châu được triển khai giữa lúc tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến thuận lợi. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế Cộng sản (tháng 7/1935), sự nghiệp chống lại hiểm họa của chủ nghĩa phát xít nhanh chóng trở thành phong trào của quần chúng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới. Trong phong trào đó, Mặt trận Bình dân Pháp, do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt giành được thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5/1936. Với kết quả này, một Chính phủ tiến bộ lên cầm quyền ở Pháp. Để phù hợp với tình hình mới, bọn thực dân ở các thuộc địa buộc phải tỏ ra dân chủ, nói lỏng một số mặt không cơ

bản trong quy chế khắc nghiệt của chế độ thuộc địa. Chớp lấy thời cơ thuận lợi này, Đảng ta chủ trương đưa hầu hết cán bộ, đảng viên ở hải ngoại về nước hoạt động.



*Đồng chí Đường Văn Hon
(Nhất Quý) - Đảng viên đầu tiên
của Đảng bộ huyện Đại Từ (kết
nạp năm 1936)*

Tỉnh Thái Nguyên là một tỉnh có nhiều hầm mỏ, đồn điền, tập trung đông công nhân nên được Chi bộ hải ngoại Long Châu chú ý. Một đảng viên có năng lực vận động quần chúng là Đặng Tùng¹ được cử về Thái Nguyên và hoạt động ở La Bằng (Đại Từ). Trong thời gian ở Long Châu, Đặng Tùng được Chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương, do đồng chí Hoàng Đình

¹ Đặng Tùng tên thật là Đinh Ngọc Đạt, ngoài ra còn có các tên: Luân, Con, Pặc Pản Lí (Lã Hồng Tú) sinh quán tại Nà Phế, xã Lê Trung (Hòa An - Cao Bằng). Lúc nhỏ, Đặng Tùng theo học tại trường Pháp - Việt (thị xã Cao Bằng). Tháng 8/1932, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Những năm 1933 - 1934, ông là đảng viên thuộc Đảng bộ Hòa An (Cao Bằng). Đặng Tùng bị bắt ngày 26/8/1935 tại thị xã Cao Bằng. Nhờ mưu trí và dũng cảm, Đặng Tùng đã trốn thoát. Vì bị lộ nên Đảng bộ đã quyết định đưa ông ra hoạt động ở nước ngoài. Cuối năm 1935, ông đến Long Châu và sinh hoạt ở Chi bộ hải ngoại Long Châu.

Giong làm Bí thư, bố trí cho ở nhờ một gia đình dân tộc Nùng họ Đường. Gia đình này có nhiều bà con sinh cơ lập nghiệp ở xã La Bằng (huyện Đại Từ) và huyện Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn). Hằng năm, số bà con này vẫn về quê ở Long Châu nên Đặng Tùng có quen biết. Đặng Tùng bí mật về Cao Bằng rồi đi theo đường công khai xuống Bắc Kạn, đi Đại Từ. Gia đình họ Đường ở La Bằng đón tiếp Đặng Tùng như một người thân quen nên công tác có rất nhiều thuận lợi. Vốn là người có trình độ văn hóa, có năng lực vận động quần chúng nên trong một thời gian ngắn ở Đại Từ, Đặng Tùng đã từ cảm hóa đến giác ngộ anh em họ Đường. Đồng chí Đặng Tùng đã kết nạp Đường Văn Hon (Đường Nhất Quý) vào Đảng Cộng sản Đông Dương cuối năm 1936. Hạt nhân cộng sản đầu tiên của Đại Từ (cũng là của Thái Nguyên) đã được gieo mầm và phát triển. Cơ sở Đảng xã La Bằng ban đầu có 4 đảng viên¹. Đây là tổ chức cơ sở Đảng đầu tiên ở Đại Từ nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung. Sau khi thành lập cơ sở Đảng ở La Bằng, Đặng Tùng lại theo đường liên hệ và bà con họ Đường đến Bắc Sơn rồi qua Võ Nhai tổ chức các cơ sở Đảng. Do nhiều yếu tố tác động, các cơ sở Đảng được tổ chức ở Bắc Sơn và Võ Nhai phát triển mạnh hơn, sau này đã tổ chức vũ trang khởi nghĩa ở Bắc Sơn và thành lập khu du kích Bắc Sơn - Võ Nhai, từ đó ra đời các trung đội Cứu quốc

¹ Theo hồi ký của đồng chí Đường Văn Hon (Đường Nhất Quý) - nguyên Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Đại Từ thì bốn đảng viên lúc ấy là: Đường Văn Hon, Nông Văn Ái, Hoàng Văn Nghiệp, Đường Văn Ngân.

quân, một trong những tổ chức tiền thân của quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ năm 1937 trở đi, cơ sở Đảng ở La Bằng đã phát triển sang Võ Nhai và có sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ. Nhờ đó, phong trào cách mạng ở Đại Từ, Võ Nhai đã gắn bó với nhau, hỗ trợ nhau trong cả quá trình vận động Cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945).

Mặc dù gặp nhiều khó khăn song các đảng viên được kết nạp ở La Bằng vẫn duy trì được phong trào đấu tranh liên tục, đến năm 1938 đã có 6 đảng viên. Các đảng viên này đã lãnh đạo phong trào đấu tranh cho đến khi thành lập chiến khu thời kỳ tiền khởi nghĩa. Mặt khác, một số đảng viên cũng đã từ đây đi tuyên truyền cách mạng ở các nơi khác, đóng góp xứng đáng vào phong trào du kích Bắc Sơn, Võ Nhai.

Cùng với cơ sở Đảng La Bằng, ở đồn điền Ga-ri (Bình Thuận) cũng có một số đồng chí đảng viên ở tỉnh Thái Bình bị địch khủng bố tạm lánh lên đây... Có thời gian, các đồng chí cũng bắt liên lạc được với tổ chức dưới xuôi nhưng do địch tìm kẹp khắc nghiệt, lực lượng quá mỏng nên không hoạt động được.

Từ khi có tổ chức cơ sở Đảng, có cán bộ của Xứ ủy, của Trung ương đi lại, chỉ đạo, phong trào cách mạng trong huyện Đại Từ phát triển từ thấp đến cao. Ban đầu cơ sở Đảng đứng ra thành lập và vận động nhân

dân trong làng bản tham gia Hội tương tế, Hội ái hữu, bề ngoài là để mọi người vào Hội giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn, như tên gọi của nó, nhưng thực chất các đảng viên cộng sản lợi dụng tổ chức hội hè mang tính hợp pháp để tập hợp quần chúng, qua đó giác ngộ, hướng dẫn họ vào con đường cứu nước do Đảng Cộng sản vạch ra.

Giữa năm 1938, đồng chí Hoàng Văn Thụ - cán bộ cao cấp của Đảng được Xứ ủy Bắc Kỳ phân công chỉ đạo củng cố phong trào cách mạng ở Thái Nguyên đã về La Bằng. Đồng chí có nhiều ý kiến quan trọng chỉ đạo về công tác củng cố, phát triển Đảng và phong trào cách mạng đối với cơ sở Đảng La Bằng. Từ những ý kiến chỉ đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở La Bằng tiếp tục được củng cố và phát triển tương đối rộng rãi trong xã và lan rộng sang các xã Hoàng Nông, Bản Ngoại, Tiên Hội...

Thông qua Hội ái hữu, Hội tương tế, tổ chức Đảng La Bằng đã vận động mở các lớp văn hóa, mua và đọc các sách báo công khai của Đảng. Từ năm 1937 đến năm 1939, nhiều tổ chức mua và đọc báo tiến bộ được lập ra ở Đại Từ, Định Hóa.

Song song với các hoạt động hợp pháp đó, cơ sở Đảng còn lãnh đạo chống bắt phu, bắt lính. Thời kỳ này, bọn Pháp làm đường Đèo Khế - Quảng Nạp và đường Đại Từ - Phổ Yên để phục vụ quân sự. Chúng bắt phu làm việc rất cực nhọc, lại đánh đập, đàn áp dã

man. Dân phu Đại Từ đã chống lại bọn cai trị để đòi cải thiện điều kiện làm việc. Hình thức đấu tranh ở Đại Từ tuy còn sơ khai song là sự chuẩn bị để bước sang thời kỳ đấu tranh sôi nổi ở giai đoạn sau.

II. Quá trình vận động cách mạng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền ở Đại Từ (1939 - 1945)

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, lôi cuốn nhân loại vào một cuộc chiến tranh tàn khốc. Để phục vụ chiến tranh, Chính phủ Pháp thi hành chính sách phát xít, cấm sự hoạt động của Đảng Cộng sản và các tổ chức dân chủ, tiến bộ ở chính quốc và các nước thuộc địa của chúng. Ở Đông Dương, chúng thủ tiêu các quyền tự do, dân chủ mà nhân dân vừa giành được ở mức độ nhất định trong thời kỳ mặt trận bình dân. Chúng thẳng tay đàn áp các đảng viên cộng sản và thành viên của các tổ chức dân chủ. Các báo chí tiến bộ bị đóng cửa. Các biện pháp kìm kẹp, khủng bố nhân dân được tăng cường. Hàng loạt chiến sĩ cách mạng và đảng viên bị bắt. Trong các nhà tù như Hỏa Lò (Hà Nội), Côn Đảo, Buôn Mê Thuột, Sơn La, Thái Nguyên, Chợ Chu... rất nhiều chiến sĩ cách mạng bị giam giữ.

Trước tình thế đã thay đổi, ngày 29/9/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra thông báo gửi các cấp bộ Đảng, phác họa sự chuyển biến về chỉ đạo chiến lược và đề ra những công tác lớn phải tiến hành như chuẩn bị đối phó với bắt lính,

chống mộ phu... Đầu tháng 11/1939, Ban Chấp hành Trung ương họp tại xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình thế giới và tình hình Đông Dương, Hội nghị nhận định: *Cuộc thế giới để quốc chiến tranh sẽ làm cho đế quốc chủ nghĩa ngày càng suy yếu dần, trái lại vì sự đau đớn, thê thảm do chiến tranh gây nên phong trào cách mạng thế giới ngày càng to rộng, mạnh mẽ, những lò lửa cách mạng tất nhiên cũng bùng cháy... bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận là da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng độc lập* ¹. Về hình thức đấu tranh, Hội nghị đã nêu rõ: *Mặt trận dân chủ Đông Dương thích hợp với hoàn cảnh trước kia, nay không thích hợp nữa. Ngày nay phải thành lập mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập* ². Hội nghị chủ trương thay khẩu hiệu cách mạng ruộng đất bằng khẩu hiệu tịch ký ruộng đất của thực dân Pháp và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, thay khẩu hiệu chính phủ Xô viết

¹ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1977), *Văn kiện Đảng (1939 - 1945)*, Hà Nội, tr.55-56.

² Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1977), *Văn kiện Đảng (1939 - 1945)*, Hà Nội, tr.55-56.

công nông binh bằng khẩu hiệu chính phủ *Cộng hòa dân chủ*.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11/1939 chỉ rõ sự chuyển hướng về chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng, vạch ra phương hướng mới để toàn Đảng, toàn dân chuẩn bị vùng lên giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phong trào cách mạng ở Thái Nguyên đã kịp thời chuyển hướng từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật. Đội ngũ cán bộ đảng viên được bố trí, sắp xếp lại nhằm tránh mũi nhọn khủng bố của kẻ thù và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở địa phương.

Cuối năm 1939, một số cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng ở Bắc Sơn - Võ Nhai bị địch phát hiện và khủng bố. Địch phát hiện ra đồng chí Đường Nhất Quý (người đảng viên đầu tiên của cơ sở Đảng La Bằng - Đại Từ) đã đem tài liệu cách mạng sang Bắc Sơn - Võ Nhai nên chúng tìm cách lùng bắt.

Lúc ấy ở Đại Từ, cơ sở cách mạng đã từ La Bằng lan rộng ra các xã Bản Ngoại, Na Mao, Yên Lãng, Vị Xuyên (Phú Xuyên), Phú Thịnh. Ở các cơ sở này đã tổ chức được những người có tâm huyết yêu nước thương nòi hoạt động cách mạng, những đồng chí trung kiên nhất sau này đã được tổ chức vào Đảng.

Cuối năm 1939, đồng chí Đường Nhất Quý bị bắt giam ở Lạng Sơn. Sau đó, chúng đưa đồng chí về địa phương thẩm vấn nhưng không có tài liệu xác đáng nên phải thả. Tuy được tự do nhưng bọn mật thám vẫn tiếp tục theo dõi đồng chí gắt gao. Việc liên hệ với các tiểu tổ cách mạng và hoạt động vì vậy gặp nhiều khó khăn. Bọn địch đã ra lệnh cấm nhân dân đọc sách tiến bộ, cấm hội họp đông người, nhưng các đồng chí đảng viên cộng sản kiên cường thời đó như Đường Nhất Quý, Lý Đức Phúc, Nông Văn Ái... vẫn tích cực hoạt động. Các cơ sở cách mạng vẫn phát triển trong đồng bào Dao, Tày, Nùng và có xu hướng lan rộng.

Cuối năm 1939, đầu năm 1940, đồng chí Hạ Bá Cang (từ năm 1944, lấy tên là Hoàng Quốc Việt) - Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ đã từ miền xuôi lên Đình Cả, Tràng Xá (huyện Võ Nhai) rồi sang Đại Từ kiểm tra phong trào. Các đảng viên của Đại Từ được đồng chí Hạ Bá Cang bồi dưỡng thêm về lý luận và phương pháp tuyên truyền cách mạng. Tháng 6/1940, được tin nước Pháp bị phát xít chiếm đóng, các đồng chí Hạ Bá Cang, Hoàng Văn Thụ đã gặp nhau ở Hùng Sơn để trao đổi phương hướng công tác cho phù hợp với tình hình mới và tiếp tục chỉ đạo phong trào cách mạng của Võ Nhai và Đại Từ.

Ngày 22/9/1940, quân Nhật từ Hoa Nam (Trung Quốc) tràn qua biên giới, hạ pháo đài Đồng Đăng, đánh chiếm Lạng Sơn. Quân Pháp ở đây tan rã và bỏ chạy.

Trên đường rút về Hà Nội (theo đường Lạng Sơn - Bắc Sơn - Thái Nguyên), tàn quân Pháp vứt bỏ súng ống đạn dược. Chớp thời cơ thuận lợi đó, một số cán bộ, đảng viên vừa thoát khỏi nhà tù Lạng Sơn ra đã cùng với cơ sở Đảng Bắc Sơn phát động quần chúng thu vũ khí của địch, xây dựng lực lượng.

Tối 27/9/1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ. Đây là một sự kiện quan trọng gây tiếng vang trong cả nước, đặc biệt tác động trực tiếp đến phong trào cách mạng ở các địa phương lân cận.

Ở Đại Từ, đồng chí Hạ Bá Cang đã viết một số truyền đơn kêu gọi binh lính Pháp noi gương các chiến sĩ Công xã Pa-ri, phát huy tinh thần tự do, bình đẳng, bác ái của nhân dân Pháp, không bắn vào người Việt Nam. Tiếp đó, đồng chí vạch kế hoạch cho các đảng viên đi tuyên truyền phát động phong trào ủng hộ nhân dân Bắc Sơn, phản đối sự đàn áp dã man của đế quốc Pháp, kêu gọi nhân dân các dân tộc noi gương các chiến sĩ Bắc Sơn.

Đồng chí Đường Nhất Quý đã có mặt ở Bắc Sơn từ khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Trong suốt thời gian chiến đấu để bảo vệ lực lượng cách mạng, đồng chí luôn sát cánh cùng các chiến sĩ Bắc Sơn, đóng góp công sức của mình vào việc tịch thu vũ khí của bọn tay sai, trang bị cho lực lượng cách mạng, bảo vệ thành quả cách mạng.

Sau khi Pháp chấp nhận các yêu sách do Nhật đặt ra với nhiều điều khoản nhục nhã, Nhật rút quân về Hoa Nam (Trung Quốc). Pháp quay trở lại đàn áp nhân dân Bắc Sơn, dìm cuộc khởi nghĩa trong khói lửa. Tuy vậy, tiếng súng Bắc Sơn đã cổ vũ phong trào cách mạng cả nước, trong đó trực tiếp là phong trào cách mạng của Thái Nguyên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội du kích Bắc Sơn ra đời trong khởi nghĩa đã phát triển thành lực lượng vũ trang đầu tiên của Đảng gọi là Cứu quốc quân. Một trung tâm cách mạng gồm Bắc Sơn và Võ Nhai được hình thành. Trung tâm ấy trước đó và sau này đều có quan hệ trực tiếp với Đại Từ.

Được ông Lý Bình (cơ sở của đồng chí Đường Nhất Quý) ở Hùng Sơn báo tin địch ra lệnh truy nã các đồng chí Đường Nhất Quý (huyện Đại Từ), Chu Văn Tấn, Nông Văn Cún, Đường Văn Thất (châu Võ Nhai), ngày 13/5/1941, bọn mật thám lên vây nhà đồng chí Nhất Quý nhưng đồng chí đã trốn thoát. Bọn chúng bắt Hoàng Văn Nghiệp, Đường Văn Ngân, Nông Sen Thịnh (Triều Đông) và bà Lục Thị Sứng (vợ đồng chí Nhất Quý). Từ đó, chúng thường xuyên khủng bố cơ sở Đảng La Bằng. Tháng 7/1941, đồng chí Vũ Hưng (Hai Cao) trên đường đi công tác đến La Bằng cũng bị bắt. Từ đây, cơ sở cách mạng của Đại Từ bị mất liên lạc với cơ sở Võ Nhai và với cấp trên. Phong trào tạm thời lắng xuống.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 ở Pác Bó (Cao Bằng) tháng 5/1941 do đồng chí

Nguyễn Ái Quốc - đại diện Quốc tế Cộng sản trực tiếp chủ trì đã nhấn mạnh đến nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương. Hội nghị đã nhấn mạnh: *“Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”*¹.

Theo đề nghị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) thay cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, mau chóng thành lập lực lượng vũ trang, xúc tiến khởi nghĩa vũ trang từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Để chuẩn bị khởi nghĩa *Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã quyết định lấy miền rừng núi phía Bắc để xây dựng căn cứ vũ trang* ². Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Trung ương; bầu Ban Thường vụ Trung ương Đảng do đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư; đồng chí Hoàng Văn Thụ và Hạ Bá Cang làm Ủy viên Thường vụ.

¹ *Những sự kiện lịch sử Đảng tập I*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.510.

² Võ Nguyên Giáp (1969), *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.84.

Thực hiện nghị quyết của Trung ương, mặc dù địch điên cuồng đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng ở Bắc Sơn - Võ Nhai, nhân dân ta đã kiên cường đánh trả và gây cho địch thiệt hại nặng nề. Ngày 15/9/1941, đồng chí Hạ Bá Cang thay mặt Trung ương Đảng công nhận và trao nhiệm vụ cho Trung đội Cứu quốc quân II tại lễ thành lập diễn ra trong rừng Khuôn Mánh (Tràng Xá, Võ Nhai).

Đế quốc Pháp dùng lực lượng rất đông để bao vây, hòng tiêu diệt đội quân non trẻ của ta. Ban lãnh đạo Cứu quốc quân II đã chủ trương chia bộ đội thành các đơn vị nhỏ để phát triển sang Đại Từ, Yên Thế...

Tháng 10/1941, Ban chỉ huy Cứu quốc quân II cử các đồng chí Đường Thị Ân, Hoàng Thị Lê, Hoàng Thị La sang Đại Từ liên lạc với đồng chí Đường Nhất Quý. Đến nơi, bị bọn mật thám truy tìm nên các đồng chí phải lánh sang Na Mao ở nhà bà Nguyễn Thị Sấm (mẹ đồng chí Bảo Loan) để hoạt động.

Ngày 28/11/1941, một đội công tác do các đồng chí Nguyễn Cao Đàm (chính trị chỉ đạo viên của đội Cứu quốc quân II), Phương Cương, Nhì Phúng... dẫn đầu từ Võ Nhai lại vượt vòng vây của địch sang Đại Từ, đem theo chương trình, Điều lệ Việt Minh để tuyên truyền trong nhân dân. Đội đã đi sâu vào quần chúng, phát triển lực lượng vũ trang, chuẩn bị xây dựng căn cứ địa vững mạnh. Đó là một chủ trương đúng đắn, cũng là một thuận lợi lớn đối với cách mạng Đại Từ.

Ở những nơi đội công tác đến, được các đồng chí trong đội giải thích, ổn định tư tưởng, phong trào cách mạng được khơi dậy, có những người đã tạm thời nằm im trước sự đe dọa và dụ dỗ của địch nay cũng hoạt động trở lại. Địa bàn hoạt động của đội dựa vào đồng bào Dao ở các bản hẻo lánh vùng cao. Đầu năm 1942, đội công tác liên lạc được với đồng chí Đường Nhất Quý ở núi Hồng. Cơ sở cách mạng Đại Từ phát triển dần sang Tuyên Quang. Các trạm liên lạc được tổ chức để tiện cho việc chỉ đạo chung. Cuối tháng 2, đầu tháng 3/1942, đường liên lạc đã được đánh thông từ vùng giáp Tuyên Quang sang Đại Từ đến được các xã của huyện Phú Lương và mở rộng sang Định Hóa. Được tăng cường thêm lực lượng, phong trào cách mạng Đại Từ hoạt động sôi nổi hơn trước. Đảng đã lãnh đạo thanh niên người Dao chống phu, chống thuế có kết quả.

Để đối phó, bọn phản cách mạng đã tìm cách chia rẽ, mua chuộc đồng bào Dao. Chúng gièm pha dụ dỗ đồng bào không theo người Kinh, người Tày làm giặc. Cán bộ ta đã tích cực vận động vạch trần âm mưu của địch để củng cố niềm tin trong đồng bào Dao.

Phong trào đang phát triển thuận lợi thì đội công tác Đại Từ lại mất liên lạc với trung tâm Võ Nhai vì đại bộ phận Cứu quốc quân đã rút sang biên giới Việt - Trung để bảo toàn lực lượng.

Cơ sở cách mạng của Đại Từ một mặt vẫn tiếp tục vận động quần chúng tham gia lực lượng cách mạng,

đấu tranh chống giặc; mặt khác, cử người đi biên giới Việt Trung và về xuôi để bắt liên lạc với Cứu quốc quân và cấp trên.

Phong trào cách mạng từ bản người Dao vùng cao đã lan xuống vùng thấp của đồng bào Tày, Nùng... Sang năm 1943, phong trào lan ra hầu khắp các xã như Na Mao, Phú Xuyên, Yên Lãng, Hoàng Nông. Đầu năm 1943, phong trào Việt Minh đã có cơ sở ở 7 xã phía bắc Đại Từ, nơi có rừng núi hiểm trở được nối liền với các cơ sở cách mạng ở Sơn Dương, Định Hóa, hình thành một căn cứ cách mạng.

Lúc này, những cán bộ được cử đi biên giới Việt - Trung đã gặp lại Cứu quốc quân và nhận được nhiệm vụ là củng cố vững chắc vùng căn cứ để đón Cứu quốc quân trở về mở đường Bắc tiến nối liền với Bắc Kạn, Cao Bằng, chuẩn bị lực lượng để cùng toàn quốc đón thời cơ khởi nghĩa.

Đi đôi với việc tổ chức các hội cứu quốc của Việt Minh, các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu cũng được thành lập. Tuy vậy, phong trào cách mạng Đại Từ còn gặp khó khăn, không phát triển được vào vùng mỏ và đồn điền vì địch kiểm soát rất gắt gao, bản thân các đảng viên từ dưới xuôi lên cũng không hoạt động được.

Tháng 2/1943, toàn bộ Cứu quốc quân từ biên giới Việt - Trung trở về nước, mở rộng địa bàn hoạt

động. Đồng chí Triệu Khánh Phương (người Dao) đưa một bộ phận Cứu quốc quân sang hoạt động ở Đại Từ.

Tháng 4/1943, đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy Cứu quốc quân đặt căn cứ tại núi Hồng. Núi Hồng có vị trí quan trọng, nằm trên Đường 13A từ Thái Nguyên đi Tuyên Quang, là nơi tiếp giáp của 3 huyện Đại Từ, Định Hóa, Sơn Dương. Núi Hồng có địa thế hiểm trở thuận tiện cho việc lập căn cứ, một vị trí quan trọng của chiến khu Việt Bắc.

Tháng 2/1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt được Trung ương cử về Thái Nguyên, Tuyên Quang để kiểm tra phong trào. Ngày 25/2/1944, đồng chí triệu tập Hội nghị cán bộ tại Khuổi Kịch (Sơn Dương, Tuyên Quang). Hội nghị đã quyết định thành lập Trung đội Cứu quốc quân III và chia chiến khu Hoàng Hoa Thám ra thành Phân khu A (Phân khu Quang Trung) và Phân khu B (Phân khu Nguyễn Huệ), lấy sông Cầu làm ranh giới. Phân khu A là địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân II. Đại Từ thuộc phân khu B. Đồng chí Chu Văn Tấn - Ủy viên Ủy ban Quân - Chính Bắc Kỳ, được Trung ương chỉ định giữ chức Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám, trực tiếp phụ trách Phân khu B.

Hoạt động của lực lượng Cứu quốc quân đã thúc đẩy phong trào cách mạng của huyện Đại Từ phát triển mạnh mẽ. Các đội tự vệ được thành lập để bảo vệ cơ sở, bảo vệ quần chúng. Có xóm toàn bộ các gia đình đều ở trong các đoàn thể cứu quốc, có nơi đã thành lập

được Ban Việt Minh tổng. Ngày 11/10/ 1944, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy, Cứu quốc quân đã tổ chức cho 12 cán bộ bị giam ở nhà tù Chợ Chu (Định Hóa) vượt ngục thành công¹. Phần lớn các đồng chí này sau khi vượt ngục được Trung ương cử tham gia công tác tại Thái Nguyên. Đầu tiên, đồng chí Song Hào ở nhà bà Đàm Thị Lan², mẹ đồng chí Lý Thanh (tức Sàng), người dân tộc Nùng ở xã Yên Lãng. Khu rừng nhà đồng chí Lý Thanh ở có ba gia đình đều là người dân tộc Nùng và tham gia Việt Minh. Sau đồng chí Song Hào chuyển sang Sơn Dương (Tuyên Quang) song vẫn trực tiếp phụ trách một vùng có xã Yên Lãng và vùng Tân Trào của huyện Sơn Dương. Lúc đó, địch lập một đồn ở Đèo Khế do một trung đội lính khố xanh chốt giữ gây khó khăn cho việc đi lại của ta. Đồng chí Song Hào đã chỉ thị cho các hội viên Thanh niên Cứu quốc đến quấy rối, đêm đêm ném đá loạn xạ từ sườn núi xuống. Giặc bắn vu vơ nhưng không có kết quả, sau chúng sợ hãi phải bỏ đồn.

¹ 12 đồng chí vượt ngục là: Song Hào, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Ngô Nhị Quý, Phạm Ngọc Bổng, Vũ Phong, Chu Nhữ, Hoàng Bá Sơn, Lê Trung Đình, Nguyễn Kháng, Trần Tùng, Trần Thế Môn.

² Bà Đàm Thị Lan quê ở Thạch An (Cao Bằng) do nghèo khổ đã phiêu dạt về Đại Từ. Tuy nhà nghèo nhưng bà rất nhiệt tình hoạt động trong phong trào Phụ nữ Cứu quốc, vay thóc của người giàu để nuôi cán bộ. Bà đã được Nhà nước tặng bằng *Có công với nước* và kỷ niệm chương *Tổ quốc ghi công*. Con trai bà là đồng chí Lý Thanh cũng rất tích cực hoạt động cách mạng. Sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí được Đảng phân công đi công tác ở Bình Liêu (Quảng Ninh) để xây dựng cơ sở trong đồng bào dân tộc. Có thời gian, đồng chí là Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Đại Từ. Đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng Bằng *Có công với nước*, Kỷ niệm chương *Tổ quốc ghi công* và nhiều huân chương.

Hai đồng chí Lê Trung Đình, Ngô Nhị Quý được Xứ ủy cử phụ trách cơ sở ở huyện Đại Từ. Các đồng chí đã góp nhiều kinh nghiệm phong phú về vận động quần chúng cho cán bộ cách mạng ở Đại Từ. Do đó, phong trào phát triển cả về bề rộng, chiều sâu, đã lan xuống một số xã ở phía nam và tây nam của huyện.

Đồng chí Ngô Nhị Quý được phân công hoạt động ở tổng Đội Cấn gồm xã Hoàng Nông và La Bằng. Ở Đại Từ, các hoạt động cách mạng phát triển tốt. Các đoàn thể Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh sinh hoạt đều đặn. Tự vệ Cứu quốc được tổ chức huấn luyện quân sự và chính trị thường xuyên.

Đồng chí Trung Đình ở tại nhà đồng chí Đắc (người Cao Lan), xóm Na Phác (Khôi Kỳ), xóm này nằm sát chân núi Tam Đảo nhưng lại gần huyện lỵ. Bọn tay sai lòng sục rất dữ, đồng chí Lê Trung Đình hoạt động vô cùng khó khăn, phải thường xuyên thay đổi chỗ ở. Từ Khôi Kỳ, đồng chí đã chỉ đạo phong trào ở các xã xung quanh.

Cán bộ Việt Minh tổ chức các nhóm vũ trang nhỏ đi tuyên truyền từ xóm này sang xóm khác. Cán bộ giới thiệu với nhân dân một số tranh ảnh tố cáo tội ác của Nhật ở Trung Quốc để vạch trần thuyết Đại Đông Á của phát xít Nhật; đồng thời kêu gọi quần chúng tiếp tục gia nhập Việt Minh, luyện tập quân sự, phát triển lực lượng vũ trang để đánh Pháp, đuổi Nhật.

Đầu năm 1945, cơ sở cách mạng đã phát triển mạnh ở các xã Phục Linh, Cù Vân. Một cán bộ Việt Minh là Hà Văn Thứ (Giáo Thứ) được cử về gây dựng phong trào đã bị bọn phản động ở địa phương sát hại. Tuy cán bộ bị tổn thất nhưng phong trào cách mạng và lòng yêu nước của nhân dân Đại Từ vẫn tiếp tục được đẩy lên.

Lực lượng quân sự ngày một phát triển, sau hội nghị thành lập Cứu quốc quân III, đầu tháng 11/1944, ở khu rừng Tam Ngọc (Phú Xuyên) đã tổ chức huấn luyện quân sự cho 30 đội viên tự vệ ở tổng Cao Vân. Từ đầu năm 1945, tự vệ được phát triển ở nhiều nơi và hoạt động rất tích cực. Một số tên phản động ở địa phương bị ta trừng trị hoặc cảnh cáo nên bọn còn lại không dám lòng sục cách mạng nữa. Quần chúng càng tin tưởng vào cách mạng, tích cực hoạt động. Đại Từ đang tích cực chuẩn bị về quân sự, về chính trị để tiếp tục đưa phong trào cách mạng tiến lên, đều khắp ở các xã trong toàn huyện.

Năm 1944, Hồng quân Liên Xô giải phóng toàn bộ lãnh thổ Liên bang Cộng hòa Xã hội Xô Viết. Thừa thắng, Hồng Quân tiến như vũ bão về phía tây, giải phóng Đông Âu. Đầu năm 1945, Hồng Quân đập tan tuyến phòng thủ của giặc, tiến vào lãnh thổ nước Đức phát xít. Trên đà thắng lợi của Hồng Quân Liên Xô, các nước Anh, Mỹ mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu. Nước Pháp thoát khỏi ách chiếm đóng của phát xít Đức.

Ở châu Á và Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng bị đồng minh uy hiếp nghiêm trọng. Quân Anh - Ấn đẩy lùi quân Nhật ở Miến Điện, quân Mỹ đổ bộ lên Phi-lip-pin; đường biển từ Nhật đi các nước bị uy hiếp... Đông Dương có ý nghĩa quan trọng với phát xít Nhật trong việc khống chế cả vùng Đông Nam Á để tiếp tục chiến tranh. Lợi dụng tình hình diễn biến bất lợi cho Nhật, thực dân Pháp ráo riết hoạt động nhằm giành lại Đông Dương. Chúng tích cực chuẩn bị cho một cuộc giao tranh quyết liệt.

Tối ngày 9/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đang họp mở rộng tại Đình Bảng (tỉnh Bắc Ninh), do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Trong lúc Hội nghị đang diễn ra thì Nhật nổ súng đảo chính Pháp. Trước tình hình trên, Hội nghị nhận định: *Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông Dương*¹ trong cuộc họp tại Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh). Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta. Bản chỉ thị đã vạch rõ:

- 1- Hai quân cướp nước cắn xé nhau chí tử
- 2- Chính quyền Pháp tan rã
- 3- Chính quyền Nhật chưa ổn định

¹ Văn kiện Đảng toàn tập. Tập 7 (1940 - 1945), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.366.

4- Các tầng lớp đứng giữa hoang mang

5- Quần chúng cách mạng muốn hành động¹.

Tuy vậy bản Chỉ thị cũng nhận định: *Mặc dù tình hình chính trị khủng hoảng sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương hiện nay chưa thực chín muồi. Đảng chủ trương Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa; thành lập các đội vũ trang tuyên truyền, mở rộng và đẩy mạnh phong trào du kích, thành lập căn cứ địa... Riêng về mặt chính quyền, Đảng chủ trương thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng ở các nhà máy, mỏ, làng, ấp, đường phố, trại lính, trường học, công tư sở...; thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng và Ủy ban Công nhân cách mạng ở những vùng quân du kích hoạt động; đồng thời sẵn sàng chuyển qua hình thức Tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện².*

Ở phân khu B, ngày 9/3/1945, các đồng chí lãnh đạo nhận dấu hiệu khác thường: tiếng súng đại bác từ xa vọng lại; quần chúng báo có lính tây, lính khố đỏ chạy qua đèo Khế (giữa Đại Từ và Sơn Dương); lính đông bị gọi tập trung gấp. Do tình hình lúc đó nhân dân bàn tán nhiều về chuyện Nhật - Pháp bắn nhau, binh lính địch xôn xao, tin tức chung không nhận được, chỉ thị của cấp trên không có nên Khu ủy phải

¹ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (năm 1977), Văn kiện Đảng (1939 - 1945), tập III, Hà Nội, tr.381.

² Văn kiện Đảng (1939 - 1945), tập III, Sđd, tr.386.

quyết định một số hoạt động. Ngày 10/3/1945, Khu ủy triệu tập hội nghị bất thường do đồng chí Song Hào, Bí thư Khu ủy chủ trì, tham dự có đồng chí Lê Trung Đình lúc đó đang hoạt động ở Đại Từ. Hội Nghị nhận định: Nhật - Pháp đã bắn nhau, thời cơ khởi nghĩa đã đến, trước hết phải tước súng của lính đồng, thu đồng triện của hương lý vài xã trong địa phương để tăng thêm uy tín của cách mạng và thăm dò phản ứng của địch. Nếu địch phản ứng yếu hoặc không phản ứng thì ta mở rộng phạm vi hoạt động. Sau khi làm thử ở xã Thanh La (Sơn Dương) thắng lợi, thấy địch không đối phó gì, ta chủ trương nhanh chóng triển khai ra các vùng Tuyên Quang, Thái Nguyên.

Sáng ngày 10/3/1945, theo sau binh lính, các quan chức dân sự tỉnh Thái Nguyên cũng bỏ thị xã tháo chạy. Đường 13A tấp nập người, ngựa, xe cộ.

Theo dõi chặt chẽ tình hình địch, nắm lấy thời cơ bẻ lũ tay sai đang hoang mang cực độ, đồng chí Chu Văn Tấn, lãnh đạo Phân khu B đã kịp thời chỉ huy một đơn vị Cứu quốc quân, phối hợp với tự vệ huyện Đại Từ, tổ chức phục kích địch ở đèo Khế, Khoảng 9 giờ ngày 10/3/1945, tại trận địa phục kích ki-lô-mét 33 trên Đường 13A, quân ta nổ súng vào đội hình địch. Công sứ, Phó sứ và thuộc hạ vội vàng chạy về thị xã. Binh lính địch tan tác chạy vào rừng. Cứu quốc quân và tự vệ, thanh niên Đại Từ đã nhanh chóng thu vũ khí địch vận chuyển về căn cứ cách mạng. Trong số vũ khí

thu được có cả tiểu liên Stel, trung liên PM, lựu đạn Mỹ. Đến 12 giờ đêm 10/3, quân ta lại tiến ra Đèo Khế đón đánh một đại đội lính Tây và lính khố đỏ ở Thúc Khê (Hợp Thành - Sơn Dương) thu thêm một số vũ khí nữa.

Ngày hôm sau, đồng chí Ngô Nhị Quý, chỉ huy tự vệ mặc quần áo lính vào nhà Tổng đoàn rồi đến nhà các lý dịch khác ở xã Yên Lãng thu súng và bằng triện. Tiếp đó, ta tiến hành ở khắp vùng việc thu vũ khí của lính đồng và bằng triện của bọn tổng, lý. Nhiều xã đã tổ chức được các trung đội, đại đội tự vệ ngày đêm luyện tập quân sự, tạo ra không khí sôi động và phấn khởi. Ở Đồng Lũng (gần Vai Bành, xã Phú Xuyên), đồng chí Song Hào đã tổ chức cho tự vệ luyện tập quân sự rất sôi nổi. Các cụ già trong tổ chức Phụ lão Cứu quốc và chị em trong Phụ nữ Cứu quốc đã quyên góp lương thực, thực phẩm, lo cơm nước cho tự vệ luyện tập.

Cũng lúc này, bọn quan lại địa phương ra lệnh cho tráng đồng cất giấu vũ khí không để lọt vào tay Việt Minh. Ngày 25/3/1945, đích thân Tri huyện đến Yên Lãng để chỉ huy việc thu súng. Đến nơi, tên Tri huyện tận mắt thấy được khí thế sục sôi cách mạng. Hắn rất hoảng sợ, lẩn về cố thủ ở huyện đường.

Ngày 25/3/1945, một hội nghị quan trọng do các đồng chí lãnh đạo Phân khu B triệu tập. Hội nghị đã nhận định bộ máy tay sai địch ở các tổng, xã rất hoang mang và tê liệt vì khí thế sục sôi của cách mạng và sự

căn xé lẫn nhau của quan thầy. Thời cơ và điều kiện để giành chính quyền về tay nhân dân đã thực sự chín muồi. Hội nghị quyết định phải kịp thời giải phóng huyện lỵ trước khi quân Nhật kéo lên.

Nghị quyết trên được khẩn trương triển khai. Chiều ngày 25/3/1945, nhân dân các làng xã Na Mao, Yên Lãng, Phú Xuyên... tập trung ở phố Yên Lãng dự mít tinh. Đồng chí Chu Văn Tấn kêu gọi nhân dân đoàn kết, tích cực ủng hộ cách mạng và vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Trong không khí sôi động cách mạng, đồng bào các dân tộc ở huyện Đại Từ (kể cả những nơi chưa có cơ sở Việt Minh) đều hăm hở đóng góp sức lực vào việc đấu tranh giành chính quyền. Sau cuộc mít tinh, công việc chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương hơn. Một số cán bộ về các xã gần huyện lỵ để xây dựng lực lượng, phát động quần chúng sẵn sàng tham gia giải phóng huyện lỵ. Đồng thời, ta tiến hành công tác địch vận, chuẩn bị cho một số binh lính yêu nước trong hàng ngũ địch làm nội ứng. Ta đưa thư kêu gọi Tri phủ Nguyễn Ngọc Đường đầu hàng. Đêm 29/3/1945, ta đánh chiếm huyện lỵ Đại Từ.

Để áp đảo địch, ta tập trung một lực lượng mạnh. Đại đội Cứu quốc quân do đồng chí Hồng An chỉ huy đóng giữ ở phía cầu Huy Ngạc, để phòng bọn Nhật từ Thái Nguyên đánh lên.

Đại đội tự vệ do đồng chí Chu Văn Sủi (Tân Sàng) làm Đại đội trưởng và đồng chí Trung Lập làm Đại đội phó đóng giữ ở Suối Tắm, Bàn Cờ và Suối Mang để phòng bọn phản động địa phương đánh ra.

Đại đội tự vệ do đồng chí Lý Thanh làm Đại đội trưởng, đồng chí Cao Sơn làm Đại đội phó tiến vào chiếm huyện. Đại đội tự vệ do đồng chí Vi Nam Sơn làm Đại đội trưởng, đồng chí Vạn Đại làm Đại đội phó tiếp ứng.

Sau khi đồng chí Lý Thanh nổ súng lệnh, trung liên của ta phát hỏa thì phủ đường nhốn nháo. Lính trong đồn làm nhân mối cho cách mạng đã mở cổng và la hét. Tri huyện Nguyễn Ngọc Đường và tay chân bỏ chạy.

Đại đội Lý Thanh tiến lên chiếm đồn cao. Đại đội tự vệ Nam Sơn chiếm nơi làm việc của tri huyện. Ta nhanh chóng làm chủ huyện lỵ. Binh lính địch một số đầu hàng, một số bỏ chạy tán loạn; ta thu được 200 khẩu súng các loại. Sáng 30/3/1945, quân ta tiến về Hoàng Nông, Khôi Kỳ... tổ chức mít tinh, tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng. Sáng 31/3/1945, một cuộc mít tinh lớn đã được tổ chức tại Hùng Sơn: đại diện quân cách mạng tuyên bố bỏ chính quyền địch. Cán bộ ta nêu rõ chương trình, Điều lệ Việt Minh, kêu gọi nhân dân các dân tộc đoàn kết, đứng lên chống Nhật cứu nước.

Ngay sau cuộc mít tinh, ta phá kho của địch ở Hùng Sơn, lấy gạo, diêm, muối chuyển về căn cứ để

chuẩn bị chiến đấu chống Nhật. Các kho thóc ở đồn điền Ga-ri cũng được phá để lấy thóc cứu đói. Cả Đại Từ tung bừng trong thắng lợi.

Để bảo toàn lực lượng, đề phòng quân Nhật bất ngờ đánh lên, sau cuộc mít tinh, ta rút về căn cứ ở các xã phía bắc. Phát huy thắng lợi đã giành được, quân ta tiến hành củng cố lực lượng và phân công nhiều cán bộ và chiến sĩ đi sâu vào các làng xã, tiếp tục phá bỏ chính quyền của địch và thành lập chính quyền cách mạng.

Tháng 4/1945, bộ máy thống trị của địch từ huyện đến thôn xã đã bị đập tan, chính quyền cách mạng ở cơ sở đã được xây dựng. Một hội nghị quan trọng được tổ chức ở La Bằng do đồng chí Song Hào chủ trì để bàn về xây dựng chính quyền cấp huyện. Hội nghị đã nhất trí quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng lâm thời châu Giải Phóng (bí danh của huyện Đại Từ), sau đó tại Na Mao đã tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng đầu tiên của huyện gồm đại biểu các dân tộc anh em cùng chung sống ở địa phương, thể hiện khối đại đoàn kết dân tộc và quyền làm chủ của nhân dân các dân tộc trong huyện. Ủy ban Dân tộc giải phóng lâm thời do đồng chí Nguyễn Trung Thành (dân tộc Nùng) làm Chủ tịch¹, đồng chí Bảo

¹ Ủy ban còn có các đồng chí: Bảo Loan (dân tộc Tày) làm Phó Chủ tịch, Vi Nam Sơn (dân tộc Cao Lan) và Tiến Khanh (dân tộc Dao) làm Ủy viên, Việt Hưng (dân tộc Kinh) làm Thư ký.

Loan (dân tộc Tày) làm Phó Chủ tịch, 2 đồng chí Vi Nam Sơn (dân tộc Cao Lan) và Tiến Khanh (dân tộc Dao) làm Ủy viên, đồng chí Việt Hưng (dân tộc Kinh) làm Thư ký.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ rất phấn khởi và tin tưởng vào chính quyền cách mạng. Đồng thời với việc thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng lâm thời của huyện, Ban Chấp hành Việt Minh huyện cũng được chỉ định. Tổ chức Việt Minh ở các xã được củng cố và kiện toàn. Hoạt động của Việt Minh trong huyện rất sôi nổi. Các tổ chức quần chúng cũng được củng cố.

Như vậy, đến cuối tháng 3, đầu tháng 4/1945, toàn huyện Đại Từ đã được giải phóng, chính quyền cách mạng đã được thành lập và ban bố một số chính sách cơ bản như xác lập quyền tự do dân chủ và bãi bỏ các thứ thuế bất hợp lý...

Để kịp thời lãnh đạo kháng Nhật và sửa soạn Tổng khởi nghĩa, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ. Hội nghị đã họp từ ngày 15 đến ngày 20/4/1945, tại Hiệp Hòa (Bắc Giang). Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới, trong nước, đánh giá và rút kinh nghiệm quá trình thực hiện Chỉ thị ngày 12/3/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng trong phạm vi cả nước, Hội nghị đã quyết định những nhiệm vụ cần kíp trên nhiều lĩnh vực. Riêng nhiệm vụ quân sự, Hội nghị nhấn mạnh: *Tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa*

*kháng Nhật, chuẩn bị cuộc Tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ*¹.

Một trong những vấn đề quan trọng được quyết định là thành lập Khu giải phóng và sáp nhập Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân với Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân (gọi tắt là Giải phóng quân hoặc Quân giải phóng).

Thực hiện nghị quyết của Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ do đồng chí Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn đi họp về trực tiếp truyền đạt, phong trào kháng Nhật ở Đại Từ phát triển mạnh mẽ.

Ở phía bắc, sau khi chiếm huyện lỵ Đại Từ, quân cách mạng lại rút về căn cứ. Ủy ban Dân tộc giải phóng lâm thời huyện đóng ở Na Mao, rồi chuyển sang Yên Lãng trực tiếp lãnh đạo phong trào ở huyện Đại Từ. Các đội tự vệ được nhân dân cấp dưỡng đã hoạt động rất tích cực. Tất cả các đội viên tự vệ đều thoát ly, chăm lo luyện tập quân sự và bảo vệ vùng giải phóng. Các hội Cứu quốc hoạt động sôi nổi. Các hội viên Nhi đồng Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Phụ lão Cứu quốc đều hoạt động tích cực. Các hội viên tham gia quyên góp lương thực để nuôi quân, báo tin cho cách mạng, vận động nhân dân tham gia các đoàn thể cứu quốc. Khí thế cách mạng lan rộng khắp làng xã trong huyện. Thanh thế của cách mạng

¹ Văn kiện Đảng (1939 - 1945), tập III, Sđd, tr.535.

mạnh mẽ, nhân dân tin tưởng vào tương lai. Trong số các hội viên phụ nữ tiêu biểu có bà Đại Quyết (dân tộc Dao ở Hoàng Nông), bà Đàm Thị Lan (dân tộc Nùng ở Yên Lãng), bà Nguyễn Thị Sấm - tức Cát (dân tộc Tày ở Na Mao) hoạt động rất tích cực, hết lòng bảo vệ cán bộ và vận động quần chúng ủng hộ cách mạng. Nhiều chiến sĩ tự vệ tiêu biểu được đi học trường Quân chính kháng Nhật ở Tân Trào để trở về làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang.

Ở phía tây nam, sau khi quân cách mạng chiếm huyện Đại Từ, đồng chí Trường Sơn nhận lệnh của lãnh đạo đã cùng tiểu tổ của Việt Minh ở huyện lỵ xuống Cát Nê liên hệ với cơ sở cách mạng do đồng chí Hà Thái Sơn phụ trách để gây dựng phong trào. Tiếp theo, nhóm này liên hệ được với nhóm thanh niên yêu nước ở Tam Đảo đang hoạt động ở Lán Than (Quân Chu). Ba nhóm này kết hợp thành Đội du kích Cao Sơn do đồng chí Trường Sơn làm Đội trưởng, đồng chí Thạch Sơn làm Đội phó¹. Đội du kích Cao Sơn đã hoạt động mạnh mẽ gây được tiếng vang. Vì vậy, khi dự Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ về, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Chu Văn Tấn đã đến gặp và trao nhiệm vụ cho Đội bảo vệ đường dây liên lạc từ Tân Trào qua Đại Từ về An toàn khu II của Trung ương ở Phú Bình - Phổ Yên - Hiệp Hòa.

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập 1 (1936 - 1965)*, 2021, tr.91.

Đội du kích Cao Sơn (tất cả các đội viên đều lấy tên Sơn) hoạt động mạnh ở phía tây nam. Cơ sở là các làng xã Quân Chu, Cát Nê, lực lượng được phát triển và lan đến các làng xã Ký Phú, Văn Yên, Tràng Lang (sau là xã Vạn Thọ), Lục Ba, Mỹ Yên. Sau đó, đồng chí Trường Sơn được điều về Ban châu Giải Phóng. Sau ngày 15/5/1945, Đơn vị được bổ sung lực lượng và trở thành Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái do đồng chí Thạch Sơn làm Đội trưởng, đồng chí Hà Thái Sơn làm Đội phó, đồng chí Vũ Tuân làm Chính trị viên.

Được nhân dân trong vùng tích cực ủng hộ, đội quân Sơn đã xây dựng và phát triển phong trào Việt Minh ở phía tây nam. Cơ sở trong đồng bào Dao (Quân Chu) có ông Triệu Phú Nghiêm hoạt động rất tích cực và tuyên truyền được nhiều người dân tộc Dao tham gia.

Để có súng trang bị, ngoài việc thu vũ khí của lính đồng, đội còn cử cán bộ đi Đoan Hùng (Phú Thọ) thuê người lặn xuống sông mò súng do Pháp vớt xuống khi chạy Nhật.

Các hoạt động cách mạng ở Đại Từ vẫn do đồng chí Ngô Nhị Quý và đồng chí Lê Trung Đình phụ trách. Hai đồng chí tự phân công: đồng chí Ngô Nhị Quý ở cơ quan châu, phụ trách chung. Đồng chí Lê Trung Đình tìm xuống phía nam để củng cố, mở rộng phong trào, giữ đường liên lạc của Trung ương về xuôi, đồng thời giúp đỡ đội du kích Cao Sơn hoạt động.

Phong trào cách mạng Đại Từ đang lên đòi hỏi phải có thêm cán bộ. Khu ủy đã đề nghị Trung ương bổ sung. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã giới thiệu thêm 4 cán bộ lên công tác ở Đại Từ gồm đồng chí Ứng (người Tày Cao Bằng) ở Cánh Sơn La về, đồng chí Mô ở Cánh Nghĩa Lộ về, đồng chí Ngọc Lan bị Pháp quản chế ở Phủ Liễn (thị xã Thái Nguyên) về, đồng chí Hoài ở Côn Đảo về. Các đồng chí này được phân công công tác ở phía nam Đại Từ và vùng gần huyện lỵ. Đồng chí Vũ Tuấn từ Hỏa Lò về, sau ngày 09/3/1945 cũng tham gia hoạt động ở Quân Chu, Cát Nê.

Ở phía nam Đại Từ, sau khi bọn phản động sát hại đồng chí Hà Văn Thứ, phong trào tạm thời lắng xuống. Khi tình thế thay đổi nên các tổ chức cách mạng đã hoạt động trở lại. Tuy nhiên, do nằm trên đường giao thông Thái Nguyên - Đại Từ, Nhật còn kiểm soát nên hoạt động có khó khăn hơn.

Từ sau khi giải phóng huyện lỵ Đại Từ (ngày 29/3/1945), lực lượng cách mạng của Đại Từ được củng cố và mở rộng, chuẩn bị sẵn sàng để đánh phát xít Nhật.

Sau đảo chính 9/3 một ngày, phát xít Nhật đã chiếm Thái Nguyên. Tất cả quan chức người Pháp bị hiến binh Nhật tổng giam. Các công sở và cơ sở của Pháp đều bị Nhật chiếm đóng. Hiến binh Nhật nghênh ngang đi qua các phố, uy hiếp tinh thần nhân dân ta. Chúng lần lượt chiếm các huyện Đồng Hỷ, Phú Lương,

Phổ Yên, Phú Bình. Về quân sự, chúng củng cố đồn trạm và tập hợp binh lính người Việt trong quân đội Pháp cùng các đối tượng lưu manh côn đồ để thành lập lực lượng quân nguy gọi *bảo an* để cùng với lính Nhật đàn áp nhân dân ta.

Về chính trị, chúng sử dụng những tên trong bộ máy thống trị người Việt và những tên Đại Việt, Quốc Dân đảng để thành lập chính quyền tay sai. Tuần phủ trở thành Tỉnh trưởng, Tri phủ trở thành Huyện trưởng. Nham hiểm hơn nữa, chúng sử dụng bọn tay sai tổ chức mít tinh để tuyên truyền *thuyết đồng văn, đồng chủng, khối thịnh vượng chung*... nhằm che đậy cho bộ mặt cướp nước của Nhật. Phát xít, tay sai và lực lượng phản động cấu kết với nhau, gây nên bao đau thương cho nhân dân ta. Thị xã Thái Nguyên *ngheet thờ* trong không khí bắt bớ, cướp của, giết người. Trong lúc đó, nạn đói đang hoành hành dữ dội.

Ngày 5/4/1945, Nhật kéo quân lên chiếm huyện lỵ Đại Từ. Chúng đóng quân ở trại lính cũ của Pháp, mang theo bọn tay sai để lập chính quyền. Nhưng lúc ấy, lực lượng cách mạng của ta đã lớn mạnh, tạo thành thế bao vây nên chúng không thể kiểm soát được tình hình. Phạm vi cai quản của Nhật và tay sai chỉ ở những xã quanh huyện lỵ, còn các xã ở phía bắc và phía tây nam, lực lượng cách mạng vẫn làm chủ.

Ngày 9/4/1945, hai tên Nhật có Việt gian dẫn đường đi sâu vào vùng giải phóng Cát Nê - Quân Chu,

đến Ký Phú chúng đã bị quân ta diệt gọn. Đây là tiếng súng đầu tiên, mở đầu cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật của nhân dân Đại Từ, đồng thời cũng là tiếng súng đánh Nhật đầu tiên ở các châu, huyện phía nam của tỉnh.

Cay cú trước đòn trừng trị này, phát xít Nhật mở cuộc càn lớn với một lực lượng khoảng 100 tên Nhật và lính bảo an đánh vào căn cứ của ta ở Cát Nê - Quân Chu. Trận càn được chia làm hai mũi: một mũi từ thị xã Thái Nguyên qua Bình Sơn, Phúc Thuận (Phổ Yên) đánh lên Quân Chu; một mũi từ huyện lỵ Đại Từ qua Bình Thuận, Lục Ba đánh xuống Ký Phú, Cát Nê. Chúng định bao vây và tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta; giết lý trưởng làng Ký Phú và bắt giết nhân dân địa phương hòng uy hiếp tinh thần để tách nhân dân ra khỏi phong trào cách mạng. Được sự chỉ đạo của Phân khu B, nhân dân ta quyết tâm phá hoại âm mưu của địch. Cứu quốc quân, tự vệ tổ chức đánh địch trên đường địch hành quân. Bị đánh quyết liệt, quân Nhật phải bỏ dở trận càn. Trong trận này, quân và dân Đại Từ đã tiêu diệt hơn 10 tên địch, bảo vệ an toàn vùng giải phóng. Trong chiến công chung của nhân dân Đại Từ, có sự đóng góp của Đội du kích Cao Sơn. Các chiến sĩ ta đã dùng lối nghi binh, dựa vào rừng núi hiểm trở và được nhân dân giúp đỡ nên đã lập chiến công mà không bị thương vong.

Ở phía bắc, ngày 14/5/1945, một đơn vị lính Nhật và bảo an khoảng 300 tên tiến theo đường 13A từ

huyện lỵ Đại Từ đi Đèo Khế. Dựa thế quân đông và được trang bị tốt, bọn chúng nghênh ngang tiến quân. Trong số 300 quân ấy có một trung đội Nhật cưỡi ngựa.

Biết trước âm mưu địch, tự vệ và Cứu quốc quân với khoảng 80 người, do đồng chí Kháng (một trong 12 chiến sĩ vượt ngục Chợ Chu) chỉ huy đã phục sẵn ở Vai Cày (Phú Xuyên). Lợi dụng địa hình hiểm yếu, quân ta phục kích trên sườn núi. Ven đường nửa mọc um tùm. Từ lòng đường lên núi là những sườn đồi, vách đá dựng đứng khó vượt lên được. Từ xa, ta phát hiện ra đoàn người và ngựa của địch đang rầm rập tiến đến. Quân ta bình tĩnh chờ đợi. Để cho tốp đầu đi qua, khi tốp sau có tên quan ba cưỡi ngựa lọt vào trận địa, ta nổ súng. Tên quan ba và một tên lính tử trận. Ba con ngựa chiến trúng đạn phơi xác. Bọn Nhật dừng lại quay vào xóm đốt nhà rồi rút về. Chúng thiêu xác hai tên chết trận ở đầu phố Đại Từ. Lực lượng ta rút an toàn. Cuộc hành quân đầu tiên của quân Nhật lên phía bắc hòng tiêu diệt cơ quan chỉ huy và khủng bố vùng giải phóng đã thất bại.

Hôm sau phát xít Nhật lại tập trung quân chia nhiều ngả tiến đánh núi Hồng, nơi đặt cơ quan chỉ huy của ta. Một toán từ Tuyên Quang đánh vào Thanh La (Sơn Dương). Toán thứ hai từ Cây số 31, qua Quảng Nạp đánh sang phía bắc Đại Từ để tiến vào Na Mao. Toán thứ ba từ huyện lỵ Đại Từ đánh thẳng lên núi Hồng. Toán đánh vào Thanh La bị quân

và dân Sơn Dương chặn đánh. Toán từ huyện lỵ Đại Từ lên lọt được vào Đình Đồi. Du kích bắn chết 1 tên và bị thương 8 tên khiến chúng hoảng sợ phải rút lui. Toán vào Na Mao không tìm được cơ quan chỉ huy của ta đã vòng về, đến xóm Đèo (Phú Cường) bị ta phục kích bắn chết 1 tên. Các tên khác phải bơi qua đầm nước mới chạy thoát. Sau thất bại này, quân Nhật không dám càn lên vùng giải phóng phía bắc Đại Từ. Bọn phản động Đại Việt, Quốc Dân đảng tay sai của Nhật cũng nhiều lần vào Hoàng Nông, La Bằng nhưng đều bị ta chặn đánh, diệt một số tên.

Trong thời gian này, đồng chí Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, nhiều lần đến kiểm tra phong trào Đại Từ và cho ý kiến chỉ đạo, đã giúp phong trào cách mạng của địa phương phát triển mạnh mẽ.

Tháng 5/1945, Lãnh tụ Hồ Chí Minh về Tân Trào, từ đó nơi này trở thành *Thủ đô* của Khu giải phóng. Đồng chí Hoàng Hữu Kháng, sau trận Vai Cày được điều về Tân Trào làm công tác bảo vệ Bác¹.

Từ đây, Đại Từ vinh dự là thành lũy che chắn cho Thủ đô cách mạng và bảo vệ đường dây liên lạc của Đảng từ Tân Trào về xuôi.

¹ Hoàng Hữu Kháng, còn có tên là Nguyễn Kháng, Nguyễn Văn Cao, Nguyễn Văn Lý, quê tỉnh Thái Bình, nhiều năm làm cảnh vệ bảo vệ Bác Hồ, về sau là Cục trưởng Cục Cảnh vệ, Bộ Công an, quân hàm Thiếu tướng, được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Ở phía tây nam, Đội du kích Cao Sơn chuyển thành Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái, một số chiến sĩ xuất sắc được đi học trường Quân Chính kháng Nhật ở Tân Trào. Trung đội giải phóng quân Phạm Hồng Thái là đơn vị đánh đồn Tam Đảo¹. Ở đây có một tiểu đội Nhật và một trung đội bảo an đóng giữ. Được đồng chí Trung Đình trực tiếp chỉ đạo, Trung đội Phạm Hồng Thái đã nghiên cứu kỹ tình hình và được những người yêu nước trong hàng ngũ lính bảo an giúp đỡ. Khi nổ súng, anh em binh lính bảo an đã theo cách mạng, cùng phối hợp đánh Nhật. Quân Nhật ở Tam Đảo bị tiêu diệt. Ta thu nhiều vũ khí và chiến lợi phẩm, trong đó có chiếc máy vô tuyến điện. Chiếc máy này được mang về Tân Trào trang bị cho quân đội ta. Ta giải phóng một số người Pháp bị Nhật giam ở đây. Số người Pháp này được đưa về Tân Trào. Đây là một chiến thắng vang dội được báo cáo lên Trung ương Đảng và Bác Hồ. Các báo, đài trong nước và nước ngoài cũng đưa tin vì trận này là trận công đồn đầu tiên của lực lượng cách mạng đánh vào quân đội Nhật.

Sau trận đánh đồn Tam Đảo, này đơn vị đã tiến đánh quân *Đông minh giả*² ở đồn điền Phúc Thuận

¹ Tam Đảo là một thị trấn nghỉ mát của Pháp ở đỉnh một ngọn trong dãy núi Tam Đảo. Từ đây có đường ô tô đi ngoắt ngoéo xuống chân núi, rồi ra Vĩnh Yên; cũng từ đây có đường mòn xuống Quân Chu (Đại Từ). Địch đóng ở đây để ngăn chặn liên hệ giữa vùng giải phóng Đại Từ và Vĩnh Yên, nay là Vĩnh Phúc.

² Bọn đông minh giả có đến mấy chục tên do Đội Đối (đội khổ đả đảo ngũ sau ngày 9/3) đứng đầu, tự xưng là Chánh nguyên soái, hấn phong

(phủ Phổ Yên). Bọn đồng minh giả cấu kết với Nhật để gây rối, ngăn chặn đường liên lạc của ta về xuôi. Trung đội Phạm Hồng Thái đã phối hợp với tự vệ địa phương trừng trị bọn đầu sỏ, phá vỡ hoàn toàn tổ chức phản động này. Đường dây liên lạc từ miền xuôi lên Tân Trào được thông suốt. Nhiều cán bộ được bảo vệ đi lên Tân Trào an toàn, trong đó có các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Lê Thanh Nghị, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Văn Trân... đi dự Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng và Quốc dân đại hội ở Tân Trào theo con đường này.

Tháng 6/1945, ta phá kho thóc Tràng Dương chia cho dân để chống đói. Đồng thời ta trừng trị bọn phản động ở địa phương. Cũng như các xã ở phía bắc, phong trào hoạt động của các hội cứu quốc ở phía nam và tây nam cũng rất rầm rộ. Khắp một vùng từ Cù Vân, An Khánh lên đến các xã gần trung tâm huyện lỵ rồi lên phía bắc, xuống phía tây nam, phong trào cách mạng đã đẩy lên đều khắp và sôi nổi.

Phối hợp với phong trào nổi dậy của nông dân, công nhân mỏ than Làng Cẩm tổ chức bãi công và uy hiếp đồn binh Nhật, tên chủ khiếp sợ phải bỏ trốn. Từ tháng 7/1945, công nhân hoàn toàn làm chủ mỏ than. Công nhân mỏ còn bắt liên lạc với các xã xung quanh để phối hợp hoạt động. Chính quyền tay sai của địch từ huyện đến xã càng rệu rã. Được cán bộ ta

cho Lý Mười và Lân là Phó chánh nguyên soái. Bọn chúng trương cờ có hai chữ *đồng minh* để đi cướp bóc.

tuyên truyền và bị lực lượng cách mạng uy hiếp, Huyện trưởng Ngô Tuấn Tiếp dẫn 20 lính bảo an mang theo 28 súng ra hàng. Trong huyện lỵ chỉ còn một nhóm quân Nhật hoàn toàn bị cô lập.

Sang tháng 8/1945, tình hình thế giới có những chuyển biến lớn. Hồng quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật tại Đông Bắc Trung Quốc. Mỹ thả hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki của Nhật. Ngày 10/8/1945 Chính phủ Nhật gửi đề nghị đầu hàng cho Đồng Minh. Thời cơ giành độc lập của dân tộc ta đã tới. Ngay ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do Tổng Bí thư Trường Chinh đứng đầu. Tối 13/8, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ban hành Quân lệnh số 1, quyết định khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Mệnh lệnh khởi nghĩa được phát ra từ Thủ đô cách mạng Tân Trào đã nhanh chóng lan đi khắp nơi. Lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch: *Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến, đồng bào toàn quốc hãy đứng dậy, đem sức ta mà giải phóng cho ta*¹ đã vang lên trong lòng những người dân đang thiết tha với độc lập, tự do. Cùng đồng bào cả nước, nhân dân Đại Từ đẩy mạnh hoạt động cách mạng, quyết tâm giải phóng quê hương, đất nước.

Chấp hành mệnh lệnh khởi nghĩa, Quân giải phóng ở Đại Từ tiến về chuẩn bị đánh huyện lỵ. Quân

¹ Văn kiện Đảng (1939 - 1945), tập III, Sđd, tr.533.

Nhật phải vào lô cốt cố thủ. Giữa lúc đó, ta lại nhận được lệnh: cần đưa đại bộ phận lực lượng vũ trang về thị xã Thái Nguyên đánh Nhật. Giải quyết được lực lượng Nhật ở tỉnh lỵ thì quân Nhật ở các nơi không đánh cũng tan rã. Do vậy, ta chỉ để lại một bộ phận nhỏ để bao vây địch, còn lực lượng lớn chuẩn bị kết hợp với quân chủ lực kéo về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Chiều 16/8/1945, Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã tiến đến Đồng Mãng, Đồng Cọ (xã Yên Lãng). Giải phóng quân đã gặp đồng chí Trung Đình và đồng chí Nhị Quý. Đồng chí Chỉ huy trưởng Giải phóng quân trao đổi kế hoạch tiến quân với hai đồng chí lãnh đạo địa phương. Sau khi được đồng bào địa phương cung cấp lương thực, bổ sung thêm lực lượng, quân cách mạng từ Đại Từ đã tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Cùng thời gian đó ở phía tây nam, bộ phận còn lại của Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái được bổ sung thêm lực lượng tự vệ đã vòng qua Phúc Thuận tiến lên chiếm Gia Sàng, phối hợp với quân chủ lực bao vây quân Nhật ở thị xã. Chiều ngày 20/8/1945, một cuộc mít tinh lớn được Việt Minh tổ chức ở sân vận động thị xã. Thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, đồng chí Võ Nguyên Giáp tuyên bố xóa bỏ chính quyền thân Nhật, thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch.

Ngày 22/8/1945, trên đường từ Tân Trào về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi qua huyện Đại Từ. Trong thời điểm quân Nhật chưa chịu đầu hàng, việc bảo vệ an toàn cho Người có một ý nghĩa to lớn. Đồng chí Đàm Trung Y vinh dự được chọn dẫn đường đưa Bác về xuôi. Bác và đơn vị cảnh vệ dừng chân nghỉ ăn cơm trưa tại nhà bà Tạc Thị Tình (thường gọi là bà Quảng) ở xóm Suối Cát, xã Phục Linh (nay là xã Hà Thượng), huyện Đại Từ. Xế chiều 22/8, Bộ Chỉ huy Quân giải phóng cho xe lên đón Bác về thị xã Thái Nguyên.

Ngày 25/8/1945, phái viên của Bộ Tư lệnh quân đội Nhật cùng phái viên Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc từ Hà Nội lên để tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật ở Thái Nguyên. Ngày 26/8/1945, quân Nhật tại tỉnh Thái Nguyên sau khi nộp khí giới rồi rút về Hà Nội.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ hân hoan trong ngày sạch bóng quân xâm lược. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập thay thế cho Ủy ban Dân tộc giải phóng lâm thời của huyện¹.

Suốt trong thời kỳ vận động Cách mạng Tháng Tám, các đồng chí đảng viên ở La Bằng đều đi thoát ly, bổ sung cho lực lượng vũ trang. Cơ sở Đảng chỉ có trong các đơn vị Cứu quốc quân. Đồng chí Ngô Nhị Quý và đồng chí Lê Trung Đình sau khi vượt ngục Chợ Chu

¹ Ủy ban gồm có: Việt Hưng: Chủ tịch; Công Bằng: Phó Chủ tịch; Giáo Sỹ: Ủy viên; Bảo Loan: Thủ quỹ; Bích Văn: Thư ký.

đều trở thành cán bộ Đảng phụ trách. Huyện Đại Từ trực thuộc Khu ủy Nguyễn Huệ. Đến tháng 5/1945, tại hội nghị Định Biên Thượng (Định Hóa), đồng chí Ngô Nhị Quý và đồng chí Lê Trung Đình được bổ sung vào Khu ủy. Cả hai đồng chí vẫn phụ trách huyện Đại Từ.

Tuy Đảng bộ huyện chính thức ra đời sau Cách mạng tháng Tám nhưng trong suốt thời gian từ năm 1936 - khi có cơ sở Đảng đầu tiên, đến năm 1945, Đại Từ vẫn luôn được tổ chức Đảng lãnh đạo. Các cán bộ lãnh đạo của Đảng như: Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn, Song Hào ở những thời điểm khác nhau đã lãnh đạo phong trào cách mạng của Đại Từ.

Qua một chặng đường 9 năm đấu tranh do Đảng lãnh đạo (1936 - 1945), phong trào cách mạng Đại Từ đã trưởng thành lớn mạnh, gắn với phong trào cách mạng toàn quốc và được sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương, Xứ ủy. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đã được những cán bộ cách mạng Đại Từ vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của địa phương. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, có sự phối hợp của Cứu Quốc quân, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng Khởi nghĩa Tháng Tám 1945.

CHƯƠNG II

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO BẢO VỆ, CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

I. Bảo vệ, củng cố chính quyền cách mạng; chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1947)

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Từ sau thắng lợi đó, nhân dân lao động nước ta thoát khỏi kiếp sống nô lệ và thực sự trở thành người làm chủ xã hội.

Tuy nhiên, trước mắt nhân dân ta đang có nhiều khó khăn rất lớn: Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Vận mệnh của Nhà nước cách mạng non trẻ đang bị đe dọa. Tình hình nước ta lúc đó chẳng khác gì *ngàn cân treo sợi tóc*. Trong bối cảnh chung của cả nước, Thái Nguyên và huyện Đại Từ nói riêng sau khi giành được chính quyền (tháng 8/1945) cũng gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Phần lớn ruộng đất ở Đại Từ tập trung trong tay giai cấp địa chủ phong kiến. Nông dân lao động không có hoặc thiếu ruộng đất cày cấy. Thêm vào đó là hậu quả của chính sách cai trị, khai thác và bóc lột hơn nửa thế kỷ (1884 - 1945) của thực dân Pháp đã làm cho nền kinh tế tự nhiên rơi vào tình trạng trì trệ, lạc hậu.

Đại Từ lại vừa trải qua gần 5 tháng bị giặc Nhật cướp bóc, tàn phá nên càng thêm xơ xác, tiêu điều. Tiếp đó, vào tháng 8/1945, trận lụt lớn xảy ra làm úng ngập nhiều diện tích đồng ruộng, không thể cày cấy được. Nguy cơ nạn đói mới đang là một mối đe dọa đối với hầu hết các gia đình trong huyện. Lương thực, thực phẩm và các nhu cầu cần thiết khác cho đời sống hằng ngày như dầu thắp, muối ăn, vải mặc... rất thiếu thốn. Lợi dụng tình hình này, một số phần tử buôn bán đầu cơ trục lợi, thao túng thị trường, làm cho giá cả sinh hoạt tăng cao. Tài chính, ngân sách của chính quyền mới hoàn toàn không có. Tiền tệ lưu hành lúc này lại rất phức tạp, vừa tiền Đông Dương, tiền Việt Nam và khi quân của Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc do Tưởng Giới Thạch cầm đầu (thường gọi là quân Tàu Tưởng) tràn qua, lại phải sử dụng cả đồng tiền *quan kim* vô cùng mất giá.

Hậu quả của chính sách cai trị và bóc lột của thực dân Pháp không chỉ làm cho dân ta ăn đói, mặc rách mà còn bị hãm trong vòng ngu dốt, lạc hậu. Nạn mù chữ là tình trạng phổ biến trong nhân dân các dân tộc, có nơi - nhất là các xã ở phía bắc huyện trên 95% số dân mù chữ. Điều đó đã hạn chế nhiều đến việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Ngoài ra, các tệ nạn xã hội khác do chế độ cũ để lại như mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc cùng với những hủ tục nặng nề và tốn kém trong ma chay, cưới xin... đều là những trở ngại lớn cho sự tiến bộ của xã hội.

Giữa lúc đang có nhiều khó khăn chồng chất thì chính quyền cách mạng phải lo đối phó với âm mưu và hành động chống phá của các thế lực phản động.

Sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, một bộ phận quân Tưởng khoảng 5 nghìn tên trong Quân đoàn 93 thuộc Phương diện quân thứ nhất, trên đường từ Tuyên Quang về Hà Nội đã qua Đại Từ. Núp dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng Minh vào Đông Dương làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, chúng âm mưu thực hiện ba mưu đồ thâm độc: tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương; phá tan Việt Minh và lật đổ chính quyền cách mạng, dựng lên một chính quyền tay sai thân Tưởng. Do đó, đi tới đâu, quân Tưởng đều ngang nhiên chiếm nhà dân, trắng trợn cướp phá, bắt ép dân ta phải tiêu đồng tiền *quan kim* mất giá, đòi chính quyền cách mạng phải cung cấp lương thực, thực phẩm cho chúng. Chúng còn lập trụ sở *Nam Dương Hoa kiều Hiệp hội*, xúi giục người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc; lôi kéo các phần tử lưu manh, trộm cắp tiến hành các hành động chống đối chính quyền...

Chính quyền cách mạng ở địa phương lúc đó đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Tuy nhiên, công cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ và củng cố thành quả cách mạng ở Đại Từ cũng có những thuận lợi rất cơ bản.

Đồng bào các dân tộc Đại Từ đã từng trải qua nhiều thử thách trong lịch sử; luôn đoàn kết, gắn bó; có truyền

thống yêu quê hương đất nước, có bản lĩnh kiên cường, không chịu khuất phục trước cường quyền, áp bức. Những đức tính và truyền thống tốt đẹp đó được cách mạng nuôi dưỡng và phát huy cao độ trong cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo.

Từ sau ngày thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời huyện (ngày 28/8/1945), nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ thực sự giành được quyền làm chủ. Từ đây, người dân Đại Từ thoát khỏi mọi sự khổ nhục của kiếp nô lệ, được sống trong độc lập, tự do và được hưởng những quyền lợi do chính quyền cách mạng đem lại. Bởi vậy, họ thấy rõ giá trị thiêng liêng của quyền sống trong độc lập tự do, sẵn sàng xả thân để bảo vệ quyền lợi đó.

Trong cuộc đấu tranh bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng, nhân dân các dân tộc Đại Từ không chỉ nhận được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy cũng như các đồng chí cán bộ cấp trên, mà còn có sự lãnh đạo trực tiếp của các tổ chức cơ sở Đảng địa phương. Tháng 9/1945, tại xã Cát Nê, Chi bộ Đảng được thành lập. Đến đầu năm 1946, tại huyện Đại Từ đã có 3 chi bộ với tổng số 10 đảng viên. Thực hiện chủ trương đẩy mạnh xây dựng tổ chức Đảng ở các huyện, xã của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh; cũng trong đầu năm 1946, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã quyết định thành lập Đảng bộ huyện Đại

Từ, chỉ định Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện và chỉ định đồng chí Đàm Văn Ứng giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy. Sự ra đời của Đảng bộ huyện là một sự kiện chính trị rất quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới về chất của phong trào cách mạng huyện Đại Từ. Từ đây, sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, phát triển quê hương của nhân dân các dân tộc trong huyện, đã có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ Đại Từ. Cũng vào thời gian này, lực lượng vũ trang được củng cố, phát triển nhanh chóng ở hầu hết các xã. Tuy trang bị còn rất thô sơ và thiếu thốn nhưng đó là lực lượng nòng cốt trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững trật tự trị an trong huyện.

Đứng trước tình trạng mất mùa, đói kém ở địa phương, ngay sau khi thành lập Đảng bộ huyện Đại Từ đã kịp thời có chủ trương lãnh đạo toàn dân tập trung khắc phục hậu quả lũ lụt; tích cực tham gia cứu đói và hăng hái phục hồi sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy lâm thời, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy lâm thời và chính quyền huyện, nhân dân các dân tộc Đại Từ nhiệt liệt hưởng ứng phong trào lập *Hũ gạo tiết kiệm cứu đói* và tổ chức lạc quyền cứu đói. Nhiều gia đình trong các xã thực hiện *Ngày đồng tâm nhịn ăn, dành gạo cứu đói người nghèo khó*. Truyền thống đoàn kết, thương

yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau được thể hiện và phát huy cao độ trong toàn dân.

Nhằm giải quyết căn bản nạn đói, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, tổ chức Đảng và chính quyền các cấp phát động một phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Khắp các xã trong huyện, nhân dân các dân tộc đều thi đua khai hoang, phục hóa, thực hiện khẩu hiệu: *Không để một tấc đất bỏ hoang*. Ngoài việc cấy lúa, bà con nông dân trồng thêm nhiều loại hoa màu ngắn ngày. Trong sản xuất, đồng bào giúp nhau về nhân công, trâu cày. Những gia đình có nhiều ruộng san sẻ cho những gia đình ít ruộng để cùng nhau sản xuất. Nhờ có sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân, diện tích gieo trồng và sản lượng lương thực của huyện đều tăng lên rõ rệt. Kết quả đó không chỉ có tác dụng bảo đảm cho nhân dân các dân tộc trong huyện mà còn giúp cho đồng bào ở các địa phương khác vượt qua cơn đói.

Để giải quyết khó khăn về tài chính của chính quyền cách mạng trong thời kỳ đầu mới thành lập, ngay từ đầu tháng 9/1945, Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh lập *Quyĩ độc lập* và phát động *Tuần lễ vàng*.

Mặc dù đời sống còn nhiều thiếu thốn, nhưng với tấm lòng yêu nước, yêu chế độ, cán bộ và nhân dân trong huyện đều nhiệt tình tham gia quyên góp, ủng hộ Nhà nước cách mạng. Đồng bào các dân tộc, nhất là

chị em phụ nữ tự nguyện góp vàng, bạc, đồ tư trang, kể cả những kỷ niệm trong đời tư của mình như nhẫn cưới, vòng cổ... ủng hộ Chính phủ. Ở nhiều xã, đồng bào còn tình nguyện mang trâu, bò cùng nhiều tài sản khác đóng góp cho cách mạng. Số vàng, bạc và những tài sản đó là một phần đóng góp quý báu giúp cho Nhà nước giải quyết những khó khăn về chi tiêu trước mắt và mua sắm thêm vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang.

Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh, nước giàu, *Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ*¹. Nhận thức rõ điều đó, Mặt trận Việt Minh và các cấp chính quyền ra sức vận động nhân dân tham gia phong trào thanh toán nạn mù chữ.

Do bị đế quốc, phong kiến đè nén và kìm hãm trong vòng dốt nát, tăm tối, nay được cách mạng giải phóng và đem lại mọi quyền lợi, nhân dân các dân tộc Đại Từ sôi nổi hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ.

Tuân theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: *Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học*

¹ Hồ Chí Minh (1984), Hồ Chí Minh toàn tập, tập IV, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.28-29.

*cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo*¹, ở khắp các xã đều mở các lớp bình dân học vụ. Nhiều nơi tổ chức được lớp học cho các lứa tuổi. Mọi người dân, từ nam nữ thanh niên đến các cụ già, các chị em phụ nữ có con nhỏ... đều phấn khởi đến lớp học. Ban ngày, bà con đi làm đồng; tối đến lại đốt đuốc, thắp đèn, rủ nhau đi học chữ.

Để chỉ đạo phong trào thanh toán nạn mù chữ, Ban bình dân học vụ huyện và xã được thành lập; phân công cán bộ xuống cơ sở để vận động quần chúng và tổ chức phong trào. Hầu hết các xã đều có các hình thức kiểm tra, đố chữ, tính cộng, trừ, nhân, chia đơn giản theo định kỳ hoặc đột xuất tại các cổng chợ, đầu làng, dọc đường đi... để khuyến khích, động viên mọi người tham gia chống nạn mù chữ.

Nhờ sự nhiệt tình tham gia của đông đảo quần chúng, lại có sự chỉ đạo chặt chẽ cùng với nhiều biện pháp cụ thể, phong phú, chỉ sau một năm thực hiện cuộc vận động xóa nạn mù chữ, tỷ lệ dân số mù chữ giảm xuống nhanh chóng; phần lớn những người trong độ tuổi từ 8 đến 45 tuổi đã biết đọc, biết viết. Các trường, lớp bổ túc văn hóa và phổ thông ở bậc tiểu học được mở rộng, thu hút con em đồng bào các dân tộc ngày một nhiều.

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập, tập IV, Sđd, tr.29.*

Cùng với phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ, việc thực hiện nếp sống mới, bài trừ các tập tục xấu được đẩy mạnh. Những khẩu hiệu, áp phích... tuyên truyền lối sống mới, đả kích những thói hư tật xấu... được dán ở những nơi có đông người qua lại. Các đoàn thể Cứu quốc tích cực vận động hội viên thực hiện đời sống mới. Tình trạng tổ chức ăn uống kéo dài trong ma chay, cưới xin, hội hè... giảm dần. Bộ mặt xã hội của huyện thay đổi từng bước. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng và chính quyền dân chủ nhân dân nhờ đó càng lan rộng trong quần chúng.

Tin tưởng vào chế độ mới, nhân dân các dân tộc Đại Từ tích cực tham gia xây dựng nền móng chính quyền dân chủ nhân dân, làm cho chính quyền có đủ sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù, vượt qua mọi thử thách, gian nguy.

Những ngày đầu sau khi thành lập, do điều kiện lịch sử, thành phần trong bộ máy chính quyền, nhất là ở cấp xã còn phức tạp, một số chức vụ quan trọng như chủ tịch, phó chủ tịch... nằm trong tay những người thuộc tầng lớp trên hoặc các hào lý cũ. Tình hình đó cộng với những khó khăn trước mắt đòi hỏi phải nhanh chóng củng cố bộ máy chính quyền, thực sự trở thành của dân, do dân bầu ra và vì quyền lợi của nhân dân.

Ngày 23/12/1945, trong không khí tưng bừng của ngày hội Tổng tuyển cử, nhân dân các dân tộc

huyện Đại Từ phần khởi và tự hào đi bỏ phiếu bầu những đại biểu xứng đáng tham gia vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong đó, đồng chí Trung Thành, dân tộc Nùng, quê xã Phú Xuyên là một trong 3 đại biểu của tỉnh Thái Nguyên được bầu vào Quốc hội khóa I¹. Tháng 2/1946, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các tổ chức cơ sở Đảng, Mặt trận Việt Minh, chính quyền các xã, đồng bào các dân tộc trong huyện nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp ở địa phương². Đến khoảng tháng 4/1946, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, xã bầu xong Ủy ban Hành chính. Cũng từ đó, cơ quan, chính quyền địa phương ngày càng được củng cố.

Nhận rõ sức mạnh của chính quyền chủ yếu dựa trên sức mạnh của quần chúng nhân dân, Đảng bộ rất quan tâm xây dựng, củng cố các tổ chức đoàn thể quần chúng.

Trong quá trình vận động cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Việt Minh đã tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia, dẫn tới

¹ Ngày 17/10/1945, Chính phủ lâm thời ra Sắc lệnh số 51/SL, quy định thể lệ cuộc Tổng tuyển cử và ấn định đến ngày 23/12/1945 sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước. Nhằm tạo điều kiện cho việc chuẩn bị Tổng tuyển cử chu đáo hơn nữa, ngày 18/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 76/SL hoãn cuộc Tổng tuyển cử đến ngày 6/1/1946. Tỉnh Thái Nguyên không nhận được Sắc lệnh số 76/SL nên vẫn tổ chức bầu cử theo Sắc lệnh số 51/SL.

² Theo quy định của Trung ương, Hội đồng nhân dân chỉ bầu ở hai cấp: xã và tỉnh. Do đó, Ủy ban Hành chính cấp huyện do đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bầu ra.

thắng lợi của khởi nghĩa giành chính quyền. Để củng cố về tổ chức, phát triển rộng rãi quần chúng tham gia các hội Cứu quốc, trước hết phải củng cố hệ thống tổ chức Mặt trận Việt Minh từ huyện đến xã. Theo tinh thần đó, các Ban Việt Minh từ xã đến huyện được kiện toàn.

Để mở rộng hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, tập trung sức mạnh của quần chúng nhân dân các dân tộc trong huyện vào công cuộc đấu tranh bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám và xây dựng cuộc sống mới, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, cuối năm 1946, Hội Liên Việt huyện Đại Từ thành lập. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng, Hội Liên Việt đã tích cực vận động quần chúng tham gia sôi nổi vào các phong trào ở địa phương.

Cùng với việc củng cố, kiện toàn từng bước bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, các cơ quan chức năng chuyên chính ở địa phương được xây dựng và phát triển. Cuối năm 1946, Ủy ban Bảo vệ huyện và các xã ra đời. Thành phần của Ủy ban gồm một đại biểu Ủy ban Hành chính, một đại biểu Hội đồng nhân dân và một đại biểu lực lượng vũ trang - Ủy ban Bảo vệ là một công cụ bạo lực của chính quyền dân chủ nhân dân thời bấy giờ, Ủy ban Bảo vệ vừa làm nhiệm vụ trấn áp bọn phản động, thổ phỉ, giữ gìn trật tự trị an ở địa phương; vừa trực tiếp xây dựng, chấn chỉnh lực lượng vũ trang và bán vũ trang.

Giữa tháng 9/1945, tại Trường Xô, xã Phấn Mễ (nay là thị trấn Giang Tiên) huyện Phú Lương, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh được triệu tập, có đủ đại biểu các huyện về dự. Hội nghị công bố Nghị quyết của Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, gồm 8 đồng chí, do đồng chí Ngô Nhị Quý giữ chức Bí thư. Hội nghị đã bàn, thống nhất một số chủ trương, biện pháp đối phó với quân Tưởng đang có mặt trên địa bàn Thái Nguyên.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy lâm thời, trước âm mưu và hành động khiêu khích của quân Tưởng, một mặt huyện Đại Từ chủ động thương lượng, nhân nhượng cung cấp cho chúng một phần yêu cầu về lương thực, thực phẩm...; mặt khác, luôn cương quyết đấu tranh giữ vững chủ quyền, an ninh; đồng thời phát động quần chúng tiến hành bao vây kinh tế và kiên quyết trừng trị những hành động quấy nhiễu, cướp bóc của chúng.

Bằng những giải pháp khôn khéo, mềm dẻo nhưng kiên quyết đó, nhân dân Đại Từ đã góp phần cùng quần dân tỉnh Thái Nguyên làm thất bại âm mưu thâm độc của quân Tưởng và bẻ gãy tay sai. Không đạt được âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của nhân dân ta, sau một thời gian chiếm đóng, quân Tưởng phải rút khỏi Đại Từ, xuống thị xã Thái Nguyên để về Hà Nội.

Giữa lúc đó, tại miền Nam nước ta, được đế quốc Anh dọn đường và che chở, ngày 23/9/1945, thực dân

Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn. Thế là *kẻ thù không đội trời chung của đồng bào ta 80 năm nay lại hiện ra trước mắt*¹.

Với tinh thần quyết tâm giữ vững độc lập, tự do, nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Chính phủ và Hồ Chủ tịch kêu gọi đồng bào cả nước *Phải trút toàn lực vào đó. Hy sinh hết thảy vì kháng chiến. Hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam*². Máu chảy ruột mềm, quân và dân Thái Nguyên cùng đồng bào cả nước hướng về Nam Bộ kháng chiến. Tại huyện Đại Từ, phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến diễn ra sôi nổi trong tất cả các ngành, các giới. Hướng về đồng bào miền Nam ruột thịt, các tầng lớp nhân dân trong huyện tổ chức mít tinh, biểu tình, phản đối hành động xâm lược của thực dân Pháp. Băng cờ, biểu ngữ, khẩu hiệu: *Đả đảo thực dân phản động Pháp xâm lược, Ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, Nước Việt Nam của người Việt Nam...* được căng lên ở khắp nơi, càng khích lệ tinh thần dân tộc trong mỗi người. Nhiều thanh niên, con em của đồng bào các dân tộc trong huyện hăng hái đến các *Phòng Nam bộ* ghi tên tình nguyện vào Nam đánh giặc, tham gia chiến đấu ở các chiến trường miền Đông và miền Tây Nam Bộ.

¹ Hiệu triệu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - *Báo Cứu quốc* - số ra ngày 24/9/1945.

² Lời kêu gọi *Ủng hộ kháng chiến Nam bộ* do đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Chính phủ lâm thời đọc tháng 9/1945, xem Võ Nguyên Giáp (1976), *Những sự kiện lịch sử Đảng, tập II*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.29.

Cùng với phong trào Nam tiến, thanh niên các dân tộc hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang, thể hiện rõ ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng. Thẩm nhuần đường lối vũ trang toàn dân, Đảng bộ địa phương rất coi trọng việc xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang. Trong thời kỳ khởi nghĩa giành chính quyền, chúng ta đã xây dựng được lực lượng tự vệ tương đối mạnh. Sau Cách mạng Tháng Tám, do yêu cầu chung của các mạng cả nước, hầu hết cán bộ, chiến sĩ có kinh nghiệm chiến đấu đều được điều động vào các đoàn quân *Nam tiến* hoặc chuyển sang các đơn vị Vệ quốc đoàn. Vì vậy, tại địa phương chỉ còn lại một số cán bộ khung và vũ khí thô sơ. Trong tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương động viên sức người, sức của trong nhân dân để củng cố và phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ. Thanh niên nam nữ các dân tộc trong huyện tình nguyện gia nhập lực lượng vũ trang. Nhờ vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, hầu hết các xã đều xây dựng và phát triển các đội tự vệ thường, tự vệ chiến đấu và du kích tập trung. Một số xã như An Khánh, Cù Vân, Phục Linh còn thành lập được các đội nữ du kích. Các ủy viên trong ban Việt Minh hoặc ủy viên quân sự trong ủy ban hành chính được cử sang phụ trách các đơn vị tự vệ chiến đấu và các đơn vị du kích. Đội du kích tập trung của huyện được trang bị tương đối tốt, có tổ chức chỉ huy chặt chẽ.

Trên cơ sở xây dựng, củng cố lực lượng tự vệ ở các xã, một số đội viên tự vệ chiến đấu và đội viên du kích được tuyển chọn để xây dựng đội cảnh vệ, làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan huyện.

Nhân dân các dân tộc trong huyện tình nguyện đóng góp sức người, sức của để xây dựng lực lượng, mua sắm vũ khí và trang bị. Nhờ có sự cấp dưỡng của quần chúng nhân dân và sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp bộ Đảng, lực lượng vũ trang địa phương phát triển nhanh chóng, trở thành lực lượng nòng cốt trong công cuộc kháng chiến bảo vệ quê hương.

Với bản chất phản động, hiếu chiến, thực dân Pháp ngang nhiên “xé bỏ” Hiệp ước sơ bộ ngày 6/3 và Tạm ước ngày 14/9/1946. Chúng liên tiếp gây ra những hành động xâm lược ngày càng trắng trợn.

Những hành động xâm lược của thực dân Pháp đã xâm phạm đến độc lập, chủ quyền của đất nước ta. Nhân dân ta chỉ còn một con đường duy nhất để bảo vệ độc lập tự do là phải cầm vũ khí, tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Các ngày 18 - 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng và quyết định phát động cuộc kháng chiến trong cả nước.

Để bảo đảm cho cuộc kháng chiến thắng lợi, cần phải có một hậu phương vững chắc. Với tầm nhìn xa trông rộng, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã chọn

vùng rừng núi 3 tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang để xây dựng căn cứ địa, trong đó trung tâm là tỉnh Thái Nguyên.

Vùng rừng núi Thái Nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng: *Tiến có thể đánh, lui có thể giữ*. Địa thế vùng này hiểm trở, có thể che mắt và cản trở mọi hoạt động của địch, ngược lại tạo điều kiện thuận lợi cho mọi hoạt động kháng chiến của ta. Đất đai và sản vật vùng rừng núi rộng lớn và phong phú, đảm bảo được một phần lớn nhu cầu về hậu cần tại chỗ, giúp cho lực lượng kháng chiến tồn tại và phát triển. Đồng bào các dân tộc nơi đây có truyền thống gắn bó với quê hương đất nước, đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm, lại sớm có Đảng giáo dục, giác ngộ...

Tất cả những yếu tố trên đã tạo điều kiện cho Bắc Kạn, Thái Nguyên và Tuyên Quang trở thành căn cứ địa kháng chiến, trong đó Thái Nguyên là trung tâm. Đầu tháng 11/1946, Trung ương Đảng thành lập Đội công tác đặc biệt gồm đại biểu các ngành quân sự, an ninh, chính quyền, đoàn thể... do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách. Đội có nhiệm vụ nghiên cứu đường di chuyển và cùng các ngành hữu quan tổ chức di chuyển các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ và kho tàng, công xưởng của Nhà nước lên Việt Bắc. Đại Từ cùng một số các huyện khác như Định Hóa, Phú Lương, Võ Nhai (Thái Nguyên), Chợ Đồn, Bạch Thông (Bắc Kạn), Sơn Dương (Tuyên Quang) là nơi tiếp nhận các cơ

quan, công xưởng của Trung ương và Liên khu chuyển đến. Từ kinh nghiệm bảo vệ cán bộ, cơ quan trong thời kỳ bí mật, chúng ta chủ trương xây dựng các khu an toàn (gọi tắt là ATK) làm nơi ở, làm việc của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Địa bàn các huyện Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Võ Nhai (tỉnh Thái Nguyên), Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (tỉnh Tuyên Quang) được chọn làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK) Trung ương.

Cuối năm 1946, đầu năm 1947, các cơ quan, công xưởng từ Hà Nội cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, quân đội (như Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt...) lần lượt lên ATK. Nhiều nhân sỹ yêu nước, các nhà khoa học, văn nghệ sỹ, những nhà hoạt động tôn giáo... với chiếc ba lô trên lưng, trèo đèo, lội suối cũng lên Việt Bắc để kháng chiến.

Như vậy, từ ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, huyện Đại Từ có một vị trí chiến lược rất quan trọng: Vừa là ATK, vừa là một trong những cửa ngõ trực tiếp bảo vệ khu trung tâm ATK. Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của một địa bàn được Đảng và Chính phủ chọn làm căn cứ kháng chiến của cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị quân đội, các địa phương bạn, quyết tâm bảo vệ an toàn cho căn cứ, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và đẩy mạnh tăng gia sản xuất, bảo đảm hậu cần tại chỗ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và các cấp chính quyền địa phương, nhân dân các dân tộc Đại Từ, ngoài sự nỗ lực thi đua tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm để đảm bảo đời sống và cung cấp cho nhu cầu kháng chiến, còn dành hàng ngàn ngày công, ủng hộ tre, gỗ, nứa, lá cọ để xây dựng nơi ở và làm việc cho các cơ quan Trung ương, các kho tàng, xưởng máy. Đồng bào các dân tộc là lực lượng chủ yếu để xây dựng và bảo vệ ATK. Mọi người dân từ già đến trẻ đều thực hiện khẩu hiệu “ba không”: không nói chuyện làm lộ bí mật; không nghe những điều không có liên quan đến mình; không chỉ đường và cảnh giác với người lạ mặt. Đồng bào nhường nhà cửa, ủng hộ và làm nhiệm vụ tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men và những vật dụng cần thiết hàng ngày cho cán bộ, nhân viên các cơ quan kháng chiến. Ngược lại, các cơ quan Trung ương chuyển lên ATK đều có trách nhiệm cùng đồng bào địa phương tích cực xây dựng khu căn cứ ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Các cơ quan còn cử những cán bộ có năng lực giúp đỡ cấp ủy và chính quyền địa phương xây dựng và củng cố phong trào. Nhờ vậy, từ thời gian này trở đi, cơ sở Đảng ở địa phương phát triển nhanh chóng; các mặt hoạt động sản xuất, văn hóa, giáo dục... được đẩy mạnh.

Đầu năm 1947, cuộc chiến tranh lan rộng. Việc tổ chức cho nhân dân rời khỏi địa bàn có chiến sự để bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống

cho nhân dân là một vấn đề bức thiết. Thực hiện chủ trương của Trung ương, các Ủy ban di cư, tản cư các cấp được thành lập. Cùng với các địa phương trong tỉnh, Ủy ban di cư huyện Đại Từ ra đời, đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính huyện. Tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Đại Từ nói riêng lúc đó được coi là một hậu phương an toàn, cho nên đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên ngày càng nhiều. Trong tình hình đó, việc tiếp nhận đồng bào tản cư, di cư, chăm lo ổn định đời sống và tổ chức công ăn việc làm cho đồng bào, là một nhiệm vụ to lớn đặt ra đối với Đảng bộ và chính quyền địa phương.

Với truyền thống thương yêu, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau *Lá lành đùm lá rách* chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch: *Vô luận thế nào, các Ủy ban Hành chính không được bỏ dân bơ vơ*, các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, Mặt trận nhanh chóng triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, tổ chức ổn định cuộc sống. Nhân dân các dân tộc trong huyện san sẻ cho đồng bào tản cư từng mảnh ruộng, bãi nương, căn nhà, cho đến phương tiện sản xuất và phương tiện sinh hoạt. Sự quan tâm của Đảng bộ và chính quyền cũng như tình cảm sâu sắc của nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã tạo điều kiện cho đồng bào tản cư nhanh chóng ổn định đời sống sản xuất, làm cho đồng bào ngày càng gắn bó với quê hương mới, tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc.

Cùng với việc tổ chức, tiếp nhận đồng bào tản cư, thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng và chính phủ, Đảng bộ huyện Đại Từ rất chú trọng lãnh đạo công tác *Phá hoại để kháng chiến*. Ngay từ đầu năm 1947, Ban phá hoại của huyện thành lập và bắt tay vào hoạt động. Ban phá hoại chủ trương tập trung phá hoại nhà cửa, cầu cống ở những trọng điểm trên các trục đường giao thông.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: *Phá cho rộng, phá cho sâu, phá sao cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào, cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào quân địch vậy*¹, nhân dân các dân tộc trong huyện tự tay mình phá tất cả nhà cửa, cầu cống, đường giao thông ở các khu vực trọng điểm. Trên đường 13A, đoạn từ Đại Từ đi Đèo Khế và trên đường từ Quân Chu xuống Phổ Yên, nhân dân còn dựng nhiều chướng ngại vật nhằm cản bước tiến của quân thù.

Để chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến bảo vệ quê hương, bảo vệ an toàn khu Trung ương, Đảng bộ và chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang. Từ sau khi có Thông tư của Bộ Quốc phòng (tháng 2/1947) quy định và tổ chức nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương được đẩy mạnh, Đảng bộ Đại Từ vừa quan tâm củng cố các lực lượng cũ, vừa

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, tập IV, Sđd, tr.249.

tích cực xây dựng các đơn vị dân quân, du kích mới. Con em đồng bào các xã hăng hái xung phong ghi tên tòng quân. Các đội viên, dân quân, du kích được huấn luyện cách đánh giáp lá cà, gài mìn, cắm chông, phá hoại đường giao thông và sử dụng các loại vũ khí thông thường. Nhân dân địa phương tích cực hưởng ứng cuộc vận động *Mùa đông binh sĩ* tham gia giúp đỡ, ủng hộ bộ đội, thực hiện khẩu hiệu: *Mỗi làng hai áo trấn thủ, hai chăn cho bộ đội*. Đồng bào còn hăng hái đóng góp tiền, gạo, các loại vũ khí để nuôi dưỡng và trang bị cho các đơn vị lực lượng vũ trang.

Nhằm tăng cường công tác chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, từ giữa năm 1947; tiếp sau sự ra đời của Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân, ban huyện đội và các ban xã đội dân quân được thành lập và đi vào hoạt động. Vai trò lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ được tăng cường. Một số chi bộ, điển hình là Chi bộ Cao Vân - tiền thân của Đảng bộ xã Yên Lãng ngày nay vươn lên trở thành chi bộ khá của tỉnh; được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I (ngày 2/8/1947), tổ chức tại Đình An Mỹ, nay thuộc xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ đánh giá cao. Hoạt động của Ủy ban Kháng chiến Hành chính các cấp trong huyện cũng có những chuyển biến mới. Mọi ủy viên trong Ủy ban đều tích cực đi xuống cơ sở để tuyên truyền, vận động quần chúng. Nhờ đó, các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ được phổ biến sâu rộng trong dân chúng. Tuy

nhiên, do chưa được bồi dưỡng, huấn luyện nên phần lớn ủy viên trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện nhất là cấp xã thiếu năng lực và trình độ. Việc thi hành các chỉ thị của cấp trên thường không triệt để và chậm trễ. Ngân sách tài chính còn luộm thuộm, không rõ ràng vì không có chuyên môn...

Tóm lại, trải qua hai năm đấu tranh nhằm bảo vệ chính quyền, xây dựng lực lượng để chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, nhìn chung, mọi mặt hoạt động ở địa phương đều được đẩy mạnh và thu được kết quả. Trong hai năm đó, tuy mới ra đời nhưng Đảng bộ huyện Đại Từ đã nêu cao được vai trò lãnh đạo toàn diện, thường xuyên đi sát cơ sở, đi sát quần chúng. Quán triệt chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, Đảng bộ Đại Từ từng bước giải quyết mọi khó khăn về các mặt, xây dựng nền móng chính quyền dân chủ nhân dân, hoàn thành tốt bước đầu nhiệm vụ xây dựng bảo vệ ATK Trung ương. Bên cạnh đó, Đảng bộ đã tích cực tổ chức lực lượng vũ trang và xúc tiến mọi công tác chuẩn bị cần thiết cho cuộc chiến đấu chống mọi âm mưu và hành động của thực dân Pháp.

II. Trực tiếp chiến đấu, bảo vệ An toàn khu (ATK) Trung ương (1947 - 1950)

Đầu năm 1947, mặc dù thực dân Pháp mở rộng được phạm vi chiếm đóng trên đất nước ta, nhưng chúng đã thất bại trong âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh. Cuộc chiến tranh vẫn kéo dài; thực dân Pháp

ngày càng gặp nhiều khó khăn không sao giải quyết được. Trước tình hình đó, giới cầm quyền Pháp âm mưu mở cuộc tấn công quân sự trên quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc, nhằm bao vây, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực của ta để nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Kế hoạch trên được Chính phủ Pháp phê chuẩn vào tháng 7/1947.

Nắm vững bản chất, âm mưu chiến lược của thực dân Pháp, Hội nghị Quân sự toàn quốc lần thứ III (từ ngày 12 đến ngày 15/5/1947) tổ chức tại xã Đức Lương, huyện Đại Từ dự tính địch có thể mở những cuộc tiến công lớn để chiếm đóng những vị trí chiến lược của ta. Hội nghị nêu lên những hướng có khả năng bị địch tấn công: *Miền trung châu Bắc Bộ, hoặc để khống chế miền Thanh - Nghệ hay Nam - Ngãi hoặc Chúng cũng có thể mưu đồ mở cuộc tiến công vào Việt Bắc*¹. Ngày 15/9/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị vạch rõ những nhiệm vụ cấp bách trước mắt, trong đó nhấn mạnh phải *Chuẩn bị chống các cuộc quân địch đánh xuôi mũi dùi; đánh vòng thật rộng, nháy dù đổ bộ sau lưng ta*². Tiếp đó, từ ngày 27 đến ngày 29/9/1947, Bộ Tổng chỉ huy triệu tập Hội nghị Quân sự toàn quốc lần thứ IV. Dự đoán hướng tiến công của địch, hội nghị cho rằng: *Nếu địch không mạo hiểm thì đánh đồng bằng, nếu mạo hiểm thì chúng*

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), *Văn kiện quân sự của Đảng, tập II*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.195.

² *Văn kiện quân sự của Đảng*, Sđd, tr.208.

*sẽ đánh Việt Bắc. Tấn công lên Việt Bắc, chúng sẽ chiếm các tỉnh Phúc Yên, Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang, nối liền đường Hà Nội - Lạng Sơn*¹.

Nằm trên địa bàn địch có thể tiến công, cùng với quân và dân các địa phương trong tỉnh, Đảng bộ và chính quyền các cấp huyện Đại Từ tích cực triển khai mọi mặt công tác chuẩn bị chiến đấu. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Quân sự toàn quốc lần thứ ba, công tác huấn luyện cán bộ quân sự, chính trị các cấp được xúc tiến. Tháng 8/1947, tại xã La Bằng, Bộ Tổng chỉ huy mở lớp bồi dưỡng cán bộ trung cấp toàn quân. Hồ Chủ tịch đã tới dự lễ khai mạc và huấn thị cán bộ tham gia lớp học. Tiếp đó, Trường Quân chính khu cũng mở Lớp Bồi dưỡng về quân sự, chính trị cho cán bộ các cấp. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương của huyện đều được tham dự các lớp huấn luyện ngắn ngày về cách sử dụng vũ khí, cách đánh giáp lá cà, đánh quân nhảy dù, cách gài mìn, cắm chông, canh gác, báo động...

Quán triệt chỉ thị của Trung ương và liên khu, căn cứ vào các hoạt động của địch trong những tháng đầu mùa thu năm 1947, Tỉnh ủy Thái Nguyên nhận định: *Địch có thể nhảy dù để phối hợp với bộ binh càn quét chiếm đóng Thái Nguyên nhằm thực hiện âm mưu tốc*

¹ Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tư lệnh - xem Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái (1990), *Bắc Thái: Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1946 - 1954*, Nhà máy in Quân đội, tr.84

*chiến tốc thắng*¹. Từ đó, công tác phá hoại ở địa phương trong tỉnh được tiến hành khẩn trương hơn. Các tầng lớp nhân dân được huy động, phối hợp với lực lượng dân quân du kích tham gia phá hoại nhà cửa, đường sá, thực hiện *Tiêu thổ kháng chiến*. Trên nhiều tuyến giao thông, ta thành lập các trạm gác, hệ thống báo động, truyền tin. Khẩu hiệu *Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp* xuất hiện khắp các ngã đường.

Đúng như dự đoán của Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy, ngày 7/10/1947, thực dân Pháp huy động khoảng 12.000 quân, gồm 5 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 2 tiểu đoàn pháo, 2 tiểu đoàn công binh, 40 tàu chiến, ca nô và 40 máy bay các loại, mở cuộc tiến công vào căn cứ địa Việt Bắc.

Sáng sớm 7/10/1947, địch cho máy bay thả 1.200 quân dù xuống thị xã Bắc Kạn. Buổi chiều cùng ngày, chúng lại thả gần 300 lính dù đánh chiếm Chợ Mới nhằm khống chế tuyến đường Thái Nguyên đi Bắc Kạn và làm nơi tập kết những đội quân lưng sục căn cứ địa của ta. Ngày hôm sau, 4 đội quân dù tập kích chiếm huyện lỵ Chợ Đồn (Bắc Kạn)... Ngày 9/10/1947, từ Hà Nội, một binh đoàn hỗn hợp thủy, bộ của Pháp ngược dòng sông Hồng đánh chiếm Việt Trì, Tuyên Quang, Chiêm Hóa, tạo thành gọng kìm hướng tây để hội quân

¹ *Tổng kết chiến tranh Thái Nguyên*, tài liệu của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Bắc Thái.

với gọng kìm hướng đông tại Đài Thị (đông bắc Chiêm Hóa). Căn cứ địa Việt Bắc, trọng điểm là Bắc Kạn, Thái Nguyên nằm trong tình thế bị địch bao vây, chia cắt. Huyện Đại Từ đứng trước nguy cơ trực tiếp bị tấn công.

Trước tình hình trên, Đảng bộ huyện Đại Từ một mặt gấp rút tổ chức lực lượng sẵn sàng chiến đấu; một mặt lãnh đạo chính quyền và đoàn thể giúp dân sơ tán, cất giấu tài sản, lương thực, thực hiện *vườn không, nhà trống*; bảo vệ an toàn các cơ quan Trung ương và liên khu đóng tại địa phương. Lực lượng dân quân, du kích tham gia giúp nhân dân khẩn trương thu hoạch mùa màng.

Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: *Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp, vạch rõ phương hướng hành động cho quân và dân trong khu căn cứ: Giam chân địch tại mấy căn cứ chúng vừa chiếm, bao vây những căn cứ đó, thu nhỏ lại như những hòn đảo giữa bể, chặt đứt giao thông liên lạc giữa các cứ điểm của địch, không cho chúng tiếp ứng và tiếp tế; giữ gìn chủ lực nhưng cũng phải nhè những chỗ yếu của địch mà đánh những trận vang dội, những trận tiêu diệt, phát động phong trào du kích; bộ đội và dân quân, du kích phối hợp đột kích tiêu diệt, những cứ điểm chúng mới chiếm, ra sức chế súng kíp, lựu đạn, địa lôi phát cho dân quân các làng chiến đấu¹. Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị cho quân dân*

¹ Văn kiện quân sự của Đảng, tập II, Sdd, tr.246-247.

Việt Bắc cùng với cả nước phải *Làm cho địch thiệt hại nặng nề không gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này, bắt địch phải chuyển sang thế thủ.*

Chấp hành Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, quân và dân Bắc Kạn, Thái Nguyên nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, đẩy mạnh các hoạt động đánh địch, ngăn chặn các cuộc hành quân, gây khó khăn cho việc tiếp tế, tiếp viện và liên lạc giữa các vị trí chiếm đóng của địch. Cùng với các trận đánh địch trên đường giao thông và các toán quân đi lùng sục, cướp phá, bộ đội và dân quân du kích còn tổ chức những trận tập kích vào các vị trí đóng quân của chúng.

Trong quá trình chiến đấu, lực lượng của ta từng bước được điều chỉnh, bố trí lại cho phù hợp. Thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn Thái Nguyên ngày càng được củng cố vững chắc. Đến cuối tháng 10/1947, cùng với các đơn vị bộ đội chủ lực bố trí ở Yên Lãng (Đại Từ), Phú Bình, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Chợ Chu (Định Hóa), Đa Phúc..., một đại đội độc lập thuộc Trung đoàn 121 được điều về huyện Đại Từ. Cùng thời gian trên, do bị quân ta đánh mạnh, Bộ chỉ huy Pháp buộc phải rút bỏ một số vị trí ở bắc và tây bắc Bắc Kạn như Bản Thi, Yên Thịnh (Chợ Đồn), huyện lỵ Chợ Rã. Lợi dụng cơ hội đó, quân ta tổ chức nhiều trận phục kích địch trên đường giao thông phía nam thị xã Bắc Kạn.

Như vậy, sau gần một tháng rưỡi đưa quân lên Việt Bắc, thực dân Pháp không đạt được những mục tiêu cơ bản của cuộc tiến công; trái lại, chúng bị tiêu hao và tiêu diệt nhiều lực lượng. Cuộc hành quân mang tên Lê-a của chúng bị thất bại.

Thắng lợi bước đầu của quân và dân hai tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ; củng cố niềm tin tất thắng của quân dân huyện Đại Từ vào cuộc chiến đấu sắp tới.

Thất bại trong cuộc hành quân Lê-a, Bộ Chỉ huy Pháp chuyển sang thực hiện kế hoạch mới mang tên Xanh-tuya. Trên cơ sở phán đoán lực lượng của ta có từ 20 đến 25 tiểu đoàn đóng ở các vùng Chợ Chu, Đại Từ, Võ Nhai, Yên Thế, phía tây Tam Đảo và lưu vực sông Đáy, các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ kháng chiến đóng ở khu vực núi đá Đình Cả (Võ Nhai), Bộ chỉ huy Pháp quyết định: Kết hợp với việc rút lui các lực lượng đã tham gia cuộc hành quân Lê-a cùng Trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 5 và Trung đoàn do Trung tá Côtxtơ (Coste) chỉ huy, bao vây càn quét khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - Phủ Lạng Thương (Bắc Giang) nhằm tiếp tục lung lay bắt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực và phá nát căn cứ địa của ta. Với âm mưu đó, ngoài lực lượng chặn quân ta ở vòng ngoài, hướng càn của địch trong kế hoạch Xanh-tuya tập trung chủ yếu vào Thái

Nguyên; hai hướng khác là Sông Thương - Yên Thế và khu vực Chợ Mới - Tuyên Quang xuống đồng bằng.

Như vậy, với cuộc hành quân Xanhtuya, huyện Đại Từ nằm trong khu vực càn quét, đánh chiếm của địch. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đứng trước một thử thách to lớn.

Ngày 22/11, cùng với các cánh quân từ Hòa Bình tràn sang Phúc Thị và từ Hưng Hóa đánh chiếm Việt Trì, một cánh quân địch do Đại tá Commugnan chỉ huy rút khỏi thị xã Tuyên Quang bằng hai đường thủy, bộ, xuôi về Bình Ca và uy hiếp Đường 13A (Tuyên Quang đi Đại Từ).

Trong khi đó tuyến đường số 3, quân Pháp vừa rút bỏ một vị trí ở phía bắc - tây bắc, vừa tập trung lực lượng càn quét vào hướng chủ yếu của kế hoạch Xanhtuya thuộc địa bàn Thái Nguyên.

Nắm chắc các hoạt động của địch, Bộ Tổng chỉ huy kịp thời chỉ đạo các mặt trận thực hiện các phương án đã được điều chỉnh. Lực lượng chủ lực trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được bố trí lại: Tiểu đoàn 160 hoạt động tại khu Chợ Chu, Chợ Mới; nhưng trong trường hợp truy kích địch xuống phía nam thì khu vực tác chiến sẽ là Đại Từ; Tiểu đoàn 103 (thuộc Trung đoàn 165) hoạt động ở vùng Quảng Nạp (Định Hóa), Phú Minh (Đại Từ), đồn Đu (Phú Lương) và thay thế Tiểu đoàn 160 khi tiểu đoàn này chuyển xuống Đại Từ.

Trung đoàn 350 ở các vùng Võ Nhai, Đại Từ, Đèo Khế và Bình Ca phải sẵn sàng chuyển về nam Thái Nguyên khi có lệnh.

Về phía địch, sau khi tăng thêm lực lượng từ Bắc Kạn xuống và thực hiện nghi binh, đêm 24/11/1947, chúng cho quân bí mật rời khỏi Chợ Mới tiến về Định Hóa. Chiều ngày 26/11, địch thả 400 quân dù xuống cánh đồng làng Ngò (xã An Khánh, Đại Từ) nhằm chiếm các vị trí quan trọng trên tuyến Đường 13A. Đồng thời, một cánh quân khác từ Phúc Yên men theo sườn Tam Đảo đánh sang phía tây nam huyện Đại Từ. Phạm vi chiến sự lan rộng. Riêng khu vực tỉnh Thái Nguyên, hàng nghìn quân địch tỏa ra đánh chiếm 32 vị trí trên địa bàn 7 huyện.

Khắp các địa điểm tiến quân, địch đều bị quân và dân ta bám sát chặn đánh quyết liệt. Quân địch không dám hung hăng như trước.

Càn quét vào Định Hóa, địch không phá được ATK của ta mà còn bị tổn thất nặng. Từ Định Hóa, chúng phải rút theo đường Phú Minh để về huyện lỵ Đại Từ, hy vọng gặp quân dù và cánh quân từ Phúc Yên lên.

Ngày 1/12, khi vừa tới khu vực Quán Ông Già (Phú Minh), quân địch rơi vào trận địa phục kích của bộ đội và du kích, buộc phải luồn rừng quay lại Quảng Nạp, 10 tên địch bị tiêu diệt. Trong khi đó, tại Định Hóa, đội quân của Bôphorê lâm vào thế bị bao vây,

không dám tiếp tục mở rộng càn quét, mà phải lui về phía Phú Minh, Hùng Sơn, Phục Linh. Quân và dân ta chặn đánh địch tại các xã Độc Lập (nay là xã Tiên Hội), Bản Ngoại, Yên Giã (nay là xã Mỹ Yên), Phục Linh.

Tại phía nam Đại Từ, sau khi đổ bộ xuống làng Ngò (xã An Khánh), địch càn quét, lùng sục vào các vùng lân cận. Ngày 28/11, chúng cho một đại đội càn lên Phục Linh; một đại đội càn quét ở Cổ Lũng (Phú Lương) và một trung đội càn xuống Quán Triều. Ngày 29/11, quân địch từ làng Ngò qua Cù Vân, Phục Linh tiến vào càn quét khu vực Hùng Sơn. Tiến quân tới đâu, chúng đều đốt phá, bắn giết tàn bạo. Nhân dân được tổ chức di chuyển vào rừng sâu. Các lực lượng dân quân, du kích phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực bố trí đánh địch ở các hướng, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Ngày 30/11, đại đội Tô Văn chặn đánh địch tại xóm Cây Thị khi chúng từ làng Ngò theo đường hẻm càn lên Hùng Sơn, diệt 15 tên. Ngày 2/12, quân ta phục kích toán quân địch từ Sơn Dương càn sang Đại Từ, diệt 30 tên, buộc chúng phải rút về Yên Lãng. Cùng ngày, Đại đội Khánh Mỹ và Lê Văn Duyên phối hợp với du kích tập kích địch ở làng Ngò, diệt 2 tên. Ngày 5/12, địch ở Hùng Sơn chia làm hai mũi mở cuộc càn quét ở các vùng thuộc xã Trần Phú (nay là xã Khôi Kỳ), Bình Dân (nay là xã Cát Nê), Bình Khang (nay là xã Bình Thuận). Trên tất cả các hướng tiến quân, chúng đều bị

ta bao vây, chia cắt và tiêu diệt. Trong trận phục kích tại gò Đình Khôi, quân ta tiêu diệt 25 tên; tại trận Bình Khang ta tiêu diệt 25 tên. Tại bãi tập Hùng Sơn, Đại đội 10 thuộc Tiểu đoàn 350 mở cuộc tập kích quân địch, diệt 10 tên.

Chiến thắng giòn giã của quân dân Đại Từ trong ngày 5/12 đã khích lệ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc trong huyện và các địa phương khác; đồng thời làm cho địch ngày càng hoang mang lo sợ.

Phát huy thắng lợi, quân và dân Đại Từ tiếp tục ghi thêm chiến công. Ngày 6/12, Đại đội Tô Văn cùng du kích địa phương chặn đánh địch tại An Mỹ, khi chúng từ Hùng Sơn mở cuộc càn lớn vào vùng Lục Ba, Vân Yên và An Mỹ (nay là Mỹ Yên); quân và dân ta tiêu diệt 8 tên địch. Ngày 7/12, quân ta lại chặn đánh 200 tên địch trên đoạn đường Dốc Điệp - Ba Giăng, khi chúng mở cuộc càn từ Hùng Sơn lên Văn Lãng. Ngày 9/12, Đại đội 1 Trung đoàn 147 phối hợp với du kích đánh địch tại dốc Mánh và Phục Linh, diệt 20 tên.

Như vậy, trong nửa đầu tháng 12/1947, bộ đội và du kích Đại Từ đánh địch nhiều trận, gây cho chúng nhiều tổn thất, góp phần cùng quân dân toàn tỉnh làm thất bại cuộc hành binh Xanh tuya của chúng.

Do bị quân và dân ta đánh mạnh ở khắp nơi, địch không sao xiết chặt được vành đai quanh khu tứ giác; âm mưu đánh phá căn cứ địa Việt Bắc, lòng bắt cơ

quan đầu não kháng chiến và tiêu diệt quân chủ lực ta của thực dân Pháp trong cuộc hành binh Xanhtuya về căn bản đã thất bại. Trước tình thế đó, quân Pháp buộc phải bỏ dở cuộc tiến công và tổ chức rút chạy.

Ngày 3/12, Binh đoàn Bôphorê rút khỏi Định Hóa, qua Bình Thành về Đại Từ. Trên đường rút lui, cánh quân này liên tiếp bị quân và dân ta chặn đánh tại Bản Ngoại, Độc Lập, Yên Giã, Phục Linh...

Đến giữa tháng 12/1947, các cánh quân địch lùi dần về phía nam tỉnh Thái Nguyên, tập kết ở khu vực Đại Từ và thị xã Thái Nguyên để chuẩn bị rút về xuôi. Bộ phận quân địch ở Đại Từ rút theo hai hướng: Một hướng theo đường Lục Ba - Ký Phú xuống Phố Yên về Hà Nội; một hướng từ làng Ngò về thị xã Thái Nguyên, theo Quốc lộ 3 về Hà Nội. Trên các hướng địch rút chạy, quân dân ta truy kích và chặn đánh, tiêu diệt thêm một bộ phận lực lượng của chúng. Ngày 16/12, tại Đan Hạ (xã La Bằng), du kích đã đánh một trận xuất sắc. Lợi dụng địa hình, một bộ phận du kích làm nhiệm vụ nghi binh nhử địch vào làng; trong khi đó 9 đội viên khác phục kích tại quả đồi rìa làng. Khi quân địch vừa vào tới rìa làng, lực lượng du kích bên trong nổ súng đánh bất trở lại; đồng thời tổ du kích ở trên đồi bắn xuống. Bị kẹp vào giữa hai làn hỏa lực của quân ta, bọn địch phải rút chạy, bỏ lại 15 xác chết...

Ngày 21/12/1947, quân Pháp rút qua cầu Đa Phúc về Hà Nội. Ngày 22/12/1947, hàng ngàn bộ đội,

dân quân, du kích và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên tổ chức cuộc mít tinh tại thị xã để mừng chiến thắng. Quân và dân huyện Đại Từ hết sức phấn khởi và tự hào vì đã trực tiếp góp phần không nhỏ cùng với quân dân hai tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên tiêu diệt, làm bị thương trên 1.000 tên địch, phá hủy hơn 20 xe quân sự các loại, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng; bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến. Chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947 cổ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng chiến của quân và dân ta. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ phấn khởi và tin tưởng bước vào thời kỳ mới.

Sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Đại Từ nói riêng đã sạch bóng quân xâm lược. Tuy nhiên, địch vẫn còn chiếm đóng ở một số điểm thuộc tỉnh Bắc Kạn, như thị xã Bắc Kạn, huyện lỵ Ngân Sơn, Phủ Thông, Nà Phặc, Bằng Khẩu. Ngoài ra, chúng còn đóng đồn bốt ở Cao Bằng, Lạng Sơn nhằm phong tỏa biên giới Việt - Trung, khống chế các tuyến đường giao thông quan trọng ở Việt Bắc và làm chỗ dựa cho thổ phỉ hoạt động, thực hiện âm mưu chiếm đóng lâu dài.

Tại các vị trí chiếm đóng, địch xây hầm hào, công sự kiên cố và trang bị hỏa lực mạnh. Chúng tổ chức các cuộc càn quét, lùng sục ra các vùng xung quanh nhằm cướp bóc lương thực, thực phẩm, tàn sát nhân dân và thăm dò lực lượng của ta.

Trước âm mưu, thủ đoạn mới của địch, Trung ương Đảng triệu tập hội nghị (giữa tháng 1/1948) nêu rõ phương hướng nhiệm vụ chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong thời kỳ mới. Căn cứ vào hoạt động của địch, hội nghị dự đoán: *Quân Pháp cố vét lực lượng để đánh ta những trận ác liệt hơn nhiều và Sẽ tấn công Việt Bắc một lần nữa, tấn công rộng lớn và quyết liệt hơn trận vừa rồi...¹*. Trên cơ sở đó, nghị quyết hội nghị vạch rõ nhiệm vụ trước mắt là *Một mặt phát triển dân quân, phát triển chiến tranh du kích khắp nơi, nhất là trong vùng địch kiểm soát... đuổi địch ra khỏi Việt Bắc, trước hết ra khỏi Bắc Kạn, Cao Bằng, Lào Cai...²*.

Đại Từ nằm trong ATK và là cửa ngõ trực tiếp vào trung tâm căn cứ địa Việt Bắc, hơn nữa lại nằm trên Đường 13A (từ Thái Nguyên đi Tuyên Quang). Với vị trí ấy, Đại Từ có nguy cơ bị địch tấn công một lần nữa. Vì vậy, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ không lơ là cảnh giác, đề phòng âm mưu địch.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, quân và dân Đại Từ không ngừng tăng cường tiềm lực về mọi mặt, nhằm tiếp tục xây dựng và củng cố căn cứ địa, đồng thời sẵn sàng đối phó với hành động phiêu lưu của địch.

¹ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, trích *Văn kiện Đảng, tập II*, Nxb. Sách giáo khoa Mác - Lênin, 1978, tr.147-148-150.

² *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, trích *Văn kiện Đảng, tập II*, Nxb. Sách giáo khoa Mác - Lênin, 1978, 147-148-150.

Được nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng soi sáng và sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, lại rút được kinh nghiệm qua những trận chiến đấu chống cuộc tiến công của giặc Pháp trong thu đông 1947, Đảng bộ Đại Từ chủ trương đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và kiện toàn thêm một bước các cơ quan chỉ huy quân sự. Những cán bộ kém năng lực được đưa ra khỏi các ban chuyên môn. Lực lượng dân quân xã được chú trọng: Mỗi thôn lập 1 Đội gương mẫu chiến đấu. Bộ máy chỉ huy quân sự từ thôn đến huyện được xây dựng:

- Cấp thôn có 1 Thôn đội trưởng, 1 Thôn đội phó.

- Cấp xã có 1 Xã đội trưởng, 1 Xã đội phó và 1 Chính trị viên. Xã đội có 3 ban trực thuộc: Ban công tác chính trị, Tổ quân báo và Tổ văn thư.

- Ở huyện có 1 Huyện đội trưởng, 1 Huyện đội phó, 1 Chính trị viên và 4 ban giúp việc (văn thư, quân sự, chính trị và kiểm tra). Các ban chuyên môn của Huyện đội bộ dân quân được kiện toàn, lấy thêm người giúp việc.

Các cán bộ chỉ huy du kích được cử đi học lớp huấn luyện bổ túc đại đội trưởng, do Tỉnh đội Thái Nguyên tổ chức (từ ngày 15 đến ngày 31/1/1948). Hàng trăm cán bộ, chiến sĩ trong các lực lượng dân quân, du kích thay phiên nhau tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày về quân sự và chính trị.

Thanh niên nam, nữ nô nức tham gia lực lượng vũ trang và bán vũ trang. Đảng bộ còn tăng cường số đảng viên tham gia lực lượng dân quân và du kích. Nhờ đó, trải qua hai năm (1948 - 1949), lực lượng dân quân, du kích tăng lên nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Đến tháng 9/1948, đội du kích thoát ly của huyện có 35 cán bộ và chiến sĩ, 17 khẩu súng trường, 38 quả lựu đạn và 2 quả mìn. Du kích xã có 847 người, với 360 khẩu súng kíp, 41 súng trường, 1 súng máy và 1.046 quả lựu đạn. Năm 1949, ở huyện có 1 đại đội du kích tập trung; mỗi xã đều có 1 trung đội. Đến cuối năm 1949, đại đội du kích tập trung của huyện chuyển thành đại đội bộ đội địa phương.

Trong thời gian đầu, việc xây dựng bộ đội địa phương gặp nhiều khó khăn: đội ngũ cán bộ vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về trình độ, năng lực; cơ sở vật chất không đủ đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt và chiến đấu của cán bộ và chiến sĩ. Trước tình hình này, Đảng bộ một mặt chủ trương cử cán bộ tham gia học tập các lớp đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh; mặt khác tích cực mở các lớp huấn luyện tại địa phương¹. Đồng thời, Đảng bộ chủ trương phát động trong quần chúng phong trào ủng hộ, giúp đỡ bộ đội. Hưởng ứng phong trào này, nhân dân các dân tộc trong huyện thi đua bán thóc, gạo cho bộ đội, ủng hộ nhiều tiền bạc, thực phẩm. Chỉ

¹ Riêng 6 tháng đầu năm 1950, huyện Đại Từ mở 4 lớp huấn luyện cho 237 du kích, mỗi lớp được tổ chức trong 10 ngày.

tính trong 5 tháng đầu năm 1950, huyện đã thu được 43.003kg thóc và 1.103.700 đồng. Hội Mẹ chiến sĩ thành lập từ năm 1947 ở hầu khắp các xã, lúc này tích cực vận động nhân dân quyên góp ủng hộ bộ đội; giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, tổ chức may vá quần áo, chăn màn... cho bộ đội; vận động các gia đình đỡ đầu bộ đội, chăm sóc thương binh... Những khó khăn ban đầu được giải quyết. Bộ đội địa phương cùng dân quân, du kích trưởng thành nhanh chóng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, được chính quyền, đoàn thể quần chúng và các tầng lớp nhân dân hết lòng thương yêu đùm bọc, nuôi dưỡng, các lực lượng vũ trang địa phương tích cực luyện tập, lập kế hoạch chiến đấu khi có địch đến. Các đơn vị dân quân, du kích các xã đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt công tác giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ xóm làng. Trong *Tuần lễ thi đua giết giặc lập công* tháng 9/1950, các tổ chức *Ngũ gia liên báo* được thành lập và đẩy mạnh công tác phòng gian, trừ gian. Trong công tác này, các xã rất chú ý đến việc kiểm soát, khám phá được nhiều vụ buôn hàng lậu và một số trường hợp tản cư đến không trình giấy tờ.

Bộ máy chính quyền các cấp trong huyện được củng cố thêm một bước. Từ tháng 11/1947, Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính sáp nhập thành Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện, gồm có 7 ủy viên. Đến tháng 2/1948, Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban

Hành chính các xã cũng được hợp nhất thành Ủy ban Kháng chiến Hành chính. Trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính các cấp, từng ủy viên đều được phân công phụ trách từng mặt công tác. Từ đó, hoạt động của chính quyền địa phương được đẩy mạnh hơn trước. Tuy nhiên, các ủy viên trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính lúc này đa số là thân sĩ, thân hào cũ; năng lực không đều, trình độ văn hóa thấp; do đó công việc tiến hành chậm và kém hiệu quả. Công việc hành chính trong các Ủy ban xã còn luộm thuộm, bao biện, đôi khi lấn át cả quyền hạn của Hội đồng nhân dân. Ngược lại, Hội đồng nhân dân cấp xã chưa nhận thức đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ của mình; một số ủy viên trong Hội đồng nhân dân thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đã xin rút lui.

Từ sau khi Hồ Chủ tịch phát động *Phong trào Thi đua yêu nước* (tháng 5/1948), một số xã nhỏ được hợp nhất lại¹; hoạt động của chính quyền có nhiều tiến bộ. Sau ngày bầu cử Hội đồng nhân dân các xã (tháng 4/1949), các Ủy ban Kháng chiến Hành chính được tổ chức lại; thành phần bản, cổ nông tăng lên; phần lớn ủy viên trong Ủy ban đã hiểu biết được các luật lệ thông thường và biết phân công phụ trách công việc. Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện biết đặt chương trình, kế hoạch công tác có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và sinh hoạt đều đặn; thường xuyên cử cán bộ xuống các xã

¹ Trước đó có 29 xã, lúc này chỉ còn 18 xã.

để kiểm tra, đôn đốc. Ngoài ra, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện còn chú trọng mở lớp huấn luyện¹ để bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ xã.

Nhờ đó, nhiều mặt hạn chế trước đây được khắc phục từng bước, những điển hình tốt được kịp thời tuyên dương, khen thưởng và những hiện tượng làm sai chính sách được kịp thời phát hiện và xử lý².

Dù có những tiến bộ đáng kể, nhưng hoạt động của chính quyền từ huyện xuống xã trong thời gian này còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Phần lớn các ủy viên trong Ủy ban chưa chú trọng học tập, bồi dưỡng tự nâng cao trình độ, nên khi giải quyết công việc có lúc sai trái với luật lệ hiện hành; đối với các ngành chuyên môn, Ủy ban huyện chưa làm tròn nhiệm vụ điều hòa và phối hợp hoạt động; chưa biết nắm khâu chính trong công tác, phần lớn còn đuổi việc. Nội bộ Ủy ban thiếu đoàn kết nhất trí; tác phong làm việc của một số ủy viên còn thiếu dân chủ, nặng về mệnh lệnh, giấy tờ... Những thiếu sót này đã ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào toàn huyện³; điều đó đặt ra cho Đảng bộ

¹ Trong năm 1949, huyện mở lớp huấn luyện cho ủy viên Hội đồng nhân dân xã. Năm 1950, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện tổ chức 2 lớp huấn luyện cho 65 ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã.

² Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Vạn Thắng được phái đoàn Chính phủ khen thưởng về thành tích mua thóc quân lương, cải thiện dân sinh, xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Cù Vân bị phái đoàn Chính phủ ra lệnh giải tán vì hoạt động kém hiệu quả.

³ Trong 4 huyện miền núi, huyện Đại Từ được Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh xếp hạng thứ 4.

địa phương những nhiệm vụ cấp bách cần phải giải quyết trong những năm tiếp theo.

Nhằm làm cho cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng bộ coi trọng việc tổ chức chuẩn bị sơ tán và phòng không. Trong thời kỳ đầu, sau chiến thắng Việt Bắc, một số cán bộ và nhân dân có tư tưởng chủ quan, khinh địch. Nhưng từ khi địch bắt đầu mở mặt trận Trung Du, chấp hành lời hiệu triệu của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy và Ủy ban công tác phòng không, việc thực hiện nếp sống quân sự hóa được đẩy mạnh. Các cấp chính quyền, đoàn thể cùng với dân quân, du kích các xã vận động, giúp đỡ nhân dân cất giấu thóc gạo và tài sản quý; tổ chức giặt nhanh và cất kỹ; sắp xếp quần áo và vật dụng trong các gia đình thật gọn gàng, ngăn nắp; phân tán các phố xá đông người. Các gia đình, nhất là ở khu vực thị trấn hoặc ở các thôn xóm ven đường, được hướng dẫn đào hầm trú ẩn¹. Các xã trong huyện đều xây dựng khu chiến đấu, nhưng phần lớn mới chỉ rào kín xung quanh và đào được một số giao thông hào, chưa thực sự trở thành khu chiến đấu.

Là một huyện nằm trong khu căn cứ địa kháng chiến, vấn đề tổ chức cải thiện đời sống cho nhân dân và cung cấp lương thực, thực phẩm cho mặt trận là

¹ Tính đến năm 1949, toàn huyện đào được 97 hầm trú ẩn.

một trong những mặt công tác hàng đầu. Nhận thức rõ điều đó, Đảng bộ thường xuyên quan tâm chỉ đạo phong trào tăng gia sản xuất. Trong thời gian này, Đảng bộ tích cực chỉ đạo vận động nông dân mở rộng diện tích canh tác; áp dụng các biện pháp cày sâu cuốc bẫm vào sản xuất; bảo vệ thóc lúa và hoa màu; thực hành tiết kiệm. Năm 1950, thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ phát động tuần lễ bón phân làm cỏ, tuần lễ toàn dân thi đua canh tác.

Nhờ có sự quan tâm động viên, chỉ đạo của Đảng bộ và các cấp chính quyền địa phương, bà con nông dân các dân tộc trong huyện tích cực làm cỏ, bón phân, tu sửa hệ thống mương phai để dẫn nước vào ruộng. Toàn bộ diện tích bỏ hoang từ năm 1947 đã được cày cấy. Nhiều tập đoàn đổi công được tổ chức nhằm giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất; trong đó có 2 tập đoàn ở xã Vạn Thắng hoạt động có nề nếp. Ngoài ra, tỉnh cũng quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân vay vốn mua thóc giống để gieo trồng kịp thời vụ.

Vượt qua nhiều khó khăn do thiên tai gây ra, nông dân các dân tộc huyện Đại Từ đã phấn đấu tăng diện tích gieo trồng, nâng cao sản lượng lúa và hoa màu các loại. Riêng trong năm 1950, mặc dù thời tiết không thuận lợi, nhưng toàn huyện cũng thu hoạch được 15 nghìn tấn lương thực trong tổng số 100 nghìn tấn của toàn tỉnh.

Dựa vào thế mạnh của huyện có nhiều đồi và bãi bỏ hoang, ngoài trồng trọt, Đảng bộ chú trọng chỉ đạo

phát triển chăn nuôi. Trước đây, chăn nuôi trong huyện chủ yếu là gia đình; phương thức chăn nuôi còn rất thô sơ, không hợp vệ sinh, phần lớn trâu bò, lợn, gà thường thả rông; chuồng trại làm sơ sài... Từ năm 1949 trở đi, việc chăn nuôi được phát triển mạnh, nhất là chăn nuôi nuôi gà, vịt. Các cấp chính quyền, đoàn thể thường xuyên vận động nhân dân chăn nuôi thêm tiểu gia súc và theo đúng phương pháp vệ sinh. Trong tháng 8/1949, huyện cử một tổ cán bộ thú ý xuống các xã để hướng dẫn nhân dân chăn nuôi theo phương pháp tiến bộ và lập kế ước chăn nuôi gà, vịt. Cũng từ đó, một điểm chăn nuôi kiểm mẫu được xây dựng ở Đại Từ để rút kinh nghiệm cho toàn huyện và toàn tỉnh.

Đi đôi với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, Đảng bộ thường xuyên vận động nhân dân thực hành tiết kiệm để đóng góp cho kháng chiến. Với truyền thống yêu nước và ý thức được nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nhân dân các dân tộc trong huyện hăng hái tham gia ủng hộ kháng chiến bằng mọi hình thức.

Trong những năm 1948 - 1949, phong trào mua Công trái quốc gia và Công phiếu kháng chiến được phát động rộng rãi. Đồng bào các dân tộc, nhất là chị em phụ nữ nhiệt liệt hưởng ứng phong trào; có gia đình mua lá phiếu trị giá tới hai vạn đồng. Đồng bào còn hăng hái tham gia đóng góp Đảm phụ quốc phòng. Từ năm 1950, huyện có cuộc vận động cho vay thóc

định giá. Các ban vận động được thành lập và tích cực hoạt động. Nhân dân trong huyện mặc dù đời sống còn gặp nhiều khó khăn vẫn sẵn sàng cho Nhà nước vay, có gia đình cho vay 5 tạ thóc. Xã Phú Cát là một trong những xã điển hình về công tác vận động nhân dân cho vay thóc¹. Cuộc vận động cho vay thóc thực sự là một phong trào quần chúng sâu rộng, diễn ra suốt năm 1950 cho đến giữa năm 1951, khi có chính sách thuế nông nghiệp mới kết thúc.

Cũng trong năm 1950, thực hiện Sắc lệnh Tổng động viên, các cấp ủy và chính quyền địa phương tích cực vận động nhân dân đóng góp cho kháng chiến, nổi lên là cuộc vận động thu thóc công lương, thóc điền thổ và thóc lũy tiến. Tính đến đầu tháng 4/1950, riêng 6 xã (Phục Linh, An Mỹ, Đức Lương, Vân Yên, Hiệp Hòa (nay là xã Bản Ngoại), Cù Vân) số thóc đã mua được trong dân là 12.700kg². Trên phạm vi toàn huyện, tính đến tháng 11/1950, tổng số thóc dự trữ đã mua và giao trong hai lần là 304.845kg³. Trong việc thực hiện sắc lệnh tổng động viên, Đảng bộ có một số thiếu sót. Phần lớn chi bộ chỉ dựa vào mệnh lệnh chính quyền, không chú ý đến việc tuyên truyền, giải thích cho nhân

¹ Toàn xã cho Nhà nước vay 35 tấn thóc.

² Theo báo cáo của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Đại Từ, ngày 4/4/1950.

³ Theo báo cáo của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Đại Từ, ngày 13/11/1950: Tổng số thóc mua lần 1 ở các xã: 92.673kg với giá 800 đồng/kg; tổng số thóc mua lần 2 ở các xã: 212.072kg với giá 20 đồng/kg.

dân hiểu rõ mục đích ý nghĩa của tổng động viên. Nhiều chi bộ không có kế hoạch điều tra, kê khai, nên không nắm được ai đã bán thóc, ai chưa bán. Có chi bộ tổ chức điều tra quá vụng về, sai đường lối quần chúng của Đảng (như Chi bộ Phú Cát - tiền thân của Đảng bộ xã Ký Phú và Đảng bộ xã Cát Nê hiện nay).

Ngoài đóng góp bằng vật chất, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ còn tích cực động viên con em tham gia phục vụ tiền tuyến, trước hết là đi dân công làm cầu đường. Trong thời gian từ năm 1950 về trước, để cản bước tiến của quân thù, nhân dân được huy động làm công tác phá hoại đường giao thông. Trên Đường 13A, từ Bờ Đậu đi Đèo Khế và đoạn đường Đại Từ - Quân Chu, dân quân, du kích cùng nhân dân trong huyện đào nhiều hố sâu 60cm, rộng 50cm, theo hình chữ Chi; mỗi hố cách nhau khoảng 60cm. Cây cối ở hai bên được chặt xuống đổ ngang trên mặt đường...

Từ đầu năm 1950, theo tinh thần chỉ thị *Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công* của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Thái Nguyên phát động *Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất*. Gần 50% cán bộ các cơ quan Dân - Chính - Đảng cùng với lực lượng vũ trang vào chiến dịch to lớn và quan trọng này. Từ tỉnh xuống các xã đều thành lập các Ban huy động dân công, do một ủy viên thường vụ hay cấp ủy phụ trách. Cùng với đồng bào trong tỉnh, quân và dân Đại Từ hăng hái tham gia chiến dịch sửa chữa cầu đường.

Huyện Đại Từ trong thời gian này thật là sôi động và khẩn trương. Với tinh thần *Sửa chữa cầu, đường như đánh giặc*, quân dân Đại Từ nhanh chóng san lấp các hào, hố; dọn cây và các chướng ngại trên mặt đường để cho xe ta ra tiền tuyến. Đến ngày 19/5/1950, sau gần hai tháng lao động khẩn trương và sáng tạo, chiến dịch cầu, đường đã thu được thắng lợi to lớn. Đồng bào các dân tộc huyện Đại Từ đã góp phần cùng với nhân dân trong tỉnh hàng ngàn ngày công, đào đắp hàng trăm khối đất đá, sửa chữa và làm mới nhiều cầu lớn, nhỏ; khai thông hàng chục ki-lô-mét đường trên các tuyến giao thông quan trọng.

Thông qua cuộc vận động *Thi đua phát triển Đảng*, tổ chức cơ sở Đảng và số đảng viên trong huyện tăng nhanh. Nhưng trong quá trình đó, Đảng bộ thiên về số lượng, coi nhẹ việc giáo dục, rèn luyện đảng viên, dẫn đến tình trạng mất đoàn kết nội bộ; một số cơ sở Đảng kém nát, thậm chí có nơi *tổ chức Đảng tê liệt, mất tác dụng, gây ảnh hưởng xấu cho phong trào*¹. Trong khi đó, Bí thư Huyện ủy lại thay đổi thường xuyên; thậm chí có lúc Huyện ủy không có Bí thư². Bước vào năm 1948, tình trạng yếu kém, mất đoàn kết... vẫn tồn tại

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1980), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, tập 1*, tr.303.

² Theo tài liệu điều tra, ngày 1/10/1947, đồng chí Ngọc Lan được cử làm Bí thư thay đồng chí Đàm Văn Ứng, khoảng tháng 11/1947, đồng chí Ngọc Lan lại được điều đi nơi khác; từ đó cho đến tháng 12/1947, Huyện ủy thiếu Bí thư. Tháng 12/1947, đồng chí Trung Thành được bổ nhiệm làm Bí thư và đồng chí Ma Khánh Bình làm Phó Bí thư.

trong một số cơ sở Đảng, kể cả trong cấp ủy. Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (ngày 9/6/1948) đã nghiêm khắc phê bình Đại Từ có 4 huyện ủy viên kém, thiếu tập đoàn chỉ huy, cá nhân phụ trách, trông nom đến cứu quốc, cho rằng có Tỉnh ủy viên ở trong, chủ trương công tác không sát, không bao quát được tình hình địa phương. Về nội bộ trước đây thiếu thành thực, nhưng gần đây đã hiểu nhau hơn, nhưng sự làm việc vẫn không được ăn khớp.

Những mặt yếu kém trên đây từng bước được khắc phục. Đầu năm 1949, thực hiện chỉ đạo của Trung ương và Khu ủy, Đảng bộ tỉnh mở hội nghị “Đảng vụ” toàn tỉnh. Hội nghị đã giúp cho các cán bộ Đảng hiểu rõ nguyên tắc, phương hướng công tác xây dựng Đảng và nội dung sinh hoạt chi bộ. Nhờ đó, tổ chức cơ sở Đảng ở huyện Đại Từ trong năm 1949 phát triển nhanh chóng. Nếu quý I năm 1949, toàn huyện có 908 đảng viên (670 chính thức và 238 dự bị), 21 chi bộ (trong đó có 20 chi bộ chính thức có chi ủy; 1 dự bị), thì đến tháng 10 năm đó, tổng số đảng viên lên tới 981 đồng chí (699 chính thức và 282 dự bị); 22 chi bộ (17 chi xã, 2 chi bộ ghép, 1 chi bộ xí nghiệp, 2 chi bộ cơ quan; trong đó 20 chi bộ có chi ủy và 20 chi bộ có tiểu tổ¹. Như vậy, cho đến lúc này, cơ sở Đảng đã phát triển phần lớn trong các xã, có tác dụng thúc đẩy việc thực

¹ Theo báo cáo năm 1949 của Đảng bộ Thái Nguyên - số 01 ngày 20/1/1949.

hiện mọi mặt công tác ở địa phương. Điều đáng chú ý là, một số xã thuộc vùng xung yếu như Tân Thái được tỉnh và huyện chỉ đạo điển hình đã làm tốt công tác xây dựng Đảng. Cũng trong năm 1949, theo quyết định của Tỉnh ủy, Ban Huyện ủy được tăng cường gồm 7 đồng chí, do đồng chí Trung Thành làm Bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính¹. Sau đó, Tỉnh ủy bổ sung thêm 3 đồng chí (Nguyễn Hữu Uẩn, Hoàng Tiến, Phan Quế) vào Huyện ủy Đại Từ. Từ đó, sự lãnh đạo của Huyện ủy được thuận lợi hơn trước.

Trong mọi hoạt động, nhiều đảng viên và chi bộ đã nêu cao được vai trò tiên phong, gương mẫu, làm đầu tàu cho quần chúng, điển hình là Chi bộ Cao Vân. Chi bộ đã có thành tích bán gạo khao quân, lập kho dự trữ, vận động nhân dân đi đắp đường, giúp đỡ các cơ quan vận tải. Song, cũng có những chi bộ như Hùng Sơn lại coi nhẹ việc bồi dưỡng, giáo dục chiến sĩ dân công, do đó phần đông chiến sĩ không phát huy được khả năng, năng lực, thúc đẩy phong trào phát triển.

Từ năm 1950, thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy chủ trương chuyển trọng tâm công tác xây dựng Đảng từ phát triển sang củng cố. Đảng bộ tỉnh liên tiếp phát động các cuộc vận động nhằm củng cố cơ sở và nâng cao chất lượng đảng viên. Từ đầu

¹ Đến năm 1950, đồng chí Cương làm Bí thư thay đồng chí Trung Thành, năm 1951, đồng chí Mỹ làm Bí thư (khoảng 4 tháng) và sau đó là đồng chí Hoàng Tiến.

năm, Tỉnh ủy mở cuộc vận động: *Học tập lý luận, rèn luyện đạo đức cách mạng*. Tiếp đó, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ lại phát động “Tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính”... Tất cả những cuộc vận động trên đều giúp cho Đảng bộ Đại Từ xác định đúng phương hướng trong công tác xây dựng và phát triển Đảng ở địa phương.

Tháng 8/1950, Ban Chấp hành Trung ương mở cuộc vận động phê bình và tự phê bình trong Đảng. Thực hiện cuộc vận động này, Tỉnh ủy đặt kế hoạch cho các cấp Đảng bộ ở địa phương. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy lập 2 đoàn hướng dẫn việc thực hiện ở một số chi bộ để rút kinh nghiệm chung toàn tỉnh. Đoàn đi công tác ở khu vực phía Bắc tỉnh đến Đại Từ vào ngày 29/10/1950. Sau khi họp đoàn và thảo luận với Huyện ủy về tình hình các mặt, đoàn đã chọn Chi bộ xã Trần Phú làm thí điểm. Trải qua 10 ngày làm việc, đoàn đã giúp chi bộ thấy rõ những mặt yếu của chi bộ và của từng đảng viên; trên cơ sở đó phân loại đảng viên và xây dựng kế hoạch củng cố chi bộ, bao gồm những nội dung:

- Chấn chỉnh lại Ban chi ủy, đặt lại nền nếp làm việc cho toàn chi bộ.

- Sắp xếp lại bộ máy chính quyền.

- Đặt kế hoạch giáo dục đảng viên; theo dõi giúp đỡ các đảng viên bị thi hành kỷ luật.

Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, tổ chức cơ sở Đảng các cấp trong huyện bước đầu được củng cố. Ban chi ủy ở các xã từng bước được kiện toàn. Sinh hoạt của chi bộ, chi ủy bắt đầu đi vào nề nếp. Trình độ giác ngộ chính trị và ý thức Đảng trong đảng viên cũng được nâng lên. Đảng viên trong các tổ chức Đảng cơ sở nhìn chung đã nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu; tích cực vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Huyện ủy thường xuyên theo dõi giúp đỡ các chi bộ ở cơ sở; giữ vững chế độ sinh hoạt, đề cao tự phê bình và phê bình trong Đảng. Từ sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III (ngày 1/6/1952), Huyện ủy cũng như các chi ủy đều được củng cố và kiện toàn¹. Những đảng viên thoái hóa, biến chất hoặc không đủ tiêu chuẩn về chính trị được đưa ra khỏi cấp ủy và tổ chức Đảng. Phần lớn cấp ủy viên là những người xuất thân từ thành phần cơ bản như bần nông, cố nông, trung nông lớp dưới. Sau Đại hội, từ Huyện ủy xuống đến các chi bộ, nhìn chung đi dần vào ổn định; sự đoàn kết nhất trí trong Đảng từng bước được tăng cường, cán bộ, đảng viên phấn khởi và tin tưởng, phát huy được tác dụng trong quần chúng.

Trong quá trình phát triển đi lên, Đảng bộ Đại Từ luôn luôn phải đấu tranh để loại trừ những tư tưởng

¹ Đại hội được tổ chức tại nhà ông Thôn (thôn Suối Cát, xã Hà Thượng). Đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Cuối năm 1953, đồng chí Uẩn được điều về tỉnh. Tỉnh ủy bổ nhiệm đồng chí Trần Văn Thục làm Bí thư.

tự tư, tự lợi, gây chia rẽ đoàn kết nội bộ, quan liêu, xa rời quần chúng... Những cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, không tích cực thi hành chủ trương, chính sách của Đảng... lần lượt bị thải hồi. Có lúc, Đảng bộ phải đấu tranh chống những phần tử xấu chui vào Đảng và giữ cương vị chủ chốt (như chi bộ xã An Khánh), làm cho tổ chức Đảng luôn được trong sạch.

Cùng thời gian trên, về phía thực dân Pháp, bằng việc thực hiện kế hoạch Rơ-ve, chúng đã khóa chặt được biên giới Việt - Trung nhằm ngăn chặn con đường liên lạc giữa cuộc kháng chiến của nhân dân ta với các nước xã hội chủ nghĩa; đồng thời lập được hành lang đông - tây, cắt đứt con đường liên lạc giữa Căn cứ địa Việt Bắc với đồng bào Liên khu III và Liên khu IV. Căn cứ địa Việt Bắc vẫn nằm trong tình trạng bị bao vây, phong tỏa và có nguy cơ bị tiến công một lần nữa.

Sau khi phân tích chính xác tình hình mọi mặt, tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới, nhằm ba mục đích: Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; khai thông biên giới Việt - Trung để mở rộng con đường liên lạc với quốc tế; củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc. Từ đó, công việc chuẩn bị cho chiến dịch được tiến hành khẩn trương.

Cùng với nhân dân các dân tộc trong Liên khu và trong tỉnh, quân dân huyện Đại Từ nô nức tham gia phục vụ chiến dịch. Nhiều con em đồng bào các dân

tộc trong huyện được huy động đi dân công sửa đường ở phía bắc hoặc tham gia vận chuyển lương thực, đạn dược ra tiền tuyến.

Để triển khai nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ căn cứ, cùng với các địa phương thuộc khu vực phía nam tỉnh, ban chỉ huy tác chiến huyện và các xã được thành lập, bao gồm đại biểu quân đội và các ngành để huy động lương thực, thực phẩm; xây dựng làng chiến đấu, phá hoại cầu đường để ngăn cản bước tiến của quân địch. Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ không quản ngại khó khăn, vất vả, hăng hái đóng góp sức người, sức của cho chiến dịch Biên giới. Trong thời gian này, Tỉnh ủy Thái Nguyên giao nhiệm vụ cho huyện Đại Từ huy động 4.000 dân công, 4 tấn thịt và 1 tấn đồ phục vụ chiến dịch. Chỉ trong vòng một ngày hai đêm, huyện đã bảo đảm đầy đủ những yêu cầu đó và chuyển đến địa điểm tập kết đúng thời hạn quy định để kịp thời gửi tặng các chiến sĩ ngoài mặt trận.

Sáng ngày 16/9/1950, quân ta nổ súng tấn công cụm cứ điểm Đông Khê, mở đầu Chiến dịch Biên giới. Sau hai ngày chiến đấu vô cùng dũng cảm, quân ta tiêu diệt hoàn toàn vị trí Đông Khê, làm rung động hệ thống phòng ngự của địch trên Đường số 4.

Cùng với thắng lợi mở màn to lớn của bộ đội ta trong chiến dịch Biên giới, ngày 18/9/1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên phát động *Tuần lễ thi*

đua giết giặc lập công trong toàn tỉnh. Hưởng ứng phong trào này, hướng về mặt trận biên giới, cùng với nhân dân toàn tỉnh, đồng bào các dân tộc huyện Đại Từ thi đua góp công, góp của cho bộ đội. Hội Mẹ chiến sĩ tiếp tục mở rộng và tích cực hoạt động. Đồng bào phấn khởi tham gia các cuộc vận động *May áo gửi người chiến sĩ, Bán thóc quân lương...*

Trong khi đó tại mặt trận biên giới, quân Pháp ngày càng bị nguy khốn. Trước tình hình này, Bộ Chỉ huy Pháp quyết định mở cuộc hành quân mang mật danh *Phoque* (Phốc), tấn công vào Thái Nguyên. Đánh vào Thái Nguyên lần này, thực dân Pháp nhằm uy hiếp Căn cứ địa Việt Bắc, hy vọng kéo được chủ lực ta từ Mặt trận Biên giới về Thái Nguyên để cứu nguy cho đồng bọn ở đây, chặn giữ cửa ngõ Căn cứ địa Việt Bắc, phá vỡ sự tiếp tế của ta cho chiến trường biên giới; đồng thời chặn giữ các tuyến đường quan trọng (Quốc lộ số 3, Đường 13A và Đường 1B)...

Âm mưu của thực dân Pháp đánh vào Thái Nguyên không nằm ngoài sự phán đoán của ta. Ngay từ trước khi quân ta mở Chiến dịch Biên giới, địch đã có những hoạt động mang tính chất thăm dò. Trong ba ngày 20, 21 và 22/7/1950, chúng mở cuộc càn quét vào địa phận Thái Nguyên theo hai đường: Đèo Nhe - Hạ Đạt (Phổ Yên) và Tam Đảo - Quân Chu (Đại Từ) nhằm cướp phá và thăm dò lực lượng của ta. Máy bay

địch cũng hoạt động liên tục, có ngày tới hai, ba lần trên không phận Thái Nguyên¹. Ngày 29/9/1950, địch huy động 6 tiểu đoàn (khoảng 3.000 quân) có máy bay, tàu chiến yểm trợ, mở cuộc tấn công Thái Nguyên theo ba hướng: Hướng chính từ Đa Phúc theo Đường số 3 lên Phố Yên; hướng thứ hai theo sông Cầu tiến lên Hà Châu (Phú Bình); hướng thứ 3 theo sườn núi Tam Đảo, vượt đèo Nhe đánh sang Hợp Thành, Phúc Thuận (Phố Yên) rồi kéo ra Thịnh Đức, Thịnh Đán (Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên). Cả ba hướng đều nhằm đánh chiếm thị xã Thái Nguyên rồi tỏa ra đánh các vùng xung quanh, uy hiếp căn cứ địa kháng chiến. Như vậy, một lần nữa, tỉnh Thái Nguyên nói chung, huyện Đại Từ nói riêng lại bước vào trận thử thách mới.

Thi đua với các chiến sĩ ở mặt trận biên giới, với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, quân và dân Thái Nguyên kiên quyết đập tan chiến dịch Phốc của địch. Trên cả ba hướng tiến công, quân địch đều bị quân và dân ta bám sát, phục kích và chặn đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Sau khi chiếm được thị xã Thái Nguyên, từ ngày 2/10, địch bắt đầu càn quét ra các vùng xung quanh, âm mưu dựa vào bọn phản động, tay sai để lập tề.

¹ Báo cáo số 67, ngày 16/9/1950 tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

Khoảng 11 giờ ngày 3/10/1950, quân Pháp ở Quán Triều mở cuộc tiến công ra ba hướng: Hướng thứ nhất từ Quán Triều lên Bá Sơn, Bờ Đậu; hướng thứ hai từ Quán Triều đánh vào Làng Um, Làng Ngò; hướng thứ ba từ Quán Triều tiến thẳng lên An Khánh. Đến địa phận An Khánh, Làng Um, Làng Ngò, quân địch vấp phải mìn của ta bị chết 61 tên¹.

Thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ địa phương kịp thời vận động và tổ chức nhân dân thực hiện *vườn không nhà trống*, bất hợp tác với địch. Âm mưu lập tề của địch thất bại. Các đơn vị lực lượng vũ trang cùng với nhân dân địa phương luôn luôn bám sát tiêu diệt địch. Đại đội bộ đội địa phương huyện Đại Từ còn tham gia cùng với Trung đoàn 246, Đại đội Phổ Yên, Đồng Hỷ... đánh địch nhiều trận tại Gia Sàng, Đồng Quang, Lưu Xá, Cầu Loàng, Thác Huống, Thịnh Đức, Làng Hà, An Khánh... quyết *đuổi địch ra khỏi Thái Nguyên* theo tinh thần nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Giữa lúc đó, trên mặt trận biên giới, các binh đoàn của Pháp đang bị quân ta tiêu diệt. Chiều 7/10/1950, Sác-tông (Charton) cùng toàn ban tham mưu binh đoàn bị ta bắt gọn. Chiều 8/10, Lơ-pa-giơ (Lepage) cùng các sỹ quan tham mưu binh đoàn cũng chịu số phận như Sác-tông. Cánh quân của Đơ-la-bôm (De labome) lên ứng cứu, thấy nguy phải vội vàng tháo

¹ Báo cáo của Huyện ủy Đại Từ, số 216, ngày 5/10/1950.

chạy. Bị đánh mạnh, từ ngày 10/10/1950 trở đi, quân Pháp lần lượt rút khỏi Thất Khê, Đồng Đăng, thị xã Lạng Sơn, Đình Lập, An Châu, Tiên Yên... Như vậy, toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch trên Đường số 4 đã bị đập tan

Không kéo được chủ lực của ta để cứu nguy cho đồng bọn ở mặt trận biên giới, lại đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt, ngày 10/10/1950, Bộ Chỉ huy Pháp buộc phải cho quân rút khỏi địa phận Thái Nguyên. Chiến dịch Phốc của thực dân Pháp bị quân và dân ta đánh bại. Trải qua hơn 10 ngày chiến đấu tại mặt trận Thái Nguyên, quân và dân Đại Từ đã cùng với quân dân toàn tỉnh đánh trên 60 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 950 tên địch, bắn rơi 1 máy bay, làm hỏng nặng 3 ca nô, thu 160 súng các loại.

Đập tan cuộc hành quân Phốc của thực dân Pháp, quân và dân Thái Nguyên - trong đó có quân và dân huyện Đại Từ - đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của quân ta trong Chiến dịch Biên giới; đồng thời làm tròn nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Khu căn cứ địa Việt Bắc.

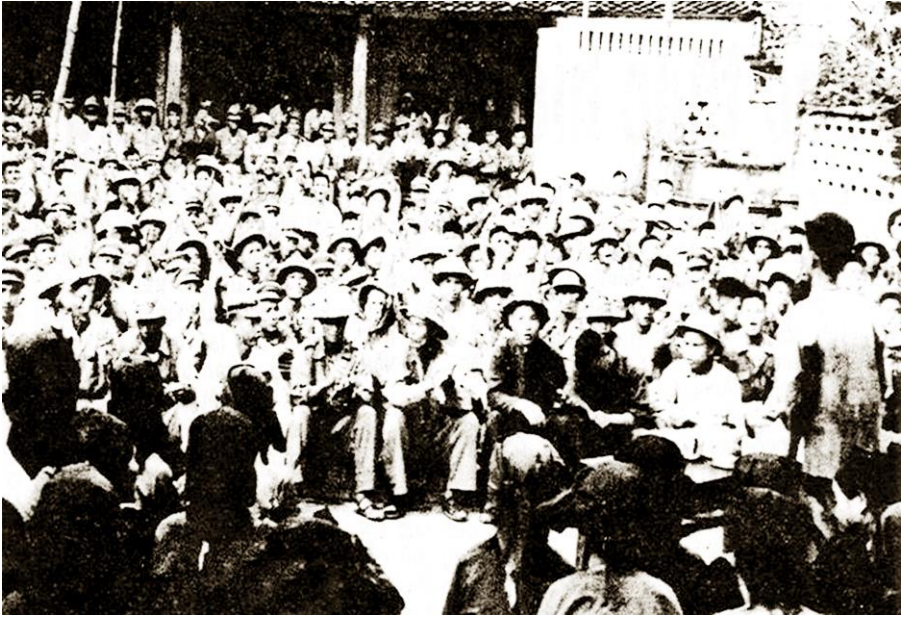
Phấn khởi trước thắng lợi to lớn của quân và dân ta, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ càng thêm tin tưởng và quyết tâm bước vào chặng đường mới, nhằm góp sức đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tới thắng lợi hoàn toàn.



Địa điểm xóm Đồng Cả, xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Hùng Sơn) là nơi làm việc của Ủy ban châu Giải Phóng Đại Từ năm 1945



Quán Ông Già (xã Minh Tiến) là trạm liên lạc của cán bộ cách mạng khi vào ATK Định Hóa trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp



Hội Mẹ chiến sỹ Đại Từ gặp mặt các chiến sỹ bộ đội, mở đầu phong trào *Đón thương binh về làng* ở Đại Từ năm 1947



Chủ tịch Hồ Chí Minh dự Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ nhất tại Phú Xuyên (tháng 4/1950)

III. Đẩy mạnh xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (1951 - 1954)

Sau khi đánh tan cuộc hành quân Phốc của giặc Pháp, Thái Nguyên hoàn toàn được giải phóng. Đó là một thuận lợi lớn, tạo điều kiện cho nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong đó có huyện Đại Từ bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới, làm tròn nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến.

Tháng 2/1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II được triệu tập tại một địa điểm thuộc chiến khu Việt Bắc. Đại hội nêu rõ nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố căn cứ địa và nhấn mạnh: *Không xây dựng căn cứ địa tức là không tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật tư cần thiết cho công việc xây dựng và phát triển quân đội*¹.

Trong các ngày từ 10/5 đến ngày 20/5/1951, Liên khu Việt Bắc tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Đại hội Đảng bộ Liên khu đề ra nhiệm vụ *Xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa vững mạnh và xứng đáng của toàn quốc*². Về quân sự, Đại hội chủ trương *Xây dựng lực lượng phải căn cứ vào nhu cầu chiến trường, hợp với khả năng cấp dưỡng và trang bị của địa phương, Không được lệch về bộ đội địa*

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 2/1951.

² Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần I.

phương phải đồng thời tiến hành kế hoạch phát triển, củng cố dân quân, du kích¹.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc là ánh sáng soi đường cho cả nước nói chung và Việt Bắc nói riêng. Trên cơ sở đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (tháng 4/1951) vạch rõ: *Phải tập trung khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chi viện cho chiến trường, ra sức xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang đủ sức bảo vệ quê hương và bổ sung cho các đơn vị chủ lực của Bộ Tổng tư lệnh².* Đây chính là phương hướng, nhiệm vụ giúp cho Đảng bộ Đại Từ cụ thể hóa và tổ chức lãnh đạo thực hiện các mặt công tác ở địa phương.

Tuy nhiên, khi bước vào thời kỳ này, chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn. Cuộc kháng chiến trong toàn quốc diễn ra ngày càng ác liệt, nhu cầu cung cấp về sức người, sức của cho mặt trận quân sự ngày càng lớn. Trong khi đó, nền kinh tế ở Đại Từ chủ yếu vẫn là nông nghiệp lạc hậu, mang đậm tính chất tự cấp, tự túc. Các ngành sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp... hầu như không có gì. Đảng bộ và chính quyền chưa có kinh nghiệm lãnh đạo nông nghiệp; thiếu vốn đầu tư, không có cán bộ chuyên môn, hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh... thường xảy ra, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất nông

¹ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần I.

² Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần III (trích trong: *"Bắc Thái: Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp..."*), sđd, tr.182.

nghiệp. Đời sống mọi mặt của nhân dân trong huyện còn ở mức thấp; có dân tộc (như dân tộc Dao) thiếu ăn từ 2 đến 3 tháng; ở một số xã như Tân Thành, Phú Xuyên, Yên Lãng, Đoàn Kết, Đức Lương, nhiều gia đình không còn nguồn sinh sống, phải vào rừng đào củ nâu...

Bên cạnh những khó khăn trên, từ sau chiến thắng Biên giới của ta, thực dân Pháp tăng cường cho máy bay ném bom, bắn phá vào hậu phương kháng chiến, trong đó có huyện Đại Từ. Riêng trong tháng 12/1950, máy bay địch ném bom, bắn phá Đại Từ tới 10 lần, tại nhiều địa điểm: Khuôn Linh, Gốc Sộp, Phục Linh, Cù Vân, An Khánh, Ký Phú, Gốc Hồng, Vân Lãng làm chết nhiều người và gia súc, đốt cháy nhiều ngôi nhà và thóc gạo của dân. Những năm sau đó, máy bay địch càng hoạt động mạnh. Sau khi thất bại ở mặt trận Tây Bắc, Thượng Lào..., chúng không chỉ bắn phá mà còn rải truyền đơn, thả biệt kích và thả côn trùng xuống nhiều nơi, gây cho ta nhiều trở ngại trong mọi hoạt động.

Dưới ánh sáng của các nghị quyết Trung ương Đảng, Liên khu ủy và Tỉnh ủy, vượt qua mọi khó khăn, Đảng bộ Đại Từ đã lãnh đạo nhân dân trong huyện phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Nhận thức rõ yêu cầu cấp bách trước mắt phải cải thiện đời sống nhân dân địa phương và đáp ứng nhu cầu vật chất ngày càng tăng của tiền tuyến, Đảng bộ chú trọng đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Khắp nơi, bà con nông dân thi đua cấy hết diện tích, cấy đúng thời

vụ. Ngoài việc cấy lúa, đồng bào tích cực trồng các loại cây lương thực và hoa màu các loại như: ngô, khoai lang, khoai sọ, sắn, vừng... Các biện pháp kỹ thuật nhằm tăng năng suất lúa bước đầu được áp dụng trong nông dân các dân tộc. Việc làm cỏ, bón phân được thực hiện rộng rãi. Đồng bào dân tộc Trại trước đây không dám dùng phân chuồng để bón ruộng, lúc này đã biết làm hố ủ phân. Nhiều nơi, đồng bào không chỉ tận dụng triệt để nguồn phân chuồng, mà còn biết làm phân xanh. Các cấp ủy và chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm vận động và tổ chức nhân dân làm thủy lợi. Riêng trong ba tháng quý III năm 1953, các xã trong huyện đã đào được 60 nương mới; đắp và sửa chữa được 255 nương phai; làm được 50 cọn nước¹. Sang năm 1954, phong trào tiểu thủy nông được đẩy mạnh trong huyện, do đó đã chủ động tưới, tiêu nước cho 1.302 mẫu ruộng (tăng gần 2 lần so với chỉ tiêu kế hoạch). Xã Hùng Sơn là một trong những xã dẫn đầu về công tác thủy lợi, phát triển sản xuất. Tính đến giữa năm 1951, toàn xã đào được con nương dài 3km để dẫn nước cấy chiêm. Nhờ đó, bà con nông dân trong xã đã chuyển được 300 mẫu ruộng trước đây cấy một vụ sang hai vụ².

Để giúp đỡ nhau trong sản xuất, phong trào xây dựng tổ đổi công tiếp tục được phát động. Tổ đổi công được thành lập trong những năm trước và đã phát huy

¹ Báo cáo 3 tháng quý III năm 1953 của tỉnh Thái Nguyên số 61, BCTN, ngày 9/10/1953.

² Báo cáo tình hình mọi mặt của Đảng bộ huyện Đại Từ ngày 22/5/1951.

nhiều tác dụng tốt. Vào thời kỳ này, nhất là từ năm 1953 trở đi, việc huy động dân công phục vụ chiến dịch ngày càng nhiều. Vì vậy, để giữ vững phát triển sản xuất và bảo đảm yêu cầu phục vụ tiền tuyến, Đảng bộ chủ trương đẩy mạnh phong trào lập tổ đổi công. Đảng bộ đã biết dựa vào các đoàn thể quần chúng như hội phụ nữ, nông hội... để đi sâu vào đồng bào các dân tộc củng cố phong trào. Đảng bộ còn triệu tập các bí thư chi bộ, bí thư nông hội các xã, mở hội nghị bàn về công tác lãnh đạo sản xuất (từ ngày 15 đến ngày 19/6/1954). Sau hội nghị, Huyện ủy cử cán bộ về các xã để chỉ đạo và giúp đỡ xây dựng tổ đổi công. Bằng những biện pháp đó, huyện đã củng cố được 92 tổ đổi công trở lại hoạt động tốt.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, từng bước ổn định và cải thiện đời sống vật chất, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân các dân tộc. Phong trào bình dân học vụ thanh toán nạn mù chữ được phát động trong 5 năm đầu sau khi chính quyền cách mạng ra đời và tiếp tục mở rộng ở các địa phương. Khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công vào Thái Nguyên, các lớp học phải đóng cửa. Sau ngày địch rút khỏi địa phận Thái Nguyên, phong trào bình dân học vụ được khôi phục nhanh chóng. Tính đến giữa năm 1951, toàn huyện có 14.929 người đã thoát nạn mù chữ; số người chưa biết chữ là 4.924 người, chiếm 18% dân số¹. Những người lớn sau

¹ Dân số trong huyện lúc này là 27.399 người, theo “*Báo cáo tình hình mọi mặt của huyện Đảng bộ Đại Từ*”, ngày 22/5/1951.

khi thoát nạn mù chữ, tiếp tục học tập ở các trường, lớp bổ túc văn hóa để nâng cao trình độ. Bước vào năm cuối cùng của cuộc kháng chiến (năm 1954), ngành bổ túc văn hóa ở Đại Từ có nhiều tiến bộ hơn trước. Hệ thống trường lớp được bố trí lại cho hợp lý; đội ngũ giáo viên cũng được đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh; trung bình mỗi xã có từ 4 đến 6 giáo viên. Con em đồng bào các dân tộc đến độ tuổi đi học được thu nhận vào các trường phổ thông¹.

Công tác thông tin tuyên truyền được các cấp ủy chú ý. Sau những thắng lợi dồn dập của quân dân ta ở mặt trận biên giới và sau khi địch rút khỏi Thái Nguyên, Huyện ủy kịp thời chỉ thị cho các chi bộ tổ chức một tuần lễ tuyên truyền sâu rộng trong dân chúng. Cán bộ thông tin xuống tận thôn xóm để cùng với ban thông tin các xã, xóm làm công tác tuyên truyền. Ban thông tin huyện và các xã đã biết sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, như phát thanh, tổ chức nói chuyện, mít tinh, tổ chức lửa trại, kẻ khẩu hiệu, áp phích²... Nội dung tuyên truyền đều nhằm vào tin chiến thắng của quân và dân ta trên các mặt trận; vào các chính sách của Đảng và Chính phủ như thuế nông nghiệp, giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất; vào thắng lợi của ta tại Hội nghị Giơ-ne-vơ...

¹ Năm 1951, huyện Đại Từ có 71 trường tiểu học, từ lớp 1 đến lớp 5: Lớp 1 có 26 trường; lớp 2 có 27 trường; lớp 3 có 9 trường; lớp 4 có 7 trường và lớp 5 có 2 trường.

² Trong tháng 10/1950, Ban Thông tin tuyên truyền đã đọc được 283 kỳ tin, có 6.546 người dự; phát thanh 601 kỳ, 32.677 người dự; nói chuyện 302 kỳ, 9.097 người dự; 13 cuộc mít tinh có 6.875 người dự; tổ chức 16 lần đốt lửa trại có 6.553 người dự...

thông qua đó, cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện hiểu rõ được đường lối, chủ trương của Đảng và Chính phủ, thấy được sự thắng lợi tất yếu của sự nghiệp kháng chiến của dân tộc ta, càng thêm phần khởi tham gia đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến.

Việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và nhân dân bước đầu được quan tâm. Toàn huyện có một phòng phát thuốc cho dân (lập từ năm 1947), do một y tá phụ trách; nhưng vì hiếm thuốc nên phòng không hoạt động được, việc phát thuốc chữa bệnh cho nhân dân lúc đó hầu như không có. Sau khi giặc Pháp rút khỏi Đại Từ và Thái Nguyên, huyện củng cố phòng y tế. Bước đầu, phòng đã tiến hành khám bệnh, phát thuốc cho dân, chủ yếu là phòng, chống sốt rét¹. Một số xã đã lập trạm xá. Đến năm 1954, các trạm được chấn chỉnh; số người khám và chữa bệnh tăng lên. Tuy vậy, hoạt động của ngành y tế còn yếu, phong trào vệ sinh phòng bệnh chưa chuyển biến nhiều. Vì thế, trong năm 1954 có các vụ dịch nhỏ xảy ra ở một số xã². Sự xử lý của ngành y tế huyện không kịp thời, một phần do cán bộ y tế ở các xã thiếu nhiều; một phần do không hoạt động³.

Nhờ đời sống vật chất và văn hóa tinh thần từng bước được cải thiện, lại có sự vận động, tuyên truyền

¹ Trong tháng 10/1950 có 107 người khám bệnh; 162 lần phát thuốc cho nhân dân.

² Xã Hùng Sơn có 38 người mắc bệnh quai bị; xã Ký Phú có 48 người bị bệnh sởi và 78 người mắc bệnh thủy đậu; bệnh sốt rét xảy ra trên địa bàn huyện trong thời gian không đầy một tháng, đã có 10 người chết.

³ 7 xã không có cán bộ y tế; trong số cán bộ y tế, chỉ có 1/3 hoạt động.

rộng rãi cho nên những tệ nạn xã hội cũ cùng những hủ tục trong đồng bào các dân tộc dần được khắc phục. Nạn cờ bạc, nghiện hút... bị xóa bỏ dần. Việc ăn uống linh đình, tốn kém trong ma chay, cưới xin ngày càng giảm; gần một nửa số chị em phụ nữ trong huyện đã bỏ tục thách cưới và cải cách ăn mặc, giữ gìn vệ sinh. Nhiều gia đình trong huyện đã làm chuồng trâu xa nhà; 7 xã trong huyện vận động các gia đình đào được giếng nước ăn hợp vệ sinh... Bộ mặt nông thôn cùng với cuộc sống trong đồng bào các dân tộc Đại Từ có nhiều thay đổi hơn trước.

Trong khi lãnh đạo thực hiện các mặt công tác, Đảng bộ huyện rất quan tâm đến việc củng cố hệ thống chính quyền và đoàn thể các cấp ở địa phương. Đặc biệt, từ năm 1951 trở đi, Hội đồng nhân dân các xã hoạt động mạnh hơn; huyện có kế hoạch phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của cấp trên cho xã; các xã tích cực vận động nhân dân thực hiện. Lúc này, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện có 5 ủy viên đều là đảng viên; tinh thần làm việc tích cực, thường xuyên đi sát quần chúng cơ sở. Các ủy viên Ủy ban được phân công trách nhiệm rõ ràng; mỗi tháng sinh hoạt hai kỳ để kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong công tác. Các Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã được kiện toàn, đưa những người có năng lực và có uy tín vào làm việc. Huyện đã tiến hành chấn chỉnh 4 Ủy ban các xã Trần Phú, Văn Cao (xã Yên Lãng ngày nay), Hoàn Sơn (nay là xã Hoàng Nông), Phú Cát (nay thuộc xã Cát

Nê và Ký Phú). Huyện còn chú ý củng cố các ngành chuyên môn, đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện cho các ngành hoạt động tốt; đồng thời mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ văn phòng và thư ký văn phòng Ủy ban huyện và xã. Nhờ đó, những mặt yếu, kém của chính quyền dần dần được khắc phục; uy tín của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Kháng chiến Hành chính các cấp ở địa phương được nâng lên.

Các đoàn thể quần chúng như phụ lão, nông dân, thanh niên, phụ nữ đều có những hoạt động cụ thể và thiết thực; nội dung hoạt động chủ yếu hướng vào việc giúp đỡ bộ đội, thương binh và phục vụ tiền tuyến.

Chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, vấn đề xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương được Đảng bộ Đại Từ đặt thành một nhiệm vụ quan trọng. Yêu cầu bảo vệ căn cứ địa vững chắc và chi viện cho các chiến trường đánh thắng đòi hỏi Đảng bộ phải chăm lo phát triển cả về số lượng và chất lượng lực lượng vũ trang, nhất là dân quân, du kích.

Tính đến giữa năm 1951, huyện Đại Từ có một đại đội bộ đội địa phương với quân số khoảng 100 người; về sau được cấp trên điều động, bổ sung cho Trung đoàn chủ lực 238. Toàn huyện có 3.119 dân quân, du kích¹. Ngoài nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ làng

¹ Trong số này có 2.010 dân quân và 1.049 du kích.

xã, tuần tra, canh gác, lực lượng dân quân du kích còn làm nhiệm vụ bảo vệ giao thông, phục vụ tiền tuyến, phục vụ giảm tô và cải cách ruộng đất.

Từ khi tỉnh Thái Nguyên thực hiện *Chế độ quân vụ* (đầu năm 1951) và nhất là từ khi thực hiện giảm tô và thí điểm cải cách ruộng đất ở huyện, Đảng bộ Đại Từ rất coi trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ dân quân, du kích. Thông qua các đợt giảm tô và cải cách ruộng đất, tuyên truyền, giáo dục quần chúng thuộc thành phần cơ bản và cốt cán, huyện tiến hành xét duyệt để kết nạp một số người có đủ tiêu chuẩn vào dân quân, du kích. Các xã đội và thôn đội được củng cố; những cán bộ, đảng viên ưu tú được đưa vào các ban chỉ huy. Song song với việc xét kết nạp những người đủ tiêu chuẩn vào dân quân, du kích, huyện còn loại những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi đội ngũ.

Bên cạnh những bước chuyển biến trên, việc xây dựng lực lượng vũ trang nhất là dân quân, du kích còn nhiều hạn chế. Từ sau ngày giặc Pháp rút khỏi Thái Nguyên (tháng 10/1950), trong cán bộ và nhân dân có tư tưởng chủ quan, khinh địch, cho rằng địch không còn đủ sức tấn công lên Thái Nguyên nữa, nên thiếu quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, không đặt thành một nhiệm vụ hàng đầu. Ban Chỉ huy Quân sự huyện giảm hẳn quân số, do đó thiếu người theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ công tác xây dựng dân quân, du kích. Một số đội viên du kích cho rằng nhiệm vụ chiến đấu đã kết thúc, lại gặp hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên muốn xin

ra khỏi đội du kích. Trong công tác củng cố để nâng cao chất lượng dân quân, du kích có nơi, có lúc chỉ nhấn mạnh thành phần cơ bản, nên đưa cả những người không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe vào; có nơi gạt bỏ những cán bộ cũ, kể cả những cán bộ lâu năm thuộc thành phần trung nông ra khỏi ban chỉ huy, làm cho anh em hoang mang. Một số cán bộ mới, thuộc thành phần bần, cố nông được đề bạt nhưng vì chưa trải qua huấn luyện và chiến đấu nên ít kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy. Một số cán bộ, dân quân, du kích bị quy sai là địa chủ, phú nông trong đợt cải cách ruộng đất, sinh ra tư tưởng tiêu cực, bất mãn. Tất cả những thiếu sót đó đều ảnh hưởng tiêu cực đến phong trào chung toàn huyện.

Từ sau chiến thắng Biên giới thu - đông 1950, giữ vững và phát huy quyền chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), quân ta liên tiếp mở các chiến dịch tiến công địch. Cũng từ đó, nhu cầu huy động nhân, tài, vật lực ở hậu phương cung cấp cho tiền tuyến ngày càng tăng.

Ý thức được điều đó, với tấm lòng của người hậu phương, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ sẵn sàng đóng góp hết sức mình, góp phần bảo đảm cho bộ đội ta ăn no, đánh thắng. Ngay sau khi nhận được tin chiến thắng dồn dập ở Mặt trận Biên giới và sau khi địch rút khỏi Thái Nguyên, Đảng bộ Đại Từ mở một tuần lễ tuyên truyền rộng rãi. Thông qua đó, Đảng bộ đã gây được phong trào thi đua ủng hộ và tiếp tế bộ đội; xã nào cũng ủng hộ trên một vạn đồng; đặc biệt, xã Vân Yên ủng

hộ trên 10 vạn đồng¹. Nhân dân các xã Toàn Thắng, Trần Phú còn chủ động mang tiền, gạo ủng hộ bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Từ năm 1951, phong trào quyên góp, ủng hộ bộ đội, thương binh tiếp tục duy trì và mở rộng. Hội phụ lão (1.432 cụ) ủng hộ bộ đội với tổng số tiền là 48 nghìn đồng (bằng 8 nời thóc). Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện ngoài việc tổ chức được 70 chị em làm nhiệm vụ ở dọc đường khi có chiến dịch, còn huy động 43 chị vào giúp việc trong các trại thương binh, đồng thời ủng hộ anh em thương binh 593.695 đồng.

Khi chính sách thuế nông nghiệp được Chính phủ ban hành tháng 5/1951, Đảng bộ tổ chức học tập, trước hết trong cán bộ, đảng viên; sau đó về phổ biến cho nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa việc thu thuế. Huyện ủy và Ủy ban còn cử cán bộ đi xuống cơ sở để chỉ đạo giúp đỡ các xã thực hiện công tác thuế. Nhờ đó, nhìn chung, nông dân các dân tộc trong huyện đều hăng hái nộp thuế. Cứ sau mỗi vụ gặt, bà con phơi khô, quạt sạch và dành những hạt thóc chắc nhất để nộp vào kho của Nhà nước. Đặc biệt, trong đợt thu thuế vụ hè năm 1954, do Huyện ủy tổ chức học tập chu đáo, chỉ đạo chặt chẽ, cho nên nhân dân phấn khởi đóng vượt mức trên giao cho huyện².

¹ *Tiến Mạnh*, Nội san của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc, số 20, ra ngày 6/1/1951, tr.23.

² Thu vụ hè thu năm 1954: Tổng cộng 1063.966kg thóc; thu số thóc còn thiếu của năm 1953: 10.259kg và thu số thóc còn thiếu của 1951 - 1952 là 174kg (theo "Báo cáo công tác từ ngày 15/6 đến ngày 15/7/1954 số 15-BC-DT").

Một trong những nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ trong thời kỳ 1950 - 1954 là tham gia sửa chữa, bảo vệ cầu, đường, giữ vững mạch máu giao thông thông suốt và đi dân công phục vụ chiến dịch. Ngay sau khi giặc Pháp thất bại trong chiến dịch *Phốc* phải rút khỏi Thái Nguyên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định huy động dân công để sửa chữa cầu đường. Trong số 4 đường phải sửa gấp, Tỉnh ủy chỉ rõ phải đặc biệt chú trọng hai tuyến đường huyết mạch của căn cứ địa là Đường số 3 và Đường 13A.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng bộ Đại Từ chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức huy động dân công. Huyện thành lập Ban chỉ huy công trường; ở các xã thành lập Ban huy động dân công. Hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của chiến dịch sửa chữa cầu, đường, thanh niên, nam nữ và cả những người lớn tuổi hăng hái đi dân công. Trên khắp các nẻo đường, hàng ngàn dân công vượt qua mọi khó khăn về hoàn cảnh gia đình, về thời tiết, về bom đạn địch bắn phá thường xuyên, mang theo dụng cụ, lương thực... phấn khởi làm nhiệm vụ sửa đường. Không khí lao động thật là náo nhiệt, khẩn trương. Trong những ngày đó, thanh niên huyện Đại Từ động viên nhau đi tòng quân, đi dân công; ngoài việc thành lập một đoàn gồm 120 người đi phục vụ bốn tháng liên tục, anh chị em còn tổ chức một đoàn kịch đi phục vụ dân công trên các công trường. Sau một thời gian lao động, nhân dân các dân tộc Đại Từ cùng với nhân dân các địa phương trong tỉnh đã hoàn thành khôi phục các tuyến Đường số

3 (đoạn Bờ Đậu - Chợ Mới), Đường 13A (Bờ Đậu - Đèo Khế) và các đường Bờ Đậu - thị xã Thái Nguyên - Bắc Giang, Km31 (trên Đường số 3) - Quán Vuông - Đại Từ... Trên các tuyến đường mới được sửa chữa hoặc mở rộng, bộ đội, dân công và xe cộ các loại, ngày đêm tấp nập ra mặt trận.

Nhìn chung, trong tất cả các đợt huy động dân công, huyện Đại Từ đều đạt được chỉ tiêu trên giao. Có những lúc, như vụ hè năm 1954, dù đang giữa vụ gặt, một số xã đang thực hiện cải cách ruộng đất nhưng huyện đã kịp thời chỉ đạo, đôn đốc các xã huy động được 1.932 dân công, trong đó có 31 thợ mộc và 52 xe đạp thồ đi làm nhiệm vụ. Có thời kỳ 1950 - 1951, cấp trên huy động tới 6 - 7 đợt dân công trong một năm, nhưng huyện vẫn đảm bảo quân số. Ngoài ra, trong những năm 1950 - 1954, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ còn huy động nhiều con em ưu tú tham gia tòng quân, gia nhập các đơn vị bộ đội chủ lực và trực tiếp chiến đấu trên các chiến trường.

Được hậu phương cả nước thường xuyên tiếp sức, chi viện, bộ đội ta liên tiếp giành nhiều thắng lợi trong những chiến dịch quân sự lớn: Trung du (tháng 1/1951), Đường số 18 (tháng 3/1951), Hà - Nam - Ninh (tháng 5/1951), Hòa Bình (đông xuân 1951 - 1952), Tây Bắc (thu đông 1952), Thượng Lào (xuân hè 1953). Trong tất cả các chiến thắng đó, đều có một phần công sức và xương máu của con em đồng bào các dân tộc huyện Đại Từ.

Thực hiện cách mạng ruộng đất, gắn với cách mạng giải phóng dân tộc, là những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám thành công, đất nước ta giành được độc lập, nhưng ngay sau đó lại phải tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ, gian khổ nệm vấn đề ruộng đất chưa được giải quyết. Đến lúc này, hầu hết ruộng đất vẫn nằm trong tay địa chủ, đa số nông dân không có hoặc có rất ít ruộng đất, phải làm thuê cho địa chủ, bị áp bức bóc lột nặng nề. Hơn bao giờ hết, nhiệm vụ đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, giải phóng giai cấp nông dân khỏi ách áp bức, bóc lột, thực hiện người cày có ruộng, để tạo động lực, sức mạnh đưa cuộc kháng chiến mau đến thắng lợi càng trở nên bức thiết.

Trong bối cảnh đó, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa II (từ ngày 25 đến ngày 30/1/1953) đã nhất trí thông qua nhiệm vụ phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô tiến tới cải cách ruộng đất và thông qua Dự thảo Cương lĩnh của Đảng về chính sách ruộng đất. Từ đó, phong trào nông dân đấu tranh buộc địa chủ phải thi hành các chính sách cải cách dân chủ của Đảng và Chính phủ, chủ yếu là triệt để giảm tô, ngày càng sâu rộng.

Mục đích của công cuộc phát động quần chúng giảm tô là *Đánh đổ thế lực phản động, làm yếu thế lực kinh tế của phong kiến, đập tan thế lực chính trị của phong kiến, thỏa mãn một phần yêu cầu kinh tế của nông dân và giành ưu thế chính trị cho nông dân lao*

động ở nông thôn, củng cố liên minh công nông, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến, chuẩn bị điều kiện cải cách ruộng đất¹.

Để đạt được mục đích, yêu cầu của cuộc vận động, mọi công tác đều quán triệt đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn là *Dựa hẳn vào bản, cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú nông, đánh đổ địa chủ Việt gian phản động và cường hào gian ác.*

Theo sự chỉ đạo chung của Trung ương, mỗi đợt phát động quần chúng được thực hiện theo 4 bước: *Nội dung của bước một là tuyên truyền chính sách, tìm hiểu tình hình, ba cùng, thăm nghèo hỏi khổ, bắt rết xâu chuỗi, xây dựng lực lượng đấu tranh và sơ bộ chỉh dẫn tổ chức.* Nội dung của bước hai là mở đại hội nông dân, phát động quần chúng đấu tranh đánh đổ địa chủ Việt gian phản động, cường hào gian ác. Nội dung của bước ba là tiến hành giảm tô, thoái tô, thoái tiền công quỹ và chia những thứ đấu tranh được cho nông dân. Nội dung của bước bốn là củng cố tổ chức, tổng kết thắng lợi, rút kinh nghiệm, đẩy mạnh sản xuất.

Đầu tháng 4/1953, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương, đợt một phát động quần chúng giảm tô và cũng là đợt thí điểm được mở ra trong 25 xã thuộc các tỉnh: Thái Nguyên, Phú Thọ và Thanh Hóa để rút kinh nghiệm, xây dựng chủ trương chính sách và kế hoạch

¹ Chỉ thị số 37, ngày 20/4/1953 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

cụ thể. Trên cơ sở đó dưới ánh sáng Nghị quyết Bộ Chính trị (tháng 8/1953), đợt 2 giảm tô được tiến hành trong phạm vi rộng lớn. Một số xã trong huyện Đại Từ cũng được chọn để tiến hành trong đợt này. Dưới sự chỉ đạo chung của Đoàn ủy, mỗi xã có một Đội công tác phụ trách gồm khoảng 20 cán bộ.

Tỏa về các thôn xóm, cán bộ trong các Đội công tác đi sâu vào đời sống quần chúng bần, cố nông, thực hiện *ba cùng, thăm nghèo hỏi khổ, bắt rễ sâu chuỗi*, tuyên truyền rộng rãi đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Có sự lãnh đạo của Đội công tác, nông dân đã vạch trần và đấu tranh đánh đổ những tên địa chủ Việt gian phản động, cường hào gian ác. Qua cuộc đấu tranh của nông dân, tội ác của địa chủ bị vạch trần¹.

Việc thực hiện các chủ trương, chính sách về cải cách dân chủ của Đảng và Chính phủ, nhất là cuộc vận động giảm tô, đã từng bước hạn chế sự bóc lột của giai cấp địa chủ. Vì thế, giai cấp địa chủ chống đối bằng những thủ đoạn xảo quyệt, tinh vi hơn trước, như cho ruộng, giao canh hoặc bán ruộng². Nhưng trước phong

¹ Riêng 8 xã trong đợt giảm tô (An Khánh, Cù Vân, Hà Thượng, Ký Phú, Lục Ba, Phục Linh, Vạn Thọ, Văn Yên) có 59 hộ địa chủ.

² Tình hình phân tán ruộng đất của địa chủ trong 6 xã:

- Bình Thuận: Tổng cộng là 164m.7s.9t, trong đó cho ruộng 14m0.00, giao canh 89m.4s.8t, bán ruộng 61m.3s.1t.

- An Mỹ: Tổng cộng là 199.6.04, trong đó cho ruộng 129.3.08, giao canh 1.3.13, bán ruộng 68.8.13.

- Trần Phú: Tổng cộng là 207.1.08, trong đó cho ruộng 2.8.04, giao canh 137.3.10, bán ruộng 66.9.09.

trào đấu tranh mạnh mẽ của nông dân, địa chủ ở các xã buộc phải thực hiện chủ trương của Đảng đã ban hành.

Tại xã Trần Phú, nông dân đấu tranh chống lại hành động của một số địa chủ định đòi lại ruộng lĩnh canh của nông dân để bán hoặc phân tán cho người khác, buộc chúng phải bảo đảm quyền lĩnh canh của nông dân từ 3 đến 5 năm. Ở Hùng Sơn, Hà Thượng, Văn Yên,... do nông dân đấu tranh mạnh, địa chủ phải giảm tô từ 10 nôi thóc xuống còn 7 nôi. Tại Bình Thuận, lực lượng du kích vào tận nhà bắt địa chủ phải nộp thuế và thoái tô cho 52 gia đình nông dân, với số lượng 15.147kg thóc. Mặt khác, từ sau Cách mạng tháng Tám, bọn chủ đồn điền người Pháp và một số tên địa chủ cường hào gian ác đã bỏ chạy, để lại một số ruộng đất khá lớn. Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện đã tịch thu số ruộng đó cùng với ruộng đất công ở địa phương đem chia cho các gia đình nông dân thiếu ruộng hoặc không có ruộng. Tỉnh ủy đã trực tiếp chỉ đạo việc tịch thu đồn điền Ga-ri, tạm cấp ruộng đất cho nông dân, nhằm rút kinh nghiệm chỉ đạo chung trên phạm vi toàn tỉnh Thái Nguyên.

- Độc Lập: Tổng cộng là 115.4.00, trong đó cho ruộng 1.3.08, giao canh 62.5.05, bán ruộng 51.5.02

- Tân Thái: Tổng cộng là 115.8.02, trong đó giao canh 110.2.03, bán ruộng 555.14.

- Hùng Sơn: Tổng cộng là 232.9.04, trong đó cho ruộng 25.9.01, giao canh 103.2.11, bán ruộng 103.7.07.

Cuộc vận động thực hiện giảm tô, kết hợp với công tác chỉnh đốn tổ chức đã làm cho đảng viên và quần chúng nâng cao thêm một bước về lập trường tư tưởng, phân rõ ranh giới giữa nông dân lao động với giai cấp bóc lột; hiểu rõ nguồn gốc khổ cực của nông dân và do đó đã gây được lòng căm thù sâu sắc trong quần chúng nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Mặt khác, qua công tác chỉnh đốn tổ chức, những đảng viên thuộc thành phần giai cấp bóc lột không chịu cải tạo, phần tử có tác phong xấu được đưa ra khỏi tổ chức Đảng, đoàn thể và chính quyền, đồng thời kết nạp thêm những đảng viên có thành phần cơ bản; đào tạo được một số cán bộ thuộc bần, cố nông, bổ sung cho bộ máy lãnh đạo cấp xã¹.

Bên cạnh những kết quả đó, trong quá trình thực hiện giảm tô kết hợp với chỉnh đốn tổ chức, chúng ta đã mắc phải một số sai lầm².

Một trong những sai lầm nghiêm trọng là đánh giá chi bộ không đúng, không tin tưởng vào đảng viên, cho đảng viên cũ là xấu; do đó trong công tác chỉnh đốn tổ chức, các đội công tác đã bắt chấp cả phương châm của Đảng. Trong quá trình thực hiện, phương pháp tiến

¹ Toàn huyện kết nạp thêm 187 đảng viên.

² Trong đợt giảm tô, toàn huyện có 137 đảng viên bị xử trí, trong đó:

- Xử trí đúng: 73 đảng viên (54%),

- Xử trí sai: 64 đảng viên (46%).

Riêng Chi bộ Hùng Sơn với 61 đảng viên có 18 đảng viên bị xử trí (29,5%); trong đó xử trí đúng: 10 đảng viên (55,56%); sai: 8 đảng viên (44,44%).

hành thiếu dân chủ, không tôn trọng nguyên tắc của Đảng, không quan tâm giáo dục làm cho đảng viên tự nguyện tự giác, mà lại dùng lối mệnh lệnh, truy bức, quy chụp tội lỗi cho đảng viên, đi đến xử lý tràn lan, bừa bãi, đánh nhằm vào nội bộ của ta, gây nên không khí căng thẳng ở nông thôn.

Những sai lầm trên đã làm tổn thất nặng nề đến lực lượng của Đảng, làm cho tinh thần chiến đấu của đảng viên bị giảm sút; nội bộ Đảng mất đoàn kết, gây tác hại không nhỏ đến uy tín của Đảng.

Dù có những sai lầm trong chỉnh đốn tổ chức nhưng việc thực hiện một cách có hệ thống các chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ, nhất là thông qua cuộc vận động giảm tô, nông thôn tỉnh Thái Nguyên nói chung và Đại Từ nói riêng có sự chuyển biến bước đầu trong chế độ ruộng đất cũng như trong quan hệ giai cấp. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ bị thu hẹp: sự bóc lột của địa chủ bị hạn chế rõ rệt. Đời sống của nông dân lao động do đó được cải thiện từng bước; xu hướng trung nông hóa bắt đầu xuất hiện. Nông dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, phục vụ kháng chiến.

Tuy vậy, cho đến trước cải cách ruộng đất, chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến vẫn tồn tại. Giai cấp địa chủ vẫn là giai cấp chiếm hữu nhiều ruộng đất nhất. Giai cấp nông dân vẫn bị địa chủ bóc lột nên họ thiếu điều kiện để phát triển sản xuất.

Tình trạng đó đặt ra yêu cầu bức thiết là phải xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, xác lập chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến tới thắng lợi hoàn toàn.

Từ giữa năm 1953 trở đi, cuộc kháng chiến của dân tộc ta bước vào thời kỳ gay go, quyết liệt. Trên khắp các chiến trường, bộ đội ta liên tiếp giành nhiều thắng lợi to lớn và đang chuẩn bị bước vào cuộc tiến công chiến lược. Yêu cầu cung cấp về mọi mặt cho cuộc kháng chiến lúc này trở nên rất to lớn, đòi hỏi phải động viên được sự tham gia đông đảo của lực lượng toàn dân, chủ yếu là giai cấp nông dân. Muốn vậy, điều chủ yếu là phải không ngừng bồi dưỡng lực lượng nông dân, mà cơ bản là giải quyết vấn đề ruộng đất.

Những chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ được thực hiện từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 có tác dụng tích cực trên nhiều mặt, nhưng khẩu hiệu *Người cày có ruộng* vẫn chưa được giải quyết căn bản.

Việc phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất lúc này trở thành một yêu cầu tất yếu, cấp bách, đòi hỏi phải được tiến hành. Chỉ có như vậy mới có thể bồi dưỡng được những yếu tố đưa cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi hoàn toàn. Hồ Chủ tịch đã nói: *Then chốt thắng lợi của cuộc kháng chiến là củng cố mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, củng cố khối công nông liên minh, củng cố chính quyền nhân dân,*

*củng cố và phát triển quân đội, củng cố Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Chỉ có phát động cải cách ruộng đất ta mới tiến hành những công việc đó được thuận lợi*¹.

Xuất phát từ yêu cầu đó, đầu tháng 11/1953, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần 5 quyết định phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất. Tiếp đó, từ ngày 1 - 4/12/1953, Quốc hội khóa I kỳ họp thứ ba thông qua Luật Cải cách ruộng đất. Ngày 19/12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 197/SL ban hành Luật Cải cách ruộng đất.

Chủ trương cải cách ruộng đất của Đảng nhằm mục đích: *Cải thiện đời sống cho nông dân, triệt để động viên sức người, sức của nhân dân, đặng kháng chiến trường kỳ, đánh đuổi đế quốc Pháp, can thiệp Mỹ, đánh đổ ngụy quyền, hoàn toàn giải phóng dân tộc; giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, mở đường cho công thương nghiệp phát triển, lợi cho kháng chiến và kiến quốc; tiêu diệt chế độ chiếm hữu ruộng đất của thực dân Pháp ở Việt Nam, xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, thực hiện người cày có ruộng*².

Để thực hiện cương lĩnh ruộng đất của Đảng và đạt được những mục đích - yêu cầu của cuộc vận động,

¹ Báo cáo tại Hội nghị toàn quốc của Đảng từ ngày 14 đến ngày 23/11/1953.

² Cách mạng ruộng đất, Ủy ban Kháng chiến Hành chính, tr.139.

Đảng đề ra đường lối giai cấp ở nông thôn là: *Dựa hẳn vào bần cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú nông, tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến.*

Về phương châm và phương pháp thực hiện cải cách ruộng đất, Đảng chủ trương dựa vào quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng, tổ chức, giáo dục và lãnh đạo quần chúng nông dân đấu tranh; đồng thời phải kết hợp đấu tranh của quần chúng với đấu tranh bằng biện pháp hành chính của chính quyền nhân dân.

Về kế hoạch tiến hành, mỗi đợt cải cách ruộng đất chia làm bốn bước: Bước một nhằm tuyên truyền chính sách, tìm hiểu tình hình, bắt rẫy tìm chỗ dựa và bước đầu củng cố tổ chức. Bước hai nhằm phân định thành phần giai cấp, phân rõ ranh giới giữa nông dân và địa chủ. Bước ba là tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất và tài sản của địa chủ chia cho nông dân. Bước bốn nhằm tổng kết và chỉnh đốn tổ chức ở xã. Chủ trương phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất của Đảng và Chính phủ được đông đảo nông dân nhiệt liệt hưởng ứng.

Đại Từ là một huyện có cơ sở Đảng hình thành tương đối sớm. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng, cơ sở Đảng ở Đại Từ phát triển tương đối nhanh chóng. Năm 1945, Đảng bộ Đại Từ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện đứng lên lật đổ ách thống

trị của đế quốc - phong kiến, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân.

Từ những năm 1946 - 1947, cơ sở Đảng, nhất là các chi bộ nông thôn phát triển mạnh; hầu hết các xã đều thành lập được chi bộ. Trong thời kỳ kháng chiến, những chi bộ này là hạt nhân lãnh đạo nhân dân trong xã chiến đấu, sản xuất, phục vụ tiền tuyến, bảo vệ ATK của Trung ương. Trải qua cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt, qua các đợt chỉnh huấn chính trị, hầu hết đảng viên và quần chúng cách mạng được rèn luyện về lập trường tư tưởng, về giác ngộ quyền lợi giai cấp... Từ sau cuộc vận động thực hiện giảm tô, các chi bộ nông thôn ở Đại Từ được chỉnh đốn một bước về tổ chức. Mặt khác, trải qua các đợt giảm tô, cán bộ và quần chúng ở địa phương có thêm kinh nghiệm trong việc tổ chức đấu tranh đập tan thế lực của giai cấp địa chủ.

Đại Từ là một huyện miền núi nhưng hình thành hai vùng rõ nét: Vùng cao (gồm các xã phía bắc, tây bắc và đông bắc) và vùng thấp (gồm các xã phía nam và đông nam). Tại vùng thấp, sự phân hóa giai cấp đã sâu sắc. Yêu cầu của nông dân về việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở đây từ lâu đã trở nên cấp bách. Từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Đại Từ cũng là một trong những địa phương được Trung ương chọn làm An toàn khu (ATK) Trung ương. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi rất cơ bản để Đảng bộ và chính quyền địa phương tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ. Tất cả

những đặc điểm trên chính là cơ sở để Trung ương quyết định chọn 6 xã (Hùng Sơn, Bình Thuận, Trần Phú, Tân Thái, Độc Lập, An Mỹ) thuộc huyện Đại Từ làm nơi thí điểm thực hiện cải cách ruộng đất.

Đợt thí điểm cải cách ruộng đất có ý nghĩa to lớn đối với việc thể nghiệm chủ trương, chính sách của Đảng; thông qua đó sẽ rút ra những kinh nghiệm để chỉ đạo thực hiện cuộc cải cách ruộng đất trên phạm vi cả nước. Do đó, công cuộc thí điểm cải cách ruộng đất được đặt dưới sự lãnh đạo của Trung ương¹, do Đoàn ủy (Ban chỉ đạo Trung ương) trực tiếp chỉ đạo (đóng ở xã Trần Phú).

Ngày 25/12/1953, khi cuộc phát động quần chúng giảm tô đã chuyển sang đợt 3 thì cuộc cải cách ruộng đất bắt đầu mở đợt thí điểm trong 6 xã. Mỗi xã có một Đội công tác, gồm khoảng 20 cán bộ, phụ trách.

Tin cải cách ruộng đất truyền về làm cho quần chúng nông dân hết sức vui mừng; ngược lại, giai cấp địa chủ hoang mang, lo sợ và tìm mọi cách chống đối. Ngay từ lúc các Đội công tác chưa về tới các xã, nhiều địa chủ đã có những hành động nhằm chia rẽ, mua chuộc quần chúng, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, ly gián cán bộ với quần chúng. Trắng trợn hơn, chúng còn đe dọa nông dân, phá hoại hoa màu, bán trâu bò, phân tán ruộng đất, cất giấu tài sản... Một số quần chúng tỏ ra hoang mang, dao động, sợ địa chủ trả thù.

¹ Gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Hồ Viết Thắng.

Nhận thức được tình hình đó, ngay từ khi bắt đầu đặt chân xuống xã, các Đội công tác vừa tiến hành công tác tuyên truyền rộng rãi chính sách cải cách ruộng đất, vừa đi sâu vào quần chúng nông dân lao động để tìm hiểu tình hình địa phương, nhất là tình hình các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể xã.

Các Đội công tác họp với các chi ủy và chi bộ để bước đầu tìm hiểu tình hình trong xã, giải thích chính sách và động viên các đảng viên tích cực tham gia cuộc phát động quần chúng. Tiếp theo là các cuộc họp cán bộ quân, dân, chính, họp thanh niên, phụ nữ, dân quân... để tuyên truyền chính sách, giải đáp thắc mắc, động viên mọi người tích cực thực hiện chính sách của Đảng và Chính phủ. Nhiều cuộc họp quần chúng rộng rãi, những cuộc mít tinh toàn xã được triệu tập. Tư tưởng của nông dân được phát động; khí thế quần chúng lên cao. Trong khi đó, đại bộ phận cán bộ trong các Đội công tác phân công nhau về các xóm, đi vào quần chúng nghèo khổ, thực hiện *ba cùng* (cùng ăn, cùng ở, cùng lao động với nông dân), *thăm nghèo hỏi khổ, bắt rế, xâu chuỗi* để tìm chỗ dựa. Thông qua việc đi sâu vào quần chúng, thực hiện *ba cùng*, phát động quần chúng tố khổ, một mặt nông dân lao động thấy rõ tội ác của giai cấp địa chủ và nguồn gốc cực khổ của mình; mặt khác, cán bộ Đội công tác có điều kiện tìm ra được người tốt để *bắt rế*.

Bắt rế là khâu công tác đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ công tác của đợt phát động quần chúng. *Bắt rế* có nghĩa là xây dựng chỗ dựa cho Đội

công tác và tạo ra những hạt nhân của phong trào quần chúng. Trong phát động quần chúng, nhiều cán bộ trong các Đội công tác đã rèn luyện được tác phong đi sâu điều tra nghiên cứu, thực hiện *ba cùng*, nắm vững quan điểm giai cấp, quan điểm quần chúng và đường lối nông thôn của Đảng tin tưởng vào khả năng của bần, cố nông; nhờ đó đã lựa chọn chính xác và bồi dưỡng được những *rễ tốt*, tiêu biểu là Đội công tác An Mỹ. Tuy nhiên, cũng có những cán bộ ngại gian khổ, thiếu quan điểm quần chúng, nên đã bắt lầm phải *rễ thối*; hoặc lúng túng, *không bắt được rễ*.

Trên cơ sở bắt rễ tốt, các đội công tác đi sâu tìm hiểu tình hình thôn, xã và mở rộng *xâu chuỗi*. *Xâu chuỗi* về thực chất là mở rộng đội ngũ cốt cán bằng hình thức đi sâu phát động tư tưởng từng người, tuyên truyền và tổ chức từng người một cách vững chắc.

Sau khi tổ chức quần chúng, có cốt cán vững chắc làm nòng cốt, Đội công tác tổ chức quần chúng học tập phân định thành phần giai cấp. Đây là công tác trọng yếu bậc nhất trong cải cách ruộng đất nhằm phân rõ ranh giới giữa nông dân và địa chủ, đoàn kết nông dân lao động và đấu tranh đánh đổ giai cấp địa chủ. Phân định thành phần giai cấp ở nông thôn là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp giữa nông dân và địa chủ. Giai cấp địa chủ dùng mọi thủ đoạn phân tán ruộng đất, tài sản cho vợ con tham gia lao động đôi chút, giả nghèo giả khổ; đồng thời mua chuộc, đe dọa khổ chủ để che giấu tội ác bóc lột của chúng. Trong nông dân cũng có nhiều người e

ngại, không dám phát hiện địa chủ, sợ mang thù chuốc oán vào người hoặc nể nang do mối quan hệ họ hàng, thân quen... Do đó, trong việc phát hiện và đấu tranh vạch rõ thành phần giai cấp, một mặt, cán bộ phải nắm vững tiêu chuẩn phân định thành phần, mặt khác, phải giáo dục cho nông dân hiểu rõ và chấp hành đúng chính sách của Đảng và Chính phủ.

Trong quá trình phân định thành phần, Đội cải cách ruộng đất ở An Khánh đã có nhiều kinh nghiệm tốt. Cán bộ của đội tỏa về các xóm đồng bào Sán Dìu, đi vào các gia đình bản, cố nông để giáo dục, tuyên truyền, thăm nghèo hỏi khổ. Nhờ đó, đồng bào Sán Dìu đoàn kết cùng với đồng bào Kinh đấu tranh đánh đổ giai cấp địa chủ. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nông dân, tội ác và thủ đoạn bóc lột của địa chủ bị vạch trần. Những địa chủ cường hào gian ác bị đưa ra trước quần chúng để vạch mặt và kết tội.

Sau khi phân định thành phần giai cấp, việc tịch thu, trưng thu và trưng mua được tiến hành. Trong đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã (từ ngày 25/12/1953 đến ngày 30/3/1954), chúng ta đã tịch thu 795 mẫu, trưng thu 1.580 mẫu, trưng mua 164 mẫu ruộng cùng với 352 trâu bò, 1.062 nông cụ, 33 nhà cửa và trên 26,4 tấn lương thực chia cho các hộ nông dân lao động.

Giai cấp nông dân phấn khởi đón nhận những phần được chia quả thực. Ngày đi cầm thẻ nhận ruộng như một ngày hội, đánh dấu một bước biến đổi trong đời sống của người nông dân Đại Từ. Từ sáng sớm, các gia đình

nông dân - từ già đến trẻ - lũ lượt kéo nhau ra đồng. Họ vui mừng nhận tấm biển ghi tên mình để cắm trên thửa ruộng được chia. Kể từ đó, ruộng đất trong 6 xã đã thực sự trở về tay nông dân. Ngày đi cắm thẻ nhận ruộng còn in đậm trong ký ức mỗi người. Nông dân Đại Từ ghi sâu công ơn của Đảng, của Bác Hồ không chỉ đem lại độc lập, tự do mà còn đem lại ruộng đất, trâu bò, đưa người dân thoát khỏi cuộc đời khổ cực, đắng cay.

Đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã kết thúc. Thế lực kinh tế và chính trị của giai cấp địa chủ ở 6 xã này cơ bản bị đánh đổ. Giai cấp nông dân đã thật sự làm chủ ruộng đất, làm chủ nông thôn, phấn khởi phát triển sản xuất. Khối đoàn kết nông dân lao động được tăng cường.

Thắng lợi của đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc Đại Từ đã vượt ra ngoài phạm vi của những địa phương nhỏ hẹp. Những thành quả này đã lan rộng ra toàn quốc, làm vững lòng quần chúng công - nông ở hậu phương và bộ đội ngoài mặt trận. Những thành tích trong vận động giảm tô và đợt thí điểm cải cách ruộng đất đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Với những kết quả to lớn đó, đợt thí điểm cải cách ruộng đất đã chứng minh chủ trương phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất do Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn. Đồng thời, thông qua đợt thí điểm này, Đảng ta có thêm cơ sở thực tiễn để xem xét và bổ sung một số chính sách cụ thể trong chủ trương thực hiện cải cách ruộng đất.

Tuy nhiên, trong đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã, một số cán bộ và Đội công tác đã phạm phải một số khuyết điểm. Một số cán bộ có tư tưởng ngại khó, ngại khổ, không chịu đi sâu phát động quần chúng nông dân nghèo khổ, do đó không chọn và bồi dưỡng được cốt cán. Một số cán bộ chưa đi sâu, đi sát vào quần chúng để tìm hiểu tình hình, mà chỉ dùng phương pháp hành chính, thống kê đơn thuần trong khi tính toán ruộng đất và thành phần giai cấp bóc lột, cho nên đã để một số địa chủ cường hào gian ác lọt lưới; tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của giai cấp địa chủ một cách thiếu triệt để do đó không thỏa mãn yêu cầu của quần chúng bản, cố nông trong khi chia ruộng đất và các tài sản khác.

Những thiếu sót *hữu khuyết* trên đây được phát hiện kịp thời và phê phán nghiêm khắc, từ đó có biện pháp khắc phục một phần khá lớn.

Song, chính trong tình hình đó, cán bộ tham gia cải cách ruộng đất bắt đầu có tâm lý *Thà tá một tí còn hơn mang tiếng là hữu*. Những sai lầm *tả khuyết* vì thế xuất hiện mà không được phát hiện đầy đủ và phê phán đúng mức, kịp thời.

Trên thực tế, những mầm mống *tả khuyết* đã nảy sinh trong một số cán bộ từ ngay khi bước vào cuộc phát động quần chúng giảm tô. Vào thời gian này, một số cán bộ có những nhận định không đúng: Chỉ nhấn mạnh những thiếu sót trong việc thực hiện chính sách ruộng đất trong những năm đầu kháng chiến; ngược

lại, đánh giá quá thấp những thành quả cải cách dân chủ đã đạt được; không thấy hết những chuyển biến trong mối quan hệ giai cấp và lực lượng đối sánh ở nông thôn; phần nào đánh giá quá cao lực lượng và sự phản ứng của giai cấp địa chủ trong khi đó lại đánh giá quá thấp các tổ chức của ta ở nông thôn.

Những nhận định không đúng trên lúc đầu chưa gây tác hại rõ rệt nhưng trong đợt thí điểm cải cách ruộng đất, vì không thấy hết những diễn biến tư tưởng của cán bộ, nên ban chỉ đạo đã không uốn nắn những thiếu sót “tả khuynh” đó một cách kịp thời. Những thiếu sót này ảnh hưởng không tốt tới các đoàn, đội công tác. Một số cán bộ nhận định rằng: sau giảm tô, chi bộ nông thôn vẫn phức tạp; trong ban chỉ ủy hầu hết còn *chân tay* của địa chủ, do đó chủ trương cải biến thành phần chi bộ, đặt vấn đề chỉnh đốn tổ chức thành một yêu cầu cao hơn so với thời kỳ giảm tô.

Tiếp theo đợt thí điểm, từ ngày 25/5/1954, đợt 1 cải cách ruộng đất bắt đầu được mở trên phạm vi rộng, gồm 6 xã thuộc tỉnh Thanh Hóa và 47 xã thuộc tỉnh Thái Nguyên; trong đó có 10 xã thuộc huyện Đại Từ¹.

Đợt 1 cải cách ruộng đất tiếp tục phát huy những thắng lợi của đợt thí điểm, nhưng những sai lầm, thiếu sót trước đây vẫn kéo dài và với mức độ nặng hơn. Đại đa số quần chúng nông dân rất phấn khởi vì cải cách ruộng đất đã đem lại cho họ những quyền lợi chính trị và kinh

¹ 10 xã thực hiện cải cách ruộng đất đợt 1 là: An Khánh, Cù Vân, Phục Linh, Hà Thượng, Bình Dân, Ký Phú, Vân Yên, Phúc Thọ, Lục Ba, Vạn Thọ.

tế to lớn. Trước cải cách ruộng đất, nhiều xã trong huyện có từ 20 đến 30 hộ nông dân không có ruộng cày; nhưng sau 2 đợt (đợt thí điểm và đợt 1) cải cách ruộng đất, bình quân mỗi nhân khẩu nông dân có từ 4 đến 5 sào cùng các tài sản khác. Đó là một trong những thắng lợi to lớn, rất căn bản của cuộc cải cách ruộng đất.

Cùng với kết quả trên, thông qua 2 đợt cải cách ruộng đất, kết hợp với công tác chỉnh đốn tổ chức, các chi bộ Đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân được củng cố và kiện toàn thêm một bước. Quan điểm, lập trường và phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên được nâng cao hơn trước.

Tuy vậy, do những sai lầm, lệch lạc *tả khuynh*, tình trạng hoang mang, lo ngại cũng bắt đầu nảy sinh trong một bộ phận quần chúng và đảng viên. Trung ương đã có chỉ thị nhắc nhở các đoàn, đội chú ý nắm vững chính sách, phê phán tư tưởng *Thà tả còn hơn hữu*; nhưng những chỉ thị đó chưa được quán triệt đầy đủ trong quá trình tiến hành đợt 1 cải cách ruộng đất. Những hiện tượng đả kích tràn lan, *đánh nhằm* vào nội bộ Đảng vẫn tiếp tục diễn ra. Qua 2 đợt cải cách ruộng đất ở 16 xã thuộc Đại Từ, chúng ta đã xử trí 251 đảng viên, trong đó có 59 trường hợp xử trí đúng (23,5%) và 50 trường hợp xử trí sai (20%)¹; đồng thời quy 176

¹ Dự thảo báo cáo công tác chỉnh đốn tổ chức trong phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, bản đánh máy, tr.19, lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.

hộ là địa chủ, trong đó quy đúng là 45 hộ (25,56%) và quy sai là 131 hộ (chiếm tỷ lệ 74,43%)¹.

Những sai lầm trên đây chủ yếu bắt nguồn từ sự nhận thức lệch lạc, phương pháp tư tưởng chủ quan, máy móc, giáo điều; tác phong quan liêu mệnh lệnh, độc đoán; tổ chức thực hiện không đúng nguyên tắc tổ chức của Đảng (các cơ quan cải cách ruộng đất tổ chức thành hệ thống riêng từ trên xuống dưới với những quyền hạn quá rộng nên dễ lạm quyền, không dựa vào cơ sở Đảng và cấp ủy địa phương, quá đề cao những cốt cán và cán bộ mới bồi dưỡng trong cải cách ruộng đất nên nhiều cán bộ, đảng viên có nhiều thành tích và kinh nghiệm không được sử dụng...).

Mặc dù có sai lầm, song cuộc đấu tranh giảm tô, cải cách ruộng đất ở Đại Từ và nhiều địa phương miền Bắc, đã thực sự là một cuộc cách mạng giải phóng giai cấp nông dân. Ở những địa phương đã tiến hành xong cải cách ruộng đất, giai cấp địa chủ bị đánh đổ hoàn toàn, giai cấp nông dân đã làm chủ xã hội, giành quyền làm chủ ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác. Kết quả to lớn đó, tạo ra động lực to lớn thúc đẩy người nông dân Đại Từ hăng hái cấy, cày, làm ra nhiều lúa gạo đóng góp cho kháng chiến; đồng thời là nguồn cổ vũ động viên các chiến sĩ ngoài mặt trận - hầu hết là những người nông dân mặc áo lính, ra sức giết giặc lập công.

¹ Báo cáo tổng kết cải cách ruộng đất tỉnh Thái Nguyên, số 24 BC/TN, bản đánh máy, tr.23, lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã thấm nhuần đường lối kháng chiến của Đảng, tăng cường đoàn kết, đồng sức, đồng lòng, hăng hái thi đua lao động sản xuất, đóng góp nhiều nhân lực, của cải, anh dũng chiến đấu, hết lòng che chở, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan, các đồng chí lãnh đạo Trung ương, quân đội đóng tại ATK Đại Từ; đóng góp xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc và những cống hiến vô cùng to lớn ấy, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ, cùng các xã Cù Vân, Yên Lãng, An Mỹ (nay là Mỹ Yên), Tiến Bộ (nay là La Bằng), Minh Tiến, Lục Ba, Văn Yên, Bản Ngoại, An Khánh, Hùng Sơn (nay là thị trấn Hùng Sơn), Quân Chu (nay là thị trấn Quân Chu) đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp; huyện Đại Từ được công nhận là Vùng ATK, 28 xã, thị trấn thuộc huyện được công nhận là xã ATK... hàng chục địa phương, đơn vị, hàng nghìn người tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân, huy chương, các hạng, các loại. Những phần thưởng cao quý, đó là niềm vinh dự, tự hào lớn lao, tạo nên niềm tin, sức mạnh để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ tiếp tục hoàn thành mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng.

CHƯƠNG III

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN, CẢI TẠO KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT, CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (1954 - 1975)

I. Khôi phục, phát triển và cải tạo kinh tế - xã hội; thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1954 - 1965)

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ kết thúc thắng lợi đã khôi phục lại nền hòa bình ở Đông Dương. Miền Bắc nước ta hoàn toàn được giải phóng và tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Song, miền Nam còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm; do đó vẫn phải tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Mặc dù còn rất non trẻ, trong quá trình lãnh đạo còn nhiều hạn chế, nhưng Đảng bộ huyện Đại Từ luôn được nhân dân tin tưởng, ủng hộ. Đây chính là nguồn sức mạnh để Đảng bộ hoàn thành vai trò lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong suốt

những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Tháng 9/1954, Huyện ủy Đại Từ được bầu lại, gồm 7 đồng chí, do đồng chí Trần Văn Thục làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Lịch (tức Dục Lam) làm Phó Bí thư.

Khoảng gần giữa tháng 8/1954, nhiều cơ quan Trung ương chuyển về làm việc ở một số xã thuộc ATK Đại Từ để lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị tiếp quản Thủ đô Hà Nội. *Phủ Chủ tịch* - nơi ở, làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh nằm trên đồi Thành Trúc, xóm Đồng Mua, xã Hùng Cường (nay là xã Bản Ngoại). Nơi ở, làm việc của cơ quan Trung ương, một số đồng chí lãnh đạo cũng ở gần nơi Bác ở.

Ở Đại Từ, trong tháng 9, tháng 10/1954, đã diễn ra một số sự kiện quan trọng. Ngày 1/9/1954, tại đồi Giang, xã Độc Lập (nay là xã Tiên Hội), Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh nhận Quốc thư của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, do Đại sứ đặc mệnh toàn quyền La Quý Ba trình. Đây là lễ nhận Quốc thư lần đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Tối ngày 5/9/1954, tại thôn Vai Cày, xã Hùng Cường (nay là xã Bản Ngoại), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm, nói chuyện với bộ đội, công an, thanh niên xung phong, cán bộ, nhân viên các cơ quan Trung ương về nhiệm vụ chuẩn bị tiếp quản Thủ đô Hà Nội. Ngày 14/9/1954, Bác Hồ về thăm nông dân xóm Cả, xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Hùng Sơn) đang gặt vụ lúa

đầu tiên sau cải cách ruộng đất. Giữa tháng 9/1954, từ đồi Thành Trúc, Bác về thăm đền Hùng (Phú Thọ); tại đây, Người nói chuyện với các chiến sĩ Đại đoàn 308 - Quân Tiên phong (Sư đoàn 308 ngày nay). Người dặn dò: *Ngày xưa, các Vua Hùng đã có công dựng nước, ngày nay Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.*

Ngày 12/10/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cơ quan Trung ương dời ATK Đại Từ, trở về Thủ đô Hà Nội.

Phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, Trung ương Đảng đã có những chỉ thị vạch rõ cần kết hợp những bước cuối của đợt cải cách ruộng đất mà tiến hành kiểm tra và sửa chữa những sai lầm đã phạm phải.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 10 mở rộng (khóa II - tháng 9/1956) nêu rõ: *Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được. Trong lúc thực hiện nhiệm vụ đó thì dựa trên đường lối nông thôn của Đảng, dựa trên tinh thần tin tưởng và truyền thống đoàn kết của Đảng ta và của nhân dân ta, thi hành đúng chính sách cụ thể sửa chữa sai lầm nhằm đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, gây tinh thần phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt công tác cải cách ruộng đất và trên cơ sở đó đẩy mạnh công cuộc củng cố miền Bắc, tranh thủ miền Nam và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà¹.*

¹ Xem Cách mạng ruộng đất, Sđd, tr.119.

Công tác sửa sai phải đạt được những yêu cầu:

- Sửa chữa tốt những sai lầm để thực hiện thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, đoàn kết nội bộ, củng cố tổ chức, tăng cường lãnh đạo và nâng cao uy tín của Đảng.

- Kết hợp với củng cố Đảng mà sửa chữa những sai lầm đối với các tổ chức chính quyền và tổ chức quần chúng nhằm củng cố những tổ chức đó.

- Dần dần ổn định tư tưởng, giải quyết mọi mâu thuẫn, thù oán, thực hiện đoàn kết, củng cố khối liên minh công nông, củng cố và mở rộng mặt trận, nâng cao lòng tin tưởng và phấn khởi của nhân dân, trên cơ sở đó mà đẩy mạnh sản xuất...

Phương châm chỉ đạo công tác sửa sai là *Kiên quyết, khẩn trương và thận trọng, có từng bước, có trọng điểm, có kế hoạch chu đáo, có lãnh đạo chặt chẽ và cảnh giác để phòng những hành động phá hoại của địch.*

Dưới ánh sáng Nghị quyết 10 của Trung ương Đảng, các địa phương miền Bắc khẩn trương bắt tay vào công tác sửa sai.

Gần cuối năm 1956, Huyện ủy Đại Từ được Tỉnh ủy Thái Nguyên giao nhiệm vụ sửa sai đợt 1 trong phạm vi 5 xã và từ ngày 18/12/1956, tiến hành sửa sai ở toàn bộ các xã đã tiến hành cải cách ruộng đất.

Tuyệt đại đa số nhân dân trong huyện vẫn giữ vững niềm tin đối với Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Cán bộ, đảng viên đều có thái độ đúng đắn, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng, tích cực sửa chữa sai lầm.

Tuy nhiên, trong buổi đầu tiến hành sửa sai, tình hình diễn biến khá phức tạp. Trong những người bị đấu tố oan, bên cạnh số cán bộ, đảng viên và quần chúng có thái độ đúng mực, bình tĩnh chờ đợi sửa sai, một số chưa thông hiểu chính sách đã có những hành động bất mãn, kích động quần chúng, đả kích vào bản, cố nông và những người đấu tố họ. Số cán bộ cốt cán được đào tạo, bồi dưỡng trong cải cách ruộng đất tỏ ra hoang mang, lo sợ bị trả thù; một số không dám đi họp; một số bỏ về xuôi, nghi ngờ đường lối của Đảng. Đáng chú ý là một số phần tử xấu lợi dụng cơ hội đã tạo dư luận nhằm gây ra những vụ lộn xộn ở nông thôn, có hành động gây gổ với cán bộ cốt cán và bản, cố nông để đòi lại ruộng đất, trâu bò của nông dân đã được chia trong cải cách ruộng đất.

Trước tình hình đó, Huyện ủy đã triệu tập những đảng viên bị xử trí oan học tập Nghị quyết 10 của Trung ương; tổ chức cho nhân dân học tập thông cáo của Hội đồng Chính phủ; tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập mục đích, yêu cầu của công tác sửa sai. Do tiến hành trong những điều kiện phức tạp, công tác sửa sai một mặt phải nhằm khắc phục sai lầm, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, ổn

định tư tưởng quần chúng, trả lại tự do và khôi phục danh dự cho những người bị xử trí oan, đền bù ruộng đất và tài sản cho những người quy oan. Mặt khác, Huyện ủy phải tiếp tục chỉ đạo cuộc đấu tranh giai cấp chống bọn địa chủ phản động âm mưu xóa bỏ thành quả của cải cách ruộng đất.

Nhờ có sự ủng hộ tích cực của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng, công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất do Huyện ủy tổ chức chỉ đạo đã thu được nhiều kết quả.

Trong và sau khi sửa sai, những người bị xử trí oan trong cải cách ruộng đất đã được trả lại tự do¹; hơn 200 đảng viên được minh oan, trả lại Đảng tịch, phục hồi danh dự và chức vụ. Một số cán bộ chính quyền và đoàn thể quần chúng cũng được phục hồi chức vụ.

Thông qua đợt sửa sai, Huyện ủy và các chi ủy được kiện toàn. Huyện ủy chọn 2 xã vùng cải cách ruộng đất để tổ chức thí điểm bầu chi ủy; đồng thời cho bầu lại 13 chi ủy ở vùng giảm tô. Nhờ đó, các chi ủy có nhiều chuyển biến tốt hơn trước, nổi bật là ở các xã Tân Thái, Bình Thuận, An Khánh... Nội bộ Đảng được thống nhất, vai trò lãnh đạo của các cấp bộ Đảng và mối quan hệ với quần chúng trong huyện được tăng cường...

¹ Trả lại tự do cho 23 người bị giam giữ, trong đó có 8 đảng viên.

Một trong những vấn đề mấu chốt của công tác sửa sai là sửa đổi thành phần và đền bù tài sản. Huyện ủy đã chọn xã Bình Thuận làm thí điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo.

Trải qua 10 tháng, toàn huyện đã sửa sai xong ở 26/29 xã. Các thành phần quy sai trong cải cách ruộng đất đã được sửa đổi¹. Do vậy, khối đoàn kết ở nông thôn được củng cố trở lại.

Công tác sửa sai hoàn thành đã kết thúc thắng lợi cuộc vận động cải cách ruộng đất, tạo nên bước chuyển mới trong nông thôn Đại Từ.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động, sau 9 năm kháng chiến gian khổ, hy sinh, bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới.

Là hậu phương kháng chiến, trong những năm cuối của cuộc chiến tranh, Đại Từ được Trung ương Đảng, Chính phủ chọn làm nơi thí điểm thực hiện một

¹ Thống kê sửa đổi thành phần giai cấp ở nông thôn Đại Từ sau cải cách ruộng đất:

- Trong cải cách ruộng đất đã quy 48 người là địa chủ, cường hào gian ác (trong đó quy sai cho 35 người, sau sửa xuống thành 12 địa chủ thường, 1 địa chủ kháng chiến, 1 phú nông, 9 trung nông và 2 lao động khác).

- Quy địa chủ thường có 202 người (trong đó quy sai cho 134 người, sau sửa xuống thành 11 địa chủ kháng chiến, 38 phú nông, 81 trung nông, 1 ít ruộng đất, 2 viên chức, 1 lao động khác).

- Quy phú nông có 205 người (trong đó quy sai cho 19 người, sau sửa xuống thành 17 trung nông và 2 công thương).

số chính sách mới, mang lại quyền lợi thiết thực cho nhân dân, nhất là nông dân.

Tuy vậy, cũng do hoàn cảnh chiến tranh, nhiều diện tích ruộng đất bị bỏ hoang. Hòa bình lập lại, số diện tích ruộng hoang lại tăng lên do số đồng bào tản cư trở về quê cũ. Trình độ thâm canh và điều kiện đầu tư chăm bón cây trồng còn hạn chế, nên sản lượng lương thực thấp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ người dân thiếu đói trong các kỳ giáp hạt (tháng 3, tháng 8) hằng năm còn chiếm một tỷ lệ khá cao.

Trình độ dân trí nói chung, trình độ văn hóa nói riêng tuy được nâng lên, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, nhiều hủ tục còn tồn tại trong dân. Công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống, chữa bệnh cho nhân dân còn nhiều khó khăn do thiếu thuốc, thiếu cán bộ y tế.

Trong khi đó, những phần tử phản động, tay sai của thực dân Pháp cũng nổi lên chống phá. Chúng dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư vào miền Nam. Đồng thời, chúng lợi dụng một số sai lầm trong giảm tô, cải cách ruộng đất, tiến hành các hoạt động kích động, chia rẽ, làm cho tình hình thêm phức tạp.

Trước những khó khăn và thuận lợi trên, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, Đảng bộ chỉ đạo các ngành, các cấp tiến

hành nhiều biện pháp tích cực nhằm đem lại sự ổn định tình hình tư tưởng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Các biện pháp đó là: Đấu tranh với bọn phản động; tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ chính sách đại đoàn kết các dân tộc, đoàn kết lương giáo, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng và Nhà nước; từng bước sửa chữa những sai lầm trong giảm tô và cải cách ruộng đất.

Để khôi phục và phát triển sản xuất, Đảng bộ phát động trong toàn huyện phong trào thi đua *sản xuất - tiết kiệm - cứu đói*, trước mắt là tập trung đẩy mạnh việc trồng các loại cây lương thực, thực phẩm ngắn ngày như khoai lang, ngô, bí, các loại rau, đậu. Cuộc vận động tương trợ cứu đói được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Chỉ trong một tháng (15/8 - 15/9/1955), nhân dân trong huyện đã giúp đỡ nhau 3.054kg thóc, 384kg gạo, 213kg khoai, 148kg bí và 3.800 đồng, góp phần khắc phục kỳ đói giáp hạt. Phong trào khai hoang, phục hóa cả trên những diện tích đồng bào tản cư trở về quê cũ bỏ lại để mở rộng diện tích gieo trồng cũng thu được kết quả khá. Từ năm 1955 đến năm 1957, mỗi năm huyện khai phá được hàng chục héc-ta ruộng đất đưa vào sử dụng; cùng với thâm canh tăng vụ, diện tích gieo trồng ngày càng được mở rộng¹.

¹ Diện tích lúa chiêm và Nam Ninh năm 1955 = 2.918ha; năm 1957 = 3.004ha; diện tích lúa mùa năm 1955 = 5.313ha, năm 1957 = 5.827ha.

Để khắc phục tình trạng thiếu sức kéo trong sản xuất, đầu vụ mùa năm 1956, Huyện ủy chỉ đạo ngân hàng huyện cho nhân dân vay tiền mua được 27 con trâu, điều hòa 213 con trâu từ nơi thừa, hộ thừa sức kéo đến nơi thiếu, hộ thiếu sức kéo, đồng thời xuất cho nhân dân vay 3.300kg thóc giống bảo đảm tiến độ gieo trồng. Các biện pháp kỹ thuật gieo cấy, chăm sóc cũng được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Chỉ tiêu phân bón ở các xã vùng ngược là phấn đấu sử dụng hết nguồn phân chuồng; các xã vùng xuôi ngoài nguồn phân chuồng cần khai thác thêm nguồn phân xanh, phân bắc. Để chủ động nước tưới cho đồng ruộng, cùng với việc tu sửa mương máng, làm cọn, các xã tận dụng các khe suối, đắp đập trữ nước. Huyện huy động hàng nghìn ngày công đắp đập thủy lợi An Mỹ. Các biện pháp cày sâu, bừa kỹ, cấy dày, đắp bờ giữ nước, làm cỏ sục bùn bước đầu được chú trọng. Do đó, dù thời tiết diễn biến phức tạp: Hạn, lụt, sâu bệnh phá hoại nặng nề¹ nhưng năng suất lúa và hoa màu trong huyện vẫn mỗi năm một tăng và luôn cao hơn năng suất lương thực bình quân toàn tỉnh².

¹ Tính riêng vụ mùa năm 1955 diện tích bị hạn, lụt, sâu bệnh phá hoại thiệt hại khoảng hơn 300 tấn lúa.

² Năng suất lương thực bình quân các năm 1955 - 1957:

- Năm 1955: Tỉnh Thái Nguyên 1.234 kg/ha, huyện Đại Từ 1.473 kg/ha.

- Năm 1956: Tỉnh Thái Nguyên 1.508 kg/ha, huyện Đại Từ 1.802 kg/ha.

- Năm 1957: Tỉnh Thái Nguyên 1.446 kg/ha, huyện Đại Từ 1.691 kg/ha.

Trên đà phát triển, từ năm 1957 đến năm 1960, phong trào sản xuất của huyện tiếp tục thu được kết quả tốt. Các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng lúa đều tăng. Tính riêng sản lượng lúa mùa toàn huyện tăng từ 9.857 tấn (năm 1957) lên 11.456 tấn (năm 1960). Các loại hoa màu (ngô, khoai, sắn, rau, đậu) giữ ở mức ổn định hoặc tăng ít; các loại cây công nghiệp như mía tăng 300% về diện tích, chè búp khô tăng 1,5 lần về sản lượng. Sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện; diện thiếu đói trong các kỳ giáp hạt tuy vẫn còn rộng nhưng đã đỡ gay gắt hơn trước; việc đóng góp nghĩa vụ lương thực với Nhà nước hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, phong trào bình dân học vụ thu được kết quả khá. Nhân dân hăng hái tham gia học tập, quyết tâm thanh toán nạn mù chữ. Được sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, ban bình dân học vụ các xã tổ chức nhiều hình thức thi đua học tập, động viên kịp thời mọi người theo học. Mỗi năm huyện thanh toán nạn mù chữ cho hàng nghìn người. Đến năm 1960, gần 80% số người trong độ tuổi được công nhận thoát nạn mù chữ. Phong trào bổ túc văn hóa trong những năm đầu phát triển chậm do khâu tổ chức động viên chưa tốt. Số học viên theo học đạt tỷ lệ thấp. Khóa học mùa xuân năm 1956 chỉ có 27% cán bộ, 7% nhân dân trong các lớp theo học hết khóa. Số còn lại bỏ học giữa chừng do bận công tác, sản xuất

hoặc do nhận thức chưa đúng tầng lớp trung niên và phụ nữ cho rằng cao tuổi rồi chỉ cần học để biết đọc, biết viết là đủ). Trước tình hình trên, để thúc đẩy phong trào phát triển, Huyện ủy đã chỉ đạo ngành giáo dục huyện xây dựng chế độ bồi dưỡng hợp lý đối với đội ngũ giáo viên, đồng thời cải tiến phương pháp quản lý, giao cho các địa phương tổ chức mở lớp, đưa công tác phát triển phong trào thành một chỉ tiêu thi đua trong các cơ quan, các xã. Nhờ có chủ trương đúng, biện pháp phù hợp, phong trào bổ túc văn hóa nhanh chóng phát triển sôi nổi, rộng khắp.

Từ sau ngày hòa bình lập lại, giáo dục phổ thông ở Đại Từ phát triển mạnh. Hầu hết trẻ em đến tuổi đi học đều được cấp sách tới trường. Nhân dân các dân tộc trong huyện đã bỏ ra hàng nghìn ngày công xây dựng trường lớp, đóng bàn ghế đảm bảo đủ chỗ cho con em mình theo học. Nhiều gia đình kinh tế còn khó khăn, có khi phải chạy ăn từng bữa nhưng vẫn cố gắng dành tiền mua sách vở, bút mực... cho con em đến trường. Do đó, số học sinh theo học mỗi năm một tăng. Từ năm 1956 đến năm 1960, tổng số học sinh toàn huyện tăng gần 2 lần. Để tạo điều kiện cho các em học tập, các trường phổ thông cấp I thành lập các lớp lẻ, lớp ghép đến tận các bản làng. Trường Phổ thông cấp II mở thêm loại hình phổ thông ngắn hạn, thu hút nhiều học sinh lớn tuổi theo học. Nhiều học sinh bỏ học 2 - 3 năm lại tiếp tục đến trường.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân cũng được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo. Đến đầu năm 1956, toàn huyện đã thành lập được 29 ban phòng bệnh ở 29 xã. Các xóm đều có tủ thuốc, có cán bộ y tế phụ trách. Hàng năm huyện đều có kế hoạch đào tạo, tăng cường đội ngũ cán bộ y tế cho cơ sở. Riêng năm 1959, toàn huyện đã có thêm 49 cán bộ y tế, trong đó có 10 y tá sơ cấp, 19 nữ hộ sinh. Công tác tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh, dùng thuốc chữa bệnh... được triển khai rộng khắp. Hiện tượng người dân mời thầy cúng chữa bệnh khi ốm đau đã giảm hẳn. Mỗi năm, ngành y tế huyện đều tổ chức phun thuốc DDT từ 1 đến 2 lần ở tất cả các thôn xóm để diệt trừ dịch bệnh, chủ yếu là bệnh sốt rét.

Công tác thông tin, văn hóa, văn nghệ cũng được mở rộng. Mỗi thôn xóm đều có tổ thông tin, tập hợp và phản ánh kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, chế độ của Chính phủ đến nhân dân. Đội văn nghệ của các xã tích cực hoạt động. Lời ca, tiếng hát, điệu múa, vở kịch... của các đội văn nghệ đều tập trung ca ngợi và động viên nhân dân xây dựng cuộc sống mới.

Nhìn chung, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Đại Từ đến đầu những năm 60 đã được cải thiện rõ rệt. Tuy vậy, khó khăn vẫn còn nhiều, nhất là công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hiện tượng ốm đau không có thuốc, hoặc thiếu thuốc còn khá phổ

biến. Bệnh sốt rét vẫn còn là nỗi lo lắng thường xuyên của nhân dân. Để ngăn chặn nạn mê tín dị đoan, Đảng bộ, chính quyền huyện đã có nhiều biện pháp răn đe, giáo dục những người làm nghề bói toán, thầy cúng, đồng thời tuyên truyền, giáo dục nhân dân lên án, bài trừ hủ tục, song những hiện tượng nói trên vẫn xảy ra ở một số nơi. Có nơi (như xã Cù Vân), cán bộ chủ chốt của xã còn tham gia vào các hoạt động mê tín.

Song song với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, từ năm 1955, Đại Từ được chọn thí điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Thái Nguyên. Phong trào xây dựng tổ đổi công phát triển sản xuất ở Đại Từ được thực hiện từ năm 1953¹, đến năm 1955, toàn huyện đã có 857 tổ, trong đó có 21 tổ đổi công thường xuyên. Từ những tổ đổi công hoạt động tốt, đạt hiệu quả cao trong sản xuất, năm 1955, Đại Từ xây dựng 3 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp: Cầu Thành, Sơn Tập, Xóm Gò thuộc xã Hùng Sơn với 34 hộ xã viên. Đây là 3 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đầu tiên của huyện, cũng là đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 1956, Đại Từ phát triển thêm 2 hợp tác xã: Đồng Mạc và Trung Na (xã Độc Lập, nay là Tiên Hội), đưa tổng số hộ tham gia hợp tác xã toàn huyện lên 81 gia đình. Buổi đầu bỡ ngỡ, thiếu kinh

¹ *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1955 - 1975)*, tr.25.

nghiệm, các hợp tác xã đều lúng túng trong quản lý lao động, ruộng đất, điều hành sản xuất, quản lý và phân phối sản phẩm. Cuối năm 1956, tổ đổi công tan vỡ từng mảng. Riêng xã Hùng Sơn có 51 tổ, trong đó 36 tổ đổi công thường xuyên, 11 tổ có bình công chấm điểm, đến năm 1957 chỉ còn 3 tổ hoạt động. Trong 5 hợp tác xã được thành lập chỉ có 3 hợp tác xã hoạt động cầm chừng là hợp tác xã Cầu Thành, hợp tác xã Sơn Tập (xã Hùng Sơn) và hợp tác xã Đồng Mạc (xã Độc Lập); 2 hợp tác xã Xóm Gò (xã Hùng Sơn) và Trung Na (xã Độc Lập) không còn hoạt động, đến giữa năm 1957, một hợp tác xã tan vỡ.

Trước tình hình trên, với quyết tâm đưa nông dân vào làm ăn tập thể bằng con đường hợp tác hóa nông nghiệp, theo chủ trương, đường lối của Đảng, các cấp bộ Đảng từ tỉnh đến huyện, xã đã thành lập và cử nhiều đoàn cán bộ xuống cơ sở xây dựng, củng cố và phát triển phong trào.

Ngày 2/3/1958, cán bộ và nhân dân Đại Từ được vinh dự đón Hồ Chủ tịch về thăm. Xã viên trong 4 hợp tác xã và đồng bào thuộc 2 xã Hùng Sơn, Tiên Hội cùng một số cán bộ khu, tỉnh, huyện tập trung ở hợp tác xã Cầu Thành đón Bác. Nói chuyện với cán bộ và nhân dân địa phương, Bác căn dặn, đồng viên đồng bào phải hăng hái tham gia tổ đổi công, hợp tác xã, hăng hái tăng gia sản xuất xây dựng quê hương giàu đẹp... Thực hiện lời dạy của Bác, trên cơ sở những kinh nghiệm đã

được tổng kết tại hội nghị đổi công toàn tỉnh tháng 5/1957, với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, đảng viên và nhân dân, phong trào tổ đổi công được phục hồi. Đến năm 1959, ngoài những tổ chuyển lên xây dựng hợp tác xã, toàn huyện vẫn còn 874 tổ, trong đó có 432 tổ đổi công thường xuyên¹. Phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp thu được kết quả tốt. Từ 7 hợp tác xã với 93 hộ xã viên năm 1958, đến hết năm 1959, tất cả 28 xã trong huyện đã xây dựng được hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, trong đó, các xã Phúc Lương, Đức Lương và Bình Dân (nay là xã Cát Nê) đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ vận động nhân dân vào làm ăn tập thể. Đến cuối năm 1960, toàn huyện đã xây dựng được 177 hợp tác xã với 6.070 hộ xã viên, chiếm 87,72% tổng số hộ nông dân trong huyện.

Sống trong hòa bình nhưng Đảng bộ huyện Đại Từ luôn quan tâm chỉ đạo công tác quân sự địa phương. Các Ban chỉ huy xã đội, trung đội dân quân thường xuyên được củng cố và kiện toàn đủ về số lượng, vững về chất lượng. Nguồn bổ sung chủ yếu của lực lượng dân quân, tự vệ là những cán bộ, chiến sĩ quân đội phục viên về địa phương - những đồng chí đã được tôi luyện trong quân ngũ, có tư cách đạo đức tốt, có chuyên môn nghiệp vụ. Việc quản lý, phân loại dân quân (loại I, loại II) theo sức khỏe, lứa tuổi được theo dõi chặt chẽ. Mỗi xã có từ 1 đến 3 Trung đội dân quân

¹ Tài liệu thống kê năm 1959 - Chi cục Thống kê Thái Nguyên.

loại I được biên chế thành từng tiểu đội theo khu vực xóm hoặc liên xóm. Kế hoạch huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu cho lực lượng dân quân hằng năm được thực hiện một cách nghiêm túc. Quân số tham gia huấn luyện đều đạt từ 85% trở lên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 (mở rộng) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) *Về xây dựng quân đội củng cố quốc phòng* (tháng 3/1957), đầu năm 1958, Đại Từ là một trong 4 huyện của tỉnh Thái Nguyên (Đại Từ, Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương) được Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện thí điểm Luật Nghĩa vụ quân sự. Theo chủ trương trên, đầu năm 1959, huyện đã tổ chức đăng ký thanh niên từ 18 đến 25 tuổi, dân quân tự vệ đến 40 tuổi, quân nhân phục viên chuyển ngành đến 45 tuổi vào lực lượng dự bị. Chỉ trong 21 ngày, Đại Từ đã tiến hành vận động tuyển được 86 thanh niên nhập ngũ¹.

Tuy còn nhiều khó khăn và thiếu thốn trong đời sống kinh tế, văn hóa, đội ngũ cán bộ còn non yếu trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động xã hội, nhưng những thành tích đạt được, những kinh nghiệm thành công và chưa thành công những năm qua là cơ sở để Đảng bộ và nhân dân Đại Từ bắt tay vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1991), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*, Bắc Thái, tr.46.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI (tháng 3/1961), Đảng bộ huyện Đại Từ xác định: Tập trung sức phát triển nông, lâm nghiệp trên cơ sở củng cố và phát triển phong trào hợp tác xã nông nghiệp nhằm đảm bảo nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân và đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước; phát triển tiểu thủ công nghiệp, góp phần sản xuất nông nghiệp và phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân; đồng thời đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, để tạo khí thế cho sản xuất, trong các năm 1961 - 1962, Huyện ủy liên tiếp chỉ đạo các ngành vận động nhân dân trong huyện hưởng ứng các phong trào thi đua do tỉnh phát động. Phong trào: *Phất cao cờ hồng, quyết thắng đông xuân, tiến quân toàn diện* (vụ chiêm năm 1960 - 1961); phong trào: *Phất cao cờ hồng, vượt gió Đại Phong, vụ mùa đại thắng* (vụ mùa năm 1961); phong trào: *Phất cao cờ hồng, đông xuân mười giỏi, chiến thắng nghèo nàn, đẩy lùi lạc hậu...* cùng với phong trào thi đua: *Sóng Duyên Hải, gió Đại Phong, cờ Ba Nhất* đã cổ vũ lòng nhiệt tình thi đua yêu nước của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện hăng hái tăng gia sản xuất. Do đó, các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng lương thực 2 năm này đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Mỗi lần, trước khi phát động các phong trào thi đua, Huyện ủy đều triệu tập các đồng chí cán bộ chủ chốt các xã về huyện học tập quán triệt mục đích, yêu cầu của các phong trào. Trên cơ sở đó, việc tổ chức học tập được triển khai đến tận các thôn xóm. Huyện còn phân công hàng trăm cán bộ, công nhân viên các ban, ngành trực tiếp xuống các xã chỉ đạo phong trào, tháo gỡ khó khăn, phát triển sản xuất theo 4 mục tiêu: diện tích nhiều nhất, năng suất cao nhất, đời sống và tích lũy khá nhất, thực hiện nghĩa vụ tốt nhất.

Để đảm bảo nước tưới cho đồng ruộng, từ năm 1961 đến năm 1965, bình quân mỗi năm huyện huy động gần 30.000 ngày công lao động đắp bờ, hồ, đập, sửa chữa và làm mới kênh mương, cọn nước¹. Trong đó có 2 công trình lớn là đập Rừng Chùa (xã Phục Linh), khởi công năm 1962, hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1963, tưới nước cho 185ha lúa; năm 1964, huyện tiếp tục triển khai đắp hồ Phượng Hoàng (xã Cù Vân). Công trình này cung cấp đủ nước tưới cho 270ha ruộng hai vụ. Cùng với phong trào khai hoang, phục hóa, mỗi năm huyện có thêm hàng trăm mẫu ruộng đưa vào gieo cấy. Riêng năm 1961, các xã: Lục Ba tăng thêm 60 mẫu, Phục Linh 59 mẫu, Cù Vân, An Khánh mỗi xã 15 mẫu... Do đó, tổng diện tích trồng lúa hàng

¹ Cọn nước thường được làm bằng tre, nứa, kết lại thành một guồng quay nhằm tận dụng sức nước từ các dòng chảy tự nhiên để đưa nước lên cao, dẫn nước về các đồng ruộng và thôn bản.

năm đều tăng lên. Năm 1960 có 9.664ha, năm 1964 tăng lên 11.357ha, đến năm 1965 là 11.947ha.

Ngoài thủy lợi, các biện pháp kỹ thuật cày sâu, bừa kỹ, cấy dày... vẫn được duy trì. Phong trào sản xuất và dùng nông cụ cải tiến phát triển mạnh¹. Trong huyện đã có một số tổ sản xuất nông cụ cải tiến ở hợp tác xã Thành Công (xã Hùng Sơn), hợp tác xã Đống Đa (xã Cù Vân). Các hợp tác xã Tân Sơn (xã An Khánh), Thành Công, Sơn Tập (xã Hùng Sơn), Đồng Quan (xã Yên Lãng) đã dùng 100% cày cải tiến.

Các lớp tập huấn kỹ thuật chọn và nhân giống cho đội giống của các hợp tác xã được thường xuyên được tổ chức. Các hợp tác xã đều khoanh vùng gieo cấy, lúa giống được chăm sóc, chọn lọc kỹ. Hơn 70% lượng thóc giống được xử lý bằng lò thóc mầm 54⁰C.

Phong trào làm phân bón ruộng phát triển mạnh mẽ. Nếu như thời gian đầu sau khi hòa bình lập lại, tại nhiều nơi nhân dân trong huyện chưa có thói quen dùng phân chuồng bón ruộng thì đến nay, khắp nơi nhân dân thi đua làm nhiều phân bón với hình thức phong phú. Đoàn Thanh niên có phong trào *Thanh niên ngàn cân*, phụ nữ có phong trào *Đi không về có, Sạch làng tốt ruộng...* Do đó, lượng phân hữu cơ bón lúa tăng bình quân từ 43 gánh một mẫu (0,36ha) năm

¹ Tổng số cày cải tiến năm 1962 tăng 2 lần so với năm 1961. Tổng số bừa sắt năm 1962 tăng 25% so với năm 1961. Tổng số bừa cải tiến năm 1962 tăng 89 cái.

1962 lên 50 gánh một mẫu năm 1964. Các loại phân vô cơ cũng tăng từ 3 đến 5 lần trong thời gian nói trên.

Do được quan tâm đầu tư về thủy lợi, phân bón, cải tiến kỹ thuật gieo cấy và chăm sóc nên năng suất lúa của huyện mỗi năm một tăng. Năm 1960, năng suất trung bình cả năm đạt 16,49 tạ/ha; đến năm 1965 tăng lên 19,46 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực năm 1960 của huyện Đại Từ đạt 17.216 tấn, trong đó lúa đạt 15.941 tấn, năm 1965 tăng lên 27.219 tấn, trong đó lúa 23.256 tấn.

Tuy vậy, cây màu do chưa được chú ý đúng mức nên phát triển không ổn định. Sản lượng ngô năm 1960 đạt 76 tấn, năm 1964 đạt 165 tấn, đến năm 1965 giảm xuống còn 158 tấn; khoai lang năm 1960 là 234 tấn, năm 1964 vượt lên 1.603 tấn, năm 1965 lại giảm xuống còn 814 tấn.

Không những giữ vững và phát triển sản xuất, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, Đại Từ còn phấn đấu hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Mặc dù yêu cầu đóng góp ngày càng lớn nhưng huyện luôn luôn là đơn vị dẫn đầu của tỉnh¹. Năm 1961, toàn huyện huy động được 3.423 tấn, năm 1964 được 5.417 tấn và năm 1965 được 5.131 tấn.

Do có nhiều điều bãi chẵn thả thuận lợi nên đàn trâu của huyện phát triển nhanh. Năm 1960, tổng đàn

¹ Niên giám thống kê 13 năm phát triển của tỉnh Bắc Thái, tr.210.

có 9.923 con, đến năm 1965 tăng lên 12.166 con. Tuy vậy, do tập quán chăn nuôi nên đàn bò, ngựa, dê trong huyện tăng chậm.

Được quan tâm đầu tư giống, kỹ thuật chăn nuôi và việc phòng chống dịch bệnh tốt nên đàn lợn phát triển mạnh. Năm 1965, tổng đàn lợn toàn huyện có 20.400 con, tăng gần 2 lần so với năm 1960. Trọng lượng lợn thịt xuất chuồng ngày càng cao hơn. Đàn lợn phát triển không chỉ giải quyết nhu cầu thực phẩm trong nhân dân mà còn góp phần hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước.

Đàn gia cầm (chủ yếu là gà, vịt) cũng phát triển mạnh. Trong điều kiện nền kinh tế tự cung tự cấp, kinh tế hàng hóa chưa phát triển, việc mua bán trao đổi có nhiều trở ngại thì đàn gà, vịt trong các gia đình là nguồn dự trữ thực phẩm quan trọng của nhân dân.

Ngoài nghề chài lưới đánh bắt cá trên các sông suối, nhân dân Đại Từ còn tận dụng những vùng đất trũng, những khe suối nhỏ, đào đắp thành ao, hồ nuôi cá. Nhưng do chưa có nhiều giống tốt và chưa có thói quen đầu tư thức ăn nuôi cá nên sản lượng cá thịt còn thấp.

Là địa phương có diện tích rừng và đất rừng rộng lớn, với nhiều loại lâm sản quý, trong giai đoạn này, rừng Đại Từ là nguồn lợi lớn trong thu nhập của nhân dân địa phương. Ngoài những sản vật dùng làm thực phẩm, làm thuốc chữa bệnh có giá trị như măng, mộc

nhĩ, nắm hương, mật ong..., mỗi năm rừng Đại Từ còn cung cấp hàng ngàn mét khối gỗ, củi, hàng chục vạn cây tre, nứa, vầu, hàng vạn tàu lá cọ cho nhân dân địa phương và cho các tỉnh miền xuôi. Hầu hết các xã nằm dọc sườn đông dãy Tam Đảo đều có những đội khai thác lâm sản. Hàng năm, nếu là mùa khô, gỗ, tre, nứa, vầu của Đại Từ theo đường bộ, nếu là mùa mưa được gắn thành bè, mảng theo dòng sông Công xuôi về đồng bằng, phục vụ cho nhu cầu kiến thiết của nhân dân và các khu công nghiệp.

Tuy nhiên, do công tác quản lý không chặt chẽ dẫn đến tình trạng khai thác bừa bãi, khai thác không đi đôi với tu bổ, chăm sóc nên tài nguyên rừng nhanh chóng bị cạn kiệt. Cùng với tập quán phát rừng làm nương rẫy của nhân dân, mỗi năm hàng trăm héc-ta rừng bị tàn phá. Trong 2 năm (1964 - 1965), Đại Từ đã gieo trồng 491ha lúa rẫy¹ (cũng có nghĩa từng đó diện tích rừng bị tàn phá). Phong trào trồng cây gây rừng hằng năm tuy được phát động nhưng công tác chăm sóc và bảo vệ còn kém hiệu quả nên kết quả rất thấp, dẫn tới tình trạng diện tích rừng nhanh chóng bị thu hẹp.

Trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội theo mục tiêu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhiệm vụ củng cố, phát huy tác dụng của hợp tác xã luôn

¹ Niên giám thống kê "13 năm phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Thái", xuất bản năm 1974, tr.67.

được Đảng bộ quan tâm. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, phong trào hợp tác hóa trong sản xuất nông nghiệp của địa phương không vững chắc.

Do tư tưởng nóng vội, chạy theo thành tích, cũng như nhiều địa phương khác trong tỉnh, trong quá trình vận động hợp tác hóa nông nghiệp, Đảng bộ huyện Đại Từ có một số biểu hiện vi phạm ba nguyên tắc (tự nguyện, quản lý dân chủ và cùng có lợi).

Thực hiện chủ trương đưa đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã đón tiếp và tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào miền xuôi lên nhanh chóng ổn định cuộc sống, hình thành 28 hợp tác xã độc lập¹, không kể nhiều gia đình xen ghép vào các hợp tác xã khác trong huyện. Đồng bào miền xuôi lên khai hoang mang theo nhiều kinh nghiệm sản xuất cùng những phong tục tập quán tốt, góp phần xây dựng và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa của địa phương. Cơ cấu dân cư và cơ cấu kinh tế trong huyện thay đổi, vùng chuyên canh chè và các nghề nung vôi, làm gạch, ngói... lần lượt hình thành. Tuy vậy, việc chuyển dân nói trên làm tăng dân số một cách đột biến, trong khi sản xuất phát triển không tương xứng. Bình quân diện tích canh tác giảm, bình quân lương thực đầu người cũng giảm theo.

¹ Báo cáo năm 1964 của huyện Đại Từ.

Đội ngũ cán bộ ban quản trị hợp tác xã nhiệt tình, năng nổ, tận tụy với nhiệm vụ, với công việc chung, nhưng do trình độ văn hóa thấp, chưa có nhiều kiến thức quản lý kinh tế nên tiếp thu khoa học kỹ thuật và lãnh đạo kém hiệu quả, dẫn đến thất thoát, tham ô lãng phí trong một số cơ sở sản xuất. Việc xây dựng kế hoạch sản xuất, định mức lao động không khoa học, thiếu chính xác gây nhiều thắc mắc, suy bì trong nhân dân. Chủ trương xây dựng hợp tác xã bậc cao, hợp tác xã liên xóm với quy mô lớn càng gây khó khăn cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý vốn đã yếu kém. Tổng sản lượng lương thực toàn huyện hàng năm tăng lên nhưng chủ yếu ở khu vực kinh tế gia đình. Hiện tượng *rong công, phóng điểm* làm cho giá trị ngày công trong các hợp tác xã ngày càng thấp. Vì thế ngay từ cuối năm 1960, khi phong trào xây dựng hợp tác xã còn đang ở đỉnh cao, trên địa bàn huyện đã xuất hiện một số gia đình xã viên không muốn làm ruộng của hợp tác xã mà muốn xin ruộng hợp tác xã cấy không hết (vụ chiêm) hoặc đi vỡ hoang để làm riêng... Khi phong trào hợp tác xã giảm sút, nhiều gia đình xã viên xin ra hợp tác xã. Năm 1961, trong khi vận động xây dựng thêm 1 hợp tác xã (77 hộ), kết nạp thêm 294 hộ ở 24 xã thì cũng có hàng trăm hộ gia đình xin ra hợp tác xã: xã Cát Nê 101 hộ, xã Khôi Kỳ 29 hộ, các xã khác cũng đều có hiện tượng bỏ hợp tác xã. Do đó, tổng số hộ xã viên trong các hợp tác xã từ 87,2% (cuối năm 1960) giảm xuống

80,88% (cuối năm 1961). Đến tháng 3/1962, toàn huyện có 40/165 hợp tác xã có nguy cơ tan vỡ.

Khó khăn của Đại Từ cũng là khó khăn chung của tỉnh Thái Nguyên và nhiều tỉnh trong khu vực. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Trung ương, của tỉnh, từ năm 1963, Huyện ủy Đại Từ chỉ đạo tổ chức cải tiến quản lý trong các hợp tác xã. Sau khi tổ chức làm thí điểm rút kinh nghiệm ở hợp tác xã xóm Gió (xã Ký Phú), thực hiện cuộc vận động này, Đại Từ quyết định chia 4 hợp tác xã lớn thành 13 hợp tác xã nhỏ, củng cố và kiện toàn các ban quản trị hợp tác xã.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ của các cơ quan chuyên môn của tỉnh, Huyện ủy Đại Từ chỉ đạo các ngành trong huyện tổ chức nhiều lớp học cho cán bộ chủ chốt xã và các hợp tác xã trong toàn huyện về kiến thức quản lý kinh tế, điều hành sản xuất, quản lý và phân phối sản phẩm...

Cùng với cải tiến quản lý, kỹ thuật, tỉnh còn đầu tư cán bộ, hỗ trợ kinh phí giúp Đại Từ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi. Đồng thời chọn xã Phú Xuyên làm thí điểm chủ trương ổn định nghĩa vụ lương thực trong các hợp tác xã để nhân dân yên tâm sản xuất, củng cố và phát triển tổ chức hợp tác xã nông nghiệp.

Mặc dù các cấp bộ Đảng từ tỉnh đến huyện, xã đã có nhiều cố gắng, tìm các biện pháp chỉ đạo sát sao nhưng phong trào vẫn gặp nhiều khó khăn. Trong khi củng cố

các hợp tác xã yếu kém, phát triển thêm một số hợp tác xã mới thì vẫn có một số hợp tác xã bị vỡ, nhiều hộ xã viên vẫn tiếp tục xin ra hợp tác. Đến tháng 10/1964, Đại Từ chỉ còn 75,5% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã (trong đó kể cả đồng bào miền xuôi lên khai hoang).

Trong phong trào xây dựng và củng cố hợp tác xã nông nghiệp, một số nơi đã xuất hiện các điển hình tốt, tiêu biểu là hợp tác xã Thành Công - lá cờ đầu của phong trào hợp tác hóa toàn tỉnh. Các hợp tác xã: Đồng Quan (xã Yên Lãng), Khánh Hòa, Đá Liền (xã Hà Thượng), Bình Định (xã Đoàn Kết, nay là xã Hoàng Nông) là những đơn vị tiên tiến, được Ủy ban Hành chính tỉnh cấp bằng khen.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, ngành tiểu thủ công nghiệp cũng được Huyện ủy, Ủy ban, các cấp, các ngành trong huyện quan tâm chỉ đạo. Tại xã Hùng Sơn và khu vực huyện lỵ đã hình thành một số hợp tác xã, tổ sản xuất tiểu thủ công nghiệp: Rèn, mộc, may, gò hàn tôn, thiếc... sản xuất nông cụ, dụng cụ sinh hoạt phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Nhiều xã phía nam huyện sản xuất và kinh doanh vải. Xưởng phốt phát Núi Vắn được tỉnh đầu tư xây dựng từ năm 1960, mỗi năm sản xuất 3.000 tấn phân phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp của nhân dân trong huyện và một số địa phương khác trong tỉnh.

Mặc dù còn nhiều khó khăn về kinh tế nhưng sự nghiệp giáo dục vẫn không ngừng phát triển. Ngành bổ

túc văn hóa tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Năm 1962, Đại Từ có 19/29 xã mở được lớp cho 615 học viên theo học. Số học viên khi chuyển lớp, chuyển cấp là 344 người, tăng gần 3 lần so với năm 1961.

Đặc biệt, giáo dục phổ thông có bước phát triển mạnh. Tất cả các cấp bộ Đảng trong huyện đều nhận thức đúng và quan tâm chỉ đạo sát sao sự nghiệp giáo dục. Nhân dân các dân tộc Đại Từ đã dành hàng nghìn ngày công xây dựng trường lớp, thỏa mãn nhu cầu học tập của thế hệ trẻ. Năm học 1960 - 1961, toàn huyện có 4.583 học sinh phổ thông. Năm học 1961 - 1962, huyện mở thêm hai lớp 5, một lớp 8 và hai trường phổ thông ngắn hạn cấp II với tổng số học sinh 6.083 em. Năm học 1962 - 1963, cùng với 6.093 học sinh phổ thông của 3 cấp, huyện tiếp tục mở thêm một trường thanh niên xã hội chủ nghĩa - vừa học vừa làm cho 56 học sinh lớn tuổi theo học (chủ yếu là học sinh vùng sâu, vùng xa của huyện).

Để nâng cao chất lượng giảng dạy, mỗi khi vào đầu năm học, phòng giáo dục đều mở thêm lớp chuyên môn nghiệp vụ cho tất cả giáo viên trong huyện. Phong trào thi đua “Hai tốt” được phát động từ năm học 1961 và được duy trì đều nên chất lượng dạy và học được nâng cao. Số học sinh thi chuyển lớp, thi tốt nghiệp hằng năm đều đạt trên 90%. Năm học 1964 - 1965, 3 trường cấp II (Bình Thuận, Tân Thái, Hùng Sơn) và Trường cấp III huyện Đại Từ đều đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến, được

Ủy ban Hành chính tỉnh tặng bằng khen. Nhiều đơn vị được bình bầu là Tổ lao động xã hội chủ nghĩa.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân cũng được các cấp ủy Đảng quan tâm chỉ đạo. Mạng lưới y tế trong huyện thường xuyên được củng cố về cơ sở vật chất, đổi mới phương thức hoạt động. Đội ngũ thầy thuốc thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ nên chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Trên 2/3 số trạm xá các xã đã quản lý, theo dõi, khám định kỳ và hướng dẫn vệ sinh cho chị em phụ nữ mang thai. Các chiến dịch tiêm phòng lao, bạch hầu, bại liệt... được duy trì đều hàng năm. Phong trào vệ sinh phòng bệnh vẫn được giữ vững nên không xảy ra các đợt dịch lớn trong nhân dân. Mặc dù Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã có rất nhiều cố gắng phòng chống, nhưng bệnh sốt rét vẫn là căn bệnh có số lượng bệnh nhân nhiều nhất ở địa phương. Do đó năm 1961, Đại Từ được Trung ương và tỉnh chọn làm thí điểm thanh toán căn bệnh này. Thực hiện chỉ đạo thí điểm, Đại Từ tiến hành hàng loạt các biện pháp phòng trừ dịch bệnh: Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân thực hiện ăn chín, uống sôi, bồi dưỡng tăng cường sức khỏe, nằm ngủ có màn, phát quang bụi rậm, san lấp các vũng nước tù đọng quanh nhà... Được Trung ương và tỉnh đầu tư phương tiện, thuốc phòng và hướng dẫn kỹ thuật, mỗi xã trong huyện thành lập một tổ phun thuốc DDT định kỳ 5 lần

một năm. Nhờ những cố gắng trên, đến tháng 8/1962, Viện Sốt rét Trung ương đã công nhận huyện Đại Từ căn bản hoàn thành nhiệm vụ thanh toán bệnh sốt rét.

Công tác thông tin - văn hóa tiếp tục được duy trì và mở rộng, kịp thời chuyển tải tới nhân dân tin tức thời sự, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tài liệu, sách báo, phim ảnh và các ấn phẩm văn hóa được phát hành ngày càng rộng rãi, tạo điều kiện tốt để nhân dân tiếp thu khoa học kỹ thuật và văn học nghệ thuật.

Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, nhiệm vụ chăm sóc, giúp đỡ gia đình cách mạng, gia đình có công với nước, gia đình liệt sĩ, thương binh được các cấp bộ Đảng quan tâm chu đáo.

Thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trong 10 năm đầu thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Đại Từ trước hết là do có sự lãnh đạo của Đảng bộ. Để các cấp bộ Đảng có đủ khả năng lãnh đạo công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương, Đảng bộ chú trọng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên thông qua việc học tập chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các đợt triển khai chỉ thị, nghị quyết của các cấp bộ Đảng, các đợt chỉnh huấn của Đảng. Nhờ đó, nhận thức chính trị, lập trường tư tưởng của đảng viên vững vàng; tinh thần công tác, ý thức chấp hành chính sách ngày càng cao, thực sự trở thành động lực thúc đẩy phong trào chung.

Tình trạng yếu kém của nhiều cơ sở Đảng trong và sau sửa sai dần dần được khắc phục. Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, tình hình sinh hoạt, hoạt động của các chi bộ cơ sở ngày càng đi vào nền nếp và đạt chất lượng cao. 6 tháng đầu năm 1961, khi đánh giá chất lượng chỉ có 2/30 chi bộ được xếp loại khá. Sau hai đợt chỉnh huấn (đợt I cho cấp ủy xã và cán bộ chính quyền huyện, đợt II mở rộng cho đảng viên, cán bộ và nhân dân tham gia học tập), hoạt động của các chi bộ chuyển biến rõ rệt. Sáu tháng cuối năm, số chi bộ xếp loại khá tăng lên 13 chi bộ. Chất lượng đảng viên xếp loại khá năm 1962 tăng 10,9% so với năm 1961, đảng viên xếp loại kém giảm từ 21,6% (năm 1961), xuống 13,8% (năm 1962). Các chi bộ Bình Thuận, Tân Thái, Lục Ba, Thắng Lợi (nay là Na Mao) từ yếu kém đã phấn đấu đạt tiêu chuẩn chi bộ khá.

Đội ngũ của Đảng cũng ngày càng đông đảo. Tư tưởng hẹp hòi, thành kiến với lớp trẻ trong công tác phát triển Đảng đã được uốn nắn và khắc phục dần. Nếu như năm 1961, toàn Đảng bộ chỉ có 11/30 chi bộ kết nạp được 58 đảng viên, 4 chi bộ (Yên Lãng, Tân Thành, nay là xã Quân Chu, Tiên Hội (Độc Lập), Phúc Tân¹ 4 năm liền không phát triển được đảng viên nào thì 6 tháng cuối năm 1962, toàn Đảng bộ kết nạp được 145 đảng viên, trong đó có 20 nữ, 57 đảng viên còn ở tuổi thanh niên. Tổng số chi bộ tăng từ 30 (năm 1961) lên 38

¹ Xã Phúc Tân nay thuộc thành phố Phố Yên.

(cuối năm 1962) với 1.178 đảng viên. Cũng trong năm 1962, Đảng bộ đã thành lập được 3 Đảng bộ xã (Phúc Lương, An Khánh, Mỹ Yên). Đến cuối năm 1964, 17 chi bộ xã trực thuộc Đảng bộ Đại Từ đã được nâng lên trở thành 17 Đảng bộ xã; tổng số đảng viên toàn huyện là 1.386 đồng chí, sinh hoạt trong 124 chi bộ. Mặt yếu của công tác xây dựng Đảng là phát triển không đều, các thôn, xóm vùng sâu, vùng xa chưa được chú trọng.

Song song với nhiệm vụ phát triển, công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng cũng được thực hiện nghiêm túc. Nhận thức rõ kiểm tra là một trong ba mặt của công tác xây dựng Đảng, hàng quý, hàng năm Huyện ủy đều tổ chức sơ, tổng kết công tác kiểm tra. Thông qua những cuộc vận động củng cố xây dựng Đảng, công tác kiểm tra đã giúp đỡ nhiều đảng viên và tổ chức Đảng phấn đấu từ yếu kém trở thành đảng viên, đơn vị phấn đấu tốt. Từ năm 1961 đến năm 1965, công tác kiểm tra đã giúp các cấp ủy phát hiện, xử lý bình quân mỗi năm trên 10 đảng viên, trong đó có cả cấp ủy viên, góp phần làm trong sạch đội ngũ, nâng cao sức chiến đấu, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng những thành tựu và kinh nghiệm trong 10 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội đã giúp Đảng bộ và nhân dân Đại Từ vững tin bước vào giai đoạn cách mạng mới.

II. Thực hiện nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tích cực chi viện chiến trường miền Nam (1965 - 1975)

Sau khi dựng lên *Sự kiện Vịnh Bắc Bộ* (đêm 4/8/1964) để lấy cớ đánh trả đũa, ngày 5/8, không quân Mỹ ném bom bắn phá một số nơi trên miền Bắc. Ngày 7/2/1965, đế quốc Mỹ chính thức mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ miền Bắc Việt Nam. Chúng huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân với nhiều máy bay tối tân, các loại vũ khí hiện đại tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự, đầu mối giao thông, nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, khu đông dân, thậm chí cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, tăng cường bắn phá các đầu mối giao thông từ Bắc vào Nam. Trước tình hình đó, quân dân miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vừa trực tiếp chiến đấu, vừa giữ vững sản xuất, tiếp tục chi viện chiến trường miền Nam.

Như nhiều địa phương khác, Đại Từ bước vào thời kỳ có chiến tranh: 26/30 xã bị ném bom, một số xã bị đánh phá ác liệt: Cù Vân 13 lần, Tiên Hội 6 lần... Tuy vậy, so với nhiều nơi, huyện Đại Từ nhìn chung chưa phải là trọng điểm bắn phá của máy bay Mỹ; nhiều xã vẫn nằm trong trạng thái phòng thủ bình thường. Do đó, Đại Từ trở thành nơi sơ tán của nhiều

cơ quan, các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Đồng bào miền xuôi lên khai hoang và sơ tán đến Đại Từ cũng ngày một nhiều. Mật độ dân số trong huyện tăng lên. Không kể các đơn vị bộ đội, riêng đồng bào và các cơ quan đến sơ tán ở Đại Từ là 16.000 người¹.

Trong khi đó, tình hình sản xuất của huyện còn nhiều khó khăn. Hợp tác xã bậc cao chỉ chiếm 9% tổng số hợp tác xã (trong khi huyện Phú Bình là 83,5%), trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã còn non yếu. Việc xây dựng cơ sở vật chất và kinh doanh thêm ngành nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp còn thấp. Số hợp tác xã chỉ có lò gạch chiếm 12%, có lò vôi là 9%. Số hợp tác xã có nhà kho là 64,2% nhưng chưa có nhà ủ phân, cào cỏ đẩy tay và xe cải tiến (trong khi ở Phú Bình, 146 hợp tác xã có nhà ủ phân, 42 hợp tác xã có nhà cào cỏ đẩy tay, 90 hợp tác xã có xe cải tiến). Chăn nuôi tập thể của hợp tác xã nông nghiệp phát triển chậm, do sợ lỗi nên không chuẩn bị tốt cả ba khâu: thức ăn, giống và chuồng trại².

Trước tình hình trên, Huyện ủy tập trung lãnh đạo thực hiện phương hướng, nhiệm vụ đã được xác định tại Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII (tháng 12/1964)

¹ Báo cáo thành tích 5 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Huyện ủy Đại Từ, ngày 2/1/1970, Hồ sơ 333, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

² Báo cáo của Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái, số 380/BCTH, ngày 9/10/1965, tr.2-3, lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, hồ sơ 16.

là Phát triển sản xuất lương thực là trọng tâm, đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, coi trọng phát triển hoa màu, chăn nuôi trâu, bò, lợn để hỗ trợ cho trồng trọt¹. Trong sản xuất nông nghiệp, lấy lúa hai vụ làm chính, đưa hệ số sử dụng đất từ 1,8 lần lên 1,92 lần. Phải nắm vững phương châm thâm canh lúa và các cây trồng khác nhằm đạt tới năng suất cao, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, xuất khẩu².

Được sự chỉ đạo của tỉnh, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp. Sau hội nghị phát động vụ mùa thực hiện thâm canh của tỉnh được tổ chức ở Đại Từ, huyện đã triệu tập hội nghị cán bộ chủ chốt để phát động phong trào và giao chỉ tiêu cho các xã. Huyện chia thành 8 vùng sản xuất, mỗi vùng có một đồng chí Ủy viên Thường vụ Huyện ủy phụ trách. Các Huyện ủy viên, cán bộ và ủy viên Ủy ban đều được phân công đi xuống các xã. Các đảng ủy viên và cán bộ Ủy ban xã được phân công phụ trách hợp tác xã. Hai xã Trần Phú (chủ yếu là Hợp tác xã Hòa Bình) và xã Hà Thượng (chủ yếu là Hợp tác xã Suối Cát) được tỉnh và huyện chọn để rút kinh nghiệm.

¹ Báo cáo tổng kết công tác năm 1965 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đại Từ, số 7.BC/ĐT, ngày 15/3/1966, hồ sơ 334, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

² Báo cáo tổng kết công tác năm 1965 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đại Từ, số 7.BC/ĐT, ngày 15/3/1966, hồ sơ 334, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Từ vụ mùa năm 1965, Đại Từ mở lớp bồi dưỡng kỹ thuật sản xuất cho các cán bộ trung, sơ cấp và cán bộ kỹ thuật ở các đội sản xuất. Đồng thời, huyện phát động phong trào thi đua cải tiến kỹ thuật làm mùa. Hội Phụ nữ huyện cũng tổ chức hội nghị bàn về kỹ thuật cấy thẳng hàng. Đại biểu 17 xã tham dự hội nghị và thực hành cấy thẳng hàng trên đồng ruộng, sau đó trở về triển khai trong xã.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, dù trong hoàn cảnh chiến tranh ngày càng ác liệt, nhất là từ năm 1966 trở đi, thời tiết không thuận lợi (hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh), khí thế lao động ngày càng sôi nổi. Phong trào áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (thả bèo hoa dâu, cấy thẳng hàng...) được đẩy mạnh. Diện tích thả bèo hoa dâu, tính đến tháng 2/1967, tuy so với kế hoạch còn thấp nhưng tăng hơn 168 mẫu so với vụ đông xuân 1965 - 1966. Toàn huyện có 27/30 xã có phong trào cấy thẳng hàng và làm ruộng tăng sản. Việc làm phân bón và thủy lợi được đặc biệt chú ý.

Các cấp lãnh đạo từ huyện xuống cơ sở đều nhận thức phân bón là cơ sở cho năng suất cây trồng. Do đó, để khắc phục tình trạng của những năm trước (trung bình mỗi héc-ta chỉ bón được 4 tấn phân, có nơi cấy chay), huyện kiên quyết chỉ đạo dứt điểm việc xây dựng hệ thống chuồng trại, nhà chế biến phân, mạnh dạn đưa bèo hoa dâu vào đồng ruộng. Không kể bèo

dâu, riêng vụ mùa năm 1967, bình quân mỗi héc-ta ruộng đã được bón 6 tấn phân chuồng, 80kg vôi, 60kg phốt phát.

Trong những năm 1964 - 1965, Đại Từ đã có một số hợp tác xã làm tốt công tác thủy lợi, điển hình là xã Hà Thượng nhưng nhìn chung chưa trở thành một phong trào sâu rộng và phổ biến. Từ năm 1966, nhất là sau hội nghị công tác sơ kết thủy lợi do tỉnh tổ chức tại xã Yên Đổ, huyện Phú Lương, phong trào làm thủy lợi có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Tư tưởng ỷ lại vào thiên nhiên giảm dần. Cán bộ và xã viên ngày càng nhận rõ tầm quan trọng của công tác thủy lợi, coi đó là biện pháp hàng đầu để thực hiện thâm canh lúa.

Ngoài việc xây dựng những công trình đòi hỏi phải huy động nhiều nhân công, các hợp tác xã đều tổ chức đội thủy lợi; các đội sản xuất đều có người chuyên trách quản lý và điều hành hệ thống tưới tiêu. Công tác đắp bờ vùng, bờ thửa ở các huyện miền núi như Đại Từ gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn được đẩy mạnh. Từ một điển hình tốt (hợp tác xã Khánh Hòa, Hà Thượng), huyện đã kịp thời tuyên truyền và phát động phong trào thi đua làm thủy lợi trong tất cả các hợp tác xã. Từ phong trào chung, Huyện ủy đi sâu chỉ đạo việc kiến thiết bờ vùng, bờ thửa ở 2 hợp tác xã Đông Quan và Bàn Cờ.

Từ 2 điểm chỉ đạo, Huyện mở hội nghị chuyên đề cho cán bộ chủ chốt, mở các lớp đào tạo ngắn ngày về

xây dựng quy hoạch, về phương pháp tưới tiêu cho cán bộ chuyên trách của hợp tác xã. Với chiến dịch *Rực lửa đêm đông, kiến thiết ruộng đồng, lập công dâng Đảng, đánh Mỹ cứu nước* do Huyện ủy phát động, phong trào làm thủy lợi được duy trì và đến tháng 8/1967 trở nên sôi nổi trong tất cả các hợp tác xã. Có ngày, hàng vạn xã viên trong toàn huyện ra đồng làm thủy lợi. Vào thời gian này, Đại Từ có 17 xã xây dựng bờ vùng, bờ thửa, các hệ thống tưới tiêu đảm bảo cung cấp đủ nước cho đồng ruộng. Riêng các xã Độc Lập, Bình Thuận, Hùng Sơn, Tân Thái... đã biết kết hợp làm thủy lợi với xây dựng giao thông nông thôn.

Với khí thế lao động sôi nổi, nhằm phấn đấu đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha, trong năm 1967, Đại Từ đã đào đắp được 124.736m³ đất đá, xây dựng 18 công trình thủy lợi, tu sửa và kéo dài thêm hàng trăm ki-lô-mét mương tưới, tiêu; kiến thiết 1.310ha ruộng có bờ vùng, bờ thửa. Trên 100 cán bộ các xã đã biết lên quy hoạch thủy lợi và tưới, tiêu theo phương pháp mới. Nhờ biết làm công tác thủy lợi, diện tích gieo trồng năm 1967 tăng thêm 1.000 mẫu Bắc Bộ so với năm 1966¹.

Ngoài hệ thống thủy lợi nhỏ, Đại Từ còn xây dựng được 2 công trình thủy nông lớn, trong đó đập Phượng Hoàng có trữ lượng 6 triệu mét khối nước, phục vụ tưới tiêu cho trên 1.000 mẫu ruộng.

¹ Báo cáo thâm canh lúa năm 1967 và phương hướng năm 1968 của Huyện ủy Đại Từ, tr.6, lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tính chung trong những năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, nhân dân huyện Đại Từ đóng góp 809.279 ngày công, đào đắp 149.934m³ đất, khai thác 130.0293 đá học để xây dựng 14 công trình thủy lợi loại vừa, 70 công trình loại nhỏ¹.

Việc áp dụng khoa học kỹ thuật cũng được đẩy mạnh. Trong những năm 1966 - 1967, máy bay Mỹ đánh phá ác liệt, việc đi lại khó khăn nhưng nhiều xã đã cử cán bộ về các tỉnh Thái Bình, Nam Hà (nay là hai tỉnh Nam Định và Hà Nam) để mua bèo giống, thóc giống mới có năng suất cao. Từ chỗ không có, đến năm 1968, huyện Đại Từ đã có 40% diện tích cấy lúa được thả bèo hoa dâu. Các giống lúa mới có năng suất cao được đưa vào đồng ruộng, thay thế các giống lúa địa phương. Trong 34 loại giống, huyện đã tuyển chọn 9 loại giống có năng suất cao. 100% thóc giống được xử lý qua lò 54⁰C. Kỹ thuật cấy lúa cũng được cải tiến. Từ thói quen cấy to, thưa khóm, cấy tự do, bà con nông dân trong huyện chuyển dần sang kỹ thuật cấy dày, cấy thẳng hàng. Đến năm 1968, toàn huyện có 50% diện tích ruộng được cấy đúng kỹ thuật. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, toàn huyện đã lập được 73 tổ khoa học kỹ thuật có nhiệm vụ hướng dẫn bà con nông dân thực hiện những biện pháp kỹ thuật theo một quy trình sản xuất đã xây dựng.

¹ Báo cáo thành tích sản xuất của Huyện ủy Đại Từ, ngày 2/1/1970, tr.3, hồ sơ 333, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Việc chăm sóc đồng ruộng và thực hiện các biện pháp kỹ thuật có nhiều chuyển biến. Diện tích chăm sóc đồng ruộng được mở rộng, có đông đảo cán bộ, đảng viên, đoàn viên và hội viên tham gia. Năm 1966, toàn huyện chỉ có 554 đảng viên nhận quản lý, chăm bón ruộng. Đến năm 1967 đã có 1.120 đảng viên, 1.101 đoàn viên thanh niên và nhiều hội viên Hội Phụ nữ xung phong nhận chăm bón thửa ruộng 5 tấn mang tên Nguyễn Văn Trỗi. Mỗi cánh đồng đều có đảng ủy viên, đoàn viên phụ trách. Những xã đăng ký phấn đấu đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha đều duy trì tốt phong trào chăm sóc đồng ruộng: cấy ngửa tay, làm vệ sinh bờ ruộng, đảm bảo đủ nước, nhiều phân, làm cỏ sục bùn, phát hiện sâu bệnh kịp thời và thực hiện “ba chuyên” (người chuyên làm giống, đội chuyên làm giống, ruộng chuyên để giống). So với toàn tỉnh, diện tích cấy lúa thẳng hàng của huyện Đại Từ chiếm 23,3%, cấy lúa cao sản chiếm 19%, cấy giống lúa mới chiếm 35,8%, xử lý giống chiếm 17,3%, phân bón bình quân tăng hơn mức bình quân toàn tỉnh 1 tấn/ha¹.

Ngoài tập huấn từng việc, từng vụ cho cán bộ, đảng viên và đoàn viên, xã viên, trong những năm 1965 - 1968, Đại Từ đã đào tạo được 154 cán bộ trung cấp và sơ cấp kỹ thuật nông nghiệp cho các hợp tác xã. Từ một lá cờ đầu là hợp tác xã Thành Công, Huyện ủy

¹ Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp 9 tháng năm 1967, tr.4, Chi cục Thống kê Bắc Thái, số 712.TK/NN, lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

đã phát động phong trào cải tạo đồng ruộng. Các tuyến bờ vùng được đào đắp với chiều dài 167km, 1.160ha ruộng được cải tạo có bờ vùng, mương tưới, mương tiêu; 320ha ruộng được cải tạo hoàn chỉnh. Hệ số sử dụng ruộng đất từ 1,65 lần nâng lên 1,85 lần.

Đánh giá việc chỉ đạo sản xuất của Huyện ủy Đại Từ, Tỉnh ủy Bắc Thái nêu rõ: “Huyện Đại Từ đã kiên trì chỉ đạo thực hiện cấy giống lúa mới ngay từ những năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Đại Từ không những tạo được sự nhất trí cao trong các cấp, các ngành, mà còn có tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm”.

Việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn và bảo đảm các quy trình kỹ thuật đối với giống lúa xuân đã trở thành nền nếp trong các hợp tác xã của toàn huyện, coi trọng việc cải tạo đất chua, trầm thụt bằng biện pháp làm bèo hoa dâu và bón vôi. Cách làm của Đại Từ thể hiện tinh thần quyết tâm cao, từ khâu xử lý giống, cấy, chăm sóc đến thu hoạch, cải tạo ruộng đồng đều đòi hỏi rất công phu, đúng với ý nghĩa của nó là *cuộc cách mạng về giống mới*¹.

Những năm 1966 - 1967 là thời gian Mỹ ném bom bắn phá ác liệt, thời tiết cũng không thuận lợi, sâu bệnh, hạn hán, lũ lụt xảy ra thường xuyên. Riêng trong vụ mùa năm 1966, một trận lũ kéo dài 3 giờ đồng hồ

¹ Báo cáo kiểm điểm chỉ đạo sản xuất nông nghiệp vụ đông xuân 1971 - 1972 của Tỉnh ủy Bắc Thái, tr.3-4, hồ sơ 98, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

đã cuốn trôi 17.000 mẫu lúa và hoa màu, 46 gian nhà, hàng nghìn con lợn, gà. Vụ chiêm năm 1968 có hạn hán, sương giá kéo dài làm cho hầu hết lúa chiêm trong huyện bị bạc lá; nhiều cánh đồng lúa bị chết trụi¹. Nhưng nhờ biết làm *cuộc cách mạng về giống mới*, Đại Từ đã đưa năng suất và tổng sản lượng lúa ngày càng lên cao. Năm 1964, năng suất bình quân đạt 38,49 tạ/ha, năm 1967 đạt 44 tạ/ha và năm 1968 đạt 45,6 tạ/ha. Tốc độ bình quân hằng năm tăng 4%. Tổng sản lượng lúa năm 1965 đạt 22.821 tấn, năm 1967 đạt 26.397 tấn; tốc độ bình quân hằng năm tăng 8%². Từ chỗ chưa có một đơn vị nào, đến năm 1968, toàn huyện có 5 xã và 23 hợp tác xã đạt mục tiêu từ 5 tấn đến 6,4 tấn/ha gieo trồng trong một năm³.

Ngoài lúa, Huyện ủy chú trọng chỉ đạo phát triển cây hoa màu. Diện tích canh tác và sản lượng hoa màu đều tăng lên. Một số hợp tác xã từ chỗ độc canh cây lúa, nay đã phát triển thêm hoa màu, đưa tỷ trọng hoa màu tập thể từ 1,6% lên 1,93%, cao nhất là hợp tác xã Phú Sơn (đạt 2,4%).

Các loại cây công nghiệp cũng được quan tâm phát triển. Vùng cây công nghiệp bước đầu được quy hoạch. Đến năm 1968, Đại Từ đã có 20 cơ sở trồng cây công nghiệp được đặt tại các xã Hà Thượng, Yên Lãng,

¹ Báo cáo thành tích 5 năm kháng chiến chống Mỹ, tài liệu đã dẫn, tr.1.

² Báo cáo thành tích 5 năm kháng chiến chống Mỹ, tài liệu đã dẫn, tr.1.

³ Báo cáo sơ kết bước 1 của huyện Đại Từ về cuộc động viên chính trị toàn dân để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ *Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*, ngày 10/4/1968, hồ sơ 59, tr.1, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Bình Thuận, Lục Ba, An Mỹ, Vinh Quang (nay là xã Phú Lạc), Phục Linh, Thắng Lợi (nay là xã Na Mao), Minh Tiến, Phú Xuyên, gồm 495 hộ tham gia. Riêng cây chè - một đặc sản của huyện Đại Từ, từ năm 1965 được trồng trên diện tích khoảng 153ha, đến năm 1967 tăng lên 364,68ha (tăng 137,8%). Sản lượng chè năm 1965 đạt 24,553 tấn, năm 1967 đạt 25,835 tấn và đến năm 1968 tăng lên 32,644 tấn¹.

Song song với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, Huyện ủy rất coi trọng việc củng cố phong trào hợp tác hóa. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ngày càng được củng cố và hoàn thiện. Năm 1964, toàn huyện có 81% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã, đến năm 1968, số hộ xã viên đã chiếm 90% tổng số hộ nông dân trong huyện. Các vùng dân tộc ít người và vùng đồng bào Thiên Chúa giáo không còn tình trạng *xóm trắng* hợp tác xã. Hợp tác xã bậc cao từ chỗ chỉ chiếm 10% (năm 1964) đã lên tới 90% tổng số hợp tác xã (năm 1968). Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong các hợp tác xã cũng được trang bị ngày càng tốt hơn trước. Mặc dù vậy, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong huyện không đều; số hợp tác xã trung bình và kém vẫn còn chiếm tới 50%. Xuất phát từ thực tế này, Ban Thường vụ Huyện ủy đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo là phải làm

¹ Báo cáo tổng kết hợp tác hóa nông nghiệp 10 năm của huyện Đại Từ, ngày 12/12/1968, tr.3, hồ sơ 92, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

thay đổi cục diện để Đại Từ xứng đáng là một huyện tiên tiến của tỉnh Bắc Thái.

Là một huyện có diện tích đồi núi và rừng chiếm 86% diện tích tự nhiên, Đại Từ rất chú ý đến việc trồng cây gây rừng. Tuy nhiên, tình trạng phát rừng là một hiện tượng phổ biến và kéo dài trong nhiều năm. Một số xã và hợp tác xã năm sau phát rừng nhiều hơn năm trước. Một số cơ quan Trung ương, Khu và các trường chuyên nghiệp sơ tán lên Đại Từ cũng tự do phát rừng làm rẫy để tự túc lương thực. Tính chung toàn huyện, trong năm 1966 đã phát 367ha, trong đó có 91ha rừng già và rừng đầu nguồn.

Trước tình hình trên, Huyện ủy đã đề ra nhiều biện pháp khắc phục. Đoàn kiểm tra công tác lâm nghiệp được thành lập, lần lượt đi xuống các xã để kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn nhân dân trồng cây gây rừng. Nhiều hợp tác xã có vườn ươm cây. Các đội trồng cây chuyên nghiệp được thành lập ở 13 xã, gồm hàng trăm cụ lão nông tham gia. Nhờ đó, đến đầu năm 1968, Đại Từ đã căn bản thanh toán được nạn phá rừng. Nhiều khu đất trống, đồi trọc đã trở thành những cánh rừng xanh tốt.

Chăn nuôi là một trong ba thế mạnh của huyện Đại Từ. Tính đến năm 1967, toàn huyện có 16 cơ sở chăn nuôi tập thể với tổng số 443 con lợn nái. Ngoài các trại trung tâm của hợp tác xã, Đại Từ mạnh dạn mở rộng chăn nuôi xuống các đội sản xuất. Các hợp tác xã Thành

Công, Đoàn Kết đã có quy hoạch, điều chỉnh lại đất đai, dành những phần đất tốt, đất gần cho trại sản xuất thức ăn gia súc. Những hợp tác xã này cũng bố trí lại các loại cây thức ăn để đảm bảo cho đàn lợn có thức ăn tốt và thường xuyên, nhất là trong mùa đông; đồng thời xây dựng được hệ thống chuồng trại đúng kỹ thuật. Một số trại đã chọn người có kinh nghiệm đảm nhận chăn nuôi lợn nái, lợn thịt, làm men ủ thức ăn cho lợn, chăm sóc từng con chu đáo. Vì thế, đàn lợn trong thời gian này phát triển tương đối tốt. Tính chung toàn huyện, đàn lợn năm 1965 tăng 38% so với năm 1960 và năm 1967 tăng 11,6% so với năm 1965. Hợp tác xã Thành Công là một trong các hợp tác xã có nhiều biện pháp đẩy mạnh chăn nuôi. Ban Quản trị hợp tác xã ưu tiên bán vôi, gạch cho xã viên xây dựng chuồng trại; vận động các gia đình xã viên dùng đất 5% vào việc trồng rau màu và giao cho mỗi hộ trồng từ 500 đến 1.000 gốc sắn làm thức ăn cho lợn. Nhờ có biện pháp tích cực, nghề chăn nuôi lợn trong các gia đình xã viên ngày càng phát triển, cơ sở chăn nuôi lợn tập thể của hợp tác xã cũng được mở rộng, đưa mức bình quân mỗi hộ nuôi 2,9 con (năm 1965) lên 3,1 con (năm 1967), đảm bảo mỗi héc-ta gieo trồng có 4 con lợn¹. Đàn trâu của huyện năm 1965 tăng 22,6% so với năm 1960 và đến năm 1967 tăng 8,8% so với năm 1965.

¹ Báo cáo kết quả thâm canh lúa năm 1966 - 1967 của hợp tác xã Thành Công, huyện Đại Từ, tr.6, hồ sơ 312, lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong thời kỳ này Đại Từ còn thí điểm chăn nuôi tằm sản lá. Từ chỗ chỉ có hai xã (trong năm 1964), đến năm 1965 đã có 23 xã và sang năm 1966 có 28 xã (chiếm 93% tổng số xã trong huyện) chăn nuôi tằm. Năm 1966, huyện lấy hợp tác xã Đồng Quan (Yên Lãng) làm thí điểm. Ngoài ra có 3 hợp tác xã: Chính Phú (Phú Xuyên), Cát Linh, Linh Tràng (Phục Linh) chăn nuôi tằm tập thể có sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ và hợp tác xã. Ban quản trị hợp tác xã cũng vận động được đại bộ phận xã viên phát triển chăn nuôi. Nhìn chung, phong trào mới chỉ có bề rộng, chưa có bề sâu, chưa thật mạnh mẽ và vững chắc.

Nhìn lại thời kỳ 1965 - 1968, sản xuất lương thực huyện Đại Từ phát triển theo chiều hướng đi lên, nhưng sự chỉ đạo của Huyện ủy vẫn chưa tập trung vào ba thế mạnh: cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Tỷ trọng cây công nghiệp mới chiếm 3,3%, chăn nuôi phát triển chậm và hoa màu mới chiếm 14,6%; nghề rừng chưa có phương hướng, kế hoạch và biện pháp thực hiện. Tuy nhiên, do sản xuất lương thực được đẩy mạnh nên đời sống nhân dân trong huyện được nâng lên rõ rệt. Trừ 7 xã miền núi phía Bắc do chưa tích cực củng cố phong trào hợp tác hóa, thường phải tổ chức cứu tế khi giáp hạt, mức sống của nông dân trong huyện đạt mức tương đối khá. Lương thực bình quân đầu người toàn huyện năm 1966 là 17 kg

thóc/tháng, năm 1967 tăng lên 20 kg/tháng. Ở một số hợp tác xã loại khá, đời sống của xã viên còn cao hơn. 95% số hộ có nhà gỗ, 60% số hộ có xe đạp, nhiều gia đình có đài thu thanh. Ở Hợp tác xã Thành Công, mức ăn bình quân là 24,5 kg/người. Hợp tác xã còn xây dựng được ba trường cấp I, bốn nhà trẻ, một lớp mẫu giáo và một hệ thống loa truyền thanh.

Đại Từ cũng luôn luôn hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1964, huyện nhập vào kho Nhà nước 5.000 tấn thóc, 178 tấn thịt lợn. Đến năm 1968, dù phải điều chỉnh lương thực cho hơn một vạn đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi, huyện vẫn nộp cho Nhà nước được 5.000 tấn thóc và bán cho Nhà nước trên 200 tấn thịt lợn. Với những thành tích trên, Đại Từ được Quốc hội, Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Cùng với việc cải thiện từng bước đời sống vật chất của nhân dân, đời sống văn hóa tinh thần trong huyện cũng được nâng lên. Năm 1965, Đại Từ mới có 11.596 học sinh phổ thông, đến năm 1968 đã tăng lên trên 24.000 em, bình quân cứ 2,5 người dân có một người theo học ở trường phổ thông. Tất cả các xã trong huyện đều xây dựng được trường cấp I, bình quân gần 2 xã có một trường cấp II. Từ hai lớp mẫu giáo (năm 1964), Đại Từ đã tổ chức được trên 80 lớp và là huyện dẫn đầu toàn tỉnh Bắc Thái về giáo dục. Phong trào bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì.

Trường Thanh niên dân tộc của huyện luôn luôn giữ được vị trí lá cờ đầu trong toàn tỉnh.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ dần dần trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Từ chỗ chỉ có 2 đội văn nghệ (năm 1964), đến năm 1968, Đại Từ đã lập được 14 đội, thường xuyên tổ chức biểu diễn phục vụ nhân dân địa phương. Từ 1 đội chiếu bóng, Đại Từ đã có 2 đội, bảo đảm cho đồng bào những nơi xa xôi, hẻo lánh được xem phim nhiều lần trong năm. Năm 1964, Đại Từ mới có một cơ sở truyền thanh, phục vụ cho một số xóm trong ba xã, đến năm 1968 đã có hai cơ sở lớn và một số cơ sở nhỏ phục vụ cho đồng bào trên 10 xã. Toàn huyện đã có trên 300 đài bán dẫn. Cuộc sống vui tươi, lành mạnh ngày càng ăn sâu, lan rộng trong đồng bào các dân tộc. Nhiều phong tục, tập quán lạc hậu trong ma chay, cưới xin, cúng bái giảm dần. Nạn cờ bạc, trộm cắp được ngăn chặn. Trật tự trị an trong huyện được đảm bảo.

Công tác vệ sinh phòng bệnh được các cấp lãnh đạo trong huyện đặc biệt quan tâm. Năm 1964, toàn huyện mới có 14 trạm xá xã, đến năm 1968, tất cả 20 xã đều xây dựng được trạm xá, những loại thuốc chữa bệnh thông thường đều được trang bị đầy đủ. Phong trào *ba dút điểm* (giếng nước, nhà tắm, hố xí hai ngăn) được đẩy mạnh và hoàn thành vào năm 1967. Xã Vạn Thọ được Chính phủ tặng thưởng về thành tích phòng bệnh và hoàn thành *ba dút điểm* tốt nhất.

Song song với nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa - giáo dục, trong những năm 1965 - 1968, Huyện ủy Đại Từ còn tập trung lãnh đạo quân và dân trong huyện tổ chức chiến đấu chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra. Ngay từ khi tiến hành ném bom bắn phá miền Bắc nước ta, đế quốc Mỹ đã nhiều lần cho máy bay trinh sát không phận huyện Đại Từ. Vào những năm 1965 - 1968, nhất là trong 2 năm (1966 - 1967), máy bay Mỹ thường xuyên ném bom xuống địa phận các xã Cù Vân, Hùng Sơn, Tiến Bộ (nay thuộc xã La Bằng), Tân Thành, Bình Dân, Yên Lãng, Phục Linh, Vân Yên, Độc Lập, Phúc Thọ...

Tuy nhiên, mức độ đánh phá của không quân Mỹ trên địa phận Đại Từ không ác liệt như nhiều địa phương khác. Vì vậy nhiều nơi trong cán bộ và nhân dân bộc lộ tư tưởng chủ quan. Việc phổ biến chỉ thị, nghị quyết, đôn đốc, kiểm tra đào hầm hào trú ẩn và sơ tán phòng không chưa được coi trọng. Nơi làm việc của các cơ quan không có hầm hào phòng tránh. Ngay cả trụ sở Huyện ủy cũng chỉ đào được một số hầm hào. Huyện đội, công an huyện lấy lý do ở nhà dân, không có đất nên cũng không tích cực đào hầm hào. Kho bách hóa Đại Từ đặt ở xóm Trại (xã Bình Thuận) không những không có hệ thống hầm trú ẩn mà hàng hóa còn để rất bừa bãi. Bệnh viện của huyện chỉ mới có hầm cho cán bộ, chưa có hầm cho bệnh nhân. Thị trấn Đại Từ là một nơi đông dân cư, phần lớn đồng bào sinh

sống bằng nghề làm nón, chưa có một nhà nào đi sơ tán. Hệ thống hầm hào của các gia đình không đảm bảo, thậm chí nhiều nhà cũng chưa có hầm hào. Một số cơ quan còn ở lại trong thị trấn tuy có hầm hố phòng tránh máy bay nhưng đã đổ nát chưa được tu sửa, củng cố. Một số gia đình ở Hà Nội lên sơ tán đã dựng nhà cửa ngay giữa phố.

Trước tình trạng trên, trong khi máy bay địch tăng cường hoạt động, thực hiện Chỉ thị số 144 của Ban Bí thư Trung ương, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện triệu tập Hội nghị các bí thư, chủ tịch, trưởng công an, xã đội trưởng các xã, các bí thư, thủ trưởng các cơ quan xung quanh huyện và các cơ quan sơ tán tại huyện để phổ biến tinh thần Chỉ thị của Trung ương và triển khai thực hiện.

Sau Hội nghị trên, các xã đều tổ chức cho cán bộ và nhân dân học tập. Từ đó, trong nhận thức cũng như trong hành động, cán bộ và nhân dân địa phương thực sự có những chuyển biến mạnh mẽ. Các cơ quan, các hợp tác xã đều dành một số ngày cho cán bộ và nhân dân tu sửa, đào thêm hầm hào ven các trục đường giao thông, ngoài đồng và trong nhà. Các xã: Cù Vân, An Khánh, Bình Thuận, Yên Lãng, Hà Thượng, Trần Phú, Ký Phú, Vân Yên, Lục Ba, Tân Thành, Bình Dân, Hùng Sơn, Độc Lập đều tổ chức tốt việc đào hầm hào phòng tránh máy bay. Khu vực thị trấn cũng đào

đủ hầm trú ẩn và tổ chức sơ tán toàn bộ trẻ em, người già yếu. Huyện còn chỉ đạo trồng chuối hai bên đường từ Bờ Đậu đến Đèo Khế để che khuất mục tiêu địch bắn phá.

Do nhận thức đúng dẫn tình hình và được sự lãnh đạo, đôn đốc sát sao, chỉ sau một thời gian quán triệt Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương, toàn huyện đã sửa lại và làm thêm 25.184 hầm gia đình (trong đó có 17.274 hầm mới), bình quân mỗi hộ có từ 1 đến 2 hầm, sửa lại và đào mới 27,182km hào công cộng; 6.835 hầm ngoài đồng và dọc đường giao thông¹.

Tháng 5/1967, Ủy ban hành chính huyện Đại Từ ra thông báo, chỉ thị các chợ Cù Vân, thị trấn Đại Từ, Phú Minh, Yên Lãng... không được họp trước 5 giờ chiều, chợ nào không có hầm hào thì không được họp; củng cố tốt các hầm trú ẩn; khi có máy bay địch, không ai được ở trên miệng hầm, các xã trên trục đường Đại Từ đi An Mỹ, Đại Từ đi Ký Phú, Đại Từ đi Phú Minh, Minh Tiến, Cù Vân đi An Khánh phải tiếp tục đào hầm hai bên đường cho người qua lại.

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban Hành chính huyện, công tác phòng không, sơ tán được tiến hành triệt để hơn trước. Nhờ đó, sự thiệt hại về người và tài sản khi địch đánh phá được hạn chế tới mức thấp nhất.

¹ Báo cáo 1 tháng làm hầm hào phòng không, Ủy ban hành chính huyện Đại Từ, số 262BC/PKND, ngày 19/5/1967, tr.1, lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Trong chiến tranh, vấn đề đảm bảo giao thông thông suốt là một trong những công tác quan trọng hàng đầu. Đại Từ có Quốc lộ 13A chạy từ Bờ Đậu qua các xã, thị trấn: Cù Vân, Hà Thượng, Hùng Sơn, thị trấn Đại Từ (nay là thị trấn Hùng Sơn), Độc Lập, Hùng Cường (nay là xã Bản Ngoại), Phú Xuyên, Yên Lãng, vượt đèo Khế sang Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang). Ngoài tuyến đường giao thông huyết mạch này, Đại Từ còn có ba trục đường của huyện chạy qua 12 xã với chiều dài 44km. Các tuyến đường trục trong xã, đường liên xã, liên xóm cũng được xây dựng tạo thành một mạng lưới giao thông rất quan trọng.

Trong tình hình máy bay địch tăng cường bắn phá các trục đường giao thông, để đảm bảo giao thông vận tải thông suốt, huyện có kế hoạch giao cho các xã thành lập tổ, đội xe đạp thồ để vận chuyển hàng. Huyện cũng thành lập Ban bảo đảm giao thông vận tải do Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện làm trưởng ban, cán bộ Huyện đội, trưởng phòng giao thông, Đoàn Thanh niên, Công an huyện, Hạt Giao thông và các trưởng cung giao thông... là ủy viên. Ủy ban Hành chính huyện còn chỉ định các cơ quan, các ngành phân công cán bộ xuống từng từng trọng điểm.

Để phục vụ sản xuất và chiến đấu, đầu tháng 9/1966, Ty Giao thông Bắc Thái kết hợp với huyện Đại Từ chỉ đạo tổ vận tải hợp tác xã Bình Định (xã Đoàn

Kết) xây dựng kế hoạch giúp đỡ cho các xã mở rộng đội, tổ vận tải chuyên nghiệp trong nông nghiệp.

Cùng với việc đào hầm hào và đảm bảo giao thông thông suốt, lực lượng dân quân tự vệ các xã đều tích cực tập luyện, nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Các trận địa trực chiến bắn máy bay địch được xây dựng. Việc báo động chiến đấu của bộ đội và dân quân tự vệ được Huyện đội tổ chức. Bệnh viện huyện được bổ sung trang thiết bị đa khoa để có thể đáp ứng yêu cầu cứu thương, điều trị trong thời chiến. Ban Y tế phòng không từ huyện xuống xã được thành lập và đi vào hoạt động. Các ban này sau khi thành lập đã mở lớp bồi dưỡng cứu thương cho dân quân tự vệ. Các ban chỉ huy xã đội được củng cố và kiện toàn. Cán bộ xã đội ở 27/30 xã của huyện đều hoạt động khá.

Nhờ được tổ chức luyện tập thường xuyên nên khi bước vào chiến đấu, quân và dân Đại Từ đã bình tĩnh, mưu trí và lập được chiến công xuất sắc, tiêu biểu là Trung đội dân quân xã Hà Thượng.

Trưa ngày 1/8/1966, từ hướng Tuyên Quang, hai chiếc máy bay Mỹ RF4C bay ở độ cao khoảng 200m lao về hướng Đại Từ, qua không phận xã Hà Thượng. Trực chiến trên trận địa ngày hôm đó có 6 cán bộ, chiến sĩ với 2 khẩu súng máy và 3 súng trường, do Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ và Chính trị viên trung đội Nguyễn Hùng Xuân chỉ huy. Ngay sau khi nghe tiếng

kẻng báo động phòng không, 6 cán bộ, chiến sĩ trực chiến của Trung đội dân quân xã Hà Thượng đã sẵn sàng ở vị trí chiến đấu. Chờ cho tốp máy bay địch vào đúng tầm hỏa lực, trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ ra lệnh nổ súng. Một loạt 18 viên đạn súng máy, súng trường nổ vang, tập trung vào chiếc máy bay bay sau. Bị trúng đạn, máy bay địch vội vàng bay vòng lại phía sau định chạy trốn nhưng đến khu vực Định Hóa thì bị rơi. Hai tên giặc lái Mỹ nhảy dù đã bị quân và dân Định Hóa bắt gọn.

Chiến công bắn rơi máy bay Mỹ bằng súng bộ binh là kết quả của bao ngày đêm khổ công tập luyện và ý chí quyết chiến quyết thắng của nhân dân Hà Thượng. Chiến công này đã gây niềm tin cho quân dân huyện Đại Từ trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại. Cũng từ chiến công của dân quân xã Hà Thượng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Thái rút được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về cách tổ chức trận địa phục kích, đón lõng để chỉ đạo lực lượng dân quân tự vệ toàn tỉnh. Với thành tích bắn rơi máy bay Mỹ bằng súng bộ binh, quân và dân xã Hà Thượng vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công.

Trải qua gần 3 năm ném bom tỉnh Bắc Thái nói chung và huyện Đại Từ nói riêng, đế quốc Mỹ vẫn không đạt được mục tiêu chiến tranh, lại bị thiệt hại nặng nề. Quân và dân Đại Từ cùng với các dân tộc

trong tỉnh đã nêu cao truyền thống quê hương căn cứ địa kháng chiến, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân “đất đối không”, góp phần vào thắng lợi chung của nhân dân cả nước. Ngày 31/3/1968, đế quốc Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ kết thúc thắng lợi.

Trong quá trình vừa sản xuất, vừa tham gia chiến đấu, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Đại Từ tích cực chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam. Các phong trào thi đua *Ba sẵn sàng; Ba đảm đang* được phát động rộng rãi, có tác dụng động viên cao độ nhiệt tình cách mạng trong thanh niên, phụ nữ. Phong trào xung phong lên đường vào Nam đánh Mỹ không chỉ trở thành hành động cách mạng trong thanh niên mà còn được các đoàn thể, các ngành, các giới quan tâm. Nhiều gia đình tích cực động viên con em đi bộ đội. Mẹ Nguyễn Thị Liên ở xã Vinh Quang (nay là xã Phú Lạc) dẫn cả 2 người con trai lên huyện xin được nhập ngũ. Lớp lớp thanh niên các dân tộc Đại Từ hăng hái ghi tên đầu quân. Lãnh đạo huyện trao cho tuổi trẻ Đại Từ lên đường lá cờ thêu dòng chữ *Đèo Khế Anh Hùng*, nhắc nhở họ giữ vững truyền thống của quê hương.

Do làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, động viên, trong 4 năm (1965 - 1968), huyện Đại Từ đã có

27.777 thanh niên nhập ngũ¹, năm nào cũng đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Không những thế, nhân dân các dân tộc Đại Từ luôn hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, thực hiện đúng khẩu hiệu *Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*.

Cùng với nhân dân cả nước, sự đóng góp đầy đủ và kịp thời sức người, sức của của Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi của đồng bào miền Nam.

Sau khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom bắn phá, tranh thủ thời gian hòa bình, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ ra sức phục hồi và phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất.

Trong tình hình mới, Đảng bộ huyện Đại Từ đặc biệt coi trọng công tác củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Năm 1969, toàn huyện có 95,4% số hộ tham gia hợp tác xã, đã thanh toán được tất cả các xóm trắng ở vùng dân tộc ít người và vùng Thiên Chúa giáo (trừ xóm Đèo Khế, xã Yên Lãng vì dân cư quá thưa thớt). Các hợp tác xã của đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế, văn hóa ở miền núi được sáp nhập với các hợp tác xã của đồng bào địa phương. Số hợp tác xã chuyển lên bậc cao đã chiếm tới 92%, huyện cũng chú ý đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho

¹ Báo cáo tổng kết công tác động viên tuyển quân 10 năm (1965 - 1975) chống Mỹ cứu nước số 27 BC/TK, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ, ngày 12/3/1976, tr.3.

các hợp tác xã. Hệ thống nhà kho, sân phơi, nhà chế biến phân, xe vận chuyển, cào cỏ cải tiến, cơ khí xay xát... đều tăng nhiều so với trước. Nhiều hợp tác xã đã huy động hàng vạn ngày công lao động vào công tác thủy lợi và cải tạo đồng ruộng. Đặc biệt, Hợp tác xã Tiến Thành suốt 5 năm kiên trì làm thủy lợi theo phương pháp tưới, tiêu khoa học, đưa diện tích có nước ăn chắc hai vụ lúa từ 87ha trong năm 1968 lên 170ha trong năm 1972. Hợp tác xã Thành Công là một điển hình tốt về đầu tư xây dựng tương đối toàn diện cơ sở vật chất - kỹ thuật. Tính bình quân hàng năm, hợp tác xã tích lũy được 39.000 đồng, tài sản cố định bình quân hàng năm tăng 10.000 đồng; vốn cố định năm 1972 lên tới 249.000 đồng, tăng 12,4% so với năm 1968¹. Hợp tác xã được công nhận là Hợp tác xã tiên tiến, được Bộ Nông nghiệp tặng cờ, được Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Nhì. Đồng chí Chủ nhiệm Trương Văn Nho được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Công tác *Ba quản, ba khoán* trong các hợp tác xã tiên tiến và khá cũng được thực hiện tương đối tốt. Những hợp tác xã này đều đã qua cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật. Điểm nổi bật là các hợp tác xã đã quản lý chặt chẽ ngay từ đầu diện tích ruộng nước ngoài ruộng 5% của xã viên. Trong quá trình

¹ Báo cáo tổng kết hợp tác xã tiên tiến và khá của Ủy ban hành chính tỉnh tại Đại hội các hợp tác xã tiên tiến và khá lần I, ngày 3/10/1973, tr.8, hồ sơ số 1, lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Thái Nguyên.

thực hiện *Ba quản, ba khoán*, các hợp tác xã Tiến Thành, Bình Thuận đã kịp thời khắc phục được tình trạng sử dụng ruộng đất sai chính sách. Hợp tác xã Thành Công tuy chưa tận dụng hết khả năng lao động nhưng là một mẫu mực về công tác quản lý lao động. Hợp tác xã thực hiện giao khoán sản lượng, công điểm và chi phí cho các đội, đội nào vượt mức khoán thì được hưởng, đội nào đạt sản lượng nhưng công điểm và chi phí chưa sử dụng hết thì thanh toán theo thực chi, nếu không đạt thì phạt.

Nhằm khắc phục tình trạng yếu kém trong nhiều hợp tác xã, Huyện ủy chủ trương bồi dưỡng, nâng cao trình độ tổ chức quản lý kinh tế, quản lý hợp tác xã, giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho đảng viên, quần chúng; đồng thời đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát huy vai trò làm chủ tập thể của xã viên, quản lý tốt đất đai, quản lý lao động, tài vụ và phân phối đúng chính sách.

Quán triệt chủ trương đó, huyện tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, xã viên, đẩy mạnh phát triển sản xuất, lấy nội dung kinh tế để củng cố hợp tác xã, đồng thời phát động phong trào thi đua với Hợp tác xã Tiến Thành (xã Tân Thái).

Thông qua các đợt vận động củng cố hợp tác xã, phong trào hợp tác hóa trong huyện có những chuyển biến tốt. Một số hợp tác xã trước tan vỡ nay đã được

khôi phục và đi vào hoạt động. Hợp tác xã Thăng Lợi có biểu hiện tan vỡ đã được củng cố và ổn định. Huyện đã xây dựng thêm 8 hợp tác xã với 308 hộ. Các hợp tác xã Thành Công, Vân Yên, Hà Thượng, Phú Sơn (xã Phú Xuyên) đã tổ chức lại sản xuất, phân vùng đồng ruộng và bước đầu thực hiện được quy mô làm ăn lớn. Công tác quản lý ruộng đất, quản lý tài vụ, quản lý lao động cũng có nhiều tiến bộ. Thông qua phong trào thi đua với Hợp tác xã Tiến Thành, học tập Hợp tác xã Thành Công, nhiều hợp tác xã giải quyết tốt tình trạng xã viên lấn chiếm ruộng đất, thanh toán nợ nần...

Bên cạnh bước chuyển biến tốt, phong trào hợp tác hóa ở Đại Từ vẫn phát triển không đều. Số lượng hợp tác xã tiên tiến còn ít, diện hợp tác xã trung bình và kém còn nhiều, nhất là ở một số xã miền núi. Một số nơi (Khuôn Nanh, Đèo Khế), hợp tác xã tan vỡ vẫn chưa được củng cố. Trình độ quản lý kinh tế tập thể, quản lý hợp tác xã còn yếu. Nhiều hợp tác xã chưa xây dựng được kế hoạch hàng năm, mới chỉ đề ra được kế hoạch từng vụ, độc canh. Việc quản lý và sử dụng đất đai chưa tốt; nhiều nơi còn để ruộng hoang, thậm chí có nơi bỏ hoang 40 - 50 mẫu. Tình trạng lấn chiếm ruộng đất, làm nhà trên diện tích đất canh tác diễn ra khá phổ biến. Vào 6 tháng đầu năm 1974, tình hình hợp tác xã nông nghiệp có nhiều diễn biến phức tạp: 17 xã (trên 50%) có 847 hộ xã viên xin ra hợp tác xã,

chủ yếu ở các xã miền núi (Phú Cường, Na Mao, Phục Linh, Phúc Thọ, Phú Thịnh, Minh Tiến...).

Trước tình trạng trên, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung chỉ đạo phân công cán bộ xuống cơ sở, tổ chức học tập Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ 12 của Đảng bộ huyện. Huyện cũng mở được 4 lớp bồi dưỡng cho 336 cán bộ quản trị hợp tác xã về công tác *Ba khoán*, về chức năng, nhiệm vụ của Ban quản trị và Ban chỉ huy đội sản xuất. Thông qua những biện pháp này, bước đầu huyện đã ngăn chặn được hiện tượng xin ra hợp tác xã, ổn định được 276 hộ nên vẫn giữ được tỷ lệ số hộ xã viên trong năm 1974 là 83%¹. Bước sang năm 1975, phong trào tiếp tục được củng cố, xóa được xã trắng. Mười hợp tác xã tan vỡ được khôi phục². Hầu hết các hợp tác xã đã thu hồi số ruộng đất làm riêng và không đúng chính sách. Tình trạng chi tiêu không đúng nguyên tắc được khắc phục từng bước.

Tuy nhiên, công tác quản lý tư liệu sản xuất, quản lý vật tư, tiền vốn trong các hợp tác xã chưa chặt chẽ. Nhiều hợp tác xã chưa hạch toán được giá thành sản phẩm. Việc ăn chia, phân phối thiếu thống nhất, thiếu công bằng nên xã viên thiếu tin tưởng. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong các hợp tác xã còn nghèo.

¹ Báo cáo tổng kết công tác 6 tháng đầu năm 1974, số 07-BC/HU, ngày 20/6/1974, tr.2, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

² Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/1/1976, tr.4, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Cùng với việc củng cố phong trào hợp tác xã, Đảng bộ huyện Đại Từ rất quan tâm đến công tác thủy lợi. Phong trào cải tạo ruộng đồng được đẩy mạnh. Các xã và hợp tác xã đều có hệ thống mương tưới, mương tiêu chủ động, có bờ vùng kết hợp với giao thông vận tải. Đến năm 1973, huyện đã hoàn thành 3 công trình lớn: đập Thủy Lấn (Phú Thịnh), hồ Lưu Quang (Minh Tiến), đập Vai Làng (Văn Yên). Khối lượng đào đắp các công trình thủy lợi trong 10 tháng năm 1973 tăng 62% so với 10 tháng năm 1972.

Từ năm 1973, Nhà nước đầu tư vốn xây dựng công trình thủy nông hồ Núi Cốc. Để có mặt bằng xây dựng lòng hồ, 55 xóm và đội sản xuất thuộc 4 xã (Lục Ba, Phúc Thọ, Vạn Thọ, Tân Thái) gồm 1.230 hộ (6.617 nhân khẩu), trong đó có 148 hộ dân tộc ít người, 103 hộ Công giáo và 214 hộ đồng bào miền xuôi lên xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa, gần 2.000 học sinh và 1.700 ngôi mộ phải di chuyển đến nơi khác. Ủy ban hành chính huyện phân công 1 đồng chí ủy viên thường trực và 3 cán bộ lãnh đạo huyện cùng 4 cán bộ hợp đồng chuyên trách lo việc tổ chức di dân. Từ huyện đến xã đều thành lập Ban Vận động di dân.

Do tiến hành tốt công tác giáo dục tư tưởng và tổ chức, các cấp bộ Đảng và chính quyền không những vận động đồng bào 4 xã trong vùng lòng hồ nhanh chóng di chuyển mà còn sớm ổn định cuộc sống tại địa điểm mới. Xã Lục Ba đã huy động trên 6.548 ngày

công, khai phá 7 quả đồi (rộng 22ha); mở một con đường dài 3,725km, rộng 3m, trồng 4,1 mẫu chè và 3.500 gốc sắn, thu hoạch 5,025 tấn thóc mố... Xã Phúc Thọ huy động 1.136 ngày công, khai phá 56 mẫu 8 sào, thu hoạch 4,7 tấn thóc mố, 240kg vừng; tra 5 mẫu lúa mố và trồng 6 mẫu sắn¹... Cũng nhờ đó, việc thi công xây dựng hồ Núi Cốc được tiến hành thuận lợi. Hồ gồm 1 đập chính dài 480m và 6 đập phụ. Diện tích mặt hồ rộng 25km². Lòng hồ sâu 23m, dung tích nước là 17.500.000m³. Hồ không chỉ cung cấp nước tưới cho 12.000ha lúa ruộng và 6.900ha cây công nghiệp ở các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên), Phú Bình, Phổ Yên và một phần tỉnh Hà Bắc (nay là 2 tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh), mà còn cung cấp nước cho Khu công nghiệp Gang Thép Thái Nguyên. Ngoài ra, hồ còn là một nguồn cung cấp thủy sản và cũng là nơi nghỉ mát của cán bộ và nhân dân.

Việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, nhất là đưa giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất vẫn tiếp tục được đẩy mạnh. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt năng suất 30 - 69 tạ/ha. Các hợp tác xã Hùng Sơn, Vân Yên do Đảng bộ quyết tâm, kiên trì vận động quần chúng chủ động gieo trồng 60 - 100% giống lúa mới nên đã tạo được bước nhảy vọt, tăng tổng sản lượng từ 100 lên 200 tấn thóc so với vụ đông xuân năm trước.

¹ Báo cáo sơ kết công tác chuyển dân ra khỏi vùng ngập hồ chứa nước Núi Cốc từ tháng 3/1974 đến tháng 6/1975, số 12-TT/UB, ngày 14/7/1975, tr.3.

Năm 1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu rõ: *Đến năm 1973, là phải tự túc được nhu cầu lương thực của tỉnh. Muốn tự túc được lương thực, không có con đường nào khác là phải cách mạng khâu giống lúa và hoa màu...¹.*

Quán triệt nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đại Từ đã có những chuyển biến về chỉ đạo sản xuất, đã nắm tương đối chắc chắn khả năng và điều kiện sản xuất nên đã có sự tính toán và xác định diện tích cấy lúa xuân, chiêm ăn chắc, đã có sự phân công, phân nhiệm của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phụ trách chỉ đạo vùng được sát, cụ thể và kịp thời quyết tâm chỉ đạo để thực hiện các mặt kỹ thuật cấy lúa²... Dù năm 1972 đế quốc Mỹ ném bom trở lại nhưng Đảng bộ Đại Từ đã làm tốt công tác tư tưởng chống chiến tranh bắn phá của Mỹ, bám chắc đồng ruộng để sản xuất³. Huyện đã tích cực đào tạo cán bộ thông qua việc tổ chức các lớp tập huấn cho các cán bộ kỹ thuật và Ban quản trị hợp tác xã. Trong vụ đông xuân 1972 - 1973, Đại Từ mở rộng 50% diện tích cấy giống lúa mới có năng suất cao (N.N8, Trân Châu lùn,

¹ Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/01/1976, tr.4, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

² Báo cáo tổng kết vụ đông xuân 1972 - 1973 và nhiệm vụ đông xuân 1973 - 1974, Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái, số 58/NN/UB, ngày 18/9/1973 (sdd), tr.6.

³ Báo cáo tổng kết vụ đông xuân 1972 - 1973 và nhiệm vụ đông xuân 1973 - 1974, Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái, số 58/NN/UB, ngày 18/9/1973 (sdd), tr.6.

Đài Bắc 8). Các biện pháp kỹ thuật cấy thẳng hàng, làm cỏ, bón phân... tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Năng suất lúa chiêm so với các vụ trước tăng lên, đạt 20 tạ/ha. Một số hợp tác xã tiên tiến (Thành Công, Hà Thượng) đạt 32 tạ/ha.

Căn cứ vào Nghị quyết 26 của Tỉnh ủy, Đảng bộ Đại Từ xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế trong năm 1973 là ra sức đẩy mạnh, phát triển nông nghiệp toàn diện, từng bước tổ chức lại sản xuất mới, trước mắt là cây lúa, cây chè, con lợn nhằm tăng nhanh tổng sản lượng lương thực để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh chăn nuôi, trước hết là lợn và trâu, tạo điều kiện cho những năm sau lên quy mô lớn và trở thành ngành chính¹.

Thực hiện phương hướng trên, trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn do địch bắn phá, Huyện ủy chủ trương đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, phát động phong trào thi đua: *Chiến dịch phản kích Ních-xơn, Đông xuân ra quân thắng Mỹ, Vụ mùa bốn nhất...* Thông qua đó, nhân dân quyết tâm làm thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng, làm phân bón, cấy thẳng hàng... Diện tích cấy lúa cũng như tổng sản lượng lương thực đều tăng hơn năm trước². Đến

¹ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị 1973 của Huyện ủy Đại Từ, ngày 3/11/1973, tr.1.

² So với năm 1972, diện tích cấy lúa năm 1973 vượt 1,6%, tổng sản lượng lương thực tăng 1,2%.

năm 1975, toàn huyện có 18 hợp tác xã đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha gieo trồng. Tổng sản lượng thóc đạt 27.657 tấn.

Ngành chăn nuôi của huyện Đại Từ đã được đẩy mạnh từ trước vẫn tiếp tục được duy trì. Nếu như năm 1964, toàn huyện chỉ có 1 cơ sở chăn nuôi lợn tập thể, đến năm 1969 đã có 25 cơ sở và 7 cơ sở chăn nuôi bò tập thể. Vào thời điểm này, đàn lợn của huyện có 24.710 con, bình quân 2,2 con/hộ (tăng 126% so với năm 1964), đàn trâu có 13.043 con (tăng 120% so với năm 1964), không kể cung cấp hàng ngàn con cho miền xuôi; đàn bò có 187 con (tăng 5 lần so với năm 1964).

Nhằm phát huy thế mạnh chăn nuôi của Đại Từ, Huyện ủy đề ra phương hướng chăn nuôi trong thời gian trước mắt là mở rộng và củng cố các cơ sở chăn nuôi tập thể một cách vững chắc, đồng thời khuyến khích và đẩy mạnh chăn nuôi gia đình.

Thực hiện phương hướng trên, trong 2 năm (1970 - 1971), phong trào chăn nuôi của Đại Từ tiếp tục được phát huy. Nhiều hợp tác xã tiên tiến và khá, tiêu biểu là Hợp tác xã Thành Công đã xây dựng được quy trình kỹ thuật chăn nuôi. Năm 1973, hợp tác xã đã đi vào thực hiện *Ba khoán* và hạch toán chăn nuôi, đàn lợn thường xuyên có trên 300 con; hàng năm cung cấp trên dưới 400 tấn phân chuồng, trên 1.000 con lợn giống cho xã viên và các

hợp tác xã khác, đồng thời cung cấp 10 tấn thịt cho Nhà nước¹.

Trong 6 tháng đầu năm 1974, tình hình chăn nuôi của huyện gặp nhiều khó khăn do bệnh tụ huyết trùng và bệnh đóng dấu xảy ra kéo dài và lan rộng khắp các xã. Dịch bệnh đã làm chết 1.534 con lợn. Đàn trâu cũng chết 325 con vì già yếu.

Trước tình hình trên, Đại Từ đã có nhiều biện pháp khắc phục kịp thời nên bước đầu nâng tổng số đàn lợn và trâu cao hơn năm trước. Tính đến ngày 1/10/1975, đàn lợn của huyện có 33.248 con, đàn trâu có 15.053 con. Mặc dù vậy, cho đến lúc này, Đại Từ vẫn chưa giải quyết được lợn giống, cũng chưa giải quyết khâu thức ăn cho chăn nuôi một cách vững chắc. Mạng lưới thú y từ huyện xuống xã và các hợp tác xã chưa được củng cố. Việc kiểm tra, đôn đốc và phát hiện dịch bệnh chưa kịp thời. Các hợp tác xã chưa tận dụng được ao, hồ, đầm để nuôi cá và chăn nuôi vịt đàn, vịt nuôi theo vụ để tăng thu nhập cho xã viên.

Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trong những năm 70, Đại Từ cũng chú ý xây dựng và phát triển thủ công nghiệp. Năm 1973, Huyện ủy đề ra phương hướng phát triển nông nghiệp phải gắn liền với phát triển thủ công nghiệp, tận dụng mọi khả năng có sẵn của địa phương để đẩy mạnh phát triển thủ công

¹ Báo cáo tổng kết hợp tác xã tiên tiến và khá của Ủy ban Hành chính tỉnh tại Đại hội các hợp tác xã tiên tiến và khá lần I, sđd, tr.7.

nghiệp, trực tiếp phục vụ cho nông nghiệp, cho kiến thiết và cho đời sống của nhân dân.

Thực hiện phương hướng trên, giá trị tổng sản lượng thủ công nghiệp 9 tháng đầu năm 1973 đạt 1.009.023 đồng, trong đó giá trị sản lượng của các hợp tác xã thủ công nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp có nghề thủ công là 977.593 đồng, của thủ công cá thể là 31.430 đồng¹. Trong khu vực sản xuất thủ công nghiệp chuyên nghiệp gồm có tổ rèn, tổ mộc, Hợp tác xã Hợp Thành đã đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng như cào cỏ, liềm, hái, đáp ứng một phần cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng của nhân dân.

Tuy nhiên, ngành thủ công nghiệp của Đại Từ trong những năm này phát triển không vững chắc và gặp nhiều khó khăn. Hợp tác xã nón lá trong 2 năm không có nguyên liệu, một số xã viên phải chuyển sang đan cót nhưng nguyên liệu vẫn phải mua ngoài mà sản phẩm lại bán cho Nhà nước theo giá chỉ đạo. Do thiếu nguyên liệu và phương tiện vận chuyển gặp nhiều trở ngại nên một số ngành công nghiệp ở địa phương như cơ khí, phốt phát Núi Vãn, vôi liên hoàn phải tự giải thể. Trong năm 1974, toàn huyện có 9 hợp tác xã thủ công nghiệp tập trung ở thị trấn Đại Từ, giá trị tổng sản lượng 6 tháng đầu năm chỉ đạt 208.000đ (đạt 38% kế hoạch). Ngoài số hợp tác xã công nghiệp chuyên

¹ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1973 của Huyện ủy Đại Từ, ngày 3/11/1973, tr.15.

nghiệp, huyện có 22 hợp tác xã nông nghiệp kiêm thủ công nghiệp với 37 lò gạch, 11 lò vôi¹. Sang năm 1975, ở khu vực thôn chỉ có 2 lò vôi hoạt động, sản xuất được 315 tấn (đạt 28% kế hoạch) và 35 lò gạch sản xuất được 4 triệu viên (đạt 67% so với năm 1974²).

Ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa của huyện Đại Từ trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ngày càng phát huy được vai trò quan trọng trong lưu thông phân phối. Năm 1964, Đại Từ chỉ có 14 xã có cửa hàng, đến năm 1969, tất cả có 30 xã đều có cửa hàng hợp tác xã mua bán. Một số xã đã đưa quầy hàng về các thôn, xóm.

Từ những năm 70, mật dịch quốc doanh đẩy mạnh hoạt động, khai thác được các nguồn hàng của địa phương và tổ chức tốt việc thu mua lương thực, thực phẩm phục vụ đời sống và sản xuất. Cửa hàng bách hóa thực hiện bán ra tuy mới đạt 93,2% kế hoạch nhưng đã phân phối đúng đối tượng. Thái độ phục vụ của nhân viên cửa hàng và việc bảo quản tiền, hàng có nhiều chuyển biến tốt. Hợp tác xã mua bán thực hiện tốt chức năng đại lý bán lẻ, thu mua, mở rộng diện bán ra, mua vào ở các cơ sở. Bộ máy quản lý được củng cố. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được đẩy mạnh nên từng bước khắc phục được tình trạng thiếu hụt tiền, hàng.

¹ Báo cáo tổng kết 6 tháng đầu 1974, số 07-BC/HU, ngày 20/6/1974.

² Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/1/1976, tr.4, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Dù có nhiều cố gắng nhưng có những lúc ngành thương nghiệp huyện vẫn không khắc phục được tình trạng thiếu hàng, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân.

Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện và cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn, lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế của huyện Đại Từ đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ngay sau khi đế quốc Mỹ tuyên bố ngừng ném bom bắn phá, nhất là sau ngày ký kết Hiệp định Pa-ri (ngày 27/1/1973), nhiều xã đã tu sửa và xây dựng hệ thống trường lớp. Toàn huyện làm mới được 567 phòng học, trong đó có nhiều phòng học bán kiên cố; đóng thêm được 582 bộ bàn ghế và 55 bảng đen. Cùng với số tiền do Nhà nước đầu tư (20.000 đồng), nhân dân trong huyện đã đóng góp 246.016 đồng để xây dựng trường học, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành giáo dục địa phương phát triển. Tính đến năm học 1972 - 1973, tổng số học sinh các cấp trong toàn huyện là 30.100 em, trung bình 2,5 người dân có một người đi học. Số học sinh cấp I thi đỗ đạt 91,2%, cấp II đạt 92,2% và cấp III đạt 76,6%. Trường Phổ thông cấp III Đại Từ là đơn vị khá nhất của ngành giáo dục tỉnh Bắc Thái¹.

Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh. Hệ thống truyền thanh của huyện xuống 6 xã được

¹ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1973 của Huyện ủy Đại Từ - Tài liệu đã dẫn - tr.20, 21.

duy trì, tích cực tuyên truyền tin chiến thắng kết hợp với các trọng tâm công tác do cấp ủy đề ra. Việc triển khai chỉ thị 214 và quy ước về việc tổ chức ma chay, cưới xin theo nếp sống mới được quán triệt trong toàn Đảng bộ và các đoàn thể quần chúng. Tính đến năm 1975, toàn huyện có 23 xã lập được Ban Vận động thực hiện nếp sống mới, nếp sống văn minh và xây dựng quy ước ma chay, cưới xin trong mỗi đơn vị.

Công tác y tế được đặc biệt quan tâm. Trong năm 1973, huyện đã đầu tư xây dựng 29 trạm xá xã, trong đó có 10 trạm xá được xây dựng bằng gạch ngói. Mạng lưới y tế từ huyện đến xã, hợp tác xã và đội sản xuất được mở rộng và đi vào hoạt động thường xuyên. Toàn huyện có 27 y sĩ thường trực ở 24 trạm xá xã, 75 cán bộ y tế, hộ sinh và dược tá, 500 y tá ở các hợp tác xã và đội sản xuất. Bệnh viện huyện đã nâng cao chất lượng điều trị và tinh thần phục vụ bệnh nhân, biết kết hợp chữa bệnh bằng phương pháp đông - tây y kết hợp, khai thác dược liệu địa phương để chữa bệnh cho nhân dân.

Tuy nhiên, trong công tác đầu tư, chăm lo bảo vệ sức khỏe của cán bộ và nhân dân, huyện gặp một khó khăn lớn là thiếu thuốc, kể cả thuốc thông thường. Việc kết hợp phòng và chữa bệnh, khám và phát thuốc, bán thuốc có lúc chưa tốt, chưa tạo điều kiện phục vụ người bệnh.

Song song với nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ vẫn tích

cực chuẩn bị đối phó với âm mưu và hành động chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Đòn tiến công chiến lược xuân - hè 1972 của quân và dân miền Nam đã đặt chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* của đế quốc Mỹ trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn. Để cứu vãn tình thế đó, đế quốc Mỹ âm mưu *Mỹ hóa* trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, đồng thời liền lĩnh gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta.

Từ ngày 6/4/1972, máy bay Mỹ ném bom bắn phá một số địa phương thuộc khu IV cũ. Ngày 24/5/1972, máy bay Mỹ ném 12 quả bom và bắn một loạt đạn rốc két xuống nhà máy điện Thái Nguyên, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên địa phận tỉnh Bắc Thái.

Trước sự chuyển biến của tình hình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương củng cố các lực lượng vũ trang, thành lập lại các phân đội, cụm chiến đấu, tổ chức các tổ phục kích, cơ động, đón lộng máy bay địch. Ngày 19/4/1972, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái ra chỉ thị *Tăng cường công tác sẵn sàng chiến đấu, phòng không nhân dân trong tình hình hiện nay*. Ngày 20/4/1972, Tỉnh ủy ra chỉ thị *Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng không và tổ chức tốt công tác sẵn sàng chiến đấu*. Tiếp đó, trong hai ngày 24 và 25/4/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp kiểm tra lại toàn bộ phương án tác chiến và

kế hoạch phòng tránh, đồng thời chỉ thị cho các huyện, thành *Phải gấp rút tổ chức sơ tán, phân tán, giảm bớt mật độ dân số quá đông ở khu vực trọng điểm, đồng thời phải đảm bảo tốt sản xuất và phục vụ chiến đấu.*

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh, Đảng bộ huyện Đại Từ đi sâu lãnh đạo tốt công tác chuẩn bị chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Rút kinh nghiệm của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, lực lượng trực chiến phòng không của dân quân các xã Hà Thượng, Hùng Sơn, Vân Yên gồm 10 khẩu đội súng máy cao xạ, 3 khẩu đội đại liên được bố trí thành 3 cụm trận địa tại các xã Văn Lãng, Ký Phú, Vân Yên, do một đồng chí Chỉ huy phó Huyện đội phụ trách. Các đơn vị dân quân tự vệ các xã tích cực luyện tập bắn máy bay. Hệ thống hầm, hào và trận địa chiến đấu được củng cố.

Phong trào xung phong tòng quân tiếp tục diễn ra sôi nổi trong thanh niên. Có những đợt tuyển quân tiến hành vào thời điểm thu hoạch ở nông thôn, nhưng do cấp ủy lãnh đạo tốt nên việc tổ chức giao quân diễn ra nhanh gọn, chu đáo. Trong các đợt tuyển quân, Đại Từ luôn luôn là một đơn vị đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Tính chung, từ năm 1969 đến năm 1975, đã có 3.316 thanh niên nhập ngũ¹ và lên đường vào Nam

¹ Báo cáo tổng kết công tác động viên tuyển quân 10 năm (1965 - 1975) chống Mỹ, cứu nước, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ, tài liệu đã dẫn, tr.3.

chiến đấu. Nhiều người con của quê hương Đại Từ đã anh dũng hy sinh trên chiến trường miền Nam.

Ngoài nhiệm vụ chi viện sức người cho chiến trường miền Nam, Đại Từ còn luôn hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Riêng năm 1972, dù trong hoàn cảnh chiến tranh do Mỹ ném bom bắn phá trở lại nhưng Đại Từ vẫn huy động được lương thực vượt mức chỉ tiêu trên giao.

Những thành tích của quân và dân Đại Từ trong chiến đấu và sản xuất cũng là kết quả của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo mọi mặt hoạt động ở địa phương. Nhiều đảng viên tận tụy gắn bó với quần chúng. Các chi bộ: Thành Công, Tiến Thành và Đảng bộ xã Vân Yên... đã phân công đảng viên đi vào từng khâu để giải quyết dứt điểm, kiên quyết đưa hợp tác xã tiến lên.

Để tạo điều kiện cho đảng viên phát huy được vai trò lãnh đạo, Huyện ủy quan tâm đến việc bồi dưỡng trình độ văn hóa, trình độ quản lý và kiến thức khoa học cho đảng viên. Ngoài việc duy trì tốt phong trào bổ túc văn hóa, Huyện ủy thường xuyên mở nhiều lớp tập huấn kỹ thuật gieo trồng lúa xuân, làm bè hoa dâu cho đảng viên và đội trưởng đội sản xuất. Các hội nghị bồi dưỡng công tác *Ba quản, ba khoán* cho cán bộ chủ chốt và đảng viên cũng được tổ chức.

Năm 1968, Đại Từ phát động phong trào toàn dân xây dựng Đảng, vận động quần chúng tốt phê bình đảng

viên và giới thiệu đảng viên tốt vào cấp ủy. Biện pháp này đã có tác dụng rất lớn trong việc củng cố, xây dựng Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng. Những biểu hiện quan liêu, hống hách trong một số cán bộ, đảng viên từng bước được khắc phục. Hiện tượng chây lười công tác, vi phạm phẩm chất đạo đức, đường lối, chính sách của Đảng đã giảm dần. Chất lượng đảng viên và các tổ chức Đảng được nâng lên¹.

Năm 1972, là đơn vị được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thí điểm triển khai, Huyện ủy Đại Từ tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6/3/1970 của Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên *lớp Hồ Chí Minh* và Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư Trung ương về *việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh*. Đảng bộ coi đó là nội dung cơ bản bảo đảm việc gắn công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trong năm này, Đảng bộ mở

¹ Năm 1964:

- Đảng viên: Khá + tốt (56%), trung bình (32%), kém (8,7%), quá kém (1,93%).

- Chi bộ: Bốn tốt (22,2%), khá (36,9%), trung bình (31,9%), kém (9%).

- Đảng ủy: Bốn tốt (4), khá (8), trung bình (11), kém (7).

Năm 1969:

- Đảng viên: Khá + tốt (68,6%), trung bình (28,2%), kém (2,1%), quá kém (0%).

- Chi bộ: Bốn tốt (43%), khá (26,8%), trung bình (23,6%), kém (6%).

- Đảng ủy: Bốn tốt (9), khá (4), trung bình (7), kém (0).

nhiều hội nghị chuyên đề bàn về công tác xây dựng Đảng. Thông qua đó, Đảng bộ đúc rút được nhiều kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng và đề ra được chủ trương, biện pháp củng cố tổ chức Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên nâng cao được tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình công tác, vững vàng trước mọi diễn biến phức tạp của tình hình, nâng cao ý chí phấn đấu vượt qua mọi khó khăn trong hoàn cảnh có chiến tranh.

Trong khu vực nông thôn, các cấp bộ Đảng đã gây dựng được phong trào *Hội nghị Diên Hồng* của phụ lão, *Trung Trắc phát cờ, phụ nữ Đại Từ 5 mũi tiến công*. Những phong trào đó có tác dụng nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, động viên được khí thế lao động sản xuất và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với Tổ quốc. Nhiều chi bộ từ trung bình, yếu kém đã vươn lên thành chi bộ khá, tốt, điển hình là Chi bộ Tiến Thành (xã Tân Thái). Từ một chi bộ trung bình, Tiến Thành đã vươn lên thành một chi bộ *bốn tốt*; lãnh đạo nông nghiệp theo hướng thâm canh tốt, sản lượng tăng, do đó hằng năm đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước vượt chỉ tiêu kế hoạch; tuyển quân các đợt đều vượt mức. Trong đảng viên và quần chúng không có ai lấn chiếm ruộng đất, nợ nần dây dưa; tất cả đảng viên đều có công tác và đời sống khá. Chi bộ được coi là một điển hình mẫu về phát huy vai trò lãnh đạo và tính tiên phong gương mẫu.

Sau ngày Hiệp định Pa-ri được ký kết, hòa bình lập lại trên miền Bắc, Đảng bộ coi trọng việc rèn luyện, bồi dưỡng đảng viên về mọi mặt chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế nhằm nâng cao chất lượng của đảng viên và chất lượng lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, xác định rõ vị trí của chi bộ, đảng viên trong tình hình mới, làm cho chi bộ và đảng viên trở thành hạt nhân lãnh đạo vững chắc ở nông thôn.

Nhằm vào phương hướng trên, công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng bộ gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, thực hiện ba cuộc cách mạng ở nông thôn. Huyện ủy chủ trương phát động các chiến dịch *Phản kích Ních - xon; Thi đua với hợp tác xã Tiến Thành; Mùa xuân đại thắng; cả huyện biết ơn; Vụ mùa bốn nhất...* Trong năm 1973, huyện tổ chức 3 đợt học tập, mỗi đợt từ 4 đến 10 ngày. Thông qua học tập, nhiều chi bộ đã xác định được nhiệm vụ chính trị, phương hướng sản xuất của hợp tác xã và đi vào tổ chức lại sản xuất, từng bước đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Bước vào năm 1975, Huyện ủy xác định nội dung chủ yếu trong công tác xây dựng Đảng là tập trung lãnh đạo cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192, Nghị quyết 228, Nghị quyết 24 của Trung ương Đảng. Kết hợp việc học tập các nghị quyết trên, Huyện ủy phát động phong trào thi đua *Miền Nam vùng lên, Đại Từ*

đồng khởi và phong trào Vụ mùa đại thắng nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, củng cố hợp tác xã, nhất là những nơi yếu kém.

Thông qua học tập Chỉ thị 192 và Nghị quyết 24, những đảng viên có đủ năng lực và uy tín được đưa vào cấp ủy; trong đó cán bộ trẻ chiếm 31%. Đội ngũ đảng viên được sàng lọc: 241 đảng viên trên tổng số 2.848 đảng viên bị thi hành kỷ luật, trong đó có 85 người bị đưa ra khỏi Đảng¹. Chất lượng nhiều tổ chức Đảng và đảng viên được nâng lên. Đại đa số đảng viên phát huy được vai trò lãnh đạo, quyết tâm khắc phục khó khăn, vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị. Nhờ có sự hoạt động tích cực và vai trò xung phong gương mẫu của đảng viên, trong năm 1975, Đại Từ đã khôi phục được 10 hợp tác xã bị tan vỡ từ trước và đưa 357 hộ trở lại hợp tác xã².

Cùng với công tác xây dựng Đảng, Huyện ủy Đại Từ chú trọng đến việc củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Thông qua các khóa bầu cử, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân từ huyện xuống xã ngày càng phát huy được vai trò và năng lực trong quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch, động viên được nhân dân các dân tộc đoàn kết, phấn khởi sản xuất và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tuy vậy,

¹ Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/1/1976, tr.8, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

² Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/1/1976, tr.8, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

phân công nhiệm vụ giữa Đảng và chính quyền có lúc, có nơi chưa rõ ràng. Ở một số nơi, Ủy ban Hành chính chưa đi sâu, đi sát tổ chức quản lý kinh tế, trực tiếp giúp đỡ hợp tác xã. Xuất phát từ thực tế này, trong những năm sau, Đảng bộ đã tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn cho các cán bộ chủ chốt ở cấp xã. Những đảng viên có phẩm chất, tư cách tốt, có năng lực và đầy đủ uy tín được đưa sang nắm giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền.

Được sự chỉ đạo của Đảng bộ, các đoàn thể quần chúng trong huyện ngày càng phát huy được vai trò tổ chức và động viên quần chúng tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Đoàn Thanh niên tổng kết phong trào *Ba sẵn sàng* và phát động phong trào *Tình nguyện lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*. Mỗi đoàn viên, thanh niên đều tự nguyện thực hiện công thức “8+2” và 42 giờ lao động cộng sản. Trong phong trào *Ba sẵn sàng*, hàng nghìn thanh niên tình nguyện lên đường chiến đấu, vượt mức chỉ tiêu trên giao; số thanh niên tình nguyện đi lao động xây dựng Tổ quốc cũng vượt 8,5% mức tỉnh giao¹.

Đoàn Thanh niên cũng là lực lượng xung kích, luôn đi đầu trong việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đảm bảo tốt khâu xử lý

¹ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị 1973 của Huyện ủy Đại Từ, tài liệu đã dẫn, tr.3.

giống, xây dựng khu đồng 5 tấn. Phong trào làm phân, chế biến phân cũng được đẩy mạnh, trong đó hăng hái nhất là lực lượng thanh niên. Tính riêng trong năm 1973, thanh niên Đại Từ đã làm được 379.290kg phân; nhiều thanh niên làm phân bón đạt từ 5 tấn trở lên. Phong trào làm bèo hoa dâu phần lớn đều do thanh niên đảm nhận.

Trong những năm 1974 - 1975, Đoàn Thanh niên tập trung chỉ đạo sinh hoạt chính trị, hướng vào chủ đề Đoàn với việc xây dựng quê hương đổi mới, đất nước mạnh giàu. Huyện đoàn liên tiếp phát động các phong trào thi đua *Ba giỏi*¹, thi đua *Tình nguyện vượt mức kế hoạch* đi liền với việc củng cố cơ sở đoàn yếu kém.

Kết hợp với các ngành, các cấp, Đoàn Thanh niên Đại Từ còn làm tốt công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Riêng trong năm 1973, toàn huyện có 5.783 cháu đạt danh hiệu *Cháu ngoan Bác Hồ* và thành lập được 192 đội chăn trâu, bò.

Hội Phụ nữ Đại Từ với phong trào *Ba đảm đang* đã phát huy được vai trò quan trọng trong mọi mặt hoạt động. Các cấp Hội đã động viên chị em làm tốt nhiệm vụ sản xuất, cấy thẳng hàng, cấy kịp thời vụ, chăn nuôi gia đình. Chị em còn động viên được chồng, con đi bộ đội và đi xây dựng cơ bản, vận động thực

¹ Giỏi lao động, giỏi kỹ thuật, giỏi làm phân.

hành tiết kiệm lương thực, thực phẩm, nông sản. Hội Phụ nữ tổ chức cho chị em học tập Nghị quyết Đại hội Phụ nữ Việt Nam lần thứ IV (4 - 7/3/1974), xây dựng người phụ nữ mới, vận động chị em tham gia phong trào thi đua sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội cũng đặc biệt quan tâm đến việc củng cố các nhóm trẻ và nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

Hội Phụ lão thường xuyên duy trì được phong trào *Phụ lão Diên Hồng*, động viên con cháu đi bộ đội và lao động xây dựng Tổ quốc.

Tóm lại, trong giai đoạn 1954 - 1965, Đảng bộ huyện Đại Từ đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, lãnh đạo nhân dân trong huyện giành nhiều thắng lợi: Hoàn thành công tác sửa sai trong cải cách ruộng đất; khôi phục, phát triển và cải tạo kinh tế - xã hội (Đại Từ là địa phương đầu tiên trên miền Bắc được Trung ương và tỉnh chỉ đạo xây dựng thí điểm hợp tác xã nông nghiệp); hoàn thành nhiệm vụ thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Trong giai đoạn quan trọng, ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975), khi đế quốc Mỹ trực tiếp tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ quy mô lớn vô cùng tàn khốc ở miền Nam, mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc, song trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, Đảng bộ huyện Đại Từ vẫn luôn vững vàng lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện hoàn thành xuất sắc

nhệm vụ mà các nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện đề ra; đồng thời tích cực đẩy mạnh sản xuất, từng bước cải thiện đời sống nhân dân và làm tròn nghĩa vụ đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Trải qua những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, trong vai trò lãnh đạo, tổ chức nhân dân vừa sản xuất, vừa trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Đảng bộ Đại Từ đã trưởng thành về nhiều mặt. Đây là một trong những yếu tố quan trọng, có tính quyết định, để sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng bộ huyện Đại Từ tiếp tục lãnh đạo nhân dân địa phương thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG IV
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN
HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ
TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
(1975 - 1986)

I. Phát triển kinh tế - xã hội, chi viện các tỉnh biên giới chiến đấu bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1980)

Thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Vui mừng vô hạn trước sự chuyển mình lớn lao của đất nước và quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ bắt tay vào việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, góp phần cùng nhân dân tỉnh Bắc Thái, nhân dân cả nước hoàn thành thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Với sự quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo tích cực của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và sự nỗ lực của toàn dân, Đại Từ đã giành được một số kết quả.

Về kinh tế: Tuy gặp nhiều khó khăn về thời tiết làm ảnh hưởng đến việc thâm canh gieo trồng, song

tổng diện tích cây lương thực ở Đại Từ vẫn đạt và vượt so với năm trước. Năm 1975, do vụ chiêm mất mùa nên năng suất lúa cả năm đạt được 47,8 tạ/ha; tổng sản lượng 27.657 tấn, đạt 98,3% kế hoạch¹. Diện tích gieo trồng cây thực phẩm, hoa màu năm 1976 đều tăng hơn so với năm 1975 từ 25 - 30%². Đáng chú ý là, do nhận thức rõ giá trị kinh tế của cây công nghiệp, lâm nghiệp, Huyện ủy đã chỉ đạo gieo trồng theo quy hoạch, theo vùng. Diện tích trồng chè năm 1975 đạt 203% so với năm 1974. Lực lượng quốc doanh khai thác gỗ được 108.000 cây, đạt 180% kế hoạch và bằng 123% so với năm trước³.

Tình hình chăn nuôi gia cầm ngày càng phát triển ở cả hai khu vực. Gia đình và tập thể. Nhiều hợp tác xã đã từng bước đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính với sự đầu tư về cơ sở vật chất và chuyên môn có chất lượng tốt. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1976, toàn huyện có 30.742 con lợn, đạt 85,3% kế hoạch⁴. Đại Từ đứng vị trí thứ hai trong tỉnh về số lượng cơ sở chăn nuôi và đầu lợn. Tuy chưa đạt kế hoạch, song nhìn chung sự phát triển chăn nuôi, nhất

¹ Báo cáo công tác năm 1976 của huyện Đại Từ, HS 335 - C.33, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

² Báo cáo công tác năm 1976, HS335 - C.33, tr.1, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

³ Báo cáo công tác năm 1975 của Huyện ủy Đại Từ, tr.2-3, HS335 - C.33, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

⁴ Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 1976 - T2 - HS1939, tr.3 - Tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh

là chăn nuôi lợn, bước đầu đã đáp ứng một phần nhu cầu thực phẩm trong huyện và hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Mặc dù đời sống vật chất còn nhiều khó khăn nhưng nhân dân các dân tộc Đại Từ luôn phấn đấu để hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Ngay trong những tháng đầu sau ngày thống nhất đất nước, huyện đã tổ chức *Ngày hội mừng chiến thắng* để đưa thóc vào kho Nhà nước được 40.337kg; thực phẩm bán tăng hơn quý I là 87,9%¹. Ngoài ra, huyện Đại Từ đã cho Nhà nước vay 204.068kg thóc và ủng hộ 5.235kg. Nhiều nơi còn tổ chức giúp đỡ các địa phương kết nghĩa dưới nhiều hình thức để giải quyết khó khăn trước mắt sau ngày giải phóng. Riêng hợp tác xã Khánh Hòa (xã Hà Thượng) đã cho Nhà nước vay 12.500kg lương thực, bán 2.500kg lợn và chọn 2 trâu tốt cùng một số cày bừa để ủng hộ đồng bào tỉnh Khánh Hòa kết nghĩa².

Phong trào hợp tác xã trong nửa sau những năm 70 tương đối ổn định. Toàn huyện có 80 hợp tác xã, gồm 12.299 hộ, chiếm 91,22% (tăng 4,5% so với năm

¹ Báo cáo sơ kết công tác Mặt trận 6 tháng đầu và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 1975, ngày 24/6/1975 - tr.5 - HS5000 - C.53, lưu trữ tại Tỉnh ủy.

² Báo cáo sơ kết công tác Mặt trận 6 tháng đầu và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 1975, ngày 24/6/1975 - tr.4,5 - HS500 - C.53, lưu trữ tại Tỉnh ủy.

1975)¹. Qua các đợt củng cố, hợp nhất, nhiều hợp tác xã đi vào làm ăn sản xuất có hiệu quả, quản lý và thực hiện tốt “ba khoán”. Đời sống của xã viên ngày càng được cải thiện.

Tuy kinh tế còn gặp một số khó khăn nhưng văn hóa - giáo dục vẫn được giữ vững. Tổng số học sinh toàn huyện đến năm 1976 có 29.744 em, bình quân 2,9 người có 1 người đi học². Nhiều xã đẩy mạnh phong trào xây dựng trường lớp, đóng bàn ghế cho học sinh, giáo viên. Đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng thường xuyên về tư tưởng chính trị, chuyên môn để nâng cao chất lượng dạy học.

Công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ và nhân dân luôn được quan tâm, 28 trạm xá xã hoạt động đều. Một số bệnh dịch như tiêu chảy, kiết lỵ... sớm được phát hiện và kịp thời dập tắt.

Sau khi chiến tranh kết thúc, việc giải quyết chế độ đãi ngộ cho các đối tượng trong diện chính sách trở thành một vấn đề lớn của xã hội. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện, các phòng, ban chuyên môn đã từng bước tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, góp phần động viên cán bộ và nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội.

¹ Báo cáo công tác năm 1976 - tr.3 - HS335 - C.53 - Tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

² Báo cáo công tác năm 1976 - tr.6 - HS335 - C.53 - Tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ gặp không ít khó khăn. Từ nền sản xuất nhỏ đi lên, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, trình độ dân trí thấp, tuy kinh tế đã có những bước phát triển, song năng suất và sản lượng chưa cao. Sự phát triển của nền kinh tế trong huyện chưa toàn diện và chưa vững chắc. Cũng vì thế, đời sống của nhân dân còn thấp kém. Việc huy động và thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm nhiều năm không đạt kế hoạch. Nhiều hợp tác xã tồn tại chỉ là hình thức, không có khả năng quản lý kinh tế và điều hành kế hoạch sản xuất, làm cản trở quá trình tổ chức và thực hiện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Ngày 14/12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã khai mạc tại Hà Nội. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khóa III) trình bày tại Đại hội đã đánh giá một cách toàn diện, sâu sắc thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đại hội nêu rõ sự tất yếu và tầm quan trọng của việc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội: *Ngày nay, Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập thì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một, Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát khỏi cảnh bị áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu để sống một cuộc đời no cơm, ấm áo, ngày mai được đảm bảo một cuộc đời văn minh, hạnh phúc... Có chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới*

*có kinh tế hiện đại, văn hóa, khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh; do đó đảm bảo cho đất nước vĩnh viễn độc lập, tự do và ngày càng phát triển phồn vinh*¹.

Trên cơ sở phân tích đặc điểm của nước ta trong thời kỳ quá độ, Đại hội đề ra đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế của cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời thông qua phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) với mục tiêu là “Phát triển và cải tạo kinh tế - văn hóa, phát triển khoa học - kỹ thuật” nhằm xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội cũng như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Đại hội đại biểu Đảng bộ Bắc Thái lần II (vòng 2) là nguồn cổ vũ, động viên nhân dân các dân tộc Đại Từ trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hơn thế, kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là kế hoạch dài hạn đầu tiên mở đầu giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nó có một ý nghĩa, vị trí hết sức quan trọng cả về chính trị và kinh tế. Nhận thức được điều đó, với kinh nghiệm có

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, tr.40-41. Nxb. Sự thật.

được trong quá trình thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân huyện Đại Từ đã quyết tâm thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

Quán triệt đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa của Trung ương Đảng, trước mắt là kế hoạch 5 năm, Đảng bộ huyện Đại Từ đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là: *Ra sức giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý chí chiến đấu của cán bộ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động nhằm thực hiện được bốn thế mạnh là lương thực, chăn nuôi, cây công nghiệp và nghề rừng theo hướng: tập trung chuyên canh và thâm canh, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, giữ gìn trật tự trị an xã hội, đảm bảo thật tốt yêu cầu của Nhà nước và đời sống của nhân dân phải được cải thiện rõ rệt cả về ăn ở, sức khỏe và học hành, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa và sau kế hoạch 5 năm này Đại Từ phải trở thành pháo đài của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa¹.*

Để đạt được mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ của Đảng bộ Đại Từ đề ra, thực hiện phương châm coi phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trung tâm trong

¹ Phương hướng 5 năm (1976 - 1980) và nhiệm vụ 2 năm (1977 - 1978) của Huyện ủy Đại Từ, tr.4, HS333 C33, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

giai đoạn 5 năm phát triển kinh tế xã hội, các cấp ủy Đảng, chính quyền trong huyện đã nỗ lực đầu tư công sức cho việc củng cố phong trào hợp tác hóa, quy hoạch, phân vùng và tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Dưới sự chỉ đạo của tỉnh, nhằm triển khai kịp thời Nghị quyết số 45-NQ/BT ngày 14/4/1976 và Nghị quyết số 46- NQ/BT ngày 8/6/1976 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về mở rộng cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước quản lý nông lâm nghiệp từ cơ sở, theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Huyện ủy Đại Từ đã mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quy hoạch tại 7 xã và trực tiếp chỉ đạo xây dựng phương án để rút kinh nghiệm cho việc thực hiện. Trong năm 1976, Huyện quy hoạch được 17 xã (trong tổng số 28 xã được quy hoạch của tỉnh)¹. Đến năm 1978, với 23 xã được quy hoạch, Đại Từ là huyện có thành tích cao nhất trong phong trào của tỉnh về công tác quy hoạch.

Song song với công tác quy hoạch, phân vùng sản xuất, Huyện ủy và Ủy ban Hành chính huyện Đại Từ tích cực, tiếp tục chỉ đạo di chuyển dân ở 4 xã: Tân Thái, Vạn Thọ, Lục Ba, Phúc Thọ ra khỏi vùng lòng hồ Núi Cốc... Nhận thấy giá trị cũng như tiềm năng to lớn về kinh tế, du lịch của công trình đại thủy nông Núi Cốc, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ nói chung, 4

¹ Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 1976, T3 - 4, HS2037, F3, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

xã vùng lòng hồ nói riêng đã nhanh chóng di chuyển đến vùng dân cư mới để sinh sống, lập nghiệp. Đến cuối năm 1976, việc di chuyển dân đạt 67% kế hoạch¹.

Ngoài ra, Huyện ủy và chính quyền huyện Đại Từ còn tổ chức chu đáo công tác tiếp nhận hàng nghìn đồng bào miền xuôi tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi. Tại các vùng dân cư mới thuộc các xã Phục Linh, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Cường, với sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước (386.078 đồng), huyện đã thành lập các hợp tác xã chuyên canh, xây dựng nhà kho, trường học, trạm xá, cửa hàng mua bán và làm đường giao thông². Nhìn chung, đời sống của nhân dân căn bản ổn định và đi vào khai hoang sản xuất.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, phong trào làm giao thông phát triển khá. Hầu hết các xã trong huyện đều huy động hàng ngàn ngày công làm đường và sửa chữa cầu cống. Trận lụt năm 1978 đã phá hỏng nhiều công trình giao thông. Huyện đã huy động đào đắp được 38.000m³ đất đá, tổng ngày công đạt 45.800 công, khôi phục được lại 84 công trình³. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, huyện Đại Từ đã mở được một số tuyến đường vào vùng sâu, vùng kinh tế mới ở: Phục Linh, Lục Ba, Cát Nê, Phú Lạc, Hà Thượng... Đến cuối năm 1978, ngoài 6 tuyến đường

¹ Báo cáo công tác 1976, T2, HS335, C33, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

² Báo cáo công tác 1976, T4, HS335, C33, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

³ Báo cáo tình hình công tác tháng 11, T2, HS2450, F3, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

chính của huyện, 100% số xã đều có đường ô tô vào đến trung tâm, góp phần đảm bảo giao thông vận tải cũng như việc định canh định cư của nhân dân ở vùng kinh tế mới¹.

Cùng với phong trào làm đường giao thông, công tác thủy lợi cũng được đẩy mạnh và trở thành phong trào rộng lớn trong nông thôn. Các xã: Văn Yên, Kỳ Phú, Đức Lương, Bình Thuận, Mỹ Yên, Khôi Kỳ, Hùng Sơn, Phú Lạc, Yên Lãng... kết hợp làm thủy lợi với cải tạo đồng ruộng. Mỗi hợp tác xã đều thành lập được một đội chuyên làm thủy lợi, cải tạo đồng ruộng. Ngoài công trình do nhân dân tự làm, năm 1976, Nhà nước đầu tư 141.000 đồng để hoàn chỉnh 9 công trình và 3 công trình đang làm dở, hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu cho 577ha ruộng hai vụ ăn chắc². Trước những cố gắng và kết quả đạt được trong phong trào làm thủy lợi, Huyện ủy Đại Từ đã tiếp tục đầu tư, chỉ đạo việc thi công và cải tạo một số công trình như hồ Phượng Hoàng, Khôi Kỳ, Bình Thuận... góp phần đảm bảo và mở rộng diện tích canh tác những năm tiếp theo. Nhân dân các dân tộc Đại Từ không những tích cực xây dựng mạng lưới thủy lợi phục vụ sản xuất, mà còn hăng hái tham gia các chiến dịch làm thủy lợi do tỉnh phát động. Trong chiến dịch làm hệ thống kênh mương Núi Cốc

¹ Báo cáo tình hình giao thông vận tải Bắc Thái, T2, Hs105 C2, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

² Báo cáo công tác năm 1976, tr.2, HS335, C53, Tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

(1977 - 1978), nhiều đơn vị xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đại đội xã Hà Thượng ra quân gấp 3 lần so với chỉ tiêu huyện giao và làm trong một tháng đã hoàn thành nhiệm vụ, sau đó quay trở về sản xuất. Đại đội xã Văn Yên quyết tâm ở lại trong suốt thời gian chiến dịch, đạt năng suất và quân số trên giao. Trong dịp tổng kết chiến dịch, đại đội được công nhận là đơn vị lá cờ đầu.

Từ giữa năm 1978, Huyện ủy Đại Từ tổ chức cho các Đảng bộ xã học tập Nghị quyết số 8-NQ/BT của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *Tăng cường chế độ sở hữu tập thể về ruộng đất*. Qua học tập, các xã, hợp tác xã đã thu hồi lại những ruộng đất của xã viên sử dụng sai chính sách. Riêng hợp tác xã Bình Thuận đã thu hồi 37 mẫu ruộng sử dụng sai chính sách và 24 mẫu ruộng đất 5% đưa vào sản xuất tập thể, tập thể hóa được 56 mẫu chè của gia đình xã viên để hợp tác xã quản lý và kinh doanh chung¹. Đồng thời với việc xây thêm nhiều hợp tác xã chuyên canh ở vùng kinh tế mới, Huyện ủy Đại Từ chủ trương tập trung cán bộ thực hiện củng cố hợp tác xã yếu kém. Các đồng chí trong Ban Thường vụ được phân công chỉ đạo khôi phục một số hợp tác xã bị tan vỡ (Phú Thịnh, Na Mao). Nhờ có những biện pháp tích cực và chủ động, tính đến đầu năm 1978, hàng trăm hộ nông dân xin vào hợp tác xã, hợp nhất

¹ Thông báo tình hình triển khai, thực hiện Nghị quyết 8 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường chế độ sở hữu tập thể về ruộng đất, cấp 27, tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh.

thêm được 5 hợp tác xã toàn xã (Yên Lãng, Hoàng Nông, An Khánh, Ký Phú và Bản Ngoại) đưa tổng số hợp tác xã quy mô toàn xã lên 22 trên 29 xã¹.

Với quyết tâm khắc phục khó khăn, chủ động về phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh và giống phục vụ sản xuất... tuy bị mất diện tích canh tác của 4 xã thuộc lòng hồ Núi Cốc, huyện Đại Từ vẫn đảm bảo 10.962ha đất canh tác lúa, năng suất đạt 21,6 tạ/ha; sản lượng đạt 23.683 tấn². Diện tích trồng cây hoa màu cũng phát triển, nhất là cây sắn (diện tích 1.280ha, năng suất 70 tạ/ha), ngô và khoai lang. Các hợp tác xã Hùng Sơn, Văn Yên không chỉ phát triển cây lương thực, hoa màu mà còn chú trọng đầu tư, gieo trồng cây công nghiệp, nhất là cây chè. Việc thành lập các hợp tác xã chuyên canh và quy hoạch phân vùng rộng hàng trăm héc-ta cho sự phát triển cây chè là hướng đi đúng đắn của huyện Đại Từ. Cây chè trở thành một trong những thế mạnh của huyện, hàng năm cung cấp một khối lượng lớn nguyên liệu cho nhà máy chè, đảm bảo công suất 300 tấn chè khô/năm.

Công tác trồng rừng cũng có nhiều chuyển biến tốt. Kế hoạch trồng rừng vụ xuân thường được triển khai sớm và có sự chuẩn bị từ cuối năm trước. Hàng năm, Huyện ủy tổ chức trồng rừng tập trung ở từng

¹ Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 1978, tr 2, HS335, C53, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

² Báo cáo số chỉ tiêu chủ yếu của nền kinh tế Bắc Thái ngày 30/8/1979, tr.7-10, HS92, C10, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc, quản lý và khai thác rừng. Nhiều hợp tác xã sau khi được tổ chức lại sản xuất, phân loại đất canh tác... đã phân công một phần lao động chuyên kinh doanh nghề rừng. Nhờ đó, công tác lâm nghiệp nói chung và trồng rừng nói riêng có bước phát triển tốt.

Từ giữa năm 1978, trong khi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đang ra sức thi đua cùng nhân dân trong tỉnh, nhân dân cả nước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1976 - 1980) thì tình hình an ninh biên giới Việt - Trung bắt đầu diễn biến phức tạp, ngày càng trở nên gay gắt.

Từ tháng 5/1978, do bị một số phần tử xấu người Hoa tuyên truyền xuyên tạc, kích động, lôi kéo, nhiều người Việt gốc Hoa đang sinh sống trên địa bàn tỉnh nói chung, Đại Từ nói riêng đã bán đồ đạc, mua hàng quý, không xin phép chính quyền địa phương mà tự ý bỏ về Trung Quốc trái phép. Đáng chú ý, trong số vượt biên đó có một số ít là cán bộ và học sinh.

Đứng trước tình hình trên, Huyện ủy đã chỉ đạo Công an huyện tổ chức lực lượng tăng cường công tác quản lý trật tự xã hội. Thực hiện các chỉ thị nghị quyết của Trung ương và tỉnh trong tình hình mới, Huyện ủy Đại Từ tập trung chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở tiến hành công tác củng cố tổ chức Đảng, làm trong sạch nội bộ Đảng.

Ngày 17/2/1979, Trung Quốc đã huy động 32 sư đoàn bộ binh (khoảng 60 vạn quân) cùng với 500 xe quân sự, pháo binh... tấn công xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta.

Để kịp thời phục vụ cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân ta ở tuyến đầu Tổ quốc, Huyện Đại Từ đã nhanh chóng thành lập 2 tiểu đoàn đi xây dựng phòng tuyến và phục vụ tiền phương¹. Sau khi thành lập, hai tiểu đoàn khẩn trương lên đường ra trận với khí thế phấn khởi, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đồng thời, huyện tổ chức xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ, xây dựng phương án tác chiến tại chỗ ở cụm chiến đấu².

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đông đảo nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ luôn chăm chú theo dõi tình hình chiến sự. Ngày 25/2/1979, Đảng bộ và quân dân xã Lục Ba (khoảng 500 người) tổ chức mít tinh nghe tuyên bố của Chính

¹ Tiểu đoàn 1 Đại Từ đóng quân ở đỉnh đèo Còlia, biên chế 4 đại đội với quân số 368 người. Tiểu đoàn 2 đóng ở đèo Còlia (xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), quân số 461 người, biên chế 1 tiểu đoàn và 4 đại đội. (Báo cáo kết quả bước đầu tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiền tuyến 3, HS164, C18, Tỉnh ủy).

² Cụm 1 gồm các xã: An Khánh, Cù Vân, Phục Linh, Hà Thượng, Tân Thái.

Cụm 2 gồm các xã: Yên Lãng, Phú Xuyên, Na Mao, Phú Thịnh.

Cụm 3 gồm các xã: Hùng Sơn, Khôi Kỳ, Tiên Hội, Bản Ngoại, Lục Ba, Bình Thuận và thị trấn Đại Từ.

Cụm 4 gồm các xã: Minh Tiến, Đức Lương, Phúc Lương, Phú Cường, Phú Lạc.

Cụm 5 gồm các xã: Nông Trường + Nhà máy chè Quân Chu, Cát Nê, Kỳ Phú, Vạn Thọ.

phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về *Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của giới cầm quyền Trung Quốc*. Tại cuộc mít tinh, các đại biểu đã viết quyết tâm thư tỏ rõ thái độ căm thù trước cuộc chiến tranh phi nghĩa do Trung Quốc gây ra, đồng thời nêu ra 7 hành động cụ thể góp phần tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Song song với việc huy động lực lượng tham gia đánh trả quân xâm lược, Đảng bộ và chính quyền Đại Từ tích cực vận động nhân dân các dân tộc trong huyện quyên góp tiền bạc, quần áo, lương thực giúp đỡ đồng bào vùng biên giới. Qua 2 đợt phát động phong trào toàn dân đóng góp nuôi quân, ủng hộ đồng bào Cao Bằng bị quân xâm lược Trung Quốc tàn phá, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã thể hiện rõ truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Đợt 1, huyện ủng hộ được 52.695kg gạo, 3.681kg thóc, 429kg sắn và 10.000 tàu lá cọ. Đợt 2 huyện góp được 32.224 đồng, 12.502m phiếu vải, 13.000kg thóc, 3 con trâu; sách vở và đồ dùng học tập trị giá 1.500 đồng. Riêng xã Cù Vân (xã đã hoàn thành nghĩa vụ lương thực theo ký kết hợp đồng hai chiều), chỉ trong 1 ngày nhân dân đã bán thêm 10 tấn thóc, 2 tấn thịt lợn, giúp đỡ củi, rau xanh cho đơn vị đóng quân ở địa phương. Xã Hùng Sơn (xã vùng lụt) trong một ngày quyên góp, ủng hộ được 6 tấn gạo, 2 tấn khoai tây; hợp tác xã nông nghiệp bán 6 tấn thịt lợn và chị em phụ nữ xã ủng hộ trên 300 đồng; 80 hộ xã

viên nông nghiệp thị trấn Đại Từ cũng vận động quyền góp trên 1 tấn thóc. Các hộ xã viên tiểu thủ công nghiệp đóng góp 1.390 đồng ủng hộ đồng bào biên giới phía Bắc¹.

Bên cạnh những hoạt động lạc quyền, ủng hộ sức người, sức của vô tư, đầy tình nghĩa, huyện còn tổ chức tốt việc đón tiếp đồng bào sơ tán. Tính đến cuối tháng 6/1979, Đại Từ tiếp đón 210 hộ với 918 nhân khẩu từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Tuyên (nay là hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang) sơ tán về. Đảng bộ và chính quyền Đại Từ đã chỉ đạo chặt chẽ việc phân bố các hộ đến từng xã. Đồng bào sơ tán đến xã nào cũng được nhân dân các dân tộc trong huyện chu đáo giúp đỡ nơi ăn, chốn ở và công việc để sớm ổn định cuộc sống. Sự giúp đỡ đó đã để lại những ấn tượng tốt đẹp trong đồng bào.

Chiến tranh Biên giới kết thúc, nhân dân các dân tộc Đại Từ vừa tích cực giúp đỡ các tỉnh phía Bắc khắc phục hậu quả, vừa hăng hái đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

Đầu năm 1979, Đại Từ được tỉnh chọn làm nơi thí điểm xây dựng cấp huyện theo Nghị quyết số 33-CP ngày 4/2/1978 của Hội đồng Chính phủ *Về việc bố*

¹ Báo cáo sơ kết đợt chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược Trung Quốc (17/2 - 25/3/1979) của Đại Từ, T3, HS168, C18, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

sung nhiệm vụ và quyền hạn, trách nhiệm của chính quyền nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý kinh tế; ngân sách - tài chính, các ban, ngành chuyên môn, cơ sở vật chất kỹ thuật đóng trên địa bàn đều do huyện trực tiếp quản lý và điều hành. Bộ máy chỉ đạo của huyện phải năng động chuyển từ quản lý hành chính sang quản lý hành chính - kinh tế. Do xác định được mặt mạnh, mặt yếu thông qua phân cấp quản lý và sự giúp đỡ của tỉnh¹, Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo từng bước tháo gỡ khó khăn, xây dựng Đại Từ trở thành một huyện vững mạnh.

Bước vào năm 1980, khí thế thi đua lao động sản xuất được đẩy mạnh. Ngoài việc đầu tư phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Huyện ủy chỉ đạo các địa phương tích cực vận động nhân dân tận dụng các nguồn phân chuồng, phân xanh, kết hợp làm thủy lợi với cải tạo đồng ruộng... nhằm góp phần tăng độ phì nhiêu của đất, nâng cao năng suất cây trồng.

Với những biện pháp tích cực và phấn đấu nỗ lực của toàn dân, Đại Từ đạt được một số kết quả đáng phấn khởi. Tuy chịu nhiều thiệt hại khá nặng do cơn bão số 4 gây ra (mưa to ở nhiều nơi với lượng mưa

¹ Năm 1980, tỉnh tăng cường cho huyện: 13 cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế để kiện toàn các ban chuyên môn và 11 cán bộ xuống 7 hợp tác xã vùng lúa. Báo cáo tình hình phân cấp kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách cho huyện, T4, HS10 C1, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

trung bình 648mm - gây ra lụt úng ở một số vùng), song năng suất lúa vẫn đạt 47,97 tạ/ha, sản lượng đạt 23.768 tấn. Tỷ lệ hoa màu trong cơ cấu lương thực cũng tăng dần¹. Các loại cây thực phẩm phát triển tương đối khá ở khu vực gia đình, giải quyết được nhu cầu của nhân dân. Với sự đầu tư chuyên canh chè trong những năm qua, sản xuất chè năm 1980 đạt 183,67% so với 1976². Do tỷ lệ màu trong nông nghiệp ngày một tăng và thực hiện Thông tư *Dành 10 đến 15% ruộng đất để sản xuất thức ăn, phát triển chăn nuôi gia súc* (số 219-TT ngày 19/5/1978), huyện Đại Từ vẫn giữ vững và phát triển chăn nuôi theo chiều hướng tích cực. Toàn huyện có 14.826 con trâu, tăng hơn năm 1976 là 6,7%; 33.442 con lợn, đạt 108,2% so với năm 1976³.

Bên cạnh những kết quả đạt được trên mặt trận phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hoá - giáo dục và y tế có bước chuyển biến khá. Năm học 1979 - 1980, toàn huyện có 27.836 học sinh. Tỷ lệ thi lên lớp đạt 76,4%⁴. Phong trào dạy tốt, học tốt được duy trì thường xuyên,

¹ Báo cáo tình hình thực hiện công tác xây dựng huyện tăng cường cấp huyện, xây dựng pháo đài quân sự huyện của huyện Đại Từ ngày 15/8/1985, T5, C27, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

² Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (tháng 1/1985) về phê chuẩn quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Đại Từ, T6, C28, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

³ Báo cáo tổng kết công tác xây dựng cấp huyện (1979 - 1982), T5, C27, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴ Báo cáo tổng kết công tác xây dựng cấp huyện (1979 - 1982), T5, C27, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

100% trường học có tủ sách và thư viện (huyện có 3 thư viện đạt tiêu chuẩn theo Quyết định số 288/QĐ của Bộ Giáo dục). Nhiều trường đạt danh hiệu là trường điển hình tiên tiến, tiêu biểu cho ngành giáo dục của huyện. Trường cấp I - II Hùng Sơn, hai trường mẫu giáo Văn Yên, Hoàng Nông... là những đơn vị có nhiều thành tích trong giáo dục. Phong trào xây dựng trường sở, xóa bỏ xã trắng về ngành mẫu giáo được đông đảo nhân dân nhiệt tình tham gia.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, ngành văn hóa - thông tin tích cực hoạt động, luôn bám sát phục vụ các nhiệm vụ trung tâm từng thời kỳ. Các hoạt động chiếu bóng, văn nghệ, phát hành văn hóa phẩm, sách báo được đẩy mạnh, đáp ứng nhu cầu của đời sống văn hóa tinh thần ngày càng tăng trong huyện.

Ngành y tế cũng có nhiều tiến bộ. Được đầu tư trang thiết bị y tế, cấp phát thuốc men, bệnh viện huyện và các trạm xá xã đã tổ chức khám và chữa bệnh cho hàng nghìn lượt người. Nhiều bệnh dịch có hiện tượng tái phát như sốt rét, tả, lỵ đều được phát hiện kịp thời và tổ chức phòng chống. Nhờ đó, tỷ lệ bệnh tật, tử vong giảm xuống rõ rệt. Sức khỏe của nhân dân nhìn chung được nâng lên.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã khắc phục khó khăn, đạt được nhiều thành tựu trong phong trào thi đua thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 -

1980). Từ trong và sau kế hoạch, nhiều ngành kinh phát triển ngày càng vững chắc. Cơ sở vật chất được xây dựng. Đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Kết quả đó đã góp phần tạo bước chuyển biến mới cho việc phát triển nền kinh tế - xã hội của huyện theo phương hướng nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985).

Bên cạnh những thành tích, thắng lợi, Đại Từ vẫn còn nhiều mặt yếu kém. Sản xuất tuy tăng lên nhưng chưa tương xứng với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra. Một số chỉ tiêu quan trọng về sản xuất lương thực, vật nuôi, cây trồng do Đảng bộ huyện đề ra đều không đạt, làm ảnh hưởng không tốt đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân. Trong nông nghiệp còn mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, chưa phát huy được thế mạnh của địa phương. Việc quy hoạch ngành, vùng còn kém, mang tính hình thức. Sản xuất nông - lâm nghiệp, công nghiệp và phân phối lưu thông tiến bộ chậm...

II. Phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh (1981 - 1986)

Là một huyện miền núi thấp, tỷ lệ đất nông nghiệp và đất đồi có khả năng sản xuất nông nghiệp chiếm khá lớn trong diện tích tự nhiên. Ngay từ cuối những năm 70 và những năm đầu thập kỷ 80 (thế kỷ XX), Đại Từ đã xác định cơ cấu kinh tế chung của huyện là nông - lâm - công nghiệp, chủ yếu tập trung chỉ đạo

sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời chú trọng phát triển vùng chè, từng bước chuyên môn hóa sản xuất, phân công lao động trên địa bàn huyện, tạo ra sản phẩm nông nghiệp mang tính hàng hóa có tích lũy để tái sản xuất, mở rộng.

Từ hơn 100 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong những năm trước đây, đến năm 1986, huyện đã tổ chức lại còn 87 hợp tác xã, trong đó có nhiều hợp tác xã quy mô toàn xã. Là một huyện chỉ đạo điểm của Trung ương và của tỉnh, các hợp tác xã của Đại Từ đã qua nhiều đợt cải tiến quản lý, được chú trọng đầu tư, giúp đỡ về khoa học kỹ thuật. Do đó, sản xuất nông nghiệp của huyện có bước phát triển. Nhiều điển hình tiên tiến cấp tỉnh về trồng trọt, chăn nuôi xuất hiện. Đại Từ là một trong những huyện của tỉnh đạt năng suất 4,5 tấn thóc/ha, trong đó có nhiều đơn vị đã vượt chỉ tiêu 5 tấn thóc/ha như hợp tác xã Đông Quan (xã Yên Lãng), Tiên Hội, Hùng Sơn, Cù Vân... Đời sống nông dân ở những đơn vị này tương đối no đủ, nghĩa vụ đối với Nhà nước được đảm bảo.

Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW về *cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động* trong các hợp tác xã. Chỉ thị đã thực sự mở ra một động lực mới, tác động mạnh tới tâm lý, tư tưởng, nền nếp quản lý sản xuất của cán bộ, đảng viên và đông đảo xã viên các hợp tác xã nông nghiệp trong

toàn huyện. Phần lớn các hợp tác xã triển khai đúng tinh thần Chỉ thị số 100-CT/TW, người sản xuất phấn khởi và an tâm hơn. Mục tiêu khoán sản phẩm bước đầu đã tạo ra nhân tố kích thích sự năng động, sáng tạo của người sản xuất, có tác dụng thúc đẩy sản xuất của huyện phát triển theo chiều hướng tích cực.

Song, do ràng buộc bởi cơ chế quan liêu bao cấp quá lâu, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước còn nặng nề, hơn nữa, Chỉ thị 100 và những chủ trương, chính sách tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, lưu thông của Đảng và Nhà nước ta thời kỳ này còn trong quá trình tìm tòi, thử nghiệm nên tốc độ phát triển kinh tế trên địa bàn huyện còn chậm. Về nông nghiệp, ngành trồng trọt đạt khá, nhưng chăn nuôi giảm tương đối nhanh. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ngày càng khó khăn do thiếu vốn, thiếu nguyên, nhiên liệu. Lâm nghiệp chưa phát huy được vai trò thế mạnh của huyện miền núi... Đời sống công nhân, nông dân, thợ thủ công, giáo viên, viên chức trong huyện có lúc trở nên khó khăn do thiếu lương thực, thiếu tiền trả lương. Số người nghèo đói chiếm tới 40% dân số của huyện.

Ngay từ đầu năm 1981, thực hiện Chỉ thị *Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp* (số 100-CT/TW ngày 13/1/1981) của Ban Bí thư Trung ương Đảng, huyện đã áp dụng cơ chế Khoán 100 vào sản xuất. Việc khoán sản phẩm đến nhóm và

người lao động đã tác động khá mạnh đến sự chuyển biến về tư tưởng, tâm lý của người lao động; khuyến khích người lao động quan tâm và đầu tư thích đáng hơn đối với sản xuất. Trong sản xuất lúa, nhiều khâu trước kia bị xem nhẹ thì nay được chú ý như khắc phục tình trạng thiếu mạ, cấy đúng kỹ thuật, đảm bảo mật độ từ 45 đến 50 khóm/m², làm cỏ sục bùn 3 lần và tăng cường bón phân hữu cơ. Một số xã còn tiến hành thí điểm: xây dựng cánh đồng tăng sản đạt năng suất cao (xã Yên Lãng năm 1982 đạt năng suất bình quân 70 tạ/ha/2 vụ) và từng bước nhân ra diện rộng với kết quả tốt¹.

Khi bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982) đề ra trên cơ sở tiếp tục quy hoạch, xây dựng phương hướng sản xuất của huyện, Đại Từ đã xác định được vùng lúa tập trung, bao gồm: Hùng Sơn, Khôi Kỳ, Bình Thuận, Tiên Hội, Bản Ngoại, Văn Yên, Ký Phú, Vạn Thọ và Cát Nê. Huyện tích cực đầu tư và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lúa. Nhiều giống lúa mới có năng suất cao được đưa vào gieo cấy đại trà như: Bao Thai lùn, Xuân số 2, Nông Nghiệp 8, giống 1561 - 12, Thái Bình 1, K3... Tỷ lệ lúa xuân chiếm từ 80 đến 90% (có nơi 100%) diện tích vụ đông - xuân.

¹ Báo cáo tổng kết công tác xây dựng huyện Đại Từ (1979 - 1982), T2, HS2, C58, tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên.

Hơn một năm áp dụng cơ chế khoán và tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, sản xuất, nền kinh tế Đại Từ có những chuyển biến rõ rệt với chiều hướng phát triển tốt. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do nhận thức và tổ chức thực hiện khoán của các cấp, ngành chưa sâu sát, triệt để, thiếu khoa học nên cơ bản là giao ruộng nguyên canh, khoán trắng (hợp tác xã Phú Lạc khoán 1 lao động làm 1 sào ruộng nộp 80kg thóc)¹... cũng vì thế, hợp tác xã không điều hành được kế hoạch sản xuất; kế hoạch thiếu cụ thể, không gắn với hạch toán kinh tế; sản xuất thiếu toàn diện, thiếu vững chắc. Trong một số hợp tác xã, sự chỉ đạo sản xuất còn lỏng lẻo, có hiện tượng buông trôi, phân phối ăn chia chưa công bằng, hợp lý. Cơ sở vật chất của nhiều hợp tác xã xuống cấp, tài sản hư hỏng và bị phân tán. Một số tư liệu sản xuất của tập thể bị chiếm đoạt, trở thành sở hữu cá nhân. Nhiều tài sản có giá trị kinh tế lớn bị đem ra bán hóa giá cho xã viên².

Nhiều nơi còn xảy ra tình trạng đòi ruộng cha ông, tranh chấp và lấn chiếm ruộng đất của nhau, nội bộ hợp tác xã thiếu đoàn kết, nhiều xã viên làm đơn hoặc tự động ra khỏi hợp tác xã, làm ăn cá thể.

¹ Báo cáo sơ kết cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động, người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, T2, HS3, C63, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên.

² Năm 1983, có hợp tác xã của Đại Từ đã hóa giá đàn trâu của tập thể, bán 5 máy kéo loại 12 CV cho các hộ nông dân.

Để khắc phục tình trạng trên, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã nhanh chóng thành lập Ban sửa sai do lãnh đạo Huyện ủy trực tiếp làm trưởng ban. Kết hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, huyện cử cán bộ xuống tận cơ sở để theo dõi và giúp đỡ các hợp tác xã sửa khoán. Qua sửa khoán, hầu hết các hợp tác xã tổ chức lại sản xuất và tiến hành điều chỉnh lại quy mô sản xuất cho phù hợp với thực tiễn; xây dựng kế hoạch sản xuất, phân công lại lao động để chuyên môn hóa, phân công ngành nghề... tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động và phát triển một cách toàn diện.

Từ năm 1980, khi tiến hành phân cấp quản lý, huyện đã xây dựng hạt lâm nghiệp thành lâm trường với chức năng kinh doanh và trồng rừng. Đến năm 1983, lực lượng lâm trường có 150 người, biên chế làm 3 đội. Kết hợp vùng với một số hợp tác xã chuyên về nghề rừng, sản xuất lâm nghiệp có nhiều chuyển biến. Huyện và ngành thường xuyên chỉ đạo chặt chẽ và toàn diện việc triển khai, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về lâm nghiệp. Công tác bảo vệ rừng được đẩy mạnh. Huyện kịp thời và kiên quyết xử lý các vụ tàn phá rừng, nhờ đó hạn chế được tình trạng phá rừng làm nương rẫy trồng màu, khai thác gỗ trái phép. Đồng thời, huyện chỉ đạo trồng 87,9ha rừng tập trung, đạt 103% kế hoạch (so với 1983 tăng 17ha, bằng 124%); khai thác 1.103m³ gỗ

tròn, đạt 137% kế hoạch, 1.315 ste¹ củi, đạt 131% kế hoạch. Ngoài ra, huyện còn thực hiện giao đất, giao rừng khoảng 5.000ha, tại 7 xã: Lục Ba, Hùng Sơn, Hà Thượng, Cù Vân, Phú Lạc, Phúc Lương và Đức Lương².

Từ ngày phân cấp quản lý, Huyện ủy thường xuyên chăm lo đến công tác củng cố, kiện toàn các phòng ban chuyên môn để đảm nhiệm và hoàn thành công việc. Với sự hỗ trợ về vốn đầu tư của Trung ương và tỉnh, huyện vận động nhân dân tham gia sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến đường nội huyện, mở thêm đường vào vùng kinh tế mới, đường dân sinh liên thôn, liên xóm. Huyện cũng thực hiện việc phân cấp quản lý đường cho 11 xã; chất lượng đường khá tốt, đảm bảo nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa. Kết hợp với làm đường giao thông, năm 1984, huyện đã đầu tư 1.300.000 đồng vào việc sửa chữa, làm tiếp và làm mới một số đập thủy lợi: Đập Thăng Lợi, đập tràn Đồng Quan (Yên Lãng), đập Cù Vân³...

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện tuy còn nhỏ, song nhờ cơ chế quản lý mới và sự chỉ đạo kịp thời, năng động của Đảng bộ, chính quyền nên có nhiều chuyển biến tích cực. Ngành đã liên

¹ Ste - đơn vị đo khối lượng, 1 ste = 0,7m³.

² Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 1984 và phương hướng nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch Nhà nước 1985, tr.5, HS56, C9, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

³ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 1984 và phương hướng nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch Nhà nước 1985, tr.7-8.

doanh với các xí nghiệp, đơn vị của Trung ương và tỉnh để duy trì và phát triển sản xuất. Xí nghiệp vôi Núi Văn liên kết được với Đoàn địa chất 110 khai thác đá, đảm bảo nguyên liệu để ổn định sản xuất. Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng như gạch, ngói đặt hợp đồng cung cấp sản phẩm cho công ty xây dựng... Đến năm 1984, giá trị tổng sản lượng công nghiệp huyện là 19.368.000 đồng. Tuy chưa đạt so với kế hoạch, nhưng đã tăng hơn năm 1983 là 496.000 đồng¹.

Lĩnh vực giáo dục, y tế của huyện Đại Từ cũng có nhiều chuyển biến mới. Mặc dù còn nhiều khó khăn về vốn, nguyên vật liệu, nhưng huyện đã có cố gắng mở thêm phân hiệu trường cấp 3 nhằm mục tiêu phát triển văn hóa, giáo dục cho 12 xã phía Bắc của huyện. Ngoài ra, huyện còn nâng cấp trường, lớp và xây thêm phòng học, giải quyết được phần lớn tình trạng thiếu lớp, học sinh phải học 3 ca. Đến năm 1984, đã có 1/3 số trường, lớp toàn huyện được xây dựng theo hướng kiên cố và bán kiên cố. Bộ mặt các trường, lớp ngày càng khang trang, sạch đẹp. Phong trào *Hai tốt* luôn được giữ vững nên đã thu hút thêm hàng nghìn học sinh đến trường. Đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng kiến thức thường xuyên, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và cải cách giáo dục. Nhờ đó, tỷ lệ thi lên lớp hàng năm đều đạt 90% ở cả 3 cấp học.

¹ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 1984 và phương hướng mục tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1985, tr.7-8, H 56, C9, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

Về y tế, huyện chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc men... đáp ứng yêu cầu khám chữa, chữa bệnh của nhân dân. Tính đến năm 1984, toàn huyện có 1 bệnh viện (với 100 giường bệnh nội trú), 30 trạm xá¹. Các trạm xá xã Hoàng Nông, La Bằng, Vạn Thọ được trang bị dụng cụ y tế của UNICEF. Đội ngũ cán bộ y tế từ huyện xuống đến các xã được củng cố, kiện toàn và không ngừng được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

Tiếp tục phát huy những mặt mạnh trong những năm trước và căn cứ vào tình hình thực tế, bước vào năm cuối của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), Đảng bộ và chính quyền huyện Đại Từ đã chủ động cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Dưới sự lãnh đạo thường xuyên, sâu sát của Huyện ủy và được đông đảo quần chúng nhân dân trong huyện đồng tình ủng hộ, tích cực tham gia..., đến năm 1985, Đại Từ không những hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra mà còn giành thắng lợi to lớn, nhất là trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Kết quả sản xuất lương thực 2 vụ đều cho năng suất và sản lượng cao hơn năm 1984: Năng suất đạt 110,33%, sản lượng 119,64%. Diện tích lúa tăng sản so với năm 1984 tăng 675,25%. Huyện thực hiện nghĩa vụ lương thực vượt mức kế hoạch của tỉnh

¹ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (tháng 1/1985) về phê chuẩn kế hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Đại Từ, T8, C28, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

giao 595 tấn. Với kết quả này, Đại Từ được Bộ Lương thực Thực phẩm và Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng về thành tích huy động lương thực¹. Sản lượng các loại cây màu, cây thực phẩm đều tăng hơn so với năm trước, nhưng do thay đổi cơ chế thu mua, giao nộp nên kết quả thu mua thực phẩm chỉ đạt 30% kế hoạch². Sản lượng chè chuyên canh ở các xã: Hà Thượng, Cù Vân, Phục Linh, Phú Lạc, Phú Cường, Phú Thịnh... đạt 700 tấn chè khô, đảm bảo cung cấp nguyên liệu cho hai xí nghiệp chè của Trung ương và tỉnh.

Ngành chăn nuôi của huyện cũng có chuyển biến. Tổng đàn trâu tăng hơn so với năm 1984 là 1.598 con, lợn tăng 652 con. Sản lượng cá đạt 260 tấn, điều về tỉnh 249 tấn, tỷ suất đạt 99,6%³.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp được củng cố. Toàn huyện đã có trên 96% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Nhiều hợp tác xã đạt năng suất từ 6 đến 8 tấn thóc/2 vụ/ha. Đời sống của nhân dân ổn định và từng bước cải thiện. Trên 85% số hộ có mức ăn khá và đủ. Gần 40% số hộ có nhà xây lợp ngói⁴.

¹ Báo cáo đánh giá tình hình của Đảng bộ huyện năm 1985, T1- 2, HS227, C32, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

² Báo cáo đánh giá tình hình của Đảng bộ huyện năm 1985, T1- 2, HS227, C32, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

³ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (tháng 1/1985) về phê chuẩn quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Đại Từ, C28, Tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴ Báo cáo công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đề án xây dựng huyện của huyện Đại Từ, T6, HS227, C32, tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

Trong sự biến đổi chung của toàn huyện, nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện, tiêu biểu là Hợp tác xã Hùng Sơn. Từ chỗ độc canh cây lúa, năng suất thấp, Hùng Sơn đã vươn lên thành hợp tác xã nông - lâm nghiệp, từng bước đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, mở rộng kinh doanh toàn diện. Giá trị tổng sản lượng và tổng giá trị tài sản cố định hàng năm của hợp tác xã đều tăng hàng trăm nghìn đồng. Đời sống của xã viên được cải thiện và nâng lên rõ rệt.

Hàng năm, huyện đầu tư vốn, tích cực khai thác vật tư nguyên liệu trong và ngoài kế hoạch, xây dựng các công trình tập thể. Một số công trình trọng điểm là: Nhà trẻ liên cơ, Nhà khách Ủy ban, Nhà làm việc và nhà ăn của Huyện ủy, trên 20 phòng học của các trường phổ thông cơ sở được đưa vào sử dụng. Đường điện hạ thế cũng được thi công xây dựng, phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong huyện.

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước (1981 - 1985), bên cạnh những thành tựu và tiến bộ to lớn, Đại Từ còn nhiều mặt hạn chế chưa giải quyết được. Nền kinh tế của huyện cơ bản vẫn là kinh tế nông nghiệp. Giá trị hàng hóa cũng như mặt hàng xuất khẩu của huyện chủ yếu là hàng nông sản. Quản lý kinh tế còn lỏng lẻo nên dẫn đến hiện tượng thất thoát, tiêu cực¹, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã

¹ Cửa hàng bách hóa Đại Từ đem 5000m vải các loại phân phối nội bộ để bán ra ngoài lấy lãi. Cán bộ nhân viên Phòng lương thực Đại Từ

hội trên địa bàn. Chất lượng giáo dục còn thấp, công tác y tế còn nhiều khó khăn. Trong khi đó các thế lực đế quốc và phản động quốc tế câu kết với nhau tìm cách chống phá cách mạng nước ta. Chúng thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, gây rối, gây bạo loạn nhằm làm suy yếu tiến tới lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. Để đạt được âm mưu đó, chúng dùng nhiều thủ đoạn hết sức nguy hiểm, thâm độc chống phá ta trên tất cả các lĩnh vực, bằng nhiều hướng và nhiều lực lượng. Bọn phản động đội lốt Thiên Chúa giáo hoạt động tuyên truyền xuyên tạc, gây hoang mang trong quần chúng.

Đứng trước âm mưu và thủ đoạn mới của kẻ thù, quán triệt Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 92 của Ban Bí thư Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi chống phá của kẻ thù. Huyện ủy Đại Từ đã chỉ đạo lực lượng Công an huyện phối hợp với Công an tỉnh bắt những tên cầm đầu đảng phái phản động ở xã Phú Thịnh.

Ngành văn hóa thông tin tổ chức các đợt tuyên truyền, vận động quần chúng nâng cao ý thức cảnh giác và đề phòng những thủ đoạn thâm độc mới của kẻ

rút hàng đối lưu đối trác, đem bán kiếm lời bất chính trên 30 ngàn đồng. Hay như một số vụ mất tài sản tập thể ở các hợp tác xã Bản Ngoại, Bình Thuận... Báo cáo tổng kết công tác kiểm soát năm 1983 - T3, 5 - HS200 - C22 - Tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy.

thù. Đảng bộ Đại Từ lãnh đạo cơ quan Công an, Quân sự huyện xây dựng các phương án phòng, chống bạo loạn, thường xuyên kiểm tra, xét duyệt và bổ sung những phương án mới cho phù hợp với diễn biến tình hình, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

Một số hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội tuy diễn biến phức tạp nhưng từng bước được ngăn chặn. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội về cơ bản được giữ vững. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ, tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu, chất lượng tốt. Với những nỗ lực và thành tích trên, đến năm 1984, cơ quan Công an và Ban Chỉ huy Quân sự huyện đều được công nhận là đơn vị Quyết thắng, đơn vị khá của ngành và tỉnh.

Những thành tích tiến bộ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ trong quá trình cùng cả nước thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhất là từ sau kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, đã và đang tạo ra thế và lực mới để huyện Đại Từ tiếp tục phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc trong những chặng đường tiếp theo.

CHƯƠNG V
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN
ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA (1986 - 2005)

**I. Bước đầu thực hiện đường lối đổi mới
(1986 - 1995)**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (15 - 18/12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện; coi đổi mới là nhiệm vụ sống còn của cách mạng nước ta. Luồng gió đổi mới đã tràn vào Đại Từ, đưa sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác của huyện vào thời kỳ phát triển mới, vững chắc hơn. Một vài năm đầu, đổi mới chỉ diễn ra trong nhận thức, trong công tác chuẩn bị, tìm kiếm, lựa chọn mô hình quản lý, sản xuất. Chính trong thời điểm này, Đảng bộ Đại Từ đã tỏ rõ sự nhạy bén, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Tiếp theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, nhiều chủ trương, giải pháp của huyện sát thực tế, hợp quy luật, thuận lòng dân được ban hành, làm thay đổi tận gốc vị trí kinh tế hộ gia đình, tạo điều kiện giải phóng mọi năng lực sản xuất, đặc biệt là đối với sản xuất nông nghiệp. Cơ chế quản lý được đổi mới và hoàn thiện sau Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 5/4/1988 của Bộ Chính trị về đổi

mới quản lý kinh tế nông nghiệp đã làm bật dậy tiềm năng sáng tạo của hơn 13 vạn nhân dân các dân tộc trong huyện. Hộ nông dân trở thành đơn vị sản xuất tự chủ được thừa nhận cả về kinh tế, pháp lý và được quyền sử dụng ruộng đất lâu dài. Với hơn 11 nghìn héc-ta của hai vụ lúa mỗi năm, năm 1986, Đại Từ đạt tổng sản lượng lương thực 32.181 tấn. Đến năm 1988, toàn huyện đã thu được 36.282,9 tấn (tăng hơn 4 ngàn tấn so với năm 1987). Nông dân được hưởng 60 - 70% sản phẩm do mình làm ra. Điều này đã khuyến khích, động viên nông dân phấn khởi, yên tâm sản xuất, gắn bó với đồng ruộng. *Cơ chế khoán mới đã khơi dậy bầu không khí dân chủ trong cuộc sống nhân dân ở các dân tộc Đại Từ. Hiện thực của đời sống xã hội trong huyện đã và đang có bước tiến triển mới*¹.

Cũng như trồng trọt, do có cơ chế khuyến khích sản xuất, ngành chăn nuôi của huyện cũng có bước phát triển khá. Đàn trâu, bò từ 17.286 con (năm 1986) tăng lên 21.302 con (năm 1988); đàn lợn giảm do dịch bệnh và thiếu thức ăn nhưng vẫn đạt 37.388 con (bằng 97,2 % kế hoạch).

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nhờ chính sách đổi mới theo Quyết định số 217-HĐBT ngày 14/11/1987 của Hội đồng Bộ trưởng, giao quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh

¹ Trích trong Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ khóa XVI - phương hướng nhiệm kỳ XVII (1989 - 1990) của Đảng bộ huyện Đại Từ.

cho mỗi đơn vị sản xuất đã tạo động lực mới cho các cơ sở ở địa phương mở rộng sản xuất. Trong năm 1988, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp huyện đã cung cấp cho nông dân hàng vạn nông cụ như cày, bừa, liềm, hái, hơn 3.000 tấn vôi cho đồng ruộng, 1,5 vạn tấn than, chế biến 235 tấn chè khô... góp phần hình thành nền kinh tế đa dạng, nhiều thành phần của huyện.

Trong 10 năm (1986 - 1995), thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng lần thứ VI đề ra, được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái thông qua các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, V, VI, Đại Từ đã đạt được nhiều thành tựu trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Với tiềm năng, thế mạnh ngày càng được khai thác, hiệu quả. Trong những năm đầu thực hiện đường lối mới của Đảng, sản xuất nông nghiệp của huyện đã có những bước tiến đáng kể. Từ một huyện miền núi, ít có cánh đồng màu mỡ, lại bị lụt lội, hạn hán thường xuyên, Đại Từ đã phấn đấu giành thắng lợi trên cả 3 mặt: diện tích, năng suất, sản lượng năm sau cao hơn năm trước. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1995 đạt 44.400 tấn, vượt 3.000 tấn so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đặt ra cho kế hoạch 5 năm (1991 - 1995). Chăn nuôi phát triển mạnh, đặc biệt sau năm 1986, khi huyện có chủ trương hóa giá đàn trâu tập thể bán lại cho hộ xã viên, đàn trâu của huyện từ 17.286 con (năm 1988) tăng lên

22.585 con (năm 1995); đàn lợn cũng tăng từ 37.000 con (năm 1988) lên 45.287 con (năm 1995). Ngoài ra, nghề nuôi dê đã và đang rất phát triển cùng với bò lai sind, cá,... mỗi năm đưa ra thị trường hàng nghìn tấn thực phẩm.

Cơ cấu nông nghiệp Đại Từ có sự chuyển dịch đáng kể. Diện tích trồng chè từ 1.631ha (năm 1991) tăng lên 2.250ha (năm 1994), sản lượng đạt hơn 6.000 tấn (không kể chè của nông trường quốc doanh). Hằng năm, huyện xuất ra thị trường trong và ngoài nước hơn 400 tấn chè búp khô.

Về lâm nghiệp, năm 1988, trồng rừng tập trung vượt 18,8% kế hoạch, trồng cây phân tán tăng hơn năm 1987 là 202%; diện tích rừng bị phá giảm xuống 10% so với năm 1987. Các vùng đất trống, đồi trọc trong huyện cơ bản được phủ kín màu xanh. Hệ sinh thái được bảo vệ.

Sự nghiệp đổi mới trong lâm nghiệp của Đại Từ lúc đầu gặp nhiều khó khăn, phức tạp do các điều kiện khách quan về tự nhiên lẫn kinh tế, xã hội cùng với năng lực tổ chức quản lý của cán bộ huyện đến cơ sở... Trong tình hình đó, huyện đã chỉ đạo hết sức chặt chẽ, có kế hoạch tiến hành từng bước nhằm đảm bảo hiệu quả cao về kinh tế và xã hội.

Trước hết, Huyện ủy đã quán triệt sâu sắc những vấn đề cơ bản trong đường lối đổi mới của Đảng cho

cán bộ, đảng viên và đông đảo tầng lớp nhân dân các dân tộc trong huyện, đông viên nhân dân xóa bỏ cách làm cũ, bảo thủ lạc hậu, xóa bỏ thói quen tự túc, tự cấp, cam chịu sự nghèo khổ, sản xuất độc canh, quảng canh, không dám mạnh dạn bỏ vốn ra đầu tư. Từ trong quá trình chỉ đạo thực hiện chủ trương *Khoán 100*, Huyện ủy Đại Từ đã đi đến kết luận: Chủ trương *Khoán 100* đã tạo ra sức bật mới, sức sản xuất được phát huy. Cơ chế phân phối thu nhập trong hợp tác xã đã quan tâm đến người nhận khoán ruộng đất. Song, *Khoán 100* cũng còn những hạn chế, đó là: Lợi ích của người nông dân nhận khoán không được chú ý đúng mức, làm yếu dần động lực trực tiếp phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện; sự hợp tác, phân công lao động và công tác quản lý, tức là việc tổ chức lại sản xuất, chuyên môn hóa lao động... không được quan tâm. Vì vậy, đến năm 1984, 1985, sản xuất nông nghiệp của huyện có phần bị chững lại, tác động của *Khoán 100* yếu dần.

Trước yêu cầu khách quan về việc đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 10-NQ/TW *Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp* - gọi là *Khoán 10*, nhằm giải quyết tốt hơn lợi ích của người lao động. Tỉnh ủy Bắc Thái đã chọn Đại Từ chỉ đạo thí điểm *Khoán 10* để từ đó nhân rộng ra toàn tỉnh. Cuối năm 1989, một cuộc Hội thảo về *Khoán 10* được tổ chức tại Đại Từ, gồm đại biểu của

tất cả các huyện, thành, thị và các ngành có liên quan của tỉnh Bắc Thái tham gia. Cuộc hội thảo còn mang tính chất tổng kết gần 2 năm thực hiện *Khoán 10* ở Đại Từ và rút ra những kinh nghiệm cần thiết không chỉ cho Đại Từ, mà trong phạm vi toàn tỉnh.

Với cơ chế *Khoán 10*, ở Đại Từ, qua hội thảo, hộ gia đình được xác định rõ là đơn vị kinh tế tự chủ, quá trình sản xuất (bao gồm cả lương thực và cây công nghiệp) được khép kín trong từng hộ. Nông dân đã có thu nhập tương đối cao do hộ được hưởng toàn bộ thành quả lao động, chi phí gián tiếp sản xuất thấp. Theo kết quả điều tra qua số liệu thống kê năm 1995, việc phân chia lợi ích kinh tế trong nông nghiệp của toàn huyện đã hợp lý hơn, lợi ích của nông dân tăng lên (Nhà nước khoảng 12%, tập thể trên dưới 18%, xã viên 70%, sau khi trừ chi phí còn được hưởng 42 - 44%). Đây là yếu tố cơ bản đưa đến sản lượng lương thực đạt trên 44.000 tấn năm 1995, bình quân lương thực lên tới 320 kg/người¹, giảm hộ đói nghèo từ 40% xuống dưới 10% hộ nghèo và không còn hộ đói.

Cùng với đổi mới cơ chế quản lý, từ năm 1991 trở đi, Đảng bộ Đại Từ coi trọng việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải tiến cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới giàu mạnh, văn minh. Trong sản xuất lương thực, cùng với việc đưa 80%

¹ Những năm trước đó bình quân chỉ đạt từ 170 - 200 kg/người/năm.

giống lúa mới cao sản vào đồng ruộng¹, diện tích trồng ngô đông ở huyện Đại Từ cũng tăng lên, chiếm 25% diện tích gieo trồng; năng suất đạt bình quân 21 tạ/ha, có xã (Cù Vân) đạt 30 tạ/ha.

Nhằm xây dựng nông thôn trong thời kỳ đổi mới, Đại Từ đặc biệt quan tâm đến kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như thủy lợi, điện, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi. Bằng sự trợ giúp của Nhà nước và vốn huy động từ nhiều nguồn, trong thời gian 1990 - 1995, Đại Từ xây dựng các hồ chứa nước Khuôn Nanh (Yên Lãng), Phú Xuyên, Phú Cường, Phú Thịnh, đập ngăn nước Bản Ngoại, trạm bơm điện Hùng Sơn. Mỗi năm, huyện đầu tư cho thủy lợi tới 27% ngân sách².

Năm 1992, huyện thành lập xí nghiệp khai thác thủy nông. Nhờ đó, 20 công trình thủy lợi lớn, vừa và nhỏ được khai thác có hiệu quả cao; đảm bảo việc chủ động tưới và tiêu nước cho đồng ruộng, mở rộng diện tích gieo trồng; góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất cây trồng, đặc biệt là với cây chè, cây ăn quả và cây lương thực vụ đông.

Cùng với việc đầu tư cho thủy lợi, lựa chọn giống cây, con có chất lượng cao, ít sâu bệnh, Huyện ủy chú trọng bồi dưỡng cho người trực tiếp sản xuất những

¹ Năm 1995, huyện đã có vùng lúa cao sản 3.000ha, trong đó có 1.500ha đạt năng suất 50 tạ/vụ/ha.

² Năm 1995, huyện đầu tư cho thủy lợi 6.788 triệu đồng.

kiến thức cơ bản về kỹ thuật, xử lý giống mới, thời vụ, chăm sóc, phòng, chống sâu bệnh cho cây trồng và dịch bệnh cho vật nuôi.

Thực hiện chủ trương trên của Huyện ủy, từ năm 1993 đến năm 1995, Trung tâm Khuyến nông của huyện đã xây dựng 19 ô màu, tập huấn hơn 16 nghìn lượt hộ nông dân về kỹ thuật canh tác. Nông dân trong huyện từng bước được tiếp nhận và áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và chế biến nông sản không chỉ cho năng suất cao, mà còn tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao trên thị trường, đặc biệt là chè búp khô. Nhờ đó, thu nhập của nông dân tăng lên rõ rệt.

Xóa bỏ bao cấp, đổi mới cơ chế quản lý trong sản xuất nông nghiệp, lấy hộ làm đơn vị sản xuất đòi hỏi phải cung ứng kịp thời và đầy đủ cho nông dân về giống, phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ cải tiến... Trong cơ chế thị trường, nông dân có thể có đủ những thứ mình cần ở ngoài thị trường, nhưng sẽ phải chịu giá cao, dễ bị ép giá lúc cao điểm và không kịp thời vụ. Hơn nữa, những hộ nghèo cũng khó kiếm đủ tiền để đầu tư cho sản xuất, chưa kể nông dân dễ mua phải loại vật tư giả, vừa tốn tiền, vừa hại cho sản xuất.

Từ nhận định trên, Huyện ủy Đại Từ chủ trương cải tiến chế độ cung ứng vật tư cho nông dân phù hợp với cơ chế mới, nâng cao trách nhiệm của Trạm Vật tư nông nghiệp huyện, đồng thời huy động mọi nguồn

vốn vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của huyện để cho nông dân vay phục vụ sản xuất. Năm 1992, Đại Từ có nguồn vốn 5.592 triệu đồng cho 13.700 lượt hộ nông dân vay. Năm 1993, số vốn cho vay lên đến 9.195 triệu đồng và số lượt người vay cũng tăng lên 19.396 người. Đến năm 1995, số vốn cho vay tăng lên gấp 2 lần năm 1993 và số người được vay cũng tăng lên nhiều.

Vào những năm đầu, nhất là khoảng thời gian 1989 - 1992, mặc dù là huyện chỉ đạo điếm của tỉnh nhưng việc tổ chức thực hiện đường lối đổi mới trong sản xuất nông nghiệp ở Đại Từ không tránh khỏi những vướng mắc, do đó Huyện ủy tích cực chỉ đạo các ngành tìm cách tháo gỡ để có bước đi thích hợp.

Từ chỗ là cơ quan chỉ huy, điều hành sản xuất và phân phối (nghĩa là quán xuyến toàn bộ từ tổ chức sản xuất, phân công lao động đến phân phối thu thập cho từng người trong hợp tác xã), có nơi Ban quản trị hợp tác xã gần như trở thành một cơ quan hành chính thu nhỏ. Khi chuyển đổi cơ chế quản lý mới, hộ được giao ruộng đất và là đơn vị sản xuất hoàn toàn tự chủ, Ban chủ nhiệm hợp tác xã chuyển thành Ban quản lý và chỉ còn chức năng dịch vụ cho sản xuất. Việc giao ruộng đất cho từng hộ có tác dụng giải phóng sức lao động và kích thích sức sản xuất nhưng cũng gây nên những khó khăn, phức tạp mới ở địa phương, nhất là ở những nơi trước đây không qua cải cách ruộng đất và có hàng

nghìn hộ đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế, văn hóa miền núi.

Trước sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, đồng thời đất nước chưa thoát khỏi khủng hoảng, tâm trạng hoang mang, lo lắng đã nảy sinh trong một số cán bộ, đảng viên và quần chúng. Đây cũng là nhân tố khiến những người thiếu hiểu biết, thiếu vững vàng trước diễn biến mới của tình hình, suy giảm lòng tin... đứng ra tranh giành ruộng đất, lấy danh nghĩa là *đòi lại ruộng ông cha*... Hàng nghìn người, chủ yếu ở các xã miền núi của huyện, trong đó có cả đảng viên, cán bộ đầu ngành của huyện chiếm giữ ruộng đất, không những làm đình đốn sản xuất mà còn gây mất trật tự nông thôn. Tình hình nghiêm trọng đến mức những người ở các tỉnh đồng bằng lên Đại Từ sinh cơ, lập nghiệp trên dưới 30 năm, xây dựng quê hương mới, đang yên vui làm ăn, bỗng chốc hợp tác xã tan vỡ, ruộng đất không có để sản xuất, tương lai ở trong cảnh bần cùng. Trước tình thế đó, nhiều người trở về quê cũ, nhưng cũng không còn ruộng đất, phải di cư vào Tây Nguyên.

Thấy rõ trách nhiệm, lãnh đạo huyện Đại Từ một mặt xin ý kiến chỉ đạo của tỉnh, một mặt phân công cán bộ xuống các xã, họp với các đảng bộ, chính quyền cơ sở tìm cách ổn định tình hình và bàn với dân cùng giải quyết trên cơ sở có lý, có tình. Huyện ủy cũng nghiêm khắc phê phán những cán bộ, đảng viên có hành động

sai trái trong việc tranh chấp ruộng đất, đưa ra khỏi Đảng hơn 10 đảng viên, đồng thời giáo dục, thuyết phục những người do kém hiểu biết mà vi phạm, xử lý nghiêm trọng kẻ cố tình gây căng thẳng ở nông thôn.

Cùng với những biện pháp trên, huyện tích cực mở rộng kinh tế đồi rừng, mở rộng vùng sản xuất chè, cây ăn quả, chăn nuôi thủy sản, dê, bò và các loại gia cầm mà thị trường trong và ngoài tỉnh đang cần. Tình hình ruộng đất ở Đại Từ không còn là một vấn đề gay gắt như trước. Hộ nghèo, hộ thiếu ruộng đã có hướng giải quyết. Hàng vạn hộ nông dân Đại Từ đã yên tâm, phấn khởi sản xuất, xóa đói giảm nghèo, làm giàu cho mình và cho huyện. Hàng nghìn héc-ta đồi trọc trước đây đến năm 1995 đã thành 347 trang trại, có trang trại rộng tới hơn 20ha. Từ kinh tế trang trại, có hộ một năm thu nhập tới 150 triệu đồng. Gần 200 hộ sản xuất giỏi xuất hiện, trở thành hình mẫu, động viên thu hút nông dân trong huyện tích cực làm giàu trên đồng ruộng, đồi rừng và cả dưới ao hồ.

Sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ cùng với những thành tựu đạt được trong thời kỳ đầu đổi mới có ý nghĩa to lớn. Nó khẳng định hướng đi do Đảng bộ đề ra là đúng đắn, đồng thời tạo thêm niềm tin cho toàn huyện trong chặng đường tiếp theo. Về cơ bản, huyện đã giải quyết được vấn đề phát triển sản xuất, mở rộng lượng hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp, ổn định tình hình nông thôn (Đại Từ đã

bố trí được 417 trường thôn, trường xóm), từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế nông nghiệp bình quân trong 5 năm (1991 - 1995) là 5,9%, cao hơn mức bình quân chung của tỉnh Bắc Thái thời kỳ đó¹.

Bên cạnh những thành công, Huyện ủy cũng nhận thức về nhiều vấn đề tồn tại cần được tiếp tục giải quyết, đó là các xã vùng sâu, vùng xa của huyện vẫn còn nghèo, ruộng đất lại ít, trình độ dân trí thấp. Phương sách đưa các xã này tiến kịp các xã khác còn là một bài toán khó đối với Đảng bộ Đại Từ. Mặt khác, thị trường tiêu thụ nông sản của Đại Từ còn bấp bênh, thiếu ổn định. Đã có lúc, một số sản phẩm nông nghiệp chính của Đại Từ trên thị trường xuống giá tới mức nông dân không đủ tiền chi phí. Vì vậy, đổi mới công nghệ chế biến để nâng cao giá trị nông sản hàng hóa ở Đại Từ là một đòi hỏi cấp bách. Vấn đề ở cả ba khâu: vốn, giống và kỹ thuật cũng chưa đủ để nông dân phát huy thế mạnh và tiềm năng đất đai, khí hậu và địa lý. Vốn đầu tư của Nhà nước cho nông nghiệp hằng năm đều tăng nhưng chưa đủ để làm bật dậy tiềm năng nông nghiệp tương đối đa dạng như huyện Đại Từ. Ngoài ra, cơ chế quản lý mới trong sản xuất nông nghiệp cũng còn nhiều lúng túng, nhất là ở những xã vùng sâu, vùng xa.

¹ Theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đại Từ trình Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX (ngày 30/1/1996).

Diện tích đất lâm nghiệp của Đại Từ gồm 24.725ha, trong đó hơn 90% là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, chỉ có 1.250ha có thể đưa vào khai thác kinh doanh. Do đó trồng và bảo vệ hơn 24.000ha rừng của Đại Từ có ý nghĩa không chỉ cho huyện, mà còn cho cả vùng phía Nam tỉnh Thái Nguyên và cũng có ý nghĩa đối với các huyện Sóc Sơn (Hà Nội), Hiệp Hòa (Bắc Giang). Ngay từ năm 1989, Đảng bộ Đại Từ đã đưa vấn đề trồng và bảo vệ rừng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân trong huyện. Mục tiêu đề ra trong 5 năm (1989 - 1994) đối với Đại Từ là phải phủ xanh 8.000ha đất trồng, đồi núi trọc. Được sự đầu tư vốn của Nhà nước, theo Chương trình 327, sự hỗ trợ quốc tế theo chương trình PAM và nguồn vốn huy động trong dân bằng chủ trương giao đất, giao rừng cho nông dân, lấy Hội Nông dân làm nòng cốt, các tổ chức quần chúng rộng rãi khác như Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ phối hợp với cơ quan nông nghiệp và phát triển nông thôn và lâm trường của huyện đã hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật trồng rừng. Đến năm 1994, Đại Từ đã trồng được 10.300ha, bao gồm cả đồi rừng, vườn rừng và cây phân tán, vượt chỉ tiêu đề ra ban đầu 2.300ha, trong đó có những vườn rừng có giá trị kinh tế cao, mỗi năm thu 600 - 800 triệu đồng từ sản xuất lâm nghiệp.

Đi đôi với trồng rừng là nhiệm vụ bảo vệ rừng. Với hơn 2 vạn héc-ta rừng đầu nguồn và phòng hộ cho công trình đại thủy nông hồ Núi Cốc và hạ lưu sông Công, nếu không được bảo vệ và chăm sóc tốt sẽ là thảm họa cho gần 30 vạn dân sống hai bên sông Công từ trung lưu đến hạ lưu. Vì vậy, Đảng bộ Đại Từ xác định đây là nhiệm vụ có tính chất chiến lược.

Từ nhận thức này, Huyện ủy Đại Từ đã tiếp tục tăng cường chỉ đạo đầu tư ngân sách, lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ rừng. Đảng bộ đã mở nhiều đợt tuyên truyền giải thích cho nhân dân trong huyện về nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, tiến hành khẩn trương giao đất, giao rừng, làm cho mỗi héc-ta rừng đều có chủ, có người chăm sóc, bảo vệ. Huyện ủy chủ trương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ với lâm trường và hạt kiểm lâm, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng của tỉnh về công tác bảo vệ rừng trên địa bàn huyện; đồng thời khoanh 1.249ha rừng cho phép khai thác phục vụ dân sinh, có hướng chuyển nghề cho những người đốn củi lấy than.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện công tác bảo vệ rừng ở Đại Từ gặp nhiều khó khăn. Do thiếu lương thực, nhân dân các dân tộc ở quanh các chân rừng đã phá rừng làm rẫy trồng cây lương thực. Sau này, khi đồng bào ở dưới xuôi lên phát triển kinh tế, thiếu ruộng cũng vào rừng chặt cây, đốt bãi trồng chè, sắn...

Đến những năm đổi mới, kinh tế thị trường mở rộng, nhiều thành phần kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng lên. Điều đó đã khiến cho hàng nghìn người từ các nơi trong và ngoài tỉnh vào rừng cấm của Đại Từ khai thác gỗ, tàn phá rừng đầu nguồn. Hàng trăm lò đốt gỗ tốt lấy than, các lò chưng cất dầu từ gỗ gù hương lén lút hoạt động suốt ngày đêm, thiêu cháy hàng trăm mét khối gỗ. Tất cả những hiện tượng trên làm cho diện tích rừng bị tàn phá tăng lên gấp 10 lần số rừng trồng mới của huyện.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, một mặt Đảng bộ kiên quyết tập trung lãnh đạo, phát huy vai trò của các cơ quan chuyên môn (Phòng Nông Lâm nghiệp, Lâm trường, Kiểm lâm), mặt khác tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái trong nhân dân. Nhờ đó, đến năm 1995, số rừng bị phá chỉ còn bằng 1/10 năm 1991. Dù chỉ là bước đầu và còn nhiều khó khăn, nhưng đây là một thành công lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ trong công tác chăm sóc, bảo vệ rừng.

Huyện Đại Từ không chỉ phong phú về các loại lâm sản mà còn rất giàu tài nguyên khoáng sản: Than, quặng thiếc, chì, măng-gan... Mỏ than và thiếc ở Đại Từ có trữ lượng lớn. Mỏ than Làng Cấm có độ nhiệt đặc biệt, ít nơi nào sánh kịp. Mỏ này đã bị thực dân Pháp khai thác từ đầu thế kỷ XX. Mỏ than Núi Hồng cũng có trữ lượng lớn, được đưa vào khai thác theo phương

thực hiện đại hơn từ năm 1989. Hằng năm, mỏ có thể cung cấp cho thị trường 3 vạn tấn than. Các mỏ thiếc Đại Từ mỗi năm xuất khẩu hàng nghìn tấn ra thị trường quốc tế.

Ngành công nghiệp chế biến chè ở Đại Từ hằng năm cũng đưa ra thị trường trong và ngoài nước một khối lượng lớn, chiếm nửa số chè của tỉnh Bắc Thái. Bên cạnh đó, mỗi năm huyện Đại Từ còn sản xuất được hàng vạn tấn vôi xây dựng.

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, nhất là từ sau năm 1990, Đảng bộ Đại Từ chủ trương tập trung sự lãnh đạo của Huyện ủy để cùng với cơ quan chủ quản giữ vững và phát triển sản xuất của 4 đơn vị công nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn huyện (Mỏ than Làng Cẩm, Mỏ than Núi Hồng, Xí nghiệp Cơ khí mỏ và Xí nghiệp liên hiệp chè Quân Chu). Trên cơ sở đó, bản thân các xí nghiệp công nghiệp không những tạo ra nhiều sản phẩm có uy tín mà còn tạo ra thị trường tiêu thụ.

Đối với tiểu thủ công nghiệp, huyện chủ trương khuyến khích những người có vốn, có tay nghề giỏi đứng ra sản xuất, chế biến nông, lâm sản. Đến năm 1994, toàn huyện đã có gần 100 đơn vị sản xuất gia đình hoặc tổ hợp làm vôi, gạch, đóng đồ mộc, cơ khí sản xuất (máy sao, vò chè, nông cụ cải tiến), cơ khí sửa chữa tạo ra hàng vạn sản phẩm phục vụ cho sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc trong huyện, làm

phong phú thêm kinh tế thị trường của huyện. Ngân sách của huyện nhờ đó cũng tăng lên.

Sản xuất nông - lâm - công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển đã tạo nguồn thu nhập cho ngân sách huyện. Nếu năm 1990, huyện thu được 1.600 triệu đồng thì năm 1995 đạt 9 tỷ đồng (vượt chỉ tiêu tỉnh giao 20%). Những năm 1990 - 1995, về cơ bản, huyện đã tự cân đối được thu chi, đảm bảo mọi hoạt động trong huyện.

Từ khi chuyển sang cơ chế mới, Đảng bộ Đại Từ đã linh hoạt và nhạy bén, sớm có chủ trương tạo thị trường, mở rộng thị trường trước hết vì đời sống và sản xuất của hơn 13 vạn người dân trong huyện. Dựa vào chủ trương *bung ra* của Nhà nước, các cấp chính quyền và các cơ quan kinh doanh của huyện chủ động tìm kiếm nơi tiêu thụ sản phẩm và khai thác nguồn hàng về phục vụ đồng bào trong huyện. Các loại sản phẩm: chè búp khô, măng, song mây... của Đại Từ đã vào đến các tỉnh phía Nam. Tuy nhiên, phải đến khi Nhà nước thực sự mở cửa, Chính phủ kiên quyết nghiêm cấm việc “cấm chợ ngăn sông” thì hoạt động thương nghiệp, dịch vụ của Đại Từ mới thực sự sôi động. Huyện mở cửa cho tất cả các nguồn hàng được phép kinh doanh đến huyện, khuyến khích người có vốn bỏ ra kinh doanh, nhất là kinh doanh các mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc ở các xã vùng sâu, vùng xa, những nơi còn nhiều khó khăn về giao thông.

Ngoài việc xây dựng trung tâm thương mại của huyện tại thị trấn Đại Từ, trong thời gian này, huyện còn mở nhiều chợ ở các xã miền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa. Sản phẩm làm ra của nông dân được tiêu thụ kịp thời, không bị hư hỏng do không phải vận chuyển đến nơi xa để tiêu thụ.

Nhìn lại 10 năm đổi mới, kinh tế nông - lâm - công nghiệp của Đại Từ đã thu được những thắng lợi thực sự to lớn. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc đã có những chuyển biến căn bản. Hàng nghìn gia đình nông dân đã làm được nhà mái bằng, nhiều hộ làm được nhà cao tầng. Khoảng 33% số hộ có máy thu hình, trên 70% có máy thu thanh, 10% có xe máy, hơn 200 hộ có thủy điện nhỏ, 200 máy xay xát, máy tuốt lúa, 177 máy bơm nước và trên 20 máy kéo các loại. Từ 3 xã có mạng lưới điện quốc gia (năm 1991), đến năm 1995, đã mở rộng ra 16 xã¹.

Trên cơ sở phát triển kinh tế, Đảng bộ Đại Từ phát động toàn thể các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân trong huyện chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Đảng bộ coi đây là những nhiệm vụ mấu chốt trong chiến lược xây dựng con người mới phát triển toàn diện.

Đại Từ vốn là quê hương có truyền thống hiếu học, nhất là sau Cách mạng Tháng Tám. Trong kháng

¹ Tạp chí Lịch sử Đảng (1996), Đại Từ những năm đổi mới, số 7.

chiến chống Pháp, huyện nằm trong an toàn khu, có điều kiện xây dựng nền giáo dục mới. Song, vào những năm đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế, sự nghiệp giáo dục của Đại Từ bị sa sút nghiêm trọng. Có lúc trong thời gian dài, gần 1.000 giáo viên không được lĩnh lương đúng thời hạn. Các chế độ theo tem phiếu như lương thực, thực phẩm không được cung cấp đầy đủ, kịp thời. Đời sống giáo viên gặp rất nhiều khó khăn, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy. Số học sinh bỏ học lên tới trên 14%. Khoảng 21% số học sinh đến tuổi đi học không được đến trường do hoàn cảnh gia đình nghèo đói. Cơ sở vật chất của trường học còn hạn chế, vẫn còn trường lớp dột nát. Trong năm học 1985 - 1986, số học sinh phổ thông cơ sở tốt nghiệp chỉ đạt 86,31%; số học sinh phổ thông trung học đạt 62,86% (tính cả số xét vớt).

Từ năm 1992, khi đời sống nhân dân tạm ổn định, Đảng bộ Đại Từ đã có chủ trương từng bước đầu tư cho sự nghiệp giáo dục cao hơn nhịp độ đầu tư của các chương trình khác. Cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động từng bước thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa sự nghiệp giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Bắc Thái lần thứ VI, Huyện ủy chủ trương hằng năm dành phần lớn ngân sách đầu tư cho giáo dục, quy hoạch lại hệ thống trường sở nhằm mở rộng cơ sở giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đi học.

Thực hiện chủ trương trên, huyện cho sáp nhập hai trường phổ thông trung học (cấp III), xây dựng thêm trường cấp II; mở rộng hệ thống trường cấp I (chủ yếu lớp 1) đến tận các bản làng. Một số trường phổ thông còn mở được các lớp dành cho trẻ em khuyết tật, các lớp bán công, dân lập. Các ngành, các cấp và các đoàn thể vận động từng hộ gia đình góp công, góp của cùng Đảng bộ, chính quyền xây dựng trường lớp, đồng thời tổ chức giúp đỡ những gia đình túng thiếu để có điều kiện cho con đi học. Phong trào khuyến học nhằm động viên các cháu đi học chăm, học giỏi, cũng được phát động rộng rãi trong toàn dân.

Đối với đội ngũ giáo viên, huyện từng bước ổn định, nâng cao dần mức sống cho hơn 1.000 thầy cô giáo, giúp họ yên tâm, phấn khởi, có trách nhiệm hơn với nghề. Ngoài việc trả lương, phụ cấp kịp thời, đầy đủ, các xã trong huyện còn dành hàng chục héc-ta ruộng đất để các thầy, cô giáo tăng gia sản xuất, cải thiện dần đời sống. Hằng năm, huyện tổ chức nhiều đợt, nhiều lớp bồi dưỡng cho giáo viên về chính trị, chuyên môn, khuyến khích phong trào thi đua dạy giỏi. Năm 1995, huyện có 10 giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi cấp tỉnh và hàng chục người đạt tiêu chuẩn giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

Bằng những biện pháp tích cực đó, sự nghiệp giáo dục ở Đại Từ đã có bước phát triển mới cả về số lượng và chất lượng. Đến năm học 1995 - 1996, toàn huyện

có 46 trường phổ thông, thu hút 41.060 học sinh đến học (tăng 3.272 học sinh so với năm học 1994 - 1995); các cháu trong độ tuổi nhà trẻ có 1.028 cháu; độ tuổi mẫu giáo có 3.494 cháu được đến trường. Hầu hết các xã đều có nhà trẻ, mẫu giáo duy trì hoạt động tốt. Chất lượng giáo dục ngày một nâng cao. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp của các trường phổ thông cơ sở năm học 1994 - 1995 đạt từ 95 đến 99%; học sinh trung học tốt nghiệp đạt 92,3%. Số học sinh giỏi của Đại Từ ngày một tăng (riêng năm 1995 có 9 học sinh giỏi cấp tỉnh, được cử đi thi học sinh giỏi cấp quốc gia). Học sinh bỏ học trong toàn huyện năm 1994 chỉ còn 1,8%.

Tiêu biểu cho phong trào dạy tốt, học tốt của huyện là các trường thị trấn Đại Từ, các xã Hà Thượng, La Bằng, Văn Yên, Yên Lãng, Tiên Hội. Trong nhiều năm, Đại Từ được lựa chọn là đơn vị tiên tiến về giáo dục của tỉnh Bắc Thái. Năm 1993, được công nhận là huyện phổ cập tiểu học và xóa mù chữ, 29/30 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập tiểu học.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới được đẩy mạnh trong toàn huyện. Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, năm 1994, huyện Đại Từ đã triệu tập Hội nghị các già làng, trưởng bản, những người có uy tín cao ở các làng. Tại Hội nghị, Huyện ủy động viên các già làng, trưởng bản vận động con cháu, bà con xóm

làng tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cụm dân cư có nếp sống văn minh tiến bộ, đấu tranh chống lại kẻ xấu xuyên tạc chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo đúng đắn của Đảng, thiết thực góp phần xây dựng nông thôn mới. Phong trào văn hóa, văn nghệ cũng từng bước được khôi phục, nâng cao dần về nghệ thuật, luôn đạt các thành tích cao trong các hội thi, hội diễn của tỉnh Bắc Thái. Phong trào thể dục thể thao, nhất là các môn bóng đá, cầu lông phát triển rộng khắp từ cơ quan, xí nghiệp, trường học đến các thôn xóm. Hệ thống truyền thanh, tiếp sóng truyền hình từng bước được mở rộng đến hầu hết các xã trong huyện. Do vậy, ngay từ năm 1988, huyện Đại Từ đã được công nhận là một đơn vị có phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao khá nhất tỉnh Bắc Thái.

Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và các đối tượng chính sách khác được các cấp ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm. Đến năm 1995, có 15 mẹ ở Đại Từ được Đảng và Nhà nước trao quyết định công nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, 1 Anh hùng Lao động, 42 gia đình và 106 cá nhân được cấp chứng nhận có công với nước, số đối tượng chính sách của huyện là 5.084 người¹. Những năm gần đây, kinh tế phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ thực hiện tốt chính sách xã hội. Huyện ủy đã chỉ huy

¹ Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên (1995 - 1997) - Cục Thống kê Thái Nguyên (tháng 8/1998).

các ngành, các cấp trong huyện quan tâm nhiều đến các đối tượng chính sách bằng những việc làm có ý nghĩa thiết thực: Xây nhà tình nghĩa, nhận nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cha mẹ liệt sĩ và nhận đỡ đầu con liệt sĩ, tặng sổ tiết kiệm, vườn cây tình nghĩa, thẻ bảo hiểm y tế...

Ngành y tế Đại Từ có bước phát triển khá cả về đội ngũ thầy thuốc, cơ sở và phương tiện khám chữa bệnh, đáp ứng được nhiệm vụ chăm lo bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương. Năm 1993, Đại Từ có 1 bệnh viện huyện, 30 trạm xá xã và 191 cán bộ y tế. Đến năm 1995, số cán bộ y tế có trình độ từ trung cấp trở lên là 198 người, được bố trí ở Trung tâm Y tế huyện và các trạm xá xã. Cơ sở vật chất - kỹ thuật tại bệnh viện huyện và các trạm xá xã từng bước được trang bị đầy đủ hơn, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho trên dưới 40 nghìn lượt người mỗi năm. Từ năm 1986 đến năm 1994, trên địa bàn Đại Từ không xảy ra dịch bệnh. Trong nhiều năm liền, huyện Đại Từ luôn hoàn thành xuất sắc chương trình tiêm chủng mở rộng.

Cùng với đội ngũ cán bộ chuyên trách, mạng lưới công tác viên làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được tăng cường và phát triển rộng khắp xuống từng địa bàn, kể cả những xã xa xôi hẻo lánh như Quân Chu, Phúc Lương, Đức Lương, Na Mao. Nhờ đó, công

tác quản lý, truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình trong huyện đạt kết quả tốt, góp phần hạ tỷ lệ phát triển dân số (năm 1991 tỷ suất sinh thô là 5% đến năm 1996 xuống còn 1%).

Đi đôi với việc phát triển kinh tế - văn hóa, Đảng bộ Đại Từ đặt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh vào vị trí chiến lược, có ý nghĩa hàng đầu. Huyện Đại Từ tiếp giáp với tỉnh Tuyên Quang, Vĩnh Phúc bằng những dãy núi rừng trùng điệp. Ngoài quốc lộ, tỉnh lộ giao lưu thuận lợi với 2 tỉnh, Đại Từ còn có nhiều con đường mòn len lỏi trong các khu rừng. Ở những xã vùng sâu, vùng xa có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống. Đời sống kinh tế, trình độ mọi mặt trong đồng bào còn thấp. Những phần tử xấu thường lợi dụng những nơi này để lén lút hoạt động phi pháp. Trên địa bàn huyện Đại Từ còn có các bãi khai thác quặng thiếc, nơi thường tụ tập mọi tầng lớp xã hội... Từ năm 1986 đến năm 1990, tình hình an ninh trật tự ở một số nơi diễn ra khá phức tạp. Một số phần tử xấu lợi dụng hiện tượng tranh chấp ruộng đất của 1 bộ phận nông dân để kích động, xuyên tạc sự thật. Lợi dụng chủ trương mở rộng giao lưu hàng hóa, bọn buôn bán hàng cấm, hàng lậu ngày đêm hoạt động trên trục đường Sơn Dương (Tuyên Quang), Đại Từ (Bắc Thái). Tại các bãi khai thác quặng thiếc ở Cù Vân, Hà Thượng, mỏ than Núi Hồng, có lúc tập trung tới hàng nghìn người tứ xứ tới đây đào bới, tranh giành, đâm chém nhau. Nghiện hút, mại dâm

cùng xuất hiện ở những nơi này. Trên rừng, “lâm tặc” khai thác gỗ trộm chặt đốn cây bừa bãi. Dưới hồ Núi Cốc là hiện tượng đánh bắt cá trộm bằng chất nổ, làm phá hủy môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến trật tự trị an, đe dọa sự an toàn của các công trình.

Để khắc phục tình trạng trên, Đảng bộ tổ chức cho toàn thể cán bộ, đảng viên, toàn dân trong huyện học tập Chỉ thị số 135-HĐBT ngày 14/5/1989 và Quyết định số 240-HĐBT ngày 26/6/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tội phạm, chống tham nhũng, làm cho mọi người hiểu đầy đủ tình hình quốc phòng, an ninh của huyện, đối tượng phải đấu tranh và trách nhiệm của các cấp, mỗi ngành, mỗi người ở trong huyện. Đồng thời, Ban chỉ đạo triển khai Kế hoạch số 39 của Ủy ban nhân dân huyện về tấn công truy quét bọn tội phạm cũng được thành lập.

Nhờ đó, trong 10 năm (1986 - 1995), trên địa bàn huyện, tình hình an ninh chính trị từng bước được ổn định. Một số hiện tượng xảy ra ở một số nơi đều được giải quyết kịp thời. Đến tháng 9/1995, các đối tượng nghiện trong huyện đã có hồ sơ, lần lượt được đưa đến cai nghiện tại trung tâm của tỉnh, huyện và tại cộng đồng. Hầu hết các xã đã xây dựng được quy ước an ninh, có ý kiến toàn dân đóng góp và cam kết thực hiện. Lực lượng công an từ huyện đến cơ sở thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ, xuống với dân, cùng dân bảo vệ trật tự ở từng cơ sở.

Do đó, không những trong nhiều năm giữ vững truyền thống đơn vị tiên tiến của tỉnh về công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, huyện Đại Từ còn đạt danh hiệu đơn vị lá cờ đầu về công tác quân sự địa phương suốt 11 năm liên tục (1985 - 1995). Từ cán bộ, đảng viên đến từng người dân trong huyện đều nhận rõ được trách nhiệm của mình trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Trên cơ sở kiện toàn bộ máy và xây dựng chế độ quản lý cụ thể, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, cơ quan chỉ huy quân sự huyện định ra chế độ huấn luyện, tuyển quân cho từng loại đối tượng. Trong 2 năm (1992 - 1993), huyện Đại Từ đã động viên gần 1.000 sĩ quan và hạ sĩ quan tham gia diễn tập phòng thủ khu vực theo sự chỉ đạo của Quân khu 1. Phần lớn cán bộ, chiến sĩ dùi quân ngũ về địa phương đều được động viên tham gia công tác ở cơ sở. Lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ Đại Từ thực sự là công cụ, là chỗ dựa của Đảng bộ và chính quyền, nơi tin cậy của nhân dân các dân tộc trong huyện lúc bình an cũng như khi có biến động.

Mười năm (1986 - 1995) tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện ở Đại Từ đã đem lại đời sống ngày càng no đủ cho 13 vạn dân, tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân trong huyện vững bước đi lên cùng với sự phát triển của đất nước.

II. Tiếp tục công cuộc đổi mới toàn diện, bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2000)

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1995), nước ta đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng một cách đồng bộ và có hiệu quả hơn. Mặc dù vậy, đất nước vẫn phải đương đầu với nhiều thách thức như nguy cơ tụt hậu xa về kinh tế, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, tệ quan liêu, tham nhũng, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa...

Trong bối cảnh chung của đất nước, đến hết năm 1995, Đại Từ cơ bản vẫn là một huyện miền núi gặp nhiều khó khăn của tỉnh. Đối mặt với những thách thức của 10 năm đầu thực hiện đổi mới, Đảng bộ huyện đã khẳng định rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, từng bước đưa Đại Từ vượt qua khó khăn, đạt được nhiều kết quả trong phát triển kinh tế - xã hội. Sau khi thực hiện *Khoán 10*, tổng sản lượng lương thực quy thóc vượt 3.000 tấn so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra. Hệ thống điện - đường - trường - trạm trên địa bàn huyện bước đầu được đầu tư nâng cấp, xây dựng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, tạo điều kiện cho các ngành sản xuất phát triển,

đồng thời góp phần khôi phục công tác giáo dục, y tế trước đây bị sa sút. Đời sống sinh hoạt của hàng nghìn hộ dân trên địa bàn huyện được cải thiện đáng kể. Hệ thống chính trị cơ bản ổn định. Quốc phòng, an ninh được giữ vững... Những kết quả trên là tiền đề cần thiết cho huyện Đại Từ cùng cả nước chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 9/3/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII*, từ ngày 4/2/1996 đến ngày 6/2/1996, Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XIX (nhiệm kỳ 1996 - 2000) tại hội trường Ủy ban nhân dân huyện với sự tham dự của 196 đại biểu đại diện cho gần 5.000 đảng viên ở các tổ chức cơ sở đảng trong huyện.

Với tinh thần dân chủ, đoàn kết, trí tuệ và trách nhiệm cao, sau khi thống nhất ý kiến đóng góp vào dự thảo các văn kiện của Trung ương, Tỉnh ủy, trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn, Đại hội tập trung thảo luận Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 1996 - 2000.

Đại hội khẳng định những kết quả mà cán bộ và nhân dân trong huyện đạt được là to lớn, cơ bản đưa Đại Từ thoát khỏi đói nghèo, từng bước ổn định đời

sống nhân dân; đồng thời cũng chỉ rõ những yếu kém, hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân dẫn đến tồn tại, yếu kém. Đại hội rút ra 4 kinh nghiệm chủ yếu:

Thứ nhất: Vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn của huyện, từ đó xây dựng kế hoạch, mục tiêu, các giải pháp cụ thể, tập trung chỉ đạo dứt điểm các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra hằng năm.

Thứ hai: Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, từ đó nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng ở các chi bộ, đảng bộ nhất là khu vực nông thôn.

Thứ ba: Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng, xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ thoái hóa, biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng để nâng cao sức chiến đấu của Đảng...

Thứ tư: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, huy động tối đa sức mạnh của nhân dân để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, giữ vững và ổn định an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Những phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội được Đại hội đề ra trong nhiệm kỳ: Sản xuất tổng sản lượng lương thực đạt 55.000 tấn; đàn lợn đạt 60.000 con, đàn trâu 20.000 - 23.000 con, đàn bò 4.000 - 5.000 con; nâng tổng diện tích chè toàn huyện lên 3.500ha,

trong đó diện tích trồng mới 1.000ha; nâng diện tích trồng rừng lên 2.000ha; giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 20%/năm; thu ngân sách bình quân tăng 15% năm; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng; tăng cường xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX được bầu gồm 35 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu 11 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện ủy, trong đó đồng chí Chu Văn Nhân được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Chu Hồng Việt và đồng chí Nguyễn Văn Chất được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Bước vào thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX đề ra, huyện Đại Từ có nhiều thuận lợi: Những thành tựu đạt được trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, 20 năm xây dựng quê hương trong điều kiện đất nước hòa bình đã từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Số hộ khá và hộ giàu tăng lên, số hộ đói - nghèo giảm rõ rệt; các xã đều có trường học, trạm y tế và các công trình phúc lợi xã hội. Bên cạnh đó, những tiềm năng, thế mạnh về đất đai, nhân lực của huyện đang từng bước được khai thác. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện nhạy bén tiếp thu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tình hình an ninh - chính trị trên địa bàn được giữ vững.

Tuy nhiên, cán bộ và nhân dân trong huyện cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước. Cơ sở hạ tầng bước đầu được đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. So với nhiều huyện trong tỉnh, Đại Từ có vốn đầu tư ít, chuyển dịch cơ cấu ngành nghề còn chậm; nhận thức của một số cán bộ, đảng viên và nhân dân về nền kinh tế nhiều thành phần còn hạn chế, chưa theo kịp tiến trình đổi mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc Đại Từ đoàn kết chặt chẽ, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng, thế mạnh, phấn đấu tạo ra đột phá trên nhiều lĩnh vực.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV đã nhấn mạnh: *Trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là xây dựng tổ chức đảng, rèn luyện đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 3 (khóa VIII)*. Quán triệt tinh thần Nghị quyết của Tỉnh ủy, công tác xây dựng Đảng được Huyện ủy Đại Từ chú trọng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, đặc biệt là âm mưu *Diễn biến hòa bình* của các thế lực thù địch, những tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường..., Huyện ủy nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện

đại hóa, tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đảm bảo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng bộ và nhân dân. Các nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, 3, 4, 5, 6 (khóa IX), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV được quán triệt sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Qua đó, nâng cao năng lực chính trị của Đảng bộ, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (1996 - 2000).

Điểm đáng chú ý trong việc củng cố tổ chức của Huyện ủy Đại Từ nhiệm kỳ này là việc kiện toàn cấp ủy theo quyết định luân chuyển của tỉnh hoặc theo tình hình thực tế địa phương. Từ tháng 8/1999, đồng chí Chu Văn Nhãn được điều động về tỉnh, đồng chí Nguyễn Văn Chất - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân được cử giữ chức Bí thư Huyện ủy¹. Tháng 8/2000, đồng chí Nguyễn Văn Chất chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Hoàng Văn Sinh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính được Tỉnh ủy điều động về giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy. Tháng 12/1999, đồng chí Chu Hồng Việt - Phó Bí thư Thường trực chuyển công tác lên tỉnh, đồng chí Triệu Minh Thái - Ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ và làm Thường trực Đảng. Công tác kiện toàn, củng cố cấp ủy được thực hiện thường xuyên góp phần tạo ra sức bật mới, phát hiện và tạo điều kiện cho những nhân tố mới

¹ Sau này, đồng chí Nguyễn Văn Chất bị kỷ luật Đảng.

thể hiện năng lực lãnh đạo. Tuy nhiên, đây cũng là một hạn chế khi đội ngũ cán bộ thường xuyên luân chuyển, biến động, công tác bị gián đoạn...

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần 3 (khóa VIII) về *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Huyện ủy tập trung xây dựng cán bộ cơ sở, phân cấp quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo. Từ năm 1996 đến năm 2000, huyện đã cử hơn 100 cán bộ đi học chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Đến cuối năm 2000, 76% cán bộ cấp xã, thị trấn có trình độ từ trung cấp chính trị trở lên. Trong 5 năm, Đảng bộ huyện bồi dưỡng, kết nạp thêm 744 đảng viên mới, trong đó chủ yếu là đảng viên nông thôn.

Giai đoạn 1996 - 2000 là giai đoạn công tác kiểm tra Đảng được thực hiện quyết liệt, hạn chế biểu hiện né tránh. Ngoài những đợt kiểm tra lớn theo chương trình, kế hoạch hằng năm, trong 5 năm (1996 - 2000), Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy còn kiểm tra và phát hiện hàng trăm đảng viên có dấu hiệu vi phạm, xử lý kỷ luật 55 đảng viên (trong đó khiển trách 5, cảnh cáo 17, cách chức 13, khai trừ 20). Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 14/2/1998 của Bộ Chính trị về công tác kiểm tra Đảng trong tình hình mới, Đảng bộ huyện đổi mới về nội dung và phương pháp, trong đó chú trọng phát huy quyền dân chủ trong sinh hoạt Đảng để mọi cán bộ, đảng viên đều có quyền và trách nhiệm trong

công tác này. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy xây dựng kế hoạch, tập trung giải quyết dứt điểm đơn thư tố cáo, khiếu nại của quần chúng nhân dân đối với tổ chức Đảng và đảng viên. Việc xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm đã làm cho cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng của Đảng bộ huyện Đại Từ đi vào chiều sâu, củng cố niềm tin của quần chúng đối với Đảng.

Một trong những điểm nhấn trong xây dựng Đảng bộ huyện Đại Từ giai đoạn 1996 - 2000 là triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng* nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Trên cơ sở Kế hoạch số 13-KH/TU và Hướng dẫn số 15-HD/TU ngày 28/6/1999 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Đảng bộ huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện cuộc vận động, xây dựng kế hoạch, mở hội nghị cán bộ để nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và thảo luận xây dựng chương trình hành động; đồng thời giao cho các đồng chí huyện ủy viên, bí thư các chi bộ, đảng bộ trực thuộc, lãnh đạo ban ngành, đoàn thể trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Huyện ủy về việc tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở địa phương, đơn vị mình phụ trách.

Huyện ủy cũng ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung, phương châm, phương pháp, các bước tiến hành để các cơ sở, ban ngành thực hiện thống nhất. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, các chi bộ, đảng bộ trực thuộc đã xây dựng kế hoạch, tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt Nghị quyết, thảo luận xây dựng chương trình hành động, kế hoạch kiểm điểm, tự phê bình và phê bình.

Với tinh thần nghiêm túc, đến cuối năm 1999, các cơ sở đảng của huyện đã tiến hành xong việc học tập, quán triệt Nghị quyết với tỷ lệ đảng viên tham gia học tập đạt 91%; có các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức được nội dung, ý nghĩa quan trọng của Nghị quyết Trung ương 6 và cuộc vận động *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng*.

Sau hơn một năm thực hiện cuộc vận động *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng* theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), dưới sự lãnh đạo tập trung của Ban Thường vụ Huyện ủy và cấp ủy Đảng cơ sở, với phương châm coi trọng giáo dục, nâng cao nhận thức, kết hợp giữa xây và chống, lấy xây làm chính; nâng cao tinh thần tự giác kiểm điểm, sự gương mẫu tự phê bình của các tập thể và cá nhân các đồng chí lãnh đạo nên đã đạt được những kết quả bước đầu. Đa số đảng viên trong Đảng bộ có chuyển biến tích cực trong nhận thức, tư tưởng và hành động; trình độ chính trị được

nâng lên, ngày càng phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo. Mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân lao động được củng cố, quần chúng ngày càng tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo, tổ chức thành công cuộc bầu cử Quốc hội khóa X (ngày 20/7/1997) và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp (tháng 11/1999). Hội đồng nhân dân từ huyện xuống các xã tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật và nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chuẩn bị chu đáo nội dung các kỳ họp, chủ động phối hợp với các ban, ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu; duy trì các cuộc họp Hội đồng nhân dân đúng thời hạn. Công tác tiếp xúc và giải quyết kiến nghị của cử tri có nhiều đổi mới, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc từ cơ sở. Hội đồng nhân dân còn kịp thời phát hiện và ngăn ngừa tiêu cực, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và tập hợp sức mạnh toàn dân làm cho huyện ngày càng phát triển.

Ủy ban nhân dân huyện thể chế hóa và điều hành thực hiện hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện đề ra. Năm 1999, Chính phủ ra Nghị định số 18/1999/NĐ-CP về việc *Điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập các xã, phường thuộc các huyện Đại Từ,*

Phổ Yên, thị xã Sông Công. Trên cơ sở đó, xã Tân Linh được thành lập với diện tích tự nhiên là 2,344ha và 4.876 nhân khẩu (tách ra từ xã Phục Linh).

Ngày 8/9/1998, Chính phủ ra Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ban hành *Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.* Thực hiện Nghị định trên, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch giáo dục, thông suốt tư tưởng cho cán bộ, công chức (nhất là những cán bộ giữ chức vụ chủ chốt trong chính quyền) nhằm phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Hầu hết các cơ quan, đơn vị trong huyện đã xây dựng quy chế làm việc, nội dung công việc như kế hoạch, nhiệm vụ công tác, kinh phí, tài chính, các khoản thu chi; công khai chế độ liên quan đến lợi ích của cán bộ, công chức; lấy ý kiến khi đề bạt, bổ nhiệm, kỷ luật cán bộ, công chức... Một số nội dung quy định trong Nghị định số 71/1998/NĐ-CP được triển khai nghiêm túc như việc tiếp dân, lập hòm thư góp ý, ban hành nội quy làm việc, phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hành của thủ trưởng cơ quan, đơn vị với bí thư cấp ủy trong việc chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ chuyên môn... Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan đã góp phần cải thiện tác phong, lối sống, làm việc có khoa học theo hướng dân chủ hóa và công khai hơn, hạn chế dần các biểu hiện tiêu cực như cửa quyền, quan liêu, lãng phí, tham nhũng, bảo vệ lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của cán bộ, công chức.

Tiếp tục quán triệt Nghị quyết 8B ngày 27/3/1990 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về *Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân*, Huyện ủy chỉ đạo Mặt trận và các đoàn thể nhân dân bám sát nhiệm vụ chính trị của huyện, tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Đại Từ triển khai nhiều cuộc vận động và phong trào như *Thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội; Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con trung hiếu, cháu thảo hiền*, tuyên truyền ủng hộ quỹ *Vì người nghèo*; *Đền ơn đáp nghĩa*, vận động đồng bào Công giáo *Sống phúc âm trong lòng dân tộc; Sống tốt đời đẹp đạo...* Các cuộc vận động và phong trào trên góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với các cấp ủy đảng, chính quyền, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Trong thực hiện cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư*, 100% xã, thị trấn trong huyện đều thành lập Ban Chỉ đạo. Kết quả, năm 1996, toàn huyện có 7.346 gia đình đạt danh hiệu *Gia đình văn hóa*, 19 khu dân cư đạt 8 mục tiêu của cuộc vận động, 62 làng, 8 cơ quan đạt danh hiệu làng, cơ quan văn hóa. Đến năm 2000, huyện Đại Từ có 16.012 gia đình đạt danh hiệu *Gia đình văn hóa*, 320 khu dân cư tiên tiến, 76 làng, 72 cơ quan đạt danh hiệu làng, cơ quan văn hóa.

Mặt trận Tổ quốc còn phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội khác tổ chức 18 cuộc tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội khóa X (nhiệm kỳ 1997 - 2002), đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện với cử tri trong huyện; làm tốt công tác vận động cử tri đi bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004. Với những thành tích đã đạt được, Mặt trận Tổ quốc huyện được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc tặng bằng khen, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc trong 2 năm (1998 - 1999).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện tiếp tục xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong 5 năm (1996 - 2000), Đoàn thực hiện có hiệu quả cuộc vận động *Xây dựng tổ chức cơ sở Đoàn vững mạnh*, phong trào *Xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh vững mạnh; Thanh niên lập nghiệp, Tuổi trẻ giữ nước* và các phong trào hành động cách mạng trên các lĩnh vực học tập, lao động, công tác... Cùng với thanh niên cả nước, trong thời kỳ mới, với khí thế *Tuổi trẻ học tập vì ngày mai lập nghiệp; Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đại Từ đã có nhiều hoạt động sôi nổi được đông đảo đoàn viên, thanh niên và các tầng lớp xã hội tham gia, hưởng ứng. Năm 1996, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ

Chí Minh huyện đã vận động tuổi trẻ đóng góp 100 triệu đồng, đồng thời có kế hoạch xây dựng các công trình thanh niên tại Khu di tích lịch sử La Bằng - nơi thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2000, Đoàn Thanh niên huyện đã tập hợp hơn 7.000 đoàn viên tham gia sinh hoạt trong 48 tổ chức đoàn cơ sở.

Hội Liên hiệp Phụ nữ là lực lượng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế của huyện. Đến năm 2000, Hội có 31 cơ sở với khoảng 29.000 hội viên, trong đó có trên 23.000 hội viên tham gia sinh hoạt thường xuyên. Hội đã từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, vận động hội viên giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, phát triển kinh tế gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo, tham gia phong trào *Kế hoạch hóa gia đình*. Trong thời kỳ đổi mới, phụ nữ huyện Đại Từ đã phát huy truyền thống *Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*, không ngừng nâng đỡ, sáng tạo, hăng hái thực hiện phong trào thi đua *Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc* và 6 chương trình do Trung ương Hội đề ra như: *Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình; Nuôi dạy con tốt, hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học...* Các cơ sở có nhiều đóng góp cho phong trào của Hội Phụ nữ huyện là Hội Phụ nữ các xã Khôi Kỳ, Tiên Hội, Bình Thuận, Hùng Sơn, Bản Ngoại, Cù Vân... Với những thành tích đã đạt được,

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện được Trung ương Hội, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen, cờ thi đua xuất sắc trong những năm 1995 - 1996 và 1997 - 2001.

Trong giai đoạn này, Hội Nông dân huyện tập trung thực hiện đổi mới cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, áp dụng các biện pháp thâm canh... góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Hội phát động phong trào thi đua *Làm giàu yêu nước, xóa đói giảm nghèo, xây dựng quê hương mới*, đồng thời liên kết với các doanh nghiệp giúp nông dân mua vật tư, máy nông nghiệp theo phương thức trả chậm; tham gia các dự án hỗ trợ vốn và kỹ thuật cho nông dân; tổ chức, hướng dẫn nông dân xây dựng quỹ hội ở cơ sở... Đội ngũ cán bộ từ cơ sở đến huyện được tăng cường, số lượng hội viên không ngừng tăng: Năm 1996 là 11.033 hội viên, năm 2000 là 19.929 hội viên (sinh hoạt trong 31 cơ sở hội). Nhờ nỗ lực trong các phong trào phát triển kinh tế, nhiều hộ gia đình hội viên đã đạt danh hiệu sản xuất giỏi cấp tỉnh (trên 600 hộ) và cấp huyện (1.960 hộ). Hội Nông dân huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc 5 năm liền (1994 - 1998)...

Trong giai đoạn 1996 - 2000, Hội Cựu chiến binh phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện làm tốt công tác tham mưu cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự, Hội đồng chính sách huyện và các xã thực hiện xét tuyển công dân nhập ngũ hằng năm bảo đảm

chất lượng, đồng thời góp phần quản lý số quân nhân trở về địa phương để tiếp tục động viên, giữ vững truyền thống *Bộ đội Cụ Hồ*, tích cực tham gia các phong trào của địa phương. Những phong trào thi đua như *Xây dựng Hội Cựu chiến binh vững mạnh; Gia đình cựu chiến binh gương mẫu; Hộ gia đình cựu chiến binh văn hóa...* có hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của Hội. Năm 1996, Hội Cựu chiến binh huyện có 3.090 hội viên, đến năm 2000 có khoảng 4.000 hội viên.

Để phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Với phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ cấp trên, đồng thời huy động sự đóng góp từ nhân dân, huyện từng bước quy hoạch và xây dựng khu trung tâm hành chính, trụ sở các cơ quan huyện, khu văn hóa - thể thao, khu thương mại dịch vụ, chợ, trường học, trạm y tế của các xã, thị trấn. Tổng số kinh phí đầu tư hơn 81 tỷ đồng, trong đó Trung ương và tỉnh hỗ trợ gần 70 tỷ đồng. Đến năm 2000, mạng lưới điện đã được mở rộng tới 22/31 xã và thị trấn. Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng là điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp trong toàn huyện, tạo cho Đại Từ một diện mạo khang trang hơn.

Với đặc điểm là huyện có hoạt động nông nghiệp chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu kinh tế, do đó Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đại Từ khóa XIX tiếp tục xác định lấy nông nghiệp làm hướng phát triển chủ đạo. Điểm mới trong sản xuất nông nghiệp của Đại Từ thời gian này là gắn sản xuất với chế biến và thị trường, đưa các giống lúa mới cho năng suất cao vào gieo trồng, chuyển dần vụ đông thành vụ chính. Huyện quy hoạch vùng lúa thâm canh cao sản với diện tích 4.000 ha/năm, năng suất bình quân đạt 5 tấn/ha/vụ. Trong thâm canh lúa cao sản, xã La Bằng trở thành điển hình tiên tiến, áp dụng tốt các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng năng suất lúa đạt trung bình 7,8 - 8,3 tấn/ha.

Huyện Đại Từ cũng hình thành một số vùng chuyên canh cây vụ đông, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính, cùng với vụ xuân và hè đạt sản lượng 8.000 - 9.000 tấn màu quy thóc/năm.

Tháng 3/1996, Luật Hợp tác xã được ban hành và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/1997. Tiếp đó, ngày 21/2/1997, Chính phủ ra Nghị định số 16-CP về *Chuyển đổi, đăng ký và tổ chức hoạt động của liên hiệp hợp tác xã*. Đây là dấu mốc quan trọng, chuyển đổi từ mô hình hợp tác xã kiểu cũ sang kiểu mới theo yêu cầu khách quan của nền kinh tế thị trường nói chung và nhu cầu bức thiết của nhiệm vụ phát triển kinh tế trong huyện nói riêng. Huyện ủy thành lập Ban Chỉ đạo công tác chuyển đổi hợp tác xã hoạt động theo luật. Ủy

ban nhân dân huyện ra các văn bản hướng dẫn ban quản trị các hợp tác xã trong toàn huyện tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản để chuẩn bị tổ chức đại hội xã viên. Một số hợp tác xã đã sớm thực hiện chuyển đổi, hoạt động theo luật, điển hình là hợp tác xã Cù Vân với 1.115 xã viên. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân cả về khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chính là xã viên không thiết tha với phương thức hoạt động tập thể nên các hợp tác xã cơ bản hoạt động chưa hiệu quả.

Bám sát nội dung Quyết định số 527/1988/QĐ-UB ngày 23/11/1988 về phát triển giao thông thủy lợi và Chỉ thị số 11/CT-UB ngày 24/11/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ *Về việc phát động chiến dịch toàn dân làm thủy lợi, giao thông nông thôn, các công trình thủy lợi được chú trọng đầu tư. Nhân dân trong huyện đã đóng góp hơn 90.000 ngày công, làm được 698,6km kênh mương, 411km đường liên xóm, liên xã. Các xã đều đẩy mạnh xây dựng những công trình thủy lợi vừa và nhỏ, giải quyết kịp thời nhu cầu tưới tiêu trong sản xuất. Các khâu như làm đất, thu hoạch, vận chuyển, chế biến đã áp dụng cơ giới hóa với tỷ lệ cao.*

Nhờ áp dụng đồng loạt các biện pháp khoa học kỹ thuật, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã có những bước chuyển biến so với giai đoạn trước: Năm 1996, tổng sản lượng lương thực đạt trên 47.000 tấn; năm 2000 tăng lên 60.000 tấn, vượt 5.000 tấn so với

chỉ tiêu Đại hội lần thứ XIX đề ra; bình quân lương thực đầu người đạt 380 kg/năm.

Chè được xác định là cây công nghiệp chủ chốt của huyện, có giá trị kinh tế và ổn định. Trong những năm 1996 - 2000, Huyện ủy đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về việc mở rộng và phát triển diện tích chè, đưa cây chè trở thành cây *xóa đói giảm nghèo*. Nhờ đầu tư đúng hướng, chè Đại Từ không những đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước mà bước đầu đã được xuất khẩu sang một số nước và vùng lãnh thổ như Nhật Bản, Đài Loan... Diện tích và sản lượng chè qua các năm tăng nhanh. Đến năm 2000, diện tích chè toàn huyện đạt 4.400ha, sản lượng đạt 25.000 tấn.

Huyện còn xây dựng đề án khai thác đất vườn đồi theo hướng ưu tiên phát triển cây ăn quả, chỉ đạo các xã rà soát lại đất vườn đồi, quy hoạch diện tích trồng cây ăn quả. Năm 1996, toàn huyện mới có 750ha diện tích cây ăn quả thì đến năm 2000 đã lên tới 1.811,3ha, trong đó diện tích vải thiều chiếm tới 59,6% (1.080ha), diện tích nhãn chiếm 19,8% (360ha).

Trong nông nghiệp, điểm mới của huyện Đại Từ là sự hình thành những mô hình trang trại có hiệu quả kinh tế. Tính đến năm 2000, toàn huyện có trên 350 trang trại, trong đó chủ yếu là trang trại kinh tế tổng hợp quy mô gia đình. Hai mô hình kinh tế trang trại tiêu biểu được nhiều xã áp dụng là kinh tế vườn rừng kết hợp chăn nuôi và kinh tế tổng hợp VAC (vườn - ao - chuồng). Điển hình

về phát triển kinh tế trang trại như ở xã Hùng Sơn cho thu nhập 77 triệu đồng/năm, ở xã Cát Nê cho thu nhập 40 triệu đồng/năm.

Là huyện miền núi, Đại Từ có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế rừng. Tuy nhiên, do những năm 80 của thế kỷ XX, nhân dân ở một số xã thường xuyên phá rừng làm nương rẫy; đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới, khi thiếu ruộng canh tác cũng vào rừng đốn cây, đốt bãi trồng chè, trồng sắn... tàn phá một diện tích rừng đáng kể. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV (tháng 11/1997): *Phát triển kinh tế đồi rừng gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi, trước mắt cần tập trung khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng mới, giao đất giao rừng để chăm sóc bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng trồng, kết hợp giữa trồng rừng với trồng cây công nghiệp, cây ăn quả*¹, Huyện ủy chỉ đạo các xã đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng, xác lập quyền làm chủ rừng và đất rừng cho nhân dân. Đến năm 2000, các xã cơ bản đã hoàn thành việc giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình. Nhờ vậy, tình trạng vi phạm *Luật Bảo vệ và Phát triển rừng*, đặc biệt là việc đốt phá rừng làm nương rẫy trên địa bàn huyện giảm rõ rệt so với những năm trước.

¹ Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV, tháng 11/1997, tr.29.

Trong quản lý rừng, huyện quy hoạch diện tích rừng thành 3 khu vực: Rừng đặc dụng Tam Đảo có diện tích trên 11.900ha (nằm trên địa bàn của 10 xã huyện Đại Từ) do Vườn quốc gia Tam Đảo quản lý; đất rừng phòng hộ hồ Núi Cốc với diện tích 1.800ha nằm trên địa bàn các xã Lục Ba, Tân Thái, Vạn Thọ, được sử dụng theo phương án của tỉnh đề ra; đất rừng phòng hộ nằm rải rác ở các xã Minh Tiến, Phúc Lương, Đức Lương, Yên Lãng, Tân Linh, Phú Lạc với diện tích trên 2.200ha giao trực tiếp cho Ủy ban nhân dân các xã quản lý thông qua Dự án 661 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài 3 khu vực trên, 12.000ha rừng sẽ giao cho các hộ gia đình sản xuất và quản lý. Nhờ làm tốt các khâu quy hoạch và quản lý, độ che phủ của rừng không ngừng tăng lên, đạt gần 30%.

Trong năm 2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra 2 quyết định về việc phê duyệt Dự án 661 tại huyện Đại Từ với tổng diện tích trồng rừng lên tới 17.562ha, thuộc phạm vi 21 xã trong huyện. Các dự án trồng rừng đã giúp huyện tạo được một hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn khá bền vững ở những vùng xung yếu và rất xung yếu, giảm hẳn tình trạng xói mòn vào mùa mưa lũ ở các xã nằm trong dự án.

Công tác bảo vệ rừng được huyện quan tâm, lực lượng kiểm lâm có nhiệm vụ tham mưu cho chính quyền các xã bảo vệ và phát triển rừng, ngăn chặn kịp thời các vụ khai thác lâm sản trái phép. Cấp xã có ban

quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch xã làm trưởng ban; ngoài ra, còn có các tổ đội bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng do các trưởng xóm phụ trách.

Trong 5 năm (1996 - 2000), ngành chăn nuôi của huyện có những chuyển biến đáng kể. Do chỉ đạo chặt chẽ công tác tiêm phòng và kiểm dịch động vật nên không có dịch bệnh lớn xảy ra. Thống kê năm 2000, toàn huyện có 24.000 con trâu, 1.680 con bò, 52.000 con lợn, 630.000 con gia cầm. Các chương trình chăn nuôi mới như bò lai Sind, dê bách thảo, lợn nái ngoại, lợn nái Móng Cái... được nhân rộng triển khai trong toàn huyện.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng là lĩnh vực được coi trọng trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm khai thác triệt để thế mạnh trong huyện về đất đai, nhân lực. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã tích cực triển khai các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn. Huyện tập trung tìm nhiều giải pháp để khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào địa bàn; chỉ đạo các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tạo điều kiện cho các hộ gia đình mở rộng sản xuất, kinh doanh; chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cơ quan, xã, thị trấn tạo

mọi điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn làm ăn. Số hộ và số lao động tham gia vào các ngành kinh tế phi nông nghiệp ngày càng tăng. Năm 2000, toàn huyện có hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, buôn bán, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động trên địa bàn huyện. Các ngành nghề phát triển mạnh nhất gồm: Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác than, gia công cơ khí, chế biến chè, dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp... Năm 1998, sản lượng than cám đạt 7.000 tấn, quặng thiếc 310 tấn, quặng pirit 15.500 tấn, khai thác đá cát sỏi được 21.000m³, chế biến được 450m³ gỗ. Tốc độ tăng trưởng tiểu thủ công nghiệp bình quân đạt 20%.

Ngành thương mại, dịch vụ phát triển đúng hướng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 23%/năm. Năm 2000, tổng giá trị hàng hóa bán ra trên thị trường là 194 tỷ đồng. Thương nghiệp quốc doanh tuy phát triển chưa ổn định song đã từng bước đổi mới, giữ vai trò chủ đạo trong việc cung ứng các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

Những chuyển biến tích cực về kinh tế trong 5 năm (1996 - 2000) đã khẳng định chủ trương của Huyện ủy là đúng đắn; khẳng định sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, tinh thần tự lực, tự cường, lao động cần cù của nhân dân trong huyện. Tuy nhiên, huyện Đại Từ còn tồn tại một số hạn chế trong phát triển kinh tế như tăng trưởng kinh tế chậm so với yêu cầu

chung, chưa bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; sự chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp còn chậm; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số xã còn manh mún, chưa tạo được vùng cây - con ổn định; cây chè chưa được quan tâm đúng mức; những mô hình tiên tiến, làm kinh tế giỏi chưa nhiều; các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển chưa tương xứng.

Nhận thức rõ đói nghèo là lực cản chính kìm hãm nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, từ năm 1996 đến năm 2000, trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo, Huyện ủy Đại Từ luôn đặt vấn đề xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ trọng yếu. Sau khi nhận được quyết định phân bổ vốn vay của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo huyện đã triển khai thực hiện thí điểm cho nhân dân 3 xã (Cù Vân, An Khánh và Mỹ Yên) vay vốn làm kinh tế với tổng số vốn vay ban đầu là 460 triệu đồng, từ đó tiến hành triển khai trên diện rộng để giúp nhân dân phát triển sản xuất. Huyện còn tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, đầu tư từ các cấp, các ngành để phân bổ vốn về các xã khó khăn. Đến năm 2000, toàn huyện không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 7,3%, tỷ lệ hộ giàu tăng lên 16,5%. Số liệu này cho thấy hiệu quả thực tế trong công tác xóa đói giảm nghèo.

Phát huy truyền thống *Uống nước nhớ nguồn*, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và

nhân dân trong huyện đã đẩy mạnh tuyên truyền về tầm quan trọng của công tác *Đền ơn đáp nghĩa*. Việc thăm hỏi, tặng quà đối với gia đình thương binh liệt sĩ, người có công với cách mạng... được quán triệt không chỉ là tinh thần trách nhiệm mà còn thể hiện rõ sự biết ơn sâu sắc đối với những người đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc. Trong giai đoạn 1996 - 2000, huyện đã cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho hàng trăm đối tượng thuộc diện chính sách, vận động nhân dân xây dựng quỹ *Đền ơn đáp nghĩa* được hàng trăm triệu đồng, xây mới và sửa chữa nhiều nhà tình nghĩa. Năm 1997, huyện tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh liệt sĩ toàn quốc. Trong giai đoạn này, huyện phối hợp với Sở Văn hóa Thông tin xây dựng nhà tưởng niệm Lưu Nhân Chú, di tích nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh ở La Bằng và công trình kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7.

Công tác giáo dục giai đoạn 1996 - 2000 có nhiều thuận lợi để phát triển. Ngày 12/7/1997, Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 68/KH-HU nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 02-NQ/HNTW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nhờ vậy, trong 5 năm (1996 - 2000), công tác giáo dục trên địa bàn huyện có sự chuyển biến đáng kể: Hệ thống trường lớp được đầu tư mạnh về hạ tầng, mỗi xã có một trường mầm non, 1 - 2 trường tiểu học, 1 trường trung học cơ sở (riêng thị trấn Quân Chu và

xã Quân Chu vẫn còn tình trạng ghép trường, ghép lớp). Tháng 10/1997, Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện (cơ sở giáo dục phổ thông không chính quy) được thành lập và đi vào hoạt động. Đến năm 2000, toàn huyện có 3 trường mầm non công lập, 28 trường mầm non dân lập, 34 trường tiểu học, 30 trường trung học cơ sở, 1 trường trung học phổ thông và 1 trung tâm giáo dục thường xuyên.

Để thu hút học sinh đến lớp, Phòng Giáo dục huyện đã chỉ đạo mở lớp ghép tại các xã Tân Linh, Phúc Lương, Phú Thịnh, Cù Vân, Bình Thuận... Một số xã còn mở thêm các lớp sinh hoạt cộng đồng cho các em có hoàn cảnh khó khăn. Tính đến năm 2000, toàn huyện có 31/31 xã, thị trấn hoàn thành phổ cập tiểu học, 1 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia.

Chất lượng giáo dục được nâng lên thể hiện rõ qua việc số lượng học sinh giỏi và giáo viên giỏi các cấp ngày càng tăng. Đến năm 2000, toàn huyện có 172 học sinh tiểu học, 30 học sinh trung học cơ sở, 13 học sinh trung học phổ thông đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp cũng không ngừng tăng: Năm 1996, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học là 67,95%, tốt nghiệp trung học cơ sở là 58%, tốt nghiệp trung học phổ thông là 66,45%; đến năm 2000, tỷ lệ này lần lượt là 88,51%, 70,35% và 75%.

Nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên, huyện đã mở 3 lớp đào tạo trình độ đại học cho 167

giáo viên, 3 lớp cao đẳng cho 170 giáo viên, 5 lớp trung cấp cho 245 giáo viên. Năm 2000, tỷ lệ giáo viên mầm non chuẩn hóa là 31,17%, tiểu học là 95%, trung học cơ sở là 65,92%, trung học phổ thông là 97%.

Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục được quan tâm đầu tư. Tỷ lệ trường học được ngói hóa, nhà cấp 4 trở lên tăng từ 71% (năm 1996) lên 86,3% (năm 2000). Đến năm 2000, toàn huyện có 66 phòng học cao tầng. Tuy nhiên, một số xã vẫn chung trường học, nhiều trường không có đủ diện tích theo quy định chung.

Ngành y tế huyện thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Công tác phòng, chống dịch bệnh được coi trọng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em được chỉ đạo thực hiện ở tất cả các xã. Việc khám chữa bệnh cho nhân dân được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm. Đến năm 2000, các xã, thị trấn đều có trạm y tế với trang thiết bị đầy đủ. Toàn huyện có 359 cán bộ y tế (tăng 147 cán bộ so với năm 1996). Công tác kế hoạch hóa gia đình cũng có những chuyển biến quan trọng: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2000 giảm xuống còn 1,53%.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chuyển biến tích cực cả về chiều sâu và chiều rộng, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc. Các môn thể thao như bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông... phát triển, thu hút nhiều

tầng lớp nhân dân tham gia. Các xã, thị trấn trong huyện đều có đội văn nghệ quần chúng tham gia biểu diễn nhân các dịp lễ lớn của đất nước, của địa phương.

Trong 5 năm (1996 - 2000), toàn huyện đã triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* và các chỉ thị, nghị quyết khác như Chỉ thị 27, Nghị định 27, Nghị định 88 của Chính phủ về công tác quản lý văn hóa, dịch vụ văn hóa. Năm 2000, toàn huyện có 100% xã được phủ sóng phát thanh, phủ sóng truyền hình quốc gia, 100% xã có điện thoại đến trung tâm, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến nhân dân.

Ngày 3/5/1995, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Thông tri 4 hướng dẫn triển khai cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư* (sau này đổi tên thành *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư* theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII). Cuộc vận động gồm 5 nội dung với phương châm *Lấy sức dân để chăm lo cuộc sống cho dân* đã mang lại những hiệu quả thiết thực, thu hút sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội. Quá trình triển khai được thực hiện liên tục, bám sát vào nghị quyết của cấp trên. Đến năm 2000, toàn huyện có 16.012 hộ gia đình đạt danh

hiệu *Gia đình văn hóa*, 76 làng đạt danh hiệu *Làng văn hóa*, 72 cơ quan đạt danh hiệu *Cơ quan văn hóa*.

Quán triệt nhiệm vụ an ninh - quốc phòng do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đề ra: *Từng bước nâng cao tiềm lực quốc phòng và an ninh đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân. Nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước... ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi hành động tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội*, đồng thời bám sát Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX về an ninh - quốc phòng, Ban Chỉ huy Quân sự huyện đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự địa phương. Trong 2 năm (1996 - 1997), Ban Chỉ huy Quân sự huyện chỉ đạo các địa phương tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ do Quân khu và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phát động. Tiếp đó, trong 2 năm (1998 - 1999), 7 xã (được chia làm 2 cụm: Cụm 1 gồm 5 xã, cụm 2 gồm 2 xã) và 1 đơn vị dân quân tự vệ được tổ chức diễn tập theo cơ chế 02/BCT của Bộ Chính trị về hoạt động trị an gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện (như làm đường giao thông nông thôn từ Đại Từ đi Phổ Yên, từ Khuôn Ngàn (Phú Xuyên) đi Định Hóa, làm các công trình thủy lợi vừa và nhỏ.

Trong thời gian này, Ban Chỉ huy quân sự xã Tân Linh¹ được thành lập, 22 đơn vị dân quân tự vệ tiếp tục kiện

¹ Do xã Tân Linh được thành lập.

toàn. Tính đến năm 2000, toàn huyện đã biên chế 32 trung đội cơ động, 259 tiểu đội chiến đấu tại chỗ, 4 trung đội phòng không 12,7 ly, 4 khẩu đội cối 60 ly, 38 tiểu đội và tổ trinh sát, 16 tiểu đội và tổ công binh, 32 tiểu đội và tổ thông tin, 31 tiểu đội và tổ cứu thương.

Công tác tuyển quân được chỉ đạo thực hiện tốt, trong 5 năm (1996 - 2000), gọi nhập ngũ 1.152 thanh niên, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Mười lăm năm liền (1986 - 2000), huyện Đại Từ luôn là đơn vị dẫn đầu tỉnh về công tác quân sự địa phương.

Với những thành tích xuất sắc, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ được Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động và Thương binh xã hội trao tặng nhiều phần thưởng. Đặc biệt, năm 2000, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ trở thành đơn vị duy nhất trong tỉnh và Quân khu 1 vinh dự 2 lần được cùng nhân dân huyện Đại Từ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Là huyện đang trên đà phát triển kinh tế - xã hội, lại có nhiều đầu mối giao thông quan trọng nên tình hình an ninh trật tự ở Đại Từ có nhiều diễn biến phức tạp. Công an huyện đã tham mưu cho Huyện ủy, Ủy

ban nhân dân huyện chỉ đạo Ban Công an các xã xây dựng tổ an ninh tự quản ở các thôn xóm, đồng thời quản lý chặt chẽ hộ tịch, hộ khẩu. Lực lượng công an cơ sở được củng cố, kiện toàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Với mục tiêu tiếp tục đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn 1996 - 2000, Đảng bộ Đại Từ đã lãnh đạo nhân dân nỗ lực phấn đấu và đạt được những kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực. Sản xuất nông nghiệp chuyển đổi theo cơ chế quản lý mới, lấy hộ nông dân làm đơn vị kinh tế tự chủ, tốc độ tăng trưởng bình quân trong nông nghiệp đạt 5,9%; thu ngân sách hằng năm đạt 9 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,5%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 17,3%; bình quân thu nhập đầu người đạt 3,9 triệu đồng (năm 2000). Các vấn đề an sinh xã hội được chăm lo, tạo niềm tin trong nhân dân về sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền.

Những thành tích trên đã khẳng định vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng và chính quyền huyện trong việc vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên vào hoàn cảnh thực tế địa phương, đồng thời khẳng định tinh thần đoàn kết, sự quyết tâm phấn đấu của nhân dân trong huyện là những yếu tố quyết định đến việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị.

III. Khơi dậy truyền thống quê hương cách mạng, tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển toàn diện kinh tế, xã hội (2000 - 2005)

Được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, trong 2 ngày 23 và 24/11/2000, Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005). Tham dự Đại hội có 155 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 6.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã khái quát chặng đường 15 năm đổi mới, tổng kết công tác nhiệm kỳ 1996 - 2000, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu từ những kết quả đã đạt được và chưa đạt được trong nhiệm kỳ trước.

Đại hội khẳng định trong 5 năm (1996 - 2000), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền cùng tinh thần phấn đấu nỗ lực của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện, các mặt kinh tế - xã hội tiếp tục có chuyển biến; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đảm bảo; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên được nâng lên; nhiều chỉ tiêu đạt và vượt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra. Đó là những tiền đề cần thiết để nhân dân trong huyện bước vào thời kỳ mới.

Bên cạnh đó, Đại hội cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế: Kinh tế tăng trưởng khá song chưa tương xứng với tiềm năng của huyện, tốc độ chuyển dịch cơ

cấu kinh tế còn chậm chưa có bước đột phá mới; một số vấn đề xã hội chưa được giải quyết tốt; chất lượng giáo dục chưa vững chắc, công tác xã hội hóa giáo dục chưa sâu rộng; chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân còn nhiều hạn chế; tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội còn nan giải; công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có mặt còn bất cập, việc kiện toàn, đổi mới tổ chức bộ máy từ huyện đến cơ sở còn chậm; công tác kiểm tra của cấp ủy còn thiếu tập trung, kỷ luật chưa nghiêm; chất lượng giám sát của Hội đồng nhân dân trên một số mặt còn yếu; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể còn nặng về hành chính, tỷ lệ tập hợp hội viên thấp, nhiều hội viên chưa nhiệt tình với công việc chung của tập thể và xã hội.

Mục tiêu tổng quát cho chặng đường phát triển 5 năm (2000 - 2005) được Đại hội đề ra là: *Tiếp tục phát huy truyền thống quê hương cách mạng, tập trung cao độ mọi nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, phát triển nông lâm nghiệp và kinh tế đa dạng, toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa. Phát triển các vùng sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tập trung. Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, giải quyết việc làm, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước và hiệu quả hoạt động của các đoàn thể quần chúng.*

Ngày 24/11/2000, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 33 đồng chí; bầu 25 đồng chí đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí, trong đó đồng chí Hoàng Văn Sinh được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Triệu Minh Thái và đồng chí Nguyễn Văn Tiến được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Sau khi Đại hội Đảng bộ các cấp được tổ chức xong, từ ngày 19 đến ngày 22/4/2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được tổ chức. Đại hội tổng kết 15 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới và 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1990 - 2000, hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội trong những năm đầu thế kỷ XXI, đồng thời thông qua *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010)*.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng soi đường chỉ lối cho hoạt động của Đảng bộ huyện Đại Từ, tăng cường hơn nữa sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và khối đoàn kết trong nhân dân, là tiền đề thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, từng bước tạo ra chuyển biến mới trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Năm 2001 là năm đầu tiên huyện Đại Từ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX trong bối cảnh công cuộc đổi mới của đất nước thu được nhiều

thành tựu quan trọng. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách, tạo ra động lực để nông dân và những thành phần kinh tế có điều kiện phát triển. Tỉnh Thái Nguyên cũng dành nhiều quan tâm để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Mặt khác, những kết quả đã đạt được trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XIX và những thuận lợi về điều kiện tự nhiên tiếp tục tạo đà cho huyện đi lên.

Trong cơ cấu kinh tế của huyện Đại Từ tính đến năm 2001, ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Cây chè tiếp tục là cây kinh tế mũi nhọn, tạo ra sản phẩm hàng hóa vừa xuất khẩu, vừa tiêu thụ nội địa. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra đúng hướng từ những giai đoạn trước, trong đó tỷ trọng sản xuất công nghiệp và dịch vụ có hướng tăng dần, tạo sức bật cho việc phát triển kinh tế giai đoạn này.

Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế trong 5 năm (2000 - 2005) được Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra: Mức tăng trưởng kinh tế bình quân tăng 8 - 10%/năm, trong đó giá trị công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 18 - 20%/năm; tổng sản lượng lương thực có hạt đến năm 2005 đạt 65.000 tấn; mở rộng diện tích chè tới 5.000ha, trong đó diện tích chè kinh doanh là 4.500ha; sản lượng chè búp tươi đến năm 2005 đạt 30.000 - 35.000 tấn; diện tích cây ăn quả hằng năm là 2.000 - 2.200ha.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, cán bộ, đảng viên và nhân dân Đại Từ quyết tâm thực hiện các mục tiêu trên. Đến năm 2005, tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện tăng lên 9,1%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, trong đó nông nghiệp chiếm 36,94%, công nghiệp chiếm 31,98%, dịch vụ chiếm 31,08%. Dịch vụ ngân hàng phát triển khá, tổng nguồn vốn huy động đạt 132 tỷ đồng, tăng 277,1% so với năm 2000.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện, tập trung vào xây dựng vùng sản xuất chuyên canh. Từ năm 2000 đến năm 2005, huyện đã đưa các giống lúa mới cho năng suất cao vào gieo trồng trên 90% diện tích, hệ số canh tác đất tăng lên 2,5 lần. Cơ khí hóa được triển khai rộng rãi. Việc tổ chức, phân công lao động ngày càng hợp lý hơn.

Năm 2001 - năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ về sản xuất nông nghiệp nhưng toàn huyện lại chịu ảnh hưởng của cơn bão số 2 và số 4. Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ cho huyện 850 triệu đồng để khắc phục hậu quả do bão lũ gây ra. Đến tháng 7 và tháng 8/2001, toàn huyện có khoảng 4.800ha lúa bị nhiễm dịch sâu cuốn lá. Phòng Nông nghiệp huyện đã kịp thời chỉ đạo các xã đẩy mạnh công tác phun thuốc trừ sâu song song với làm thủy lợi. Trong công tác thủy lợi, năm 2001, huyện đã cứng hóa được 80km kênh

mương, xây dựng trạm bơm ở các xã Minh Tiến, Cù Vân, Phú Cường, Lục Ba; cải tạo và xây mới hồ đập ở các xã An Khánh, Bình Thuận, Văn Yên, Phú Thịnh, Đức Lương, Phúc Lương... Với quyết tâm lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp cùng với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể nhân dân, sản xuất nông nghiệp có bước phát triển. Tổng sản lượng lương thực năm 2001 đạt 59.475 tấn, năng suất lúa đạt 4,9 tấn/ha. Đến năm 2005, tổng sản lượng lương thực đạt trên 68.800 tấn (tăng 3.800 tấn so với Nghị quyết Đại hội đề ra), trong đó sản lượng cây màu vụ đông (đặc biệt là cây ngô) chiếm trên 10% tổng sản lượng lương thực; bình quân lương thực đầu người đạt 415kg.

Huyện ủy chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của cây chè, góp phần xóa đói giảm nghèo. Năm 2001, tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng và thực hiện *Đề án phát triển chè tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2001 - 2005*. Huyện ủy chỉ đạo quy hoạch vùng chuyên canh chè, từng bước đưa các giống chè mới có chất lượng và năng suất cao như Bát Tiên, Phúc Vân Tiên... thay thế chè trung du lá nhỏ; có những chính sách phù hợp với quy hoạch phát triển sản xuất chè. Nhân dân tiếp tục học tập các kinh nghiệm canh tác, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh, chế biến chè... Nhờ vậy, huyện đã hình thành nhiều vùng chuyên canh có sản phẩm chè đặc sản thơm ngon

nổi tiếng trong và ngoài tỉnh như: La Bằng, Hoàng Nông, Hùng Sơn, Quân Chu... Theo thống kê, Đại Từ là huyện tập trung trồng nhiều chè nhất tỉnh. Diện tích trồng chè toàn huyện năm 2004 là 4.721ha. Do tập trung canh tác các giống chè mới cho năng suất cao nên sản lượng chè tăng đáng kể: Năm 2004, sản lượng chè toàn huyện đạt 35.921 tấn¹.

Các chương trình trồng rừng như *Chương trình 327, Dự án 661* tiếp tục được triển khai sâu rộng đến các xã trong huyện. Cùng với diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng đã góp phần chống xói mòn, cung cấp nguồn lâm sản, tạo môi trường sống trong lành. Tính chung trong giai đoạn 2001 - 2005, huyện trồng mới được 1.848ha, nâng độ che phủ lên 44%. Các xã tiến hành rà soát, thống kê diện tích đất vườn đồi, xác định chất đất phù hợp để từ đó, tiến hành quy hoạch lại diện tích trồng cây ăn quả. Từ năm 2001 đến năm 2005, toàn huyện đã trồng mới 385ha, nâng tổng số diện tích cây ăn quả lên 2.293ha. Các cây trồng chủ yếu là: Vải, nhãn, cam, dứa...

Chăn nuôi dần trở thành ngành sản xuất hàng hóa, đem lại thu nhập cao cho nông dân. Năm 2005, đàn bò tăng lên 2.500 con, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra; đàn lợn vượt 35% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Diện

¹ Phòng Trồng trọt - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên, Chuyên đề *Một số giải pháp phát triển sản xuất chè ở tỉnh Thái Nguyên*.

tích nuôi trồng thủy sản bình quân tăng 4%/năm, sản lượng cá thịt tăng gần 10%/năm. Nhiều mô hình chăn nuôi mới có hiệu quả kinh tế cao được nhân rộng. Công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm thực hiện tốt, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

Trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục chú trọng tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư, phát huy tính chủ động của doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh. Số cơ sở sản xuất tăng lên nhanh chóng: Năm 2000, toàn huyện có 1.650 cơ sở thu hút 2.597 lao động; năm 2005 có 1.851 cơ sở, thu hút 4.288 lao động tham gia.

Năm 2004, Đảng bộ huyện Đại Từ xây dựng *Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2004 - 2010* nhằm đẩy mạnh công tác quy hoạch, định hướng phát triển theo lợi thế từng vùng; quy hoạch vùng nguyên liệu, mở mang các ngành nghề mới. Các ngành nghề khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn (50%). Đến cuối năm 2005, toàn huyện có 10 doanh nghiệp chế biến chè (gồm doanh nghiệp quốc doanh và tư nhân), mỗi năm tiêu thụ khoảng 60% sản lượng búp chè tươi toàn huyện.

Một số làng nghề mới được hình thành như làng nghề mây tre đan (xã Khôi Kỳ), làng nghề sản xuất

gạch xã Phục Linh, xã Yên Lãng. Các khu công nghiệp đóng trên địa bàn từng bước đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường góp phần giải quyết việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động. Giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2005 là 61,2 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp đạt 14,95%.

Tuy nhiên, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém: Sản xuất mang tính tự phát; chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng; phân bố ngành nghề không đồng đều, chưa khai thác được một số xã có tiềm năng.

Các hoạt động dịch vụ cũng chuyển biến tích cực: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đến năm 2005 đạt 386 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 11%/năm, tăng nhanh nhất là dịch vụ vận tải và bưu chính viễn thông. Đến năm 2005, toàn huyện thành lập được 32 hợp tác xã dịch vụ điện, nước và vệ sinh môi trường. Dịch vụ ngân hàng cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện. Tổng nguồn vốn huy động năm 2005 đạt 132 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 106 tỷ đồng. Thu ngân sách bình quân của huyện tăng 8,6%.

Qua những kết quả trên có thể khẳng định, trong 5 năm (2000 - 2005), Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế đề ra. Đòi

sống nhân dân được cải thiện đáng kể, bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới, an sinh xã hội từng bước được bảo đảm. Mặc dù vậy, nền kinh tế địa phương vẫn còn hạn chế, hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nội tại, chưa đủ sức thu hút các nguồn đầu tư...

Một trong những nội dung được nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ nhấn mạnh, thể hiện sự quan tâm trong lãnh đạo của Huyện ủy là công tác xóa đói giảm nghèo và phát triển văn hóa - xã hội. Mặc dù trong giai đoạn 1996 - 2000, huyện đã có nhiều đầu tư và ưu tiên đối với công tác này, có nhiều thay đổi theo hướng tích cực nhưng cơ bản vẫn còn chậm so với yêu cầu của thời kỳ mới, tỷ lệ hộ nghèo ở một số xã còn cao.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ huyện đề ra các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội đến năm 2005 như sau: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,2%; tỷ lệ hộ nghèo giảm dưới 5%. Về giáo dục, phấn đấu 100% số xã có trường mầm non, ngói hóa 100% nhà trẻ mẫu giáo, 17 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, phổ cập trung học cơ sở. Về văn hóa, 50% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 30% làng, xã đạt tiêu chuẩn văn hóa, 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa. Thu nhập bình quân đầu người đạt 3,91 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 30%, giải quyết việc làm cho 75% lao động trong huyện.

Năm 2000, 12 xã của Đại Từ có tỷ lệ hộ nghèo 10 - 20%, 19 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%, số hộ nghèo toàn huyện là 3.368 hộ (17,3%). Từ thực trạng trên, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã xác định cần tiếp tục coi chương trình xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách vừa có tính lâu dài của tất cả các cấp, các ngành, đoàn thể. Quán triệt chủ trương của Huyện ủy, Ban chỉ đạo giảm nghèo huyện xây dựng kế phù hợp với từng địa phương. Nội dung các chương trình tập trung vào việc giải quyết việc làm, hỗ trợ khuyến nông, xây dựng các trang trại, hỗ trợ giống, cây trồng, vật tư.

Ủy ban nhân dân huyện đẩy mạnh tổ chức đào tạo dạy nghề và tư vấn giới thiệu việc làm, hướng nghiệp cho người lao động; khuyến khích các doanh nghiệp, gia đình, cơ sở nhỏ mở rộng sản xuất để tạo thêm việc làm mới cho người lao động; đồng thời tạo điều kiện giải ngân các dự án cho vay vốn hỗ trợ việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Năm 2003, trung tâm dạy nghề huyện được thành lập, đáp ứng yêu cầu học nghề của lao động trên địa bàn. Với những biện pháp tích cực trên, sau 3 năm (2001 - 2003), toàn huyện đã có 3.900 lao động được tạo việc làm mới, trong đó có 1.700 lao động được giới thiệu đi làm việc ngoài tỉnh.

Song song với việc giải quyết việc làm, Ủy ban nhân dân huyện cũng triển khai các dự án cho người nghèo vay vốn ưu đãi. Trong 3 năm (2001 - 2003),

huyện đã giải ngân 2,9 tỷ đồng cho 991 hộ gia đình, cho hộ nghèo vay 16,8 tỷ đồng.

Thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2005, huyện Đại Từ có 10 xã được hưởng vốn đầu tư theo Chương trình 135. Được sự đầu tư từ Chương trình 135, trong 5 năm (2000 - 2005), huyện Đại Từ sửa chữa, nâng cấp, làm mới trên 500km đường giao thông nông thôn, trong đó có trên 30km được rải nhựa và bê tông hóa; sửa chữa, xây mới trên 300 cầu cống các loại, 40 đập, hồ thủy lợi, xây dựng 283 kênh mương; sửa chữa hơn 300 phòng học, nâng tỷ lệ phòng học bán kiên cố và kiên cố lên trên 95%; xây mới 25 điểm bưu điện văn hóa xã, 141 nhà văn hóa (nâng tỷ lệ số xóm có nhà văn hóa lên 66% năm 2005), 199 cụm loa truyền thanh cơ sở.

Đảng bộ huyện cũng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác *Đền ơn đáp nghĩa*, chăm lo giúp đỡ các gia đình chính sách, người có công. Phong trào phát triển sâu rộng, thu hút nhiều người tham gia với tinh thần và trách nhiệm cao nhất. Chỉ tính riêng năm 2001, toàn huyện xây mới 5 nhà tình nghĩa trị giá trên 70 triệu đồng, chi trả tiền trợ cấp cho 2.724 đối tượng hoạt động kháng chiến theo Nghị định số 47/2000/NĐ-CP (ngày 12/9/1990) của Chính phủ về *Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh*

binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng. Đồng thời, nhân dân trong huyện đã quyên góp 79 triệu đồng đóng góp cho Quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, hơn 50 triệu đồng đóng góp vào Quỹ tình nghĩa, trợ cấp cho 252 trường hợp có hoàn cảnh khó khăn...

Thực hiện *Dự án phát triển giáo dục tiểu học cơ sở* của tỉnh Thái Nguyên, từ năm 2001 đến năm 2005, cơ sở vật chất của trường lớp được đầu tư khang trang, sạch đẹp, 156 phòng học ở 29 xã được xây dựng mới.

Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm đúng mức, các hoạt động khuyến học, khuyến tài diễn ra sôi nổi. Hệ thống trường lớp, các cấp học, ngành học phát triển và mở rộng theo phương châm đa dạng hóa các loại hình giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của con em trong huyện. Chất lượng giáo dục ngày càng nâng lên. Năm học 2004 - 2005, tỷ lệ học sinh khá, giỏi ở bậc tiểu học tăng 6,5%, bậc trung học cơ sở tăng 2,2%, bậc trung học phổ thông tăng 12% (so với năm học 2001 - 2002). Năm 2005, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp bậc tiểu học đạt 99,6%, trung học cơ sở đạt 96%, trung học phổ thông đạt 98,3%.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Phòng Y tế huyện triển khai đồng bộ các chương trình y tế quốc gia, không để dịch bệnh xảy ra, đồng thời duy trì tốt hoạt động khám, chữa bệnh cả 2 tuyến huyện và xã; triển

khai kế hoạch kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Phòng Y tế cũng đã chủ động chỉ đạo triển khai chiến dịch *Tăng cường đưa dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình* đến các xã, thị trấn. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nên các chỉ tiêu đề ra trong chiến dịch đều hoàn thành. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em tiếp tục được các cấp, các ngành chỉ đạo quan tâm thông qua hoạt động tích cực như: Phát động tháng hành động *Vì trẻ em*, vận động quỹ bảo trợ trẻ em thu được 40 triệu đồng (năm 2001).

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng, xóm văn hóa, cơ quan văn hóa tiếp tục được đẩy mạnh. Việc khôi phục và phát huy những phong tục, truyền thống tốt đẹp được quan tâm đi liền với xây dựng nếp sống văn hóa mới, hiện đại. Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vì Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, Huyện ủy Đại Từ đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/HU về *Đẩy mạnh nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội*, đồng thời ra Nghị quyết tiếp tục đẩy mạnh phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*. Năm 2003, toàn huyện có 22.774 gia đình đạt danh hiệu *Gia đình văn hóa*, 306 khu dân cư đạt danh hiệu *Khu dân cư tiên tiến*, 150 cơ quan đạt danh hiệu *Cơ quan văn hóa*.

Năm 2001, 5 xã Phú Thịnh, Phú Cường, Minh Tiến, Phú Lạc, Mỹ Yên được tỉnh Thái Nguyên đầu tư xây dựng đường điện theo Chương trình *Dự án năng lượng điện nông thôn*. Ngoài 5 xã nằm trong Dự án, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo tiếp tục xây dựng đường điện 0,4 KV ở các xã Hoàng Nông, Na Mao, Ký Phú. Cũng trong năm 2001, huyện xây dựng đường điện chiếu sáng đô thị ở thị trấn Đại Từ với tổng số vốn 830 triệu đồng.

Huyện ủy đặc biệt coi trọng nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Năm 2001, huyện đã thực hiện tốt chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, phát huy sức mạnh tổng hợp để phòng ngừa đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng. Trước tình hình tệ nạn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là tệ nạn ma túy, được sự chỉ đạo của Huyện ủy, Công an huyện tích cực đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các đối tượng nghiện hút đến trung tâm cai nghiện đồng thời tăng cường triệt phá các tụ điểm buôn bán ma túy..., từng bước ngăn chặn tệ nạn ma túy trên địa bàn. Ngoài ra, lực lượng công an huyện còn chủ động xây dựng kế hoạch bảo vệ Đại hội Đảng bộ huyện, các ngày lễ lớn trong năm; làm tốt công tác kiểm soát về trật tự an toàn giao thông, bước đầu hạn chế tình trạng tai nạn giao thông đang gia tăng trên địa bàn.

Hoạt động của các cơ quan nội chính có chuyển biến tích cực. Các mặt từ công tác tuyên truyền, phổ

biến pháp luật, chứng thực các loại văn bản, tiếp dân cũng như giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đến công tác kiểm sát, xét xử, thi hành án... được tổ chức thực hiện chặt chẽ, đúng pháp luật góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Ban Chỉ huy Quân sự huyện đã tuyển chọn 1.107 thanh niên nhập ngũ, đảm bảo chất lượng và hoàn thành chỉ tiêu cấp trên giao. Chế độ trực ban, trực chiến được tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và ứng phó với mọi tình huống xảy ra. Lực lượng dân quân tự vệ huyện đã kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh. Với những kết quả đạt được, năm 2003, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phòng thủ khu vực phía Bắc.

Trong 5 năm (2000 - 2005), Huyện ủy Đại Từ luôn xác định nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phấn đấu xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh nhằm đáp ứng yêu cầu trong công cuộc đổi mới của huyện.

Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Huyện ủy thường xuyên tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu, học tập các chỉ thị, nghị quyết, kết luận¹ của

¹ Nghị quyết Trung ương 3, Kết luận Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 5, Kết luận Trung ương 6, Nghị quyết Trung ương 7, Nghị quyết Trung ương 9 và Kết luận Trung ương 10 (khóa IX).

Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy. Qua đó, giúp cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng; củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới của đất nước và toàn huyện. Sau khi nghiên cứu, học tập, Huyện ủy chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của từng cấp cho phù hợp với thực tế. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cũng thường xuyên phổ biến nghị quyết đến đoàn viên, hội viên; các cơ quan thông tin tích cực tuyên truyền nội dung, nghị quyết dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Những cơ sở làm tốt công tác này như Đảng bộ Mỹ Yên, Khôi Kỳ, Hùng Sơn... Đội ngũ cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ quan điểm, đường lối của Đảng, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong chi bộ, đảng bộ, đoàn kết thống nhất thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ ở địa phương.

Huyện ủy Đại Từ cũng chú trọng xây dựng, củng cố, kiện toàn các chi bộ, đảng bộ về tổ chức, đảm bảo mọi lĩnh vực đều có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và coi đó là nhiệm vụ quan trọng để các cơ sở đảng phấn đấu đạt trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khóa VIII) về *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng*, Đảng bộ huyện ra nghị quyết chuyên đề về củng cố tổ chức cơ sở đảng yếu kém, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ, đảng bộ và đội ngũ đảng viên. Nhờ đó, chất lượng

sinh hoạt chi bộ, đảng bộ, việc quản lý và phân công đảng viên, đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực có nhiều tiến bộ. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên. Năm 2005, toàn đảng bộ huyện có 80% cơ sở Đảng đạt danh hiệu *Trong sạch, vững mạnh*, 99% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, không có cơ sở Đảng yếu kém.

Xác định công tác phát triển Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, các chi bộ, đảng bộ cơ sở đã bám sát nhiệm vụ, đề ra mục tiêu phấn đấu cụ thể, chủ động xây dựng kế hoạch tạo nguồn, phát hiện những quần chúng ưu tú qua công tác, lao động và học tập, cử các quần chúng đủ điều kiện đi học lớp bồi dưỡng đối tượng Đảng tại Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện. Chỉ trong 3 năm đầu nhiệm kỳ, Đảng bộ đã kết nạp 1.207 đảng viên mới, nâng tỷ lệ kết nạp lên trên 5%.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Đảng bộ huyện đã chọn và cử 14 đồng chí đi học lớp cao cấp lý luận chính trị tập trung, mở 5 lớp trung cấp và sơ cấp lý luận chính trị tại chức cho 539 cán bộ, 138 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 12.296 lượt cán bộ cơ sở cấp xã.

Hội đồng nhân dân đổi mới phương pháp và nội dung tiếp xúc cử tri, nâng cao chất lượng các kỳ họp. Ủy ban nhân dân thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy đảng và Hội đồng nhân dân. Từ năm 2004,

Ủy ban nhân dân thực hiện hiệu quả cơ chế *một cửa*¹, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trong thời kỳ mới.

Cũng trong năm 2004, Huyện ủy lãnh đạo tổ chức bầu cử Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009² với tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt gần 100%. Mặt trận Tổ quốc phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ban ngành, đoàn thể tuyên truyền phổ biến Luật Bầu cử và tổ chức các hội nghị hiệp thương để giới thiệu người ra ứng cử, lấy ý kiến cử tri đóng góp cho ứng cử viên, tuyên truyền, vận động và giám sát quá trình bầu cử, đảm bảo đúng kế hoạch, đúng luật. Các xã, thị trấn đều tổ chức bầu cử đúng ngày, đảm bảo an toàn, chất lượng. Trong kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân huyện bầu đồng chí Đoàn Khắc Hòa giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Nguyễn Văn Tiến giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn về bộ máy, kịp thời tuyên

¹ Cơ chế một cửa là cơ chế giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của một cơ quan hành chính nhà nước, từ hướng dẫn, tiếp nhận giấy tờ, hồ sơ, giải quyết đến trả kết quả được thực hiện tại một đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước.

² Thực hiện Nghị quyết số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội về *Việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp*. Theo Điều 1 của Nghị định, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp cho đến kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp khóa sau vào năm 2011.

truyền, vận động nhân dân thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Từ năm 2001 đến năm 2005, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tập trung thực hiện Đề án 304 về *Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở*; xây dựng kế hoạch phối hợp cùng với các ngành triển khai đến cơ sở, chi hội quán triệt mục tiêu và nội dung Đề án.

Từ đầu năm 2001, Mặt trận Tổ quốc huyện đã triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2001 giữa Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Công an huyện Đại Từ về phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện còn triển khai sơ kết 10 năm thực hiện phong trào *Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc* (1991 - 2002); triển khai thực hiện các Công văn số 125/CV-MT về *việc sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy giai đoạn 2001 - 2005*, Công văn số 40, 57/CV-MT về *Tháng cao điểm phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội*. Tháng 6/2005, Mặt trận Tổ quốc huyện tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư giai đoạn 1995 - 2004*. Hội nghị khẳng định thành tích to lớn đạt được trong 10 năm thực hiện cuộc vận động. Đến năm 2005, toàn huyện có 73.099 gia đình văn hóa, 493 khu dân cư tiên tiến, 315 cơ quan văn hóa, 182 làng bản văn hóa.

Hội Cựu chiến binh huyện được kiện toàn thu hút đông đảo hội viên. Đến năm 2005, toàn huyện có 6.311 hội viên. Hội Cựu chiến binh Mỏ than Núi Hồng, Hội Cựu chiến binh xã Minh Tiến, Hội Cựu chiến binh xã Khôi Kỳ... là những đơn vị có tỷ lệ tập hợp hội viên cao. Hội Cựu chiến binh tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc tham gia các lực lượng an ninh cơ sở với 37 hội viên trong Hội là trưởng - phó công an xã, 315 hội viên thuộc các tổ an ninh, 11 hội viên là công an viên, 100 hội viên thuộc tổ hòa giải, 212 hội viên là trưởng xóm.

Các chương trình, phong trào do Trung ương Hội Cựu chiến binh phát động được các cấp hội nhiệt tình hưởng ứng tham gia như phong trào xóa nhà tranh tre dột nát, bảo vệ trật tự an ninh địa phương, ủng hộ công trình cựu chiến binh tại Điện Biên Phủ, giúp đỡ hội viên xóa đói giảm nghèo. Qua khảo sát trong toàn huyện, có 3 cơ sở không có hội viên nghèo là Hội Cựu chiến binh thị trấn Quân Chu, Hội Cựu chiến binh xã Cát Nê và Hội Cựu chiến binh thị trấn Đại Từ. Với những thành tích đã đạt được, Hội Cựu chiến binh huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng cờ thi đua xuất sắc.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, thế hệ trẻ Đại Từ tiếp tục khẳng định vai trò xung kích trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ năm 2001 đến năm 2005, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện

thường xuyên giáo dục chính trị và đạo đức lối sống cho thanh niên theo tinh thần Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về *Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*. Các phong trào lớn do Trung ương Đoàn phát động như *Thanh niên lập nghiệp, Tuổi trẻ giữ nước, Thanh niên tình nguyện...* được thanh niên Đại Từ hưởng ứng tham gia. Đoàn Thanh niên huyện còn đi đầu trong các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, làm tốt công tác tiếp nhận và duy trì hoạt động đoàn viên, thiếu niên từ các nhà trường về sinh hoạt tại địa phương trong dịp hè.

Trong giai đoạn 2001 - 2005, Liên đoàn Lao động huyện Đại Từ thể hiện rõ vai trò của tổ chức công đoàn đại diện cho công nhân, viên chức lao động và các tổ chức lao động có liên quan. Hằng năm, Liên đoàn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương, đồng thời tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, triển khai hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, theo dõi nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của công nhân, viên chức trên địa bàn huyện nhằm kịp thời đề xuất, kiến nghị với các cấp có thẩm quyền về các chế độ chính sách chưa phù hợp. Liên đoàn Lao động huyện liên tục đạt danh hiệu *Liên đoàn Lao động vững mạnh xuất sắc*, cơ quan văn hóa, nhiều lần được Tổng Liên đoàn Lao

động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên khen thưởng.

Những năm 2000 - 2005 là giai đoạn có nhiều đổi mới trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các hoạt động của Hội Phụ nữ và phong trào phụ nữ huyện. Hội Liên hiệp Phụ nữ đã hướng dẫn hội viên thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước *Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc* và 6 chương trình trọng tâm của Hội. Đồng thời, Hội cũng tập trung chỉ đạo các chương trình mũi nhọn như: Thực hiện Đề án 304 về *Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, Giáo dục phẩm chất đạo đức, nâng cao năng lực trình độ mọi mặt của phụ nữ*; phong trào *Phụ nữ làm kinh tế giỏi, xây dựng quỹ Xóa nhà tạm, tranh tre dột nát cho phụ nữ nghèo, Nhà nghĩa tình hội viên*; xây dựng gia đình *No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc*. Năm 2005, Hội Phụ nữ có 28.000 hội viên tham gia sinh hoạt, 100% cơ sở đều đạt xuất sắc và tiên tiến...

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện còn chủ động phối hợp với lực lượng công an xây dựng *Kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đặc biệt*, Nghị quyết 09 và luật phòng chống ma túy đến các chi hội cơ sở. Hội tiếp tục duy trì 5 câu lạc bộ đồng cảm ở Hùng Sơn, Yên Lãng với 313 chị em giúp nhau làm kinh tế. Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-UB ngày 04/3/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai kế

hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2000 - 2005, đến năm 2005, 100% cơ sở hội ở xã, thị trấn đã xây dựng và triển khai kế hoạch hành động. Trong 5 năm (2000 - 2005), Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ đã mở 12 lớp tập huấn về sự bình đẳng giới ở các xã Mỹ Sơn, Hùng Sơn, Phục Linh, Khôi Kỳ, Bình Thuận.

Với những kết quả đạt được trong 5 năm (2000 - 2005), Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Đại Từ đã nhiều lần được các cấp, các ngành khen thưởng. Năm 2005, Hội được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen vì *đã phát huy truyền thống phụ nữ Ba đảm đang có nhiều thành tích trong thời kỳ mới.*

Sau Đại hội lần thứ VII (nhiệm kỳ 2001 - 2006) được tổ chức vào tháng 8/2001, Hội Nông dân tập trung vào 4 chương trình công tác lớn: Xây dựng Hội vững mạnh; tham gia phát triển kinh tế, giúp đỡ nông dân làm kinh tế giỏi, giảm số hộ nghèo; vận động hội viên thực hiện các chính sách xã hội, xây dựng nông thôn mới; vận động hội viên thực hiện và tham gia giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Thông qua các hoạt động do Hội tổ chức, hội viên được hưởng nhiều quyền lợi thiết thực, đời sống từng bước được cải thiện và nâng cao. Hội còn thực hiện tốt các vai trò: Tổ chức, giáo dục, vận động hội viên Hội Nông dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã

hội; tổ chức, mở rộng các hoạt động dịch vụ, nâng cao đời sống cho hội viên, đặc biệt là tín chấp cho hội viên vay phân bón sản xuất (vay phân bón trả chậm).

Hệ thống chính trị huyện Đại Từ giai đoạn 2001 - 2005 nhìn chung có nhiều đổi mới, hướng vào mục tiêu phát huy quyền làm chủ của nhân dân và việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để ổn định chính trị, xây dựng, củng cố niềm tin của nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Vai trò lãnh đạo của Huyện ủy, hiệu lực quản lý của chính quyền huyện được tăng cường, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện của đất nước, đặc biệt là phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế đang trên đà tăng trưởng. Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ có thay đổi về nhân sự: Đầu năm 2003, đồng chí Hoàng Văn Sinh chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Triệu Minh Thái - Phó Bí thư Thường trực được giao Quyền Bí thư; đồng chí Đoàn Khắc Hòa - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy được điều về làm Phó Bí thư Thường trực. Đến tháng 8/2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều đồng chí Đặng Văn Ngự - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lao động và Thương binh xã hội giữ chức Bí thư Huyện ủy. Tháng 9/2005, đồng chí Đặng Văn Ngự được điều động về

tỉnh, đồng chí Đoàn Khắc Hòa - Phó Bí thư Thường trực được giao quyền Bí thư.

Cũng trong nhiệm kỳ 2000 - 2005, đồng chí Vũ Tuấn Hùng được Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh điều về làm Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện (tháng 10/2002) và được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ thay đồng chí Phan Văn Tường đã chuyển về tỉnh.

Những kết quả đạt được trên nhiều lĩnh vực đã chứng minh vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện Đại Từ. Riêng đối với lĩnh vực kinh tế, đa số các chỉ tiêu do Đảng bộ đề ra đều được thực hiện đầy đủ với kết quả hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức, góp phần làm cho diện mạo nông thôn Đại Từ có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được tiếp tục cải thiện. Đó là những điều kiện cơ bản để Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới

Chương VI

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO PHÁT HUY SỨC MẠNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2005 - 2025)

I. Thu hút nguồn lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh xây dựng huyện Đại Từ theo hướng phát triển nhanh và bền vững (2005 - 2010)

Sau gần 20 năm đổi mới, diện mạo kinh tế - xã hội của nước ta đã có những chuyển biến tích cực theo hướng hiện đại hóa. Chính trị ổn định, an ninh - quốc phòng được giữ vững. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, do tác động của tình hình kinh tế, chính trị thế giới và những hạn chế vốn có của một quốc gia đang phát triển, nước ta vẫn gặp phải không ít thách thức trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng với thế giới.

Trong dòng chảy của đất nước, sau 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, phát huy tiềm năng sẵn có, nền kinh tế - xã hội huyện Đại Từ đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đáng chú ý là sự chuyển dịch bước đầu trong cơ cấu kinh tế với sự tăng dần tỷ trọng của tiểu thủ công nghiệp - công nghiệp - dịch vụ. Cơ sở hạ tầng không ngừng được củng cố, xây

dựng; văn hóa, giáo dục, y tế được quan tâm đầu tư; an ninh - quốc phòng được giữ vững. Đời sống của nhân dân Đại Từ cơ bản được nâng lên.

Bên cạnh những thuận lợi và thành tựu đã đạt được, trong quá trình vận động phát triển, huyện Đại Từ vẫn gặp phải nhiều khó khăn, hạn chế. Trước hết, mặt bằng kinh tế - xã hội của huyện vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước. Ở các xã vùng sâu, vùng xa của huyện, cơ sở hạ tầng chưa phát triển, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nghèo...

Trước thực trạng trên, việc lựa chọn hướng phát triển phù hợp cho nền kinh tế - xã hội để phát huy cao độ những thế mạnh, tiềm năng sẵn có, đồng thời khắc phục khó khăn chính là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ huyện trong giai đoạn tiếp theo.

Được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, từ ngày 21 đến ngày 22/10/2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2005 - 2010) được tổ chức với sự tham dự của 197 đại biểu chính thức. Đại hội đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, trong đó khẳng định các mục tiêu đề ra đều cơ bản hoàn thành, nhiều chỉ tiêu thực hiện vượt mức kế hoạch.

Sau khi chỉ ra những hạn chế ở nhiều mặt, phân tích nguyên nhân và những thuận lợi, khó khăn của huyện, Đại hội đề ra phương hướng trong nhiệm kỳ

2005 - 2010 với mục tiêu tổng quát là: “Đoàn kết - đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, khai thác hiệu quả mọi nguồn lực, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững. Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân với mục tiêu đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 9 triệu đồng”. Đại hội cũng thảo luận, cụ thể hóa và làm rõ thêm một số giải pháp, chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hoạt động của chính quyền, đoàn thể nhân dân.

Đại hội đã bầu 35 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI và bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa XVII. Tại Hội nghị lần thứ nhất tổ chức ngày 22/10/2005, Ban Chấp hành Đảng bộ đã bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Đoàn Khắc Hòa được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Trương Thị Huệ và đồng chí Nguyễn Hải Đường được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Nhiệm vụ đặt ra trong 5 năm (2005 - 2010) rất nặng nề đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân phải quyết tâm, phấn đấu không ngừng. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự điều hành của Ủy ban nhân dân huyện, sự chung tay của các đoàn thể chính trị - xã hội, trong những năm 2005 - 2010, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn huyện Đại Từ có nhiều chuyển biến. Phát triển kinh tế - xã hội với

phương châm nội lực là chính, tập trung khai thác tốt các thế mạnh đồng thời xây dựng cơ chế để thu hút vốn đầu tư, tăng cường hợp tác kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện bình quân 5 năm đạt 11,98%, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tính đến năm 2010, tỷ trọng cơ cấu kinh tế trong huyện là: Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 35,44%, dịch vụ chiếm 33,8%, nông nghiệp chiếm 30,76%.

Trong nông nghiệp, Huyện ủy chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thâm canh cao, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, lập quy hoạch vùng sản xuất. Do thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện 8 chương trình, đề án về phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật; tích cực khai thác các lợi thế... nền nông nghiệp của Đại Từ có xu hướng phát triển theo chiều sâu, tích cực chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp đạt bình quân 3,83%/năm; giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng trọt đạt 57 triệu đồng.

Trong sản xuất lương thực, các giống lúa lai, lúa thuần chủng có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng được đưa vào sản xuất. Các giống lúa mới như SYN 6, Bio404, Thục Hưng

6, Phú Ưu số 1, SH2, TL6, HT1, Nàng xuân... đã dần thay thế giống lúa KD18, góp phần đưa năng suất lúa bình quân của huyện từ 51,09 tạ/ha/vụ (năm 2005) lên 54,7 tạ/ha/vụ (năm 2009). An ninh lương thực được đảm bảo, bình quân lương thực đầu người tăng từ 415kg (năm 2005) lên 440kg (năm 2010).

Bên cạnh lúa, nhiều giống rau, củ, quả có hiệu quả kinh tế như dưa hấu, khoai tây, bí siêu quả... được đưa vào sản xuất. Năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai Dự án *Xây dựng mô hình trồng nấm thực phẩm và nấm dược liệu trên địa bàn huyện Đại Từ* nhằm đào tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất nấm để làm cơ sở chuyển dịch cơ cấu sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, nhất là các hộ dân ở vùng bán ngập hồ Núi Cốc. Tại xã Văn Yên và xã Hùng Sơn đã hình thành làng nghề và hợp tác xã trồng nấm.

Đối với chăn nuôi, hướng chính là cải tạo, chọn lọc, thay đổi cơ cấu giống, đẩy mạnh chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp và chăn nuôi theo mô hình trang trại. Nhiều giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao như lợn ngoại, trâu Murrah... được đưa vào chăn nuôi, góp phần tăng giá trị sản phẩm ngành. Đến năm 2010, huyện có 24 trang trại chuyên sản xuất giống kết hợp với chăn nuôi lợn thịt, 12 trang trại đặc thù chuyên sản xuất - kinh doanh vật nuôi đặc sản như nhím, kỳ đà, rắn, chồn.

Tuy nhiên, so với chỉ tiêu Đại hội, số lượng đàn gia súc, gia cầm không đạt kế hoạch: Năm 2010, đàn trâu có 17.000 con (đạt 68%); đàn bò có 1.700 con (đạt 21,3%), đàn lợn có 67.000 con (đạt 35,3%), đàn gia cầm có 890.000 con (đạt 47%). Nguyên nhân chính của việc không đạt kế hoạch là do nhiều hộ dân còn trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước; công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi còn chậm; tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm diễn biến phức tạp; giá sản phẩm và thị trường tiêu thụ không ổn định...

Chăn nuôi thủy sản được khuyến khích đầu tư theo hướng thâm canh và bán thâm canh. Năm 2007 và năm 2009, huyện phối hợp với trường Cao đẳng Thủy sản, trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, Trung tâm Thủy sản tỉnh Thái Nguyên tổ chức 2 lớp đào tạo công nhân kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cho 104 nông dân. Thông qua các lớp tập huấn, các hộ nông dân đã nắm bắt được kỹ thuật cơ bản về nuôi trồng và biện pháp phòng, trị một số bệnh cơ bản. Nhân dân sử dụng tối đa diện tích mặt nước, vận dụng các phương pháp nuôi trồng thích hợp. Trung bình, mỗi năm huyện có 485ha nuôi trồng thủy sản. Sản lượng khai thác tăng từ 852 tấn (năm 2005) lên 1.080 tấn (năm 2009). Trại cá Cù Vân, Trại thủy sản hồ Núi Cốc và nhiều hộ ở các xã An Khánh, Bản Ngoại, Vạn Thọ, Tân Thái, Cù Vân... còn ương nuôi cá giống, cung

cấp cho các địa phương hàng chục triệu con cá giống mỗi năm.

Lĩnh vực lâm nghiệp được quan tâm đúng mức, huyện triển khai nhiều chương trình, dự án trồng và chăm sóc rừng. Trong 5 năm, huyện thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng; tổ chức kế hoạch trồng rừng sản xuất, đưa giống keo Úc vào trồng. Đến năm 2010, diện tích trồng rừng tập trung đạt 4.188ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 48,2%.

Từ năm 2005 đến năm 2010, huyện Đại Từ tiếp tục phát huy thế mạnh về đất vườn đồi để phát triển cây lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây đặc sản, hướng chính là quy hoạch, phát triển cây lâm nghiệp có thu, thực hiện chuyển đổi rừng kém hiệu quả sang trồng rừng có giá trị kinh tế cao.

Tiếp tục xác định chè là cây hàng hóa mũi nhọn trong phát triển nông - lâm nghiệp, huyện tập trung đầu tư cải tạo, thay các giống chè cũ bằng giống chè mới có năng suất, chất lượng cao như LDP1, Bát Tiên, Phúc Vân Tiên, Keo Am Tích, Kim Tuyên..., từng bước thay thế những diện tích chè già cỗi, năng suất thấp. Hệ thống thủy lợi vùng đồi được xây dựng nhiều hơn, đặc biệt ở những vùng chuyên canh, đảm bảo chủ động tưới cho trên 1/3 diện tích chè kinh doanh. Nhân dân tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như sao chè bằng tôn quay inox, tưới nước vụ

đông, tưới chè bằng van xoay, làm bể chứa trên đất dốc, thay đổi cách sử dụng thuốc trừ sâu...

Đến năm 2010, toàn huyện đã có 11 vùng chè chất lượng cao, quy mô 2 - 4ha, trong đó có nhiều cơ sở đã tạo dựng được thương hiệu sản phẩm, uy tín trên thị trường trong và ngoài huyện. Nhờ tích cực quan tâm, đầu tư và chăm sóc nên diện tích, năng suất và sản lượng chè đạt hiệu quả khá cao, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Trong 5 năm, huyện trồng mới, trồng lại 736ha nâng tổng diện tích chè lên 5.226ha, sản lượng đạt 45.000 tấn, cho năng suất 80 tạ búp tươi/ha (năm 2010). Các vùng chè ngon, chè đặc sản của huyện được phân bố ở Khuôn Gà (Hùng Sơn), La Bằng, Hoàng Nông, Phú Cường... Chè Đại Từ được tiêu thụ ở cả thị trường trong và ngoài nước, chủ yếu qua một số kênh như của Tổng Công ty Chè Việt Nam để cung ứng ra ngoài tỉnh và xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Mỹ, Canada, Ấn Độ, Đài Loan...

Nhằm tuyên truyền, quảng bá sản phẩm và từng bước xây dựng thương hiệu chè Đại Từ, huyện tạo điều kiện hỗ trợ cho các hợp tác xã chè ở La Bằng, Hùng Sơn tham gia các hội chợ nông nghiệp và thương mại, tham gia liên hoan các làng nghề chè ngon của tỉnh Thái Nguyên; xây dựng lôgô, đăng ký mẫu mã hàng hóa và các hoạt động quảng bá sản phẩm chè ra ngoài huyện; tổ chức gặp mặt các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ kinh doanh, sản xuất chè trong và ngoài

huyện bàn các giải pháp về sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu chè Đại Từ.

Năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Sở Khoa học - Công nghệ tiến hành xây dựng nhãn hiệu hàng hóa tập thể chè La Bằng, đồng thời phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Nguyên tổ chức thành công Lễ hội trà Thái Nguyên tại xã La Bằng.

Thời gian này, trên địa bàn huyện có khoảng 10 nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp tư nhân sản xuất, chế biến chè như: Nhà máy chè Quân Chu, Xí nghiệp chè Đại Từ, Doanh nghiệp Gia Thành, Tín Đạt, Hà Thái... Tuy nhiên, một phần do việc thực hiện Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc liên kết “bốn nhà” trong tiêu thụ nông sản (nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà nước và nhà khoa học) không tốt, các nhà máy, doanh nghiệp, xí nghiệp không liên kết được với nông dân, chủ yếu thu mua chè búp tươi sau đó sơ chế và xuất khẩu sang Trung Quốc; phần khác do xuất khẩu khó khăn, một số đơn vị đã không hoạt động được.

Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo thực hiện đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2005 - 2010 với nhiều giải pháp cụ thể như: Đẩy mạnh quy hoạch, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo lợi thế từng vùng, xây dựng cơ chế ưu tiên để thu hút đầu tư phát

triển các khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, tăng cường quản lý, khai thác nguồn tài nguyên, khoáng sản; từng bước hỗ trợ phát triển một số ngành nghề có thế mạnh; tăng cường đầu tư hỗ trợ về vốn, công nghệ; đẩy mạnh công tác khuyến công...

Trong những năm 2005 - 2010, trên địa bàn huyện Đại Từ xuất hiện thêm các cơ sở chế biến nông - lâm sản; các khu sản xuất vật liệu xây dựng gắn với vùng nguyên liệu, tập trung vào các mặt hàng như gạch ngói xây dựng, khai thác cát, sỏi... Nhiều hộ ở Minh Tiến, Bản Ngoại duy trì và phát triển nghề đan phên, giỏ, phục vụ sản xuất chè, chế biến nông lâm sản. Nghề sản xuất miến rong, mì, bún phát triển ở Lục Ba, Bình Thuận, Hùng Sơn. Nghề chế biến thuốc Nam phát triển ở Quân Chu, Phú Xuyên. Sản xuất gạch phát triển tại Yên Lãng, Phục Linh. Mây tre đan ở xã Khôi Kỳ. Nhà máy sản xuất ván sàn xuất khẩu tại xã Bản Ngoại. Tổ hợp tác thêu ren tại xã Vạn Thọ, Tân Thái...

Năm 2005, toàn huyện có 942 cơ sở ngành nghề (giải quyết việc làm cho 1.637 lao động), đến năm 2007 tăng lên 1.127 cơ sở (giải quyết việc làm cho 1.969 lao động). Sản phẩm từ ngành tiểu thủ công nghiệp ở Đại Từ chủ yếu phục vụ tiêu dùng trong huyện, một bộ phận nhỏ cung cấp cho các doanh nghiệp, nhà máy trên địa bàn huyện làm nguyên liệu. Tuy nhiên, do đặc thù sản xuất nhỏ lẻ nên việc cung

cấp sản phẩm còn nhiều hạn chế, sức cạnh tranh kém, chất lượng không đồng đều.

Cũng trong giai đoạn 2005 - 2010, huyện hoàn thành quy hoạch chi tiết 2 cụm công nghiệp Phú Lạc và An Khánh I. Theo quy hoạch, cụm công nghiệp nhỏ tập trung tại xã Phú Lạc (được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chấp thuận cho xây dựng với diện tích khoảng 148ha) chủ yếu chế biến khoáng sản như ti-tan, sét cao lanh, luyện man-gan, sắt. Cụm công nghiệp An Khánh I nằm trên địa bàn xã An Khánh (được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cho phép xây dựng với tổng diện tích được phê duyệt 124ha) thu hút 2 doanh nghiệp lớn đầu tư là Nhà máy Xi măng Quan Triều và Nhà máy Nhiệt điện An Khánh.

Năm 2004, dự án núi Pháo bắt đầu triển khai với diện tích hơn 870ha. Đây là dự án về khoáng sản lớn tại Việt Nam với nguồn tài chính mạnh, công nghệ khai thác hiện đại, cũng là một hình mẫu về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững về kinh tế - xã hội, chia sẻ lợi ích giữa nhà đầu tư và phát triển cộng đồng. Dự án núi Pháo đã góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết việc làm cho nhiều lao động trên địa bàn huyện Đại Từ.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai dự án đã phát sinh một số tồn tại, vướng mắc: Đơn vị khai thác và chế biến khoáng sản núi Pháo chưa quản lý tốt việc thu gom, xử lý triệt để nước thải sản xuất, nước mưa

chảy tràn, để xảy ra việc xả nước thải gây ô nhiễm môi trường, vấn đề bụi trong khu vực sản xuất phát tán ra môi trường. Việc giải phóng mặt bằng, cơ chế, chính sách bồi thường và xây dựng các khu tái định cư chưa giải quyết triệt để, làm đảo lộn đời sống của một bộ phận nhân dân.

Nhìn chung trong 5 năm, tốc độ tăng trưởng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng của huyện Đại Từ đạt mức cao, bình quân 16,34%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng bình quân 23,79%/năm, vượt 2,37% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra.

Thu ngân sách trong 5 năm tăng bình quân 21,63%/năm, vượt 6,63% so với chỉ tiêu Nghị quyết. Công tác chi ngân sách thực hiện theo phương châm tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hợp lý quỹ công trong sản xuất và tiêu dùng, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng và phát triển xã hội, đảm bảo cho hoạt động của địa phương.

Nhằm tạo điều kiện xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, huyện đã chỉ đạo làm tốt công tác giải phóng mặt bằng và thu hút vốn đầu tư. Tổng vốn thu hút đầu tư tăng mạnh, trong 5 năm đạt 1.356,295 tỷ đồng, riêng năm 2010 đạt 153,486 tỷ đồng. Các nguồn vốn đầu tư đều được sử dụng hiệu quả, ưu tiên đầu tư xây dựng các chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 2005 đến năm 2010, huyện đã đầu

tư sửa chữa nâng cấp, làm mới trên 223km đường giao thông nông thôn, trong đó có trên 97km được trải nhựa, 126km được bê tông hóa. Những tuyến đường như tuyến Hà Thượng - Phục Linh - Tân Linh - Phú Lạc - Đức Lương; tuyến Cù Vân - An Khánh; tuyến Đại Từ - Mỹ Yên - Văn Yên; tuyến Na Mao - Phú Cường - Đức Lương; Tỉnh lộ ĐT261, cầu Suối Đền, cầu Gốc Duối trước đây đi lại khó khăn, đến năm 2010 đã đi lại, thông thương thuận lợi.

Thủy lợi cũng được chú trọng, hình thành các cụm công trình thủy lợi vùng đồi, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống. Trong 5 năm, huyện sửa chữa, xây dựng mới 70 cầu cống các loại, 26 đập, hồ thủy lợi, xây dựng 8,8km kênh mương. Nhiều công trình sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng như hồ Đồng Trăng (Yên Lãng), hồ Đồng Tâm (xã Phúc Lương), đập La Tre (xã Mỹ Yên), đập Vai Làng (xã Cát Nê), đập Ngọc Hoa (xã Tân Linh)...

Bằng các nguồn vốn của Trung ương và địa phương, huyện đã nâng cấp, cải tạo và xây dựng hệ thống điện sinh hoạt đảm bảo cung cấp cho 31/31 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia, xây mới và mở rộng, nâng cấp các công trình cấp nước tập trung. Trong nhiệm kỳ, huyện đã đầu tư xây mới kiên cố 529 phòng học, xây dựng 15 trạm y tế, 19 trụ sở, sửa chữa 2 trụ sở làm việc cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, dựng 248 cụm loa truyền thanh cơ sở...

Một trong những điểm nổi bật về phát triển kinh tế của huyện Đại Từ giai đoạn này là đầu tư có trọng điểm cho hoạt động du lịch, chủ yếu tập trung vào Khu du lịch hồ Núi Cốc, Khu di tích lịch sử 27/7 (xã Hùng Sơn), Di tích nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên (xã La Bằng). Ngoài ra, huyện còn có một số điểm du lịch đang được hình thành như hồ Vai Miếu (xã Ký Phú), suối Cửa Tử (xã Hoàng Nông) và chùa Thiên Tây Trúc, Đát Ngao (xã Quân Chu).

Tuy nhiên, lượng khách tham quan, du lịch còn ít và không ổn định, chủ yếu tập trung vào các ngày kỷ niệm, dịp hè. Các hoạt động dịch vụ du lịch còn hạn chế, giản đơn, mới chỉ tập trung một số dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, ăn uống, sinh hoạt, vận tải, chưa có các hoạt động lễ hội, các hoạt động văn hóa phục vụ du lịch...

Lĩnh vực hoạt động dịch vụ ở Đại Từ giai đoạn này đã có sự phát triển đa dạng với mạng lưới rộng. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo thực hiện tốt công tác quy hoạch khu trung tâm các xã, thị trấn, xây dựng chợ nông thôn, các điểm thương mại, dịch vụ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2010 đạt 369,5 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 18,52%/năm. Tốc độ tăng trưởng thương mại - dịch vụ bình quân đạt 15,99%/năm, giá trị thương mại - dịch vụ tăng bình quân đạt 23,72%/năm (vượt 6,72% chỉ tiêu).

Một số loại hình dịch vụ như vận tải, nhà hàng, viễn thông, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là dịch vụ tín dụng phát triển khá nhanh với nhiều hình thức huy động vốn, đáp ứng nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói giảm nghèo. Đến năm 2010, tổng số nguồn vốn huy động đạt 498 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 372 tỷ đồng, bình quân tăng trưởng tín dụng là 27,3%/năm.

Thực hiện triệt để quan điểm *Giáo dục là quốc sách hàng đầu*, Huyện ủy thường xuyên quan tâm, đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Ngành giáo dục - đào tạo huyện Đại Từ đã xây dựng chương trình *Xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2005 - 2010* và đề ra những kế hoạch cụ thể, những giải pháp khả thi để thực hiện hiệu quả chương trình này. Các xã, thị trấn đưa nhiệm vụ xây dựng trường học chuẩn quốc gia vào chương trình chỉ đạo của Đảng bộ, hằng năm có đánh giá về mức độ chuyển biến và tiến bộ của các nhà trường. Sau 5 năm thực hiện, đến năm 2010, huyện có 55 trường học đạt chuẩn quốc gia (chiếm 54,5% tổng số trường), vượt 4,5% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Một số xã có cả 3 trường học (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) đều đạt chuẩn quốc gia như Hà Thượng, Bản Ngoại, La Bằng và thị trấn Đại Từ.

Thực hiện Đề án *Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục huyện Đại Từ giai đoạn*

2006 - 2010, đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa. 100% hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, đồng thời đã được học các lớp bồi dưỡng công tác quản lý giáo dục. Hằng năm, hầu hết các trường học đều có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên.

Từ năm 2005 đến năm 2010, các cuộc vận động *Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục; Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo* và các phong trào *Thi đua dạy tốt, học tốt; Khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực* được triển khai thực hiện có hiệu quả. Với chủ trương duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở, trung bình mỗi năm tỷ lệ học sinh đến lớp ở bậc tiểu học đạt 100%, bậc trung học cơ sở đạt 99,9%. Đồng thời, huyện đẩy mạnh hoạt động của trung tâm dạy nghề, tăng cường mở rộng liên kết, hợp tác với các trường chuyên nghiệp, dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của huyện.

Sự nghiệp y tế, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Mạng lưới y tế đã tăng cường cả về quy mô và chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Bệnh viện Đa khoa huyện được nâng cấp, đầu tư nhiều trang

thiết bị mới, hiện đại. Đến năm 2010, toàn huyện có 23 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; bình quân có 3 bác sĩ trên 1 vạn dân. Các chương trình y tế quốc gia được tổ chức thực hiện tích cực, không để xảy ra các dịch bệnh lớn trên địa bàn.

Quán triệt Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về *Tiếp tục đẩy mạnh chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình*, hằng năm cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đưa chỉ tiêu thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình vào chương trình công tác cụ thể đồng thời kiện toàn và củng cố Ban Chỉ đạo công tác dân số gia đình và trẻ em, xây dựng chỉ tiêu thi đua cho các đơn vị. Huyện ủy chỉ đạo các ngành, đoàn thể phối hợp với Ủy ban dân số gia đình và trẻ em huy động đông đảo lực lượng tham gia hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình; vận động không sinh con thứ 3, xây dựng câu lạc bộ *Không có người sinh con thứ 3*. Hằng năm, huyện bình xét đối với những đơn vị thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình để đề nghị Hội đồng thi đua khen thưởng huyện kịp thời động viên. Tỷ suất sinh thô bình quân hằng năm giảm 0,15‰. Tuy nhiên, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở Đại Từ trong thời gian này còn những hạn chế như kết quả thực hiện không đồng đều giữa các năm; vẫn có cán bộ sinh con thứ 3, thiếu cán bộ chuyên trách dân số...

Với phương châm Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu là động lực để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, Huyện ủy Đại Từ chú trọng xây dựng nền tảng văn hóa vững mạnh. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được triển khai sâu rộng trong các cơ quan, đơn vị, cụ thể hóa ở từng thôn xóm khu phố, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, xây dựng nếp sống văn hóa... Năm 2005, toàn huyện có 61% gia đình văn hóa, 18% xóm văn hóa, 66% cơ quan văn hóa; đến năm 2010, con số đó lần lượt là: 70%, 13% và 90%. Nhiều xóm liên tục giữ vững danh hiệu văn hóa 5 - 10 năm như xóm Đầm Gành (xã Mỹ Yên), xóm Phú Thịnh 2 (xã Phú Thịnh), xóm An Bình (xã An Khánh).

Hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao, truyền thanh - truyền hình có nhiều đổi mới với các hình thức phong phú, đa dạng nhằm tập trung vào việc tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương và đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân. Đến tháng 6/2010, toàn huyện có 347 nhà văn hóa xóm, 514 cụm loa truyền thanh, 90 sân bóng chuyền, 16 sân bóng đá, 120 sân cầu lông... Tất cả các xã, thị trấn của huyện đều thành lập được đội văn nghệ quần chúng, tạo không khí sôi nổi trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân. Trong 5 năm, Đội thông tin lưu động của huyện tổ chức gần 300 buổi giao lưu văn hóa nghệ thuật tại cơ sở...

Trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống của dân tộc, đền thờ Lưu Nhân Chú - vị danh tướng của cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn đã được nhà nước đầu tư tôn tạo quy mô lớn tại quê hương ông - xã Văn Yên, huyện Đại Từ. Hằng năm, lễ hội Núi Văn - Núi Võ được huyện Đại Từ tổ chức vào dịp đầu xuân, đã làm sáng đẹp thêm truyền thống lịch sử, truyền thống văn hóa và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tâm linh của đông đảo người dân trong huyện.

Phong trào *Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại* được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Hằng năm, huyện tổ chức các giải đấu như Giải việt dã Tiên phong, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn... đồng thời chú trọng tổ chức các môn thể thao dân tộc trong mỗi dịp lễ hội, mừng xuân như: Tung còn, đẩy gậy, vật, bắn nỏ, kéo co... Trong nhiệm kỳ, Huyện ủy chỉ đạo tổ chức tốt Đại hội văn hóa thể thao các xã, thị trấn và Đại hội Văn hóa - Thể thao huyện Đại Từ lần thứ IV (năm 2009).

Việc thực hiện chính sách xã hội tập trung vào các phong trào như xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, đền ơn đáp nghĩa. Nhờ thực hiện tốt chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo nên đời sống nhân dân được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) từ 31,84% (năm 2005) giảm xuống còn 15% (đầu năm 2010), bình quân thu nhập đầu người đạt 12,6 triệu đồng, vượt chỉ tiêu đề ra (3,6

triệu đồng). Hằng năm, huyện đã giải quyết việc làm cho trên 2.500 lao động (chỉ tiêu đề ra là 2.000 lao động).

Trong giai đoạn 2005 - 2010, huyện Đại Từ thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi đối với gia đình có công. Hằng năm, huyện lập danh sách đề nghị cấp phát thẻ bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho trên 5.200 người có công, thực hiện chế độ điều dưỡng cho các đối tượng đúng quy định. Vào dịp tết Nguyên đán và ngày 27/7, huyện đều trích ngân sách tổ chức thăm và tặng quà cho 100% gia đình chính sách. Ngoài ra, huyện còn thực hiện chính sách ưu đãi miễn giảm thuế đối với người có công; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quân đội trên địa bàn hỗ trợ các gia đình chính sách làm *Nhà đồng đội Nhà tình nghĩa*; xây dựng, tu sửa, nâng cấp nghĩa trang, đài tưởng niệm liệt sĩ; vận động xây dựng quỹ *Đền ơn đáp nghĩa*...

Công tác khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường được quan tâm. Việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống được tăng cường, nhất là trong sản xuất nông nghiệp và công tác lãnh đạo, quản lý.

Điểm đặc biệt trong thời gian này, huyện đã thực hiện đề án ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác lãnh đạo và quản lý hành chính. Triển khai đề án, từ năm 2007 đến năm 2010, huyện tổ chức đào tạo tin

học văn phòng, tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm dạy học và phương pháp trình chiếu cho 1.400 cán bộ, viên chức. Qua 5 năm, 80% cán bộ, công chức phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, 33% cán bộ, công chức các xã, thị trấn có trình độ tin học loại A trở lên. Năm 2005, huyện có 111 bộ máy tính trang bị cho các phòng ban và các xã, thị trấn. Đến năm 2010, riêng số máy tính dành cho 12 phòng ban chuyên môn của huyện là 88 máy; các trường tiểu học, trung học cơ sở được trang bị 8 - 10 máy/trường; tất cả các xã, thị trấn đều có máy tính.

Năm 2010, huyện Đại Từ triển khai tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ lãnh đạo và công chức chuyên môn các phòng ban, các xã, thị trấn và đăng ký địa chỉ vào hệ thống hòm thư điện tử của tỉnh, song số hòm thư được khởi tạo còn hạn chế. Trong năm 2010, trang web của huyện cũng được xây dựng. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo và quản lý hành chính còn một số hạn chế như: Cơ sở hạ tầng, vật chất - kỹ thuật còn thiếu, yếu và chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Kỹ năng sử dụng tin học trong công việc của cán bộ, công chức chưa cao. Công tác đào tạo chưa thường xuyên và chuyên sâu.

Hoạt động bảo vệ môi trường bước đầu đi vào nền nếp. Huyện đã triển khai tới các xã, thị trấn Luật

Bảo vệ môi trường, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân dân về bảo vệ môi trường. Đồng thời, quy hoạch, đầu tư xây dựng bãi chứa rác thải đảm bảo vệ sinh. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại những yếu kém trong việc quản lý chất thải rắn ở khu dân cư, thuốc bảo vệ thực vật. Mặt khác, ý thức và nhận thức của một bộ phận nhân dân trong việc bảo vệ môi trường còn yếu...

Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, Huyện ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, thực hiện tốt công tác quốc phòng - quân sự địa phương. Ban Chỉ huy Quân sự huyện nắm chắc tình hình địa bàn, duy trì thường xuyên các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng các phương án đảm bảo chủ động ứng phó với mọi tình huống. Công tác huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên được chú trọng, đảm bảo đủ về thời gian, nội dung và quân số. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, diễn tập quân sự, tuyển quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu, chất lượng tốt. Trong 5 năm, huyện đã tuyển chọn 1.170 thanh niên nhập ngũ. Năm 2010, Ban Chỉ huy Quân sự huyện tham gia hội thi doanh trại chính quy, xanh, sạch, đẹp cấp quân khu đạt giải nhất, được Bộ Tư lệnh Quân khu 1 tặng cờ thưởng đơn vị xuất sắc.

Trong những năm 2005 - 2010, tình hình an ninh nông thôn còn phức tạp, xảy ra nhiều trường hợp khiếu

kiện liên quan đến việc đền bù đất đai, thực hiện các chế độ chính sách kinh tế, đặc biệt ở các xã như Hoàng Nông, Yên Lãng, Hà Thượng, An Khánh. Hoạt động của các loại tội phạm hình sự, ma túy, trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, tệ nạn cờ bạc, tai nạn giao thông... tiếp tục diễn biến phức tạp. Cũng từ năm 2005, xuất hiện ngày càng nhiều trường hợp người dân tự ý khai thác quặng, gây ra những xáo trộn về hiện trạng tài nguyên, ảnh hưởng đến môi trường và trật tự xã hội. Việc khai thác quặng tự do và tràn lan cũng làm cho số lượng người mắc tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.

Trước thực tế trên, Huyện ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành vào cuộc, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng về *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác công an trong tình hình mới; Bảo vệ an ninh quốc gia; Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới...* Công an huyện đẩy mạnh phong trào *Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc*, phòng chống các tệ nạn xã hội, tăng cường mạng lưới an ninh cơ sở và thực hiện *Luật An toàn giao thông đường bộ*. Huyện ủy đã ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác phòng, chống ma túy giai đoạn 2006 - 2010 với nhiều giải pháp tích cực, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục lao động xã hội huyện. Từ năm 2005 đến năm 2010, toàn huyện đã vô hiệu hóa 175 tụ điểm mua bán ma túy, 10 xã không có người nghiện ma túy và tội phạm ma túy.

Là một huyện miền núi, đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm gần 26% nên Huyện ủy Đại Từ quan tâm thường xuyên, chú trọng chỉ đạo công tác dân tộc, xây dựng khối đoàn kết các dân tộc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào, tranh thủ các chương trình, dự án để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Nhờ đó, số hộ nghèo thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 64,2% (năm 2005) xuống còn 32% (năm 2009). Đặc biệt, công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số được quan tâm. Đến năm 2009, huyện có 190 cán bộ cơ sở là người dân tộc thiểu số, trên 60% có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Đại Từ lần thứ nhất (ngày 21/10/2009) được tổ chức thành công, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, là nguồn động viên đồng bào đóng góp trí tuệ, sức lực vào việc xây dựng và bảo vệ quê hương.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng giai đoạn 2005 - 2010 là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Từ cuối năm 2006, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.*

Việc triển khai Nghị quyết được gắn với việc thực hiện cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*. Huyện thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban, Chánh Thanh tra huyện làm Phó ban Thường trực và thành viên gồm trưởng các ban ngành, đoàn thể. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, chỉ đạo phòng ngừa đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Song song với đó, Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đội ngũ đảng viên nêu gương về đạo đức, lối sống, kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh tự học, tự rèn, chống suy thoái đạo đức, lối sống. Đài truyền thanh - truyền hình huyện tổ chức đưa tin, bài trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở; cơ quan thanh tra huyện mở lớp học tập *Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* cho đại biểu các xã, thị trấn. Từ năm 2007 đến năm 2009, Huyện ủy chỉ đạo cơ quan chuyên môn phát hành 45 đầu sách giới thiệu *Luật Phòng, chống tham nhũng, lãng phí* tới các đơn vị trong toàn huyện để các cơ quan có nhận thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ trong việc phòng, chống tham nhũng.

Để phát huy tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức Đảng và đảng viên trong phòng, chống tham nhũng, Huyện ủy quán triệt các cơ sở đưa nội dung này vào sinh hoạt chi bộ, đảng bộ, thường xuyên giáo

dục đảng viên đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng; đồng thời nắm chắc tình hình tư tưởng, quan hệ xã hội của đảng viên để kịp thời phát hiện, xử lý khi có dấu hiệu vi phạm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực hiện có trọng tâm, tiết kiệm, không tràn lan; các cơ quan, đơn vị có quy chế làm việc hợp lý, phát động phong trào *8 tiếng làm việc có chất lượng*. Hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch. Huyện ủy cũng chỉ đạo nghiêm một số cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế - xã hội đảm bảo không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, đặc biệt là về vấn đề sử dụng, quản lý đất đai, công sở, tài nguyên thiên nhiên, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản... Hằng năm, huyện tổ chức thanh tra, kiểm tra, tập trung vào một số lĩnh vực trọng điểm...

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) đã được tổ chức, quán triệt nghiêm túc, đầy đủ, giúp nhận thức về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ, đảng viên và nhân dân chuyển biến tích cực. Công tác thanh tra được tăng cường, công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh tạo cơ sở hành lang pháp lý cho việc phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 7/11/2006 của Bộ Chính trị (khóa X) về cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Ban Thường vụ Huyện ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai cuộc

vận động trong toàn Đảng bộ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, các xã, thị trấn, các ban, ngành, đoàn thể đều tổ chức học tập và đưa cuộc vận động vào thực tiễn phù hợp với từng cơ sở, đơn vị.

Các đoàn thể chính trị - xã hội huyện triển khai cuộc vận động bằng nhiều hình thức như tuyên truyền qua hệ thống loa đài, các buổi nói chuyện, tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, có kiểm tra, đánh giá chất lượng thông qua viết bài thu hoạch, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình làm theo tấm gương Bác Hồ.

Công an huyện tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - Công an nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ*. Ban Chỉ huy Quân sự huyện đẩy mạnh việc *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* gắn với thực hiện hiệu quả phong trào thi đua quyết thắng, đột phá và nâng cao chất lượng huấn luyện, tạo chuyển biến trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật...

Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc đã tích cực tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, các chuyên đề của tư tưởng Hồ Chí Minh như *Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu;* *Sửa đổi lề lối làm việc;* *Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân;* *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí*

Minh; Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch vững mạnh. Đơn vị tiêu biểu nhất thực hiện hiệu quả cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là Đảng bộ xã Phú Cường. Đây là đơn vị điển hình của tỉnh có phong trào toàn dân lập bàn thờ Bác, được Tỉnh ủy Thái Nguyên tặng bằng khen. Tháng 11/2010, tại Hội nghị tổng kết toàn quốc về thực hiện cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Bí thư Đảng ủy xã Phú Cường vinh dự được báo cáo thành tích và được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

Trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, công tác tổ chức cán bộ được xác định là giải pháp đột phá, góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trọng tâm, việc quy hoạch, đào tạo, sắp xếp cán bộ có nhiều đổi mới. Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Giải pháp số 01-GP/HU ngày 25/6/2006 *Về nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ huyện Đại Từ.* Trong giai đoạn này huyện lần đầu tiên thực hiện việc cử cán bộ luân chuyển tăng cường cho cơ sở (1 đồng chí Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Hoàng Nông, 1 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Phó Ban Tổ chức Huyện ủy giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đại Từ (nay là thị trấn Hùng Sơn); đồng thời điều động 1 cán bộ chủ chốt cơ sở lên công tác tại

huyện. Việc thực hiện luân chuyển cán bộ huyện về cơ sở là bước đột phá trong công tác cán bộ, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã vững mạnh, từ đó góp phần quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Cùng với tăng cường cán bộ về cơ sở, để phát huy vai trò lãnh đạo trực tiếp của chi bộ đối với cán bộ, công chức cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở, Ban Thường vụ Huyện ủy đã đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương thành lập chi bộ cơ quan cấp xã. Huyện ủy Đại Từ là đơn vị đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thực hiện thí điểm thành lập chi bộ cơ quan cấp xã và trở thành mô hình nhân rộng trong Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

Cùng với việc tăng cường, củng cố đội ngũ cán bộ cơ sở, Ban Thường vụ Huyện ủy đã kịp thời kiện toàn bổ sung cán bộ chủ chốt của huyện khi có thay đổi: Tháng 7/2008, đồng chí Đoàn Khắc Hòa chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Trương Thị Huệ - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân được cử giữ chức Bí thư Huyện ủy. Cuối năm 2008, đồng chí Nguyễn Hải Đường - Phó Bí thư Thường trực được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Đầu năm 2009, đồng chí Nguyễn Văn Mậu - Ủy viên Ban Thường vụ được bầu giữ chức Phó Bí thư và phân công làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy. Tháng 8/2009, đồng chí Phạm Duy Hùng - Phó Ban Tổ chức được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ

thay đồng chí Dương Trung Việt nghỉ hưu và được phân công làm Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

Thực hiện Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 20/5/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *Thực hiện thí điểm bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã* và Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 20/5/2009 *Về thực hiện thí điểm chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở trực tiếp bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư*, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức quán triệt tới 31 đảng bộ xã, thị trấn trong toàn huyện để các đơn vị nắm chắc yêu cầu, nội dung, phạm vi đối tượng của việc thực hiện thí điểm. Huyện ủy quyết định chọn xã Đức Lương làm thí điểm bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Tháng 10/2009, đồng chí Bí thư Đảng ủy được Hội đồng nhân dân xã bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đức Lương.

Nhằm rút kinh nghiệm mở rộng dân chủ bầu cử trong Đảng, phát huy quyền dân chủ trực tiếp của đảng viên, Ban Thường vụ Huyện ủy họp và thống nhất lựa chọn Đảng bộ xã Vạn Thọ và Đảng bộ xã La Bằng thí điểm chủ trương bầu trực tiếp Ban Thường vụ, Bí thư và Phó Bí thư tại đại hội nhiệm kỳ 2010 - 2015 theo tinh thần Kế hoạch số 72-KH/TU. Các xã được chọn thí điểm đều triển khai thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ đề ra theo hướng dẫn của huyện, đảm bảo phát huy cao tính dân chủ. Tháng 1/2010, Đại hội Đảng bộ xã La Bằng được tổ chức, việc bầu

trực tiếp Ban Thường vụ, Bí thư và Phó Bí thư diễn ra thành công, kết quả bầu đảm bảo đủ tiêu chuẩn, số lượng và theo quy hoạch cán bộ. Tại Đại hội Đảng bộ xã Vạn Thọ (tháng 2/2010), do chuẩn bị chưa kỹ lưỡng, công tác nhân sự chưa tốt nên dẫn tới khó khăn trong bầu cử trực tiếp, nhân sự dự kiến bầu bí thư không trúng cử.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng nhiều kế hoạch, giải pháp về công tác phát triển Đảng. Với phương châm *lấy xây dựng Đảng làm then chốt*, các chi bộ, đảng bộ cơ sở đều xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể trong công tác phát triển Đảng. Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 26-KH/HU ngày 30/1/2007 về *Công tác xóa xóm trắng đảng viên*; Chỉ thị số 06-CT/HU ngày 21/2/2008 về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển đảng viên...* Huyện ủy đã tập trung rà soát, đánh giá thực trạng các xóm trắng đảng viên, các xóm, trường học chưa có chi bộ để lãnh đạo thực hiện được tốt hơn. Huyện ủy Đại Từ là đơn vị đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện thí điểm thành lập chi bộ cơ quan cấp xã và trở thành mô hình nhân rộng trong toàn tỉnh (tháng 10/2008).

Các đảng bộ, chi bộ làm tốt công tác phát triển Đảng như: Đảng bộ xã Bản Ngoại, Đảng bộ thị trấn Quân Chu, Đảng bộ xã Mỹ Yên, Đảng bộ xã Hùng Sơn,

Đảng bộ xã Phú Cường, Đảng bộ xã Phú Xuyên, Đảng bộ Xí nghiệp than Núi Hồng, Chi bộ trường Trung học phổ thông Đại Từ, Chi bộ Trung tâm Y tế, Chi bộ Tài chính, Chi bộ Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội... Trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, huyện đã xóa được 4/7 xóm trắng đảng viên; thành lập 66 chi bộ ở 110 xóm, trường học, trạm y tế trước đây chưa có chi bộ; kết nạp 1.091 đảng viên (đạt 71,3% so với Nghị quyết).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát triển Đảng của Đảng bộ huyện Đại Từ còn bộc lộ một số hạn chế: Một số cơ sở Đảng chưa quan tâm đúng mức tới nhiệm vụ phát triển đảng viên, công tác tạo nguồn kết nạp Đảng ở cơ sở chưa đạt yêu cầu, thiếu các nhân tố tích cực làm nguồn phát triển Đảng, công tác tham gia xây dựng Đảng của nhiều đoàn thể còn yếu; một số xóm chưa có chi bộ lãnh đạo, có chi bộ nhiều năm không kết nạp được đảng viên như Chi bộ An Thái xã Quân Chu... Đến năm 2010, huyện còn 3 xóm trắng đảng viên, 16 trạm y tế chưa có chi bộ lãnh đạo.

Huyện ủy còn tổ chức tốt việc nghiên cứu quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), Đề án số 05-ĐA/TU của Tỉnh ủy về *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng xã, phường, thị trấn* cũng như các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Huyện ủy tổ chức kiểm tra, giám sát toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, đồng thời

quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát cho cấp ủy viên và ủy viên ủy ban kiểm tra cơ sở, chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ cuộc kiểm tra của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Từ năm 2005 đến năm 2010, Huyện ủy đã tổ chức 11 cuộc kiểm tra, 5 cuộc giám sát chuyên đề về một số nội dung như việc thực hiện quy chế làm việc, công tác quy hoạch dân cư, thực hiện kế hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, công tác cải cách hành chính... và thực hiện tốt 18 cuộc kiểm tra của đảng bộ cấp trên. Sau kiểm tra, cấp ủy đều có kết luận cụ thể, đồng thời chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung đã kết luận; giúp cơ sở khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; giữ nghiêm kỷ luật Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng.

Công tác tự phê bình và phê bình được đẩy mạnh, chất lượng sinh hoạt Đảng có chuyển biến tích cực, nhất là trong các chi bộ Đảng nông thôn. Bình quân hằng năm có trên 80% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có tổ chức cơ sở Đảng yếu kém; trên 90% đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các cấp ủy Đảng thường xuyên quan tâm lãnh đạo, nâng cao chất lượng công tác dân vận từ huyện đến cơ sở, chú trọng phát huy vai trò của Ban Dân vận

Huyện ủy và khối dân vận các xã, thị trấn trong việc tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 5/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về *Thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn*, Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa IX) ngày 12/3/2003 về *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, công tác tôn giáo, dân tộc...*

Ban Dân vận đã tích cực tham mưu cho Huyện ủy chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Nội dung, phương hướng hoạt động của hệ thống dân vận từ huyện xuống xã có sự đổi mới với phương châm hướng về cơ sở, tích cực tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng ảnh hưởng của các dự án.

Trong công tác xây dựng chính quyền, các cấp ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII (năm 2007) đảm bảo dân chủ và đúng luật; tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa X) về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy quản lý Nhà nước...

Trong hoạt động của Hội đồng nhân dân, việc quyết định, ban hành nghị quyết đã phát huy được trí

tuệ tập thể, thể hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cụ thể hóa kịp thời chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Hội đồng nhân dân huyện chủ động đổi mới hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp thu kịp thời tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; đặc biệt chú trọng giải quyết các ý kiến kiến nghị của cử tri, ý kiến phản ánh của đại biểu tại các kỳ họp.

Ủy ban nhân dân huyện tổ chức sắp xếp các phòng ban chuyên môn trực thuộc theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 4/2/2008 của Chính phủ (sau khi sắp xếp, kiện toàn, có 13 phòng, ban chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp). Các đề án, chương trình công tác đều bám sát các chủ trương, nghị quyết của Đảng, cơ bản đã lựa chọn những lĩnh vực trọng tâm để tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Việc phân cấp quản lý đã tạo sự chủ động cho các cấp, các ngành thực hiện hiệu quả một số lĩnh vực như quản lý tài nguyên, tài chính ngân sách...

Công tác cải cách hành chính tập trung vào các nội dung: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; đổi mới nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính, trong đó tập trung mạnh vào việc cải cách thể chế.

Để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hành chính Nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân huyện

xây dựng quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, áp dụng quy phạm pháp luật thống nhất thực hiện trên địa bàn huyện. Từ năm 2006 đến năm 2010, các phòng ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp cơ sở đã tham mưu cho Hội đồng nhân dân ban hành 3.522 văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực.

Bộ máy quản lý hành chính từ huyện đến cơ sở được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hợp lý nên hiệu quả quản lý hành chính, chất lượng giải quyết công việc nâng lên rõ rệt. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có thái độ nhiệt tình, trách nhiệm với công việc. Các biện pháp cải cách thủ tục hành chính gắn với thực hiện cơ chế *một cửa* đã giúp người dân, các tổ chức giao dịch, công tác thuận lợi, nhanh chóng...

Tuy nhiên, hiệu lực điều hành và hiệu quả giải quyết công việc của chính quyền trên một số lĩnh vực chưa cao. Công tác quy hoạch, quản lý đất đai, vật tư sản xuất nông nghiệp, tài nguyên khoáng sản còn hạn chế. An ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ; nhiều tai nạn, tệ nạn chưa được ngăn chặn hiệu quả. Công tác cải cách hành chính có nhiều cố gắng song còn chậm. Chính quyền ở một số cơ sở chậm đổi mới về phương thức lãnh đạo, điều hành; chỉ đạo dàn trải, thiếu trọng tâm và chưa đề ra được giải pháp mang tính đột phá. Công tác tham mưu triển khai thực hiện, đánh giá, sơ kết, tổng kết còn hạn chế.

Xác định công tác vận động quần chúng là vấn đề chiến lược, là nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên và lâu dài của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, Huyện ủy đã quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Trung ương về công tác vận động quần chúng trong giai đoạn mới theo tinh thần Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) và Đề án số 01/ĐA-TU (ngày 16/6/2006) của Tỉnh ủy Thái Nguyên về *Tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác dân vận, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giai đoạn 2006 - 2010* tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thường xuyên được kiện toàn; tích cực đổi mới công tác cán bộ, nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động. Tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia các tổ chức ngày càng tăng, một số đoàn thể đạt tỷ lệ tập hợp cao như Hội Liên hiệp Phụ nữ (84,6%), Hội Cựu chiến binh (trên 70%)...

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện trong giai đoạn này đã đẩy mạnh các cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; Ngày vì người nghèo*, vận động nhân dân hưởng ứng phong trào *Đền ơn đáp nghĩa*; phối hợp với Hội Chữ thập đỏ và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đại Từ quyên góp trên 6.000 bộ quần áo, hàng nghìn quyển sách, vở và 60 triệu đồng ủng hộ nhân dân huyện Nghi Sơn (Hà Tĩnh) bị lũ lụt (năm 2010).

Thực hiện Kế hoạch số 83/KH-TU ngày 8/9/2009 của Tỉnh ủy và Hướng dẫn số 72/HD-MT ngày 3/11/2009 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về *hướng dẫn và tổ chức thực hiện cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện đã triển khai tới Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn. Công tác thông tin tuyên truyền, vận động được đẩy mạnh, giúp người dân nhận thức đúng chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ hàng Việt Nam, ưu tiên dùng hàng Việt Nam khi tiêu dùng cá nhân, coi đó là biểu hiện của lòng yêu nước, nét đẹp trong văn hóa tiêu dùng.

Trong 5 năm (2005 - 2010), Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đại Từ đã phát huy tính sáng tạo, chủ động, khơi dậy tinh thần xung kích tạo nên diện mạo mới cho phong trào thanh niên trong thời kỳ hội nhập. Ngoài việc phổ biến *Luật Thanh niên; Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2005 - 2010*, Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên, Đoàn Thanh niên huyện còn triển khai các hoạt động như *Du khảo về nguồn; Uống nước nhớ nguồn*, gặp mặt các vị tiền bối cách mạng...

Những cuộc vận động do Trung ương Đoàn phát động như *Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác; Tiếp lửa truyền thống mãi mãi tuổi hai mươi; Âm vang Điện*

Biên... đã thu hút trên 85.000 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia. Đoàn Thanh niên huyện tiếp tục duy trì hoạt động của 31 đội thanh niên xung kích, 5 đội thanh niên tuyên truyền về an toàn giao thông, 5 câu lạc bộ giáo dục pháp luật..., tổ chức hơn 30 lượt diễu hành cổ động tuyên truyền về an toàn giao thông trên Quốc lộ 37, triển khai 18 hội thi tìm hiểu về Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng chống ma túy, Luật Giao thông đường bộ, duy trì diễn đàn định hướng lựa chọn ngành nghề cho đoàn viên, phối hợp với trung tâm dạy nghề huyện mở hàng trăm lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho thanh niên... Nhiều đoàn viên, thanh niên gây dựng được mô hình làm kinh tế giỏi (như mô hình chăn nuôi lợn hướng nạc của đoàn viên xã Đức Lương, mô hình sản xuất đồ mộc gia dụng của đoàn viên xã Bình Thuận, mô hình trồng chè kết hợp ươm cây giống của đoàn viên xã Văn Yên...).

Từ năm 2005 đến năm 2010, các tổ chức thanh niên tình nguyện đóng góp hàng nghìn ngày công tu sửa 85km đường giao thông nông thôn, san lấp 355m³ đất đá, nạo vét 36km kênh mương, thăm hỏi tặng quà hơn 200 lượt gia đình chính sách... Việc xây dựng tổ chức đoàn được chú trọng, đến năm 2010, Huyện đoàn có 55 cơ sở trực thuộc với 8.516 đoàn viên.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Đại Từ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị về *Đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình*

hình mới, Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư về Một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về Công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong những năm 2005 - 2010, Hội Phụ nữ huyện Đại Từ đã phát huy truyền thống quê hương cách mạng, thực hiện đổi mới trong việc thu hút, tập hợp hội viên tham gia sinh hoạt (đến năm 2010, có 33 cơ sở hội trực thuộc với trên 35.000 hội viên, trong đó có khoảng 28.000 hội viên tham gia sinh hoạt thường xuyên). Hội tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua *Giải việc nước, đảm việc nhà; Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ, xây dựng nhà Mái ấm tình thương, xây dựng câu lạc bộ Gia đình 5 không, 3 sạch, gắn với cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh...* Hội Liên hiệp Phụ nữ cũng thường xuyên quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ về cả trình độ lý luận chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn. Nhiều cán bộ nữ đã được tín nhiệm giữ các cương vị chủ chốt trong tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Năm 2006, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Đại Từ được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Hội Nông dân được tăng cường, củng cố về tổ chức, đến năm 2010 có 31 cơ sở hội. Các cấp hội khắc phục khó khăn, đẩy mạnh các phong trào thi đua, đoàn

kết xây dựng Hội vững mạnh, xứng đáng là lực lượng trung tâm, nòng cốt của nông dân. Phong trào *Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững...* thu được kết quả tích cực. Hội Nông dân còn phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ và các ban ngành mở các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho hàng nghìn lượt hội viên; phối hợp với ngân hàng cho nông dân vay vốn sản xuất, kinh doanh.

Phát huy phẩm chất tốt đẹp của *Bộ đội Cụ Hồ* trong giai đoạn cách mạng mới, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức cho hội viên luôn được Hội Cựu chiến binh quan tâm. Các chỉ nghị, nghị quyết của Trung ương Hội, Tỉnh hội, đặc biệt là Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 8/1/2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh trong giai đoạn cách mạng mới*, Pháp lệnh Cựu chiến binh được triển khai học tập, quán triệt đầy đủ. Tỷ lệ hội viên tham gia học tập đạt từ 85% trở lên. Các phong trào *Nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; Xây dựng hội viên gương mẫu; Xây dựng gia đình hội viên văn hóa* được các cựu chiến binh tích cực hưởng ứng. Với thành tích đạt được, Hội được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều bằng khen, giấy khen.

Trong những năm 2005 - 2010, Liên đoàn Lao động huyện phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện

Luật Lao động, Luật Công đoàn và các chế độ, chính sách đối với người lao động, góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp. Liên đoàn Lao động đã triển khai các phong trào thi đua trong công nhân, viên chức lao động như *Lao động giỏi, lao động sáng tạo; Hai tốt; Mười hai điều y đức...*; tuyên truyền nghị quyết, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới. Bên cạnh đó, Liên đoàn Lao động tổ chức các hoạt động tuyên truyền văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn; vận động công nhân, viên chức lao động trên địa bàn làm tốt công tác xã hội, đồng thời tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh. Với nhiều thành tích nổi bật, Liên đoàn Lao động huyện Đại Từ được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng cờ *Đơn vị xuất sắc*, tặng bằng khen trong chỉ đạo phong trào *Giỏi việc nước - Đảm việc nhà...*

Các tổ chức chính trị - xã hội khác như Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Khuyến học, Hội Người cao tuổi... đều bám sát nhiệm vụ chính trị và tôn chỉ của hội, tiếp tục được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm, tạo điều kiện phát triển, góp phần làm giàu đẹp cho quê hương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, một số mặt công tác của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa thực sự đổi mới, phong trào thi đua

còn dàn trải nên sức thu hút, tập hợp quần chúng ở một số đoàn thể còn thấp.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXI, Đảng bộ huyện Đại Từ đã phát huy tinh thần đổi mới, năng động, sáng tạo, đoàn kết, tập trung lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhiều chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội vượt mức kế hoạch đề ra. Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến, chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được nâng lên, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi. Tình hình quốc phòng, an ninh cơ bản ổn định. Hệ thống chính trị được đổi mới và củng cố vững chắc, dân chủ và kỷ cương xã hội được tăng cường. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện căn bản. Với những cố gắng và thành tích đã đạt được, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã được nhận nhiều bằng khen, giấy khen, cờ thi đua của tỉnh và Trung ương. Huyện cũng nhiều lần vinh dự đón tiếp các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước như Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết về thăm và làm việc (năm 2007), Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh về thăm và làm việc (năm 2008), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng về thăm và làm việc (năm 2009)...

Để đạt được những kết quả trên, cấp ủy và chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tích cực đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa nhiệm vụ của các lĩnh vực trọng tâm bằng các chương trình, đề án chỉ đạo trong cả nhiệm kỳ và các nghị quyết chuyên đề hằng năm. Huyện ủy đã đề ra những giải pháp mang tính đột phá nhằm khai thác tốt nội lực và tranh thủ được nguồn hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài. Với nhiều biện pháp và quyết tâm lớn, sức mạnh của cả hệ thống chính trị đã được phát huy, cán bộ, đảng viên đoàn kết một lòng, nhân dân đồng thuận với các chủ trương của huyện. Ngoài ra, Đảng bộ huyện Đại Từ luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo của Tỉnh ủy Thái Nguyên; sự chỉ đạo, giúp đỡ của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban ngành của tỉnh và Trung ương.

Mặc dù đạt được nhiều thành tích song việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI cũng còn tồn tại, khuyết điểm: Kinh tế phát triển khá nhưng chưa xứng với tiềm năng; một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có mặt còn hạn chế. An ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp. Trong xây dựng hệ thống chính trị, công tác tư tưởng, giáo dục chính trị chưa thực sự sâu rộng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu, công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu, hiệu quả ở một số mặt công tác của các đoàn thể chưa cao...

II. Đổi mới mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, tạo nền móng cho xây dựng nông thôn mới (2010 - 2015)

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 4/8/2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015) diễn ra từ ngày 1/7 đến ngày 3/7/2010 với sự có mặt của 210 đại biểu, đại diện cho hơn 7.000 đảng viên trong Đảng bộ.

Đại hội thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2005 - 2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI, trên cơ sở đó tiến hành thảo luận và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổng quát trong 5 năm tiếp theo (2010 - 2015) là: *Đổi mới mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ và hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền. Khai thác hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp một cách vững chắc vào năm 2015, tạo nền móng cho phát triển du lịch, xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng hiệu quả các lĩnh vực văn hóa - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh; cải thiện cơ bản đời sống người dân cả về vật chất lẫn tinh thần.*

Đại hội đã đề ra những mục tiêu cụ thể:

Về kinh tế: Tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt 13%. Cơ cấu kinh tế đến năm 2015 là: Công nghiệp - xây dựng đạt 42,71%; dịch vụ đạt 35,1%; nông nghiệp đạt 22,19%. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng bình quân từ 4%/năm trở lên; giá trị trên 1ha đất trồng trọt năm 2015 đạt 86 triệu đồng; sản lượng lương thực bình quân hằng năm đạt 70.000 tấn. Đàn trâu năm 2015 đạt 17.000 con; đàn lợn đạt 75.000 con; đàn gia cầm đạt trên 1 triệu con. Sản lượng chè búp tươi đến năm 2015 đạt 54.500 tấn; trồng rừng bình quân đạt 700 ha/năm; tỷ lệ che phủ rừng đạt 49,2%. Thu ngân sách tăng bình quân hằng năm là 20%, giá trị bình quân thu nhập đầu người đạt 23,5 triệu đồng vào năm 2015.

Về văn hóa - xã hội: Phấn đấu đến năm 2015 có 80% số trường đạt chuẩn quốc gia; 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5% theo tiêu chí mới; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đến năm 2015 còn 13,5%; giải quyết việc làm mới cho 2.700 lao động/năm.

Về xây dựng hệ thống chính trị: Phát triển đảng viên hằng năm đạt 4% tổng số đảng viên của Đảng bộ; 80% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ; đảng viên đủ tư cách và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 90% trở lên.

Đại hội bầu 39 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015). Tại cuộc họp đầu tiên, Ban Chấp hành đã bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ. Đồng chí Trương Thị Huệ tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy khóa XXII. Đồng chí Nguyễn Hải Đường và đồng chí Nguyễn Văn Mậu được bầu giữ chức Phó Bí thư, bầu Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy gồm 5 đồng chí, đồng chí Nguyễn Thị Thúy được bầu giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy. Để kịp thời trong công tác lãnh đạo chỉ đạo, ngay sau Đại hội, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phụ trách các chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy.

Sau Đại hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ bước vào thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết với quyết tâm và niềm tin cao độ, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đại hội đã đề ra.

Kinh tế huyện Đại Từ đến năm 2010 có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Tỉnh ủy Thái Nguyên thường xuyên quan tâm, chỉ đạo phát triển kinh tế, tạo cơ chế thu hút đầu tư. Cùng với đó, tiềm năng về du lịch, đất đai, khoáng sản... là những yếu tố thuận lợi góp phần đưa nền kinh tế huyện đi lên.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015) đã đề ra mục tiêu chung cho ngành nông nghiệp huyện là: *Phát triển nông*

nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao đồng thời xây dựng nền nông nghiệp hiện đại hóa toàn diện; đưa các giống lúa lai, lúa thuần chất lượng cao, ngô lai vào sản xuất, ứng dụng sâu rộng khoa học kỹ thuật như gieo sạ bằng công cụ cải tiến, canh tác lúa cải tiến SRI. Thực hiện Nghị quyết, các xã tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng thâm canh cao, tăng năng suất. Tổng sản lượng lương thực quy thóc của huyện năm 2011 đạt 71.853 tấn (102,6% kế hoạch), đến năm 2014 là 73.371 tấn. Sản lượng lương thực tăng nên bình quân lương thực đầu người tăng cao, đạt 495kg (năm 2014).

Trong giai đoạn này, nhân dân đã đưa một số giống cây trồng mới vào sản xuất, đặc biệt là những loại cây thị trường có nhu cầu cao như nấm, dưa hấu, khoai tây... Trong giai đoạn 2011 - 2015, huyện tăng cường hỗ trợ cho các mô hình mới trong trồng trọt với tổng kinh phí hơn 5 tỷ đồng từ nguồn vốn Trung ương và ngân sách địa phương.

Những xã thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng đạt hiệu quả kinh tế cao như xã Bản Ngoại với một số loại cây trồng mới là củ đậu, dưa hấu, ớt Thái Lan và khoai tây Hà Lan, Úc...; mô hình trồng nấm ở Phú Xuyên, Hùng Sơn. Một số hợp tác xã, tổ hợp kinh tế trong mô hình trồng cây mới đã tạo điều kiện giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động nông thôn với mức thu nhập ổn định.

Cây chè tiếp tục là cây trồng mũi nhọn, được huyện quy hoạch và phát triển sản xuất theo hướng: *Hình thành các vùng chè nguyên liệu; thực hiện tốt biện pháp cải tạo giống, tiến hành trồng mới, trồng lại bằng các giống có năng suất, chất lượng cao tại những nơi có điều kiện; triển khai xây dựng hệ thống thủy lợi vùng đồi, đặc biệt là vùng chè chuyên canh; xây dựng thương hiệu chè Đại Từ, phát triển sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.*

Năm 2011, huyện chỉ đạo triển khai kế hoạch thâm canh, cải tạo và trồng mới lại chè; tổ chức 38 lớp tập huấn kỹ thuật về thâm canh, cải tạo, chăm sóc, chế biến và kỹ thuật sản xuất chè an toàn cho 4.265 hộ dân. Đồng thời, triển khai mô hình trồng chè giống mới ở xã Phú Lạc; mô hình sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP ở xã Hùng Sơn. Cuối năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện lập *Quy hoạch phát triển cây chè đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* và Đề án *Hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè giai đoạn 2012 - 2020*. Nhờ thực hiện đồng loạt nhiều biện pháp, diện tích và năng suất chè không ngừng tăng. Tính đến đầu năm 2015, toàn huyện có 1.457ha chè giống mới, nâng tỷ lệ diện tích chè giống mới của toàn huyện lên 51%. Trên địa bàn huyện có 6 hợp tác xã và tổ hợp tác chè với 217 hộ tham gia, tổng diện tích trên 100ha được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP; 18 làng nghề truyền thống về sản xuất chè. Cây chè trở

thành cây xóa đói giảm nghèo và làm giàu cho nhân dân trong huyện với mức thu nhập bình quân đầu người trên 30 triệu đồng/năm.

Nhờ áp dụng tất cả các biện pháp đồng bộ từ các cơ chế, chính sách hỗ trợ, công tác chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ, giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt (tính theo giá thực tế) của huyện trong giai đoạn 2011 - 2015 liên tục tăng qua các năm: Năm 2010 là 50 triệu đồng/ha thì đến năm 2014 đã tăng lên 85 triệu đồng/ha.

Chăn nuôi dần trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp. Để đạt mục tiêu đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm trên 27% cơ cấu ngành nông nghiệp vào năm 2015, huyện đã đưa các giống vật nuôi cho năng suất, chất lượng sản phẩm tốt vào thay thế các giống địa phương. Các đàn lợn nái ngoại được đưa vào nhân giống rộng rãi ở quy mô trang trại. Huyện cũng chú trọng phát triển đàn bò cái sinh sản, chủ yếu mua giống từ bên ngoài được tuyển chọn kỹ lưỡng về chất lượng bò cái sinh sản, duy trì gần 30 bò đực giống lai Sind. Mặt khác, huyện tạo điều kiện phát triển các trang trại chăn nuôi vừa và nhỏ để cung ứng giống và đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho người tiêu dùng.

Năm 2011, dịch lở mồm long móng bùng phát ở 31 xã, thị trấn, toàn huyện phải tiêu hủy gần 2.000 con gia súc. Trước tình hình đó, huyện triển khai xây dựng *Đề án phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm giai đoạn*

2011 - 2015. Thực hiện Đề án, năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện đã hỗ trợ 10 trang trại chăn nuôi trên địa bàn với tổng kinh phí trên 1,5 tỷ đồng để tái sản xuất, phòng chống dịch bệnh. Đến cuối năm 2014, tổng lượng đàn gia súc, gia cầm đạt 102% kế hoạch (với 11.700 con trâu bò, 55.052 con lợn, hơn 1,12 triệu con gia cầm).

Nuôi trồng thủy sản tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong chăn nuôi nhưng được quan tâm, khuyến khích phát triển. Nhiều xã như Hùng Sơn, Phú Xuyên, Yên Lãng, Phú Cường, Phú Lạc đã triển khai và nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản với các giống cho hiệu quả kinh tế cao như ba ba, cá rô phi đơn tính, cá trắm đen, cá tầm, cá hồi... Sản lượng thủy sản năm 2011 của toàn huyện đạt 1.220 tấn, đến năm 2014, sản lượng thủy sản đạt 1.600 tấn bằng 106,7% so với kế hoạch (tăng gần 400 tấn so với năm 2011 đạt 3% trong tổng giá trị cơ cấu ngành nông nghiệp).

Bên cạnh những mặt đạt được, hoạt động chăn nuôi giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn huyện vẫn còn một số hạn chế: Trình độ của người nông dân còn thấp, chưa được trang bị đầy đủ về kỹ thuật chăn nuôi, chủ yếu là chăn nuôi bằng kinh nghiệm, do đó không chủ động được trong việc phòng, chống dịch bệnh; nhiều hộ nông dân còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước... Trong khi đó, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả thị trường không ổn định, đầu ra của sản phẩm còn bấp bênh...

Ngành lâm nghiệp huyện có nhiều bước phát triển mới. Năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ban quản lý trồng rừng sản xuất trên địa bàn huyện phối hợp với các cơ quan chuyên môn chủ động tiếp nhận và thực hiện tốt các chương trình trồng rừng. Nhiều giống cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao được đưa vào trồng đại trà như cây lát, cây keo nhập ngoại... Riêng năm 2014, huyện trồng mới được 1.185ha, trong đó rừng đặc dụng 50ha, rừng phân tán 75,2ha; rừng sản xuất 1.060ha bằng 151,5% kế hoạch năm, vượt chỉ tiêu cấp trên giao.

Công tác quản lý khai thác, bảo vệ rừng chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định của Nhà nước. Trong 5 năm (2011 - 2015), huyện đã khai thác được trên 50.000m³ gỗ, xử lý nhiều vụ vi phạm liên quan đến khai thác trái phép, tịch thu tang vật và xử phạt trên 600 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước. Toàn huyện có 127 cơ sở hoạt động chế biến kinh doanh lâm sản.

Cụ thể hóa Đề án *Tiếp tục củng cố, phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2011 - 2015*, huyện đã phối hợp với Chi cục Phát triển nông thôn, Liên minh hợp tác xã Thái Nguyên tổ chức 28 lớp tập huấn về *Luật Hợp tác xã*; tổ chức 104 lớp đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật cho hơn 4.000 lượt nông dân, xã viên. Tính đến cuối năm 2014, toàn huyện đã có 32 hợp tác xã, 213 tổ hợp tác, trong đó có một số hợp tác xã được tỉnh công nhận danh hiệu

Hợp tác xã điển hình, tiên tiến như Hợp tác xã chè La Bằng, Hợp tác xã xây dựng và vận tải Hà Thượng, Hợp tác xã dịch vụ điện Tân Thái...

Các tổ hợp tác trên địa bàn huyện đã thu hút hơn 3.000 tổ viên, trong đó lĩnh vực nông nghiệp có 173 tổ, các loại hình khác là 40 tổ. Tuy nhiên, hiệu quả kinh doanh hiện tại của các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác chưa cao, quy mô còn nhỏ và manh mún, vốn ít, trình độ quản lý và khả năng cạnh tranh trên thị trường còn hạn chế. Mặt khác, các tổ hợp tác hoạt động hầu hết là do nhu cầu sản xuất mang tính thời vụ, theo kinh nghiệm là chính, chưa ứng dụng nhiều khoa học kỹ thuật vào sản xuất, không có đăng ký kinh doanh, chỉ có 13 tổ hợp tác được thành lập có đủ điều kiện hoạt động.

Nhận thức tầm quan trọng của ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương, cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng bộ huyện, Ủy ban nhân dân đã xây dựng và ban hành các đề án *Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015, Khuyến công, Khoa học công nghệ* đồng thời tích cực cải tạo kết cấu hạ tầng kinh tế... tạo điều kiện cho việc mở rộng và phát triển các ngành nghề. Trong giai đoạn này, huyện đã thực hiện 18 dự án khuyến công, 18 làng nghề chè truyền thống. Việc tiếp cận, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất của doanh nghiệp, cơ sở tiểu thủ công nghiệp được đẩy mạnh, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trên cơ sở nắm bắt và đánh giá tình hình phát triển công nghiệp của huyện Huyện ủy chỉ đạo phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Trong giai đoạn 2011 - 2015, có 2 cụm công nghiệp là An Khánh I và Phú Lạc I. Tuy nhiên do khó khăn chung của nền kinh tế, sau nhiều năm chủ đầu tư của Cụm công nghiệp Phú Lạc I không triển khai xây dựng được nên đã bàn giao lại diện tích đất nằm trong quy hoạch cho huyện quản lý.

Tháng 8/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 1862/QĐ-UBND về việc thành lập Cụm công nghiệp Phú Lạc II trên địa bàn xã Tiên Hội với quy mô 16,8ha, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn phát triển sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực may mặc, gia công cơ khí, phát triển làng nghề truyền thống, dịch vụ...

Nhìn chung, các khu công nghiệp thu hút nhiều doanh nghiệp lớn đầu tư sản xuất, góp phần tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp của huyện, giải quyết việc làm cho lao động địa phương và tăng kim ngạch sản xuất hàng hóa. Cụm công nghiệp An Khánh I gồm Nhà máy xi măng Quán Triều đã hoạt động ổn định, Nhà máy Nhiệt điện An Khánh đã hoàn thành xây dựng cơ bản và chuẩn bị đi vào hoạt động. Cụm công nghiệp Phú Lạc II đã có Nhà máy may TNG đi vào hoạt động từ tháng 2/2015 với 35 dây chuyền. Kim ngạch

xuất khẩu hàng hóa trong những năm 2011 - 2015 tăng trưởng bình quân 17,41%/năm, chủ yếu là sản phẩm quặng đa kim và sản phẩm may mặc.

Hoạt động khai thác khoáng sản của huyện phân bố ở 21 xã, tập trung chủ yếu ở các xã An Khánh, Cù Vân, Hà Thượng, Tân Thái, Lục Ba, Tân Linh, Phục Linh, Hùng Sơn, Ký Phú, Cát Nê, Khôi Kỳ, Phú Thịnh, Phú Lạc, Đức Lương với các loại khoáng sản chính là than, quặng sắt, thiếc, von-fram, ti-tan... Tuy nhiên, toàn huyện Đại Từ mới có 15 đơn vị khai thác khoáng sản với 25 mỏ và điểm mỏ được cấp phép hoạt động, trong đó có các mỏ lớn như Mỏ đa kim Núi Pháo, Mỏ than Núi Hồng, Mỏ than Khánh Hòa, Mỏ ba-rit, Mỏ chì kẽm Khôi Kỳ, Mỏ sắt xã Ký Phú, Mỏ sắt Hà Thượng...

Do làm tốt công tác kiểm tra, giám sát nên nhiều vụ vi phạm về khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Đại Từ được phát hiện và xử lý kịp thời. Trong giai đoạn 2011 - 2015, huyện đã xử lý gần 100 vụ vi phạm về khai thác khoáng sản, xử phạt và nộp ngân sách nhà nước trên 500 triệu đồng, tịch thu hàng nghìn tấn quặng khoáng sản các loại.

Trong giai đoạn này, nhiều nghề tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, tạo thành các làng nghề như nghề thêu ren ở các xã Vạn Thọ, Tân Thái, nghề chế biến, nghề mộc, sản xuất gỗ ván, sàn ở các xã Hà Thượng, Hùng Sơn, Bản Ngoại, Bình Thuận... Các làng nghề này hoạt động khá ổn định, sản phẩm có chất

lượng cao, một số sản phẩm đạt tiêu chuẩn có thể tiêu thụ ra thị trường nước ngoài.

Nhờ các biện pháp tích cực và đồng bộ nên sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có những bước phát triển khả quan, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 26,7%/năm; giá trị sản xuất tăng bình quân 52,19%/năm. Số lượng các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng tăng lên 2.380 cơ sở (năm 2014).

Trong hoạt động thương mại, dịch vụ, huyện đã triển khai dự án nâng cấp chợ nông thôn ở các xã, thị trấn Hùng Sơn, Cù Vân, La Bằng, Bản Ngoại, Tân Thái. Đến năm 2015, ở 8 xã, thị trấn trong huyện có chợ kiên cố, trong đó có 3 chợ đầu mối nông nghiệp. Công tác quản lý thị trường được tăng cường, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp liên ngành làm tốt công tác kiểm tra, xử lý hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm về tem, nhãn, giá...

Nhờ triển khai các biện pháp kích cầu một cách linh hoạt nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội trên địa bàn tăng mạnh: Năm 2011 là 483,7 tỷ đồng, đến năm 2014 tăng lên hơn 1.123 tỷ đồng. Các ngành dịch vụ khác như dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông... cũng có bước phát triển nhanh với mức tăng 26%/năm. Tính chung trong 5 năm, giá trị thương mại, dịch vụ tăng bình quân hơn 16%/năm.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015), Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ xây dựng Đề án *Phát triển du lịch giai đoạn 2012 - 2015, định hướng đến năm 2020* nhằm từng bước khai thác và phát huy tiềm năng du lịch của huyện gắn với các đề án, quy hoạch du lịch tỉnh Thái Nguyên. Huyện đã sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách Nhà nước và nguồn xã hội hóa để trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể, từng bước hoàn thiện không gian văn hóa trà La Bằng...

Hoạt động du lịch trong giai đoạn này có những bước tiến đáng kể. Trên địa bàn huyện có 169 điểm di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, trong đó có nhiều di tích đã được xếp hạng di tích quốc gia và được đầu tư xây dựng, tôn tạo thành điểm tham quan. Khu du lịch quốc gia hồ Núi Cốc đã được quy hoạch tổng thể và có nhiều nhà đầu tư ký cam kết đầu tư xây dựng hạ tầng phát triển du lịch. Hoạt động văn hóa, lễ hội ngày càng mở rộng thu hút đông đảo nhân dân tham dự. Các địa điểm du lịch của huyện mỗi năm đón khoảng 60.000 lượt khách trong và ngoài nước. Các tuyến du lịch của huyện liên kết với các huyện, tỉnh, thành phố lân cận bắt đầu được hình thành như: Hà Nội - Phổ Yên - Đại Từ - Thái Nguyên; Thái Nguyên - Đại Từ - ATK Định Hóa - Tuyên Quang. Các tuyến du lịch chính trong huyện như:

Hồ Núi Cốc - Di tích 27/7 - Di tích Đầm Mua - Không gian văn hóa Trà La Bằng - Di tích Thanh niên xung phong - Di tích Nguyễn Huệ; Thiền Viện Trúc Lâm Tây Trúc - Hồ Gò Miếu - Chùa Sơn Dược - Hồ Núi Cốc - Chùa Thác Vàng... bắt đầu được đưa vào khai thác.

Công tác thu chi ngân sách ngày càng ổn định và tăng đều qua các năm. Năm 2012, thu cân đối ngân sách trên địa bàn huyện đạt 52,35 tỷ đồng; chi cân đối ngân sách huyện là 476,7 tỷ đồng. Đến cuối năm 2014, thu ngân sách của huyện đạt trên 100 tỷ đồng (tăng gần 200% so với năm 2012).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 19/5/2014 của Chính phủ về *Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020*, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp và thành lập Ban Chỉ đạo giảm nghèo. Từ năm 2011 đến năm 2014, huyện đã giải ngân cho gần 20.000 lượt hộ vay vốn với số tiền trên 359 tỷ đồng, tạo việc làm cho hơn 1.860 người nghèo, cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho các đối tượng theo quy định... Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp đó, tỷ lệ hộ nghèo Đại Từ giảm đều qua các năm. Nếu như đầu năm 2011, số hộ nghèo trong toàn huyện là 12,392 (27,66%), đến năm 2014 chỉ còn 7.628 hộ (chiếm 12,88%).

Huyện còn ưu tiên thực hiện quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông

nghiệp hàng hóa, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong giai đoạn 2011 - 2015, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã triển khai 3 chương trình và 7 nhóm công trình trọng điểm với tổng giá trị đầu tư khoảng 3.315,9 tỷ đồng. Tính đến hết năm 2014, huyện đã xây dựng được 202km đường liên xã, 222km đường trục xóm, kiên cố hóa 71 kênh mương, xây dựng mới 25 trạm biến áp. Đồng thời sửa chữa, nâng cấp, xây mới 98 trường học, 21 trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ cho các Ủy ban nhân dân xã, thị trấn... Trong 5 năm, huyện xây dựng và phê chuẩn 29 quy hoạch xây dựng nông thôn mới, 14 đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng các khu chức năng...

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ huyện còn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP của Chính phủ, giải thể thị trấn Nông trường Quân Chu thành lập thị trấn Quân Chu. Thực tế triển khai, thị trấn Quân Chu bàn giao xóm 7 về xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên), bàn giao xóm 1 về xã Cát Nê (Đại Từ); thị trấn Quân Chu còn diện tích là 1.181,2ha, 13 xóm gồm 974 hộ với 3.482 nhân khẩu.

Với vị thế là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của toàn huyện nhưng thị trấn Đại Từ lại là đơn vị hành chính có diện tích tự nhiên hẹp nhất trong các đơn vị hành chính trực thuộc huyện. Mặt khác, địa giới hành chính của thị trấn lại nằm giữa xã Hùng Sơn nên

hạn chế trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của trung tâm hành chính huyện, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII đã đề ra việc mở rộng thị trấn Đại Từ. Thường trực Huyện ủy thống nhất chủ trương sáp nhập toàn bộ xã Hùng Sơn vào thị trấn Đại Từ.

Ngày 13/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 124/NQ-CP đồng ý về việc mở rộng thị trấn Đại Từ bao gồm xã Hùng Sơn và đổi tên thành thị trấn Hùng Sơn. Ngày 8/4/2014, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức lễ công bố Nghị quyết 124 của Chính phủ và ra mắt tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội thị trấn Hùng Sơn. Sau khi sáp nhập, thị trấn Hùng Sơn có diện tích 14.6349km².

Nhìn vào bức tranh tổng thể của nền kinh tế Đại Từ giai đoạn 2010 - 2015 có thể nhận thấy: Tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm tăng cao (trên 13%/năm), thu nhập bình quân đầu người đạt trên mức bình quân của tỉnh Thái Nguyên, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra (gần 24 triệu đồng/người/năm). Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể: Công nghiệp - xây dựng 47,1%; du lịch - dịch vụ 26,2%; nông nghiệp 26,7%. Giá trị trên 1ha đất trồng trọt đạt gần 90 triệu đồng/năm. Đó là bước phát triển mạnh mẽ của Đại Từ so với các giai đoạn trước. Sự phát triển kinh tế là tiền đề vững chắc để Đại Từ thực hiện tốt, toàn diện, đồng

bộ các mặt công tác khác như văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng cũng như các chính sách an sinh xã hội...

Điểm nhấn trong giai đoạn 2010 - 2015 là huyện Đại Từ triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về *Nông nghiệp, nông thôn, nông dân* (gọi tắt là Nghị quyết Trung ương 7 khóa X). Các chủ trương trong Nghị quyết trên được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đại Từ quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo, phù hợp với thực tế địa phương, lồng ghép với việc triển khai các chương trình xây dựng nông thôn mới. Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X được thành lập (do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban) đã tích cực chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết trên địa bàn huyện. Đến tháng 6/2012, Ban Chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới được kiện toàn do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban. Bộ phận Thường trực điều phối chương trình đặt tại Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện.

Để cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X), trong 5 năm (2011 - 2015), Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo xây dựng và triển khai 2 quy hoạch *Quy hoạch phát triển cây chè đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030*; *Quy hoạch phát triển chăn nuôi đến năm 2020*, 9 đề án, 5 chương trình và 3 kế hoạch nhằm từng bước thay đổi diện mạo nông thôn, kết cấu hạ tầng.

Trong năm 2011, Huyện ủy đã chọn La Bằng và Hùng Sơn làm điểm xây dựng nông thôn mới. Đồng thời giao cho Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn giúp đỡ 2 xã rà soát, kiểm tra từng tiêu chí và chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện. Trong năm 2012, Ban Thường vụ Huyện ủy đã trực tiếp kiểm tra 7 xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2015 là La Bằng, Hùng Sơn, Tân Thái, Hà Thượng, Cù Vân, Mỹ Yên và Bản Ngoại.

Tính đến tháng 9/2013, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo chương trình đã ban hành 72 văn bản về hướng dẫn xây dựng nông thôn mới. Các văn bản đã ban hành đều đi vào cuộc sống và đang phát huy hiệu quả. Đến hết năm 2013, 29 đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã được thẩm định và phê duyệt.

Huyện đã tổ chức 32 lớp tập huấn xây dựng nông thôn mới cho gần 3.000 lượt người tham gia, cấp trên 3.000 bộ tài liệu tổng hợp các văn bản chỉ đạo, các thông tư hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về tầm quan trọng của *Nông nghiệp, nông thôn, nông dân*. Phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm* được phát huy. Bên cạnh sự đầu tư của Nhà nước, nhân dân đã hiến 132ha đất, đóng góp 264.000 ngày công và trên 173,4 tỷ đồng cho xây dựng nông thôn mới.

Do tiến hành đồng bộ các phương pháp nên việc phối hợp thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới ở Đại Từ đã đạt được nhiều thành tích nổi bật: Phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững theo xu hướng hiện đại và chuyển dịch theo hướng nông nghiệp sinh thái; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bước đầu đạt được kết quả, hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn. Đến năm 2015, có 8 xã trên địa bàn huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X còn tồn tại một số hạn chế: Một số cấp ủy, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về vị trí chiến lược trong các vấn đề nông nghiệp - nông thôn - nông dân; việc phổ biến Nghị quyết chưa được triển khai sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, chưa đạt yêu cầu với mục tiêu đề ra; sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa còn thấp, số lượng mô hình ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao có hiệu quả cao chưa nhiều; công tác rà soát hiện trạng nông nghiệp, nông thôn, nông dân ở một số xã chậm và thiếu chính xác không đúng với chỉ đạo của huyện...

Sau khi tìm ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan của những hạn chế nêu trên, Đảng bộ huyện Đại Từ đã chỉ rõ biện pháp khắc phục: Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên

của các cấp ủy đảng, coi đó là nhân tố quyết định sự thắng lợi trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững; thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục, đào tạo ở vùng nông thôn vì con người là yếu tố quan trọng nhất; phát huy vai trò của quần chúng nhân dân tham gia công cuộc xây dựng nông thôn mới; phát triển sản xuất gắn với đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tác động mạnh tới ngành công nghiệp chế biến nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các mặt hàng nông sản có hiệu quả kinh tế cao...

Trong giai đoạn 2010 - 2015, công tác thông tin tuyên truyền trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Huyện ủy đã phối hợp tích cực với các phòng ban chức năng thực hiện tốt công tác phổ biến, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đông đảo quần chúng nhân dân.

Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Đại Từ sản xuất và phát sóng các bản tin truyền hình địa phương 2 số/tuần với thời lượng 25 - 30 phút; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên phát sóng các chương trình về huyện Đại Từ với thời lượng 10 - 12 phút/tháng, gửi trên 500 tin bài phát trên đài tỉnh mỗi năm. Các tin bài, chuyên mục của đài ngày càng phong phú, đa dạng với nhiều chuyên mục như: *An toàn giao thông, Học tập và làm theo tấm gương*

đạo đức Hồ Chí Minh, Xây dựng nông thôn mới... Hệ thống truyền thanh không ngừng được đầu tư, phát triển. Toàn huyện có 11 trạm truyền thanh, 550 cụm loa truyền thanh cơ sở và 40 cụm loa công cộng tiếp sóng từ Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện.

Phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* tiếp tục được đẩy mạnh. Đến hết năm 2014, toàn huyện có 270/482 khu dân cư, 36.330/44.586 hộ, 203/222 cơ quan, đơn vị đã được công nhận đạt chuẩn văn hóa. Từ năm 2011 đến năm 2014, toàn huyện đã có 423/482 nhà văn hóa xóm, tổ dân phố, 30/30 xã, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng và tử sách pháp luật. Phong trào thể thao quần chúng phát triển rộng khắp ở các xã, thị trấn. Đến cuối năm 2014, toàn huyện có hơn 100 câu lạc bộ thể thao. Giải việt dã Tiền phong của huyện được tổ chức thường niên vào các năm thu hút hàng trăm vận động viên tham gia tranh tài, góp phần đưa phong trào thể dục thể thao của huyện lên một bước mới.

Đề án *Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện* được Ủy ban nhân dân huyện triển khai từ tháng 7/2011. Huyện đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thông tin và các cơ quan liên quan trong huyện triển khai lập hồ sơ khoa học đề nghị công nhận di tích lịch sử đối với những di tích đạt tiêu chuẩn. Đến cuối năm 2014, huyện có 6 di tích lịch sử quốc gia và 31 di tích lịch sử cấp tỉnh. Nhiều lễ hội

như Lễ hội núi Văn - núi Võ (xã Văn Yên), Lễ chùa Sơn Dược (xã Bình Thuận)... được tổ chức thường niên, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, góp phần nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương.

Để tôn vinh, quảng bá và phát triển thương hiệu sản phẩm chè Đại Từ, Ban Thường vụ Huyện ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã quyết tâm chỉ đạo tổ chức *Lễ hội trà Đại Từ*. Lễ hội trà Đại Từ lần thứ nhất được Khai mạc vào tối ngày 17/1, tức ngày 6 tháng Chạp năm Nhâm Thìn 2012. Lễ hội trà Đại Từ lần thứ nhất đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng đại biểu và du khách đến tham dự. Lễ hội không chỉ là dịp để huyện Đại Từ giới thiệu về các sản phẩm trà, kết nối giao thương mà còn là dịp để bạn bè trong nước và quốc tế hiểu hơn về văn hóa và con người Đại Từ, thu hút các nhà đầu tư trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là phát triển du lịch gắn với các tiềm năng lợi thế và cây chè; đồng thời tạo cơ hội cho các hộ gia đình, doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết trao đổi kinh nghiệm sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chè, nâng cao thu nhập cho người trồng chè trong huyện. Sau lễ hội chè lần thứ nhất, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định lấy ngày mùng 6 tháng Chạp hằng năm là ngày khai mạc lễ hội trà của huyện.

Thực hiện Đề án *Phát triển giáo dục huyện Đại Từ giai đoạn 2011 - 2015*, trong 5 năm, ngành Giáo dục huyện phát triển nhanh và vững chắc. Đến cuối năm

2014, đội ngũ giáo viên trên địa bàn đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Huyện đầu tư xây mới gần 300 phòng học, 50 gian nhà công vụ cho giáo viên, gần 60 công trình cấp nước và nhà vệ sinh cho các trường học. Năm 2015, toàn huyện có 33 trường mầm non, 34 trường tiểu học, 30 trường trung học cơ sở, 3 trường trung học phổ thông, 1 trung tâm giáo dục thường xuyên, trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và 30 trung tâm học tập cộng đồng; trong đó, 81 trường học đã được công nhận trường chuẩn quốc gia.

Công tác y tế giai đoạn 2010 - 2015 đã có những đổi mới tích cực. Cơ sở vật chất và mạng lưới y tế từng bước được cải thiện đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Các chương trình quốc gia về y tế được thực hiện tích cực, không để xảy ra các dịch bệnh lớn. Đến hết năm 2015, huyện có 18/30 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, 83,5% xã, thị trấn có bác sĩ công tác tại trạm y tế.

Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được duy trì thường xuyên và có nhiều tiến bộ. Hầu hết trẻ em trong độ tuổi đều được tiêm chủng phòng 6 bệnh phổ biến. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 18,5% (năm 2010) còn 12,7% (năm 2015). Tỷ suất sinh thô bình quân hằng năm giảm 0,15‰.

Giai đoạn này, Công an huyện Đại Từ tập trung thực hiện tốt Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010

của Bộ Chính trị về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới* và Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 1/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới*. Năm 2011, Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm huyện được thành lập. Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cho các trưởng, phó trưởng công an ở 30 xã, thị trấn được chú trọng. Công an huyện đã tuyên truyền cho 77.280 lượt người về phòng chống tội phạm, tổ chức cho 41.530 hộ dân ký cam kết thực hiện chương trình phòng chống tội phạm, xử lý 854/1.033 vụ việc xảy ra ở cơ sở. Các cụm an ninh khu vực được củng cố, toàn huyện có 482 tổ tự quản, 482 tổ hòa giải, 30 trung đội thanh niên xung kích an ninh, 381 tổ thanh niên xung kích.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, công an huyện đã phát hiện và tiếp nhận, xử lý 315 vụ hình sự, triển khai hơn 100 đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, bắt 55 đối tượng truy nã; triệt phá 33 điểm đánh bạc, 3 điểm mại dâm, triệt phá 85 điểm mua bán trái phép chất ma túy... Do làm tốt công tác an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, lực lượng công an của Đại Từ nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Giám đốc Công an tỉnh... đặc biệt là được nhận cờ thi đua của Bộ Công an (năm 2013).

Ban Chỉ huy Quân sự huyện làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác quốc phòng quân sự tại cơ sở. Trong giai đoạn 2011 - 2015, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ thực hiện nghiêm túc công tác tuyển quân, tuyển chọn được 1.100 thanh niên nhập ngũ đảm bảo chỉ tiêu cấp trên giao. Các hoạt động tập trung vào việc nâng cao chất lượng huấn luyện nhằm tạo chuyển biến trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật gắn với việc *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*. Ban Chỉ huy Quân sự huyện cũng tích cực tham gia công tác *Đền ơn đáp nghĩa, Xóa đói giảm nghèo*, đẩy mạnh các phong trào thi đua quyết thắng. Trong 3 năm (2010 - 2012), Ban Chỉ huy Quân sự huyện được Quân khu 1 tặng danh hiệu *Quyết thắng*; 2 Bằng khen về thực hiện công tác hậu cần quân đội, 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ chính sách đối với các đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ bảo vệ Tổ quốc. Ban Chỉ huy Quân sự huyện được Quân khu 1 công nhận là đơn vị đạt *Vững mạnh toàn diện, Cơ quan văn hóa cấp Quân khu* 5 năm liền...

Xác định công tác dân tộc trong tình hình mới là một nhiệm vụ quan trọng, việc thực hiện chính sách dân tộc được các cấp ủy đảng và chính quyền triển khai thực hiện đồng bộ. Từ năm 2010 đến năm 2015, việc thực hiện các nghị quyết, chương trình, chính

sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đặc biệt, hoạt động tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện nghiêm túc. Nhờ chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và thực hiện các chương trình xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi diện mạo của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đối với 11 xã đặc biệt khó khăn có đông đồng bào các dân tộc sinh sống, huyện đầu tư trên 58 tỷ đồng từ nguồn vốn của Chương trình 135, trong đó có 54,7 tỷ đồng để đầu tư xây dựng 86 công trình. Huyện còn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được triển khai rộng rãi. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo trong 5 năm là 12,5 tỷ đồng với 147.672 lượt người thụ hưởng. Nhiều hộ đã vươn lên, trở thành điển hình tiên tiến trong công tác xã hội, phát triển kinh tế... được tặng bằng khen, giấy khen của Chính phủ và của tỉnh.

Tháng 11/2014, Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Đại Từ lần thứ II được tổ chức với chủ đề *Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ bình đẳng, đoàn*

kết, sáng tạo, chung sức xây dựng quê hương giàu đẹp. Đại hội chỉ rõ các nhiệm vụ và giải pháp đối với công tác dân tộc, miền núi trong những năm tiếp theo là: Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ngay tại tuyến cơ sở...

Công tác tôn giáo cũng được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Hiện trên địa bàn huyện Đại Từ có 3 tôn giáo chính là Phật giáo, Công giáo và đạo Tin Lành (9.800 người theo Phật giáo, 7.500 giáo dân Công giáo và 56 người theo đạo Tin Lành). Nhận thức đầy đủ về quan điểm, chính sách đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới, được sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành của tỉnh, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn một cách có hiệu quả. Các tín đồ tôn giáo hoạt động đúng pháp luật và tham gia tích cực vào các phong trào ở địa phương. Đồng bào tôn giáo trên địa bàn huyện còn thực hiện tốt phương châm *Tốt đời, đẹp đạo, kính Chúa, yêu nước, đồng hành cùng dân tộc*, nghiêm túc sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, công tác xây dựng Đảng luôn được quan tâm trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Về mặt tổ chức, xác định công tác cán bộ là một trong những giải pháp đột phá để thực hiện thắng lợi

Nghị quyết Đại hội XXII đề ra, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng Đề án số 01-ĐA/HU về *Nâng cao chất lượng công tác cán bộ và đội ngũ công chức, viên chức giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020*, đồng thời thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 22/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về *Công tác cán bộ giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020*, Đề án số 07-ĐA/TU ngày 17/8/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về *Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên giai đoạn 2011 - 2015*.

Thực hiện công tác luân chuyển cán bộ, tháng 8/2011, đồng chí Trương Thị Huệ được điều động giữ chức vụ Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên; đồng chí Nguyễn Văn Nhâm - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được Tỉnh ủy cử giữ chức Bí thư Huyện ủy. Đến tháng 7/2013, đồng chí Nguyễn Văn Mậu chuyển công tác, đồng chí Phạm Duy Hùng - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được bầu giữ chức Phó Bí thư và phân công làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

Việc quy hoạch, đào tạo cán bộ đã được thực hiện theo hướng trẻ hóa đội ngũ, đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Trong nhiệm kỳ, Huyện ủy đã tổ chức 159 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 14.298 học viên, chọn cử 1 đồng chí đi học cử nhân lý

luận chính trị, 17 đồng chí đi học lớp cao cấp lý luận chính trị (cả hệ tập trung và hệ tại chức), cử 188 lượt cán bộ, lãnh đạo các xã, thị trấn đi đào tạo, bồi dưỡng; phối hợp mở 4 lớp trung cấp lý luận chính trị tại huyện cho 388 học viên, mở 5 lớp sơ cấp lý luận chính trị cho 241 học viên. Việc bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ đảm bảo dân chủ, công khai và đúng quy trình. Trong 5 năm đã chuyển 4 cán bộ huyện về đảm nhiệm chức danh chủ chốt tại cơ sở, điều động 3 cán bộ chủ chốt cơ sở lên công tác tại huyện. Nhìn chung, chất lượng cán bộ được nâng cao, hằng năm có trên 94% cán bộ thuộc diện huyện quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Tuy nhiên, công tác cán bộ của huyện chưa có chiến lược lâu dài, chủ yếu giải quyết nhu cầu hiện tại. Một số cấp ủy thực hiện chưa nghiêm túc nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ. Mặt khác, chất lượng nhận xét, đánh giá cán bộ ở một số đơn vị còn thấp, công tác quy hoạch cán bộ còn bất cập; ở một số đơn vị, cơ sở thiếu nguồn cán bộ có chất lượng. Đặc biệt công tác luân chuyển cán bộ còn hạn chế và một bộ phận cán bộ còn thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc...

Về công tác chính trị, tư tưởng, Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ trực thuộc học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy. Chế độ báo cáo, sơ kết việc thực hiện các chỉ

thị, nghị quyết được tiến hành định kỳ. Mỗi đợt học tập đều được tổ chức chặt chẽ, có sự tham gia của từ 90% đảng viên trở lên. Đồng thời, Huyện ủy có sự liên hệ kiểm điểm với cán bộ, đảng viên, tổ chức Đảng để tiến hành phê bình, tự phê bình, tạo sự chuyển biến sâu sắc trong toàn Đảng bộ.

Thực hiện Đề án số 09/ĐA-TU ngày 26/9/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* giai đoạn 2011 - 2015, Huyện ủy Đại Từ đã cụ thể hóa bằng Kế hoạch số 30/KH-HU đồng thời kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai. Hằng năm, 100% chi bộ, đảng bộ đều triển khai thực hiện theo Đề án 09, có kế hoạch hành động làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; 97% cán bộ, đảng viên đăng ký thực hiện các chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng, tấm gương Hồ Chí Minh; các chi bộ đưa nội dung học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ vào sinh hoạt định kỳ...

Cùng với công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác chỉnh đốn tổ chức đảng được Huyện ủy thường xuyên quan tâm. Bình quân trong 4 năm (2011 - 2014), hơn 60% số chi bộ, đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh, 81,5% đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công tác tặng huy hiệu Đảng, phát thẻ Đảng được Đảng bộ duy trì, thực hiện đúng

quy trình, đảm bảo tính chặt chẽ. Trong 4 năm (tính đến hết năm 2014), Đảng bộ đã trao huy hiệu Đảng (từ 30 năm đến 65 năm tuổi Đảng) cho gần 2.000 đảng viên.

Đối với công tác phát triển đảng viên, trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 1.184 đảng viên; đến năm 2015, Đảng bộ không còn xóm *trắng* đảng viên. Đồng thời, cấp ủy đã chỉ đạo chia tách, thành lập được 30 chi bộ trong tổng số 48 xóm chưa có chi bộ.

Điểm nổi bật trong công tác xây dựng Đảng giai đoạn 2010 - 2015 là Đảng bộ huyện thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (năm 2011) *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*. Ban Thường vụ Huyện ủy đã giao cho các ban tham mưu xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản tạo điều kiện cho việc triển khai ở cơ sở được thuận lợi, đảm bảo các quy định và chỉ đạo của cấp ủy cấp trên. Đồng thời, Ban Thường vụ cũng đã tổ chức các hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 ở cấp huyện. 100% đảng bộ, chi bộ trực thuộc đã tiến hành triển khai việc học tập nghị quyết đến từng đảng viên theo đúng hướng dẫn.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Huyện ủy tổ chức kiểm điểm tự phê bình và phê bình đảm bảo chặt chẽ, dân chủ và đạt hiệu quả. Ngày 5/10/2012, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ đã yêu cầu gợi ý kiểm điểm sâu đối với 5 tập thể Ban Thường vụ và 9 cá nhân là cán bộ thuộc diện cấp ủy do huyện quản lý.

Từ ngày 31/10 đến ngày 2/11/2012, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tiến hành kiểm điểm tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy và cá nhân các ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy theo 3 vấn đề cấp bách nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 gắn với phân tích, tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp... Sau kiểm điểm, các cấp ủy đã tích cực thực hiện các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân với cấp ủy đảng, chính quyền.

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm túc, cơ bản khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, đảm bảo đúng thực chất, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm. Trong 5 năm, Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã tổ chức 22 cuộc kiểm tra trực tiếp tại 116 lượt chi bộ, đảng bộ trực thuộc, 5 cuộc giám sát chuyên đề trực tiếp tại 20 chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy, tiến hành 1 cuộc kiểm tra và 1 cuộc giám sát của cấp ủy cấp trên tại Đảng bộ huyện. Sau kiểm tra, giám sát, đều có kết luận cụ thể, đồng thời chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung đã kết luận để khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; góp phần giữ vững kỷ luật Đảng. Riêng năm 2012, đã phát hiện, kỷ luật 40 đảng viên vi phạm.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, chính quyền các cấp được kiện toàn, củng cố, ngày càng nâng cao về

chất lượng và hiệu quả hoạt động. Trong nhiệm kỳ, huyện đã tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân 3 cấp với tỷ lệ cử tri đi bầu cao, dân chủ, đúng luật. Chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân và các nghị quyết được ban hành có tính sát thực, khả thi hơn. Trong giai đoạn 2011 - 2014, Hội đồng nhân dân huyện Đại Từ đã tổ chức hàng chục lần gặp và tiếp xúc cử tri để lắng nghe những ý kiến, nguyện vọng của nhân dân. Việc tiếp xúc cử tri diễn ra thẳng thắn, dân chủ, công khai tạo điều kiện trực tiếp để cử tri Đại Từ tham gia xây dựng chính quyền. Trong giai đoạn này, một số lĩnh vực, công việc nổi cộm gây bức xúc trong nhân dân đã được Hội đồng nhân dân tiếp thu và chỉ đạo giải quyết, nhất là việc giải phóng mặt bằng các dự án, ổn định đời sống nhân dân vùng bán ngập hồ Núi Cốc.

Một trong những quyết định quan trọng của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII là lấy ngày 1/8 làm Ngày truyền thống của huyện. Để hướng tới kỷ niệm 90 năm ngày hình thành và phát triển, Huyện ủy phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng trên tất cả các lĩnh vực. Ngày 1/8/2012, huyện tổ chức Lễ kỷ niệm 90 năm ngày hình thành và phát triển huyện Đại Từ (1/8/1922 - 1/8/2012). Cũng trong dịp này, huyện vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba về những thành tích nổi bật trong thời kỳ đổi mới.

Ủy ban nhân dân huyện và ủy ban cấp cơ sở trong quá trình điều hành, thực hiện nhiệm vụ đã chấp hành nghiêm túc các văn bản quy định của Nhà nước. Các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội theo các nghị quyết của Đảng bộ huyện và Hội đồng nhân dân huyện được xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả, hầu hết đạt hoặc vượt chỉ tiêu đề ra.

Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh từ cấp huyện đến cấp cơ sở. Bắt đầu từ năm 2013, cải cách hành chính được huyện đưa vào làm một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các ngành, các địa phương, đơn vị. Trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân thực hiện được phân định rõ ràng tạo những chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, điều hành của chính quyền. Trong giai đoạn 2010 - 2015, bộ phận *một cửa* toàn huyện tiếp nhận trên 95.000 hồ sơ ở các lĩnh vực, trong đó giải quyết 91.082 hồ sơ, chuyển xử lý và tồn đọng, tiếp tục giải quyết hơn 3.000 hồ sơ.

Công tác kiểm tra, thanh tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của các cấp chính quyền huyện được triển khai thường xuyên, tập trung vào các lĩnh vực: Tài chính, ngân sách, quản lý nhà nước về đất đai, thực hiện các quy định trong công tác phòng chống tham nhũng. Qua đó đã phát hiện và xử lý nhiều vụ việc vi phạm, chuyển hồ sơ một số vụ việc hình sự để xử lý theo pháp luật. Công tác tiếp dân được duy trì thường

xuyên. Trong giai đoạn này đã giải quyết được trên 80% vụ việc, theo đơn thư công dân, chuyển cấp trên xem xét giải quyết 124 vụ việc.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 được áp dụng vào hoạt động của các cơ quan hành chính huyện. Đại Từ là một trong những huyện tiên phong của tỉnh Thái Nguyên trong việc áp dụng hệ thống quản lý này. Đến hết tháng 12/2014 đã có 11 phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện thực hiện ISO 9001:2008. Nhờ vậy, các đơn vị chức năng của huyện có cơ hội rà soát chức năng, nhiệm vụ đối với từng thành viên trong đơn vị công tác, đồng thời có sự phân công, phối hợp thực hiện từng quá trình công việc. Qua đó, cán bộ, công chức làm việc khoa học hơn, giải quyết công việc nhanh hơn, gián tiếp nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, điều hành của hệ thống chính quyền từ huyện xuống cơ sở.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tư pháp huyện đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nhân dân các xã; tiếp tục thực hiện tốt công tác hộ tịch và chứng thực, cung ứng biểu mẫu hộ tịch, đầu sách, tờ rơi liên quan đến pháp luật. Năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các đơn vị, cơ quan trực thuộc và các Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai nghiêm túc việc lấy ý kiến về dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 theo kế hoạch của tỉnh, huyện.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục triển khai cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*. Với các biện pháp tuyên truyền và vận động thích hợp, đến cuối năm 2014, đã có 77,54% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Bên cạnh đó, Mặt trận Tổ quốc huyện và các thành viên thường xuyên vận động, tuyên truyền các tầng lớp nhân dân chung tay xây dựng nông thôn mới, vận động nhân dân ủng hộ được trên 3 tỷ đồng cho *Quỹ vì người nghèo*. Nguồn quỹ này được sử dụng vào việc hỗ trợ hàng trăm hộ nghèo phát triển sản xuất, tặng quà cho học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ khám chữa bệnh và đặc biệt đã hỗ trợ và xây dựng được 715 nhà cho hộ nghèo. Mặt trận Tổ quốc huyện phối hợp vận động các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh phong trào *Đền ơn đáp nghĩa*, tích cực ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lũ; ủng hộ, giúp đỡ các nạn nhân chất độc da cam, đi-ô-xin...

Tháng 5/2014, trước việc Trung Quốc ngang nhiên hạ đặt giàn khoan HD-981 ở vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc được Huyện ủy Đại Từ giao nhiệm vụ tổ chức vận động các tầng lớp nhân dân ủng hộ về vật chất và tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng hải quân và kiểm ngư đang trực tiếp bám biển với số tiền trên 1,5 tỷ đồng.

Trong việc phát huy vai trò, chức năng xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc huyện đã tuyên truyền,

vận động hơn 97% cử tri đi bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân 3 cấp vào tháng 5/2011. Mặt trận Tổ quốc huyện tổ chức 123 hội nghị để đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc với cử tri, tại các hội nghị có trên 11.000 cử tri tham dự. Các ý kiến của cử tri đã được tổng hợp và đã gửi đến các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc từ huyện đến cơ sở cũng đã tổ chức 262 hội nghị đóng góp ý kiến vào dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, Luật Đất đai (sửa đổi) với sự có mặt của trên 16.000 người. Chức năng giám sát, phản biện của Mặt trận được thực hiện theo đúng tinh thần Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*.

Liên đoàn Lao động huyện Đại Từ được kiện toàn tổ chức, thu hút 7.128 đoàn viên công đoàn tham gia. Đến năm 2014, huyện có 56 tổ chức công đoàn cơ sở, 98 công đoàn trường học và 27 đơn vị công đoàn phối hợp. Liên đoàn Lao động huyện thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Luật Lao động, Luật Công đoàn đối với người lao động trên địa bàn; triển khai phát động các phong trào thi đua yêu nước trong công nhân, viên chức và người lao động góp phần hoàn thành các kế hoạch, nhiệm vụ được giao của các đơn vị, doanh nghiệp. Công tác xã hội, từ thiện được Liên đoàn triển

khai sâu rộng trong đoàn viên, tạo điều kiện giúp đỡ các đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn. Công tác tuyên truyền giáo dục các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho công nhân, viên chức, người lao động trên địa bàn được tổ chức bằng nhiều hình thức đa dạng lồng ghép với sinh hoạt văn hóa, văn nghệ...

Hội Nông dân được tăng cường, củng cố về tổ chức. Năm 2014, toàn huyện có 28.108 hội viên (chiếm hơn 70% số hộ nông nghiệp) sinh hoạt ở 30 cơ sở hội các xã, thị trấn. Cán bộ Hội được các cấp ủy quan tâm, đào tạo bồi dưỡng, hầu hết các chủ tịch hội cơ sở tham gia cấp ủy và đạt chuẩn theo quy định.

Phong trào *Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau giảm nghèo, làm giàu chính đáng* thu được kết quả tích cực. Nhiều hộ nông dân đã có thu nhập 100 - 120 triệu đồng/ha đất canh tác. Toàn huyện không còn hộ nông dân đói, số hộ nghèo giảm mạnh, số hộ giàu đạt trên 30%. Các phong trào khác như *Nông dân tham gia đảm bảo an ninh, quốc phòng; Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới* cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng... Nhờ những thành tích đạt được, đã có nhiều cá nhân và tập thể của Hội được nhận bằng khen, kỷ niệm chương *Vì giai cấp nông dân Việt Nam* của Chính phủ, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp.

Trong những năm 2010 - 2015, bên cạnh việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đại Từ đẩy mạnh giáo dục chính trị, đạo đức lối sống cho thanh niên thông qua việc học tập, nghiên cứu các nghị quyết của Đảng, của Đoàn. Đoàn Thanh niên huyện thực hiện tốt 2 phong trào lớn là *Xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp* gắn với xây dựng nông thôn mới.

Hoạt động ra quân hưởng ứng *Ngày thứ 7 tình nguyện, Ngày Chủ nhật xanh*, các hoạt động từ thiện, hiến máu... cũng được triển khai sôi nổi. Trong 5 năm, các cơ sở Đoàn đã triển khai thực hiện hơn 1.000 công trình, phần việc thanh niên. Năm 2014, Huyện đoàn triển khai mô hình xây dựng bể chứa rác thải và thuốc bảo vệ thực vật tại các cánh đồng, nương chè trên toàn huyện. Mô hình này được Trung ương Đoàn biểu dương, khen thưởng là một trong 23 mô hình thanh niên tiêu biểu toàn quốc trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường...

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện có hơn 32.000 hội viên sinh hoạt tại 32 cơ sở hội, trong đó có 79% cơ sở xuất sắc, vững mạnh (đến năm 2015). Các phương thức hoạt động có nhiều đổi mới, luôn bám sát Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về *Công tác vận động phụ nữ trong thời kỳ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* và tuyên

truyền về phẩm chất phụ nữ Việt Nam *Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang*.

Được sự quan tâm của cấp ủy đảng, chính quyền, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tích cực học tập nâng cao chất lượng hoạt động và trình độ chuyên môn, tiếp tục duy trì phong trào *Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc, Phụ nữ chung tay xây dựng nông thôn mới*, gắn cuộc vận động xây dựng *Gia đình 5 không 3 sạch* với cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*. Hội có nhiều hoạt động giúp đỡ hội viên phát triển kinh tế, trong 5 năm (2011 - 2015) đã có hơn 8.000 hội viên được vay vốn với tổng số tiền trên 20 tỷ đồng.

Hội Cựu chiến binh huyện đến năm 2014 có 10.298 hội viên sinh hoạt ở 35 tổ chức cơ sở. Chất lượng đội ngũ cán bộ, hội viên và tổ chức hội được nâng lên. Năm 2014 có 21/35 cơ sở đạt trong sạch vững mạnh xuất sắc; 3.546 hội viên đạt gương mẫu xuất sắc.

Hội phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện làm tốt phong trào *Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc*. Phong trào cựu chiến binh giúp nhau phát triển kinh tế được đẩy mạnh. Toàn huyện có 65 điển hình cựu chiến binh làm kinh tế giỏi, tạo việc làm cho 330 lao động với mức thu nhập trung bình 3 triệu đồng/tháng. Đến năm 2014, số hộ hội viên nghèo chỉ còn 5%.

Cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư* và *Chung sức xây dựng nông thôn mới* được phát động sâu rộng đến các hội viên. Trong 5 năm (2010 - 2015), các hội viên hiến hơn 248.000m² đất cho các dự án của huyện và tại địa phương. Với những thành tích đó, trong giai đoạn này, Hội Cựu chiến binh Đại Từ đã nhận được 3 cờ xuất sắc của Trung ương hội và nhiều bằng khen, giấy khen của Hội Cựu chiến binh tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện.

III. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện; huy động các nguồn lực phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng huyện nông thôn mới (2015 - 2020)

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị *Về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18/8/2014 của Ban Tổ chức Trung ương *Về công tác nhân sự cấp ủy tại đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng* và Kế hoạch số 80-KH/TU ngày 6/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về *Tổ chức đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, ngày 29/10/2014, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ ban hành Kế hoạch số 108-KH/HU về *tổ chức đại hội các chi bộ, đảng bộ cơ sở và Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020)*. Để chuẩn bị tốt các nội dung Đại hội Đảng bộ huyện và chỉ đạo

đại hội các chi bộ, đảng bộ cơ sở thành công, cùng với việc Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Đảng bộ xã Hà Thượng đại hội điểm rút kinh nghiệm cấp tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo Đảng bộ Công an huyện đại hội điểm để rút kinh nghiệm trên địa bàn huyện. Đến ngày 25/6/2015, tổng số 58 chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy (trong đó, 20 chi bộ và 38 đảng bộ) đã hoàn thành việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Từ kết quả đại hội của các chi, đảng bộ trực thuộc, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, từ ngày 11/8 đến ngày 13/8/2015 Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XXIII với chủ đề *Tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện; huy động các nguồn lực để phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu; phấn đấu đạt huyện nông thôn mới trước năm 2020*. Dự và chỉ đạo Đại hội có các đồng chí Đặng Viết Thuận - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Nguyễn Thanh Tùng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các đồng chí lãnh đạo, chuyên viên các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy Thái Nguyên cùng 229 đại biểu chính thức¹ đại diện cho trên 8.000

¹ Huyện ủy Đại Từ: Báo cáo tình hình đại biểu dự Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020: Tổng số đại biểu dự Đại hội là 229, trong đó: có 35 đại biểu đương nhiên, 194 đại biểu được bầu từ đại hội các chi, đảng bộ cơ sở.

đảng viên đang sinh hoạt tại 58 chi bộ, đảng bộ trực thuộc Đảng bộ huyện về dự và tham gia ý kiến vào các nội dung của Đại hội.

Tại phiên trù bị, các đại biểu được quán triệt nhiệm vụ, mục đích, chương trình, quy chế Đại hội và bầu Đoàn Chủ tịch Đại hội. Đại hội nghe Đoàn chủ tịch báo cáo tổng hợp ý kiến từ cơ sở tham gia vào dự thảo tóm tắt các văn kiện trình Đại hội XII của Đảng, dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX. Tại phiên chính thức, dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XXII, trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII.

Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, Đại hội khẳng định: Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, trên tinh thần đoàn kết, đổi mới, Đảng bộ huyện đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, hoàn thành toàn diện mục tiêu Nghị quyết đề ra; hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều vượt kế hoạch; nhiều lĩnh vực có những chuyển biến rõ nét.

Kinh tế tiếp tục phát triển và đạt tốc độ tăng trưởng khá, bình quân hằng năm đạt 17,39%; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Nhiều

tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng trưởng về giá trị các ngành chăn nuôi, lâm nghiệp và dịch vụ so với ngành trồng trọt. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển mới, giá trị sản xuất công nghiệp của huyện tăng nhanh, sản xuất tiểu thủ công nghiệp địa phương đa dạng hơn về ngành nghề, quy mô sản xuất và phát triển ổn định. Các hoạt động thương mại, dịch vụ được mở rộng. Phát triển du lịch đạt được kết quả bước đầu về quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển làng nghề sản xuất chè.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện được cải thiện căn bản. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt kết quả quan trọng; đến tháng 7/2015, huyện có 8 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 1 xã so với chỉ tiêu Nghị quyết.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều khởi sắc. Chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo tiếp tục được nâng cao; quy mô trường lớp được sắp xếp phù hợp; hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao tiếp tục được đổi mới; các chính sách xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện có hiệu quả; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật được triển khai tích cực. Công tác quốc phòng - an ninh được đảm bảo; trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có nhiều tiến bộ. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tiếp tục có đổi mới, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Công tác tổ chức, cán bộ tuân thủ đúng quy định; chất lượng cán bộ ngày càng nâng cao. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và chất lượng đảng viên được nâng lên, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Toàn Đảng bộ triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, nhất là việc sửa chữa khuyết điểm, khắc phục hạn chế, yếu kém sau kiểm điểm. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền được nâng cao. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn những khuyết điểm, hạn chế. Kinh tế phát triển khá nhưng chưa tương xứng với tiềm năng; chưa phát huy được lợi thế của huyện; chưa huy động được nhiều nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phát triển du lịch. Trong xây dựng hệ thống chính trị, hiệu quả cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* còn hạn chế; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, công tác kiểm tra, giám sát, tự phê

bình và phê bình ở một số cơ sở Đảng còn yếu; công tác dân vận chưa đồng bộ; hiệu lực điều hành, hiệu quả giải quyết công việc trên một số lĩnh vực của bộ máy chính quyền còn hạn chế; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có lúc, có nơi còn biểu hiện hành chính hóa.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình chung và các điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, Đại hội thống nhất mục tiêu tổng quát của Đảng bộ đến năm 2020 là: *Tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện; phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, hiệu quả của Đảng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tập trung phát triển kinh tế bền vững kết hợp với đảm bảo an sinh xã hội; khai thác hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu khu trung tâm huyện; hình thành và từng bước phát triển ngành du lịch; phấn đấu đạt mục tiêu trở thành huyện nông thôn mới trước năm 2020. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực văn hóa - xã hội; giữ vững an ninh - quốc phòng; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.*

Để đạt được những mục tiêu tổng quát, Đại hội xây dựng 4 nhóm chỉ tiêu chủ yếu với 19 chỉ tiêu cụ thể cho phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, công tác

xây dựng Đảng và xây dựng nông thôn mới¹, đồng thời đề ra 7 nhóm giải pháp chủ yếu để thực hiện các chỉ tiêu trên².

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XXIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020) gồm 43 ủy viên, bầu đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX gồm 28 ủy viên (1 đại biểu dự khuyết). Ngày 13/8/2015, Ban Chấp hành Đảng bộ họp lần thứ nhất, bầu Ban Thường vụ gồm 13 ủy viên, bầu đồng chí Nguyễn Văn Nhâm giữ chức Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Phạm Duy Hùng, Nguyễn Hải Đường giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy gồm 7 ủy viên do đồng chí Ngô Thế Bình làm Chủ nhiệm³.

Để bảo đảm cho việc triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 - 2020,

¹ 19 chỉ tiêu cụ thể trong: *Lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực văn hóa - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, phấn đấu đạt huyện nông thôn mới trước năm 2020.*

² 7 nhóm giải pháp là:

* Tập trung các nguồn lực cho phát triển kinh tế, trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

* Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện

* Tăng cường quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, nâng cao chất lượng công tác nội chính

* Tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức

* Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

* Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

* Nâng cao năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết của các cấp ủy.

³ Huyện ủy Đại Từ - Tài liệu danh sách Đại biểu Đảng bộ Đại Từ dự Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

ngay sau Đại hội, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo xây dựng và ban hành Chương trình hành động toàn khóa và Quy chế quy định các hoạt động trọng tâm của Đảng bộ, làm cơ sở cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong suốt nhiệm kỳ.

Đại Từ bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020 trong điều kiện tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, sự cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) và thách thức an ninh phi truyền thống đã tác động sâu sắc đến mọi quốc gia, dân tộc; khu vực Đông Nam Á cơ bản ổn định, phát triển năng động, nhưng đối mặt với nhiều thách thức, nhất là những vấn đề liên quan đến lợi ích, chủ quyền quốc gia, dân tộc... tiềm ẩn nguy cơ xảy ra xung đột. Ở trong nước, tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định, nền kinh tế tăng trưởng khá, quốc phòng, an ninh được giữ vững; vị thế, uy tín của nước ta ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế; công tác xây dựng chính đốn Đảng đạt được nhiều kết quả tích cực; niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước được củng cố và tăng cường. Tuy nhiên đất nước ta cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động chống phá, thúc đẩy *Tự diễn biến, Tự chuyển hóa, Phi chính trị hóa, Dân sự hóa quân đội*... với các thủ đoạn ngày càng tinh vi, tính chất nguy hiểm, phức tạp, công

khai, trực diện hơn. Thiên tai, dịch bệnh, mặt trái của nền kinh tế thị trường, của mạng xã hội; vấn đề tôn giáo, tranh chấp đất đai diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Tại huyện Đại Từ, trong nhiệm kỳ, tình hình chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được củng cố, tăng cường, kinh tế phát triển khá. Tuy nhiên, đời sống của một bộ phận nhân dân chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa còn khó khăn, an ninh nông thôn, thiên tai lũ lụt, dịch bệnh có những diễn biến phức tạp, ít nhiều tác động đến tâm tư tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

Trong điều kiện thuận lợi cùng khó khăn, thách thức đan xen, thấu suốt đường lối quan điểm của Đảng, Đảng bộ huyện Đại Từ nêu cao tinh thần đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIII với những kết quả nổi bật.

Kinh tế tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt 12,22%, vượt 2,22% so với Nghị quyết; giá trị sản xuất của các ngành đều tăng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng. Năm 2020, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 78,5%; dịch vụ chiếm 6,39%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 15,11%. Thu cân đối ngân sách nhà nước bao gồm cả thu cấp quyền sử dụng đất tăng bình quân 23,88%/năm, tăng

3,88% so với Nghị quyết. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 80,48 triệu đồng, đạt 100,6% so với Nghị quyết, tăng 1,71 lần so với năm 2015.

Ngành nông nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh của địa phương, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo được nhiều vùng sản xuất chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa có quy mô và hiệu quả cao, như: Vùng sản xuất rau an toàn, vùng chè VietGAP, vùng trồng cây ăn quả, vùng trồng hoa, cây cảnh. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 4,2%/năm, vượt 0,2% so với Nghị quyết; giá trị bình quân trên 1ha đất trồng trọt đạt 120 triệu đồng, tăng 21,1 triệu đồng so với năm 2015. Huyện ủy chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án trọng điểm như: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu thụ chè, các chương trình, kế hoạch về phát triển cây ăn quả, sản xuất lương thực, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản... Triển khai đồng bộ các giải pháp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; trong đó thực hiện tốt việc cải tạo cây chè giống cũ, hiệu quả thấp sang trồng chè giống mới chất lượng cao. Trong giai đoạn 2015 - 2020 toàn huyện đã trồng mới, trồng thay thế được 2.130ha giống chè giống mới có năng suất, chất lượng cao, nâng tổng diện tích trồng chè giống mới lên 4.906ha, chiếm 77,4% tổng diện tích chè của huyện;

đẩy mạnh sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, ưu tiên phát triển vùng chè đặc sản; duy trì tổ chức tốt Lễ hội trà Đại Từ, từ đó thu hút đầu tư trong sản xuất và tiêu thụ, tạo điều kiện cho làng nghề, các doanh nghiệp, người làm chè giao lưu, quảng bá sản phẩm và hội nhập để phát triển kinh tế. Diện tích chè đến năm 2020 đạt 6.337ha, sản lượng chè búp tươi đạt 70.100 tấn, vượt 3,09% so với Nghị quyết.

Cùng với cây chè, Huyện ủy chỉ đạo khuyến khích các hộ nông dân tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất lương thực, chuyển đổi những diện tích cấy lúa hiệu quả thấp sang canh tác các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Nhờ đó, dù diện tích gieo cấy lúa toàn huyện giảm do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, triển khai các dự án công nghiệp và dân cư nhưng sản lượng lương thực bình quân vẫn đạt 73.163 tấn/năm, tăng 4,52% so với chỉ tiêu.

Để phát triển chăn nuôi, huyện tiếp tục triển khai thực hiện tốt các cơ chế của tỉnh, của huyện để hỗ trợ người dân vay vốn đầu tư phát triển; hỗ trợ 100% kinh phí để triển khai thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh và triển khai tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi cho người dân trên địa bàn huyện. Nhờ đó, chăn nuôi gia súc, gia cầm có bước phát triển mạnh theo hướng chăn nuôi trang trại, gia trại¹. Chất

¹ Tổng đàn lợn toàn huyện thời điểm tháng 8/2020 có 54.960 con, trong đó đàn lợn nái 8.065 con, lợn đực giống 152 con, lợn thịt 46.743 con.

lượng sản phẩm được nâng lên; sản lượng thịt hơi đến năm 2020 đạt 16.400 tấn, vượt 9,33% so với chỉ tiêu Nghị quyết. Chăn nuôi thủy sản tiếp tục phát triển mạnh. Các gia đình chăn nuôi đã sử dụng có hiệu quả diện tích mặt nước, đa dạng giống cá, áp dụng khoa học kỹ thuật, tăng cường nguồn thức ăn tinh, nhờ đó sản lượng thủy sản mỗi năm một tăng. Năm 2020, sản lượng cá đạt 4.350 tấn, vượt 55,36% so với kế hoạch.

Sản xuất lâm nghiệp phát triển ổn định, hiệu quả rừng sản xuất được nâng cao. Các cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản trên địa bàn phát triển đa dạng. Công tác quản lý, khai thác và bảo vệ rừng được đảm bảo; tỷ lệ che phủ rừng ổn định trên 46%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Công tác quản lý và khai thác các công trình thủy lợi được chú trọng, đến năm 2020 toàn huyện đã đáp ứng yêu cầu nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ được thường xuyên quan tâm, kịp thời khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, bảo đảm an toàn tính mạng và của cải của nhân dân.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất theo hướng tập trung, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp địa phương đa dạng hơn về ngành nghề, mở hơn về rộng quy mô. Được sự quan tâm lãnh đạo

của Huyện ủy công tác khuyến công, hỗ trợ và phát triển các làng nghề được đẩy mạnh. Trong nhiệm kỳ toàn huyện đã triển khai thực hiện 22 dự án khuyến công với tổng kinh phí 14,7 tỷ đồng, trong đó kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ là 2,9 tỷ đồng (bằng 20,13%), kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng là 11,7 tỷ đồng; thành lập mới 25 làng nghề đưa tổng số làng nghề toàn huyện năm 2020 lên 43 đơn vị với trên 4 nghìn hộ, trên 7.700 lao động. Các doanh nghiệp, cơ sở tiểu thủ công nghiệp đã tích cực tiếp cận, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm. Nhờ đó, giá trị sản xuất không ngừng tăng lên. Năm 2020, tổng giá trị hàng hóa ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 10.000 tỷ đồng, tăng bình quân 25,29%/năm, vượt 8,29% so với Nghị quyết.

Hoạt động thương mại, dịch vụ được mở rộng, đáp ứng yêu cầu sản xuất và phục vụ tốt đời sống nhân dân. Huyện đã thực hiện tốt công tác quản lý, định hướng tạo điều kiện để thương mại, dịch vụ và du lịch phát triển đa dạng, hiệu quả bằng việc tiếp tục thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội xây dựng hệ thống chợ nông thôn theo quy hoạch; xây dựng mới, đưa vào hoạt động chợ Trung tâm huyện; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu các sản phẩm mũi nhọn, tổ chức các lễ hội, hội chợ thương mại, qua đó đã quảng bá, giới thiệu các sản phẩm có lợi thế của huyện. Giá trị

sản xuất ngành thương mại, dịch vụ chủ yếu năm 2020 đạt 993,9 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân đạt 17,35%/năm, vượt 1,35% so với mục tiêu.

Kinh tế du lịch được tăng cường bằng các hoạt động quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của huyện để thu hút các nguồn đầu tư của tổ chức, cá nhân. Bước đầu triển khai loại hình du lịch lịch sử - văn hóa - danh thắng, tạo thêm việc làm, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và từng bước nâng cao giá trị ngành dịch vụ của huyện. Triển khai thực hiện Đề án bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020, Huyện ủy đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các cơ quan hữu quan của Trung ương, của tỉnh nghiên cứu đề xuất xếp hạng 6 di tích cấp tỉnh, 2 di tích cấp quốc gia nâng tổng số di tích được xếp hạng của huyện lên 48 di tích, trong đó có 39 di tích cấp tỉnh và 9 di tích quốc gia; đã trùng tu, tôn tạo, sửa chữa và nâng cấp 17 di tích với tổng kinh phí là 120 tỷ đồng (bao gồm kinh phí đầu tư của tỉnh, Trung ương, nguồn ngân sách của huyện và nguồn xã hội hóa). Cũng trong giai đoạn này, huyện đã phối hợp với tổ chức Phật giáo của tỉnh triển khai Lễ đặt đá và Lễ khởi công xây dựng Chánh điện Thiền viện Trúc Lâm Tây Trúc, trong lộ trình xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Tây Trúc, từng bước hình thành điểm du lịch tâm linh của huyện gắn với du lịch sinh thái tại các xã nằm theo sườn đông Tam Đảo.

Để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước nhằm tranh thủ sự hỗ trợ vốn đầu tư. Đồng thời, thực hiện tốt công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng; tập trung điều chỉnh quy hoạch chương trình nông thôn mới, định hướng quy hoạch chi tiết khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại tại trung tâm các xã, thị trấn cho phù hợp với yêu cầu phát triển. Trong nhiệm kỳ huyện đã hoàn thành dự án nâng cấp thị trấn Hùng Sơn lên đô thị loại IV, cơ bản thực hiện tốt quy hoạch phát triển trung tâm các xã, góp phần thay đổi diện mạo đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Mặt khác, huyện còn thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các công trình, dự án khác trên địa bàn như Dự án khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo, các dự án khu dân cư, mở rộng Khu di tích lịch sử quốc gia 27/7, Không gian văn hóa trà, chợ Trung tâm huyện, Trung tâm Văn hóa các dân tộc huyện Đại Từ, trụ sở làm việc khối các cơ quan huyện. Quá trình triển khai các dự án huyện đã giải quyết tốt các vướng mắc, phát sinh, tạo được sự ủng hộ và đồng thuận của nhân dân, đáp ứng được nhiệm vụ. Thực hiện sáp nhập thị trấn Đại Từ và xã Hùng Sơn thành thị trấn Hùng Sơn (ngày 14/5/2019, Bộ Xây dựng ký quyết định công nhận thị trấn Hùng Sơn là đô thị loại IV).

Trong khi tập trung lãnh đạo công tác thu hút đầu tư và thực hiện giải pháp huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, Huyện ủy chú trọng chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền thực hiện việc lồng ghép các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước với việc huy động vốn đối ứng của nhân dân theo phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*. Các nguồn vốn đầu tư đều được sử dụng hiệu quả, trong đó, ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra. Trong nhiệm kỳ, Huyện ủy đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư các dự án khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, khu du lịch sinh thái, du lịch tâm linh... cho 58 dự án trên địa bàn với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 9.000 tỷ đồng. Đến năm 2020, huyện đã ký kết hợp đồng thực hiện đầu tư ngoài ngân sách với các dự án xây dựng: Khu đô thị Sân vận động trung tâm huyện Đại Từ; Điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Ký Phú; Điểm dân cư nông thôn xóm Trung Na 2, xã Tiên Hội; Khu đô thị 1C, 1D; Khu đô thị Cầu Thông; Khu đô thị Phố c1938 đã có 06 hợ 2 thị trấn Hùng Sơn; tiếp tục phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 dự án và trình thủ tục lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi được quan tâm đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp của nhân dân. Trong 6

năm (2015 - 2020), toàn huyện đã tổ chức xây mới và sửa chữa 60 công trình thủy lợi, trong đó cải tạo, nâng cấp cứng hóa được 38,8 km kênh mương với tổng kinh phí đầu tư xây dựng 255 tỷ đồng. Cơ sở hạ tầng lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, trong đó, xây mới 12 nhà văn hóa xã; cải tạo, nâng cấp 11 nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới; xây mới, cải tạo, nâng cấp 170 nhà văn hóa xóm với tổng kinh phí đầu tư xây dựng 165 tỷ đồng; xây dựng, sửa chữa 14 trụ sở xã với tổng kinh phí 105 tỷ đồng; xây dựng, sửa chữa 8 trạm y tế với tổng kinh phí 35 tỷ đồng; xây dựng, nâng cấp 7 chợ tại các xã, với tổng kinh phí 15 tỷ đồng.

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được kết quả quan trọng. Với phương châm huy động tối đa nguồn lực cho các xã triển khai về đích Đề án xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch, Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền mục tiêu, ý nghĩa việc xây dựng nông thôn mới, qua đó nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng nông thôn mới được nâng lên, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị trong triển khai, thực hiện. Nhờ đó, tổng vốn huy động đầu tư cho chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện trong giai đoạn 2016 - 2019 lên tới

1.294.850 triệu đồng¹. Các chương trình, đề án xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, chất lượng, hiệu quả. Trong nhiệm kỳ có thêm 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn huyện lên 21/28 xã, 7 xã còn lại đều đạt 14/19 tiêu chí trở lên. Với kết quả này huyện Đại Từ được đánh giá là điểm sáng về xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là phong trào xây dựng đường giao thông và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2020, 100% tuyến đường liên xã được cứng hóa, cơ bản đường giao thông liên xóm được bê tông hóa. Xóm Đồng Tiến, xã La Bằng hoàn thành các tiêu chí xóm nông thôn mới kiểu mẫu, xã Tiên Hội là xã nông thôn mới kiểu mẫu đến hết năm 2020.

Để công tác quản lý tài nguyên đất ngày càng chặt chẽ, phát huy có hiệu quả quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, Huyện ủy tập trung chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp xử lý, giải quyết các tồn tại, vướng mắc, thực hiện tốt thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân. Trong nhiệm kỳ huyện tổ chức đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa

¹ Trong đó vốn trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới 403.007 triệu đồng (trong đó vốn Trung ương 212.078 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 190.929 triệu đồng); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác là 633.065 triệu đồng; vốn của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh 23.844 triệu đồng; vốn huy động đóng góp của nhân dân 234.934 triệu đồng.

chính trên 3.000 thửa đất bị đo bao, đo sai. Tính đến ngày 30/9/2019 toàn huyện đã hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính 30/30 xã, thị trấn, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 32.276,62ha, đạt 91,49 % diện tích cần cấp; cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 22.955,92ha, đạt 85,93 % diện tích cần cấp đổi. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được kiểm soát chặt chẽ. Từ năm 2015 đến năm 2020, toàn huyện đã lập hồ sơ xử lý 17 vụ vi phạm về khai thác khoáng sản, số tiền phạt và tịch thu 327.638.500 đồng, cơ bản khắc phục tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép.

Công tác bảo vệ môi trường đạt được nhiều tiến bộ. Cấp ủy, chính quyền huyện thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và nhân dân; từng bước xây dựng môi trường nông thôn khang trang, sạch đẹp. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95,5%. Các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, xử lý khắc phục ô nhiễm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, khai thác khoáng sản, thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải trong hoạt động sản xuất nông nghiệp được duy trì thường xuyên. Trong 5 năm (2015 - 2019), các cơ quan quản lý đã xác nhận hồ sơ bảo vệ môi trường cho 71 cơ sở sản xuất, kinh doanh, trang trại chăn nuôi thuộc thẩm quyền cấp huyện; xác nhận cam kết bảo vệ môi trường cho 1.754 trên tổng

số 2.181 cơ sở thuộc thẩm quyền cấp xã; Ủy ban nhân dân huyện xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường 3 cơ sở, số tiền xử phạt là 90 triệu đồng.

Việc triển khai kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đạt kết quả cao. Đến năm 2020, toàn bộ 96/96 trường tiểu học, trung học cơ sở đều đạt chuẩn quốc gia, vượt 5% so với chỉ tiêu, 2 trong số 3 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Quy mô trường, lớp được xây dựng, sắp xếp phù hợp đáp ứng nhu cầu học tập của con em các dân tộc trên địa bàn. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục có nhiều tiến bộ, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; kỷ cương, nề nếp trong giáo dục được tăng cường. Nhiệm vụ phát triển giáo dục toàn diện kết hợp với xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện được đẩy mạnh. Chủ trương xã hội hóa giáo dục, phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập cộng đồng có nhiều tiến bộ và phát huy tác dụng tích cực trong cộng đồng dân cư. Chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo tiếp tục được nâng cao. Số giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi, đoạt giải cao trong các kỳ thi cấp huyện, cấp tỉnh và quốc gia ngày càng tăng; số học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trường nghề ngày càng nhiều.

Hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao tiếp tục được quan tâm, góp phần quan trọng vào sự phát triển nền

văn hóa mới, con người mới của huyện trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay. Công tác thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh ở các cấp, các ngành góp phần quan trọng vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh. Công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện được tăng cường, việc khai thác, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể có chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được chú trọng. Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở tiếp tục được củng cố. Các loại hình dịch vụ y tế phát triển đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Đến năm 2019, đã có 30/30 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2015 - 2020. Bệnh viện đa khoa huyện được nâng cấp lên Bệnh viện loại II, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân. Công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh được tăng cường. Chính sách dân số, gia đình và trẻ em tiếp tục được quan tâm; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 9,2%, đạt chỉ tiêu đề ra.

Công tác an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân được triển khai

đồng bộ, kịp thời và hiệu quả. Bình quân mỗi năm toàn huyện giải quyết việc làm cho 3.200 lao động, vượt 7% chỉ tiêu kế hoạch. Bằng nhiều chính sách hỗ trợ và những giải pháp giảm nghèo hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm mạnh từ 16,64% năm 2016 xuống còn 2,8% vào năm 2020, bình quân mỗi năm giảm 2,77%, vượt chỉ tiêu 0,77%.

Chính sách người có công được triển khai thực hiện đúng quy định, đúng đối tượng. Phong trào *Đền ơn đáp nghĩa* được tổ chức sâu rộng, hiệu quả từ huyện đến cơ sở. Công tác tìm kiếm, quy tập, an táng hài cốt liệt sĩ được quan tâm. 24 nghĩa trang liệt sĩ trong huyện được đầu tư, nâng cấp khang trang, sạch đẹp. Toàn huyện đã cấp 234.683 thẻ bảo hiểm y tế cho người có công với cách mạng, hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và hộ đối tượng bảo trợ xã hội.

Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em được các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể đặc biệt quan tâm. Hệ thống bảo vệ trẻ em và mô hình *Phòng ngừa tai nạn thương tích* được xây dựng tại 30/30 xã, thị trấn đạt *Tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em*. Phong trào vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em được đồng đảo các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân hưởng ứng. Đến năm 2020, tổng số tiền Quỹ Bảo trợ trẻ em toàn huyện đạt trên 2,6 tỷ đồng góp phần hỗ trợ xây dựng khu vui chơi, tặng quà cho trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em

bị nhiễm chất độc da cam; tổ chức ngày Quốc tế Thiếu nhi (1/6), vui tết Trung thu cho trẻ em kịp thời, an toàn, hiệu quả, bổ ích.

Hoạt động khoa học - công nghệ được triển khai tích cực, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực quản lý, sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng cuộc sống. Các cấp ủy đảng, chính quyền luôn quan tâm khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo khởi nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm địa phương. Huyện phối hợp với Đại học Thái Nguyên và một số trường đại học khác đào tạo nguồn nhân lực tri thức cho địa phương; đẩy mạnh ứng dụng các mô hình nông nghiệp chất lượng cao, tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Trang thông tin điện tử của huyện được duy trì thường xuyên, kịp thời tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học tới các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn.

Nhận thức rõ đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội phải đi liền với củng cố quốc phòng, an ninh, cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng vũ trang; gắn nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Cơ quan quân sự chủ động phối hợp với các

cơ quan quản lý tài nguyên môi trường, tài chính rà soát điều chỉnh quy hoạch đất quốc phòng, tăng cường cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện làm việc thuận lợi cho lực lượng vũ trang chủ động ứng phó với mọi tình huống. Nhiệm vụ diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp huyện, cấp xã được duy trì thường xuyên. Kết quả diễn tập chiến đấu phòng thủ kết hợp phát triển kinh tế hằng năm đều đạt và vượt yêu cầu đề ra. Tiềm lực kinh tế, quốc phòng trong khu vực phòng thủ ngày càng được nâng lên, bảo đảm yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Nhiệm vụ động viên tuyển quân, tuyển sinh quân sự, giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh hằng năm được triển khai bảo đảm 100% chỉ tiêu kế hoạch. Chế độ chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng thường trực, quân dự bị động viên và dân quân tự vệ được thực hiện đầy đủ, kịp thời, góp phần động viên lực lượng vũ trang các cấp yên tâm, phấn khởi công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 18/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *Thực hiện Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2012 của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình*

mới... lực lượng công an các cấp tham mưu cho chính quyền triển khai thực hiện tốt thế trận an ninh nhân dân, nắm chắc tình hình và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra. Triển khai thực hiện đề án phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, lực lượng công an chủ động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm đạt trên 93%, vượt trên 3% so với chỉ tiêu. Tỷ lệ điều tra, phá án chung đạt trên 90%, vượt trên 15% so với chỉ tiêu. Công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội được tăng cường, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được duy trì, phát triển. Đến năm 2020, toàn huyện hoàn thành việc bố trí công an chính quy làm việc tại 30/30 đơn vị xã, thị trấn, tạo bước chuyển biến mới về chất trong công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Công tác đối ngoại được mở rộng. Mỗi quan hệ giữa huyện với các địa phương trong và ngoài tỉnh, các địa phương ngoài nước như: Tỉnh Gyeongsangbuk của Hàn Quốc, huyện Nậm Bạc tỉnh Luông Pha Bông nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được củng cố, tăng cường, góp phần mở rộng giao lưu văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong quá trình hội nhập, phát triển.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có nhiều tiến bộ. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện luôn

bám sát quy chế làm việc, có nhiều đổi mới về nội dung công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý điều hành; làm việc theo chương trình, kế hoạch, quy chế, quy định, không bao biện làm thay, không buông lỏng quản lý. Những nội dung lớn, quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đều được Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện dân chủ thảo luận, xem xét quyết định kịp thời theo thẩm quyền; ban hành nghị quyết, kết luận để cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành 8 nghị quyết, 14 chỉ thị, 27 chương trình, 5 đề án, 126 kế hoạch làm cơ sở để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ luôn coi trọng công tác xây dựng hệ thống chính trị, trước hết là công tác xây dựng Đảng. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thường xuyên được tăng cường. Hằng năm, Đảng bộ tổ chức quán triệt, triển khai kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, đề án, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của

Tỉnh ủy¹. Phương thức học tập từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng. Các nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, 8, 10, 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) được Huyện ủy tổ chức triển khai học tập thông qua hội nghị trực tuyến. Đặc biệt, việc học tập, nghiên cứu chuyên đề *Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) *Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”* trong nội bộ được Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, sâu rộng, trở thành hoạt động sinh hoạt chính trị thường xuyên trong toàn Đảng bộ, góp phần quan trọng làm chuyển biến tích cực về trách nhiệm nêu gương, nâng cao ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Công tác nắm bắt dư luận xã hội, quản lý và định hướng thông tin, tuyên truyền, giáo dục lịch sử địa phương tiếp tục được tăng cường. Tài liệu lịch sử Đảng bộ huyện được đưa vào giảng dạy trong các nhà trường và tuyên truyền trong nhân dân với nhiều hình

¹ Trong nhiệm kỳ toàn huyện đã tổ chức được 59 hội nghị, với tổng số 9.209 lượt cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động tham gia học tập nội dung các chuyên đề (trong đó có 7.677 lượt đảng viên); phối hợp tổ chức được 69 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên với tổng số 9.773 lượt người tham gia học tập.

thức phong phú, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, nâng cao niềm tự hào về truyền thống quê hương.

Thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, trong nhiệm kỳ Đảng bộ huyện đã sắp xếp, sáp nhập, chuyển giao 7 tổ chức cơ sở đảng về sinh hoạt theo ngành dọc¹. Trên cơ sở chỉ đạo thực hiện tốt việc sắp xếp, sáp nhập các xóm, tổ dân phố không đảm bảo theo quy định của Nhà nước, Đảng bộ đã hoàn thành việc xóa 16 xóm sinh hoạt chi bộ ghép, chỉ đạo giải thể 30 chi bộ cơ quan xã, thị trấn theo quy định. Đến năm 2020 toàn Đảng bộ còn 51 tổ chức cơ sở Đảng; số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở cũng giảm từ 683 đơn vị đầu nhiệm kỳ xuống 587 đơn vị cuối nhiệm kỳ. Để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, nhất là chi bộ nông thôn, Huyện ủy chỉ đạo, phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thường xuyên bám sát, trực tiếp tham dự các kỳ sinh hoạt chi bộ xóm, tổ dân phố để nắm bắt, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc từ cơ sở. Công tác phát triển Đảng được chú trọng, trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 1.489 đảng viên, đạt yêu cầu so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra.

¹ Đó là: Chi bộ Chi cục Thuế, Chi bộ Kho bạc Nhà nước, Chi bộ Quản lý thị trường, Chi bộ Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, Chi bộ Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Chi bộ Ban quản lý chợ - bến xe khách, Chi bộ Công ty Cổ phần Chè Quân Chu.

Triển khai công tác tổ chức xây dựng Đảng, Đảng bộ luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ. Kịp thời củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể đảm bảo nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành thực hiện nhiệm vụ. Trong kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, cấp ủy các cấp đã giới thiệu 138 cán bộ ứng cử bầu giữ các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và 25 cán bộ ứng cử bầu giữ các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, trưởng, phó các ban của Hội đồng nhân dân và 17 thành viên Ủy ban nhân dân huyện. Thực hiện tốt việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/1/2018 và Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 9/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy¹. Huyện ủy tích cực chỉ đạo rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

¹ Đề án số 09- ĐA/TU ngày 29/1/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *Thực hiện Nghị quyết số 18 ngày 25/10/2017, Hội nghị lần 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số vấn đề, tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.*

Kế hoạch số 79 ngày 9/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên *Thực hiện Nghị quyết số 19 ngày 25/12/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.*

trên địa bàn. Trong đó, sáp nhập một số đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Trạm Khuyến nông huyện thành Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện; sáp nhập Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh - Truyền hình thành Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện. Cũng trong nhiệm kỳ, Huyện ủy đã thực hiện bổ nhiệm đồng chí Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy kiêm Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện; hiệp thương cử đồng chí Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy kiêm giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện; giới thiệu bầu bổ sung 2 ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, 5 ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử 87 chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý; bổ sung kiện toàn 31 cấp ủy viên cơ sở; chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành quy chế, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị tại địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

Đảng bộ nhận thức sâu sắc và thường xuyên quan tâm thực hiện tốt công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ cho yêu cầu trước mắt và lâu dài; bảo đảm việc bố trí, sử dụng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan, đơn vị. Trong 5 năm (2016 - 2020), Huyện ủy đã

chỉ đạo tổ chức 180 lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho 24.516 lượt học viên các đơn vị; chọn cử 2 đồng chí đi học cử nhân chính trị, 41 đồng chí đi học cao cấp lý luận chính trị; phối hợp với Trường Chính trị tỉnh mở 4 lớp trung cấp lý luận chính trị tại huyện với 482 học viên; mở 7 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cho 615 học viên theo học. Cũng trong giai đoạn này toàn Đảng bộ đã luân chuyển 16 cán bộ huyện về đảm nhiệm chức danh chủ chốt tại cơ sở, điều động 4 cán bộ cơ sở lên công tác tại huyện, luân chuyển ngang 3 cán bộ tại các đảng bộ xã, thị trấn... Việc bổ nhiệm, luân chuyển, giới thiệu cán bộ ứng cử đảm bảo dân chủ, công khai và đúng quy trình. Nhìn chung, chất lượng cán bộ ngày càng được nâng cao.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được chú trọng triển khai thực hiện và ngày càng hiệu quả. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp và người đứng đầu cấp ủy nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát; phương pháp thực hiện có nhiều đổi mới. Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và số cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề đều tăng so với nhiệm kỳ trước; chất lượng kiểm tra, giám sát được nâng cao; nội dung kiểm tra, giám sát đảm bảo toàn diện trên các lĩnh vực; chú trọng kiểm tra, giám sát đối với người đứng đầu và cấp ủy viên các cấp. Cùng với kiểm tra, giám sát theo kế hoạch, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp còn chủ động

kiểm tra tổ chức Đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Các cuộc kiểm tra, giám sát đều có kết luận, thông báo cụ thể đồng thời có chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung đã kết luận¹. Việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thông báo kết luận kiểm tra công khai đã góp phần đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị *tự diễn biến, tự chuyển hóa* trong nội bộ. Các tổ chức Đảng và đảng viên được kiểm tra, giám sát đã kịp thời khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị. Nhờ đó, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên trong Đảng bộ được nâng lên.

Thông qua kiểm tra, giám sát việc xem xét thi hành kỷ luật những tổ chức Đảng và đảng viên có sai phạm được thực hiện kịp thời, đúng nguyên tắc, đúng thẩm quyền. Hình thức kỷ luật phù hợp với nội dung, tính chất, mức độ vi phạm. Trong nhiệm kỳ các đảng ủy cơ sở đã thi hành kỷ luật 2 tổ chức Đảng (1 cảnh cáo, 1 khiển trách). Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ

¹ Nhiệm kỳ 2015 - 2020, cấp ủy huyện thực hiện 29 cuộc kiểm tra, giám sát của cấp trên; tổ chức thực hiện 29 cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm (tăng 14 cuộc so với chương trình toàn khóa và 1 cuộc so với nhiệm kỳ 2010 - 2015); Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy thực hiện 20 cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề. Tổng số cuộc thanh tra chính quyền đã thực hiện: 23 cuộc (15 cuộc theo kế hoạch; 8 cuộc đột xuất). Qua thanh tra đã kịp thời phát hiện ra những tồn tại, hạn chế để yêu cầu khắc phục, sửa chữa.

lệch là 132 đồng chí. Trong đó, khiển trách 81, cảnh cáo 29, cách chức 5, khai trừ 17.

Nội dung, phương thức hoạt động của hệ thống dân vận ngày càng sát với thực tiễn ở cơ sở. Kết quả tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng thực hiện các dự án trên địa bàn huyện ngày càng cao. Công tác dân vận chính quyền, nhất là việc thực hiện *Năm dân vận chính quyền* có nhiều đổi mới, sáng tạo, mang lại hiệu quả nổi bật trong việc thực hiện tiếp, đối thoại, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại huyện và 100% xã, thị trấn. Phong trào thi đua *Dân vận khéo* đã tạo được sự lan tỏa rộng khắp trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

Để nâng cao chất lượng công tác nội chính và phòng chống tham nhũng, các cơ quan nội chính huyện có nhiều chuyển biến tích cực, thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương và tỉnh về cải cách tư pháp, công tác thi hành, bảo vệ pháp luật, bảo vệ nhân dân. Chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, kiểm sát, xét xử, thi hành án dân sự có nhiều tiến bộ. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, qua đó đã hạn chế được việc khiếu kiện, tố cáo kéo dài, vượt cấp, đặc

biệt là chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/2/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp, đối thoại trực tiếp, xử lý phản ánh, kiến nghị của nhân dân, góp phần nâng cao hiệu lực pháp luật bảo vệ nhân dân, củng cố và nâng cao lòng tin của nhân dân với cấp ủy, chính quyền các cấp.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân có nhiều đổi mới. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp được duy trì đều. Chất lượng các kỳ họp, chất lượng các nghị quyết ban hành, hiệu lực thi hành của nghị quyết đã thể hiện ý chí, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp luôn nêu cao ý thức, trách nhiệm, kịp thời nắm bắt, phản ánh ý kiến, kiến nghị chính đáng của cử tri tới cơ quan chính quyền. Công tác giám sát, nhất là giám sát chuyên đề đã tập trung vào những vấn đề, lĩnh vực lớn, quan trọng giúp cho việc tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện hiệu quả hơn.

Hoạt động của chính quyền có sự chuyển biến mạnh mẽ. Ủy ban nhân dân các cấp kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, của huyện; xây dựng các chương trình, đề án, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình, đề án ngày càng hiệu quả. Công tác quản lý, điều hành có sự đổi mới, quyết liệt,

sâu sát hơn, tập trung ưu tiên những lĩnh vực trọng tâm, khu vực trọng điểm như quản lý tài nguyên, thu hút đầu tư, xây dựng nông thôn mới, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội... Hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc; công tác thi đua, khen thưởng đạt kết quả tích cực.

Công tác cải cách hành chính, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được quan tâm và chỉ đạo kịp thời, được triển khai toàn diện¹. Cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo cơ chế *một cửa, một cửa liên thông* cơ bản đáp ứng được yêu cầu của tổ chức và công dân.

Mặt trận Tổ quốc các cấp đã phát huy được vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân theo Quyết định số 217-QĐ/TW và số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị². Mặt trận Tổ quốc các cấp đã thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong việc

¹ Trong nhiệm kỳ, huyện đã tiếp 1.161 lượt công dân (2.543 người) khiếu nại, tố cáo; kiến nghị, phản ánh. Lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND tiếp và đối thoại 139 lượt (640 người); tiếp nhận và giải quyết 658 đơn thư (khiếu nại 102 đơn; tố cáo 5 đơn; kiến nghị, phản ánh 551 đơn).

² * Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

* Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 27/12/2013 của Bộ Chính trị Ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

triển khai thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021; tổ chức nhiều lớp tập huấn, phổ biến tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Mặt trận Tổ quốc các cấp tiếp tục vận động các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng các phong trào: *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, Ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền, Xây dựng nhà đại đoàn kết* cùng với các cuộc vận động: *Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, ủng hộ quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Ngày vì người nghèo, ủng hộ đồng bào vùng thiên tai, lũ lụt...*

Liên đoàn Lao động huyện thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến các nội dung về hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công tác vệ sinh an toàn lao động. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tiếp tục được đẩy mạnh không chỉ trong các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ, trong các doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước, mà cả trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Hội Cựu chiến binh các cấp tiếp tục tuyên truyền cho hội viên về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin thời sự, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vận động các hội viên thực hiện tốt việc Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; duy trì và đẩy mạnh các phong trào: *Cựu chiến binh gương mẫu; Cựu chiến binh giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo.*

Các cấp Hội Nông dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, tăng cường thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội; phối hợp với các ngành tuyên truyền về Quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác hòa giải, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân... động viên hội viên tích cực tăng gia sản xuất, xây dựng kinh tế gia đình.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện chỉ đạo các cấp hội tiếp tục thực hiện Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tích cực tham gia giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh các phong trào thi đua: *Sản xuất, kinh doanh giỏi; Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc; Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch...* góp phần thực hiện tốt chính sách, luật pháp, nhất là các chính sách liên quan đến quyền lợi của phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Đoàn Thanh niên huyện triển khai sâu rộng phong trào *Sáng tạo trẻ* với phương châm: Ở đâu có đoàn viên, thanh niên và hoạt động Đoàn, ở đó có hoạt động sáng tạo. Các tổ chức đoàn trong toàn huyện tiếp tục đẩy mạnh phong trào *Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; Đồng hành với thanh niên trong lập thân, lập nghiệp*. Các cấp bộ đoàn đã tổ chức nhiều hoạt động an sinh xã hội, tặng quà cho các đối tượng chính sách, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Chương trình *Xuân yêu thương - Tết vì người nghèo* được duy trì đều. Phong trào thi đua *Tuổi trẻ Đại Từ chung tay xây dựng nông thôn mới* có sức lôi cuốn đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia bằng các việc làm cụ thể: Hỗ trợ, giúp đỡ các hộ nghèo, trồng cây tạo cảnh quan, thu gom rác thải, bảo vệ môi trường.

Tóm lại, qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, với tinh thần đoàn kết, đổi mới, phát huy dân chủ, kiên trì phấn đấu, Đảng bộ huyện đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt, trong đó nhiều chỉ tiêu vượt cao so với Nghị quyết đề ra. Nhiều lĩnh vực có những chuyển biến rõ nét. Kinh tế tiếp tục phát triển và đạt tốc độ tăng trưởng khá. Thu hút đầu tư ngoài ngân sách tăng cao. Kết cấu hạ tầng khu trung tâm huyện và các xã, thị trấn được cải thiện rõ rệt. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả quan trọng vượt bậc. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

có nhiều tiến bộ. Quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền được nâng cao. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện, diện mạo từ đô thị đến nông thôn có nhiều đổi thay.

Bên cạnh những kết quả, thành tích đạt được, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 còn một số hạn chế, thiếu sót. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản, đất đai ở một số cơ sở chưa chặt chẽ. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng của một số dự án còn chậm so với tiến độ đề ra. Việc giải quyết đơn thư của công dân còn một số đơn vị thực hiện chưa tốt. Chất lượng khám chữa bệnh của một số cơ sở y tế chưa cao, nhất là tại các trạm y tế tuyến xã, thị trấn. Hiệu lực điều hành, hiệu quả giải quyết công việc trên một số lĩnh vực của bộ máy chính quyền còn có hạn chế nhất định; cải cách hành chính đã thực hiện tốt nhưng hiệu quả ở một số lĩnh vực chưa cao. Trong công tác xây dựng Đảng còn một số ít cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy còn thấp. Hình thức sinh hoạt ở một số chi bộ chậm đổi mới, chất lượng sinh hoạt chưa cao. Công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy chưa trọng tâm, trọng điểm, thiếu quyết liệt; khuyết điểm, vi phạm của tổ chức Đảng, đảng viên chậm được

phát hiện, kiểm tra, xử lý. Công tác phát triển đảng viên chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Công tác dân vận, nhất là dân vận chính quyền một số mặt hiệu quả chưa cao. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cơ sở có nơi, có lúc còn biểu hiện hành chính hóa; chất lượng, hiệu quả một số phong trào thi đua còn thấp.

Những hạn chế thiếu sót bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Về khách quan: Là địa bàn trung du miền núi kinh tế phát triển chậm. Đến 2020, toàn huyện vẫn còn 4 xã và nhiều xóm đặc biệt khó khăn. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu trong khi nguồn vốn đầu tư cho phát triển còn hạn chế. Ảnh hưởng bất lợi của thời tiết, dịch bệnh (dịch tả lợn châu Phi ở đàn gia súc, dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 trên người), giá cả thị trường không ổn định... Về chủ quan: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ có lúc, có việc còn chưa sâu sát, quyết liệt; trên một số lĩnh vực chưa có những chủ trương, giải pháp đột phá. Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa tích cực trong việc đổi mới lề lối, tác phong làm việc; chưa có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp, hiệu quả. Chất lượng tham mưu của một số phòng, ban, cơ quan chuyên môn còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện với các xã, thị trấn trong thực hiện nhiệm vụ có việc còn chưa chặt chẽ. Năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm của một số ít cán bộ, đảng viên chưa cao.

Kết quả đạt được cùng những khó khăn, hạn chế còn tồn tại trên địa bàn đều là những kinh nghiệm, là vấn đề đặt ra cho Đảng bộ - trước hết là Ban Thường vụ Huyện ủy tìm tòi xây dựng kế hoạch, giải pháp phù hợp cho sự phát triển của huyện trong nhiệm kỳ tiếp theo.

IV. Tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, đổi mới, sáng tạo; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; xây dựng huyện nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao (2020 - 2025)

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về *Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng* và Kế hoạch số 146 ngày 21/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về tổ chức *Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025)*, ngày 12/7/2019, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đại Từ ban hành Kế hoạch số 100-KH/HU về *tổ chức Đại hội các chi bộ, đảng bộ cơ sở và Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV (nhiệm kỳ 2020 - 2025)*. Triển khai các nội dung chỉ thị, kế hoạch trên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy đến tháng 7/2020, toàn bộ 51 chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc (trong đó có 37 đảng bộ, 14 chi bộ) đã hoàn thành tổ chức đại hội.

Trên cơ sở kết quả đại hội các chi bộ, đảng bộ cơ sở, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ

ngày 26/8 đến ngày 28/8/2020, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXIV (nhiệm kỳ 2020 - 2025) được tổ chức tại Hội trường Nhà Văn hóa huyện.

Dự và chỉ đạo Đại hội đồng chí Nguyễn Thanh Hải - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên, dự Đại hội còn có các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên; các đồng chí lãnh đạo các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; đại biểu là lãnh đạo các vụ địa phương của Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng Trung ương Đảng; các đồng chí lãnh đạo của huyện qua các thời kỳ và 249 đại biểu tiêu biểu cho trí tuệ, sự thống nhất ý chí và sức mạnh đoàn kết, đại diện cho trên 9.200 đảng viên của toàn Đảng bộ.

Với tinh thần *Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển*, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV có nhiệm vụ thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng và dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX; kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ và bầu đoàn đại biểu

dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025).

Tiến hành kiểm điểm, đánh giá sâu sắc, khách quan, toàn diện 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, Đại hội khẳng định: Với tinh thần dân chủ, đoàn kết, đổi mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện đã nỗ lực phấn đấu, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, hoàn thành toàn diện mục tiêu Nghị quyết đã đề ra, nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch. Kinh tế tiếp tục phát triển, đạt tốc độ tăng trưởng khá; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện ngày càng được cải thiện; xây dựng nông thôn mới đạt kết quả quan trọng; các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền được nâng cao, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền được nâng lên. Đại hội cũng chỉ rõ những khó khăn, yếu kém cần tập trung giải quyết: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ; đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn; trình độ, năng lực của một số cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ... Từ những thuận lợi, khó khăn chung, Đại hội xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển của huyện Đại Từ giai

đoạn 2020 - 2025 là: *Tiếp tục xây dựng Đảng, hệ thống chính trị của huyện trong sạch vững mạnh; đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên các lĩnh vực; phát huy truyền thống đoàn kết, dân chủ, đổi mới, sáng tạo nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của địa phương để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, du lịch, dịch vụ; đồng thời tập trung các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, mở rộng không gian đô thị; nâng cao chất lượng, hiệu quả trên lĩnh vực công nghiệp; giữ vững quốc phòng, an ninh; tiếp tục quan tâm văn hóa - xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tạo môi trường ổn định để phát triển; huyện đạt nông thôn mới trước năm 2025; phấn đấu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành các tiêu chí chủ yếu theo tiêu chuẩn của thị xã trực thuộc tỉnh.*

Đại hội xác định phấn đấu đạt 9 chỉ tiêu về phát triển kinh tế - tài nguyên - môi trường, 6 chỉ tiêu cho phát triển văn hóa - xã hội, 2 chỉ tiêu cho công tác xây dựng Đảng, đồng thời đề ra 12 nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, 3 nhiệm vụ và giải pháp cho nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, đối ngoại và 7 nhiệm vụ và giải pháp cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đại hội đã lựa chọn 41 đại biểu ưu tú, tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, bản lĩnh, trí

tuệ để bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV (nhiệm kỳ 2020 - 2025), bảo đảm cho sự lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV và bầu 28 đại biểu chính thức, 2 đại biểu dự khuyết thay mặt Đảng bộ huyện đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ đã bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 13 ủy viên; bầu đồng chí Phạm Duy Hùng giữ chức Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Nguyễn Xuân Quang, Phạm Quang Anh giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy gồm 7 ủy viên và bầu đồng chí Nguyễn Thị Loan làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm.

Đại hội ban hành Nghị quyết thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của tổ chức đảng và các tầng lớp nhân dân trong huyện đóng góp vào dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX và các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng; thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIII, thống nhất nội dung Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XXIV (nhiệm kỳ 2020 - 2025), thông qua kết quả bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, giao Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV tiếp tục hoàn thiện các nội dung để ban hành và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

Ngay sau Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV xây dựng *Quy chế làm việc của Ban Chấp hành*, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của tập thể và cá nhân các đồng chí Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, qua đó giúp cho từng đồng chí ủy viên Ban Chấp hành nắm rõ, chấp hành, vận dụng vào thực tiễn từng công việc cụ thể, phát huy tốt tinh thần trách nhiệm và vai trò của từng cấp ủy viên, giúp cấp ủy huyện lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ban Thường vụ ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho các đồng chí Thường trực Huyện ủy, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ huyện phụ trách các chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy, các đồng chí có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra các chi bộ, đảng bộ được phân công phụ trách theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV (nhiệm kỳ 2020 - 2025). Căn cứ quy chế làm việc, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng *Chương trình công tác toàn khóa* trên cơ sở dự kiến thời gian hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của cả nhiệm kỳ, đưa nhanh Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống.

Triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trong điều kiện tình hình thế giới, khu vực và tỉnh Thái Nguyên, huyện Đại Từ tiếp tục có những thuận lợi và khó khăn

đan xen. Đặc biệt là khó khăn do dịch bệnh Covid-19 ngày càng diễn biến phức tạp. Với quyết tâm thực hiện hiệu quả “*mục tiêu kép*” Đảng bộ tập trung lãnh đạo vừa phòng chống dịch bệnh bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa chỉ đạo chặt chẽ các cấp ủy đảng, chính quyền động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn huyện nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội.

Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện tương đối thuận lợi, duy trì tăng trưởng ổn định. Triển khai thực hiện *Đề án phát triển sản phẩm chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đại Từ*, Đảng bộ đã chủ động phát huy thế mạnh của địa phương, chỉ đạo phát triển nông nghiệp gắn với tái cơ cấu, tăng cường liên kết chuỗi và xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh sản xuất an toàn, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao vào phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực. Thực hiện có hiệu quả *Chương trình mỗi xã một sản phẩm*; hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô lớn, hiệu quả cao như vùng chè VietGAP, chè hữu cơ, vùng trồng cây ăn quả, vùng trồng lúa chất lượng cao... Chú trọng phát triển kinh tế tập thể, đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Để tiếp tục phát huy thế mạnh về cây chè theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, Huyện ủy

đã chỉ đạo tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trà. Quy hoạch chi tiết, đầu tư hạ tầng 3 vùng sản xuất chè tập trung với diện tích 230ha gắn với phát triển du lịch. Phát triển vùng chè đặc sản tại các xã có thế mạnh như La Bằng, Hoàng Nông, Phú Xuyên, Yên Lãng, Phú Lạc, Tân Linh, Phục Linh... đưa tổng diện tích chè toàn huyện lên 6.598,6ha, trong đó diện tích chè kinh doanh là 6.215ha, diện tích chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ đạt 1.939ha chiếm 55,4%. Xây dựng, giới thiệu quảng bá 22 sản phẩm trà được công nhận sản phẩm OCOP trên nền tảng sàn thương mại điện tử toàn quốc; tổ chức *Hội thi bàn tay vàng hái chè nhanh, Hội thi bàn tay vàng chế biến chè* và *Tổ chức đấu giá sản phẩm trà đạt giải Nhất, Nhì, Ba*; đưa sản phẩm trà vào không gian thương trà tại trung tâm huyện, tham gia các hội chợ thương mại. Duy trì tổ chức *Lễ hội trà Đại Từ*; tổ chức *Hội thảo về nâng cao giá trị cây chè và sản phẩm trà gắn với phát triển du lịch*¹. Xây dựng các mô hình kinh tế, thành lập các hội ngành nghề tham gia có hiệu quả vào quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè trên địa bàn huyện². Nhờ đó, giá trị sản phẩm chè búp tươi bình quân hằng năm đạt trên 2.400 tỷ đồng. Giá trị các sản phẩm trà ước đạt 3.300 tỷ đồng.

¹ Báo cáo số 822 ngày 5/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Đại từ năm 2024 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

² Duy trì hoạt động 70 hợp tác xã sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè. Trong đó thành lập mới trong nhiệm kỳ 30 hợp tác xã.

Để thực hiện tốt chương trình sản xuất lương thực, Huyện ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; đưa các giống lúa, ngô lai thuần chất lượng cao vào sản xuất, trong đó, ưu tiên sản xuất lúa chất lượng cao, an toàn, lúa đặc sản với diện tích chiếm trên 55%. Hằng năm huyện đều tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn nhân dân chăm sóc lúa và cây màu, chủ động phòng, trừ sâu bệnh gây hại cho cây trồng. Riêng năm 2023, huyện tổ chức 129 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật với trên 5.190 lượt người tham dự, đồng thời triển khai thực hiện một số mô hình giống lúa mới làm cơ sở đưa vào cơ cấu giống của huyện... Nhờ đó, sản lượng lương thực các năm 2021 - 2023 đều vượt từ 2,2 đến 4,4% kế hoạch¹. Năm 2024, mặc dù gặp thời tiết bất lợi, cơn bão Yagi gây thiệt hại một số diện tích nên sản lượng lương thực toàn huyện thấp hơn các năm trước nhưng vẫn đạt 70.605 tấn, bằng 99,72% kế hoạch.

Để đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp, huyện tiếp tục chỉ đạo cải tạo, thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng 2.050ha vườn cây ăn quả hiện có, trong đó

¹ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ các năm 2021, 2022, 2023, trong đó: Năm 2021, sản lượng lương thực toàn huyện đạt 72.769 tấn, bằng 104,4% kế hoạch; năm 2022 đạt 72.146 tấn, bằng 102,2% kế hoạch; năm 2023 đạt 72.198 tấn, bằng 102,3% kế hoạch.

diện tích cây ăn quả chủ lực khoảng 568ha (nhãn 215ha, bưởi 353ha). Đồng thời, triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ sản xuất bưởi hữu cơ tại xã Tiên Hội, xã Hoàng Nông với diện tích 10ha. Để phát triển cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa, huyện khuyến khích trồng theo vùng tập trung, thuận lợi cho chăm sóc bảo đảm sản phẩm an toàn. Để tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng, riêng năm 2024, cơ quan chuyên môn đã tổ chức 4 lớp tập huấn khoa học kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả an toàn trên địa bàn 7 xã, thị trấn (Tiên Hội, Hoàng Nông, Bản Ngoại, Phú Xuyên, Yên Lãng, Cát Lê, Quân Chu) với trên 400 lượt người tham gia. Đã tổ chức cấp cấp giấy chứng nhận sản xuất an toàn VietGAP cho 137.66ha cây ăn quả, trong đó bưởi 94ha, nhãn 43,66ha.

Ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng tập trung, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi chặt chẽ; chỉ đạo phòng chống dịch bệnh, phòng chống đói, rét cho gia súc, gia cầm thường xuyên. Vắcxin phòng chống dịch bệnh được huyện tài trợ 100%; việc tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm mỗi năm 2 lần theo đúng kế hoạch; phát hiện, ngăn chặn kịp thời các loại dịch bệnh. Nhờ đó, đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn phát triển ổn định. Đến cuối năm 2024, tổng đàn trâu toàn huyện có 7.722 con, bò

1.287 con, lợn 64.293 con, đàn gia cầm trên 1.700.000 con, trong đó đàn gà trên 1.550.000 con¹. Cùng với việc đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào chăn nuôi, huyện còn duy trì quản lý hiệu quả các cơ sở giết mổ động vật, tạo ra sản phẩm an toàn cung cấp cho thị trường.

Ngành lâm nghiệp tiếp tục được quan tâm chỉ đạo phát triển ổn định. Đến đầu năm 2024, huyện Đại Từ có trên 26.000ha rừng, trong đó 13.000ha là rừng sản xuất² Hưởng ứng *Chương trình trồng mới 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025* do Chính phủ phát động, hằng năm huyện đều xây dựng và triển khai kế hoạch trồng cây mùa xuân gắn với kế hoạch xây dựng huyện nông thôn mới. Trong 2 năm (2023 - 2024), toàn huyện trồng 1.167ha rừng tập trung, trong đó rừng trồng cây gỗ lớn 414ha, rừng trồng cây gỗ nhỏ hơn 706ha, rừng phòng hộ 42,8ha và trên 508.000 cây phân tán. Thực hiện cập nhật 539.136 cây xanh vào phần mềm *Thai Nguyen SmartTrees*³. Cấp chứng chỉ quản lý rừng (FSC) tại các xã Minh Tiến, Đức Lương, Yên Lãng 1.521ha. Công tác giám sát, khai thác sử dụng rừng bảo đảm

¹ Báo cáo số 822 ngày 5/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Đại Từ năm 2024...

² Theo Báo Thái Nguyên ngày 3/4/2024.

³ Đây là chương trình quản lý cây xanh do Chi cục Kiểm lâm phối hợp với Viễn thông VNPT Thái Nguyên triển khai để thực hiện Chương trình *Trồng mới 1 tỷ cây xanh, giai đoạn 2021 - 2025* do Thủ tướng Chính phủ phát động.

theo quy định. Khối lượng gỗ khai thác đạt 48.130m³, trong đó gỗ chính phẩm là 43.252m³, gỗ củi là 4.878m³. Cập nhật nội nghiệp các biến động về diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 1364ha. Diện tích rừng che phủ trên địa bàn huyện giữ ổn định trên 46%.

Từ kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020, triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIV, Huyện ủy chỉ đạo xây dựng *Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Đại Từ giai đoạn 2021 - 2025*. Đề án được phê duyệt, ban hành ngày 21/1/2021. Đến hết năm 2021, căn cứ vào các văn bản của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh *Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*, trong đó điều chỉnh lộ trình, phấn đấu huyện Đại Từ đạt huyện nông thôn mới vào năm 2023.

Xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, toàn diện, lâu dài, là quá trình thực hiện thường xuyên, liên tục và không có điểm kết thúc; các đơn vị đạt chuẩn nông thôn mới cần tiếp tục duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiếp tục xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình đã đề ra, Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập Tổ công tác thực hiện *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng

thành viên và các cơ quan, đơn vị; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép chương trình, dự án trên địa bàn; cân đối phân bổ kinh phí để đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục theo kế hoạch; ưu tiên mọi nguồn lực cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và các công trình thực hiện huyện nông thôn mới.

Để hoàn thành mục tiêu đề ra, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề số 07 ngày 10/5/2023 về *xây dựng huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023*, Nghị quyết về *lãnh đạo thực hiện phong trào Mở rộng đường xóm 6m giai đoạn 2023 - 2025*, đồng thời tổ chức phát động đợt thi đua cao điểm *Đại Từ quyết tâm, chung sức xây dựng huyện nông thôn mới năm 2023*, được triển khai thực hiện từ ngày 1/1 đến ngày 31/12/2023. Với phương châm bám sát cơ sở, gần dân, sát dân, làm cùng nhân dân; hằng tháng vào ngày mùng một và thứ 7 tuần đầu tiên của tháng toàn thể cán bộ, công chức từ huyện, đến xã trực tiếp xuống xóm chung tay, góp sức cùng nhân dân lao động tình nguyện xây dựng nông thôn mới, tạo nên khí thế thi đua sôi nổi.

Với hàng loạt kế hoạch, biện pháp đồng bộ, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Đại Từ được tiếp tục chỉ đạo thực hiện với tinh thần quyết tâm cao và đạt nhiều kết quả quan trọng. Tổng

nguồn lực huy động xây dựng nông thôn mới trong nhiệm kỳ là 22.612 tỷ đồng. Các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới được huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả; tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu sản xuất, nâng cao thu nhập của người dân, làm thay đổi diện mạo nông thôn. Đặc biệt phong trào *Mở rộng đường xóm 6m giai đoạn 2023 - 2025* trở thành điểm sáng của huyện trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh¹. Trong cả nhiệm kỳ đã vận động nhân dân các dân tộc trong huyện hiến 53,61ha đất và nhiều tài sản trên đất với tổng giá trị trên 88,7 tỷ đồng. Toàn huyện đã giải phóng mặt bằng 299,36km đường giao thông các loại, tổ chức thi công 267,52km nền đường. Điểm nổi bật trong phong trào vận động hiến đất là tinh thần nêu gương của cán bộ, đảng viên, lãnh đạo các cấp đến từng hộ dân, nắm từng hoàn cảnh, tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, lắng nghe dân nói, nói dân hiểu, từ

¹ Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ - Báo cáo số 1056-BC/UBND trong nhiệm kỳ đã có thêm 9 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, ngày 29/11/2023: Tính riêng đợt phát động thi đua cao điểm năm 2023, toàn huyện đã tổ chức một đợt 11 đợt ra quân, huy động trên 219.483 lượt người tham gia (trong đó có 23.423 lượt thành viên các tổ công tác của huyện, cán bộ, công chức cấp xã, 196.061 lượt người dân tại 29 xã thị trấn), đã trồng được 24.966 cây xanh, chăm sóc được trên 118,9km các tuyến đường hoa, cây cảnh và cây xanh; phát dọn hành lang, chỉnh trang các tuyến đường được trên 3.478km, khơi thông được 535km mương, rãnh thoát nước; đắp 40km lề đường, lắp đặt 34km điện thấp sáng trên 38 tuyến đường, thu gom trên 463m³ rác thải, vận động nhân dân hiến là 29.014m² đất, mở 152,07km đường xóm rộng sáu mét, thi công nền đường được 109,85km, thi công mặt đường được 31,44km. Ước tính giá trị công trình và tài sản trên đất nhân dân đã hiến là 48,9 tỷ đồng.

đó tạo được niềm tin, sự đồng thuận của nhân dân. Tinh thần *Tiên phong gương mẫu đầu tàu dân theo* của cán bộ, đảng viên đã tạo nên sức lan tỏa rộng khắp. Kết quả, đến năm 2023 huyện Đại Từ được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, sớm một năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, ngày 15/2/2024 Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 74-KH/UBND về phát động đợt thi đua *Đại Từ quyết tâm chung sức xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao năm 2024*. Huyện tập trung chỉ đạo rà soát tiến độ thực hiện bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, ưu tiên bố trí nguồn lực cho 15 xã phấn đấu đạt tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao và các công trình để hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao năm 2024. Đến 2025, toàn huyện có 9 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Hạ tầng đô thị, diện mạo nông thôn đổi thay rõ nét; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt¹. Với sự quyết tâm chung sức, đồng lòng của Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân huyện Đại Từ trong xây dựng nông thôn mới, ngày 13/6/2025 Thủ tướng chính phủ đã ra Quyết định công nhận huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 và đang được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên trình Chủ tịch nước tặng

¹ Huyện ủy Đại Từ - Dự thảo lần thứ 3: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXV*.

thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trong phong trào thi đua “Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025.

Về sản xuất công nghiệp: Trong khi các đơn vị công nghiệp Trung ương và tỉnh đóng trên địa bàn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, do xung đột tại một số nước trên thế giới...lạm phát tăng cao ở một số quốc gia làm đứt gãy chuỗi cung ứng, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu thì công nghiệp địa phương của Đại Từ có bước phát triển khá. Đảng bộ huyện đã tập trung nhiều giải pháp cho phát triển của các đơn vị công nghiệp do huyện quản lý. Ủy ban nhân dân huyện chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Cụm công nghiệp Quân Chu, Cụm công nghiệp Cát Nê - Ký Phú (ngày 6/2/2024) với diện tích 118ha. Trong nhiệm kỳ, huyện đã thành lập mới 45 hợp tác xã, 10 làng nghề, đồng thời thực hiện tốt công tác khuyến công, hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn phát triển¹; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã mở rộng về quy mô, phát triển đa dạng về ngành nghề, sản phẩm... Nhờ đó, đến năm 2025 cùng với hàng chục sản phẩm chất lượng cao lưu thông trên thị trường, toàn huyện đã có 9 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp

¹ Trong nhiệm kỳ hỗ trợ 18 dự án, tổng kinh phí thực hiện 12,348 triệu đồng, trong đó nguồn kinh phí khuyến công tỉnh, huyện: 5.405 triệu đồng, vốn đối ứng đơn vị thụ hưởng: 6,943 triệu đồng.

huyện¹. Giá trị sản xuất công nghiệp của huyện giai đoạn 2020 - 2025 tăng bình quân 14,6%/năm. Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu tăng bình quân 8,9%/năm. Đây là kết quả tăng trưởng thực chất, thể hiện vai trò lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, sáng tạo, quyết liệt của Đảng bộ, chính quyền huyện Đại Từ trong nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Hoạt động du lịch của huyện có bước chuyển mạnh mẽ. Huyện đã xây dựng quy hoạch để thu hút các dự án phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và bền vững. Đầu năm 2023, Khu thể thao sân golf xã Tân Thái được khởi công xây dựng. Đây là dự án sân golf đầu tiên được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chấp thuận chủ trương đầu tư sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Dự án có diện tích 84,2ha, được thiết kế gồm các hạng mục: Sân golf 18 lỗ theo tiêu chuẩn quốc tế, nhà điều hành, công trình phụ trợ, cảnh quan cây xanh... với tổng mức đầu tư trên 500 tỷ đồng. Đồng thời, huyện tập trung phát triển du lịch văn hóa - lịch sử và du lịch sinh thái tại các khu vực dọc triền đông Vườn Quốc

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXV - 9 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện gồm: Trà tôm non cao cấp của Công ty TNHH MTV Hùng Thái; máy sao chè bằng điện công nghệ cao, máy vò chè Inox của Công ty TNHH Song Vũ Minh Thế; sản phẩm trà Bạch Long Hương và sản phẩm Thức đỉnh trà của HTX Chè Nhật Thức; sản phẩm trà xanh Bến Xuân của HTX Chè Hải Yến; sản phẩm Thanh Hải trà và Trà Đại Từ của HTX Chè La Bằng; sản phẩm Đinh Đinh trà của HTX Chè Sơn Thành.

gia Tam Đảo. Thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng điểm du lịch xã La Bằng, xã Hoàng Nông, đã xây dựng đưa vào hoạt động 2 điểm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Đầu tư hạ tầng giao thông để kết nối hình thành các tua, điểm du lịch trong và ngoài huyện. Đầu tư tôn tạo các điểm di tích lịch sử phục vụ du lịch. Bước đầu hình thành các sản phẩm du lịch của huyện như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch lịch sử tâm linh... Hằng năm, thu hút trên 300 nghìn lượt khách đến tham quan khu du lịch hồ Núi Cốc và các khu, điểm du lịch của huyện.

Mạng lưới cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ được đầu tư phát triển mở rộng, nhất là hệ thống siêu thị, cửa hàng buôn bán tiện ích tại trung tâm huyện và các xã, cơ bản đáp ứng nhu cầu đời sống của nhân dân. Đầu tư kết cấu hạ tầng chợ nông thôn đáp ứng tiêu chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao. Khuyến khích phát triển mạnh các dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ số, tín dụng ngân hàng, chăm sóc sức khỏe, viễn thông... Giá trị sản xuất ngành thương mại, dịch vụ chủ yếu đến năm 2025 đạt 1.418 tỷ đồng, tăng 523,8 tỷ đồng so với năm 2020.

Công tác quản lý và điều hành ngân sách được chỉ đạo thực hiện đảm bảo chủ động, tích cực và đúng quy định. Thu cân đối ngân sách nhà nước 5 năm (2021 - 2025) đạt 2.804 tỷ đồng; tăng bình quân 11%/năm. Thu ngân sách từ cấp quyền sử dụng đất đạt kết quả nổi bật,

tổng thu đạt 1.574,216 tỷ đồng, gấp 4,4 lần so với giai đoạn 2015 - 2020¹. Quản lý chi ngân sách chặt chẽ, hợp lý, tiết kiệm, tăng tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển. Đến năm 2025, Đại Từ có 3 đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên².

Huyện luôn quan tâm chỉ đạo thu hút các tổ chức tín dụng vào hoạt động trên địa bàn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nguồn vốn tín dụng đầu tư cho phát triển. Giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn có 5 chi nhánh ngân hàng Agribank, BIDV, VietinBank, ABBank, LPBank cùng hoạt động.

Năm 2025, tổng nguồn vốn tín dụng huy động đạt trên 6.250 tỷ đồng³. Tín dụng chính sách xã hội được đầu tư, quản lý, hoạt động ngày càng hiệu quả. Trong 5 năm ngân sách huyện đã bổ sung 14 tỷ đồng vào nguồn vốn thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các đối tượng chính sách.

Công tác lập và quản lý quy hoạch thu hút đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và thực hiện các tiêu chuẩn của đơn vị thị xã được ưu tiên đầu tư để

¹ Huyện ủy Đại Từ - Dự thảo lần thứ 3: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV - Sđd...

² Đó là các đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Ban Quản lý vệ sinh môi trường đô thị.

³ Huyện ủy Đại Từ - Dự thảo lần thứ 3: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV - Sđd...

đảm bảo tính định hướng và đồng bộ khi triển khai thực hiện. Trong nhiệm kỳ, Huyện ủy chỉ đạo lập, điều chỉnh 102 đồ án quy hoạch xây dựng, trong đó hoàn thành phê duyệt Quy hoạch vùng huyện Đại Từ đến năm 2040; Quy hoạch chung đô thị thị trấn Hùng Sơn, thị trấn Quân Chu; điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đối với 25 xã; Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, quy hoạch chi tiết khu đô thị, khu dân cư đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư các công trình, dự án trên địa bàn huyện.

Công tác thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bước đầu được triển khai đồng bộ, hiện đại đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội và tạo động lực cho sự phát triển. Tổng vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn giai đoạn 2020 - 2025 đạt 22.612 tỷ đồng, tăng 2,5 lần so với giai đoạn 2015 - 2020, vượt 0,5 lần mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Trong nhiệm kỳ đã triển khai 320 dự án đầu tư công với tổng vốn đầu tư trên 2.750 tỷ đồng¹; thu hút được 28 dự án đầu tư ngoài ngân sách, trong đó 14 dự án khu dân cư, đô thị; 14 dự án thuộc các lĩnh vực khoáng sản, may mặc, sân golf, cụm công

¹ Kết quả: Đầu tư xây dựng mới 9,1km đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc; mở rộng, nâng cấp đường tỉnh ĐT.261, ĐT.270; xây mới, cải tạo, nâng cấp 320km đường huyện, đường giao thông nông thôn; cải tạo, nâng cấp 105 trạm biến áp, trên 400km đường dây trung áp và hạ áp, đầu tư 236 phòng học, 22 công trình thủy lợi; đầu tư xây dựng sân vận động huyện, 11 trung tâm văn hóa xã và 152 nhà văn hóa xóm...

nghiệp với tổng số vốn đăng ký đầu tư 10.455 tỷ đồng, tăng 1,6 lần so với giai đoạn 2015 - 2020.

Việc xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xây dựng Đại Từ đạt tiêu chuẩn đô thị thị xã vào năm 2025 bước đầu đạt một số kết quả quan trọng. Đến năm 2025 huyện Đại Từ đạt 3/5 tiêu chuẩn đô thị thị xã, thực hiện 5/5 tiêu chí đô thị loại IV; hoàn thành tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp phường đối với thị trấn Hùng Sơn, thị trấn Quân Chu và xã Tiên Hội. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trung tâm huyện và trung tâm các xã, thị trấn. Các khu đô thị, khu dân cư được xây dựng đồng bộ theo quy hoạch, kết nối với hệ thống giao thông và các khu dân cư hiện có, tạo điểm nhấn đô thị, nông thôn mới với diện mạo ngày càng khang trang, hiện đại, là tiền đề quan trọng để định hình thị xã Đại Từ trong tương lai.

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản được tăng cường. Huyện đã hoàn thành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030; công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉ đạo chặt chẽ, đúng quy định, đáp ứng nhu cầu đất ở của nhân dân và phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tập trung giải quyết tốt các tồn tại trong công tác quản lý đất đai điển hình như thực hiện rà soát, xây dựng phương án sử dụng diện tích đất Ủy ban nhân dân tỉnh đã thu hồi của Công ty Cổ phần Chè Quân Chu, Công ty Lâm nghiệp Đại Từ.

Công tác vận động hiến đất, thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện các công trình, dự án được triển khai thực hiện với khối lượng lớn, đảm bảo tiến độ đề ra. Đến năm 2025, toàn huyện đã bồi thường, giải phóng mặt bằng 185 dự án, tổng diện tích đất thu hồi 311ha. Tổng diện tích đất nhân dân đã hiến là 156,24ha; giá trị đất, tài sản trên đất ước đạt 8.216,7 tỷ đồng.

Công tác chỉ đạo bảo vệ môi trường được tăng cường. Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường được đẩy mạnh. Việc lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng huyện và việc xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội được chú trọng. Việc phê duyệt hồ sơ bảo vệ môi trường trong đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được duy trì nghiêm. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường đã được phát hiện và xử lý theo quy định.

Cùng với những thành tựu về kinh tế, lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế cũng có những bước phát triển mới.

Hoạt động thông tin, truyền thông được tăng cường với nhiều hình thức phong phú, bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Hệ thống truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã, các nền tảng mạng xã hội... phát huy tốt hiệu quả hoạt động.

Các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh được ngành văn hóa, thể thao và du lịch quan tâm, phối hợp với huyện thường xuyên tu bổ, tôn tạo, sửa chữa, bảo quản định kỳ¹. Các giá trị văn hóa phi vật thể như Nghi lễ cấp sắc, Tết Nhảy của dân tộc Dao; Hát then đàn tính của dân tộc Tày - Nùng; Hát Soọng-co của dân tộc Sán Chay (Cao Lan - Sán Chí); Lễ hội Trà Đại Từ, Lễ hội Núi Văn - Núi Võ, Lễ hội Nghè (thị trấn Hùng Sơn), Lễ hội giã cối... được bảo tồn, phát huy phục vụ hiệu quả cho giáo dục truyền thống và hỗ trợ phát triển du lịch. Phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* đạt kết quả thiết thực. Phong trào văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi rộng khắp. Các thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cơ sở ngày càng hoàn thiện phục vụ tốt đời sống, sinh hoạt của nhân dân². Năm 2025, có 92% số gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, vượt 2% kế hoạch, 97% số xóm, tổ dân phố đạt khu dân cư văn hóa, vượt 11% chỉ tiêu, 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, vượt 2% chỉ tiêu.

¹ Tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia 27-7; Di tích Địa điểm thành lập Đội Thanh niên xung phong công tác Trung ương, xã Yên Lãng; Di tích Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng; Di tích Địa điểm trường dạy làm báo Huỳnh Thúc Kháng (năm 1949) xã Tân Thái

2 - Toàn huyện có 1 Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông với trên 500 chỗ ngồi, 1 nhà thi đấu thể thao với sức chứa trên 600 người, 7 sân tennis, 15 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, 16 bể bơi, 3 phòng tập yoga, gim, thể hình...; 29/29 xã, thị trấn có nhà văn hóa xã, 205 sân bóng chuyền, 250 sân cầu lông; 398/398 xóm, tổ dân phố có nhà văn hóa và khu thể thao đơn giản.

Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm chỉ đạo sát sao. Quy mô mạng lưới trường lớp được xây dựng, sắp xếp phù hợp, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh. Trong nhiệm kỳ huyện đã chỉ đạo sáp nhập 7 trường tiểu học và trung học cơ sở, giảm từ 96 trường xuống còn 89 trường. Công tác tuyển dụng viên chức ngành giáo dục được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm chất lượng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng tăng. Tỷ lệ huy động trẻ tuổi mẫu giáo đến lớp đạt 99,1%, vượt 0,3% kế hoạch. Chương trình phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 2 được duy trì thường xuyên; duy trì, giữ vững chất lượng 100% trường chuẩn quốc gia.

Chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo tiếp tục được nâng cao. Các nhà trường triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới; thực hiện tốt việc giáo dục toàn diện kết hợp xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh cho học sinh các cấp học. Công tác chuyển đổi số, xã hội hóa giáo dục, phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập phát huy tác dụng tích cực. Hằng năm, 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học, 100% học sinh lớp 9 tham dự kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở. Năm học 2023 - 2024, tham gia kỳ thi

chọn học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp tỉnh, học sinh toàn huyện đạt tổng số 95 giải thưởng. Cùng với giảng dạy, học tập văn hóa, các nhà trường còn triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục thể chất cho học sinh các cấp. Tham gia Hội khỏe Phù Đổng giai đoạn hai tỉnh Thái Nguyên năm học 2023 - 2024, học sinh các trường trong huyện giành 60 huy chương các loại (17 Huy chương Vàng, 21 Huy chương Bạc, 22 Huy chương Đồng); tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc nội dung điền kinh đạt 8 huy chương (3 Huy chương Vàng, 1 Huy chương Bạc, 4 Huy chương Đồng). Ngoài ra, ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm an toàn trường học.

Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, hoàn thiện. Chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập duy trì, nâng cao. Hoạt động y tế ngoài công lập được mở rộng, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân¹. Hoạt động y tế dự phòng, dân số và phát triển ngày càng hiệu quả. Huyện đã chỉ đạo quyết liệt công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh nguy hiểm ở người, đặc biệt là thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống đại dịch Covid-19 những năm 2020 - 2022. Triển khai hoàn thành các chỉ tiêu trong Chương trình chăm sóc sức khỏe Việt Nam giai đoạn

¹ Toàn huyện hiện có 30 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập (Bệnh viện Đa khoa Thủ Đô; phòng khám Đa khoa C-MEC, phòng khám Đa khoa Bảo Ngọc...).

2021 - 2025; nâng cao chất lượng Bộ tiêu chí quốc gia về y tế ở các xã. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo. Riêng trong năm 2024 cơ quan chức năng thẩm định cấp 62 giấy chứng nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra hoạt động của Ban chỉ đạo an toàn thực phẩm 6 xã, thị trấn, 8 bếp ăn bán trú, 45 cơ sở sản xuất kinh doanh chế biến thực phẩm, xử lý vi phạm hành chính 11 cơ sở với số tiền xử phạt 35,4 triệu đồng; buộc tiêu hủy hàng hóa trị giá 9,5 triệu đồng. Kiểm tra, thông báo thu hồi trên 200 sản phẩm thuốc và mỹ phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng. Tổ chức kiểm tra 18 cơ sở, xử phạt vi phạm hành chính 4 cơ sở với số tiền 16 triệu đồng¹.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ (*sửa đổi*) quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, đến năm 2024, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn đã đạt 98,5%. Từng bước triển khai dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

¹ Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ - Báo cáo số 822 ngày 5/11/ 2024: Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Đại Từ năm 2024 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

Triển khai các chính sách xã hội là một trong những nội dung quan trọng trong hệ thống chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước. Nhận thức rõ yêu cầu đó, các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung thực hiện hiệu quả *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025*, huy động sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư với phương châm *Không để ai bị bỏ lại phía sau*. Công tác hỗ trợ xây dựng nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo đạt kết quả nổi bật. Trong 5 năm toàn huyện đã hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho 657 hộ với tổng kinh phí trên 20 tỷ đồng. Đến ngày 31/3/2025, Đại Từ đã hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát, sớm hơn 3 tháng so với chỉ tiêu tỉnh giao. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm bình quân 1,53%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết 0,53%. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2023, huyện chỉ đạo thực hiện tốt chi trả trợ cấp cho 3.261 đối tượng người có công 6.632 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí trên 121 tỷ đồng, bảo đảm kịp thời đúng quy định. Năm 2024, tổ chức tặng 11.215 suất quà với kinh phí trên 4,6 tỷ đồng, trong đó tặng đối tượng người có công 7.248 suất với kinh phí trên 2,5 tỷ đồng, tặng hộ nghèo, cận nghèo 3.693 suất với kinh phí trên 2 tỷ đồng, đối tượng là trẻ em 215 suất

kinh phí 116 triệu đồng, đối tượng bảo trợ xã hội 59 suất kinh phí 28 triệu đồng.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm tiếp tục được chú trọng. Các cơ sở dạy nghề lựa chọn, tổ chức dạy nghề phù hợp với nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện; đẩy mạnh xuất khẩu lao động, nhất là lao động có trình độ tay nghề. Trong 5 năm đã giải quyết việc làm cho 20.192 người, đào tạo nghề cho 15.070 người.

Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm thường xuyên. Các chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc được triển khai đầy đủ, kịp thời. Thực hiện *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021- 2030*, giai đoạn I từ năm 2021 - 2025 mang lại hiệu quả thiết thực, hỗ trợ tích cực sản xuất, sinh hoạt, làm thay đổi diện mạo và nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Huyện chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn huyện cơ bản ổn định, đồng bào các tôn giáo tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia có hiệu quả các phong trào ở địa

phương, đặc biệt là chương trình xây dựng nông thôn mới, các hoạt động xã hội, từ thiện.

Hoạt động chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ được triển khai tích cực, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực quản lý, sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng cuộc sống. Một số mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đang được nhân rộng trên địa bàn huyện như mô hình hỗ trợ sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; chế biến chè sử dụng thiết bị công nghệ cao (máy sao chè bằng điện, ga; máy vò, máy đóng gói sản phẩm...); mô hình sản xuất sử dụng hệ thống tưới thông minh; mô hình trồng cây ăn quả; sản xuất bưởi hữu cơ. Công tác chuyển đổi số đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều hoạt động ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động trên địa bàn huyện được triển khai. Xây dựng, duy trì hoạt động mô hình chợ 4.0 tại 100% các chợ. Triển khai hiệu quả hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; đưa các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, đăng ký mã vùng trồng; các dịch vụ công trực tuyến và thanh toán phí, lệ phí trực tuyến... góp phần nâng cao hiệu quả, năng suất và cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nhận thức rõ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh nên trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ

phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, Đảng bộ luôn quan tâm đến công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Cơ quan quân sự chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện. Thực hiện nghiêm công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ, cháy rừng. Hoàn thành 100% chỉ tiêu công tác động viên, tuyển quân, tuyển sinh, bồi dưỡng, giáo dục quốc phòng, an ninh. Thực hiện có hiệu quả chính sách hậu phương quân đội, các phong trào thi đua quyết thắng, phong trào lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới. Công tác quy hoạch, xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ huyện đạt chất lượng tốt; hằng năm chỉ đạo diễn tập phòng thủ cấp xã đảm bảo an toàn, hiệu quả. Năm 2023, triển khai hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện.

An ninh chính trị được giữ vững, ổn định, nhất là an ninh chính trị nội bộ, an ninh nông thôn, an ninh văn hoá tư tưởng. Cơ quan công an chỉ đạo thực hiện tốt công tác nắm tình hình địa bàn, tổ chức truy quét các hội nhóm bất hợp pháp trên không gian mạng, ổ nhóm cờ bạc, trộm cắp. Nhờ đó, hoạt động tội phạm

được kiểm chế và từng bước đẩy lùi¹; nắm và giải quyết mâu thuẫn nội bộ nhân dân ngay từ cơ sở, không để xảy ra vụ việc đột xuất, bất ngờ, không có *điểm nóng* về an ninh chính trị. Phong trào *toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc* được phát triển sâu rộng, hình thành thế trận an ninh nhân dân vững chắc, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Công tác quản lý hành chính nhà nước về trật tự xã hội, chuyển đổi số, xây dựng và ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt kết quả tích cực. Hệ thống camera giám sát bảo đảm an ninh trật tự được lắp đặt, nhân rộng ngày càng phát huy hiệu quả². Công tác xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương được tăng cường; hoàn thành việc bố trí cán bộ theo lộ trình và xây dựng 100% trụ sở cho công an xã, thị trấn. Triển khai xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng.

Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và hiệu quả. Một số vụ án, vụ việc phức tạp, kéo dài nhiều năm được chỉ đạo giải quyết

¹ Hằng năm, tỷ lệ điều tra, khám phá án chung đạt trên 93% , vượt 185 kế hoạch; tỷ lệ giải quyết tin báo, tố giác tội phạm đạt trên 92%, vượt 2%. Tỷ lệ người nghiện được thực hiện các biện pháp cai nghiện hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone đạt trên 90%, vượt 10%. Tai nạn giao thông được kiểm chế, không xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng; không xảy ra cháy, nổ lớn, gây thiệt hại về người, tài sản.

² Đến cuối năm 2024, 100% các xã, thị trấn đã triển khai lắp đặt 398 camera công cộng giám sát bảo đảm an ninh trật tự.

dứt điểm. Thực hiện nghiêm việc kiểm soát, kê khai tài sản, thu nhập theo quy định; đảm bảo công khai, minh bạch hoạt động trên các lĩnh vực mua sắm tài sản công, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý tài chính, ngân sách, đất đai và công tác tổ chức cán bộ. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực như đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài chính, xây dựng cơ bản. Công tác tiếp dân, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, nghiêm túc, kịp thời; tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của các cơ quan hành chính các cấp đạt 100%¹. Đặc biệt, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý phản ánh, kiến nghị của nhân dân được nâng cao.

Quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực giữa huyện với các tổ chức, địa phương trong và ngoài nước, đối ngoại nhân dân được củng cố, tăng cường. Thực hiện có hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong việc thông tin, giới thiệu, quảng bá tiềm năng, lợi thế và sự phát triển của huyện Đại Từ.

¹ Tổng số lượt tiếp công dân: 7.233 lượt, số người được tiếp 7.625 người, bằng 7.233 vụ việc. Tổng số đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết đã nhận: 1.660 đơn, trong đó: Đơn khiếu nại: 35 đơn, đơn tố cáo: 7 đơn, đơn kiến nghị, phản ánh: 1.618 đơn; tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo đạt 100%.

Chỉ đạo làm tốt công tác gìn giữ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, công trình văn hóa gắn với hoạt động ngoại giao của đất nước, của tỉnh Thái Nguyên¹; đẩy mạnh tuyên truyền, thực hiện các thỏa thuận, văn bản hợp tác quốc tế tỉnh Thái Nguyên đã ký kết, góp phần củng cố, phát triển, mở rộng quan hệ hợp tác, kết nghĩa với các địa phương trong và ngoài nước. Thực hiện tốt công tác quản lý người nước ngoài đến làm việc trên địa bàn và công dân của huyện đi học tập, làm việc ở nước ngoài.

Công tác cải cách hành chính được thực hiện đồng bộ và hiệu quả. Trong 2 năm (2023 - 2024), huyện đã chủ động thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị hành chính cấp xã, xóm, tổ dân phố². Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp có văn hóa, đạo đức công vụ tốt, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm theo

¹ Di tích lịch sử quốc gia địa điểm Lễ nhận Quốc thư đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 1/9/1954); Di tích lịch sử địa điểm Đại sứ quán Liên Xô trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (năm 1954); các công trình thuộc Dự án xây dựng làng mới Semaul do tỉnh Gyeongsangbuk-do, Hàn Quốc tài trợ tại xã La Bằng; Công trình Trung tâm Văn hóa giáo dục tại xóm Thái Sơn, xã Tân Thái do Tập đoàn Vatech Networks Hàn Quốc tài trợ; Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Việt Ấn...

² Đến cuối năm 2024, toàn huyện còn 27 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 3 đơn vị hành chính so với đầu nhiệm kỳ (nhập xã Quân Chu vào thị trấn Quân Chu; xã Na Mao nhập 4 xóm vào xã Phú Cường, 3 xóm vào xã Phú Xuyên; nhập xã Vạn Thọ và xã Ký Phú thành xã Vạn Phú). Cấp xóm: Sáp nhập 47 xóm, tổ dân phố, còn 379 xóm, tổ dân phố, giảm 23 xóm, tổ dân phố so với đầu nhiệm kỳ. Đến cuối năm 2024, toàn huyện còn 95 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 7 đơn vị so với đầu nhiệm kỳ.

quy định. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chỉ đạo quyết liệt việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đặc biệt đã thực hiện tốt việc chuyển đổi số trong quản lý và điều hành; các chỉ số về cải cách hành chính được cải thiện rõ rệt: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) thuộc nhóm Khá; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS) thuộc nhóm Tốt; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đứng thứ 2/9 huyện, thành phố; chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) năm 2023 đứng thứ 3 toàn tỉnh.

Công tác thi đua khen thưởng được duy trì thường xuyên. Các phong trào thi đua được triển khai kịp thời, hiệu quả, động viên đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân hăng say lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Thành tích của các tầng lớp nhân dân Đại Từ được ghi nhận. Mỗi năm hàng trăm tập thể, hàng nghìn cá nhân được các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương khen thưởng. Riêng năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành 39 quyết định khen thưởng cho 687 lượt tập thể, 3.586 lượt cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước; biểu dương, khen thưởng 46 tập thể doanh nghiệp ngoài huyện có nhiều thành tích đóng góp trong chương trình *Tết vì người nghèo Xuân Giáp Thìn 2024*. Cũng trong 2 năm (2023 - 2024), huyện Đại Từ có 2 tập thể được tặng Cờ thi đua của Chính phủ, 8 tập thể được tặng Cờ thi đua Ủy

ban nhân dân tỉnh, 30 tập thể được tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, 25 tập thể, 28 hộ gia đình, 10 công nhân và 10 nông dân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen vì đạt thành tích xuất sắc trong các đợt, các phong trào thi đua do tỉnh phát động giai đoạn 2021 - 2025.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng hệ thống chính trị, trước hết là công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, coi đó là nhân tố có tính quyết định bảo đảm mọi thắng lợi của địa phương.

Công tác chính trị, tư tưởng có nhiều đổi mới trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Cùng với tổ chức học tập theo phương pháp truyền thống thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dư luận xã hội, các cấp ủy tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc triển khai quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bằng hình thức trực tuyến kết nối từ Trung ương, tỉnh, huyện đến điểm cầu cấp cơ sở. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động. Cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc trách nhiệm nêu gương; nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo

đức, lối sống và tác phong làm việc. Thông qua học tập có nhiều tập thể, cá nhân điển hình, gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực được tôn vinh, tạo sức lan tỏa tích cực trong xã hội¹. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, âm mưu *diễn biến hòa bình* của các thế lực thù địch được đặc biệt coi trọng. Công tác nắm bắt tình hình, đánh giá, phân tích, xử lý thông tin và định hướng dư luận xã hội ngày càng cao. Phát hiện, xử lý kịp thời các thông tin xấu, độc trên không gian mạng; thực hiện hiệu quả phương châm *Lấy cái đẹp, dẹp cái xấu; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực*.

Về công tác tổ chức, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo kiện toàn, xây dựng, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cấp ủy đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Bổ sung đội ngũ cán bộ khi có thay đổi về công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 thực hiện chủ trương đẩy mạnh luân chuyển cán bộ của tỉnh, đặc biệt là cán bộ chủ chốt cấp huyện. Tháng 4/2022, đồng chí Nguyễn Xuân Quang, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Tháng 6/2022, đồng chí Nguyễn Mạnh Hoạt, Ủy

¹ Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng cho 1 tập thể, 1 cá nhân; cấp tỉnh khen thưởng 4 tập thể và 4 cá nhân; cấp huyện đã khen thưởng cho 7 tập thể, 9 cá nhân tiêu biểu, điển hình trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy được giới thiệu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tháng 9/2023, đồng chí Nguyễn Quang Anh, Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên, đồng chí Nguyễn Nam Tiến được phân công giữ chức Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Tháng 2/2024, đồng chí Nguyễn Nam Tiến được Ban Chấp hành bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tháng 9/2024, đồng chí Phạm Duy Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Sông Công. Tháng 10/2024, đồng chí Nguyễn Thành Minh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hoạt, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Đến đầu năm 2025, Đảng bộ huyện có 47 tổ chức cơ sở Đảng, giảm 5 tổ chức cơ sở Đảng so với đầu nhiệm kỳ. Thông qua các kỳ đại hội, cấp ủy các chi bộ sắp xếp, phân công 397/398 bí thư chi bộ kiêm nhiệm

các chức danh ở xóm, tổ dân phố. Trong đó, 350 chi bộ xóm, tổ dân phố có bí thư chi bộ đồng thời là trưởng ban công tác Mặt trận, 17 chi bộ xóm có bí thư chi bộ đồng thời là trưởng xóm, 30 chi bộ xóm có bí thư chi bộ kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác. Đổi mới trong công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ nhất là chi bộ nông thôn, Ban Thường vụ Huyện ủy tiếp tục phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện theo dõi, nắm bắt tình hình cơ sở bằng việc thường xuyên tham dự sinh hoạt tại các chi bộ xóm, tổ dân phố hằng tháng hoặc sinh hoạt trên ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử. Việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên ngày càng thực chất.

Đội ngũ cán bộ cấp ủy huyện và cơ sở được tăng cường về số lượng, nâng cao về chất lượng, có phẩm chất chính trị vững vàng, trách nhiệm với công việc được giao, tin tưởng và chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Có ý thức tổ chức kỷ luật, cần kiệm, trung thực, gắn bó mật thiết với nhân dân được nhân dân tín nhiệm. Có năng lực, trình độ và sức khỏe làm việc đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ. Đoàn kết nội bộ, trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực công tác ngày càng được nâng lên.

Công tác phát triển Đảng được chú trọng, trong nhiệm kỳ Đảng bộ đã phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp

được 1.500 đảng viên, bằng 3,2% so với tổng số đảng viên của Đảng bộ đầu nhiệm kỳ, vượt 0,7% chỉ tiêu Đại hội. Công tác phát triển đảng viên trẻ được đặc biệt quan tâm với phương châm *Gieo hạt giống đỏ - Ươm mầm tài năng* Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kết luận số 62-KL/HU ngày 9/12/2020 về công tác phát triển đảng viên là học sinh ưu tú trong các trường trung học phổ thông, sau 5 năm triển khai thực hiện (2021 - 2024) các chi bộ trường trung học phổ thông đã rèn luyện, giới thiệu bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho 390 học sinh, kết nạp 56 học sinh ưu tú đang theo học tại các trường Trung học phổ thông Đại Từ, Nguyễn Huệ, Lưu Nhân Trú, Đội Cấn vào Đảng. Đây là những đảng viên trẻ, giàu tri thức và nhiệt huyết, là nguồn cán bộ kế cận chất lượng cao của Đảng trong tương lai.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành 2 quy chế, 2 quy định, 9 kế hoạch, nhiều kết luận, quyết định để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về công tác cán bộ cấp xã. Trọng tâm, xuyên suốt là Đề án số 02-ĐA/HU ngày 6/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, nhất là cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Việc

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã được triển khai thực hiện đồng bộ, chặt chẽ. Công tác đánh giá cán bộ được coi trọng. Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nền nếp, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện kịp thời. Việc điều động, luân chuyển cán bộ tiếp tục được thực hiện hiệu quả, trong nhiệm kỳ Đảng bộ đã kiện toàn bổ sung 7 ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; giới thiệu 278 cán bộ ứng cử bầu giữ các chức danh; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 152 cán bộ lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý; chỉ định bổ sung 109 cấp ủy viên cơ sở. Luân chuyển 21 cán bộ huyện về đảm nhiệm chức danh chủ chốt tại cơ sở; điều động 1 cán bộ cơ sở lên công tác tại huyện; luân chuyển ngang 91 cán bộ tại các đảng bộ xã, thị trấn. Việc thực hiện luân chuyển lãnh đạo các phòng, cơ quan thuộc huyện về làm cán bộ chủ chốt cấp xã, với mục đích tăng cường cán bộ cấp huyện về các xã còn yếu và thiếu cán bộ lãnh đạo chủ chốt để từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã vững mạnh về chất lượng và số lượng, việc điều động ngang giữa các xã, thị trấn, tạo ra khí thế mới, môi trường công tác mới để cán bộ được rèn luyện, trưởng thành và cống hiến.

Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và năng lực chuyên môn tạo nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai

đoạn 2021 - 2024 Đảng bộ huyện đã chỉ đạo tổ chức được 182 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 18.200 lượt học viên; chọn cử 55 đồng chí đi học cao cấp lý luận chính trị; phối hợp với Trường Chính trị tỉnh mở 4 lớp trung cấp lý luận chính trị, 4 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên tại huyện, cử 340 cán bộ đi học các lớp khoa học kỹ thuật hệ tập trung, hệ không tập trung. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng, chính sách cán bộ được thực hiện đầy đủ.

Cùng với công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ, Đảng bộ tích cực đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy chủ động hướng dẫn, chỉ đạo đối với cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện toàn diện, đồng bộ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng đảm bảo thận trọng, chặt chẽ, chính xác và nghiêm minh.

Công tác kiểm tra giám sát bảo đảm toàn diện, số tổ chức Đảng và đảng viên được kiểm tra, giám sát tăng so với nhiệm kỳ trước. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy công tác kiểm tra vừa có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng vào các vấn đề nổi cộm, phức tạp để phòng ngừa, phát hiện, xử lý, uốn nắn kịp thời những khuyết điểm, vi phạm, vừa chú trọng kiểm tra, giám sát đối với người đứng đầu và đảng viên là cấp ủy viên các cấp. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp chủ động xác định, tổ chức kiểm tra 25 tổ

chức Đảng, 84 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, tăng 177% về số tổ chức Đảng và 171% về số đảng viên so với nhiệm kỳ 2015 - 2020; tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, tố cáo liên quan đến tổ chức Đảng, đảng viên được kịp thời, đúng quy định. Thông qua kiểm tra, trong nhiệm kỳ cấp ủy các cấp đã phát hiện, chỉ đạo xử lý kỷ luật 183 đảng viên, trong đó có 29 trường hợp là cấp ủy viên các cấp. Việc xử lý bảo đảm nghiêm minh, đúng người, đúng việc. Kết quả kiểm tra, giám sát đã góp phần giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương trong Đảng bộ huyện.

Hệ thống dân vận từ huyện đến cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Nội dung, phương thức hoạt động của hệ thống dân vận sát với cơ sở, phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng thực hiện các dự án trên địa bàn huyện. Chất lượng công tác dân vận chính quyền được nâng cao. Toàn huyện đã xây dựng được 207 mô hình *dân vận khéo*, trong đó có 78 mô hình về kinh tế, 87 mô hình về văn hóa - xã hội, 33 mô hình về quốc phòng, an ninh, 9 mô hình về xây dựng hệ thống chính trị. Các cấp chính quyền đã thực hiện tốt phương châm *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*. Các cuộc vận động,

các phong trào thi đua yêu nước, nhất là thi đua xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, thi đua *Dân vận khéo* được triển khai sâu rộng và hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hoạt động tiếp xúc, đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với cán bộ, đảng viên và nhân dân được triển khai thường xuyên, đúng kế hoạch. Qua tiếp xúc, đối thoại cấp ủy, chính quyền các cấp kịp thời nắm bắt, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh tại cơ sở¹. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được tăng cường, vai trò của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, Ban Thanh tra nhân dân được phát huy tốt tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã ngày càng cao. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh được cụ thể hóa, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt nhiệm vụ của đại biểu dân cử. Công tác giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân về hoạt động của Ủy ban nhân dân trong giải quyết những kiến nghị của cử tri, quản lý nhà nước về đất đai, thực hiện

¹ Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã tổ chức được 133 cuộc tiếp xúc đối thoại, với tổng số 8.741 người tham gia, trong đó tiếp xúc định kỳ là 100 cuộc, tiếp xúc chuyên đề 33 cuộc.

chế độ chính sách, công tác bảo đảm an ninh trật tự... ngày càng đi vào thực chất, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục được đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành toàn diện các lĩnh vực, trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và cải cách hành chính. Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát, nhất là công tác quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, việc thực thi công vụ của bộ máy chính quyền cơ sở và cán bộ, công chức; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, doanh nhân; chỉ đạo quyết liệt việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư hoạt động trên địa bàn huyện.

Từ kết quả tập hợp, vận động nhân dân phát triển kinh tế - xã hội các nhiệm kỳ trước, triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành, triển khai Kế hoạch số 16-KH/HU ngày 8/7/2021 thực hiện Đề án số 05 ngày 9/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về *tăng cường công tác dân vận giai đoạn 2021 - 2025*. Về mặt tổ chức, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo củng cố Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thông qua các kỳ đại hội; chỉ đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm tăng cường trách nhiệm, vai trò nòng cốt chính trị trong xây dựng khối

đại đoàn kết toàn dân tộc; tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội hướng mạnh về cơ sở, về địa bàn dân cư; thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường đối ngoại nhân dân; xây dựng thể trận lòng dân, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận của nhân dân trong và ngoài nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, trong nhiệm kỳ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tổ chức được 65 hội nghị tiếp xúc đối thoại định kỳ và đột xuất (trong đó cấp huyện 6 cuộc, cấp xã 59 cuộc) giữa cấp ủy, chính quyền với 7.652 lượt cử tri toàn huyện. Ý kiến phản ánh, kiến nghị của cử tri liên quan đến các nội dung về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các chế độ chính sách bảo trợ xã hội, chính sách người có công, quy hoạch bồi thường giải phóng mặt bằng, giao thông, thủy lợi, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường... trên địa bàn huyện. Thông qua đối thoại cấp ủy, chính quyền các cấp đã kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn tạo mọi điều kiện cho người dân phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống.

Mặt trận và các đoàn thể còn thường xuyên quan tâm quán triệt triển khai chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ trong vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo. Các chức sắc, chức việc của các tôn giáo tích cực hướng dẫn tín đồ thực hiện tốt Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và các hoạt động nhân đạo, từ thiện... góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các phong trào thi đua yêu nước thường xuyên được phát động trong công nhân, viên chức, lao động. Phong trào thi đua: *Lao động giỏi, lao động sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; Học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động...* tiếp tục được duy trì. Phong trào thi đua *Lao động giỏi, lao động sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao* và phong trào *Phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới...* của các tổ chức Công đoàn mang lại hiệu quả thiết thực. Thông qua các phong trào thi đua, công nhân, viên chức, lao động ngày càng nâng cao ý thức làm chủ, tinh thần trách nhiệm và có những đóng góp to lớn vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương¹.

¹ Dự thảo lần thứ 3: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV - Sđd.

Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong huyện tập trung phát động cán bộ, hội viên thực hiện phong trào thi đua *Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới* có tri thức, có đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tiếp tục thực hiện cuộc vận động *Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*, triển khai *Hai khâu đột phá: Đổi mới phương thức hoạt động Hội, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin và Tập trung xây dựng cơ sở hội vững mạnh*. Phối hợp với Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên tuyên truyền thực hiện chính sách hậu phương quân đội, quan tâm các đối tượng: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, con liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, nạn nhân nhiễm chất độc da cam. Giai đoạn 2020 - 2025, toàn huyện đã trợ cấp xã hội hằng tháng cho 39.800 lượt đối tượng.

Hội Cựu chiến binh tiếp tục tăng cường tuyên truyền, giáo dục hội viên tích cực học tập, rèn luyện, giữ vững lập trường, tư tưởng cách mạng, xứng đáng là lực lượng đi đầu tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Các cấp Hội khuyến khích, động viên hội viên vượt khó vươn lên trong sản xuất, kinh doanh, tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đạt hiệu quả tốt; đồng thời phối hợp với các đoàn thể trong hệ thống chính trị thực hiện

tốt chính sách hậu phương quân đội và các chính sách xã hội khác.

Hội Nông dân phối hợp với các ngành tuyên truyền các văn kiện về quy chế dân chủ ở cơ sở cho hội viên nông dân; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh; tăng cường thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội; chủ động phối hợp với các ngành chức năng tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác hòa giải; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân cùng với việc đẩy mạnh các phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững, nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới. Hội Nông dân tổ chức các hoạt động chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật ứng dụng và phát triển sản xuất, vận động hội viên chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có được năng suất cao, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Phong trào thanh niên tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được các cấp bộ đoàn triển khai sâu rộng trong các tầng lớp thanh niên. *Phong trào tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh* có nhiều chuyển biến tích cực, với các nội dung tuyên truyền lối sống, nếp sống văn minh, ứng xử văn hóa. Các mô hình thanh niên xung kích giữ gìn an ninh trật tự; tình nguyện vệ sinh, trồng cây xanh bảo vệ môi trường được duy trì đều. Phong trào *Ba*

trách nhiệm đã được các cấp bộ đoàn cụ thể hóa, xây dựng một số mô hình mới. Trong đó, nổi bật là mô hình Ngày thứ bảy tình nguyện giải quyết các thủ tục hành chính của công chức, viên chức trẻ. Với tinh thần tương thân, tương ái *Không để ai bị bỏ lại phía sau* Đoàn Thanh niên các cấp tiếp tục làm tốt công phối hợp với các đoàn thể đào tạo nghề cho lao động trẻ; tặng nhà tình nghĩa, tặng quà các đối tượng xã hội nhân dịp lễ, Tết.

Phong trào xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được các cấp bộ đoàn triển khai ngày càng hiệu quả. Tổ chức đoàn các cấp đã phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên giáo dục cho đoàn viên vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ và dựng xây đất nước. Năm 2024, toàn huyện đã động viên 310 đoàn viên, thanh niên ưu tú lên đường bảo vệ Tổ quốc (trong đó, 280 thanh niên tham gia quân đội, 30 thanh niên tham gia lực lượng công an). Triển khai chương trình *Đồng hành với thanh niên trong học tập* và nhiệm vụ giáo dục thiếu niên, nhi đồng, các cấp bộ đoàn đã tích cực, chủ động phối hợp với ngành giáo dục tham gia xây dựng môi trường học đường lành mạnh, trường học thân thiện - học sinh tích cực, tạo môi trường rèn luyện, thi đua học tốt cho học sinh, tổ chức các hoạt động hè cho thiếu nhi, học sinh vui tươi, bổ ích, an toàn. Từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lan rộng, các cấp đoàn,

đội đã linh hoạt đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, phù hợp với diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh. Đoàn viên, thanh niên trong huyện còn là lực lượng tiên phong trong ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, các nền tảng số trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng tổ chức đoàn ngày càng vững mạnh

Tóm lại, trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV (nhiệm kỳ 2020 - 2025) cấp ủy, chính quyền các cấp vận dụng sáng tạo nghị quyết, chỉ thị của cấp trên vào điều kiện cụ thể của địa phương, giành được những thành tích to lớn, quan trọng. Kinh tế của huyện tiếp tục phát triển. Trong đó, kinh tế công nghiệp phát triển khá. Sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều khởi sắc. Đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh. Các loại cây trồng là thế mạnh của huyện được đầu tư, phát triển. Hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới cấp huyện năm 2023, sớm một năm so với Nghị quyết Đại hội. Năm 2024, huyện tiếp tục xây dựng, hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao. Công tác lập và quản lý quy hoạch, giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư đạt kết quả cao, tạo nguồn lực, điều kiện để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, mở rộng không gian đô thị, cơ bản hoàn thành các tiêu chí của thị xã trực thuộc tỉnh. Ngành du lịch có bước chuyển mạnh mẽ, từng bước góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa du lịch trở thành

ngành kinh tế quan trọng của huyện. Công tác an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống của đại bộ phận nhân dân được nâng lên. Quốc phòng được củng cố vững chắc, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Công tác xây dựng Đảng được tăng cường cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Kế hoạch sắp xếp, tổ chức các tổ chức Đảng, các đơn vị hành chính đạt kết quả tích cực. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc. Hoạt động của bộ máy chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng chất lượng, hiệu quả.

Những thành tựu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện được các cấp, các ngành ghi nhận bằng nhiều phần thưởng cao quý. Đặc biệt năm 2022, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 vẫn còn những hạn chế, thiếu sót. Về kinh tế, chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp chưa đạt mục tiêu đề ra. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của huyện. Công tác quản lý đất đai, khoáng sản, môi trường ở một số cơ sở có mặt còn hạn chế. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn gặp nhiều khó

khăn. Trong phát triển nông nghiệp chưa có nhiều mô hình, cơ sở ứng dụng công nghệ cao; công tác dồn điền, đổi thửa chưa đạt kế hoạch đề ra; khai thác giá trị cây chè chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh. Phát triển du lịch đã có chuyển biến tích cực, tuy nhiên chưa có nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn, chất lượng dịch vụ du lịch chưa được chuyên nghiệp.

Trong công tác xây dựng Đảng, chất lượng sinh hoạt ở một số cấp ủy, chi bộ còn hạn chế. Còn có cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật Đảng. Hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số đơn vị cơ sở chưa đạt hiệu quả cao.

Những hạn chế, yếu kém kể trên trước hết là do những bất lợi khách quan như: Tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, đại dịch Covid-19 gây nên tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu; giá cả hàng hóa, nguyên liệu, thị trường bất động sản biến động mạnh... đã ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Cơ chế, chính sách của Trung ương trên một số lĩnh vực chưa đồng bộ (đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch, khoáng sản, môi trường...). Việc chuyển dịch của lao động phổ thông vào các nhà máy, khu công nghiệp dẫn đến thiếu hụt lao động nông thôn. Về chủ quan: Một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ sở chưa tích cực đổi mới lề lối, phương pháp làm việc. Chất lượng tham mưu của một số cơ quan, đơn vị còn

hạn chế, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, đoàn thể của huyện và các xã, thị trấn có việc chưa chặt chẽ và hiệu quả. Năng lực, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Cơ chế chính sách kêu gọi thu hút đầu tư chưa phát huy kịp thời trong xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở.

Từ đầu năm 2025, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Đại Từ triển khai thực hiện tốt Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) *Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*. Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo các Đảng bộ trực thuộc làm tốt công tác chính trị tư tưởng, lãnh đạo, chỉ đạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ; lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể chính trị - xã hội huyện triển khai nhanh, gọn việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã trong tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp. Sau sắp xếp từ 27 đơn vị xã, thị trấn toàn huyện sẽ rút gọn lại còn 9 đơn vị hành chính cấp xã.

Công việc phía trước còn nhiều, cùng lúc phải triển khai nhiều việc lớn, vừa sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, vừa tăng tốc bứt phá phát triển kinh tế và chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Dù còn nhiều khó khăn, thiếu sót nhưng những kết quả Đảng bộ Đại Từ đạt được trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 đều là những kinh nghiệm quý, tạo nền tảng vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trên địa bàn vững bước đi lên trong những chặng đường mới.

KẾT LUẬN

Kể từ khi cơ sở Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên ra đời tại xã La Bằng, huyện Đại Từ (năm 1936), đến nay đã 89 năm. Đầu năm 1946, Đảng bộ huyện Đại Từ được thành lập, đến nay cũng đã tròn 79 năm lãnh đạo nhân dân các dân tộc địa phương vượt qua nghìn trùng khó khăn, gian khổ, hy sinh, giành nhiều thắng lợi vẻ vang.

Cơ sở Đảng La Bằng ra đời, do gặp nhiều khó khăn nên phát triển chậm, ít có ảnh hưởng đến phong trào cách mạng trong huyện, trong tỉnh. Tuy vậy, các đảng viên ở La Bằng cũng đã dũng cảm vượt qua sự truy bức của địch, vận động, tập hợp được quần chúng trong các hội Ái hữu, Tương tế để qua đó mà giáo dục lòng yêu nước, ý thức về quyền dân chủ, dân sinh.

Từ khi Cứu quốc quân mở rộng hoạt động sang đất Đại Từ (cuối năm 1941), người dân Đại Từ nhiệt tình ủng hộ, tham gia Cứu quốc quân, tổ chức Việt Minh và đội tự vệ chiến đấu được thành lập khắp các xã, phong trào cách mạng phát triển mạnh. Huyện Đại Từ đã trở thành một bộ phận của Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc. Đến tháng 4/1945, có sự lãnh đạo của chỉ huy Cứu quốc quân, các cán bộ Trung ương cử về hoạt động trong huyện và sự phối hợp của Cứu quốc quân, đội du kích Cao Sơn, tự vệ và quần chúng đã khởi nghĩa đập tan bộ máy chính quyền tay sai phát xít Nhật các cấp trong huyện, thành lập chính quyền cách mạng ở tất cả các xã và huyện Đại Từ.

Đầu năm 1946, Đảng bộ huyện Đại Từ thành lập, nắm vai trò lãnh đạo nhân dân các địa phương trong huyện nhanh chóng vượt qua nạn đói, hăng hái diệt *Giặc đói*, chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong thời kỳ toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), huyện Đại Từ được Trung ương Đảng, Chính phủ chọn, xây dựng thành vùng ATK trong An toàn khu (ATK) Trung ương. Các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Tổng Chỉ huy (Bộ Tổng Tư lệnh quân đội); Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Trung ương từng ở Đại Từ để lãnh đạo cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Suốt trong những năm tháng kháng chiến đầy gian khổ, gian lao đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện, với lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần anh dũng chống ngoại xâm, niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã hăng hái lao động sản xuất, đóng góp nhiều lúa gạo, động viên nhiều thanh niên tham gia quân đội, chiến đấu ngoan cường bảo vệ ATK, đóng góp to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), Đảng bộ huyện Đại Từ đã phát triển lớn mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện, vừa sản xuất giỏi, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu giỏi; xây dựng hậu phương vững mạnh, đóng góp nhiều sức người, sức của chi viện cho

tiền tuyến lớn miền Nam, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày đất nước thống nhất, Đảng bộ và nhân dân huyện Đại Từ cùng cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn này, Đảng bộ đã vững vàng lãnh đạo toàn dân vượt qua mọi khó khăn gay gắt, làm tốt công tác củng cố, xây dựng, đổi mới quản lý, hoạt động của các hợp tác xã, phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, từng bước tháo gỡ khó khăn, phát triển kinh tế - xã hội; giữ vững an ninh trật tự, tiếp tục đóng góp to lớn vào thắng lợi của đất nước trong cuộc chiến tranh chống quân xâm lược ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa do Đảng ta khởi xướng, tổ chức và lãnh đạo, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, Đảng bộ huyện Đại Từ không ngừng tăng cường đoàn kết, thống nhất, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Tỉnh ủy vào thực tế địa phương, đã tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện vượt qua mọi khó khăn, thách thức; phát huy cao độ mọi tiềm năng, nội lực; nỗ lực phấn đấu đưa kinh tế Đại Từ liên tục phát triển nhanh, lớn mạnh, bền vững; toàn bộ các xã, thị trấn trong huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới; Đại Từ được công nhận là huyện nông thôn mới, đời sống vật chất và tinh thần của nhân

dân được nâng cao. Huyện Đại Từ đã có sự đổi mới toàn diện, ngày càng giàu đẹp.

Những thành tựu trong gần 90 năm đấu tranh cách mạng, kháng chiến chống ngoại xâm, xây dựng quê hương của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ vô cùng to lớn, vẻ vang, thực sự là những trang sử vàng trong lịch sử hàng nghìn năm của vùng đất Đại Từ. Từ thực tiễn hoạt động gần 90 năm đó, Đảng bộ huyện Đại Từ đã đúc rút thành những kinh nghiệm quý, những bài học kinh nghiệm có giá trị lịch sử sâu sắc, mong muốn để lại cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Một là: Quán triệt sâu sắc quan điểm *dân là gốc*, chú trọng bồi dưỡng sức dân, tăng cường gắn bó mật thiết giữa tổ chức đảng và nhân dân.

Lòng dân, sức dân là một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất đưa tới sự thành công hay thất bại trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển của Đảng bộ huyện. Từ đó, Đảng bộ huyện Đại Từ đã luôn chú trọng tới việc đưa ra các chủ trương, chính sách tạo được sự đồng lòng, hưởng ứng trong nhân dân. Để làm được điều đó, trước hết, cán bộ lãnh đạo cần luôn gần gũi, gắn bó mật thiết, lắng nghe và thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân trong huyện. Các cán bộ, đảng viên phải là tấm gương cho quần chúng noi theo. Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, Đảng bộ huyện cần quan tâm khuyến khích, động viên nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, khai thác các tiềm năng trong dân đi

đôi với chú trọng bồi dưỡng sức dân, nhất là nâng cao dân trí và sức khỏe cho nhân dân.

Hai là: Tăng cường, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên đi đôi với xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Để tạo lòng tin trong nhân dân, trước hết, Đảng bộ huyện cần quan tâm tạo ra sự đoàn kết trong Đảng bộ, trong đó sự đồng thuận trong đội ngũ lãnh đạo chủ chốt là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Bên cạnh đó, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy cần thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên, kịp thời xem xét kỷ luật những đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, giữ vững sự trong sạch vững mạnh của tổ chức Đảng cơ sở.

Trong quá trình hình thành và phát triển tổ chức, ở những thời điểm khó khăn nhất, Đảng bộ huyện vẫn chỉ đạo công việc cấp thiết đầu tiên là nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng. Bài học về việc giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng cũng như nêu cao tính tổ chức, kỷ luật, trung thực, thẳng thắn và cái tâm của người cộng sản đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng bộ Đại Từ cần chú trọng hơn nữa tới công tác đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn cho cán bộ, đảng viên. Cán bộ chủ chốt trong Đảng bộ huyện phải có khả năng quy tụ sức mạnh tổng hợp, phát huy trí tuệ của tập thể cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Trong công tác tạo nguồn, Đảng bộ huyện cần chú trọng phát triển nguồn cán bộ trẻ, chất lượng cao.

Ba là: Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của huyện trong từng giai đoạn nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện.

Qua quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng, Đảng bộ huyện luôn quán triệt một cách sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, xác định nhiệm vụ trọng tâm của mỗi thời kỳ, tập trung cao độ trí lực của toàn Đảng bộ và nhân dân, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra. Từ khi thành lập năm 1946, Đảng bộ huyện đã huy động được đông đảo cán bộ và nhân dân tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất để từng bước đẩy lùi nghèo đói, góp sức chống lại kẻ thù xâm lược, thay đổi diện mạo quê hương từng ngày. Trong quá trình Đại Từ cùng cả nước bước vào công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, Đảng bộ huyện cần không ngừng tìm tòi, vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng vào đặc điểm, tình hình cụ thể của địa phương, không rập khuôn, máy móc, giáo điều. Đảng bộ huyện cần xác định thế mạnh phát triển kinh tế của từng khu vực trong huyện để đưa ra các chỉ tiêu, chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm tận dụng và phát huy tối đa tiềm năng sẵn có về mặt tự nhiên của một huyện miền núi của Thái Nguyên.

Bốn là: Tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, đồng thời phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý xã hội.

Từ khi thành lập đến nay, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã không ngừng đổi mới, cải tiến phương pháp làm việc, đưa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân vào cuộc sống và phù hợp với thực tế địa phương. Mặt trận Tổ quốc huyện phát huy vai trò trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân, là cơ quan tham mưu đắc lực cho tổ chức Đảng và chính quyền địa phương. Trong khi đó, các đoàn thể quần chúng giữ vai trò tiên phong trong việc vận động nhân dân trên địa bàn huyện tham gia các phong trào thi đua yêu nước, lao động sản xuất và văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Trong mỗi thời điểm cụ thể, vai trò, chức năng của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng được phân định rõ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và tính chủ động, tích cực của mỗi tổ chức.

Năm là: Chủ động, kịp thời tham mưu, đề xuất với tỉnh các chủ trương, định hướng phát triển huyện Đại Từ trong từng giai đoạn lịch sử, phù hợp với thực tiễn, tranh thủ được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; sự phối hợp của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển huyện. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết và các nhiệm vụ lớn của Đảng bộ có sự đổi mới, sáng tạo, chủ động và quyết tâm cao; tạo được sự đoàn kết, thống nhất, thông suốt, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và nhân dân.

Phát huy tốt trí tuệ tập thể và cá nhân, nhất là vai trò người đứng đầu. Đề cao, phát huy tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực trong nhân dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp, đồng hành cùng nhân dân và cơ sở thực hiện các nhiệm vụ vì mục tiêu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Trong nhiều thập kỷ qua, với tinh thần đoàn kết, đổi mới, sáng tạo; kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã phát huy kinh nghiệm quý báu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khai thác tiềm năng sẵn có, huy động hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; những thành tựu to lớn mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Đại Từ đã đạt được trong 89 năm qua, là động lực, tiền đề, nền móng vững chắc để thực hiện thắng lợi chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp, xây dựng Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã tinh gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, vì nhân dân phục vụ, cùng với nhân dân cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, xây dựng nước Việt Nam phồn vinh hạnh phúc, sánh vai với các cường quốc năm châu như lời Di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

PHỤ LỤC

CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

<i>Stt</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Thời kỳ</i>
1	Huyện Đại Từ	Kháng chiến chống thực dân Pháp
2	Huyện Đại Từ	Thời kỳ đổi mới
3	Xã Cù Vân	Kháng chiến chống thực dân Pháp
4	Xã Yên Lãng	Kháng chiến chống thực dân Pháp
5	Xã Hùng Sơn	Kháng chiến chống thực dân Pháp
6	Xã La Bằng	Kháng chiến chống thực dân Pháp
7	Xã Lục Ba	Kháng chiến chống thực dân Pháp
8	Xã Mỹ Yên	Kháng chiến chống thực dân Pháp
9	Xã An Khánh	Kháng chiến chống thực dân Pháp
10	Xã Quân Chu	Kháng chiến chống thực dân Pháp
11	Xã Bản Ngoại	Kháng chiến chống thực dân Pháp
12	Xã Minh Tiến	Kháng chiến chống thực dân Pháp
13	Xã Văn Yên	Kháng chiến chống thực dân Pháp
14	Xã Hà Thượng	Kháng chiến chống đế quốc Mỹ

**CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ VÙNG AN TOÀN KHU,
XÃ AN TOÀN KHU (ATK)**

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

<i>Stt</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Quyết định</i>
1	Huyện Đại Từ được công nhận là vùng an toàn khu	Số 790/QĐ-TTg ngày 26/6/219 của Thủ tướng Chính phủ
2	Xã Yên Lãng	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
3	Xã La Bằng	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
4	Xã Phú Cường	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
5	Xã Bản Ngoại	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
6	Xã Mỹ Yên	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
7	Xã Minh Tiến	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
8	Xã Phúc Lương	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
9	Xã Đức Lương	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
10	Xã Phú Xuyên	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
11	Xã Hoàng Nông	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
12	Xã Khôi Kỳ	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
13	Xã Phú Thịnh	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
14	Xã Quân Chu	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
15	Xã Cát Nê	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
16	Xã Na Mao	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
17	Xã Phục Linh	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
18	Xã Tân Linh	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
19	Xã Hà Thượng	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
20	Xã Tiên Hội	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
21	Xã Phú Lạc	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
22	Xã Hùng Sơn	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
23	Xã Ký Phú	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011

24	Xã Lục Ba	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
25	Thị trấn Đại Từ	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
26	Thị trấn Quân Chu	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
27	Xã An Khánh	Số 790/QĐ-TTg ngày 26/6/2019
28	Xã Cù Vân	Số 790/QĐ-TTg ngày 26/6/2019
29	Xã Văn Yên	Số 790/QĐ-TTg ngày 26/6/2019

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HUYỆN ĐẠI TỪ

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm Sinh</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Địa chỉ thường trú</i>	<i>Ghi chú</i>
Mẹ Việt Nam anh hùng được truy tặng hoặc phong tặng đã từ trần					
1	Hoàng Thị Chí	1930	xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 886/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
2	Vũ Thị Cã	1924	xã Liên Hòa, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 886/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
3	Đào Thị Mùi	1924	Thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2394/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
4	Nguyễn Thị Thảo	1921	xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
5	Nguyễn Thị Khen	1918	xã Mộc Nha, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ-CTN ngày 26/9/2014
6	Ma Thị Lạc	1919	xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
7	Lê Thị Tuất	1910	xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014

8	Đặng Thị Bắc	1910	xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
9	Nguyễn Thị Sửu	1900	Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Tây	xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
10	Nông Thị Cúc	1914	xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
11	Dương Thị Khang	1916	xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
12	Hoàng Thị Minh	1911	xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
13	Hoàng Thị Nguyệt	1917	xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
14	Nông Thị Hải	1912	xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
15	Lương Thị Trang	1915	xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
16	Bùi Thị Lâm	1915	Trọng Quang, Đông Hưng, Thái Bình	xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
17	Đồng Thị Vinh	1917	xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
18	Nguyễn Thị Nhất	1900	xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
19	Nguyễn Thị Mùi	1884	xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
20	Trần Thị Cỏn	1906	Tân Khánh, Phú Bình, Thái Nguyên	xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014

21	Nguyễn Thị Yên	1924	Đông Trì, Thái Bình	xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
22	Nguyễn Thị Thu	1907	Vĩnh Tường, Vĩnh Phú	xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
23	Đỗ Thị Nhõ	1902	xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
24	Lộc Thị Lịch	1908	xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
25	Vũ Thị Cừu	1922	Thụy Duyên, Thái Thụy, Thái Bình	xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
26	Phạm Thị Đào	1909	Thanh Miện, Hải Dương	TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
27	Dương Thị Ấm	1920	xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
28	Nguyễn Thị Sự	1911	xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
29	Triệu Thị Hồng	1899	Trần Ninh, Văn Quan, Lạng Sơn	xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
30	Nguyễn Thị Quý	1917	Mỹ Lộc, Hà Nam Ninh	xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
31	Lý Thị Thèn	1917	Tràng Định, Lạng Sơn	xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
32	Hoàng Thị Vinh	1905	Văn Lãng, Lạng Sơn	xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ- CTN ngày 26/9/2014
33	Ngô Thị Chén	1910	Na Mao, Đại Từ, Thái Nguyên	Na Mao, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ-CTN ngày 26/9/2014

34	Trần Thị Hoà	1930	Tân Thái, Đại Từ, Thái Nguyên	Tân Thái, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 2395/QĐ-CTN ngày 26/9/2014
35	Vũ Thị Chi	1921	Trúc Đạo, Trúc Ninh, Nam Định	Cát Nê, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 2394/QĐ-CTN ngày 26/9/2014
36	Phạm Thị Hợi	1921	Trúc Cát, Trúc Ninh, Nam Định	Tiên Hội, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 2394/QĐ-CTN ngày 26/9/2014
37	Nguyễn Thị Hồng	1912	Trúc Ninh, Nam Định	Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
38	Lê Thị Cỏn	1884	Phúc Xá, Hà Nội	Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
39	Trần Thị Tèo	1911	Mình Hưng, Kiến Xương, Thái Bình	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
40	Trần Thị Sửu	1923	Trúc Hải, Trúc Ninh, Nam Định	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
41	Vũ Thị Phòng	1925	Yên Lương, Ý Yên, Nam Định	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
42	Dương Thị Nụ	1912	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
43	Hoàng Thị Tý	1910	Liên Phương, Tiên Lữ, Hưng Yên	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
44	Phạm Thị Lan	1915	Ân Thi, Hưng Yên	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
45	Trần Thị Tẩy	1930	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Tây	Phú Lạc, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
46	Phạm Thị Niệm (Phạm Thị Miện)	1924	Nam Hồng, Tiền Hải, Thái Bình	Văn Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
47	Tạ Thị Thuận	1916	Nam Hồng, Tiền Hải, Thái Bình	Văn Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
48	Hoàng Thị San	1920	Vạn Thọ, Đại Từ, Thái Nguyên	Ký Phú, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
49	Chu Thị Thung (Nhưng)	1919	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
50	Hoàng Thị Ngọc	1920	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
51	Bế Thị Tắc	1912	Phục Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	Hà Thượng, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
52	Nguyễn Thị Lịch	1923	Đình Xá, Bình Lục, Hà Nam	Bản Ngoại, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015

53	Lộc Thị Thụ	1913	Đức Lương, Đại Tù, Thái Nguyên	Đức Lương, Đại Tù, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
54	Trần Thị Tươi	1922	Tràng An, Bình Lục, Hà Nam	Tân Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
55	Lý Thị Lược	1915	Phúc Lương, Đại Tù, Thái Nguyên	Phúc Lương, Đại Tù, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
56	Nguyễn Thị Nụ	1919	Quốc Oai, Hà Nội	Cát Nê, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
57	Nguyễn Thị Luân	1912	Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TT Quân Chu, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
58	Nguyễn Thị Gái	1924	Xuân Thượng, Xuân Trường, Nam Định	Phú Lạc, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 1196/QĐ-CTN ngày 18/6/2015
59	Nguyễn Thị Mỹ	1920	Tam Đảo, Vĩnh Phúc	Bản Ngoại, Đại Tù, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
60	Trần Thị Thuận	1861	Minh Hưng, Kiến Xương, Thái Bình	Bản Ngoại, Đại Tù, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
61	Nguyễn Thị Hàn	1900	Phú Xuyên, Đại Tù, Thái Nguyên	Phú Xuyên, Đại Tù, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
62	Bùi Thị Nhỡ	1911	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
63	Hoàng Thị Ty	1904	Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
64	Trần Thị Vòng	1919	An Khánh, Đại Tù, Thái Nguyên	An Khánh, Đại Tù, Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
65	Lê Thị Cài	1918	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 885/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
66	Nguyễn Thị Gái	1920	Kim Thành, Hải Dương	TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	tại QĐ 886/QĐ-CTN ngày 18/5/2015
67	Văn Thị Tý	1908	Nam Cao, Kiến Xương, Thái Bình	TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 353/QĐ-CTN ngày 25/2/2016
68	Trần Thị Vân	1922	Xuân Trường, Giao Thủy, Nam Định	Yên Lãng, Đại Tù, Thái Nguyên	Tại QĐ 353/QĐ-CTN ngày 25/2/2016

69	Trịnh Thị Tươi	1918	Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định	Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 353/QĐ-CTN ngày 25/2/2016
70	Trần Thị Vàng	1920	Thanh Tân, Kiến Xương, Thái Bình	An Khánh, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 353/QĐ-CTN ngày 25/2/2016
71	Vũ Thị Gái	1906	Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định	Lục Ba, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 394/KT-CTN ngày 17/12/1994
72	Nguyễn Thị Ngẩn	1922	Kiến Xương, Thái Bình	Lục Ba, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 394/KT-CTN ngày 17/12/1994
73	Trần Thị Tự	1926	Lục Ba, Đại Từ, Thái Nguyên	Lục Ba, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 394/KT-CTN ngày 17/12/1994
74	Lương Thị Nhất	1913	Phục Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	Phục Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
75	Trần Thị Lai	1916	Na Mao, Đại Từ, Thái Nguyên	Minh Tiến, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
76	Đình Thị Ninh (Trần Thái Ninh)	1910	Hùng Sơn, Đại Từ, Thái Nguyên	TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
77	Nguyễn Thị Ngọt	1912	Hùng Sơn, Đại Từ, Thái Nguyên	TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
78	Nguyễn Thị Xuân	1906	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
79	Nguyễn Thị Năm	1917	Tiên Hội, Đại Từ, Thái Nguyên	Bản Ngoại, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
80	Phạm Thị Mầu	1918	Xuân Thủy, Nam Định	TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
81	Nguyễn Thị Thanh	1911	An Lợi, Ý Yên, Nam Định	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
82	Nguyễn Thị Gái	1911	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
83	Nguyễn Thị Lai	1912	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
84	Nguyễn Thị Chắt (Nguyễn Thị Lộc)	1914	Na Mao, Đại Từ, Thái Nguyên	Na Mao, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995
85	Nguyễn Thị Lai	1913	Hải Dương	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995

86	Dương Thị Tú	1908	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 841/KT-CTN ngày 24/4/1996
87	Nguyễn Thị Viêt	1910	Sơn Dương, Tuyên Quang	Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 841/KT-CTN ngày 24/4/1996
88	Hoàng Thị Đẹt	1912	Lê Lợi, Kiến Xương, Thái Bình	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 841/KT-CTN ngày 24/4/1996
89	Vi Thị Ly	1905	Lạng Sơn	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 841/KT-CTN ngày 24/4/1996
90	Nguyễn Thị Lĩnh	1898	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 841/KT-CTN ngày 24/4/1996
91	Đình Thị Bé	1918	Vũ Thắng, Vũ Thư, Thái Bình	Phục Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 841/KT-CTN ngày 24/4/1996
92	Lê Thị Mạc	1917	Lam Sơn, Hưng Yên	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 841/KT-CTN ngày 24/4/1996
93	Ngô Thị Chất	1906	Vũ Thắng, Kiến Xương, Thái Bình	Phục Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 841/KT-CTN ngày 24/4/1996
94	Dương Thị Lễ	1914	Sơn Cẩm, Phú Lương, Thái Nguyên	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 841/KT-CTN ngày 24/4/1996
95	Lê Thị Thêm	1926	Trung Lương, Bình Lục, Hà Nam	Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 908/QĐ-CTN ngày 17/12/2002
96	Lê Thị Vo	1919	Tiên Phong, Duy Tiên, Hà Nam	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 908/QĐ-CTN ngày 17/12/2002
97	Triệu Thị Bồng	1901	Hiển Khánh, Vụ Bản, Nam Định	TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 908/QĐ-CTN ngày 17/12/2002
98	Nguyễn Thị Nghênh	1923	xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 908/QĐ-CTN ngày 17/12/2002
99	Trần Thị Ty	1930	Ký Phú, Đại Từ, Thái Nguyên	Ký Phú, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 908/QĐ-CTN ngày 17/12/2002
100	Đào Thị Lự	1928	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 908/QĐ-CTN ngày 17/12/2002
101	Dương Thị Nha	1900	Đồng Ý, Bắc Sơn, Lạng Sơn	La Bằng, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 714/QĐ-CTN ngày 19/4/2017
102	Lương Thị Gái	1905	Cẩm Phả, Hải Dương	TT Quân Chu, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 822/QĐ-CTN ngày 25/7/2022

103	Bùi Thị Nhậm	1901	Tiên Phong, Duy Tiên, Hà Nam	Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 1480/QĐ-CTN ngày 26/7/2017
104	Phạm Thị Cún	1925	xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 822/QĐ-CTN ngày 25/7/2022
105	Trần Thị Tre	1902	Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam	Lục Ba, Đại Từ, Thái Nguyên	Tại QĐ 822/QĐ-CTN ngày 25/7/2022
106	Bùi Thị Hoạt	1928	xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tại QĐ 212/QĐ-CTN ngày 11/3/2024

CÁC ĐỒNG CHÍ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Xã/Thị trấn</i>
1	La Văn Chung	1909	Xã Phục Linh
2	Đàm Trung Y	1914	Xã Phú Xuyên
3	Hoàng Sớ	1917	Thị trấn Quân Chu
4	Đặng Văn Tú	1917	Xã Bình Thuận
5	Hoàng Công Bình	1920	Xã Phú Thịnh
6	Lý Thanh	1921	Xã Yên Lãng
7	Lương Xuân Cẩm	1922	Xã Bản Ngoại
8	Lâm Trung Lịch	1922	Xã Na Mao
9	Lương Ngư Long	1922	Xã Bản Ngoại
10	Âu Nghệ An	1924	Xã Na Mao
11	Nông Thị Lóc (Long)	1925	Xã Phú Thịnh
12	Nguyễn Văn Hoa	1926	Xã Phú Cường

CÁC ĐỒNG CHÍ CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Xã/ thị trấn</i>
1	Đàm Thế Vy	13/3/1905	Xã Bản Ngoại
2	Triệu Rĩ Tùng	30/5/1904	Xã Bản Ngoại
3	Lý Văn Ty	10/4/1904	Xã Đức Lương
4	Lý Văn Đài	12/10/1920	Xã Đức Lương
5	Tô Viết Huấn	24/3/1905	Xã Tiên Hội
6	Nguyễn Văn Canh	16/3/1905	Xã Tiên Hội
7	Lê Thị Điển	2/4/1911	Xã Tiên Hội
8	Nguyễn Văn Nho	18/3/1905	Xã Bình Thuận
9	Lương Văn Chi	10/4/1905	Xã Phú Xuyên
10	Chư Văn Mão	28/3/1905	Xã Yên Lãng
11	Nông Văn Lịch	27/1/1905	Xã Yên Lãng

12	Hà Văn Tuyết	28/3/1905	Xã Cát Nê
13	Hà Công Hoạch	22/3/1905	Xã Cát Nê
14	Trần Văn Trọng	29/3/1905	Xã Ký Phú
15	Nguyễn Văn Dề	13/3/1905	Xã Ký Phú
16	La Văn Miễn	4/4/1905	Xã Vạn Thọ
17	Trần Văn Hữu	10/3/1905	Xã Lục Ba
18	Trần Văn Tình	13/3/1905	Xã Mỹ Yên
19	Hoành Hành Thiện	25/3/1905	Xã Phú Cường
20	Nguyễn Sơ Vân	6/4/1905	Xã Phú Cường
21	Lôi Chí Cao	14/3/1905	Xã Phú Thịnh
22	Chu Văn Linh	24/3/1905	Xã Hà Thượng
23	Hà Thái Sơn	1914	Xã Cát Nê
24	Ngô Đức Cường	1915	Xã An Khánh
25	Võ Xề	1916	Xã An Khánh
26	Nguyễn Văn Huyền	1921	Xã Mỹ Yên
27	Hồ Văn Đát	1928	Xã Hà Thượng
28	Chu Thị Pói	1927	Xã La Bằng
29	Nông Thị Lâm	1923	Xã Phú Xuyên
30	Nguyễn Văn Càn	1922	Xã Văn Yên
31	Hoàng Sỹ Ngọc	1913	Xã Hoàng Nông
32	Mạc Bình	1924	Xã Yên Lãng
33	Triệu Văn Tròn	1923	Xã Yên Lãng
34	Trần Thị Ninh	1928	Xã Bản Ngoại
35	Nguyễn Văn Báu	1923	Xã Bản Ngoại
36	Trần Đức Cam	1923	Xã Cát Nê
37	Lưu Tiến Long	1922	Xã Na Mao
38	Nông Văn Sáng	1927	Xã Phú Thịnh
39	Vũ Như Quý	1927	TT Quân Chu

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ (1962 - 1996)

Stt	Họ và tên	Ghi chú
Khóa VI (1962 - 1963)		
1	Chu Bích Văn	
2	Triệu Quang Sơn	Bổ sung thay đồng chí Chu Bích Văn
3	Trần Văn Thục	
4	Phạm Khánh Vân	
5	Đỗ Khắc Tới	
6	Dương Đức Thành	
7	Lý Thanh	
8	Trương Văn Thiết	
Khóa VII (1963 - 1965)		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Lý Thanh	
3	Trần Văn Thục	
4	Dương Đức Thành	
5	Đỗ Khắc Tới	
6	Hoàng Đức Cân	
7	Lưu Kim Thản	
Khóa VIII (1965 - 1967)		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Hoàng Đức Cân	
3	Dương Đức Thành	
4	Đỗ Khắc Tới	
5	Nguyễn Văn Hoa	
6	Phạm Đình Kiếm	
7	Nguyễn Phi Đường	
Khóa IX (1967 - 1969)		
1	Phạm Khánh Vân	

2	Đàm Trung Y	
3	Đỗ Khắc Tới	
4	Hoàng Đức Cân	
5	Tạ Mậu Sinh	
6	Phạm Đình Kiểm	
7	Chu Sỹ Lương	
8	Nguyễn Văn Hoa	
9	Trình Quốc Thái	
Khóa X (1969 - 1971)		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Đàm Trung Y	
3	Hoàng Đức Cân	
4	Tạ Mậu Sinh	
5	Nguyễn Văn Hoa	
6	Phạm Đình Kiểm	
7	Nguyễn Phi Đường	
8	Lê Đức Tần	
9	Chu Sỹ Lương	
Khóa XI (1971 - 1974)		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Phạm Đình Kiểm	
3	Chu Sỹ Lương	
4	Lê Đức Tần	
5	Nguyễn Văn Hoa	
6	Dương Đức Nguyên	
7	Nguyễn Văn Nhàn	
Khóa XII (1974 - 1977)		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Chu Sỹ Lương	
3	Lê Đức Tần	

4	Nguyễn Văn Nhàn	
5	Nguyễn Văn Hoa	
6	Phạm Đình Kiềm	
7	Dương Đức Nguyệt	
8	Triệu Văn Vụ	
9	Nguyễn Công Nhân	
Khóa XIII (1977 - 1980)		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Vũ Trọng	
3	Triệu Văn Vụ	
4	Ngô Đức Hùng	
5	Chu Văn Nhàn	
6	Nguyễn Văn Cương	
7	Lâm Trung Phương	
Khóa XIV (1980 - 1982)		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Vũ Trọng	
3	Lâm Trung Phương	
4	Nguyễn Duy Oánh	
5	Phạm Dĩ	
6	Lục Văn Đắc	
7	Hoàng Nhã	
8	Chu Văn Nhàn	
9	Lê Thị Luân	
Khóa XV (1983 - 1985)		
1	Chu Văn Cường	
2	Nguyễn Văn Quyết	
3	Chu Văn Nhàn	
4	Nguyễn Văn Chất	
5	Nguyễn Xuân Thủy	

6	Lục Văn Đắc	
7	Hoàng Nhã	
8	Lý Công Khoa	
9	Phạm Dỹ	
Khóa XVI (1986 - 1989)		
1	Chu Văn Cường	
2	Chu Văn Nhẫn	
3	Nguyễn Văn Chất	
4	Nguyễn Xuân Thủy	
5	Phạm Dỹ	
6	Chu Hồng Việt	
7	Nguyễn Mạnh Hùng	
8	Hà Đức Toàn	
9	Lâm Xuân Hương	
10	Hà Đức Mưu	
Khóa XVII (1989 - 1992)		
1	Chu Văn Cường	
2	Chu Văn Nhẫn	
3	Nguyễn Văn Chất	
4	Chu Hồng Việt	
5	Nguyễn Mạnh Hùng	
6	Lâm Xuân Hương	
7	Nguyễn Xuân Ninh	
8	Hà Đức Mưu	
9	Hoàng Ngọc Sơn	
Khóa XVIII (1992 - 1996)		
1	Chu Văn Nhẫn	
2	Nguyễn Văn Chất	
3	Chu Hồng Việt	
4	Nguyễn Xuân Ninh	

5	Lâm Xuân Hương	
6	Ngô Thế Nghinh	
7	Hà Đức Mưu	
8	Hoàng Ngọc Sơn	
9	Nguyễn Anh Từ	
10	Nguyễn Văn Tiến	
11	Hà Kim Ân	

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ (1996 - 2015)

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ghi chú</i>
Khóa XIX (1996 - 2000)			
1	Chu Văn Nhân	Bí thư	
2	Nguyễn Văn Chất	Bí thư	Tháng 08/1999, đồng chí Chu Văn Nhân chuyển về tỉnh, đồng chí Nguyễn Văn Chất - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thay giữ chức Bí thư
3	Hoàng Văn Sinh	Bí thư	Tháng 08/2000, đồng chí Nguyễn Văn Chất chuyển về tỉnh, đồng chí Hoàng Văn Sinh được điều về giữ chức Bí thư
4	Chu Hồng Việt	Phó Bí thư	
5	Nguyễn Xuân Ninh	UVBTV	
6	Ngô Thế Nghinh	UVBTV	
7	Nguyễn Văn Tiến	UVBTV	
8	Nguyễn Anh Từ	UVBTV	
9	Hà Kim Ân	UVBTV	
10	Nguyễn Văn Hưng	UVBTV	
11	Hà Đức Mưu	UVBTV	

12	Dương Trung Việt	UVBTV	
13	Triệu Minh Thái	UVBTV	Tháng 12/1999, đồng chí Chu Hồng Việt chuyển công tác, đồng chí Triệu Minh Thái được bổ sung vào BTV và làm Thường trực Đảng
Khóa XX (2000 - 2005)			
1	Hoàng Văn Sinh	Bí thư	
2	Triệu Minh Thái	Q.Bí thư	Đầu năm 2003, đồng chí Hoàng Văn Sinh chuyển công tác, đồng chí Triệu Minh Thái - Phó Bí thư Thường trực được giao quyền Bí thư
3	Đặng Văn Ngự	Bí thư	Tháng 8/2003, tỉnh chỉ định đồng chí Đặng Văn Ngự về giữ chức Bí thư
4	Đoàn Khắc Hòa	Q.Bí thư	Khi đồng chí Thái được giao quyền Bí thư, tỉnh điều đồng chí Đoàn Khắc Hòa về làm Phó Bí thư Thường trực. Tháng 9/2005, đồng chí Đoàn Khắc Hòa được giao quyền Bí thư thay đồng chí Ngự
5	Nguyễn Văn Tiến	Phó Bí thư	
6	Trương Thị Huệ	UVBTV	
7	Dương Trung Việt	UVBTV	
8	Nguyễn Xuân Ninh	UVBTV	
9	Ngô Thế Nghinh	UVBTV	
10	Nguyễn Anh Từ	UVBTV	
11	Nguyễn Văn Hưng	UVBTV	
12	Dương Minh Tuấn	UVBTV	
13	Phan Văn Tường	UVBTV	
14	Vũ Tuấn Hùng	UVBTV	Tháng 10/2002, đồng chí Vũ

			Tuấn Hùng được tỉnh điều về làm Chỉ huy trưởng BCHQS huyện và được bổ sung vào BTV thay đồng chí Phan Văn Tường
Khóa XXI (2005 - 2010)			
1	Đoàn Khắc Hòa	Bí thư	
2	Trương Thị Huệ	Bí thư	Tháng 7/2008, đồng chí Đoàn Khắc Hòa chuyển công tác, đồng chí Huệ - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thay giữ chức Bí thư
3	Nguyễn Hải Đường	Phó Bí thư	Là Phó Bí thư Thường trực, đến cuối năm 2008 được bầu làm Chủ tịch UBND huyện
4	Nguyễn Văn Mậu	Phó Bí thư	Đầu năm 2009, đồng chí Mậu - UV BTV được bầu giữ chức Phó Bí thư và phân công làm Phó Bí thư Thường trực
5	Dương Trung Việt	UVBTV	
6	Ngô Thế Nghinh	UVBTV	
7	Nguyễn Xuân Ninh	UVBTV	
8	Hà Thị Phượng	UVBTV	
9	Triệu Hạnh Kiểm	UVBTV	
10	Ngô Tuấn Hải	UVBTV	
11	Trương Mạnh Kiểm	UVBTV	
12	Phạm Duy Hùng	UVBTV	Tháng 8/2009, đồng chí Phạm Duy Hùng được bầu bổ sung vào BTV thay đồng chí Dương Trung Việt
Khóa XXII (2010 - 2015)			
1	Trương Thị Huệ	Bí thư	
2	Nguyễn Văn Nhâm	Bí thư	Tháng 8/2011, đồng chí Trương Thị Huệ được điều

			đồng về tỉnh, đồng chí Nguyễn Văn Nhâm được Tỉnh ủy điều về giữ chức Bí thư
3	Nguyễn Văn Mậu	Phó Bí thư	
4	Nguyễn Hải Đường	Phó Bí thư	
5	Phạm Duy Hùng	Phó Bí thư	Tháng 7/2013, đồng chí Nguyễn Văn Mậu chuyển công tác, đồng chí Phạm Duy Hùng được bầu giữ chức Phó Bí thư và phân công làm Phó Bí thư Thường trực
6	Trương Mạnh Kiểm	UVBTV	
7	Ngô Tuấn Hải	UVBTV	
8	Dương Ngọc Khánh	UVBTV	
9	Nguyễn Thị Thúy	UVBTV	
10	Nguyễn Thị Nguyên	UVBTV	
11	Ngô Ngọc Sơn	UVBTV	
12	Dương Thị Bấy	UVBTV	
13	Cao Việt Hùng	UVBTV	
14	Bùi Văn Minh	UVBTV	
15	Nguyễn Mạnh Hà	UVBTV	Tháng 9/2013, đồng chí Nguyễn Mạnh Hà được bổ sung vào BTV thay đồng chí Nguyễn Thị Thúy chuyển công tác
Khóa XXIII (2015 - 2020)			
1	Nguyễn Văn Nhâm	Bí thư	
2	Lê Kim Phúc	Bí thư	Tháng 10/2015, đồng chí Nguyễn Văn Nhâm chuyển công tác, đồng chí Lê Kim Phúc được tỉnh điều động giữ chức Bí thư
3	Phạm Duy Hùng	Phó Bí thư	Từ tháng 8/2015 đến tháng 9/2019 Phó Bí thư, Chủ tịch

			UBND huyện
		Bí thư	Tháng 8/2020, được tỉnh điều động giữ chức Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2015-2020.
4	Phạm Quang Anh	Phó Bí thư	đồng chí Phạm Quang Anh được tỉnh điều động giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện từ 10/2019
5	Nguyễn Hải Đường	Phó Bí thư	Phó Bí Thư đến tháng 9/2018
6	Nguyễn Xuân Quang	Phó Bí thư	Tháng 10/2018, đồng chí Nguyễn Hải Đường nghỉ hưu, Tỉnh ủy điều đồng chí Nguyễn Xuân Quang về thay
7	Nguyễn Mạnh Hoạt	UVBTV	Phó Chủ tịch UBND huyện
8	Trương Mạnh Kiểm	UVBTV	Phó Chủ tịch HĐND huyện
9	Cao Việt Hùng	UVBTV	Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy
10	Nguyễn Mạnh Hà	UVBTV	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
11	Ngô Ngọc Sơn	UVBTV	Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy
12	Hoàng Thị Bạch Yến	UVBTV	Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban MTTQ huyện
13	Lê Thanh Sơn	UVBTV	Phó Chủ tịch TT UBND huyện
14	Nguyễn Văn Giáp	UVBTV	Trưởng Công an huyện
15	Dương Ngọc Khánh	UVBTV	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện
16	Ngô Thế Bình	UVBTV	Chánh Văn phòng Huyện ủy
17	Vũ Văn Thục	UVBTV	Bầu bổ sung thay đồng chí Dương Ngọc Khánh
18	Trần Minh Cường	UVBTV	Được bầu bổ sung thay đồng chí Nguyễn Văn Giáp

19	Nguyễn Thị Loan	UVBTV	Bí thư Đảng ủy xã Yên Lãng (Được bầu bổ sung)
20	Nguyễn Hữu Quyết	UVBTV	Bí thư Đảng ủy thị trấn Hùng Sơn (được bầu bổ sung)
Khóa XXIV (2020 - 2025)			
1	Phạm Duy Hùng	Bí thư	Bí thư Huyện ủy (8/2020 - 9/2024) Từ tháng 10/2024 Bí thư Thành ủy Sông Công
2	Nguyễn Thành Minh	Bí thư	Bí thư Huyện ủy từ tháng 10/2024 - nay (cán bộ tỉnh luân chuyển về)
3	Nguyễn Xuân Quang	Phó Bí thư	Chuyển về giữ chức Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy từ tháng 4/2022
4	Nguyễn Mạnh Hoạt	Phó Bí thư	Phó Bí thư Thường trực từ tháng 6/2022
5	Phạm Quang Anh	Phó Bí thư	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đến tháng 9/2023
6	Nguyễn Nam Tiến	Phó Bí thư	Từ tháng 2/2024 đến nay
7	Ngô Thế Bình	UVBTV	Phó Chủ tịch HĐND huyện
8	Lê Thanh Sơn	UVBTV	Phó Chủ tịch TT UBND huyện (chuyển công tác tháng 11/2021)
9	Đỗ Văn Nguyên	UVBTV	Phó Chủ tịch TT UBND huyện từ ngày 01/7/2024 (Cán bộ tỉnh luân chuyển về)
10	Hoàng Thị Bạch Yến	UVBTV	Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban MTTQ huyện
11	Cao Việt Hùng	UVBTV	Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy
12	Nguyễn Văn Cừ	UVBTV	Chánh Văn phòng Huyện ủy; từ ngày 01/01/2023 là

			Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy
13	Nguyễn Thị Loan	UVBTV	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
14	Trần Minh Cường	UVBTV	Trưởng Công an huyện
15	Vũ Văn Thực	UVBTV	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện
16	Nguyễn Hữu Quyết	UVBTV	Từ tháng 9/2021 đến tháng 3/2024 là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND thị trấn Hùng Sơn; từ tháng 11.2024 được Ban Thường vụ Huyện ủy phân công giữ chức Trưởng Ban Dân vận; từ tháng 2/2025 là Trưởng Ban Tuyên giáo - Dân vận Huyện ủy
17	Trần Đăng Minh	UVBTV	Phó Chủ tịch UBND huyện Đại Từ (bổ sung BTV tháng 10/2024); từ tháng 12/2024 đến nay Bí thư Đảng ủy thị trấn Hùng Sơn

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI
TỪ KHÓA XXIV (NHIỆM KỲ 2020 - 2025)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Thành Minh	Chỉ định bổ sung
2	Phạm Duy Hùng	
3	Nguyễn Mạnh Hoạt	
4	Nguyễn Xuân Quang	
5	Phạm Quang Anh	
6	Nguyễn Nam Tiến	
7	Ngô Thế Bình	
8	Hoàng Thị Bạch Yến	
9	Cao Việt Hùng	
10	Nguyễn Văn Cừ	
11	Nguyễn Thị Loan	
12	Nguyễn Hữu Quyết	
13	Lê Thanh Sơn	
14	Đỗ Văn Nguyên	Chỉ định bổ sung
15	Trần Đăng Minh	
16	Trần Minh Cường	
17	Vũ Văn Thực	
18	Nguyễn Thanh Tùng	
19	Nguyễn Văn Thắng	
20	Trương Thị Kim Thanh	
21	Trịnh Quốc Việt	
22	Dương Thị Thanh Luyến	
23	Bùi Thị Thu Hiền	
24	Trần Văn Mỹ	
25	Dương Văn Tuyên	Chỉ định bổ sung
26	Chu Tất Lợi	
27	Đặng Cương Quyết	

28	Hà Thanh Sơn	
29	Nguyễn Đình Sáng	
30	Nguyễn Thị Ngọc Hân	
31	Hoàng Văn Thành	
32	Nguyễn Tiến Dũng	
33	Ngô Thị Bích Hạnh	
34	Triệu Hồ Quang	
35	Nguyễn Ngọc Hưng	
36	Nguyễn Văn Bình	
37	Vương Lâm	
38	Nguyễn Trung Kiên	
39	Nguyễn Văn Hưng	Chỉ định bổ sung
40	Đặng Thanh Tùng	Chỉ định bổ sung
41	Lưu Thanh Tuấn	Chỉ định bổ sung
42	Hoàng Văn Kiên	
43	Vũ Thị Bích Hương	
44	Phạm Thanh Tùng	
45	Nguyễn Quang Hải	
46	Nguyễn Văn Hồng	
47	Nguyễn Ngọc Thép	
48	Trần Đức Quý	Chỉ định bổ sung
49	Đặng Lê Ninh	Chỉ định bổ sung

**CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ
(1946 - 2025)¹**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Đàm Văn Ứng	1946 - 9/1947	
2	Ngọc Lan	10/1947 - 11/1947	
3	Nguyễn Trung Thành	12/1947 - 1950	
4	Nguyễn Bá Cương	1950 - 1951	
5	Lê Văn Mỹ	1951 - 5/1952	
6	Hoàng Tiến		
7	Phan Quế		Quyền Bí thư
8	Nguyễn Hữu Uẩn	6/1952 - 1953	
9	Trần Văn Thục	1953 -	
10	Nguyễn Việt Hưng -	
11	Chu Bích Văn - 1962	
12	Triệu Quang Sơn	1963	Quyền Bí thư
13	Phạm Khánh Vân	1963 - 1981	
14	Vũ Trọng	1981 - 1983	
15	Lâm Trung Phương		Quyền Bí thư
16	Chu Văn Cường	1983 - 1992	
17	Chu Văn Nhần	1992 - 8/1999	
18	Nguyễn Văn Chất	8/1999 - 8/2000	
19	Hoàng Văn Sinh	8/2000 - 2003	
20	Triệu Minh Thái	2003	Quyền Bí thư
21	Đặng Văn Ngự	8/2003 - 9/2005	

¹ Trong thời gian từ năm 1953 - 1963, do tư liệu khó khăn, chưa sưu tầm được đầy đủ thông tin giữ chức Bí thư Huyện ủy Đại Từ của đồng chí Trần Văn Thục, Nguyễn Việt Hưng, Chu Bích Văn, Triệu Quang Sơn nên danh sách còn để trống sẽ tiếp tục sưu tầm, hoàn thiện hơn trong lần tái bản tiếp theo. Trong lần phát hành này, Ban Chỉ đạo chỉ đề cập các đồng chí Bí thư Huyện ủy từ năm 1946 - 1952 và từ năm 1963 đến nay.

22	Đoàn Khắc Hòa	9/2005 - 7/2008	
23	Trương Thị Huệ	8/2008 - 8/2011	
24	Nguyễn Văn Nhâm	9/2011 - 10/2015	
25	Lê Kim Phúc	10/2015 - 7/2020	
26	Phạm Duy Hùng	8/2020 - 9/2024	
27	Nguyễn Thành Minh	10/2024 - nay	

**DANH SÁCH PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC HUYỆN ỦY
ĐẠI TỪ QUA CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Chu Hồng Việt	1989 - 1994	
2	Triệu Minh Thái	2000 - 2003	
3	Đoàn Khắc Hòa	2003 - 9/2005	
4	Nguyễn Hải Đường	2005 - 2009	
		2015 - 10/2018	
5	Nguyễn Văn Mậu	2009 - 7/2013	
6	Phạm Duy Hùng	7/2013 - 2015	
7	Nguyễn Xuân Quang	10/2018 - 3/2022	
8	Nguyễn Mạnh Hoạt	6/2022 - nay	

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ (1989 - 2025)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Chu Hồng Việt	12/1989 - 12/1994	
2	Chu Văn Nhẫn	1/1995 - 8/1999	
3	Triệu Minh Thái	9/1999 - 4/2004	
4	Đoàn Khắc Hòa	5/2004 - 6/2008	
5	Trương Thị Huệ	7/2008 - 6/2011	
6	Nguyễn Văn Mậu	7/ 2011 - 7/2013	
7	Phạm Duy Hùng	8/2013 - 8/2015	
9	Lê Kim Phúc	6/2016 - 11/2019	
8	Nguyễn Mạnh Hoạt	10/2024 - nay	

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ (1945 - 2025)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Trung Thành		
2	Nguyễn Việt Hưng		
3	Hà Thái Sơn		
4	Nguyễn Văn Lịch		
5	Chu Bích Văn		
6	Lý Thanh		
7	Đàm Trung Y		
8	Chu Sỹ Lương		
9	Lâm Trung Phương		Quyền Chủ tịch
10	Chu Văn Cường		
11	Chu Văn Nhần	1986 - 1992	
12	Nguyễn Văn Chất	1992 - 1999	
13	Nguyễn Văn Tiến	1999 - 2004	
14	Trương Thị Huệ	2005 - 7/2008	
15	Nguyễn Hải Đường	8/2008 - 11/2015	
16	Phạm Duy Hùng	11/2015 - 9/2019	
17	Phạm Quang Anh	10/2019 - 9/2023	
18	Nguyễn Nam Tiến	10/2023 - 1/2024	Quyền Chủ tịch
		2/2024 - nay	Chủ tịch

DANH SÁCH LÃNH ĐẠO UBND HUYỆN ĐẠI TỪ
(Giai đoạn 2015 - 2025)

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian giữ chức vụ (Từ tháng/năm đến..)</i>	<i>Chức vụ</i>
1	Phạm Duy Hùng	11/2015 - 9/2019	Chủ tịch UBND
2	Phạm Quang Anh	1/10/2019 - 9/2023	Chủ tịch UBND
3	Nguyễn Nam Tiến	2/2020 - 9/2024	Phó Chủ tịch UBND
		10/2023 - 1/2024	Quyền Chủ tịch UBND
		2/2024 - nay	Chủ tịch UBND
4	Nguyễn Mạnh Hoạt	11/2013 - 4/2020	Phó Chủ tịch UBND
5	Lưu Văn Toán	10/2015 - 7/2018	Phó Chủ tịch UBND
6	Lê Thanh Sơn	10/2015 - 11/2021	Phó Chủ tịch UBND
7	Đỗ Xuân Hòa	7/2018 - 9/2019	Phó Chủ tịch UBND
8	Trần Đăng Minh	11/2020 - 12/2024	Phó Chủ tịch UBND
9	Dương Văn Tuyên	4/2023 - nay	Phó Chủ tịch UBND
10	Đỗ Văn Nguyên	4/2024 - nay	Phó Chủ tịch UBND

**DANH SÁCH THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ (Giai đoạn 2016 - 2026)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian giữ chức vụ (Từ tháng/năm đến..)</i>	<i>Chức vụ</i>
1	Lê Kim Phúc	6/2016 - 11/2019	Chủ tịch HĐND
2	Ngô Thế Bình	12/2019 - 6/2021	Phụ trách
3	Phạm Duy Hùng	7/2021 - 9/2024	Chủ tịch HĐND
4	Nguyễn Mạnh Hoạt	10/2024 - nay	Chủ tịch HĐND
5	Trương Mạnh Kiểm	6/2016 - 11/2019	Phó Chủ tịch HĐND
6	Ngô Thế Bình	12/2019 - nay	Phó Chủ tịch HĐND

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. *Bác Hồ với Thái Nguyên Thái Nguyên với Bác Hồ*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội. 2007.

2. Lê Mậu Hãn (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam (tập 2, tập 3)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2012.

2. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí (tập 1)*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960.

3. *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1981.

4. *Đồng Khánh địa dư chí (tập 1)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003.

5. Viện Sử học, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945 - 1975)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.

6. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Địa chí Thái Nguyên*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009

8. Sở Văn hóa, Thông tin - Viện Sử học, *Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú*, 2002.

9. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (tập 1, tập 2)*, Nxb. Quân đội nhân dân, 1994.

10. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam,

55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.

11. Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên các năm.

12. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995 - 1996.

13. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

14. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

15. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập I (1936 - 1965)*, 2021.

16. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập II (1965 - 2000)*, 2021.

17. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập III (2001 - 2020)*, 2021.

18. Ngô Vi Liễu, *Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ*, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

19. Các chỉ thị, nghị quyết của Huyện ủy Đại Từ

20. Các báo cáo hằng năm của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ.

21. Sở Văn hóa, Thông tin - Viện Sử học Việt Nam, *Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại*, 1997.

22. Nguyễn Duy Tiến, *Quá trình thực hiện quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân ở Thái Nguyên (1945 -*

1957), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

23. *Lịch sử phát triển ngành nông nghiệp và nông thôn tỉnh Thái Nguyên*, Thái Nguyên, 2011.

24. *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, tập I (1930 - 1954)*, 1991.

25. *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, tập II (1955 - 1995)*, 2000.

26. *Lịch sử Đảng bộ các xã, thị trấn thuộc huyện Đại Từ (xuất bản từ năm 2000 đến năm 2024)*

Một số tài liệu tham khảo khác:

- Các văn kiện, hồ sơ, tư liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử, Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên và tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Các văn kiện, nghị quyết, tư liệu lịch sử của Đảng bộ và chính quyền huyện Đại Từ qua các thời kỳ.

- Hồi ký của các đồng chí lão thành cách mạng.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	9
MỞ ĐẦU: ĐẠI TỪ - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG.....	13
I. Điều kiện tự nhiên và địa danh, địa giới qua các thời kỳ lịch sử.....	13
II. Con người và truyền thống.....	24
CHƯƠNG I: SỰ RA ĐỜI CƠ SỞ ĐẢNG ĐẦU TIÊN VÀ QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN Ở ĐẠI TỪ (1936 - 1945).....	47
I. Cơ sở Đảng đầu tiên ra đời và phong trào cách mạng Đại Từ (1936 - 1939).....	47
II. Quá trình vận động cách mạng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền ở Đại Từ (1939 - 1945).....	56
CHƯƠNG II: ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO BẢO VỆ, Củng cố chính quyền cách mạng, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954).....	93
I. Bảo vệ, củng cố chính quyền cách mạng; chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1947).....	93
II. Trực tiếp chiến đấu, bảo vệ An toàn khu (ATK) Trung ương (1947 - 1950).....	114
III. Đẩy mạnh xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (1951 - 1954).....	151

CHƯƠNG III: ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN, CẢI TẠO KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT, CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (1954 - 1975).....185

I. Khôi phục, phát triển và cải tạo kinh tế - xã hội; thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1954 - 1965)..... 185

II. Thực hiện nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tích cực chi viện chiến trường miền Nam (1965 - 1975).....217

CHƯƠNG IV: ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 - 1986).....266

I. Phát triển kinh tế - xã hội, chi viện các tỉnh biên giới chiến đấu bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1980).....267

II. Phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh (1981 - 1986)..... 286

CHƯƠNG V: ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1986 - 2005).....299

I. Bước đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1995)299

II. Tiếp tục công cuộc đổi mới toàn diện, bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2000).....325

III. Khơi dậy truyền thống quê hương cách mạng, tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển toàn diện kinh tế, xã hội (2000 - 2005).....356

Chương VI: ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO PHÁT HUY SỨC MẠNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2005 - 2025).....383

I. Thu hút nguồn lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh xây dựng huyện Đại Từ theo hướng phát triển nhanh và bền vững (2005 - 2010).....383

II. Đổi mới mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, tạo nền móng cho xây dựng nông thôn mới (2010 - 2015).....427

III. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện; huy động các nguồn lực phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng huyện nông thôn mới (2015 - 2020).....467

IV. Tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, đổi mới, sáng tạo; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; xây dựng huyện nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao (2020 - 2025).....507

KẾT LUẬN.....561

PHỤ LỤC.....569

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....601

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ (1936 - 2025)

NHÀ XUẤT TRI THỨC

Lô D20, Ngõ 19 Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội;

Điện thoại: (024) 6687 8415

Email: lienhe@nxbtrithuc.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Bùi Thị Thu Hằng**

Biên tập: **Phan Thị Thanh Nhân**

Trình bày: **Bùi Văn Đạt**

Vẽ bìa: **Nguyễn Hữu Chính**

Liên kết xuất bản

	<p>VIỆN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA VIỆT Trụ sở: 188E phố Yên Bình - phường Phúc La - quận Hà Đông - thành phố Hà Nội VP số 1: Tháp A, số 197, đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội VP số 2: Số 24 đường Phạm Tu, P. Vĩnh Hải, Tp. Nha Trang, T. Khánh Hòa Website: vihc.vn; Email: vienghiencuulsvh@gmail.com; ĐT: 0967.858366 - 024.62974455</p>	
---	---	--

In 100 cuốn, khổ 16x24cm tại Công ty TNHH phát triển Minh Đạt

Địa chỉ: Số 4 ngách 41/9 ngõ 41 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 2150-2025/CXBIPH/6-64/TrT

Số Quyết định: 412/QĐLK-NXBTrT. Mã ISBN: 978-632-621-271-6

In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.